

20 NEW YORK TIMES BESTSELLER

THÀNH PHỐ HỒN RỒNG

Tập II của *The Girl on the Train* của *Freya*



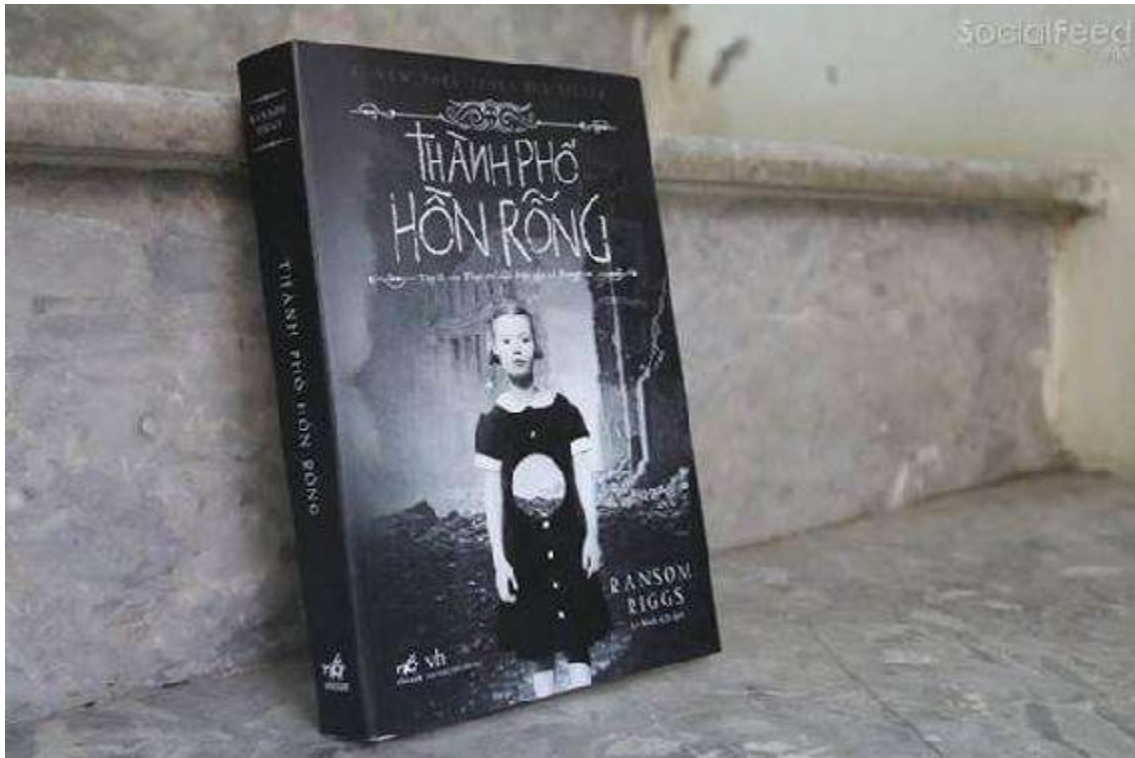
RANSOM
RIGGS

Le Diệc Chi dịch

vh
HÀNG TRADING COMPANY

THÀNH PHỐ HỒN RỒNG

(TẬP 2)



Tác giả: Rasorn Riggs



Dịch giả: Lê Đình Chi



Ebook Fun&Free – Lưu hành nội bộ

<https://www.facebook.com/groups/eff.eff/>



Sách: Tâm Bụi Ánh



Typers

1. Phương Uyên

2. Quỳnh Anh Nguyen Dac

3. Dung Đăng

4. Quế Lam



Beta:

1. Đặng Ngọc

2. Kate Phan

3. Lê Đình

4. Trịnh Hoàng Phương



Làm ebook: Mây



Ebook được thực hiện dựa trên tiểu thuyết **Thành phố hồn rỗng** do **Nhã nam**. phát hành.

CHÚ Ý

Ebook **Thành phố hồn rỗng** được thực hiện **phi thương mại** bởi các thành viên nhóm Ebook Fun&Free vì niềm yêu thích, chỉ trao đổi giữa các thành viên, **lưu hành trong nội bộ nhóm** và **khuyến khích mua sách đã được phát hành**.

Bản quyền truyện thuộc về tác giả và đơn vị phát hành. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân truyền bá, sao chép, chỉnh sửa và upload dưới mọi hình thức. Nếu yêu thích hãy mua sách xuất bản.

Các cá nhân không hài lòng về group EFF và admin EFF vui lòng không đọc ebook này – tránh tự ngược.

Xin cảm ơn!

Giới thiệu

Mồng 3 tháng 9 năm 1940.

Vội vã nói lời tạm biệt hòn đảo từng là chốn náu thân yên ấm, mười đứa trẻ đặc biệt chạy trốn khỏi đám quái vật đang săn lùng mình. Chỉ có một người có thể giúp họ, cô phụ trách Peregrine, nhưng bà lại đang bị mắc kẹt trong hình dạng một con chim. Jacob Portman và bạn bè của cậu bắt đầu cuộc hành trình đầy bất trắc khó lường, hy vọng có thể tìm được người giúp cô phụ trách yêu quý trở lại dạng người. Nhưng nơi mà họ tìm đến, London năm 1940, đã là một thành phố tan hoang dưới tầm bom đạn, và những nguy hiểm chết người ẩn giấu mọi nơi, chưa kể thứ rùng rợn nhất: những xác sống, hồn rỗng. Với từng ấy thử thách, liệu đám trẻ có cứu được cô Peregrine?

Là tập thứ 2 trong series "[Trại trẻ đặc biệt của cô Peregrine](#)", **Thành phố hồn rỗng** tiếp nối một câu chuyện khiến độc giả mê hoặc. Như một nhà ảo thuật dày dặn, **Ransom Rigg** kết hợp văn phong hồi hộp với những bức ảnh minh họa kỳ lạ để củng cố bầu không khí ám ảnh của câu chuyện. Đáng sợ đến mức kinh ngạc nhưng cũng vô cùng cảm động, điểm đáng chỉ trích duy nhất của sách chính là nó buộc những độc giả cứ phải nôn nao khi kết thúc trang cuối - họ không muốn kim lòng chờ đợi cho đến tập tiếp theo.

Mục lục



NHỮNG NGƯỜI ĐẶC BIỆT KHÔNG PHẢI NGƯỜI ĐẶC BIỆT

PHẦN MỘT

Chương 1 Chương 2 Chương 3

Chương 4 Chương 5 Chương 6 Chương 7

PHẦN HAI

Chương 8 Chương 9 Chương 10

Chương 11 Chương 12

Chương 13

Giới thiệu tác giả

RANSOM RIGGS

Là một nhà văn và nhà làm phim, sinh ra ở Maryland và lớn lên ở Florida, Mỹ. Anh học chuyên ngành Văn học Anh tại Cao đẳng Kenyon, và học làm phim tại Đại học Nam California.

Riggs đam mê những bức ảnh hoài cổ, và một ngày nọ anh nảy ra ý định viết một câu chuyện xâu chuỗi những nhân vật, tình tiết trong những bức ảnh này lại. Bộ tiểu thuyết *Miss Peregrine's home for peculiar children* (*Trại trẻ đặc biệt của cô Peregrine*) chính là thành quả của sự lồng ghép sáng tạo ấy, tiểu thuyết đã đem lại thành công và danh tiếng không ngờ, đưa anh trở thành tác giả sách bán chạy nhất của The New York Times.

Phim điện ảnh chuyển thể từ *Trại trẻ đặc biệt của cô Peregrine* ra mắt vào năm 2016.

Trọn bộ *Trại trẻ đặc biệt của cô Peregrine* do Nhã Nam phát hành:

TRẠI TRẺ ĐẶC BIỆT CỦA CÔ PEREGRINE

THÀNH PHỐ HỒN RỒNG

THƯ VIỆN CÁC LINH HỒN

DÀNH TẶNG TAHEREH

*Và kia! Trên con thuyền đi về phía chúng tôi
Một ông lão, tóc bạc phơ thảng năm tuổi tác,
Rên rĩ: “Khốn thay cho các người, những linh hồn sa ngã!
Chẳng bao giờ có hy vọng được nhìn lên thiên đường.
Ta tới dẫn các người sang bờ bên kia;
Vào bóng tối vĩnh hằng; vào lửa và sương giá.
Và người, linh hồn sống đang đứng đằng kia,
Hãy tránh xa khỏi những kẻ đã chết này!”
Nhưng ông ta thấy là tôi không lui bước...
- Hỏa ngục của Dante, khổ III*

NHỮNG NGƯỜI ĐẶC BIỆT

JACOB PORTMAN

Nhân vật chính của chúng ta, có thể nhìn thấy và cảm nhận được sự hiện diện của hồn rỗng

EMMA BLOOM

Cô gái có thể tạo ra lửa từ hai bàn tay, từng có mối liên hệ tình cảm với ông nội của Jacob

ABRAHAM PORTMAN (QUÁ CỐ)

Ông nội của Jacob, bị hồn rỗng sát hại

BRONWYN BRUNTLEY

Cô gái sở hữu sức mạnh phi thường

MILLARD NULLINGS

Cậu bé tàng hình, là học giả trong đám trẻ đặc biệt

OLIVE ABROHOLOS ELEPHANTA

Cô gái bay lơ lửng

HORACE SOMNUSSON

Cậu bé có khả năng thấy trước tương lai và phải chịu sự giày vò của những giấc mơ tiên tri

ENOCH O'CONNOR

Cậu bé có khả năng truyền sự sống cho một đối tượng trong khoảng thời gian ngắn

HUGH APISTON

Cậu bé nuôi ong trong người và có khả năng điều khiển chúng

CLAIRE DENSMORE

Cô bé có cái miệng thứ hai sau gáy; ít tuổi nhất trong số những đứa trẻ đặc biệt của cô Peregrine

FIONA FRAUENFELD

Cô gái trầm mặc, có khả năng khiến cây cối lớn lên

ALMA LEFAY PEREGRINE

Chủ Vòng Thời Gian, có khả năng biến hình, thao túng thời gian; chủ Vòng Thời Gian đặt tại Cairnholm, đã bị bắt trong hình dạng chim

ESMERELDA AVOCET

Một Chủ Vòng Thời Gian; Vòng Thời Gian của bà bị những kẻ biến chất tấn công và bà bị bọn xác sống bắt cóc

KHÔNG PHẢI NGƯỜI ĐẶC BIỆT

FRANKLIN PORTMAN

Bố của Jacob, nhà điều cầm học, muốn trở thành tác giả viết sách về thiên nhiên

MARYANN PORTMAN

Mẹ Jacob, người thừa kế chuỗi nhà thuốc lớn thứ hai Florida

RICKY PICKERING

Một người bạn bình thường của Jacob

BÁC SĨ GOLAN (ĐÃ CHẾT)

Một xác sống đội lốt bác sĩ tâm lý để đánh lừa Jacob và gia đình cậu, về sau bị Jacob giết

RALPH WALDO EMERSON (QUÁ CÓ)

Nhà viết tiểu luận, diễn giả, nhà thơ

PHẦN MỘT

Chương 1

Chúng tôi chèo thuyền qua vịnh, đi ngang qua những con tàu dập dềnh đang đùn gỏi ra từ các mối nối của chúng, qua những đám chim biển lặng lẽ đậu thành hàng trên đỉnh những tàn tích buống bình còn sót lại của các bên tàu đã chìm, ngang qua những ngư dân hạ lưới xuống nhìn chăm chăm như hóa đá khi chúng tôi bơi ngang qua, không dám chắc chúng tôi có thật hay chỉ là ảo ảnh; một cuộc điều hành của những bóng ma trên mặt nước, hay của những kẻ sẽ sớm trở thành hồn ma. Chúng tôi là mười đứa trẻ và một con chim trên ba chiếc thuyền nhỏ tròn trành, quả quyết chèo đi trong im lặng thẳng ra ngoài biển, khu vịnh an toàn duy nhất trong vòng nhiều dặm nhanh chóng lùi xa đằng sau chúng tôi, lờ mờ những vách đá và đầy huyền ảo trong ánh vàng buổi bình minh pha lẫn màu trời xanh. Đích đến của chúng tôi, bờ biển đất liền xứ Wales đầy mong đợi, nằm đâu đó phía trước nhưng chỉ hiện ra mờ mờ, một dải sẫm màu mơ hồ chạy dài theo đường chân trời phía xa.

Chúng tôi chèo qua trước ngọn hải đăng cũ bình thản vươn lên đằng xa, chỉ mới tới qua đây còn là nơi xảy ra bao biến cố kinh hoàng. Chính tại đó, trong khi bom đang nổ rền quanh mình, chúng tôi đã thiếu chút nữa chết đuối, thiếu chút nữa bị những viên đạn xé ra từng mảnh; cũng tại đó tôi đã cầm lấy một khẩu súng, siết cò và giết chết một người, một hành động đến giờ tôi vẫn không hiểu nổi; tại đó chúng tôi đã để mất cô Peregrine rồi giành lại được bà - từ bộ hàm thép của một chiếc tàu ngầm - dù cô Peregrine trở lại với chúng tôi đã bị tổn thương, cần sự giúp đỡ mà chúng tôi thì không biết giúp như thế nào. Lúc này bà đang đậu trên đuôi thuyền của chúng tôi, nhìn về nơi trú ẩn bà tạo dựng nên giờ đang lùi xa dần, khuất dần sau mỗi nhịp chèo.

Cuối cùng, chúng tôi chèo qua đê chắn sóng và ra ngoài biển khơi rộng mênh mông, và mặt nước phẳng lặng như gương của vịnh bị khuấy động bởi những gợn sóng nhỏ bị cắt ra theo hai bên mạn thuyền của chúng tôi.

Tôi nghe thấy một chiếc máy bay đang xuyên qua các đám mây cao tít trên đầu chúng tôi và, dùng tay chèo lại, tôi nghiêng cổ lên, chững lại để hình dung xem đội thuyền bé nhỏ của chúng tôi nhìn từ trên độ cao đó thì như thế nào: tôi đã lựa chọn thế giới này, và mọi thứ tôi có trong nó, và tất cả những sinh mạng đặc biệt, quý giá của chúng tôi chứa gọn trong ba mảnh gỗ mong manh trôi nổi trên con mắt mênh mông không chớp của biển cả.

Xin hãy nhân từ.

Những chiếc thuyền của chúng tôi dễ dàng lướt qua những con sóng, cả ba chiếc cùng sóng hàng ngang nhau, một cơn gió thân thiện đưa chúng tôi về phía bờ. Chúng tôi thay nhau chèo thành ca, lần lượt cầm mái chèo để tránh kiệt sức, mặc dù tôi cảm thấy mạnh mẽ đến mức trong gần một giờ tôi từ chối nhường lại chúng. Tôi đắm mình trong nhịp chèo khua, hai cánh tay tôi vẽ thành từng đường hình e líp dài trong không khí như thể đang kéo về phía mình thứ gì đó từ chối trong chịu tới. Hugh phụ trách mái chèo bên đối diện với tôi, và đằng sau cậu ta, ngồi trên mũi thuyền, là Emma, đôi mắt cô ẩn kín dưới vành của một chiếc mũ rộng vành, đầu cúi xuống một tấm bản đồ được trải ra trên hai đầu gối. Thịnh thoảng cô lại ngẩng lên khỏi bản đồ để quan sát đường chân trời, và chính hình ảnh khuôn mặt cô trong ánh mặt trời đã đem đến cho tôi năng lượng tôi không ngờ mình có.

Tôi cảm thấy mình có thể chèo mãi - cho tới khi Horace hét lớn từ một trong hai chiếc thuyền còn lại hỏi còn bao nhiêu đại dương nữa ngăn cách chúng tôi với đất liền, còn Emma thì nheo mắt nhìn lại phía hòn đảo, rồi cúi xuống bản đồ, những ngón tay xò ra để đo đạc, sau đó nói, ít nhiều ngò vục, “Bảy cây số thì phải?” Nhưng sau đó Millard, cũng ngồi trên thuyền của chúng tôi, thì thào gì đó vào tai Emma, cô cau mày rồi xoay vòng góc tấm bản đồ lại, rồi lại cau mày, và nói, “Ý tớ là tám cây rưỡi.” Khi những từ này rời khỏi miệng cô, tôi cảm thấy mình - và nhìn thấy những người khác - có vẻ ít nhiều nản chí.

Tám cây rưỡi: hành trình mất một giờ đồng hồ trên chiếc phà làm dạ dày lộn ngược đã đưa tôi tới Cairnholm vài tuần trước. Khoảng cách mà một chiếc thuyền máy bất cứ kích cỡ nào cũng có thể dễ dàng vượt qua. Ít hơn một cây rưỡi so với quãng đường các ông bác phì nộn của tôi cứ cách một

tuần lại chạy vào dịp cuối tuần để làm từ thiện, và cũng chỉ nhiều hơn thế một chút so với quãng đường mẹ tôi tự đắc bà có thể thực hiện được trong các lớp tập trên máy chèo thuyền tại phòng gym tưởng tượng của bà. Nhưng phải ba mươi năm nữa chiếc phà chạy qua lại giữa hòn đảo và đất liền mới bắt đầu hoạt động, những chiếc máy tập chèo thuyền thì không hề bị chất nặng hành khách và hành lý, và chúng cũng không đòi hỏi phải liên tục chỉnh hướng chèo chỉ để giữ thuyền đi đúng hướng. Phiền phức hơn thế, quãng đường biển chúng tôi đang vượt qua lại rất bất trắc, một cái bẫy nuốt chừng tàu bè khét tiếng: tám cây rươi trên mặt biển đong đánh, quay quắt, dưới đáy rải rác những xác tàu đắm đã xanh rì cùng xương cốt thủy thủ, và lẫn khuất đâu đó trong bóng tối sâu thẳm là kẻ thù của chúng tôi.

Có những người trong chúng tôi lo sợ như thế, họ cho rằng đám xác sống đang ở ngay gần, đâu đó bên dưới chúng tôi, trong chiếc tàu ngầm Đức đó, chờ đợi. Nếu chưa biết chúng tôi đã chạy trốn khỏi đảo, thì chúng cũng sẽ sớm biết. Chúng không đòi nào đi xa tới mức bắt cóc cô Peregrine để rồi lại bỏ cuộc chỉ sau một lần thử sức thất bại. Những chiếc tàu chiến đang chậm chạp dịch chuyển ngoài xa như những con rết và các máy bay Anh thường trực quan sát trên không khiến cho việc nổi lên bề mặt giữa ban ngày quá nguy hiểm với chiếc tàu ngầm, nhưng khi màn đêm buông xuống, chúng tôi sẽ trở thành con mồi ngon xoi. Chúng sẽ tìm đến chúng tôi, bắt cô Peregrine đi, và nhân chìm những người còn lại. Thế là chúng tôi chèo, hy vọng duy nhất của chúng tôi là tới được đất liền trước khi màn đêm bắt kịp.

Chúng tôi chèo cho tới khi cánh tay đau nhức, vai nổi cục. Chúng tôi chèo cho tới khi cơn gió hây hẩy buổi sáng ngừng thổi và mặt trời gay gắt xối nắng xuống chúng tôi như thể qua một thấu kính phóng đại, và mồ hôi đọng lại ướt sũng quanh cổ áo chúng tôi, và tôi nhận ra đã không ai nghĩ đến chuyện mang theo nước ngọt, còn biện pháp chống nắng vào năm 1940 đồng nghĩa với việc đứng trong bóng râm. Chúng tôi chèo cho tới khi da quanh rìa lòng bàn tay bong tróc, tin chắc mình hoàn toàn không thể chèo thêm nhát nào nữa, nhưng rồi lại chèo, rồi thêm một nhịp, rồi lại thêm một nhịp nữa.

“Các cậu ra hàng xô mồ hôi rồi đây,” Emma nói. “Để tớ chèo cho một lúc không các cậu chảy tan hết bây giờ.”

Giọng nói của cô làm tôi giật mình bừng tỉnh khỏi một cơn đờ đẫn. Tôi gặt đầu đầy biết ơn và để cô ngồi thay vào chỗ chèo thuyền, nhưng hai mươi phút sau tôi đòi lại nó. Tôi không thích những ý nghĩ len lỏi vào đầu mình khi cơ thể tôi nghĩ ngợi: những cảnh tượng tởm bố tôi tỉnh giấc phát hiện ra tôi đã đi khỏi khu phòng trọ của hai bố con tại Cairnholm, thay vào chỗ tôi là lá thư khó hiểu của Emma; rồi cơn hoảng loạn sẽ diễn ra kế tiếp. Hồi ức về những điều kinh hoàng tôi phải chứng kiến gần đây thoáng lóe lên; một con quái vật kéo tôi vào bộ hàm của nó; kẻ từng là bác sĩ tâm lý của tôi rơi xuống chết; một người đàn ông bị vùi trong một cái quan tài đầy nước đá, bị lôi từ thế giới bên kia trở lại trong thoáng chốc để lao phào vào tai tôi với cái cổ họng chỉ còn một nửa vẹn. Vậy là tôi chèo bắt chấp sức lực cạn kiệt cùng cái cột sống có vẻ sẽ chẳng bao giờ thẳng lại được, cũng như hai bàn tay trầy xước vì ma sát, và cố không nghĩ tới bất cứ điều gì, những chiếc mái chèo nặng trĩu đó vừa như một bản án chung thân vừa như một cái phao cứu sinh.

Bronwyn, dường như không biết mệt mỏi, một mình chèo cả một chiếc thuyền. Olive ngồi đối diện nhưng chẳng giúp được gì; cô gái nhỏ không thể kéo mái chèo đi mà không nhắc bóng mình lên không trung, để rồi một cơn gió nhẹ cũng có thể làm cô bay vụt đi mất như một cái diều. Vậy là Olive hò hét cổ vũ trong khi Bronwyn gánh phần việc của hai người - hay ba hoặc bốn, nếu bạn tính đến những chiếc va li và hộp chất đầy chiếc thuyền của họ, bên trong nhét đầy quần áo, thức ăn, bản đồ, sách và rất nhiều thứ ít thực tế hơn, như vài chiếc lọ đựng tim bò sát ngâm dấm trong cái túi vải len thô của Enoch; hay tay nắm cửa trước bị bung ra từ ngôi nhà của cô Peregrine, một kỷ vật Hugh tìm thấy trên bãi cỏ lúc chúng tôi đi ra thuyền và quyết định cậu ta không thể sống thiếu nó; hay cái gói công kênh Horace đã cứu khỏi ngôi nhà đang cháy - đó là cái gói may mắn của cậu ta, anh chàng nói vậy, và là thứ duy nhất ngăn chặn được những cơn ác mộng làm cậu ta sợ đến đờ người.

Những món đồ khác quý giá tới mức dám trẻ giữ khư khư bên mình thậm chí cả khi chèo thuyền. Fiona kẹp giữa hai đầu gối một chậu đất có cả giun lầy trong vườn. Millard đã bôi lên mặt một nắm bột gạch bị bom nghiền nát vụn, việc này lạ lùng cứ như thể một nghi thức để tang. Những thứ họ giữ lại khư khư ấy có vẻ lạ lùng, nhưng một phần trong tôi lại cảm

thấy đồng cảm: đó là tất cả những gì họ còn lại từ mái ấm của họ. Những đứa trẻ biết nó đã mất không có nghĩa là họ biết từ giã nó thế nào.

Sau ba giờ chèo thuyền như những nô lệ khổ sai, khoảng cách đã làm hòn đảo co nhỏ lại còn cỡ một bàn tay xò ra. Trông nó chẳng còn gì tương đồng với cái pháo đài bao quanh toàn vách đá cheo leo bao trùm gờ mà tôi trông thấy lần đầu tiên vài tuần trước; giờ đây, trông hòn đảo có vẻ mong manh, một phiến đá đang đứng trước nguy cơ bị những con sóng cuốn phăng đi.

“Nhìn xem!” Enoch đang ngồi thuyền bên cạnh chúng tôi chọt hét lên, đứng bật dậy. “Nó đang biến mất!” Một màn sương mù ma quái bao trùm lấy hòn đảo, che khuất nó khỏi tầm mắt, chúng tôi bèn ngừng chèo dõi theo nó mờ dần.

“Hãy nói lời tạm biệt hòn đảo của chúng ta,” Emma nói, cô đứng lên và bỏ mũ ra. “Có thể chúng ta sẽ không bao giờ thấy lại nó nữa.”

“Vĩnh biệt, Đảo,” Hugh nói. “Bạn đã thật tốt với chúng tôi.”

Horace đặt mái chèo của cậu ta xuống và vẫy tay. “Tạm biệt, Nhà. Tớ sẽ nhớ tất cả các căn phòng cũng như khu vườn của cậu, nhưng chủ yếu là nhớ cái giường của tớ.”

“Tạm biệt, Vòng,” Olive sụt sịt. “Cảm ơn bạn đã che chở bọn mình an toàn suốt những năm qua.”

“Những năm tuyệt vời,” Bronwyn nói. “Những năm tuyệt nhất từ từng biết.”

Cả tôi cũng thà tạm biệt với nơi đã thay đổi tôi mãi mãi - và cũng là nơi, còn hơn bất cứ nắm mồ nào, sẽ mãi lưu giữ ký ức cũng như bí ẩn về ông tôi. Ông và hòn đảo đó đã trở nên gắn bó đến độ không thể tách rời, và giờ đây, khi cả hai đều đã biến mất, tôi tự hỏi liệu có bao giờ thực sự hiểu được những gì đã xảy đến với mình không: tôi đã trở thành cái gì, đang trở thành cái gì. Tôi đã tới hòn đảo để giải đáp bí ẩn của ông mình, và trong khi làm điều đó, tôi lại khám phá ra bí ẩn về chính mình. Quan sát Cairnholm biến mất cũng giống như chứng kiến chiếc chìa khóa duy nhất còn lại để mở ra bí ẩn của tôi chìm dần dưới những ngọn sóng thăm thẳm mịt mù.

Rồi, bị nuốt chửng bởi màn sương mù khổng lồ, hòn đảo cứ thế mà biến mất.

Như thể nó chưa từng tồn tại.

Không lâu sau, màn sương mù bắt kịp chúng tôi. Tầm nhìn của chúng tôi ngày càng hẹp dần, đất liền mờ đi, mặt trời nhạt nhòa chỉ còn là một quầng trắng nhợt, và chúng tôi quay vòng trong con nước cuộn xoáy cho tới khi mất hết mọi cảm nhận về phương hướng. Cuối cùng, chúng tôi dừng lại, đặt mái chèo xuống và chờ đợi trong sự im lặng buồn nản, hy vọng sương mù sẽ tan; sương chưa tan thì đi thêm nữa cũng chỉ vô ích.

“Tớ không thích thể này đâu,” Bronwyn nói. “Nếu bọn mình đợi quá lâu, đêm sẽ buông xuống, lúc ấy bọn mình sẽ phải tính đến những thứ đáng lo ngại hơn thời tiết xấu.”

Thế rồi, như thể nghe thấy lời Bronwyn và quyết định bắt chúng tôi phải ở yên chỗ, thời tiết xoay sang cực tồi. Một cơn gió mạnh bùng lên, và chỉ trong vài khoảnh khắc, thế giới của chúng tôi đã biến đổi. Mặt biển quanh chúng tôi bị quất lên thành những con sóng bạc đầu đập vào mạn và đổ ập vào lòng thuyền, làm nước lạnh sóng sánh quanh chân chúng tôi. Tiếp theo mưa trút xuống, dữ dội như những viên đạn nhỏ đập lên da chúng tôi. Chẳng mấy chốc, chúng tôi đã bị đảo lộn quay cuồng như những món đồ chơi cao su trong một bồn tắm.

“Quay mũi thuyền hướng vào các con sóng!” Bronwyn hét lên, dùng đôi mái chèo của cô chém xuống nước. “Nếu chúng đập vào mạn, chúng ta chắc chắn sẽ bị lật” Nhưng phần lớn chúng tôi chèo thuyền khi biển lặng cũng đã mệt lả, dùng nói gì lúc biển sôi trào, số còn lại thì quá sợ hãi chẳng với nổi lấy mái chèo, nên thay vì thế, chúng tôi cố sống cố chết bám chặt lấy mạn thuyền.

Một bức tường nước còn lên lao thẳng về phía chúng tôi. Chúng tôi trôi lên trên con sóng khổng lồ, mấy chiếc thuyền gần như dựng đứng. Emma bám lấy tôi, còn tôi bám lấy cọc chèo; đằng sau chúng tôi, Hugh dùng cả hai cánh tay bấu chặt lấy chỗ ngồi. Chúng tôi leo lên đỉnh con sóng như đang ở trên đoàn xe ray nhào lộn, dạ dày tôi như rơi tuột xuống tận chân, và

khi chúng tôi lao xuống sườn dốc bên kia con sóng, tất cả những thứ trong thuyền không được gắn chặt xuống bằng đinh - bản đồ của Emma, túi của Hugh, cái va li kéo màu đỏ tôi đã mang bên mình từ Florida - đều bay qua đầu chúng tôi rồi rơi xuống nước.

Chẳng có thời gian đâu để lo lắng tới những gì đã mất, vì thoát đầu chúng tôi thậm chí còn không thấy được những chiếc thuyền khác. Khi trở lại vị trí thăng bằng chúng tôi liếc mắt nhìn vào vũng nước xoáy và lớn tiếng gọi tên các bạn mình. Một khoảnh khắc im lặng khủng khiếp trôi qua trước khi chúng tôi nghe thấy những giọng nói cất lên gọi lại chúng tôi, và chiếc thuyền của Enoch xuất hiện từ màn sương mù, cả bốn người đang ngồi nguyên trên đó, vẫy tay về phía chúng tôi.

“Mọi người ổn cả chứ?” tôi hét lên

“Đằng kia!” họ gọi lại. “Nhìn đằng kia!”

Tôi thấy họ không phải vẫy tay chào, mà thu hút sự chú ý của chúng tôi về phía một thứ trên mặt nước, cách đó gần ba mươi mét - một thân thuyền bị lật úp.

“Đó là thuyền của Bronwyn và Olive!” Emma nói.

Chiếc thuyền đã lộn ngược, phần đáy thuyền hoen gỉ chĩa lên trời. Quanh thuyền không có dấu hiệu nào của hai cô bạn.

“Chúng tôi phải lại gần hơn!” Hugh lớn tiếng, và quên hết tình trạng kiệt sức của mình, chúng tôi cầm lấy mái chèo rồi chèo về phía chiếc thuyền lật, không ngớt gọi to tên họ.

Chúng tôi chèo qua một đám áo quần bị hất tung ra từ các va li bị mở toang, chúng tôi đi thuyền qua bên những chiếc váy đang đập dềnh giồng hệt cô gái nào đó chết đuối. Tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực, và cho dù cả người ướt sũng và đang run lẩy bẩy, tôi hầu như không cảm thấy lạnh. Chúng tôi gặp thuyền Enoch tại chỗ chiếc thuyền lật úp của Bronwyn và cùng nhau tìm kiếm khắp mặt nước.

“Họ đâu rồi?” Horace rên rỉ. “Ôi, nếu chúng ta mất họ...”

“Ở bên dưới!” Emma nói, chỉ tay vào chiếc thuyền lật úp. “Có thể họ bị mắc kẹt bên dưới nó!”

Tôi rút một mái chèo của mình ra khỏi cọc đờ và đập vào thân chiếc thuyền lật úp. “Nếu các bạn đang ở bên trong, bơi ra đi!” tôi gọi to. “Bọn mình sẽ cứu các cậu!”

Khoảnh khắc đó thật đáng sợ, không tiếng trả lời nào vang lên, và tôi có thể cảm thấy mọi hy vọng cứu được hai cô gái tan biến dần. Nhưng rồi sau đó, từ dưới chiếc thuyền lật úp có một tiếng gõ đáp lại - rồi một nắm tay đâm xuyên qua thành thuyền, những vụn gỗ bắn tung lên, và tất cả chúng tôi cùng bật dậy vì bất ngờ.

“Đó là Bronwyn!” Emma réo lên. “Họ còn sống!”

Thêm vài cú đâm nữa, Bronwyn đã có thể đục ra trên thân thuyền một cái lỗ vừa người chui lọt. Tôi chìa mái chèo cho cô và cô nắm lấy nó, rồi Hugh và Emma cùng xúm vào, chúng tôi đã đưa được cô qua mặt nước cuộn trào, đưa cô vào trong thuyền chúng tôi trong khi thuyền của cô chìm nghiêng, biến mất dưới các con sóng, Bronwyn rất hoảng hốt, kích động, cô cứ hét lên dù chẳng còn hơi sức. Cô hét lên bởi Olive không có mặt dưới thân thuyền cùng cô. Cô bé vẫn mất tích.

“Olive... tới cứu Olive,” Bronwyn lắp bắp khi đã lặn nhào vào trong lòng thuyền. cô run lẩy bẩy, ho khạc ra nước biển. Cô đứng dậy trong lòng thuyền trông tránh và chỉ vào con bão tố. “Đằng kia!” cô kêu lên. “Thấy không?”

Tôi đưa tay lên che mắt khỏi làn mưa rát rạt và nhìn theo, nhưng tất cả những gì tôi thấy là những con sóng và sương mù. “Tớ chẳng thấy gì cả!”

“Cậu ấy ở đằng kia!” Bronwyn quả quyết. “Sợi dây!”

Thế rồi tôi nhìn thấy thứ cô chỉ vào: không phải một cô gái đang vụng vẫy trên mặt nước mà là một sợi dây gai to nhô lên, gần như không thể nhìn thấy trong cảnh hỗn loạn này. Một đoạn dây màu nâu bị kéo thẳng căng chạy từ mặt nước lên và mất hút vào sương mù. Olive hẳn đang được buộc vào đầu trên, không thể trông thấy.

Chúng tôi chèo đến chỗ sợi dây, Bronwyn kéo nó xuống, và sau một phút Olive xuất hiện từ đám sương mù trên đầu chúng tôi, một đầu dây cột quanh eo. Đôi giày của cô đã tuột ra khi thuyền lật, nhưng Bronwyn đã cột Olive vào dây neo, đầu còn lại của cuộn dây đã nằm yên dưới đáy biển. Nếu không nhờ vậy, chắc chắn giờ này cô gái đã mất tăm giữa các đám mây.

Olive quàng hai cánh tay ôm quanh cổ Bronwyn và cảm ơn, “Cậu đã cứu tớ, cậu đã cứu tớ!”

Hai cô gái ôm chầm lấy nhau. Cảnh tượng ấy làm cổ họng tôi nghẹn nghẹn.

“Chúng ta vẫn chưa thoát hiểm đâu,” Bronwyn nói. “Chúng ta vẫn phải vào được bờ trước khi trời tối, nếu không rắc rối của chúng ta mới chỉ bắt đầu thôi.”

Cơn bão đã ít nhiều yếu bớt, và những cơn sóng biển hung hãn lắng xuống, nhưng ý tưởng chèo thêm một nhịp nữa, cho dù trên mặt biển hoàn toàn phẳng lặng, giờ đây cũng là chuyện không thể tưởng tượng nổi. Chúng tôi thậm chí chưa đi được một nửa quãng đường vào đất liền mà tôi đã cảm thấy sức tàn lực kiệt. Hai bàn tay tôi đau nhức rần rật. Hai cánh tay tôi nặng trĩu như hai khúc cây. Không chỉ thế, chiếc thuyền đập dềnh lắc lư liên tục đã tạo ra hậu quả rành rành lên dạ dày tôi - và nếu xét đoán từ màu xanh mét trên những khuôn mặt quanh mình, tôi không phải là người duy nhất.

“Chúng ta sẽ nghỉ một lát,” Emma nói, cố tỏ ra phán đoán. “Chúng ta sẽ nghỉ và tát nước ra khỏi thuyền cho tới khi sương mù tan...”

“Thứ sương mù này có một kiểu tính cách của riêng nó,” Enoch nói. “Nó có thể kéo dài nhiều ngày không gián đoạn. Chỉ vài giờ nữa trời sẽ tối, và khi đó chúng ta sẽ phải hy vọng có thể qua được đến sáng mà không bị đám xác sống tìm ra. Chúng ta sẽ hoàn toàn không có khả năng tự vệ.”

“Mà còn không có nước uống,” Hugh nói.

“Hay thức ăn,” Millard đề thêm.

Olive giơ cả hai bàn tay lên và nói, “*Tớ* biết nó ở đâu!”

“Nó là cái gì?” Emma hỏi.

“Đất liền. *Tớ* thấy đất liền khi đang lơ lửng trên đầu sợi dây đó.” Olive đã bay lên qua cả lớp sương mù, cô giải thích, và thoáng nhìn thấy rõ đất liền.

“Hữu ích quá nhỉ,” Enoch căn nhắc. “Bọn này đã quay lòng vòng một chỗ đến cả sáu lần kể từ khi cậu lơ lửng trên đó rồi.”

“Vậy hãy để tớ lên đó lần nữa.”

“Cậu chắc chứ?” Emma hỏi cô. “Nguy hiểm đấy. Sẽ thế nào nếu một con gió cuốn cậu đi, hay dây bị đứt?”

Khuôn mặt Olive trở nên cương quyết. “Đưa tớ lên.” Cô nhắc lại

“Cậu ấy mà đã thế này thì tranh luận cũng chỉ vô ích thôi,” Emma nói. “Lấy dây ra đi, Bronwyn.”

“Cậu là cô bé can đảm nhất tớ từng biết đấy,” Bronwyn nói, rồi bắt tay vào việc. Cô kéo neo lên khỏi mặt nước, lôi vào trong thuyền, rồi dùng đoạn dây có thêm nhò nó, chúng tôi buộc hai chiếc thuyền còn lại với nhau để chúng không bị tách ra nữa, sau đó lại đưa Olive qua màn sương mù lên trên bầu trời.

Một khoảnh khắc im lặng lạ lùng trôi qua trong khi tất cả chúng tôi ngửa đầu ra sau, nhìn chăm chăm vào một sợi dây vươn thẳng lên các đám mây - chờ đợi một tín hiệu từ trên trời.

Enoch phá vỡ bầu im lặng. “Sao rồi?” cậu ta sốt ruột hỏi.

“Tớ thấy rồi!” câu trả lời vọng xuống, giọng nói của Olive chỉ còn nghe lạo xạo mờ hồ giữa tiếng sóng ồn ào. “Thẳng phái trước!”

“Vớ mình thế là tốt rồi!” Bronwyn nói, và trong khi tất cả những người còn lại trong chúng tôi ôm bụng ngồi lử đử tại chỗ, cô leo sang chiếc thuyền đằng trước, cầm mái chèo và bắt đầu chèo, chỉ được định hướng nhờ tiếng nói rất nhỏ của Olive, một thiên thần không thể trông thấy trên bầu trời.

“Sang trái... sang trái nữa... đừng đi quá!”

Và cứ như thế, chúng tôi chậm chạp bơi về phía đất liền, sương mù bám theo chúng tôi, những dải dài xám xịt của nó giống như những ngón tay ma quái của một con quỷ luôn cố gắng lôi chúng tôi trở lại.

Như thể hòn đảo cũng không muốn để chúng tôi ra đi.

Chương 2

Hai chiếc thuyền nối vào nhau của chúng tôi chững lại ở vùng nước nông đầy đá. Chúng tôi vào đến bờ đúng lúc mặt trời đang tắt dần đằng sau những tầng mây xám mênh mông, có lẽ còn chùng một tiếng nữa trời sẽ tối hẳn. Bãi biển là một mũi đất lỏm chồm đá đầy tảo mắc lại khi thủy triều xuống, nhưng với tôi nó thật đẹp, còn đẹp hơn bất cứ bãi biển cát trắng tinh dành cho du lịch nào ở quê nhà. Nó có nghĩa là chúng tôi đã tới nơi. Nó có nghĩa gì với những người khác tôi khó lòng hình dung được; phần lớn họ chưa rời khỏi Cairnholm suốt thời gian bằng cả đời người, và giờ đây họ ngỡ ngàng nhìn quanh, sửng sờ vì vẫn còn sống và bản khoản không biết nên làm gì với chuyện đó.

Chúng tôi loạng choạng rời khỏi thuyền với những đôi chân rờ rời. Fiona búc một nắm sỏi dính đầy bùn cho vào miệng, lấy lưới đảo qua đảo lại chúng, như thể cô cần đến cả năm giác quan để thuyết phục bản thân rằng mình không phải đang mơ - cũng chính là điều tôi từng cảm thấy khi ở trong Vòng Thời Gian của cô Peregrine lần đầu tiên. Từ bé đến giờ, tôi chưa bao giờ nghi ngờ chính đôi mắt của mình đến thế. Bronwyn rên lên rồi ngồi phịch xuống cát, kiệt sức đến không thể nói thành lời. Những người khác xúm lại quanh cô, rồi rít cảm ơn cô vì những gì cô đã làm, nhưng những lời cảm ơn đó thật gượng ép; chúng tôi nợ cô quá nhiều, mà hai từ cảm ơn thật nhỏ bé, Bronwyn cố xua chúng tôi đi, song vì quá mệt nên cô hầu như không thể giơ nổi bàn tay lên nữa. Emma và mấy cậu con trai kéo Olive từ trên những đám mây xuống.

“Trông cậu đúng là *xanh* lè!” Emma kêu lên khi Olive xuất hiện qua làn sương mù, và cô nhô dậy kéo cô bé lại ôm vào lòng. Olive ướt sũng và lạnh cóng, hai hàm răng va lập cập. Không có tấm chăn nào, thậm chí chẳng có lấy một chiếc áo khô cho cô bé, vậy là Emma đưa đôi bàn tay luôn ấm nóng của cô lướt khắp người Olive cho tới khi những cơn rùng mình kinh khủng nhất của cô bé dịu xuống, sau đó cử Fiona và Horace đi tìm củi nhóm lửa. Trong khi đợi hai người trở lại, chúng tôi tập trung quanh hai chiếc thuyền để kiểm kê những gì đã mất ngoài biển. Một bản tổng kết nghiêm trọng. Hầu như tất cả mọi thứ chúng tôi mang theo giờ đây đều đã nằm dưới đáy biển.

Những gì chúng tôi còn lại là quần áo đang mặc trên người, một ít thực phẩm trong những cái lon hoen gỉ, và chiếc rương hành lý to tướng của Bronwyn, không thể bị phá hủy và có vẻ không thể chìm - và nặng một cách phi lý tới mức chỉ có chính Bronwyn may ra mới vác được nó. Chúng tôi cạy mở ba cái chốt kim loại của nó, hăm hở tìm xem liệu có thấy thứ gì đó hữu ích, hay tốt hơn thế, ăn được, nhưng tất cả những gì cái rương chứa đựng là một tập truyện ba cuốn có tên là *Những truyện kể về người đặc biệt*, các trang sách đã mềm nhũn vì ngâm nước biển, và một tấm thảm hút nước ở buồng tắm có thêu mấy chữ cái ALP, các chữ cái đầu họ tên cô Peregrine.

“Ôi, ơn Chúa trên thiên đường! Ai đó đã nhớ đến tấm thảm hút nước trong buồng tắm.” Enoch ngẩn ra. “Chúng ta được cứu rồi.”

Tất cả những thứ khác đều đã mất, kể cả toàn bộ bản đồ của chúng tôi - tấm bản đồ nhỏ Emma đã dùng để định hướng cho chúng tôi vượt qua eo biển cũng như tập bản đồ lớn các Vòng Thời Gian bọc bì da từng là món tài sản Millard rất trân trọng, Bản đồ Các Ngày. Khi Millard nhận ra nó đã mất, cậu bắt đầu làm toáng lên. “Trên đời chỉ còn năm tấm bản đồ và nó là một trong số đó!” anh chàng than vãn. “Một tài liệu vô giá! Chưa kể nó chứa đựng những ghi chép và chú giải cá nhân của tớ suốt bao nhiêu năm!”

“Ít ra chúng ta vẫn còn *Những truyện kể về người đặc biệt*,” Claire nói, vẫy vẫy nước biển khỏi những lọn tóc vàng của cô. “Tớ sẽ không thể ngủ nổi buổi tối nếu không được nghe một câu chuyện.”

“Những câu chuyện cổ tích hay ho thì ích gì nếu chúng ta thậm chí không thể tìm ra đường đi?” Millard hỏi.

Tôi thầm nghĩ: *Tìm đường đi đâu kia chứ?* Rồi tôi chợt nhận ra, trong lúc vội vã đào thoát khỏi hòn đảo, tôi đã chỉ nghe thấy đám trẻ nói về việc tìm vào đất liền, nhưng chúng tôi chưa bao giờ thảo luận xem cần làm gì một khi đã tới được đây - như thể ý tưởng thực sự sống sót qua được chuyến đi trên những con thuyền nhỏ xíu đó là quá xa xăm, quá lạc quan một cách lố bịch, tới mức lên kế hoạch cho nó chỉ lãng phí thời gian. Tôi nhìn sang Emma để được trấn an như tôi vẫn hay làm. Cô rầu rĩ nhìn xuống bãi biển. Từ trên nền cát lỏn nhỏ đá, có những đụn cát thấp phát phơ cỏ mọc. Xa hơn nữa là rừng: một chướng ngại vật màu xanh có vẻ không thể vượt qua, chạy dài liên tục xa hết tầm mắt tôi về cả hai phía. Emma, với tấm bản đồ đã mất của cô, vốn nhắm tới một thành phố cảng nào đó, nhưng sau khi con

bão ập tới, mục tiêu của chúng tôi chỉ còn là vào được đất liền. Chẳng thể nào biết chúng tôi đã chệch hướng bao xa. Tôi không thấy con đường, biển chỉ dẫn hay thậm chí lối mòn nào. Chỉ một màu hoang vu.

Tất nhiên, chúng tôi không hẳn là cần bản đồ, biển chỉ dẫn hay bất cứ thứ gì khác. Chúng tôi cần cô Peregrine - lành lặn, khỏe mạnh - người biết chính xác cần đi đâu và làm cách nào để đưa chúng tôi tới đó an toàn. Con chim đang đậu trước mặt chúng tôi lúc này, đang xòe lông ra hong khô trên một tảng đá, cõng lòng cũng bị tổn thương nặng nề như bên cánh gãy đang gập xuống thành một hình chữ V đầy lo sợ. Tôi có thể nói đám trẻ rất đau lòng khi trông thấy bà như thế. Bà được trông đợi sẽ là mẹ, là người bảo vệ họ. Bà đã là nữ hoàng của thế giới trên hòn đảo nhỏ của họ, nhưng giờ đây bà không thể nói, không thể tạo Vòng Thời Gian, thậm chí còn không thể bay. Họ nhìn bà, cau mày rồi quay đi nhìn chỗ khác.

Cô Peregrine luôn đưa mắt nhìn chăm chăm về phía mặt biển tối sẫm màu đá xám. Đôi mắt nặng nề, đen thẳm chứa đựng mỗi phiến muộn không nói nên lời.

Đôi mắt đó dường như nói: *Ta đã phụ lòng trông đợi của các em.*

Horace và Fiona gập người lại đi về phía chúng tôi qua bãi cát lùn nhón đá, gió thổi làm mái tóc hoang dã của Fiona xõa bung ra như một đám mây bão, Horace nhảy lên, hai bàn tay áp chặt vào hai bên cái mũ chóp cao của mình để giữ nó yên vị trên đầu. Bằng cách nào đó, cậu ta vẫn giữ được nó trong suốt thời gian chúng tôi gần như gặp phải thảm họa ngoài biển, nhưng giờ đây cái mũ bị móp vào ở một bên và trông như một cái ống khói bị uốn cong. Dầu vậy, cậu ta vẫn không chịu vứt nó đi; Horace nói cái mũ rất hợp với bộ đồ cát may bảnh chọe bê bết bùn ướt sũng của mình.

Cả hai đều tay không. “Chẳng có củi ở bất cứ chỗ nào!” Horace nói khi hai người tới chỗ chúng tôi.

“Các cậu đã tìm trong rừng chưa?” Emma hỏi, chỉ tay vào các hàng cây tối sẫm phía sau các đụn cát.

“Ghê lắm,” Horace nói. “Bọn tớ nghe thấy tiếng một con cú.”

“Từ lúc nào cậu bắt đầu sợ chim vậy hả?”

Horace nhún vai nhìn xuống mặt cát. Sau đó, Fiona thúc khuỷu tay vào cậu ta, anh chàng có vẻ tự nhớ ra được rồi nói, “Nhưng bọn tớ đã tìm thấy một thứ khác.”

“Nơi ở à?” Emma hỏi.

“Hay một con đường?” Millard hỏi.

“Một con ngõng để nấu bữa tối phải không?” Claire hỏi.

“Không,” Horace đáp lại. “Những quả khí cầu.”

Tiếp theo là một thoáng im lặng ngỡ ngàng.

“Ý cậu là sao, khí cầu à?” Emma hỏi.

Những quả khí cầu to tướng trên trời, có người bên trong.”

Khuôn mặt Emma tối sầm lại. “Chỉ cho bọn tớ thấy đi.”

Chúng tôi đi theo hai người trở lại con đường họ vừa từ đó đi lại, vòng qua một khúc uốn cong của bãi biển, rồi leo lên một bờ kè nhỏ. Tôi băn khoăn tự hỏi làm thế nào chúng tôi lại không nhìn thấy một thứ rõ mồn một như những khinh khí cầu, cho tới khi chúng tôi leo lên một ngọn đồi và tôi trông thấy chúng – không phải những quả khí cầu hình giọt nước to lớn đủ màu sắc bạn vẫn thấy trên những tờ lịch tường hay những tấm áp phích cổ động (“*Bầu trời là giới hạn!*”), mà là một cặp khí cầu máy cỡ nhỏ: những túi khí hình quả trứng màu đen có lồng treo bên dưới, mỗi cái lồng có một phi công. Những khí cầu này rất nhỏ và đang hạ xuống thấp, đu đưa hết tiến lại lùi thành hình dích dắc, và tiếng sóng vỗ đã át đi tiếng cánh quạt động cơ của chúng. Emma kéo chúng tôi vào đám cỏ cao, và chúng tôi ngồi sụp xuống nấp khỏi tầm nhìn.

“Đó là khí cầu săn ngầm,” Enoch lên tiếng, trả lời khi chưa ai kịp hỏi. Millard có vẻ là người hiểu biết nhất khi nói đến bản đồ và sách vở, song Enoch mới là chuyên gia về mọi thứ dính đến quân sự. “Cách tốt nhất để phát hiện tàu ngầm địch là từ trên trời,” cậu ta giải thích.

“Nếu thế tại sao chúng lại bay sát mặt đất thế?” tôi hỏi.

“Và sao chúng không bay xa hơn ra ngoài biển?”

“Cái đó thì tớ không biết.”

“Cậu có nghĩ bọn họ đang tìm kiếm... chúng ta không?” Horace dò hỏi.

“Nếu ý cậu muốn nói họ là đám xác sống,” Hugh nói, “đừng có ngốc thế. Bọn xác sống đang ở cùng bọn Đức. Chúng ở dưới cái tàu ngầm Đức đó.”

“Bọn xác sống liên minh với bất kì ai có lợi ích gắn liền với lợi ích của chúng,” Millard nói. “Chẳng có lý do nào để cho rằng chúng lại không xâm nhập vào các tổ chức của hai phe trong chiến tranh.”

Tôi không thể rời mắt khỏi máy cỡ máy kì lạ trên bầu trời. Trông chúng không tự nhiên, như những con côn trùng cơ khí kèn càng mang những quả trứng to tướng.

“Tớ không thích chúng bay kiểu như thế,” Enoch nói, đôi mắt sắc bén chăm chú tính toán. “Chúng đang tìm kiếm dọc bờ biển chứ không phải ngoài khơi.”

“Tìm cái gì cơ?” Bronwyn hỏi, nhưng câu trả lời đã hiển nhiên và đáng sợ đến mức không ai muốn nói thành tiếng.

Chúng đang tìm kiếm chúng tôi.

Tất cả chúng tôi cùng tùm tùm lại trong đám cỏ, và tôi cảm thấy cả người Emma căng lên cạnh mình. “Tớ hô thì chạy nhé,” cô nghiêm giọng khẽ nói. “Chúng ta sẽ giấu thuyền đi rồi ẩn nấp.”

Chúng tôi đợi máy chiếc khí cầu lượn ra xa, rồi bật dậy khỏi đám cỏ, thềm cầu mong chúng tôi đang ở quá xa để có thể bị phát hiện. Trong lúc chúng tôi chạy, tôi chợt nhận ra mình đang ước giá mà màn sương mù từng quấy rầy chúng tôi ngoài biển hãy quay lại để che giấu chúng tôi. Với tôi, rất có khả năng nó đã cứu chúng tôi một lần rồi; nếu không có sương mù, những chiếc khí cầu kia hẳn đã phát hiện ra chúng tôi từ hàng giờ trước, trên những chiếc thuyền, khi chúng tôi không có chỗ nào để chạy trốn. Và theo cách đó, đây là điều cuối cùng hòn đảo làm để cứu những đứa trẻ đặc biệt của nó.

Chúng tôi kéo hai chiếc thuyền của mình qua bãi biển về phía một cái hang bên bờ biển, cửa hang là một kẽ nứt đen ngòm trên vách đá. Bronwyn đã dốc hết sức lực đến nỗi gần như không tự mình bước đi nổi nữa, chứ đừng nói gì khiêng thuyền, vì thế những người còn lại trong chúng tôi vật lộn để kéo dây kéo, vốn liên tục kêu kèn kẹt và thẳng căng ra vì các thân thuyền luôn tìm cách cắm mũi xuống cát ướt. Qua được nửa bãi biển, cô Peregrine ré lên một tiếng kêu cảnh báo, và hai chiếc khí cầu có điều khiển nô lên trên các đụn cát, xuất hiện trong tầm mắt chúng tôi. Chúng tôi vùng chạy như bay trong cơn hoảng hốt, vùn vụt kéo hai chiếc thuyền vào trong hang như thể chúng được đặt trên ray trượt, trong khi cô Peregrine tập tễnh nhẩy cạnh chúng tôi, bên cánh bị thương kéo lê trên cát.

Khi cuối cùng cũng khuất khỏi tầm nhìn của chúng, chúng tôi thả hai chiếc thuyền xuống và ngồi vật xuống tựa vào thân thuyền lật ngược, tiếng thở hổn hển của chúng tôi vang vọng trong bóng tối ẩm ướt với tiếng nước nhỏ giọt tí tách. “Làm ơn, làm ơn đừng để chúng nhìn thấy chúng con,” Emma cầu nguyện thành tiếng.

“Ôi, khi thật! Dấu vết của chúng ta!” Millard kêu lên, rồi cậu ta cởi phăng chiếc áo khoác đang mặc và trườn ra ngoài xóa vết trượt mà những chiếc thuyền của chúng tôi đã tạo ra; từ trên trời, trông chúng chẳng khác gì những mũi tên chỉ thẳng vào chỗ nấp của chúng tôi. Chúng tôi chỉ có thể dõi theo dấu bước chân của cậu ta xa dần. Nếu bất cứ ai khác ngoài Millard mò ra ngoài, người đó chắc chắn đã bị nhìn thấy.

Một phút sau cậu ta quay vào, run bần bật, bê bết cát, một vết đỏ loang ra trên ngực áo. “Bây giờ chúng đang đến gần,” cậu ta thều thào. “Tớ đã có hết sức có thể.”

“Cậu lại chảy máu kìa!” Bronwyn kêu lên lo lắng, Millard đã bị trúng đạn trong cuộc hỗn chiến của chúng tôi ở ngọn hải đăng tối hôm trước, và cho dù đến lúc này quá trình phục hồi của cậu ta nhanh đáng kể, nhưng cũng còn lâu mới lành hẳn. “Cậu đã làm gì với lớp băng bó vết thương của cậu rồi?”

“Tớ đã ném nó đi rồi. Nó được buộc lỏng nhàng đến mức tớ không thể tháo ra nhanh được. Một người vô hình phải luôn có khả năng cởi hết đồ trên người trong nháy mắt, nếu không khả năng của cậu ta chỉ vô ích!”

“Nếu chết rồi cậu ta thậm chí sẽ còn vô dụng hơn, đồ con lừa cứng đầu,” Emma nói. “Giờ thì ngồi im và đừng có cắn phải lưỡi. Sẽ đau đấy.” Cô áp chặt hai ngón tay vào lòng bàn tay còn lại, tập trung một khoảnh khắc, và khi cô nhấc hai ngón tay ra, chúng đã sáng rực, nóng đỏ.

Millard chùn lại. “Này này, Emma, tớ nghĩ thà cậu đừng...”

Emma ấn mạnh hai ngón tay vào bên vai bị thương của cậu ta. Millard thở hộc ra. Có tiếng thịt cháy xèo xèo và một làn khói bốc lên từ da cậu ta. Trong chốc lát, máu đã ngừng chảy.

“Tớ sẽ có sẹo mất!” Millard rên rầm.

“Phải, thì sao? Ai mà thấy nó được?”

Cậu ta hờn dỗi im bật.

Tiếng động cơ của hai chiếc khi cầu vang lên to hơn, rồi to hơn nữa, được vách đá trong hang khuếch đại lên. Tôi hình dung ra chúng treo lơ lửng phía trên hang, quan sát vết chân chúng tôi, chuẩn bị tấn công. Vai Emma tựa vào vai tôi. Mấy đứa trẻ nhỏ chạy đến chỗ Bronwyn và úp mặt vào lòng cô, cô bèn nựng nịu chúng. Bất chấp những công năng dị thường của mình, chúng tôi cảm thấy hoàn toàn bất lực: tất cả những gì chúng tôi có thể làm là ngồi bó gối chớp mắt nhìn nhau trong cảnh tranh tối tranh sáng mờ mờ, nước mũi chảy ròng ròng vì lạnh, hy vọng kẻ thù sẽ không tìm ra chúng tôi.

Cuối cùng, tiếng động cơ bắt đầu nhỏ đi, và khi chúng tôi lại có thể nghe thấy giọng nói của chính mình, Claire lí nhí trong lòng Bronwyn, “Kể cho bọn tớ nghe một câu chuyện đi, Wyn. Tớ sợ, tớ không thích tất cả chuyện này tẹo nào và thay vì thế tớ nghĩ tớ thích nghe một câu chuyện.”

“Phải đấy, cậu kể chuyện đi!” Olive nài nỉ. “Một câu chuyện từ *Những truyện kể*, làm ơn đi. Đó là những câu chuyện ưa thích của tớ.”

Là người ra dáng đàn chị nhất trong đám trẻ đặc biệt, với những đứa trẻ nhỏ nhất, Bronwyn còn giống một người mẹ hơn cả cô Peregrine. Chính Bronwyn đưa chúng lên giường ngủ buổi tối, Bronwyn cũng là người đọc truyện cho chúng nghe và hôn lên trán chúng. Đôi cánh tay mạnh mẽ của cô dường như được tạo nên để ôm lấy chúng trong vòng tay ấm áp, đôi vai

rộng của cô để công kênh chúng. Nhưng giờ không phải lúc kể chuyện - và cô cũng nói như vậy.

“Sao chứ, chắc chắn là phải rồi!” Enoch lên tiếng với giọng mỉa mai đều đều. “Nhưng lần này hãy tạm bỏ qua *Những truyện kể* và kể cho chúng tớ câu chuyện bằng cách nào những đứa trẻ của cô Peregrine tìm được đường tới nơi an toàn khi không có bản đồ hay chút thức ăn nào và sẽ không bị đám hồn rỗng ăn thịt trên đường! Tớ rất nóng lòng muốn nghe xem câu chuyện *đó* kết thúc thế nào.”

“Giá như cô Peregrine có thể nói cho chúng mình biết,” Claire sụt sịt. Cô rời khỏi Bronwyn và tới bên con chim đang đậu trên một thân thuyền lật úp quan sát chúng tôi. “Chúng em phải làm gì đây, cô phụ trách?” Claire nói. “Làm ơn hãy trở lại hình người đi. Làm ơn hãy tỉnh lại đi!”

Cô Peregrine kêu cu cu và dùng cánh vuốt ve mái tóc Claire. Sau đó, Olive cũng tiến lại, khuôn mặt giàn giụa nước mắt. “Chúng em cần cô, cô Peregrine! Chúng em bị lạc đường, đang gặp nguy hiểm và càng lúc càng đói bụng, mà chẳng còn mái nhà hay bạn bè nào ngoài chính những người đang ở đây, và chúng em *cần* cô!”

Đôi mắt đen của cô Peregrine sáng lên long lanh. Bà quay đi, tránh ra ngoài tầm với.

Bronwyn quỳ xuống cạnh mấy cô bé. “Cô ấy chưa thể trở lại hình người ngay bây giờ được, các cô bé. Nhưng chúng ta sẽ chữa khỏi cho cô ấy, tớ xin hứa.”

“Nhưng *bằng cách nào?*” Olive hỏi. Câu hỏi của cô vang vọng lại trên các vách đá, mỗi tiếng vọng hỏi thêm lần nữa.

Emma đứng dậy. “*Tớ* sẽ cho các cậu biết bằng cách nào,” cô nói, và mọi con mắt đổ dồn vào cô. “Chúng ta sẽ *đi bộ*.” Emma nói những lời đó với vẻ quả quyết khiến tôi lạnh người. “Chúng ta sẽ đi, cứ đi cho tới khi đến được thành phố nào đó.”

“Nhưng nếu không có thành phố nào trong vòng năm mươi ki lô mét thì sao?” Enoch hỏi.

“Thì chúng ta sẽ đi bộ năm mươi một ki lô mét. Nhưng tớ biết chúng ta đã không bị đẩy đi chệch hướng xa đến thế.”

“Thế nếu bọn xác sống phát hiện ra chúng ta từ trên không thì sao?” Hugh hỏi.

“Chúng sẽ không phát hiện ra. Chúng ta sẽ cẩn thận.”

“Thế nếu chúng đợi sẵn chúng ta trong thành phố thì sao?” Horace hỏi.

“Chúng ta sẽ giả làm người thường. chúng ta sẽ qua mặt chúng được.”

“Tớ giả làm người bình thường không tốt lắm đâu,” Millard vừa cười vừa nói.

“Không ai nhìn thấy cậu đâu, Mill. Cậu sẽ là trinh sát tiền trạm cho chúng tớ, là người bí mật thu thập những thứ cần thiết cho chúng ta.”

“Tớ đúng là một tay trộm khá tài năng,” cậu nói với chút tự hào. “Một bậc thầy đích thực trong nghệ thuật sử dụng năm ngón tay.”

“Sau đó thì sao?” Enoch chua chát hỏi. “Có thể chúng ta sẽ có đồ ăn bỏ bụng và chỗ nào ấm áp để ngủ, nhưng chúng ta vẫn phải lang thang bên ngoài, lù lù ra đó, dễ bị tấn công, không có Vòng Thời Gian... mà cô Peregrine thì... thì vẫn...”

“Bằng cách nào đó chúng ta sẽ tìm thấy một Vòng,” Emma nói. “Có những dấu mốc và ký hiệu dành cho những người biết tìm kiếm. Còn nếu không có, chúng ta sẽ tìm ai đó giống như chúng ta, một đồng loại cũng là người đặc biệt có thể chỉ dẫn cho chúng ta vị trí của Vòng gần nhất. Và trong Vòng đó sẽ có một Chủ Vòng Thời Gian, người đó sẽ có thể dành cho cô Peregrine sự giúp đỡ cô ấy cần.”

Tôi chưa từng gặp ai có sự tự tin mãnh liệt như Emma. Tự tin toát ra từ mọi thứ thuộc về cô: tư thế của cô, căn cổ vươn cao; hàm răng nghiến chặt khi cô hạ quyết tâm về một điều gì đó; cách cô kết thúc mỗi câu đầy quả quyết, không bao giờ bằng một dấu hỏi. Nó thật dễ lây, tôi thích nó, và tôi phải kìm chế thôi thúc đột ngột muốn hôn cô, ngay tại đó, trước mặt mọi người.

Hugh bật ho, và những con ong lao ra khỏi miệng cậu ta tạo thành một dấu hỏi run rẩy trong không khí. “làm sao cậu dám chắc là vậy?” Hugh hỏi.

“Vì tớ tin chắc, thế thôi.” Và cô giơ hai bàn tay ra như thể chỉ có vậy.

“Cậu vừa có một bài diễn văn đầy hào khí rất hay ho,” Millard nói, “và tớ ghét phải làm hỏng nó, nhưng từ những gì chúng ta biết, cô Peregrine là Chủ Vòng Thời Gian duy nhất chưa bị bắt. Hãy nhớ lại những gì cô Avocet đã nói với chúng ta: bọn xác sống đã tấn công các Vòng và bắt cóc các Chủ Vòng từ nhiều *tuần* trước rồi. Như thế có nghĩa là dù có thể tìm thấy một Vòng Thời Gian, chúng ta cũng chẳng có cách nào để biết liệu Chủ Vòng còn đó hay không - hay thay vì thế kẻ thù của chúng ta đang chiếm cứ nó. Chúng ta không thể cứ khơi khơi tới gõ cửa các Vòng Thời Gian và hy vọng trong đó không đầy ắp xác sống.”

“Hay có cả đồng hồ rỗng đang đói ngấu bu quanh,” Enoch nói.

“Chúng ta sẽ *không* phải hy vọng,” Emma nói, sau đó mỉm cười về phía tôi. “Jacob sẽ nói cho chúng ta biết.”

Cả người tôi lạnh toát. “*Tớ?*?”

“Cậu có thể cảm thấy đám hồ rỗng từ xa mà, phải không nào?” Emma nói. “Bên cạnh khả năng nhìn thấy chúng?”

“Khi chúng ở gần, lúc đó tớ có vẻ cảm thấy như mình sắp nôn ọe vậy,” tôi thừa nhận.

“Chúng cần phải ở gần tới mức nào?” Millard hỏi. “Nếu chỉ là vài mét, như thế chúng ta vẫn ở trong tầm bị xơi tái. Bọn tớ cần cậu cảm nhận được chúng từ xa hơn nhiều.”

“Chính xác thì tớ chưa thử,” tôi nói. “Tất cả chuyện này còn quá mới với tớ.”

Tôi chỉ mới chạm trán con hồ rỗng của bác sĩ Golan, Malthus, con quái vật đã sát hại ông tôi, sau đó thiếu chút nữa đã dìm tôi chết đuối dưới đầm lầy ở Cairnholm. Hẳn đã ở cách bao xa khi lần đầu tiên tôi cảm thấy hấn rình rập tôi, lần khuất bên ngoài nhà tôi ở Englewood? Không thể biết được.

“Dù sao đi nữa, tài năng của cậu có thể được phát triển,” Millard nói. “Các năng lực đặc biệt cũng ít nhiều giống như cơ bắp vậy - cậu càng luyện tập nhiều, chúng càng to ra.”

“Chuyện này đúng là điên rồ!” Enoch nói. “Có thực tất cả các cậu liều lĩnh tới mức đặt cược tất cả vào *cậu ta* không đấy? Sao chứ, cậu ta chỉ là một cậu nhóc - một anh chàng bình thường mềm nhũn gần như chẳng biết gì về thế giới của chúng ta!”

“Cậu ấy *không bình thường*,” Emma nói, nhãn mặt như thể đó là lời sỉ nhục thậm tệ nhất. “Cậu ấy là một trong số chúng ta!”

“Vớ vẩn, ngớ ngẩn!” Enoch hét lên. “Cậu ta không thể trở thành anh em với tớ chỉ nhờ có một tí xíu máu đặc biệt trong huyết quản. và chắc chắn điều đó không thể khiến cậu ta trở thành người bảo vệ tớ! Chúng ta không biết cậu ta có thể làm gì - nhiều khả năng cậu ta chẳng phân biệt được giữa một con hồn rỗng ở cách xa năm mươi mét và mùi trung tiện!”

“Cậu ấy đã giết một gã trong bọn chúng, đúng không nào?” Bronwyn nói. “Đâm xuyên qua mắt nó bằng một cái kéo xén lông cừu! Lần cuối cùng cậu nghe nói tới một người đặc biệt còn trẻ như thế làm được việc tương tự là khi nào hả?”

“Chưa có, kể từ Abe,” Hugh nói, và khi tên ông được nhắc đến, cả đám trẻ chìm vào im lặng đầy kính cẩn.

“Tớ nghe nói có lần cậu ấy đã dùng tay không giết chết một gã,” Bronwyn nói.

“Tớ nghe nói cậu ấy đã giết một gã bằng một que đan và một đoạn dây,” Horace nói. “Thực ra tớ đã mơ thấy điều đó, vậy nên tớ chắc chắn cậu ấy đã làm được như thế.”

“Một nửa những chuyện đó chỉ toàn là được dựng lên, và cứ mỗi năm lại càng được thổi phồng thêm lên.” Enoch nói. “Anh chàng Abraham Portman tớ biết thêm chưa từng làm gì giúp chúng ta.”

“Cậu ấy là một người đặc biệt vĩ đại!” Bronwyn nói. “Cậu ấy đã chiến đấu dũng cảm và giết được hàng chục hồn rỗng vì chúng ta!”

“Rồi sau đó cậu ta bỏ chạy và bỏ mặc chúng ta ần núp trong ngôi nhà đó như những kẻ tị nạn trong khi cậu ta lang thang khắp nước Mỹ đóng vai anh hùng!”

“Cậu không biết cậu đang nói gì đâu,” Emma lên tiếng, đở bưng vì phần nộ. “Trong chuyện đó còn nhiều nguyên do hơn thế.”

Enoch nhún vai. “Dù sao đi nữa, tất cả chuyện đó đều không phải vấn đề,” cậu ta nói. “Dù các cậu có nghĩ gì về Abe, nhóc này cũng không phải là cậu ấy.”

Vào khoảnh khắc ấy tôi ghét Enoch, thế nhưng không thể trách cậu ta vì đã nghi ngờ tôi. Làm sao những người khác, chắc chắn và thuần thục những khả năng của mình đến thế, có thể đặt nhiều niềm tin tới vậy vào năng lực của tôi - một thứ tôi chỉ mới bắt đầu hiểu và biết mình có thể làm được mới vài ngày? Dường như chuyện tôi là cháu ai chẳng mấy ý nghĩa. Tôi chỉ đơn giản không biết mình đang làm gì.

“Cậu nói đúng, tớ không phải ông tớ,” tôi nói. “Tớ chỉ là một cậu nhóc từ Florida tới. Có lẽ tớ đã gặp may khi giết được con hồn rỗng đó.”

“Vớ vẩn,” Emma nói. “Một ngày nào đó cậu sẽ trở thành một người diệt trừ hồn rỗng hết như Abe.”

“Hãy hy vọng ngày đó sớm đến,” Hugh nói.

“Đó là số mệnh của cậu,” Horace nói, và cách cậu nói ra những lời này khiến tôi nghĩ cậu biết điều gì đó tôi không biết.

“Nếu đúng thế, mong Chim giúp đỡ tất cả chúng ta,” Enoch nói.

Đầu tôi quay cuồng. Gánh nặng từ kỳ vọng của họ đe dọa sẽ đè bẹp tôi. Tôi đứng lên, loạng choạng, và đi ra phía cửa hang. “Tớ cần chút không khí,” tôi nói, đẩy Enoch sang bên.

“Jacob, đợi đã!” Emma kêu lên. “Những chiếc khí cầu!”

Nhưng chúng đã bay đi từ lâu.

“Cứ để cậu ta đi,” Enoch lầm bầm. “Nếu chúng ta may mắn, cậu ta sẽ bơi trở lại Mỹ.”

Bước đi theo mép nước, tôi cố gắng - hay muốn - hình dung bản thân mình dưới góc nhìn của những người bạn mới: không phải là Jacob, cậu

nhóc từng gãy xương mắt cá chân khi chạy theo một chiếc xe bán kem, hay từng miễn cưỡng nghe theo mệnh lệnh của bố và thất bại ba lần khi tìm cách giành lấy một chỗ trong đội chạy việt dã vốn chẳng phải đua tranh khốc liệt gì của trường cậu ta, mà là Jacob, người săn tìm các bóng ma, người giải nghĩa kỳ tài những cơn quặn thắt ruột, người phát hiện và diệt trừ những con quái vật chính hiệu có thật - và tất cả những điều đó có thể sẽ định đoạt sống chết cho cả đám trẻ đặc biệt vui vẻ chúng tôi.

Làm thế nào tôi có thể kế thừa di sản của ông tôi đây?

Tôi leo lên một đồng đá nằm ngay mép nước và đứng đó, hy vọng cơn gió thổi đều đều sẽ hong khô bộ quần áo ẩm ướt của mình, và trong ánh sáng đang tắt dần tôi ngắm nhìn biển, một tấm bạt xám xịt không ngừng thay đổi tông độ, những sắc xám trộn lẫn vào nhau và tối sẫm. Ngoài xa, thỉnh thoảng một đốm sáng lại lóe lên. Cây hải đăng ở Cairnholm đang nhấp nháy lời chào tạm biệt cuối cùng của nó.

Tâm trí tôi trôi dạt đi. Tôi chìm vào một giấc mơ ban ngày.

Tôi thấy một người đàn ông. Ông ta trạc tuổi trung niên, người bê bết bùn bản thủ, chậm chạp bò theo rìa một vách đá, mái tóc lơ thơ rối bời và ướt nhẹp xõa xuống khuôn mặt. Gió quất vào chiếc áo khoác mỏng của ông như thổi vào một lá buồm. Ông dừng lại, phủ phục xuống chống người trên hai khuỷu tay. Hai bên khuỷu tay ông trượt xuống chỗ đất lồi ông đã tạo nên hàng tuần trước đó, trong khi ông lang thang dọc theo các vách đá ven biển này tìm những con nhạn biển đang kết đôi và tổ hải âu. Ông giơ một chiếc ống nhòm lên mắt, nhưng hướng nó xuống thấp, thấp hơn vị trí các tổ chim, xuống một dải bờ biển hẹp hình lưỡi liềm nơi thủy triều dâng thu nhật đủ thứ và hát chúng dạt vào bờ: củi rêu và rong biển, mảnh thuyền vỡ - và đôi khi, như lời cư dân địa phương, cả những xác chết.

Người đàn ông ấy là bố tôi. Ông đang tìm kiếm một thứ ông khẩn thiết mong muốn không tìm thấy.

Ông đang tìm thi thể con trai mình.

Cảm thấy cái gì đó chạm vào giày mình, tôi mở choàng mắt ra, giật mình rời khỏi con nửa tỉnh nửa mơ. Trời đã sẫm tối, và tôi đang ngồi trên đồng đá, hai đầu gối thu vào áp sát ngực, và đột nhiên Emma ở đó, con gió thổi tung mái tóc, cô đứng trên mặt cát phía dưới tôi.

“Cậu ôn chứ?” cô hỏi.

Đó là một câu hỏi sẽ phải cần ít nhiều trình độ toán đại học và chừng một giờ thảo luận để trả lời. Tôi cảm thấy cả trăm thứ xung đột nhau, đại bộ phận chúng tự triệt tiêu lẫn nhau về bằng tổng của lạnh, mệt mỏi và không thực sự hào hứng trò chuyện. Vì thế tôi nói, “Tớ ôn cả, chỉ đang cố hong khô người thôi,” rồi vỗ vào ngực chiếc áo len ảm sì của mình để giải thích.

“Việc đó thì tớ có thể giúp cậu.” Cô leo lên đồng đá và ngồi xuống cạnh tôi. “Đưa tay đây cho tớ.”

Tôi chìa một cánh tay ra, và Emma đặt cánh tay tôi vắt qua trên đầu gối cô. Khum hai bàn tay lại trên miệng, cô cúi đầu xuống cổ tay tôi. Sau đó, hít một hơi thật sâu, cô thổi ra từ từ qua hai lòng bàn tay và một luồng hơi nóng dễ chịu không thể tin nổi lan dọc theo cẳng tay tôi, tới mức gần như gây đau.

“Nóng quá à?” cô hỏi.

Tôi cứng người lại, một cơn rùng mình lan khắp người, rồi lắc đầu.

“Tốt.” Cô di chuyển lên cao hơn theo cánh tay tôi rồi thổi lần nữa. Thêm một luồng hơi nóng ngọt ngào. Giữa các nhịp thở, cô nói, “Tớ hy vọng cậu không bận lòng vì những gì Enoch nói. Những người còn lại trong chúng tớ đều tin cậu, Jacob. Enoch có thể trở thành một kẻ độc mồm độc miệng khủng khiếp, đặc biệt là khi cậu ta cảm thấy ghen tị.”

“Tớ nghĩ cậu ấy nói đúng,” tôi nói.

“Cậu không thực sự nghĩ vậy. phải không?”

Tất cả nhất loạt xô ra. “Tớ không hề biết tớ đang làm gì,” tôi nói. “Ai trong số các cậu lại đi trông cậy vào tớ chứ? Nếu tớ thực sự đặc biệt thì cũng chỉ một chút thôi, tớ nghĩ vậy. Như kiểu tớ chỉ có một phần tư máu đặc biệt còn các cậu mang trọn vẹn máu đặc biệt.”

“không phải thế đâu,” Emma bật cười nói.

“Nhưng ông tớ đặc biệt hơn tớ. Chắc chắn phải thế. Ông rất khỏe...”

“Không, Jacob,” cô nói, nheo mắt lại nhìn tôi. “Thật đáng kinh ngạc. về nhiều mặt, cậu cũng hết như cậu ấy. Tất nhiên, cậu cũng khác biệt nữa - cậu

dịu dàng và dễ mến hơn - nhưng mọi thứ cậu nói... cậu nói hết như Abe hồi đầu khi cậu ấy mới tới sống cùng bọn tớ.”

“Thật sao?”

“Phải. Cậu ấy cũng rất bồi rồi. Cậu ấy chưa bao giờ gặp người đặc biệt nào khác. Cậu ấy không hiểu năng lực của mình cũng như cách nó vận hành, hay cậu ấy có thể làm gì. Mà nói thực lòng thì cả bọn tớ cũng không hề biết. Điều cậu và cậu ấy có thể làm là rất hiếm gặp. Nhưng ông cậu đã học được cách sử dụng nó.”

“Bằng cách nào?” tôi hỏi. “Ở đâu?”

“Trong chiến tranh. Cậu ấy là thành viên một đơn vị bí mật gồm toàn người đặc biệt trong quân đội Anh. Chiến đấu chống lại đám hồn rỗng lẫn bọn Đức. Người ta không trao huân chương tặng thưởng cho những việc kiểu như họ đã làm - nhưng với bọn tớ họ là những người anh hùng, và không ai hơn được ông cậu. Những hy sinh họ chịu đựng đã đẩy lùi những kẻ sa đọa trong nhiều thập kỷ và cứu được tính mạng vô số người đặc biệt.”

Ấy thế nhưng ông lại không thể cứu được hai cụ nội, tôi thầm nghĩ. Thật bi thảm lạ lùng làm sao.

“Và tớ có thể nói với cậu điều này,” Emma nói tiếp. “Cậu cũng đặc biệt chẳng kém gì cậu ấy - và cũng can đảm không kém.”

“Chà. Giờ thì cậu chỉ đang cố làm tớ cảm thấy phấn chấn hơn thôi.”

“Không.” Emma nói, nhìn thẳng vào mắt tôi. “Không phải thế. Rồi cậu sẽ nhận ra, Jacob. Một ngày nào đó, cậu sẽ trở thành một người diệt trừ hồn rỗng còn cừ khôi hơn cậu ấy trước đây.”

“À phải, đó là điều mọi người vẫn nói. Làm thế nào cậu có thể chắc chắn vậy được?”

“Tớ cảm thấy điều đó rất rõ rệt,” cô nói. “Cậu được định đoạt để làm điều đó, tớ nghĩ vậy. Cũng như cậu được định đoạt sẽ tới Cairnholm.”

“Tớ không tin vào những thứ như thế. Số phận. Các vì sao. Định mệnh.”

“Tớ đâu nói là định mệnh.”

“*Được định đoạt* cũng thế thôi,” tôi nói. “Định mệnh là dành cho những nhân vật trong các cuốn sách về những thanh gươm thần kỳ. Toàn những chuyện tào lao bí đao. Tớ ở đây vì ông tớ lắm bầm gì đó về hòn đảo của các cậu mười giây trước khi ông qua đời - chỉ vậy thôi. Đó là một việc tình cờ. Tớ mừng vì ông đã nói về điều đó, nhưng lúc ấy ông đã mê sảng. Ông cũng đã có thể nói ra một danh sách đồ tạp hóa.”

“Nhưng cậu ấy *không* làm thế,” Emma nói.

Tôi ngao ngán thở dài. “Và nếu chúng ta lên đường đi tìm các Vòng Thời Gian, các cậu trông cậy tớ sẽ cứu các cậu thoát khỏi đám quái vật, nhưng thay vì thế tớ lại khiến tất cả các cậu bị giết, như thế cũng là định mệnh phải không?”

Emma cau mày, đặt cánh tay tôi trở lại vào lòng tôi. “Tớ không hề nói *định mệnh*,” cô nhắc lại. “Điều tớ tin là khi những việc lớn lao xuất hiện trong đời, không hề có sự tình cờ nào cả. Mọi thứ xảy ra đều có một lý do. Cậu có mặt ở đây vì lý do nào đó - chứ không phải để thất bại rồi chết.”

Tôi chẳng còn tâm trí đâu để tranh cãi. “Được thôi,” tôi nói. “Tớ không nghĩ cậu đúng - nhưng tớ *hy vọng* là thế.” Tôi cảm thấy thật tệ hại vì lúc trước đã nổi cáu với Emma, nhưng lúc ấy tôi đã lạnh cóng, hoảng sợ và muốn thủ thế. Tôi đã có những khoảnh khắc tốt đẹp và tệ hại, những lúc khiếp sợ và tự tin - mặc dù vào lúc này tỷ lệ khiếp sợ so với tự tin của tôi đang chênh lệch đến mức thảm hại, ba trên một chẳng hạn, và trong những khoảnh khắc khiếp sợ, có vẻ như tôi đã bị đẩy vào một vai trò tôi không hề yêu cầu, tình nguyện lên tuyến đầu trong một cuộc chiến mà chưa bao giờ có ai trong chúng tôi biết trọn vẹn quy mô tầm vóc của nó. “Định mệnh” nghe như một bản phận, và nếu tôi nhất định phải bị đẩy vào trận chiến chống lại một đội quân những tạo vật ghê rợn, đó cần phải là điều tôi chọn lấy.

Mặc dù về mặt nào đó, sự lựa chọn đã được đưa ra rồi, khi tôi đồng ý chèo thuyền đi vào nơi vô định với những đứa trẻ đặc biệt này. Và nếu tôi thực sự tìm kiếm kỹ lưỡng mọi góc ngách nội tâm mình, thì cũng không hẳn là tôi không yêu cầu được làm thế. Quả thực, tôi đã từng mơ về những chuyến phiêu lưu kiểu này từ khi còn bé. Hồi ấy, tôi đã từng tin vào định mệnh, và tin tuyệt đối vào nó, với trọn trái tim thơ dại bé nhỏ của mình. Tôi cảm thấy sự thôi thúc rợn lên trong lồng ngực trong lúc lắng nghe những

câu chuyện phi thường của ông nội. *Một ngày kia sẽ đến lượt mình.* Thứ lúc này có vẻ là bốn phận thì hồi đó từng giống như lời hứa - rằng đến một ngày tôi sẽ thoát khỏi thị trấn bé xíu của mình và sống một cuộc đời phi thường, như ông nội từng sống, và vào ngày đó, cũng như ông nội Portman, tôi sẽ làm được điều gì đó có ý nghĩa. Ông thường hay nói với tôi, “Cháu sẽ trở thành một người vĩ đại, Yakob. Rất vĩ đại.”

“Như ông ấy ạ?” khi đó tôi sẽ hỏi ông.

“Cừ hơn ấy chứ,” ông sẽ trả lời.

Hồi ấy tôi đã tin ông, và giờ vẫn muốn thế. Nhưng càng biết nhiều hơn về ông, cái bóng của ông càng trở nên dài ra, và việc ngày nào đó tôi có thể trở nên vĩ đại như ông dường như càng trở nên bất khả thi. Thậm chí, chỉ thử làm thế thôi cũng có thể là tự sát. Và khi tôi hình dung ra mình đang thử sức, những ý nghĩ về bố tôi lại chen vào - ông bố tội nghiệp sắp bị dày vò khổ sở của tôi - và trước khi tôi có thể xua chúng ra khỏi tâm trí mình, tôi tự hỏi làm thế nào một người vĩ đại lại làm chuyện khủng khiếp đến thế với ai đó thương yêu mình.

Tôi bắt đầu rùng mình. “Cậu lạnh quá,” Emma nói. “Đề tở làm cho xong đã nào.” Cô cầm cánh tay còn lại của tôi lên và hà hơi lên suốt dọc cánh tay. Cảm giác ấy gần như quá mức tôi chịu nổi. Khi cô chạm tới vai tôi, thay vì đặt cánh tay trở lại vào lòng tôi, cô cầm nó lên quàng quanh cổ mình. Tôi nhắc cánh tay còn lại của mình lên gia nhập cùng nó, rồi Emma cũng quàng cánh tay ôm lấy tôi, trán chúng tôi tì vào nhau.

Emma thì thầm thật khẽ, “Tớ hy vọng cậu không hối hận về lựa chọn của cậu. Tớ rất vui vì cậu có mặt ở đây cùng bọn tớ. Tớ không biết tớ sẽ làm gì nếu cậu rời đi. Tớ sợ rằng tớ sẽ không ổn chút nào.”

Tôi đã nghĩ tới chuyện trở lại. Trong một khoảng khắc tôi đã thực sự cố hình dung ra nó trong đầu mình, xem sẽ thế nào nếu bằng cách nào đó tôi có thể chèo một trong những chiếc thuyền của chúng tôi trở lại hòn đảo, và quay về nhà.

Nhưng tôi không thể làm thế. Tôi không thể hình dung ra.

Tôi thì thầm, “Làm sao tớ có thể chứ?”

“Khi cô Peregrine trở lại hình người, cô ấy sẽ có thể giúp cậu trở về. Nếu cậu muốn ra đi.”

Câu hỏi của tôi không phải là về khả năng. Tôi chỉ đơn giản có ý: *Làm sao tớ nữ rời xa cậu chứ?* Nhưng những lời đó không thể nói ra được, chúng không thể tìm được đường ra khỏi miệng tôi. Vậy là tôi giữ chúng lại trong tâm trí, và thay vì thế tôi hôn cô.

Lần này, đến lượt hơi thở Emma trở nên gấp gáp. Hai bàn tay cô đưa lên má tôi nhưng dừng lại, ngần ngại không chạm vào. Hơi nóng phả ra từng đợt từ tay cô.

“Chạm vào tớ đi,” tôi nói.

“Tớ không muốn làm cậu bỏng,” cô nói, nhưng một luồng lửa bùng cháy lên trong lồng ngực tôi liền nói: *Minh không bận tâm*, vậy là tôi cầm lấy các ngón tay cô và đưa chúng lướt đi trên má tôi, và cả hai chúng tôi cùng kêu lên thảng thốt. Thật nóng nhưng tôi không rút lại. Tôi không dám, sợ rằng cô sẽ không chạm vào tôi nữa. Rồi sau đó môi chúng tôi lại gặp nhau, chúng tôi lại hôn nhau, và hơi âm diệu kỳ của cô lan đi trong tôi.

Đôi mắt tôi khép lại. Thế giới tan biến đi.

Cho dù cơ thể tôi đang lạnh cóng trong màn sương mù buổi tối, tôi cũng không hề cảm thấy điều đó. Cho dù biển đang gầm thét bên tai tôi, tôi cũng không hề nghe thấy. Cho dù tảng đá tôi ngồi sắc cạnh lờm chờm, tôi cũng hầu như không để ý tới. Mọi thứ bên ngoài hai chúng tôi đều chỉ là phù phiếm.

Rồi một tiếng va chạm mạnh vọng lại trong màn đêm, nhưng tôi không nghĩ gì tới nó - tôi không thể dứt mình khỏi Emma - cho tới khi âm thanh đó lặp lại kèm theo tiếng kim loại kêu ken két gai người, và một luồng sáng lóa mắt quét qua chúng tôi, và cuối cùng tôi không thể lờ nó đi thêm được nữa.

Ngon hải đăng, tôi nghĩ. *Ngon hải đăng đã bị rơi xuống biển*. Song ngon hải đăng là một chấm sáng ở tí xa, không phải một luồng sáng chói lọi như mặt trời, và ánh sáng của nó chỉ di chuyển theo một chiều, chứ không quét qua quét lại tìm kiếm.

Đó không phải là ngọn hải đăng. Đó là một ngọn đèn pha - và nó chiếu tới từ mặt nước gần bờ.

Đó là đèn pha của một chiếc tàu ngầm.

Trong một giây kinh hoàng ngấn ngui, liên lạc giữa bộ não và đôi chân bị cắt đứt. Đôi mắt và đôi tai tôi ghi nhận được chiếc tàu ngầm ở không xa bờ: con quái vật kim loại nhô lên trên mặt biển, nước ào ào chảy xuống từ hai bên sườn nó, đám người ào ào leo lên boong từ cái cửa sập mở tung, hò hét, chĩa những luồng sáng vào chúng tôi. Rồi sự kích thích tới được chân tôi và chúng tôi trượt, ngã, lao từ trên đồng đá xuống và chạy thục mạng.

Ánh đèn hắt bóng chúng tôi qua bãi biển, cao ba mét và trông rõ quái đản.

Một giọng nói vang lên từ loa. “DỪNG LẠI! KHÔNG ĐƯỢC CHẠY!”

Chúng tôi lao vào trong hang - *Chúng đang tới, chúng đang ở đây, đây, đây đi* - nhưng đám trẻ đã nghe thấy những tiếng động và đứng bật cả dậy - tất cả trừ Bronwyn, cô đã kiệt sức ngoài biển tới mức phải tựa vào vách hang ngủ thiếp đi và không tài nào dậy được. Chúng tôi lay cô, hét vào mặt cô, nhưng cô chỉ làu bàu rồi vùng tay gạt chúng tôi ra. Cuối cùng, chúng tôi đành bám lấy eo cô dựng dậy, chẳng khác gì nâng một tòa tháp xây bằng gạch lên, nhưng khi hai bàn chân Bronwyn chạm đất, đôi mắt đỏ quạch của cô mở ra, và cô tự đứng lên.

Chúng tôi vợ vợi lấy của nả của mình, giờ lại lấy làm mừng là chúng vừa nhỏ vừa ít. Emma ôm lấy cô Peregrine trong vòng tay. Chúng tôi ủa ra ngoài. Trong khi chúng tôi chạy vào các đụn cát, tôi trông thấy sau lưng chúng tôi một đám bóng người đang ì oạp lội qua những mét nước cuối cùng để lên bờ. Trong tay chúng, những khẩu súng được giơ lên cao quá đầu để giữ cho khô.

Chúng tôi cuống cuống chạy qua một hàng cây đang bị gió thổi tung vào khu rừng không một lối mòn. Bóng tối bao trùm lấy chúng tôi. Phần ánh trăng còn lại chưa bị mây che khuất giờ bị những tán cây che kín nốt, những cành cây làm ánh trăng mờ nhạt tiêu biến hoàn toàn. Không có thời gian để

mắt chúng tôi kịp thích nghi hay để chúng tôi cẩn thận lần mò tìm đường hay làm bất cứ điều gì khác ngoài chạy muốn đứt hơi, một đám người liên tục vấp dúi dụi, cánh tay dang ra, tránh né những thân cây dường như đột ngột hiện ra trong không khí chỉ cách chúng tôi gần chục phân.

Sau vài phút chúng tôi dừng lại, lồng ngực phập phồng, lắng nghe. Những giọng nói vẫn ở đằng sau chúng tôi, chỉ có điều giờ đây hòa cùng chúng còn một âm thanh khác: tiếng cho sữa.

Chúng tôi chạy tiếp.

Chương 3

Chúng tôi loạng choạng vừa chạy vừa vấp qua khu rừng tối đen trong quãng thời gian có vẻ như hàng giờ, không có mặt trăng hay vì sao nào để dùng ước lượng thời gian đã trôi qua. Tiếng người hò hét và tiếng chó sủa vang vọng xung quanh trong khi chúng tôi chạy, đe dọa chúng tôi từ mọi phía mà cũng chẳng biết từ đâu. Để cắt đuôi không cho lũ chó lần theo hơi mình, chúng tôi lội xuống một dòng suối lạnh cóng và đi theo nó cho tới khi các bàn chân chúng tôi tê cóng, và khi chúng tôi lội từ suối lên, có cảm giác như tôi đang loạng choạng trên hai đầu mồm chân cụt bị kim loại châm buốt nhói.

Sau một thời gian, chúng tôi bắt đầu hụt hơi. Ai đó rên lên trong bóng tối. Olive và Claire bắt đầu tụt lại đằng sau, Bronwyn bèn đưa tay ra dìu hai cô bé, nhưng sau đó đến cô cũng không thể tiếp tục thêm nữa. Cuối cùng, khi Horace vấp phải một cái rễ cây ngã vật ra đất rồi nằm đó khản khoản xin dừng lại nghỉ chân, tất cả chúng tôi bèn dừng lại. “Dậy, đồ lười biếng!” Enoch rít lên với cậu ta, nhưng bản thân anh chàng cũng thở hổn hển, sau đó Enoch tựa lưng vào một cái cây thở lấy hơi, và tính hăng máu có vẻ đã trôi tuột hết khỏi cậu ta.

Chúng tôi đã tới ngưỡng tột cùng của sức chịu đựng. Chúng tôi phải dừng lại.

“Dù sao cứ chạy vòng quanh trong bóng tối thế này cũng vô ích,” Emma nói. “Chúng ta hoàn toàn có thể kết thúc ở đúng chỗ bắt đầu.”

“Chúng ta sẽ có thể cảm nhận được tốt hơn về cánh rừng này dưới ánh sáng ban ngày,” Millard nói.

“Với điều kiện chúng ta sống được lâu đến thế,” Enoch nói.

Một cơn mưa nhẹ rơi xuống. Fiona tạo ra một nơi trú mưa cho chúng tôi bằng cách dỡ dành một vòng cây ngã các cành thấp xuống kề sát vào nhau, nện nện vuốt ve lớp vỏ cây và thì thầm với các thân cây cho tới khi các cành đan lại tạo thành một tấm mái lá không cho nước lọt qua, vừa đủ cao để chúng tôi có thể ngồi bên dưới. Chúng tôi bò vào trong, ngồi đó lắng nghe mưa rơi và tiếng sủa xa xa của lũ chó. Ở đâu đó trong rừng, những kẻ có súng vẫn đang truy lùng chúng tôi. Chỉ còn lại một mình cùng những ý nghĩ trong đầu, tôi tin chắc mỗi người trong chúng tôi đều đang băn khoăn cùng một thứ - chuyện gì sẽ xảy ra với chúng tôi nếu chúng tôi bị bắt.

Claire bắt đầu khóc, thoạt đầu khe khẽ, nhưng rồi ngày càng to hơn, cho tới khi cả hai cái miệng của cô đều khóc to, và cô bé hầu như không thể thở được giữa những tiếng nức nở.

“Im lặng nào!” Enoch nói. “Chúng sẽ nghe thấy cậu mất. đến lúc đó tất cả chúng ta sẽ có lý do để khóc đấy!”

“Chúng sẽ mang chúng mình ra cho chó ăn!” cô bé nói. “Chúng sẽ bắn thủng nhiều lỗ lên người chúng ta và bắt cô Peregrine đi!”

Bronwyn nhích sát vào ôm chặt lấy cô bé trong vòng tay mạnh mẽ của mình. “Làm ơn nào, Claire! Cậu phải nghĩ về thứ gì khác đi!”

“Tớ đã... đang cố đây!” cô bé nức nở.

“Cố hơn nữa đi!”

Claire nhắm tịt mắt lại, hít một hơi thật sâu, và nín thở cho tới khi trông cô như một quả bóng sắp vỡ tung – rồi òa lên vừa ho nấc vừa khóc còn âm ỉ hơn lúc trước.

Enoch bịt hai bàn tay che lên miệng cô. “Suỵt!”

“Tớ x... x... xin lỗi!” cô bé thôn thức. “C... có thể nếu tớ được nghe một câu chuyện... một trong nh... *Những truyện kể...*”

“Đừng có lại thế nữa,” Millard nói. “Tớ bắt đầu ước gì chúng ta mất luôn mấy cuốn sách khi gió ấy cùng những thứ khác ngoài biển cho rồi!”

Cô Peregrine lên tiếng - ở mức độ tình trạng của cô cho phép - nhảy lên trên nắp cái rương của Bronwyn và lấy mỗ mỗ xuống. Bên trong, cùng những gì còn lại trong đống của nả ít ỏi của chúng tôi, là bộ *Những truyện kể*.

“Tớ đồng ý với cô P,” Enoch nói. “Cũng đáng thử đấy... bất cứ cái gì để ngăn cậu ta gào tướng lên!”

“Được rồi, cô bé,” Bronwyn nói, “nhưng chỉ một chuyện thôi, và cậu phải hứa sẽ thôi khóc!”

“Tớ h... hứa,” Claire thút thít.

Bronwyn mở rương lấy ra một tập *Những truyện kể về người đặc biệt* bị ngâm nước. Emma nhích lại gần, thấp lên một đốm lửa nhỏ nhất có thể trên đầu ngón tay để lấy ánh sáng đọc. Sau đó, cô Peregrine, nóng lòng muốn dỗ yên Claire, ngậm lấy mép bìa sách và mở cuốn sách tới một chương có vẻ ngẫu nhiên. Bằng giọng khe khẽ, Bronwyn bắt đầu đọc.

“Ngày xưa ngày xưa vào thời kỳ đặc biệt, trong một khu rừng sâu cổ kính có vô vàn động vật sinh sống. Có thỏ, hươu và cáo, cũng giống như mọi khu rừng, nhưng còn cả những con vật ít gặp hơn, như gấu chân cà kheo, linh miêu hai đầu và bán lừa cao cổ biết nói. Những động vật đặc biệt này là mục tiêu ưa thích của đám thợ săn, họ thích bắn chúng rồi treo lên tường để khoe khoang với đám bạn thợ săn của bọn họ, nhưng điều những kẻ này còn thích hơn là bán chúng cho các chủ vườn thú, đám đó sẽ nhốt chúng vào chuồng rồi thu tiền ai muốn ngắm nhìn chúng. Đến đây, bạn có thể cho rằng bị nhốt trong chuồng hẳn là tốt hơn nhiều so với bị bắn và treo lên tường, nhưng để cảm thấy hạnh phúc, những con vật đặc biệt phải được tự do chạy nhảy, và sau một thời gian, tinh thần những con vật bị giam hãm trong chuồng suy sụp, rồi chúng bắt đầu ghen tị với những bạn bè treo trên tường của chúng.”

“Câu chuyện này buồn quá,” Claire cầu nhàu. “Kể chuyện khác đi.”

“Tớ thích nó,” Enoch nói. “Kể tiếp về chuyện săn bắn và treo lên tường đi.”

Bronwyn tảng lờ cả hai. “Đây là thời những người khổng lồ vẫn còn bước đi trên trái đất,” cô đọc tiếp, “như trong thời *Aldinn* cách đây lâu lắm, dù số lượng họ rất ít và đang giảm dần. Và tình cờ một trong những người khổng lồ này sống gần khu rừng, ông rất tốt bụng, nói năng rất nhẹ nhàng và chỉ ăn thực vật, tên ông là Cuthbert. Một ngày nọ, Cuthbert đi vào rừng hái quả mọng thì nhìn thấy một gã thợ săn đang săn một con bán lừa cao cổ. Vốn là một người khổng lồ tốt bụng, Cuthbert cầm lấy cái cổ dài của con bán lừa cao cổ bé bỏng, và bằng cách đứng kiễng chân lên hết mức, điều ông hiếm khi làm vì nó khiến cả bộ xương già nua của ông kêu răng rắc, Cuthbert có thể với lên rất cao và đặt con bán lừa cao cổ lên một đỉnh núi, tránh xa nguy hiểm. Sau đó, để chắc ăn, ông kẹp nát bét gã thợ săn giữa các ngón chân mình.”

“Tiếng tăm về lòng tốt của Cuthbert lan đi khắp khu rừng, và chẳng mấy chốc những con vật đặc biệt tìm tới chỗ ông mỗi ngày, xin được nhấc lên đỉnh núi tránh khỏi vòng nguy hiểm. Và Cuthbert nói, ‘Ta sẽ bảo vệ các em, hỡi các em trai và em gái bé nhỏ. Để đổi lại, ta chỉ yêu cầu duy nhất một điều là các em hãy trò chuyện và bầu bạn với ta. Không còn nhiều người khổng lồ trên thế gian này, và thỉnh thoảng ta cảm thấy cô đơn.’

Những con vật bèn nói, ‘Tất nhiên rồi, Cuthbert, chúng em sẽ làm thế.’

“Vậy là mỗi ngày Cuthbert lại cứu thêm nhiều con vật đặc biệt khỏi tay đám thợ săn, cầm cổ chúng nhấc chúng lên núi, cho tới khi có cả một bầy động vật đặc biệt trên đó. Những con vật hạnh phúc trên đó vì chúng cuối cùng có thể sống bình yên, còn Cuthbert cũng hạnh phúc, vì nếu đứng kiễng chân tựa cầm lên đỉnh núi, ông có thể trò chuyện với những người bạn mới của mình như hằng mong. Thế rồi đến buổi sáng nọ, một phù thủy tới gặp Cuthbert. Ông đang tắm trong một hồ nước nhỏ dưới chân núi thì bà ta nói với ông, ‘Tôi rất xin lỗi, nhưng giờ tôi buộc phải biến anh thành đá đây.’

“ ‘Tại sao bà có thể làm như thế?’ người khổng lồ hỏi. ‘Tôi rất tốt bụng kia mà. Tôi là một người khổng lồ tử tế.’

“Bà ta đáp, ‘Tôi được gia đình người thợ săn anh đã giẫm bẹp thuê.’

“ ‘À,’ người khổng lồ đáp. ‘Tôi đã quên mất anh ta.’

“ ‘Tôi rất xin lỗi,’ bà phù thủy lại nói, rồi sau đó bà ta vung một cành cây cứng lò chĩa vào người khổng lồ và Cuthbert tội nghiệp biến thành đá.

“Đột nhiên Cuthbert trở nên nặng trịch, nặng đến mức ông bắt đầu chìm xuống hồ. Ông chìm, chìm mãi, không ngừng chìm xuống cho tới khi nước ngập lên tới tận cổ ông. Những người bạn đồng vật của Cuthbert nhìn thấy điều đang xảy ra, và cho dù cảm thấy điều đó thật kinh khủng, chúng vẫn quyết định mình không thể làm gì giúp ông.

“ ‘Ta biết các em không thể cứu ta,’ Cuthbert hét vọng lên với các bạn mình, ‘nhưng ít nhất hãy tới nói chuyện với ta! Ta bị mắc kẹt dưới này rồi, cô đơn lắm!’

“ ‘Nhưng nếu bọn em xuống đó, đám thợ săn sẽ bắt bọn em!’ chúng đáp lại.

“Cuthbert biết chúng có lý, nhưng ông vẫn cầu khẩn chúng.

“ ‘Hãy nói chuyện với ta! Ông kêu lên. ‘Làm ơn hãy tới nói chuyện với ta!’

“Những con vật cổ hát và hét vọng tới chỗ Cuthbert tội nghiệp từ đỉnh núi an toàn của chúng, nhưng chúng ở quá xa mà giọng chúng thì quá nhỏ, vì thế ngay cả khi có đôi tai khổng lồ, đối với Cuthbert, những âm thanh đó vẫn chỉ khẽ hơn cả tiếng lá xào xạc trong gió.

“ ‘Nói chuyện với ta đi!’ ông cầu khẩn. ‘Hãy tới nói chuyện với ta!’

“Nhưng chúng chẳng bao giờ tới. Và đến tận khi cổ họng biến thành đá như phần cơ thể còn lại, người khổng lồ vẫn khẩn khoản gọi. Hết chuyện.”

Bronwyn gập sách lại.

Claire có sẽ sửng sờ. “*Thế là hết à?*”

Enoch bật cười.

“Thế là hết,” Bronwyn nói.

“Chuyện gì mà *khiếp* quá,” Claire nói. “Kể chuyện khác đi!”

“Một chuyện là một chuyện,” Emma nói, “giờ thì đến lúc đi ngủ rồi.”

Claire trề môi phụng phịu, nhưng đã nín khóc, vậy là câu chuyện đã hoàn thành nhiệm vụ của nó.

“Ngày mai không có vẻ gì là sẽ dễ dàng hơn hôm nay đâu,” Millard nói. “Chúng ta cần tranh thủ nghỉ ngơi được chừng nào hay chừng đó.”

Chúng tôi cạy những mảng rêu êm ái xếp lại làm gối, Emma dùng hai bàn tay hong khô nước mưa ngấm vào rêu trước khi chúng tôi kê chúng xuống dưới đầu. Không có chăn, chúng tôi nép sát vào nhau lấy hơi ấm: Bronwyn ôm lấy mấy đứa trẻ nhỏ nhất; Fiona ôm lấy Hugh, những con ong bay ra rồi chui vào qua cái miệng mở ra của cậu ta khi cậu ta ngáy để canh gác cho cậu chủ đang ngủ của chúng; Horace và Enoch run rẩy tựa lưng vào nhau, quá kiêu hãnh nên không chịu ôm lấy nhau; còn tôi thì với Emma. Tôi nằm ngả lưng xuống đất, còn cô nằm trong vòng tay tôi, gối đầu lên ngực tôi, khuôn mặt cô kề sát mặt tôi mời gọi tới mức tôi có thể hôn lên trán cô bất cứ lúc nào tôi thích - và chắc tôi đã không ngừng lại nếu không phải vì tôi đã mệt rũ còn cô ấm áp như một chiếc chăn sưởi điện, vậy là chẳng mấy chốc tôi đã ngủ thiếp đi và mơ về những điều vui vẻ, có thể quên đi được.

Tôi chẳng bao giờ nhớ những giấc mơ đẹp; chỉ có những giấc mơ xấu lưu lại.

Xét tới hoàn cảnh thì việc tôi có thể ngủ được quả là một điều kỳ diệu. Ngay cả khi ở đây - khi đang chạy trốn bão mạng, ngủ ngoài trời đôi mắt với cái chết - ngay cả khi ở đây, trong vòng tay cô, tôi vẫn có thể tìm thấy chút bình yên.

Cô Peregrine đảo mắt quan sát tất cả chúng tôi, đôi mắt đen của bà ánh lên mờ mờ trong bóng tối. Dù bị thương và không thể làm gì được, bà vẫn là người bảo vệ cho chúng tôi.

Buổi đêm trở nên lạnh buốt, Claire bắt đầu run rẩy và ho. Bronwyn lay Emma dậy và nói, “Tiểu thư Bloom, mấy đứa bé cần cậu đấy; tớ sợ cô bé bị ốm rồi,” vậy là sau khi thăm thì xin lỗi, Emma rời khỏi vòng tay tôi để qua chăm sóc cho Claire. Tôi cảm thấy một thoáng ghen tị, rồi đến cảm giác tội lỗi vì đã ghen tị với một người bạn đang ốm. Vậy là tôi nằm một mình, không hiểu sao lại cảm thấy bị bỏ rơi và nhìn chăm chăm vào bóng tối, kiệt quệ hơn bao giờ hết, nhưng lúc này lại không tài nào ngủ được, tôi đành lắng nghe những người khác cự mình ú ớ trong những cơn ác mộng không thể sánh ngang với thực tế chúng tôi nhiều khả năng phải đối diện khi thức

dậy. Và cuối cùng bóng tối dần dần bị gỡ đi từng lớp một, bầu trời sáng dần, từ từ đến mức không thể nhận ra, chuyển sang màu xanh nhạt dịu dàng.

Vào lúc rạng đông, chúng tôi chui ra khỏi nơi trú chân của mình. Tôi phải rêu khỏi tóc và cố gắng gột bùn khỏi cái quần đang mặc nhưng công cốc, bùn chỉ càng lan rộng ra thêm, khiến tôi trông giống một tạo vật bằng bùn vừa được khạc ra từ lòng đất. Tôi chưa bao giờ biết đến cảm giác đói còn cào tới mức này, bụng tôi như đang tự gặm lấy chính nó, và bất cứ chỗ nào có thể đau, tôi đều cảm thấy đau, kết quả từ việc chèo thuyền và chạy trốn, rồi ngủ qua đêm trên mặt đất. Dầu vậy, cũng có vài điều may mắn: trong đêm mưa đã ngừng, ngày mới đang dần ấm lên, chúng tôi có vẻ đã thoát khỏi đám xác sống và lũ chó của chúng, ít nhất vào lúc này; hoặc chúng đã thôi sữa, hoặc chúng đã ở quá xa nên khó mà nghe thấy.

Để làm được việc đó, chúng tôi đã khiến chính mình lạc đường đến vô vọng. Vào ban ngày, tìm đường trong khu rừng này cũng chẳng dễ hơn ban đêm. Những cây linh sam cành lá xanh um trải ra bất tận thành từng hàng lộn xộn, nhìn về hướng nào cũng giống như nhìn vào hình ảnh phản chiếu của những hướng khác trong gương. Mặt đất ở đây như tấm thảm lá rụng che đi mọi dấu vết của chúng tôi tạo ra đêm hôm trước. Chúng tôi đã thức giấc trong lòng một mê cung xanh mà không có bản đồ hay la bàn, và bên cánh gậy của cô Peregrine đồng nghĩa với việc bà không thể bay lên cao quá ngọn cây để dẫn đường cho chúng tôi. Enoch đề xuất chúng tôi đưa Olive lên phía trên rừng cây như đã làm giữa màn sương mù, nhưng chúng tôi chẳng có cuộn dây nào để giữ cô lại, và nếu cô bé bị tuột ra và bay vút lên trời, chúng tôi sẽ chẳng bao giờ kéo cô xuống trở lại được.

Claire đã ốm và ngày càng ốm nặng hơn, cô nằm co quắp trong lòng Bronwyn, mồ hôi trán rịn ra bất chấp trời lạnh. Cô bé gầy tong teo đến mức tôi có thể đếm hết xương sườn dưới lớp váy.

“Cậu ấy sẽ ổn chứ?” tôi hỏi.

“Con bé bị sốt,” Bronwyn nói, áp một bàn tay lên má cô bé. “Cô bé cần thuốc.”

“Trước hết chúng ta sẽ phải tìm đường ra khỏi khu rừng mắc dịch này,” Millard nói.

“Trước hết chúng ta cần ăn,” Enoch nói. “Chúng ta hãy ăn và thảo luận những lựa chọn của chúng ta.”

“Lựa chọn nào?” Emma nói. “Cứ chọn một hướng và chúng ta sẽ đi theo hướng đó. Hướng nào cũng như nhau cả thôi.”

Chúng tôi rầu rĩ im lặng ngồi ăn. Lúc trước tôi chưa bao giờ thử qua đồ ăn của chó, nhưng tôi biết chắc bữa ăn này còn tệ hơn - những miếng thịt béo ngậy màu nâu xỉn xục từ trong những cái hộp đã hoen gỉ, và vì không có dụng cụ, chúng tôi phải dùng ngón tay để xúc.

“Tớ đã đóng hộp năm con gà mái tơ ướp muối, ba hộp gan ngỗng béo cùng dưa chuột muối,” Horace cay đắng nói, “và đây là tất cả những gì còn sót sau vụ chìm thuyền của chúng ta.” Cậu ta bịt mũi rồi thả một cục thức ăn bèo nhèo dính dính xuống cổ họng nuốt chửng. “Tớ nghĩ chúng ta đang bị trừng phạt.”

“Vì cái gì?” Emma nói. “Chúng ta vẫn luôn là những thiên thần hoàn hảo. À phải, phần lớn chúng ta.”

“Tôi lỗi từ những kiếp trước, có lẽ là thế. Tớ không biết.”

“Những người đặc biệt không có kiếp trước,” Millard nói. “Chúng ta sống tất cả các kiếp cùng một lúc.”

Chúng tôi nhanh chóng xong bữa, chôn những cái hộp rỗng đi rồi chuẩn bị lên đường. Đúng lúc chúng tôi sắp khởi hành, Hugh lao vụt qua một đám cây bụi dày đặc vào khu trại tạm bợ của chúng tôi, lũ ong quần lượn quanh đầu cậu ta thành một đám mây náo động. Cậu ta hỏn hển thở không ra hơi vì kích động.

“Cậu đã biến đi đâu vậy?” Enoch hỏi.

“Tớ cần được riêng tư một chút để làm chút chuyện buổi sáng, mà lo đến chuyện của cậu đi,” Hugh nói, “và tớ tìm thấy...”

“Ai cho phép cậu biến ra khỏi tầm mắt hả?” Enoch nói. “Bọn tớ thiếu chút nữa đã rời đi không có cậu đấy!”

“Ai nói là tớ cần được cho phép hả? Dù thế nào đi nữa, tớ thấy...”

“Cậu không thể cứ lang thang bỏ đi như thế! Sẽ thế nào nếu cậu bị lạc?”

“Chúng ta *vốn* đã lạc rồi.”

“Đồ ngốc! Sẽ thế nào nếu cậu không thể tìm được đường quay lại?”

“Tớ rải lại sau một chuỗi ong đánh dấu đường, như mọi lần...”

“Cậu làm ơn để cậu ấy *nói hết* xem nào!” Emma gắt lên.

“Cảm ơn,” Hugh nói, rồi sau đó cậu ta quay lại chỉ ngược về phía vừa chạy lại. “Tớ thấy nước. Rất nhiều, sau những hàng cây đằng kia.”

Khuôn mặt Emma tối sầm lại. Cô nói, “Chúng ta đang cố tránh xa biển, chứ không phải trở lại đó. Hẳn chúng ta đã vòng ngược trở lại trong đêm.”

Chúng tôi đi theo Hugh quay lại con đường cậu ta vừa theo đó đi tới. Bronwyn mang cô Peregrine trên vai và bé Claire tội nghiệp đang ôm trên tay. Sau chừng chín mươi mét, một bề mặt xám xịt với những vệt sáng lấp lánh xuất hiện sau các tán cây; một vùng nước rộng lớn nào đó.

“Ôi, thật *kinh khủng*,” Horace nói. “Chúng đã dẫn chúng ta trở lại đúng tay chúng!”

“Tớ chẳng nghe thấy tiếng tên lính nào cả,” Emma nói. “Thực ra, tớ chẳng nghe thấy gì cả. Thậm chí cả tiếng đại dương.”

Enoch nói, “Bởi vì *không phải* là đại dương, đồ đàn,” rồi cậu ta đứng lên chạy về phía mặt nước. Khi chúng tôi bắt kịp, cậu ta đang đứng giẫm chân trong cát ướt, ngoái lại nhìn chúng tôi với nụ cười *Tớ đã bảo rồi mà* đắc thắng. Cậu ta nói đúng: đây không phải là biển. Đây là một hồ nước xám xịt, phủ đầy sương mù, rất rộng, bao quanh là rừng linh sam, bề mặt bình lặng của nó phẳng lì láng bóng như mặt đá xám. Nhưng tôi đã không nhận ra được ngay nét nổi bật nhất; cho tới khi Claire chỉ về phía một khối đá lớn nhô lên khỏi mặt nước nông gần đó. Thoạt đầu, đôi mắt tôi lướt nhanh qua nó, nhưng sau đó trở lại quan sát thêm lần thứ hai. Có điều gì đó kỳ quái ở tảng đá này - và nhất định là quen thuộc.

“Đó là người khổng lồ trong câu chuyện!” Claire nói, chỉ tay về phía nó trong khi vẫn nằm trong vòng tay Bronwyn. “Đó là Cuthbert!”

Bronwyn xoa đầu cô bé. “Thôi nào, cậu đang bị sốt.”

“Đừng ngó ngán thế,” Enoch nói. “Đó chỉ là một tảng đá thôi.”

Nhưng không phải vậy. Dù đã bị gió và mưa bào mòn đi ít nhiều đường nét, tảng đá trông đúng là giống một người khổng lồ bị chìm đến tận cổ dưới hồ. Người ta có thể thấy rõ nó có một cái đầu, một cái cổ, có cả mũi, thậm chí cả yết hầu, và một vài lùm cây rậm rạp mọc lên trên đỉnh khối đá như một chòm tóc bù xù. Nhưng điều thực sự kỳ lạ là tư thế của cái đầu - nó ngả ra đằng sau, miệng há to, như thể, giống như người khổng lồ trong câu chuyện chúng tôi vừa nghe tối hôm trước, ai đó đã bị biến thành đá trong khi cố gọi những người bạn của mình trên đỉnh núi.

“Và nhìn kia!” Olive nói, chỉ vào một vách đá vươn cao lên đằng xa. “Đó chắc là ngọn núi của Cuthbert!”

“Những người khổng lồ có thực,” Claire lẩm bẩm, giọng yếu ớt nhưng đầy ngỡ ngàng. “Và *Những truyện kể* cũng thế!”

“Đừng có đi tới những kết luận lố bịch,” Enoch nói. “Khả năng nào có vẻ dễ đúng hơn đây? Người viết câu chuyện chúng ta đọc tối qua lấy cảm hứng từ một tảng đá tình cờ có hình dạng giống như một cái đầu khổng lồ, hay tảng đá hình đầu người này thực sự là một người khổng lồ?”

“Cái gì cậu cũng lấy ra để pha trò được,” Olive nói. “Tớ tin vào những người khổng lồ, cho dù cậu không tin đi nữa!”

“*Những truyện kể* chỉ là các câu chuyện thôi, không hơn.” Enoch càu nhàu.

“Hay thật đấy,” tôi nói, “đó chính xác là điều tớ đã nghĩ về tất cả *các cậu*, trước khi tớ gặp các cậu.”

Olive bật cười. “Jacob, cậu ngốc thật. Cậu thực sự nghĩ chúng tớ đều chỉ được tưởng tượng ra sao?”

“Tất nhiên. Và thậm chí sau khi gặp các cậu tớ vẫn nghĩ thế trong một thời gian. Như kiểu nghĩ là có thể tớ đã bị mất trí.”

“Có thật hay không thì đây cũng là một sự trùng hợp khó tin nổi,” Millard nói. “Vừa mới đọc câu chuyện đó tối hôm qua, thế rồi gặp đúng bối cảnh đã truyền cảm hứng cho nó ngay sáng hôm sau ư? Có bao nhiêu cơ hội nhỉ?”

“Tớ không nghĩ đây là sự trùng hợp,” Emma nói. “Chính cô Peregrine đã gỡ sách ra, nhớ không? Cô chọn câu chuyện đó hẳn là có mục đích.”

Bronwyn quay sang nhìn con chim đang đậu trên vai mình và nói, “Phải vậy không, cô P? Tại sao?”

“Bởi vì nó có ý nghĩa nào đó,” Emma nói.

“Chắc chắn rồi,” Enoch nói. “Nó có nghĩa là chúng ta cần đi tới leo lên vách đá kia. Khi đó có lẽ chúng ta sẽ tìm thấy đường ra khỏi khu rừng này!”

“Ý tớ là *câu chuyện* có ý nghĩa nào đó,” Emma nói. “Trong câu chuyện, người không hề muốn gì nào? Thứ ông ấy yêu cầu hết lần này đến lần khác ấy?”

“Ai đó để nói chuyện cùng!” Olive trả lời như một học sinh năng nổ.

“Chính xác,” Emma nói. “Vậy nếu ông ta muốn nói chuyện, chúng ta hãy lắng nghe những gì ông ta có để nói.” Nói xong, cô lợi xuống hồ.

Chúng tôi quan sát cô lợi ra, có phần hơi lúng túng.

“Cậu ấy đi đâu thế?” Millard hỏi. Có vẻ cậu ta muốn hỏi tôi. Tôi lắc đầu.

“Chúng ta đang bị đám xác sống săn đuổi!” Enoch hét với theo Emma. “Chúng ta đã hoàn toàn bị lạc! Cậu đang nghĩ tới cái quỷ quái nào vậy?”

“Tớ đang nghĩ như một người đặc biệt!” Emma quát lại. Cô bì bõm lội qua làn nước nông tới chân tảng đá, sau đó leo lên hàm nó và nhìn vào trong cái miệng đang há ra của nó.

“Thế nào?” tôi gọi. “Cậu thấy gì vậy?”

“Không biết!” cô trả lời. “Trông như thể bên trong chạy sâu xuống dưới. Tốt hơn tớ nên lại nhìn gần hơn!”

Emma trèo vào trong khuôn miệng bằng đá của người khổng lồ.

“Tốt hơn cậu nên leo xuống khỏi chỗ đó, không lại làm sao bây giờ!” Horace gọi lớn. “Cậu đang khiến mọi người lo lắng đấy.”

“Cậu thì cái gì chả lo,” Hugh nói.

Emma ném thêm một hòn đá xuống dưới cổ họng người khổng lồ, lắng nghe âm thanh vọng lại. Cô đang dợm nói “Tớ nghĩ chỗ này có thể là một...” thì trượt chân trên những hòn sỏi rời, và từ cuối cùng cô nói bị sót mất khi cô toài người bám lại kịp thời, suýt ngã.

“Cẩn thận!” tôi gọi lớn, tim đập thành thịch. “Đợi đã, tớ cũng tới đây!”

Tôi bị bõm lộn xuống hồ theo sau cô.

“Nó có thể là cái gì cơ?” Enoch hỏi.

“Chỉ có một cách để tìm ra thôi!” Emma nói đầy kích động, rồi đi sâu hơn vào miệng người khổng lồ.

“Ôi, Chúa ơi,” Horace thốt lên. “Cậu ấy đi vào kia...”

“Đợi đã!” tôi lớn tiếng gọi lần nữa, nhưng Emma đã đi, rồi biến mất xuống dưới cổ họng người khổng lồ.

Khi lại gần, trông người khổng lồ có vẻ to hơn so với khi nhìn từ trên bờ, và khi ngó xuống cuống họng tối om của nó, tôi dám thề tôi gần như có thể nghe thấy ông lão Cuthbert hít thở. Tôi khum hai bàn tay lại gọi tên Emma. Chính giọng nói của tôi vọng trở lại. những người khác lúc này cũng đang lộn xuống hồ, nhưng tôi không thể đợi họ - nhờ Emma đang gặp nguy hiểm dưới đó thì sao? Tôi bèn nghiêng chặt răng, thả hai chân vào bóng tối, rồi buông mình xuống.

Tôi rơi khá lâu. Trong hẵn một giây. Rồi ùm – một cú rơi vào nước lạnh tới mức làm tôi há hốc miệng, tất cả các sợi cơ trên người đồng loạt co thắt

lại. Tôi đã phải tự nhắc mình khóa nước nếu không muốn chìm nghỉm. tôi đang ở trong một cái hang hẹp tối mờ mờ ngập đầy nước, không có đường nào để leo trở lên cái hòng dài trơn tuột của người khổng lồ; không dây thừng, không thang, không bậc để chân. Tôi lớn tiếng gọi Emma, nhưng khắp xung quanh không thấy bóng dáng cô đâu.

Ôi Chúa ơi, tôi thấm nghĩ. Cô ấy chết đuối rồi!

Nhưng rồi có thứ gì đó chạm vào cánh tay tôi, và các bong bóng nước bắt đầu sủi lên khắp xung quanh tôi, rồi một khoảnh khắc sau Emma trôi lên mặt nước, hôn hển thở lấy hơi.

Trông cô có vẻ vẫn ổn trong ánh sáng mờ nhạt. “Bạn đang đợi gì vậy?” cô nói, dùng bàn tay khóa nước như thể muốn tôi cùng lặn xuống với mình. “Đi thôi!”

“Bạn mất trí à?” tôi nói. “Bạn mình đang bị mắc kẹt ở đây!”

“Tất nhiên là không!” cô nói.

Giọng nói của Bronwyn gọi xuống từ bên trên. “Xiiiin chào, tớ nghe thấy hai người dưới đó! Các cậu tìm thấy gì thế?”

“Tớ nghĩ chỗ này là lối vào một Vòng Thời Gian!” Emma đáp lại. “Bảo mọi người nhảy xuống và đừng sợ. Tớ và Jacob sẽ gặp các cậu ở phía bên kia!”

Rồi sau đó cô cầm tay tôi, và dù không hoàn toàn hiểu chuyện gì đang diễn ra, tôi vẫn hít một hơi thật sâu và để cô kéo mình xuống dưới mặt nước. Chúng tôi lộn ngược người đạp chân bơi xuống dưới hướng đến một cái lỗ vừa cỡ người chui lọt trên vách đá, qua đó có thể nhìn thấy một tia sáng ban ngày. Emma đẩy tôi vào trong rồi theo sau, và chúng tôi bơi qua một lối thông dài chừng ba mét, sau đó chui ra hồ. Phía trên chúng tôi, tôi có thể nhìn thấy bề mặt nước dập dềnh, và ở trên nữa là bầu trời xanh được khúc xạ qua làn nước, và khi chúng tôi bơi lên hướng về phía nó, nước ấm lên nhanh chóng. Sau đó, chúng tôi nhô lên khỏi mặt nước, há miệng thở lấy hơi, và ngay lập tức tôi có thể cảm thấy thời tiết đã thay đổi: lúc này trời nóng và oi bức, và ánh sáng đã chuyển sang ráng chiều vàng óng. Cả độ sâu của hồ nước cũng đã thay đổi - giờ đây nước đã dâng lên tới tận cằm người khổng lồ.

“Thấy chưa?” Emma cười hân hoan. “Chúng ta đang ở một chỗ khác!”

Và thế là chúng tôi đã đi vào một Vòng Thời Gian - từ bỏ buổi sáng mát mẻ của năm 1940 để tới một buổi chiều nóng bức của một năm nào đó xa xưa hơn, cho dù thật khó nói rõ xa xưa hơn bao lâu ở giữa chốn rừng già này, cách xa những manh mối có thể cung cấp dữ liệu của thế giới văn minh.

Từng người một, những đứa trẻ khác nhô lên khỏi mặt nước quanh chúng tôi, và khi trông thấy sự vật thay đổi nhiều đến mức nào, họ cũng đã tự mình hiểu ra.

“Các cậu có nhận ra điều này nghĩa là gì không?” Millard kêu lên the thé. Cậu ta đang hắt nước văng tung tóe, bơi vòng vòng, thở không ra hơi vì phấn khích. “Như thế có nghĩa là có những tri thức bí mật được ghi lại trong *Những truyện kể!*”

“Vậy là giờ chúng cũng không vô dụng lắm, phải không?” Olive nói.

“Ồ, tớ rất nóng lòng được phân tích và lập chú thích cho chúng,” Millard vừa nói vừa xoa xoa hai bàn tay vào nhau.

“Thách cậu dám viết lên cuốn sách của tớ đấy, Millard Nullings!” Bronwyn lên tiếng.

“Nhưng đây là Vòng Thời Gian nào vậy?” Hugh hỏi. “Các cậu nghĩ ai đang sống ở đây?”

Olive nói, “Những người bạn động vật của Cuthbert, tất nhiên rồi!”

Enoch đảo mắt chán nản nhưng rồi ngừng lại không nói ra khả năng mà cậu ta đang nghĩ đến - *Đó chỉ là một câu chuyện mà thôi!* - có thể và tâm trí cậu ta cũng đang bắt đầu đổi hướng.

“Mỗi Vòng Thời Gian đều có một Chủ Vòng,” Emma nói, “kể cả những vòng bí ẩn từ trong các truyện kể trong sách. Vậy chúng ta hãy cùng đi tìm bà ấy nào.”

“Được thôi,” Millard nói. “Ở đâu?”

“Địa điểm duy nhất câu chuyện nhắc tới ngoài hồ nước này là ngọn núi kia,” Emma nói, chỉ về phía vách đá nhô lên đằng sau những rặng cây. “Ai

sẵn sàng leo trèo một chút nào?”

Chúng tôi đều đói và mệt, tất cả chúng tôi, nhưng việc tìm thấy Vòng Thời Gian đã đem đến cho chúng tôi một luồng sinh lực mới. Chúng tôi để người khổng lồ bằng đá lại sau lưng mình và bắt đầu băng qua rừng đi về phía chân vách đá, quần áo của chúng tôi nhanh chóng khô cong trong thời tiết nóng. Khi chúng tôi lại gần vách đá, mặt đất bắt đầu dốc lên, rồi sau đó một lối mòn rõ nét xuất hiện, chúng tôi đi theo nó lên, lên mãi, qua những lùm cây linh sam rậm rạp và những lối đi ngoằn ngoèo lờm chờm đá, cho tới khi con đường mòn ở một số nơi trở nên dốc tới mức chúng tôi phải leo bằng cả tứ chi, bấu vào những gờ góc cạnh trên mặt đất để đu lên.

“Tốt hơn nên có thứ gì đó kỳ diệu ở cuối con đường này,” Horace nói và đưa tay lên gạt mồ hôi trán. “Một quý ông thì không vã mồ hôi!”

Con đường một co hẹp lại như một dải ruy băng, mặt đất trở nên dựng đứng ở bên phải chúng tôi và dốc xuống hun hút về bên trái, tiếp theo là một tấm thảm xanh các ngọn cây trải rộng. “Ôm lấy bờ vách đá!” Emma cảnh báo. “Roi xuống dưới khá sâu đây.”

Chỉ nhìn xuống bờ vực tôi đã chóng mặt. Đột nhiên, dường như tôi vừa hình thành một nỗi sợ độ cao đến quặn thắt dạ dày, và tôi phải dồn hết sự tập trung lại chỉ để đặt được một bàn chân xuống phía trước bàn chân kia.

Emma chạm khẽ lên cánh tay tôi. “Cậu không sao chứ?” cô thì thầm. “Trông cậu tái mét kìa.”

Tôi nói dối là mình vẫn ổn, và thành công trong việc giả bộ bình thường qua thêm đúng ba khúc quẹo nữa của con đường mòn, đến lúc ấy tim tôi đập nhanh vọt lên, hai chân run rẩy dữ dội tới mức tôi phải ngồi xuống ở ngay giữa lối mòn hẹp, chặn đường tất cả những người đi sau.

“Ôi trời,” Hugh lẩm bẩm. “Jacob xỉu rồi kìa.”

“Tớ không biết mình bị làm sao nữa,” tôi lẩm bẩm. Trước đây, tôi chưa bao giờ bị sợ độ cao, nhưng lúc này tôi thậm chí không thể đưa mắt nhìn qua bờ vực bên rìa lối mòn mà dạ dày không quặn thắt lại.

Thế rồi một điều thật khủng khiếp nảy ra với tôi: thế nhờ điều tôi đang cảm thấy không phải là chứng sợ độ cao mà là đám hồn rỗng thì sao?

Nhưng không thể có chuyện đó: chúng tôi đang ở trong một Vòng Thời Gian, nơi đám hồn rỗng không thể tới. Thế nhưng càng xem xét cơn đau quặn bụng, tôi càng thấy tin chắc không phải bờ vực đang làm phiền tôi, mà là thứ gì đó *bên dưới* vực.

Tôi cần phải nhìn tận mắt.

Những người khác lo lắng bàn tán cạnh tôi, hỏi tôi bị làm sao, có ổn không. Tôi tảng lờ những lời họ nói, ngả người ra trước chổng trên hai bàn tay, bò về phía rìa lối mòn. Càng tới gần, cảm giác đau quặn trong dạ dày tôi càng dữ dội, như thể bị cào rách thành từng mảnh từ bên trong. Còn cách chục phân nữa, tôi nằm ép sát bụng xuống đất, đưa các ngón tay ra bấu vào rìa bờ vực, sau đó nhích người lên trước cho tới khi tôi có thể ngó xuống qua rìa lối mòn.

Đôi mắt tôi chỉ mất một khoảnh khắc để nhìn thấy con hồn rỗng. Thoạt đầu, nó chỉ là một chấm nhỏ mờ mờ mất hút giữa sườn núi lởm chởm; một cái bóng chập chờn trong không khí giống như những quầng hơi bốc lên từ một chiếc ô tô còn nóng rực. Một chút mơ hồ, hầu như không thể nhận ra.

Đó là cách thức chúng xuất hiện trong mắt những người bình thường và những người đặc biệt khác - trong mắt bất cứ ai không thể làm được như tôi.

Sau đó, tôi thực sự trải nghiệm năng lực đặc biệt của mình được kích hoạt. Rất nhanh chóng, những cơn co thắt trong bụng tôi tụ dồn lại, tập trung thành một điểm đau duy nhất; rồi sau đó, theo một cách tôi không hoàn toàn lý giải được, cơn đau đó trở nên *có định hướng*, kéo dài ra từ một điểm thành một đường, từ một chiều thành hai chiều. Đường thẳng này, như một chiếc kim la bàn, chỉ chéo về phía phía cái chấm mơ hồ ở phía dưới tôi gần một trăm mét về bên trái trên sườn núi, những gợn sóng và ánh chập chờn mờ mờ của nó bắt đầu tập hợp, đông tụ lại thành một khối đen hữu hình, một thân người được tạo nên từ các xúc tu và bóng đen, bám vào vách đá.

Và sau đó nó nhận ra tôi đã thấy nó, và cả thân hình kinh tởm của con quái vật trở nên căng cứng. Áp sát người vào vách đá, nó ngoạc cái miệng đầy răng nhọn hoắt ra và rống lên một tiếng ghê rợn như muốn xé rách màng nhĩ.

Các bạn tôi chẳng cần tôi phải mô tả thứ tôi nhìn thấy nữa. Chỉ mình âm thanh đó là đủ.

“*Hôn rỗng!*” ai đó hét lên.

“Chạy!” một người khác la lớn, nói ra điều đã hiển nhiên.

Tôi tụt lùi khỏi bờ vực và được kéo đứng dậy, sau đó tất cả chúng tôi cùng tùm tùm thành một khối đồng loạt chạy, không phải xuống chân núi mà lên trên cao hơn, đi

Chương 4

Addison đi bằng bốn chân với cái mũi tẹt hếch lên trong khi sinh vật hình người có tên là Grunt chạy vùn vụt xung quanh chúng tôi như một con cún con bị cuồng chân. Từ phía sau các bụi cỏ và những cái lán nằm rải rác đây đó, tôi có thể thấy những khuôn mặt đang nhìn lên về phía chúng tôi – phần lớn đều lông lá, và có đủ hình dạng, kích thước. Khi chúng tôi đi tới giữa mặt bằng đỉnh núi, Addison vươn lên đứng trên hai chân sau và gọi to, “Đừng sợ, các bạn! Hãy lại đây gặp những bạn trẻ đã trừ khử gã khách không được hoan nghênh của chúng ta!”

Lần lượt từng con, một đoàn sinh vật kỳ lạ bước ra khoảng trống. Addison giới thiệu chúng trong khi chúng lại gần. Sinh vật thứ nhất trông giống như nửa trên của một con hươu cao cổ thu nhỏ gắn vào nửa sau của một con lừa. Nó bước đi vụng về trên hai chân sau – mà kỳ thực nó cũng chỉ có hai chân. “Đây là Deirdre,” Addison nói. “Cô ta là một bán lừa cao cổ, trông hơi giống một con lừa và một hươu cao cổ ghép lại với nhau, chỉ có điều là ít chân hơn cộng với tính khí cáu bẳn hơn. Cô nàng là một kẻ thảm hại chua ngoa khủng khiếp khi chơi bài,” con chó thì thầm nói thêm. “*Đừng* bao giờ chơi bài với một con bán lừa cao cổ. Hãy chào đi nào, Deirdre!”

“Tạm biệt!” Deirdre nói, đôi môi to như môi ngựa của con vật co ra sau thành một nụ cười phô ra những cái răng vấu. “Ngày chả ra gì! Gặp các vị khó chịu thật!” Rồi con vật phá lên cười – một tiếng hí be be cao vút – và nói, “Đùa thôi!”

“Deirdre nghĩ cô ấy khá vui tính,” Addison giải thích.

“Nếu cậu giống một con lừa và một hươu cao cổ,” Olive nói, “thì sao cậu lại không được gọi là một lừa hươu cao cổ?”

Deirdre cau có trả lời, “Bởi vì tên gì mà lại kinh khủng như thế? Bán lừa cao cổ nghe rất thuận miệng, cậu không nghĩ vậy sao?” Rồi con vật thè lưỡi ra – tron nhẫy, hồng hào, và dài đến cả mét – rồi chình cái vương miện trên đầu Olive cho ngay ngắn lại bằng phần chót lưỡi. Olive kêu ré lên chạy ra nấp sau lưng Bronwyn rồi cười khúc khích.

“Tất cả động vật ở đây đều biết nói sao?” tôi hỏi.

“Chỉ Deirdre và tôi thôi,” Addison nói, “và đó cũng là điều tốt. Đám gà mái sẽ không bao giờ ngời miệng, và họ không thể nói được lấy một từ!” Vừa đúng lúc, một bầy gà mái cục tác không ngớt miệng như những quả cầu len lăn về phía chúng tôi từ một cái chuồng gà cháy đen. “À!” Addison nói. “Giờ đến lượt các cô nàng đây rồi.”

“Chuyện gì xảy ra với chuồng của bọn họ thế?” Emma hỏi.

“Cứ mỗi lần chúng tôi sửa chữa lại nó, bọn họ lại đốt trụ nó đi,” con chó nói. “Thật là bực mình.” Addison quay người hất hàm về phía khác. “Có lẽ các cô cậu sẽ muốn lùi lại một chút. Đám gà mái này mà bị kích động lên thì...”

BÙM! Một âm thanh nghe như tiếng nổ làm tất cả chúng tôi nhảy dựng lên, và vài tấm ván ít ỏi cuối cùng còn chưa bị tổn hại của cái chuồng gà vỡ vụn và bắn tung lên không khí.

“...trứng của họ liền nổ tung,” Addison kết thúc nốt câu.

Khi khói tan, chúng tôi thấy bầy gà mái vẫn đang chạy về phía mình, không hề bị thương tổn và có vẻ cũng chẳng ngạc nhiên gì trước vụ nổ, một đám mây lông vũ bay toì bời xung quanh chúng như những bông tuyết.

Enoch há hốc miệng. “Mi muốn nói với ta là đám gà mái này để *trứng nổ* sao?!” cậu ta nói.

“Chỉ khi bọn họ kích động thôi,” Addison nói. “Phần lớn trứng của họ khá an toàn – và ngon tuyệt nữa! Nhưng chính những quả trứng nổ đã làm họ có tên gọi không hay ho lắm: Gà mái Ngày Tận Thế.”

“Tránh xa chúng tôi ra!” Emma hét lên khi đám gà mái xích lại gần. “Các cô sẽ làm nổ tung tất cả chúng tôi mất!”

Addison phá lên cười. “Họ rất dễ thương và vô hại, tôi cam đoan với cô đấy, và họ cũng không đẻ trứng ở đâu hết ngoài chuồng của họ.” Đám gà mái hân hoan cục tác quanh chân chúng tôi. “Các cô cậu thấy chưa?” con chó nói. “Họ thích mấy người đấy!”

“Đây đúng là một trại thương điên!” Horace nói.

Deirdre bật cười. “Không đâu, cậu bé. Đây là một trại động vật.”

Sau đó, Addison giới thiệu chúng tôi với một số động vật có năng lực đặc biệt tinh tế hơn, bao gồm một con cú đậu trên cành cây quan sát chúng tôi, im lặng và chăm chú, và một đàn chuột dường như liên tục biến mất rồi lại hiện ra trong tầm mắt một cách huyền ảo, như thể chúng dành một nửa thời gian ở một không gian thực tại nào khác. Còn có cả một con dê với cặp sừng rất dài và đôi mắt đen thẳm; một thành viên mồ côi của một đàn dê đặc biệt từng sinh sống trong khu rừng bên dưới.

Khi tất cả đám động vật đã tập hợp lại, Addison lớn tiếng, “Ba lần hoan hô dành cho những người diệt trừ hồn rỗng!” Deirdre hí lên, con dê gõ móng xuống đất, con cú rúc lên, đôi gà mái cục tác còn Grunt gầm gừ bày tỏ sự tán thưởng. Trong khi tất cả việc này diễn ra, Bronwyn và Emma liên tục đưa mắt nhìn nhau – Bronwyn liếc nhìn xuống áo khoác của cô, cô Peregrine đang được giấu ở đó, rồi nhướn mày sang Emma hỏi: *Bây giờ nhé?* Và Emma lắc đầu trả lời: *Chưa đến lúc.*

Bronwyn đặt Claire nằm xuống một đám cỏ dưới một bóng cây mát mẻ. Cô bé đang vã mồ hôi và run rẩy, lúc tỉnh lúc mê.

“Có một thứ thuốc nước đặc biệt tôi đã thấy cô Wren pha chế để trị sốt,” Addison nói. “Có vị kinh khủng nhưng hiệu quả.”

“Mẹ tớ hay nấu xúp gà cho tớ,” tôi đề xuất.

Đám gà mái hốt hoảng kêu quang quác, Addison liền ném về phía tôi một cái nhìn gay gắt. “Cậu ấy đùa đấy mà!” con chó nói. “Chỉ là đùa thôi, đùa rõ vô duyên, ha ha! Làm gì có thứ gì gọi là xúp gà chứ!”

Với sự giúp đỡ của Grunt và hai ngón cái có thể quay ra đối diện với nhau của anh ta, Addison cùng cô nàng bán lửa cao cổ đi chuẩn bị món thuốc nước. Chẳng mấy chốc, họ đã quay lại mang theo một cái bát đựng thứ gì đó như nước rửa bát bẩn thiu. Sau khi Claire uống hết tới giọt cuối cùng và nằm xuống ngủ, đám động vật dọn ra cho chúng tôi một bữa ăn khiêm tốn: những giỏ bánh mì mới nướng cùng táo ninh nhừ và trứng luộc – loại không nở - tất cả đều được đưa thẳng tới tận tay chúng tôi, vì họ không có đĩa hay khay bạc. Tôi đã không nhận ra mình đói tới mức nào cho đến khi ngấu nghiến hết ba quả trứng và một ổ bánh mì chỉ trong vòng chưa tới năm phút.

Khi đã ăn xong, tôi ợ lên một tiếng, quệt miệng và ngược mắt lên thì thấy tất cả đám động vật đang nhìn lại, háo hức quan sát chúng tôi, khuôn mặt họ sáng động thông minh tới mức tôi trở nên đờ đẫn và phải vất vả chống đỡ lại một cảm giác mạnh mẽ quả quyết là tôi đang mơ.

Millard đang ngồi ăn cạnh tôi, tôi liền quay sang cậu ta và hỏi, “Trước hôm nay cậu đã bao giờ nghe nói tới các động vật đặc biệt chưa?”

“Chỉ trong các câu chuyện cho trẻ con thôi,” cậu ta lung búng, khoang miệng đầy ắp bánh mì. “Vì thế thật lạ lùng khi một câu chuyện như thế lại dẫn chúng ta đến với họ.”

Chỉ mình Olive dường như không hề ngạc nhiên trước tất cả những chuyện này, có lẽ vì cô vẫn còn quá bé – hay ít nhất là một phần trong cô – và do đó khoảng cách giữa những chuyện kể với đời thực vẫn chưa có vẻ quá lớn. “Những con vật khác đâu rồi?” cô hỏi Addison. “Trong câu chuyện kể về Cuthbert còn có cả gấu chân cà kheo và linh miêu hai đầu nữa.”

Và ngay lập tức, tâm trạng hân hoan của các động vật tan biến. Grunt giấu mặt vào hai lòng bàn tay to bản, còn Deirdre bật ra một tiếng hí phiền muộn. “Đừng hỏi, đừng hỏi,” cô bán lửa cao cổ nói, cúi gục cái đầu dài xuống. Nhưng đã quá muộn.

“Những bạn trẻ này đã giúp chúng ta,” Addison nói. “Họ xứng đáng được nghe câu chuyện buồn của chúng ta, nếu họ muốn.”

“Nếu các bạn không phiền thì hãy kể cho chúng tôi,” Emma nói.

“Tôi thích những câu chuyện buồn,” Enoch nói. “Nhất là những câu chuyện trong đó các công chúa bị rồng ăn thịt và tất cả mọi người đều chết

vào đoạn kết.”

Addison hăng giọng. “Trong trường hợp của chúng tôi, nghe có vẻ giống con rồng bị công chúa ăn thịt hơn,” con chó nói. “Chuyện đã trôi qua vài năm với những con vật như chúng tôi, và đã bắt đầu chùng vài thế kỷ trước.” Con chó đi đi lại lại, giọng nói của nó đầy vẻ rao giảng quan trọng. “Ngày xưa ngày xưa, thế giới này đông nghịt những động vật đặc biệt. Vào thời *Aldinn*, có nhiều động vật đặc biệt trên trái đất này hơn người đặc biệt. Chúng tôi xuất hiện dưới mọi hình dạng, kích thước các bạn có thể hình dung ra: cá voi có thể bay như chim, những con giun to bằng cái nhà, chó thông minh gấp đôi so với tôi, cô cậu tin được không. Một số loài có cả vương quốc riêng, có thủ lĩnh cai trị.” Một tia sáng lóe lên di chuyển trong đáy mắt con chó, gần như khó lòng nhận ra – như thể nó đã sống đủ lâu để nhớ rõ về thế giới ở thời kỳ đó – rồi nó thở dài thật sâu, tia sáng tắt vụt đi, và nói tiếp, “Nhưng số lượng của chúng tôi chỉ còn không bằng một nhỏ trước đây. Chúng tôi đã rơi vào cảnh gần tuyệt chủng. Có ai trong các cô cậu biết chuyện gì đã xảy ra với các loại động vật đặc biệt từng có thời phổ biến trên thế giới không?”

Chúng tôi im lặng ăn, lấy làm xấu hổ vì mình không biết.

“Được rồi,” con chó nói. “Hãy đi cùng tôi và tôi sẽ chỉ cho các cô cậu thấy.” Và nó thong thả chạy ra ngoài nắng rồi ngoái lại nhìn, đợi chúng tôi theo sau.

“Làm ơn nào, Addie,” cô bán lừa cao cổ nói. “Không phải bây giờ - những vị khách của chúng ta đang ăn mà!”

“Họ hỏi, và giờ tôi đang trả lời họ,” Addison nói. “Bánh mì của họ sẽ vẫn ở nguyên đây sau vài phút nữa!”

Chúng tôi miễn cưỡng bỏ đồ ăn xuống và đi theo con chó. Fiona ở lại để trông nom Claire, lúc này vẫn đang ngủ, rồi với Grunt và cô bán lừa cao cổ chạy theo sau, chúng tôi băng qua bãi đất phẳng tới chỗ vạt rừng nhỏ mọc ở rìa phía xa. Một lối đi rải sỏi uốn lượn qua các gốc cây, chúng tôi giẫm lên đó lạo xạo bước đi tới một trảng trống. Ngay trước khi chúng tôi tới chỗ đó, Addison nói, “Tôi xin phép được giới thiệu với các cô cậu những động vật đặc biệt xuất chúng nhất từng sống!” và những hàng cây tách ra hé lộ một nghĩa địa nhỏ đầy ắp những hàng bia mộ trắng sắp xếp ngay ngắn.

“Ôi, không,” tôi nghe thấy Bronwyn thốt lên.

“Có lẽ ở đây có nhiều động vật đặc biệt được chôn cất hơn cả số hiện còn sống trên toàn châu Âu,” Addison nói, lách qua các ngôi mộ để đi tới, tựa chân trước vào một bia mộ. “Đây là Pompey. Bà ấy là một con chó tử tế, và chỉ liếm vài cái là có thể làm lành các vết thương. Một kỳ quan thực sự! Ấy thế nhưng bà ấy lại bị đối xử *thế này* đây.” Addison tặc lưỡi, và Grunt bước tới, cầm trên tay một cuốn sách nhỏ và dúi nó vào tay tôi. Đó là một tập album ảnh, được mở sẵn tới bức ảnh chụp một con chó bị đóng ách, như lừa hay ngựa, vào một cái xe nhỏ. “Bà ấy bị đám diễn xiếc rong trong hội chợ bắt làm nô lệ,” Addison nói, “bị buộc phải kéo xe cho những đứa trẻ béo phì được cưng nhiều như những con gia súc kéo tầm thường – thậm chí còn bị đánh bằng roi thúc!” Đôi mắt con chó cháy rục lên căm giận. “Đến nỗi khi cô Wren cứu được Pompey, bà ấy đã suy sụp đến mức gần như chết hẳn. Bà ấy chỉ thoi thóp thêm được vài tuần sau khi tới đây, rồi được chôn cất ở chỗ này.”

Tôi đưa cuốn album cho những người khác. Tất cả những ai trông thấy bức ảnh đều thờ dài, lắc đầu hoặc cay đắng lắm nhảm.

Addison đi tới một ngôi mộ khác. “Còn vĩ đại hơn nữa là Ca’ab Magda,” con chó nói, “bà linh dương mười tám sừng đã tung hoành trong các Vòng Thời Gian ở Ngoại Mông. Bà ấy thật kinh khủng! Mặt đất rung chuyển dưới móng guốc của bà khi bà chạy! Người ta kể thậm chí bà đã từng hành quân vượt dãy Alpes cùng quân đội của Hannibal năm 218 trước Công nguyên. Thế rồi vài năm trước, một tay thợ săn đã bắn bà.”

Grunt đưa ra bức ảnh chụp một phụ nữ lớn tuổi trông có vẻ như vừa trở về sau một chuyến đi săn ở châu Phi, ngồi trên một cái ghế kỳ dị làm từ những chiếc sừng.

“Tôi không hiểu,” Emma nói, nhìn chăm chăm vào bức ảnh. “Ca’ab Magda đâu?”

“Đang bị ngòi lên,” Addison nói. “Tay thợ săn lấy sừng của bà ấy chế thành một cái ghế.”

Thiếu chút nữa Emma đánh rơi mất tập album. “Thật ghê tởm!”

“Nếu đó là bà ấy,” Enoch vừa nói vừa gõ vào bức ảnh, “vậy cái gì được chôn cất ở đây?”

“Cái ghê,” Addison nói. “Một cuộc đời đặc biệt đã bị phí phạm như thế đấy.”

“Nghĩa địa này đầy ắp những câu chuyện như của Magda,” Addison nói. “Cô Wren muốn trại động vật này là một con thuyền cứu nạn, nhưng dần dà nó trở thành nghĩa địa.”

“Như tất cả các Vòng Thời Gian của chúng ta,” Enoch nói. “Như chính bản thân giới sinh vật đặc biệt. Một thử nghiệm thất bại.”

“ ‘Nơi này đang chết dần,’ cô Wren hay nói vậy.” Giọng Addison cất lên bắt chước bà Chủ Vòng. “ ‘Và tôi chẳng là gì ngoài người chủ trì một tang lễ dài!’ ”

Đôi mắt Addison sron ước khi nhớ tới bà, nhưng nhanh chóng đánh trở lại. “Cô ấy đã rất kịch.”

“Làm ơn đừng nhắc tới Chủ Vòng của chúng ta bằng thời quá khứ,” Deirdre nói.

“Rất kịch,” con chó nói. “Xin lỗi. Không có *đã*.”

“Bọn họ săn các bạn,” Emma nói, giọng lạc hẳn đi vì bức xúc. “Tàn sát các bạn, giam hãm các bạn trong vườn thú.”

“Đúng như những tay thợ săn đã làm trong câu chuyện về Cuthbert,” Olive nói.

“Phải,” Addison nói. “Có những sự thực tốt nhất nên được diễn đạt dưới dạng truyền thuyết.”

“Nhưng chẳng có Cuthbert nào cả,” Olive nói, bắt đầu hiểu ra. “Không có người khổng lồ nào hết. Chỉ có một con chim.”

“Một con chim rất *đặc biệt*,” Deirdre nói.

“Các bạn đang lo lắng cho bà ấy,” tôi nói.

“Tất nhiên là thế rồi,” Addison nói. “Theo như tôi biết, cô Wren là Chủ Vòng duy nhất còn lại chưa bị bắt. Khi nghe nói các chị em của mình bị bắt

cóc đưa tới London, bà đã bay ngay tới đó để giúp đỡ họ mà không dành ra lấy một khoảnh khắc nghĩ tới an nguy của bản thân.”

“Hay của chúng tôi,” Deirdre lầm bầm.

“London ư?” Emma hỏi. “Các bạn có chắc đó là nơi những Chủ Vòng bị bắt cóc bị đưa tới không?”

“Hoàn toàn chắc chắn,” con chó trả lời. “Cô Wren có điệp viên trong thành phố - một bầy bồ câu đặc biệt theo dõi mọi thứ và báo cáo lại cho bà. Gần đây, vài con bồ câu tới gặp chúng tôi trong tình trạng buồn phiền khủng khiếp. Họ nhận được thông tin chắc chắn là các Chủ Vòng đã – và vẫn đang – bị giam cầm trong các Vòng Trừng Phạt.”

Một vài đứa trẻ kêu lên thảng thốt, nhưng tôi không hiểu ý con chó muốn nói gì. “Vòng Trừng Phạt là gì vậy?” tôi hỏi.

“Chúng được thiết lập để giam giữ những xác sống bị bắt, những tên tội phạm bất trị, và những kẻ mất trí nguy hiểm,” Millard giải thích. “Chúng không hề giống những Vòng Thời Gian chúng ta biết. Là những nơi rất, rất kinh khủng.”

“Và bây giờ đến lượt bọn xác sống, và hẳn là cả đám hồn rỗng của chúng, đang canh giữ họ,” Addison nói.

“Lạy Chúa lòng lành!” Horace thốt lên. “Thế thì còn tồi tệ hơn những gì chúng tôi đã sợ!”

“Cậu đang đùa chắc?” Enoch nói. “Đây *chính xác* là điều tớ đã sợ!”

“Cho dù đám xác sống đang toan tính mục đích ám muội nào,” Addison nói, “rõ ràng là chúng cần đến tất cả các Chủ Vòng để hoàn thành điều đó. Giờ đây chỉ còn lại cô Wren... cô Wren can đảm, táo bạo một cách bất cần... và ai biết còn được trong bao lâu!” Sau đó, con chó ư ử hệt như một vài con chó vẫn làm trong lúc sấm chớp bão bùng, cụp tai lại và cúi đầu xuống.

Chúng tôi quay trở lại dưới bóng cây và hoàn tất bữa ăn của mình, và khi chúng tôi đã no căng không thể ăn thêm miếng nào nữa, Bronwyn quay sang Addison và nói, “Ông biết đấy, ông Chó, mọi thứ không đến nỗi khủng

khiếp như ông nói đâu.” Sau đó, cô nhìn Emma rồi nhướn mày lên, và lần này Emma gật đầu.

“Vậy sao,” Addison đáp lại.

“Phải, đúng thế. Thực ra, ở ngay đây tôi có một thứ có thể sẽ làm ông vui lên.”

“Tôi hơi nghi ngờ điều đó đấy,” con chó lăm nhăm, nhưng vẫn ngẩng đầu lên khỏi hai chân trước để nhìn xem thứ đó là gì.

Bronwyn mở áo khoác ra và nói, “Tôi muốn ông gặp người Chủ Vòng thứ hai còn chưa bị bắt, cô Alma Peregrine.” Con chim ló đầu ra ngoài ánh nắng và chớp mắt.

Giờ đến lượt những con vật ngỡ ngàng. Deirdre há hốc miệng kinh ngạc, Grunt kêu lên the thé và vỗ tay, còn bầy gà mái vỗ phành phạch đôi cánh vô dụng của họ.

“Nhưng chúng tôi nghe nói vòng của các cô cậu đã bị tấn công!” Addison nói. “Chủ Vòng của các bạn đã bị bắt cóc!”

“Đúng thế,” Emma nói đầy tự hào, “nhưng chúng tôi đã đoạt lại được cô ấy!”

“Nếu vậy,” Addison nói, cúi đầu xuống trước cô Peregrine, “đây quả là một hân hạnh hiếm có. Sẵn sàng phụng sự bà. Nếu bà cần một chỗ để biến hình, tôi sẽ rất vui được dẫn bà tới nơi ở riêng của cô Wren.”

“Cô ấy không biến hình được,” Bronwyn nói.

“Thế là sao?” Addison hỏi. “Bà ấy ngại chăng?”

“Không,” Bronwyn nói. “Cô ấy bị kẹt.”

Cái tàu rơi khỏi miệng Addison. “Ôi, không,” con chó khẽ thốt lên. “Cô có chắc thế không?”

“Cô ấy đã thế này được hai ngày rồi,” Emma nói. “Tôi nghĩ nếu có thể trở lại dạng người, thì đến lúc này cô ấy đã làm thế rồi.”

Addison lắc đầu hất đôi kính ra khỏi mặt mình rồi nhìn con chim, đôi mắt mở to đầy quan ngại. “Tôi có thể khám cho bà ấy được không?” con

chó hỏi.

“Ông ấy là một bác sĩ Dollittle chính hiệu,” cô bán lừa cao cổ nói. “Addie chữa trị cho tất cả chúng tôi khi chúng tôi ốm.”

Bronwyn nâng cô Peregrine lên khỏi áo khoác của cô rồi để con chim xuống đất. “Nhưng mà hãy cẩn thận với bên cánh bị thương của cô ấy,” cô nói.

“Tất nhiên rồi,” Addison nói. Con chó bắt đầu chậm rãi đi vòng quanh con chim, quan sát từ mọi góc độ. Sau đó, nó dùng cái mũi to uơn ướn ngửi ngửi đầu và đôi cánh con chim. “Hãy cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra với bà ấy,” cuối cùng nó nói, “và khi nào, như thế nào. Hãy kể lại cho tôi biết tất cả.”

Emma kể lại toàn bộ câu chuyện: cô Peregrine đã bị Golan bắt cóc thế nào, bà đã suýt chết đuối trong lòng nhốt dưới biển ra sao, và bằng cách nào chúng tôi đã cứu được bà ra khỏi một chiếc tàu ngầm do đám xác sống điều khiển. Những con vật chăm chú lắng nghe. Khi chúng tôi kể xong, con chó dành một khoảnh khắc để ngẫm nghĩ, rồi sau đó đưa ra chẩn đoán, “Bà ấy đã bị đầu độc. Tôi tin chắc là thế. Bị đầu độc bằng thứ gì đó khiến bà ấy bị giữ nguyên ở dạng chim.”

“Thật ư?” Emma hỏi. “Làm sao ông biết được?”

“Bắt cóc và vận chuyển các Chủ Vòng khi họ đang ở dạng người và có thể thi triển các phép thuật làm ngừng thời gian là một việc làm nguy hiểm. Tuy nhiên, khi ở dạng chim, quyền năng của họ rất hạn chế. Theo cách này, cô phụ trách của các cô cậu trở nên nhỏ gọn, dễ cất giấu... và ít đe dọa hơn.” Con chó nhìn cô Peregrine. “Gã xác sống đã bắt bà có phun thứ gì lên bà không?” nó hỏi bà. “Một chất lỏng hay chất khí nào đó?”

Cô Peregrine gật gù – có vẻ như một cái gật đầu.

Bronwyn há hốc miệng. “Ôi, cô phụ trách, em rất xin lỗi. Chúng em không hề biết.”

Tôi cảm thấy cảm giác tội lỗi nhói lên. Chính *tôi* đã dẫn đám xác sống tới hòn đảo. *Tôi* chính là lý do khiến chuyện này xảy ra với cô Peregrine. Tôi đã làm đám trẻ đặc biệt mất đi mái nhà của họ, hay ít nhất là một phần.

Nỗi hổ thẹn mà những điều đó gây nên chèn nặng như một tảng đá trong họng tôi.

Tôi nói, “Nhưng rồi bà ấy sẽ khá hơn đúng không? Và sẽ trở lại hình người chứ?”

“Cánh của bà ấy sẽ lành lại,” Addison đáp, “nhưng nếu không có sự trợ giúp, bà ấy sẽ không thể trở lại hình người được.”

“Cô ấy cần sự giúp đỡ thế nào?” Emma hỏi. “Ông có thể giúp cô ấy được không?”

“Chỉ một Chủ Vòng khác mới có thể giúp bà ấy. Và bà ấy còn rất ít thời gian.”

Tôi cứng người lại. Đây là một tin mới.

“Ý ông là sao?” Emma hỏi.

“Tôi không thích trở thành kẻ báo tin xấu,” Addison nói, “nhưng hai ngày là khoảng thời gian rất dài với một Chủ Vòng khi bị giam hãm trong hình dạng này. Càng trải qua nhiều thời gian dưới dạng chim, phần bản thể người của bà ấy càng bị mất đi. Ký ức, ngôn ngữ của bà ấy – mọi thứ tạo nên con người bà ấy – cho tới khi cuối cùng, bà ấy sẽ không còn là Chủ Vòng nữa. Bà ấy sẽ chỉ là một con chim, vĩnh viễn.”

Trong đầu tôi hiện lên hình ảnh cô Peregrine nằm xoài trên giường bệnh của một phòng cấp cứu, xúm quanh là các bác sĩ, hơi thở đã ngừng – mỗi tích tắc trôi qua đều gây ra cho bộ não bà một tổn thương mới không thể chữa lành.

“Bao lâu?” Millard hỏi. “Cô ấy còn thêm bao lâu nữa?”

Addison nheo mắt, lắc đầu. “Hai ngày, nếu bà ấy mạnh mẽ.”

Những tiếng thì thầm và thảng thốt vang lên. Chúng tôi ai nấy đều tái mặt.

“Ông chắc chứ?” Emma nói. “Ông có hoàn toàn, thực sự chắc không?”

“Tôi từng chứng kiến chuyện đó xảy ra trước đây rồi.” Addison chỉ chân về phía con cú nhỏ đang đậu trên cành cây gần đó. “Olivia đây vốn là một Chủ Vòng trẻ nhưng gặp phải một tai nạn nghiêm trọng trong quá trình

huấn luyện. Người ta mang cô ấy tới chỗ chúng tôi năm ngày sau đó. Cô Wren và tôi đã làm tất cả những gì có thể để cố đưa cô ấy trở lại hình người, nhưng chỉ vô vọng. Chuyện đó xảy ra mười năm trước; kể từ dạo ấy, Olivia vẫn cứ thế này.”

Con cú mở to mắt nhìn chăm chăm câm lặng. Bên trong nó không còn sức sống nào ngoài một con vật; có thể thấy ngay điều đó trong sự vô hồn của đôi mắt.

Emma đứng dậy. Cô dường như định nói gì đó – tôi hi vọng là để tập hợp chúng tôi, thúc giục chúng tôi hành động bằng những lời hô hào truyền cảm hứng nào đó – nhưng có vẻ cô không thể nói ra lời. Cố kìm lại tiếng nức nở, cô loạng choạng đi xa khỏi chúng tôi.

Tôi gọi với theo, nhưng Emma không dừng lại. Những người khác chỉ nhìn cô bước đi, choáng váng trước tin xấu kinh khủng; và cũng choáng váng trước biểu hiện của sự yếu đuối hay do dự từ Emma. Cô đã duy trì được sự mạnh mẽ của mình trước tất cả những người khác lâu đến mức chúng tôi dần coi thái độ đó là đương nhiên, nhưng cô không phải là sắt đá. Emma có thể đặc biệt, song cô cũng là một con người.

“Tốt hơn cậu nên đi gọi cô ấy về đi, Jacob,” Bronwyn nói với tôi. “Chúng ta không nên nán lại đây lâu.”

Khi tôi bắt kịp Emma, cô đang đứng gần rìa bãi đất phẳng trên đỉnh núi, nhìn chăm chú xuống phong cảnh bên dưới, những triền đồi dốc xanh rì thoải thoải dần xuống vùng đồng bằng phía xa. Cô nghe thấy tôi lại gần nhưng không ngoái lại.

Tôi lung túng đứng cạnh cô và cố nghĩ ra lời lẽ nào đó phẩn chấn để nói. “Tớ biết cậu đang sợ, và... và ba ngày có vẻ không phải là quãng thời gian dài, nhưng...”

“Hai ngày,” cô nói. “*Có thể* là hai ngày.” Đôi môi cô run rẩy. “Và đó thậm chí còn chưa phải là điều tồi tệ nhất.”

Tôi giật mình. “Làm thế nào tình hình lại có thể tồn tại hơn nữa?”

Emma đã cố gắng kìm chế để khỏi rơi nước mắt, nhưng giờ đây, trong cơn vỡ òa đột ngột, cô đã thua. Cô ngồi phịch xuống đất và nức nở, một cơn bão tố bao trùm lấy cô. Tôi quỳ gối xuống, đưa cánh tay ôm lấy Emma và giữ chặt. “Tớ xin lỗi,” cô nói, nhắc lại câu đó ba lần, giọng khàn khàn, như một sợi thừng bị tước rách dần. “Đáng ra cậu không bao giờ nên ở lại. Đáng ra tớ không nên để cậu ở lại. Nhưng tớ đã ích kỷ... ích kỷ khủng khiếp!”

“Đừng nói vậy,” tôi nói. “Tớ ở đây... tớ ở đây, và tớ sẽ không đi đâu cả.”

Câu nói đó dường như chỉ làm cô khóc dữ hơn. Tôi ép môi lên trán cô, hôn lên đó cho tới khi cơn bão tố bắt đầu lắng dịu trong cô, nhưng tiếng nức nở khẽ dần chỉ còn là thút thít. “Hãy nói cho tớ biết đi,” tôi nói. “Nói cho tớ biết điều gì không ổn.”

Sau một phút, Emma đứng dậy, lau mắt và cố trấn tĩnh lại. “Tớ đã hi vọng không bao giờ phải nói điều này,” cô nói. “Hy vọng rằng điều đó sẽ chẳng nghiêm trọng. Cậu có nhớ lúc tớ nói với cậu, vào buổi tối cậu quyết định đi cùng bọn tớ, là có thể cậu sẽ không bao giờ về nhà được nữa không?”

“Tất nhiên tớ nhớ.”

“Cho đến lúc này tớ đã không hề biết điều đó thực sự đúng đến mức nào. Tớ sợ là tớ đã kết án cậu, Jacob, bạn thân mến, vào một cuộc sống ngăn ngùi kẹt trong một thế giới đang lụi tàn.” Cô hít một hơi run rẩy, rồi nói tiếp. “Cậu đến với chúng tớ qua Vòng Thời Gian của cô Peregrine, và điều đó có nghĩa là chỉ cô Peregrine hay Vòng Thời Gian của cô mới có thể giúp cậu quay trở lại. Nhưng giờ đây Vòng Thời Gian của cô không còn nữa – hoặc nếu nó chưa biến mất thì cũng sắp rồi – như thế thì cô Peregrine là đường về nhà duy nhất của cậu. Nhưng nếu cô không bao giờ trở lại hình người nữa...”

Tôi nặng nề nuốt khan, cổ họng tôi khô khốc. “Thì tớ sẽ mắc kẹt trong quá khứ.”

“Phải. Và cách duy nhất để trở về cái thời vẫn được cậu coi là thời của cậu là phải đợi nó – từng ngày, từng năm.”

Bảy mươi năm. Đến khi đó bố mẹ tôi, và tất cả những ai tôi biết hay quan tâm hẳn đều đã chết, còn với họ thì tôi cũng đã chết từ lâu. Tất nhiên, nếu như chúng tôi sống sót qua được tất cả những thử thách sắp phải đối

diện, tôi vẫn luôn có thể đi tìm bố mẹ tôi trong vài thập kỷ nữa, sau khi họ ra đời – nhưng để làm gì? Họ sẽ chỉ là những đứa trẻ, những người xa lạ với tôi.

Tôi tự hỏi đến khi nào bố mẹ tôi trong thời hiện tại ở nhà sẽ từ bỏ hy vọng tìm thấy tôi còn sống. Họ sẽ tự kể cho nhau những chuyện gì để lý giải cho sự biến mất của tôi. Có phải tôi đã bỏ trốn? Hay bị mất trí? Hay gieo mình xuống biển từ một vách đá?

Liệu họ có tổ chức tang lễ cho tôi? Mua cho tôi một cỗ quan tài? Khắc tên tôi lên bia mộ?

Tôi sẽ trở thành một bí ẩn họ không bao giờ lý giải được. Một vết thương không bao giờ lành.

“Tớ rất xin lỗi,” Emma lại nói. “Nếu biết tình hình của cô Peregrine tôi tệ đến thế, tớ xin thề với cậu, tớ sẽ không bao giờ đề nghị cậu ở lại. Hiện tại không có ý nghĩa gì với tất cả bọn tớ. Nó sẽ giết chết bọn tớ nếu bọn tớ lưu lại đó quá lâu! Nhưng cậu – cậu vẫn còn gia đình, một cuộc sống...”

“Không!” tôi nói, hét lên, vung bàn tay đập xuống đất – để xua đuổi những ý nghĩ than thân trách phận bắt đầu phủ bóng trong đầu. “Tất cả giờ đã qua rồi. Tớ đã chọn ở đây.”

Emma áp tay lên bàn tay tôi và dịu dàng nói, “Nếu những gì các động vật nói là đúng, và tất cả các Chủ Vòng của chúng ta đã bị bắt cóc, chẳng bao lâu nữa nơi đây cũng không còn.” Cô bốc lấy một ít đất trong bàn tay rồi rải chúng bay theo gió. “Không có các Chủ Vòng để duy trì các Vòng Thời Gian, chúng sẽ sụp đổ. Đám xác sống sẽ lợi dụng các Chủ Vòng để thực hiện lại thí nghiệm đáng nguyên rủa của chúng, và tai họa năm 1908 sẽ tái diễn – và hoặc chúng sẽ thất bại, cả thế giới sẽ bị biến thành một hồ sâu bốc khói, hoặc chúng sẽ thành công và trở thành bất tử, khi đó chúng ta sẽ bị đám quái vật đó thống trị. Dù theo cách nào đi nữa, chúng ta sẽ sớm tuyệt chủng, nghiêm trọng hơn cả tình hình của các động vật đặc biệt! Và giờ tớ lại kéo cậu vào cơn ác mộng vô vọng này – để làm gì kia chứ?”

“Chuyện nào xảy ra cũng đều có lý do cả,” tôi nói.

Tôi không thể tin những lời đó lại được nói ra từ miệng mình, nhưng ngay khi chúng vang lên tôi đã cảm thấy sự đích xác của chúng ngân vang

lên trong tôi như một tiếng chuông.

Tôi ở đây vì lý do nào đó. Có một điều đã khiến tôi được sinh ra không chỉ để *tồn tại*, mà để *hành động* – và hành động đó không phải là bỏ chạy, lẩn trốn hay bỏ cuộc ngay khi tình thế có vẻ khủng khiếp và vô vọng.

“Tớ tưởng cậu không tin vào định mệnh,” Emma nói, xem xét tôi với vẻ hoài nghi.

Tôi từng không tin – không hẳn là tin – nhưng tôi cũng không chắc nên giải thích thế nào về thứ tôi tin nữa. Tôi nghĩ lại những câu chuyện ông nội thường hay kể cho tôi nghe. Chúng đầy ắp những điều kỳ diệu và phiêu lưu, nhưng xuyên suốt chúng còn một điều sâu sắc hơn nữa – cái cảm giác biết ơn vĩnh cửu. Khi còn bé, tôi đã tập trung vào phần ông nội Portman mô tả một hòn đảo đầy màu nhiệm cùng những đứa trẻ đặc biệt với năng lực kỳ diệu, nhưng giữ vai trò trung tâm trong các câu chuyện của ông lại là Peregrine, việc bà đã giúp đỡ ông vào thời khắc cần kíp khẩn thiết như thế nào. Khi tới xứ Wales, ông tôi từng là một cậu bé hoảng loạn, không nói được ngôn ngữ của nơi này, một cậu bé bị hai loại quái vật săn đuổi: một loại cuối cùng đã giết hại gần hết thành viên gia đình cậu, còn loại kia, gớm ghiếc đến khó tả và vô hình với tất cả mọi người trừ cậu, và có vẻ như trực tiếp bước ra từ những cơn ác mộng của cậu. Đối mặt với những mối đe dọa này, cô Peregrine đã che giấu ông, cho ông một mái nhà, và giúp ông khám phá ra con người thực của mình – bà đã cứu cuộc đời ông, và khi làm thế, bà cũng đã góp phần vào sự ra đời của bố tôi, và sau đó, của chính tôi. Bố mẹ tôi đã sinh ra, nuôi dạy và yêu quý tôi, và vì thế tôi nợ họ. Nhưng tôi hẳn đã không bao giờ có cơ hội chào đời nếu không nhờ lòng nhân ái lớn lao, vị tha cô Peregrine dành cho ông tôi. Tôi đã bắt đầu dần tin rằng mình được đưa tới đây để báo đáp món nợ đó – của chính tôi, của bố tôi, và cả ông tôi nữa.

Tôi cố hết sức để giải thích. “Chuyện này không phải là định mệnh,” tôi nói, “nhưng tớ thực sự nghĩ có một sự cân bằng trên thế giới, và đôi lúc những thế lực chúng ta không hiểu nổi can thiệp vào để chỉnh cán cân theo đúng hướng. Cô Peregrine đã cứu ông tớ, và giờ tớ có mặt ở đây để góp phần cứu *bà*.”

Emma nheo mắt lại, chậm rãi gật đầu. Tôi không thể đoán chắc liệu cô đang đồng ý với tôi hay tìm một cách lịch sự để nói với tôi là tôi đã mất trí..

Rồi cô ôm lấy tôi.

Tôi không cần giải thích thêm nữa. Emma đã hiểu.

Cả cô cũng nợ cô Peregrine mạng sống.

“Chúng ta có ba ngày,” tôi nói. “Chúng ta sẽ tới London, giải thoát một trong số các Chủ Vòng, rồi chữa khỏi cho cô Peregrine. Tình hình vẫn chưa vô vọng. Chúng ta sẽ cứu bà ấy, Emma, hoặc chết trong khi cố làm điều đó.” Những lời nói nghe có vẻ can trường và kiên quyết tới mức trong một khoảnh khắc tôi tự hỏi liệu tôi có thật là người đã nói ra chúng.

Trước sự ngạc nhiên của tôi, Emma bật cười, như thể cô thấy những lời tôi nói có vẻ gì đó tức cười, rồi cô nhìn đi hướng khác trong một thoáng. Khi cô quay lại nhìn tôi, quai hàm cô nghiến chặt, đôi mắt sáng lên; sự tự tin trước đây của Emma đã quay trở lại. “Đôi lúc tớ không thể chắc chắn được liệu cậu hoàn toàn mất trí hay cậu là một thứ phép màu,” cô nói. “Dù tớ bắt đầu nghĩ có lẽ khả năng thứ hai là đúng.”

Cô vòng hai cánh tay ôm lấy tôi lần nữa, và chúng tôi ôm chặt lấy nhau hồi lâu, cô tựa đầu lên vai tôi, hơi thở của cô ấm áp phả vào cổ tôi, vậy là đột nhiên tôi không muốn gì hơn là loại bỏ nốt những khoảng cách nhỏ nhoi còn lại giữa cơ thể chúng tôi, hòa làm một. Nhưng sau đó cô gỡ mình ra, hôn lên trán tôi rồi bắt đầu quay trở lại chỗ những người khác. Tôi quá ngây ngất đến nỗi không thể đi theo ngay lập tức, vì vừa có một điều mới mẻ diễn ra, một vòng quay bên trong tim tôi trước đây tôi chưa bao giờ nhận thấy, và nó đang quay tít nhanh đến mức làm tôi chóng mặt. Và Emma càng đi xa dần, vòng quay đó càng quay nhanh hơn, như thể có một cuộn dây vô hình đang tuột ra từ nó, nối giữa hai chúng tôi, và nếu cô đi quá xa sợi dây đó sẽ đứt phụt – và giết chết tôi.

Tôi bản khoăn không biết liệu cảm giác đau nhói lạ lùng, ngọt ngào này có phải là yêu.

Những người khác đang xúm lại dưới bóng cây, cả những đứa trẻ và đám động vật. Emma và tôi rảo bước về phía họ. Tôi cảm thấy thôi thúc muốn khoác tay cô, và thiếu chút nữa đã làm thế nếu không phải một điều đã ập đến làm tôi nghĩ lại. Tôi đột nhiên ý thức được – khi Enoch quay sang nhìn

chúng tôi với sự nghi ngờ rõ ràng mà cậu ta luôn dành cho tôi trước đây, và giờ đây dành cho cả hai chúng tôi, với mức độ ngày càng tăng – là Emma và tôi đã trở thành một đội tách riêng khỏi những người khác, một mối liên kết riêng tư với những bí mật và hứa hẹn chỉ của hai người.

Bronwyn đứng lên khi chúng tôi lại gần, “Cậu ôn cả chứ, Emma?”

“Ôn cả, ôn cả,” Emma vội nói, “chỉ là tớ bị thứ gì đó bay vào mắt thôi. Bây giờ, tất cả mọi người thu dọn đồ đạc của mình. Chúng ta phải tới London lập tức, và tìm cách chữa cho cô Peregrine trở lại như cũ!”

“Bọn tớ rất mừng là cậu đồng ý,” Enoch nói kèm theo một cái đảo mắt. “Bọn tớ cũng đã đi tới kết luận đó vài phút trước, khi hai người đang ở đằng kia thì thầm.”

Emma đỏ mặt, nhưng không mắc bẫy khiêu khích của Enoch. Vào lúc này, còn nhiều chuyện quan trọng cần lo hơn là vài xung đột vặt vãnh – cụ thể là vô vàn nguy hiểm khó lường của cuộc hành trình chúng tôi sắp thực hiện. “Tớ chắc tất cả mọi người đều đã ý thức được,” Emma nói, “dù có đánh giá theo bất kỳ tiêu chí nào, đây vẫn là một kế hoạch rất tồi mà hy vọng thành công vô cùng ít ỏi.” Cô đưa ra một số lý do. London ở cách đây rất xa – có thể theo tiêu chuẩn của thế giới ngày nay thì không, khi chúng ta có thể dùng GPS tìm đường tới ga tàu hỏa gần nhất và lên một chuyến tàu tốc hành nhanh chóng đưa chúng ta tới trung tâm thành phố trong vài giờ. Tuy nhiên, vào năm 1940, ở một nước Anh đang bị chiến tranh làm rung chuyển, London dường như cách xa cả thế giới: các tuyến đường bộ và đường sắt có thể bị tắc nghẽn vì người tị nạn, bị bom phá hủy, hay bị dành riêng cho các đoàn quân xa, bất cứ lý do nào cũng có thể buộc chúng tôi phải mất thêm thời gian mà cô Peregrine không còn để lãng phí. Tệ hơn thế, chúng tôi sẽ bị săn đuổi – và thậm chí còn ráo riết hơn lúc trước đây, khi bây giờ gần như toàn bộ các Chủ Vòng khác đã bị bắt giữ.

“Hãy quên chuyện đi đi!” Addison nói. “Đó là điều ít đáng lo nghĩ nhất với các cô cậu! Có lẽ tôi đã can gián không đủ thuyết phục khi chúng ta bàn bạc chuyện này lúc trước. Có lẽ các cô cậu chưa hoàn toàn hiểu rõ tình hình các Chủ Vòng đang bị giam cầm.” Con chó nhún mạnh từng âm tiết như thể chúng tôi bị nặng tai. “Chẳng lẽ chưa ai trong các cô cậu từng đọc về các Vòng Trừng Phạt từ những cuốn sách về lịch sử thế giới đặc biệt của các vị sao?”

“Tất nhiên là chúng tôi có đọc,” Emma nói.

“Vậy thì các cô cậu phải biết tìm cách xâm nhập vào đó cũng đồng nghĩa với tự sát. Chúng là những cái bẫy chết người, từng cái một trong chúng đều chứa đựng những giai đoạn kinh hoàng nhất của lịch sử London – vụ Đại Hỏa hoạn năm 1666; cuộc vây hãm chết chóc của người Viking năm 842; đỉnh cao thảm khốc của Dịch bệnh ghê rợn! Người ta không xuất bản các bản đồ định vị những nơi này vì lý do hiển nhiên. Vì thế, trừ phi các cô cậu đã có kinh nghiệm thực tế về những phần bí hiểm nhất của thế giới đặc biệt...”

“Tôi là người chuyên nghiên cứu về những Vòng Thời Gian bí hiểm và khó chịu,” Millard lên tiếng. “Điều đó từng là thú vui trong nhiều năm.”

“Khá lắm!” Addison nói. “Vậy tôi đoán cậu có cách để vượt qua cả bẫy hòn rỗng canh gác lối vào của chúng nữa!”

Đột nhiên, có vẻ như ánh mặt mọi người đều đổ dồn vào tôi. Tôi khó nhọc nuốt vào, cố tỏ vẻ tự tin và nói, “Phải, thực tế thì chúng tôi có cách.”

“Tốt hơn nên thế,” Enoch lầm bầm.

Sau đó Bronwyn nói, “Tớ tin cậu, Jacob. Tớ chưa biết cậu lâu, nhưng tớ cảm thấy mình biết rõ trái tim cậu, một trái tim mạnh mẽ, chân thành – một trái tim đặc biệt – và tớ tin cậu.” Cô cúi người tựa sát vào tôi, khoác vai tôi, và tôi cảm thấy cổ họng thít lại.

“Cảm ơn cậu,” tôi nói, cảm thấy thật kém cỏi nhỏ bé trước cảm xúc lớn lao của cô.

Con chó tặc lưỡi. “Điên rồ. Các cô cậu chẳng có chút bản năng tự bảo tồn nào. Quả là kỳ diệu khi các cô cậu bây giờ vẫn còn hít thở.”

Emma bước tới trước mặt Addison và tìm cách làm con chó im lặng. “Phải, kỳ diệu,” cô nói, “cảm ơn ông vì đã khai sáng cho chúng tôi bằng quan điểm của mình. Giờ đây, gạt những bi quan qua một bên, tôi cần phải hỏi các bạn còn lại: có ai phản đối gì việc chúng tôi đang đề xuất không? Tôi không muốn ai tình nguyện vì cảm thấy bị gây sức ép.”

Horace rụt rè từ từ giơ tay lên. “Nếu London là nơi tất cả đám xác sống đang có mặt, chẳng phải tới đó cũng có nghĩa là bước thẳng vào tay chúng?”

Liệu đó có phải là ý hay không?”

“Đó là một ý tưởng *thiên tài*,” Enoch bực bội nói. “Bọn xác sống tin chắc những đứa trẻ đặc biệt chúng ta đều ngoan ngoãn, yếu đuối. Việc chúng ta lần theo là điều chúng không bao giờ lường được.”

“Thế nhờ chúng ta thất bại thì sao?” Horace hỏi. “Chúng ta sẽ tự tay giao cô Peregrine tới tận trước cửa nhà chúng!”

“Ai bảo London là cửa nhà chúng thế?” Hugh nói.

Enoch khịt mũi. “Đừng có bực đường cho thực tế. Nếu chúng đã phá mở được các Vòng Thời Gian dùng làm nhà tù và sử dụng những nơi này để giam giữ các Chủ Vòng của chúng ta, các cậu có thể đánh cược hết thịt trên người của mình là chúng cũng đã kiểm soát nốt phần còn lại của thành phố! London chắc chắn sẽ *nhung nhúc* lũ chúng, hãy nhớ lấy lời tớ. Nếu không phải thế, đám xác sống đã chả bao giờ bận tâm truy lùng chúng ta trên hòn đảo Cairnholm cũ kỹ. Đó là chiến lược quân sự cơ bản. Trong chiến trận, đầu tiên các cậu không nhắm vào ngón chân hồng hồng của kẻ thù – các cậu sẽ đâm thẳng vào tim hắn!”

“Làm ơn nào,” Horace rên rầm, “nói về những Vòng Thời Gian bị phá hủy và những quả tim bị đâm thế là đủ rồi đấy. Cậu làm mấy đứa nhỏ phát hoảng bây giờ!”

“Tớ không sợ!” Olive nói.

Horace co rúm lại. Ai đó lảm bảm *đồ hèn*.

“Không được nói thế!” Emma gay gắt nói. “Thấy sợ thì cũng chẳng có gì sai cả. Như thế có nghĩa là các cậu nhìn nhận điều cực kỳ nghiêm túc chúng tớ đề xuất một cách rất nghiêm chỉnh. Bởi vì, phải, việc này sẽ nguy hiểm. Phải, cơ hội thành công rất nhỏ nhoi. Và thậm chí dù chúng ta có tới được London, không gì đảm bảo chúng ta sẽ có thể *tìm ra* các Chủ Vòng, chưa nói gì tới cứu được một người. Hoàn toàn có khả năng là cuối cùng chúng ta sẽ héo mòn dần trong một nhà tù nào đó của bọn xác sống hoặc bị tiêu hóa trong bụng một con hồn rỗng. Mọi người hiểu cả chưa?”

Những cái gật đầu nghiêm nghị tỏ vẻ đã hiểu.

“Tớ có bực đường thứ gì không, Enoch?”

Enoch lắc đầu.

“Nếu thử làm việc này,” Emma nói tiếp, “rất có thể chúng ta sẽ mất cô Peregrine. Chừng đó là điều không còn gì để tranh luận nữa. Nhưng nếu *không* thử, nếu *không* đi, khi đó chắc chắn chúng ta sẽ mất cô – và kiểu gì lũ xác sống cũng sẽ bắt được chúng ta! Nói như vậy nghĩa là ai cảm thấy không đủ can đảm thực hiện chuyến đi có thể ở lại.” Cô muốn nói tới Horace và tất cả chúng tôi đều biết. Horace nhìn chăm chăm xuống đất. “Cậu có thể ở lại đây, một nơi an toàn, và bọn tớ sẽ tới đón cậu sau, khi trở ngại đã qua. Không có gì phải xấu hổ vì điều đó cả.”

“Có tâm thất trái của tớ chứng giám!” Horace nói. “Nếu tớ ngồi yên cho qua chuyện này thì tớ sẽ chết vì nhục mắt.”

Đến cả Claire cũng từ chối bị bỏ lại. “Tớ vừa trải qua tám năm toàn những ngày vui vẻ nhàm chán,” cô nói, đang nằm ngủ dưới bóng cây bèn chống khuỷu tay ngồi nhổm dậy. “Ở lại đây trong khi các cậu đi phiêu lưu ư? Không đời nào!” Nhưng khi cố đứng dậy, cô nhận ra mình không thể, và lại nằm vật xuống, ho sặc sụa và chóng mặt. Cho dù thứ chất lỏng như nước rửa bát cô uống lúc trước đã làm cơn sốt dịu phần nào, vẫn không thể có chuyện Claire đủ sức thực hiện chuyến đi tới London – không phải hôm nay, hay ngày mai, và chắc chắn cũng không kịp thời gian để giúp cô Peregrine. Ai đó cần ở lại cùng Claire trong khi cô bé hồi phục.

Emma đề nghị mọi người xung phong tình nguyện. Olive giơ tay lên, nhưng Bronwyn bảo cô bé hãy quên chuyện đó đi – cô còn quá nhỏ. Bronwyn nhấp nhổm định giơ tay lên, nhưng rồi lại thôi. Cô nói đang bị giằng xé giữa mong muốn bảo vệ Claire và bản phận với cô Peregrine.

Enoch đưa khuỷu tay huých Horace. “Có chuyện gì với cậu vậy?” Enoch châm chọc. “Đây là cơ hội tuyệt vời để cậu được tụt lại sau còn gì!”

“Tớ *muốn* phiêu lưu, tớ thực sự và thành thật muốn,” Horace khẳng định. “Nhưng tớ cũng muốn được chứng kiến sinh nhật thứ 105 của mình, nếu cả hai đều có thể. Hãy hứa là chúng ta không cố cứu vớt cả cái thế giới bị nguyên rủa này đây nhé?”

“Chúng ta chỉ muốn cứu cô P thôi,” Emma nói, “nhưng tớ không thể cam đoan gì về sinh nhật của bất cứ ai.”

Horace có vẻ hài lòng với câu trả lời này, và cả hai tay cậu ta vẫn nắm yên vị hai bên sườn.

“Còn ai khác không?” Emma vừa hỏi vừa nhìn quanh.

“Được rồi,” Claire nói. “Tớ có thể tự lo được cho mình.”

“Không có chuyện đó đâu,” Emma nói. “Những người đặc biệt chúng ta phải trông nom nhau.”

Bàn tay Fiona giờ lên. Cô lặng lẽ quá, tới mức tôi gần như quên mất cô đang ngồi cùng chúng tôi.

“Ê, cậu không được!” Hugh nói. Cậu ta trông có vẻ bị tổn thương, như thể Fiona đã chối bỏ cậu ta khi tình nguyện ở lại. Cô nhìn cậu ta với đôi mắt to tròn buồn bã, nhưng bàn tay cô vẫn giờ nguyên.

“Cảm ơn cậu, Fiona,” Emma nói. “Nếu may mắn, chỉ vài ngày nữa là bọn tớ gặp lại cả hai cậu thôi.”

“Xin như Chim muôn,” Bronwyn nói.

“Như Chim muôn,” những người khác hòa theo.

Chiều trôi dần sang tối. Trong một giờ nữa, trời sẽ tối trong Vòng Thời Gian của những con vật, và việc tìm đường xuống núi sẽ nguy hiểm hơn nhiều với chúng tôi. Trong lúc chúng tôi sửa soạn rời đi, những con vật tốt bụng chuẩn bị cho chúng tôi thực phẩm tươi ngon và những chiếc áo dẹt từ len của con cừu đặc biệt, dù chính xác là gì thì cô bán lừa cao cổ không thể nhớ rõ ràng. “Không bắt lửa, tôi nghĩ vậy, hoặc có thể là không thấm nước. Phải rồi, chúng không bao giờ chìm trong nước, giống như những cái áo phao nhỏ vậy. Hay có thể, ồ, tôi không biết nữa, dù sao thì chúng cũng ấm!”

Chúng tôi cảm ơn Deirdre rồi gấp áo lại cho vào chiếc rương của Bronwyn. Sau đó, Grunt bước tới, cúi gập người ra trước, bê một cái gói giấy có buộc dây. “Một món quà từ bầy gà mái,” Deirdre giải thích, nháy mắt trong khi Grunt ấn nó vào tay tôi. “Đừng đánh rơi cái gói.”

Một người khôn khéo hơn tôi hẳn đã cân nhắc thiệt hơn về chuyện mang chất nổ theo trong chuyến đi, nhưng chúng tôi đang cảm thấy mình rất dễ bị

tấn công, và cả con chó lẫn cô bán lừa cao cổ đều thề rằng nếu chúng tôi nhẹ nhàng với những quả trứng thì chúng sẽ không phát nổ, vậy là chúng tôi cẩn thận xếp chúng vào giữa những chiếc áo len trong cái rương của Bronwyn. Đến lúc này, ít nhất chúng tôi không còn phải tay không đối diện với những kẻ có súng.

Sau đó, chúng tôi đã gần sẵn sàng, ngoại trừ một điều: khi rời khỏi Vòng Thời Gian của những con vật, chúng tôi sẽ trở lại lạc đường như khi tới. Chúng tôi cần biết phương hướng.

“Tôi có thể chỉ cho các cô cậu đường ra khỏi khu rừng,” Addison nói. “Hãy gặp tôi trên đỉnh tòa tháp của cô Wren.”

Không gian trên đỉnh tháp chật hẹp tới mức chỉ hai người trong chúng tôi đứng được cùng nhau trên đó, vậy nên Emma và tôi đi, leo lên những thanh tà vẹt xếp thành tòa tháp như những bậc của một cái thang khổng lồ. Grunt leo thoăn thoắt như khi lên tới đỉnh chỉ mất nửa thời gian, cắp theo Addison dưới nách.

Tầm nhìn từ trên đỉnh thật kinh ngạc. Về phía Đông, những triền rừng dốc thoải trải dài ra xa rồi nhường chỗ cho đồng bằng hoang vu bát ngát. Về phía Tây, bạn có thể nhìn suốt tới tận đại dương, ở đó có một con tàu có vẻ cổ xưa với những lá buồm lớn phức tạp đang lướt đi theo bờ biển. Tôi chưa bao giờ hỏi ở đây đang là năm nào – 1492? 1750? – nhưng tôi đoán với những con vật điều đó chẳng mấy quan trọng. Đây là một nơi an toàn cách xa thế giới loài người, và chỉ trong thế giới loài người năm tháng mới tạo ra sự khác biệt.

“Các cô cậu sẽ hướng về phía Bắc,” Addison nói, quả quyết hướng cái tẩu của mình về phía một con đường có thể thấy loáng thoáng chạy qua những hàng cây bên dưới như một nét kẻ mờ bằng bút chì. “Ở cuối con đường đó là một thị trấn, và ở trong thị trấn đó – ít nhất là ở thời gian của các cô cậu – có một ga tàu hỏa. Thời điểm các cô cậu di chuyển giữa các Vòng Thời Gian là khi nào nhỉ - 1940 phải không?”

“Đúng thế,” Emma đáp.

Dù chỉ hiểu lơ mơ điều hai người họ đang nói đến, tôi vẫn là kẻ chưa bao giờ ngại đưa ra những câu hỏi ngớ ngẩn. “Cứ đi từ đây ra luôn thì sao?” tôi hỏi. “Đi tới London ngay trong năm hiện tại, dù nó là năm nào đi nữa?”

“Cách duy nhất là dùng ngựa hay xe ngựa,” Addison nói, “sẽ mất vài ngày... lại còn gây ra những chuyện rầy rà đáng kể, theo kinh nghiệm của tôi. Tôi e rằng các cô cậu không còn nhiều thời gian đến thế để lãng phí.” Con chó quay lại dùng mũi đẩy mở cánh cửa dẫn vào căn nhà nhỏ trên đỉnh tháp. “Mời vào,” nó nói, “còn một thứ nữa tôi muốn cho các cô cậu xem.”

Chúng tôi theo Addison vào trong. Căn nhà rất chật chội và giản dị, khác xa tòa nhà vương giả của cô Peregrine. Toàn bộ đồ nội thất gồm một cái giường nhỏ, một tủ đựng quần áo và một bàn viết có nắp cuộn. Một cây kính viễn vọng được lắp trên giá ba chân hướng ra ngoài cửa sổ: đài quan sát của cô Wren, bà dùng nó để theo dõi những dấu hiệu bất trắc và những con bò câu đập viên dưới quyền hết đi rồi lại đến.

Addison tới bên bàn. “Nếu các cô cậu gặp khó khăn gì trong việc tìm đường,” con chó nói, “ở đây có tấm bản đồ khu rừng.”

Emma mở nắp bàn ra và tìm thấy tấm bản đồ, một cuộn giấy cũ ô vàng. Bên dưới là một bức ảnh nhàu nhĩ. Bức ảnh chụp một phụ nữ quàng khăn san đen có những hình tròn kim loại trang trí với mái tóc hoa râm búi cao lên theo kiểu thật lạ. Bà đang đứng cạnh một con gà mái. Thoạt nhìn, nó giống như một kiểu ảnh chụp hồng vào một khoảnh khắc không tập trung khi người phụ nữ đang nhìn đi hướng khác với đôi mắt khép lại, thế nhưng lại có một điều rất hợp lý trong bức ảnh – màu tóc và trang phục của người phụ nữ tiếp với bộ lông đốm trắng và đen của con gà mái; người phụ nữ và con gà đang ngoảnh mặt đi hai hướng đối diện, ngụ ý một mối liên hệ lạ lùng giữa họ, như thể họ đang nói với nhau mà không dùng đến lời; đang mơ về nhau.

Rõ ràng đây là cô Wren.

Nhìn thấy bức ảnh Addison dường như có rúm lại. Tôi có thể đoán chắc con chó lo lắng cho bà, nhiều hơn những gì nó muốn thừa nhận. “Làm ơn đừng coi đây là sự đồng thuận với chuyến đi tự sát của các cô cậu,” nó nói, “nhưng nếu các cô cậu thành công trong nỗ lực điên rồ của mình... và tình cờ gặp cô Wren trên đường... các cô cậu có thể cân nhắc... ý tôi là, liệu các cô cậu *có thể* cân nhắc...”

“Chúng tôi sẽ bảo bà ấy về nhà,” Emma nói, sau đó gãi gãi lên đầu Addison. Đó là một cử chỉ hoàn toàn bình thường với một con chó, nhưng

đường như lại là chuyện lạ với một con chó biết nói.

“Chó cầu chúc may mắn cho các cô cậu,” Addison đáp.

Sau đó, tôi định vuốt ve con chó, nhưng nó đã đứng lên hai chân sau và nói, “Cậu không phiền chứ? Làm ơn dừng tay lại!”

“Xin lỗi,” tôi lẩm bẩm, và khoảnh khắc lúng túng tiếp sau có thấy rõ ràng đã đến lúc ra đi.

Chúng tôi leo xuống khỏi tòa tháp để tới chỗ các bạn mình, nói lời tạm biệt đầy nước mắt với Claire và Fiona dưới bóng mát của gốc cây to. Đến lúc này Claire đã có một tấm nệm để nằm và chăn để đắp, và như một công chúa, cô chào đón chúng tôi tại chỗ nằm tạm kê ngay trên đất của mình, bòn lấy những lời hứa khi chúng tôi quỳ gối bên cạnh cô.

“Hãy hứa cậu sẽ quay trở lại,” cô nói với tôi khi đến lượt tôi, “và hứa sẽ cứu cô Peregrine.”

“Tôi sẽ cố hết sức,” tôi nói.

“Như thế vẫn chưa được!” cô nghiêm khắc nói.

“Tôi sẽ quay lại,” tôi nói. “Tôi hứa.”

“Và cứu cô Peregrine!”

“Và cứu cô Peregrine,” tôi nhắc lại, dù những lời này nghe thật sáo rỗng; tôi càng cố nói cho có vẻ tự tin thì thực ra lại càng cảm thấy ít tự tin.

“Tốt,” cô gật đầu nói. “Tuyệt vời vô cùng khi được biết cậu, Jacob, và tôi rất mừng vì cậu tới để ở lại.”

“Cả tôi cũng thế,” tôi nói, rồi hồi hải đứng dậy vì khuôn mặt bừng sáng với mái tóc vàng óng viền quanh của cô có vẻ chân thành đến mức làm tôi nhói đau. Claire tin tưởng hoàn toàn vào mọi điều chúng tôi nói với cô: rằng cô và Fiona sẽ ở cả ở đây, giữa những con vật đặc biệt, trong một Vòng Thời Gian đã bị Chủ Vòng của nó bỏ lại. Rằng chúng tôi sẽ quay lại đón họ. Tôi dốc lòng hy vọng điều đó sẽ không chỉ là diễn một màn kịch được dựng lên để khiến nhiệm vụ khó khăn chúng tôi phải làm trở nên khả thi.

Hugh và Fiona đứng riêng sang một bên, tay cầm tay, trán tựa vào nhau, chào tạm biệt theo cách riêng lặng lẽ của họ. Cuối cùng, tất cả chúng tôi đã

tạm biệt Claire xong và sẵn sàng lên đường, nhưng không ai muốn quấy rầy hai người họ, vì thế chúng tôi đứng nhìn trong khi Fiona tách mình ra khỏi Hugh, rắc vài hạt cây rơi xuống từ mái tóc tổ chim bù xù của cô, và làm mọc lên một bụi hồng nở đầy những bông hoa đỏ thắm ở đúng nơi họ đã đứng. Những con ong của Hugh ùn tới thụ phấn cho bụi hoa, và trong khi chúng bận bịu với việc đó – như thể cô gái đã tạo ra bụi hoa chỉ để hai người họ có được một khoảnh khắc cho riêng mình – Fiona ôm lấy cậu con trai và thì thầm gì đó vào tai cậu, và Hugh gật đầu rồi thì thầm lại gì đó. Cuối cùng hai người quay lại thì thấy tất cả chúng tôi đang nhìn, Fiona đỏ bừng mặt còn Hugh bước lại chỗ chúng tôi với hai bàn tay đút vào túi quần, bày ong bay theo thành một dải, và gất lên, “Đi thôi, màn trình diễn kết thúc rồi.”

Chúng tôi bắt đầu xuống núi đúng lúc trời nhá nhem. Những con vật tiền chúng tôi tới tận chỗ vách đá dựng đứng,

Olive nói với chúng, “Các bạn không đi cùng chúng tôi sao?”

Cô bán lừa cao cổ khịt mũi. “Ra ngoài đó chúng tôi sẽ không sống sót nổi quá năm phút! Các cô cậu ít nhất có thể hy vọng được coi như những người bình thường. Nhưng nếu ai đó thấy *tôi*...” Con vật lắc lư thân hình không có chi trước của mình. “Tôi sẽ bị bắn, nhồi bông rồi treo lên trong nháy mắt.”

Sau đó, con chó lại gần Emma và nói, “Nếu tôi có thể yêu cầu một điều cuối cùng từ cô...”

“Ông đã rất tử tế,” cô đáp. “Bất cứ điều gì cũng được.”

“Phiền cô châm tẩu thuốc cho tôi được không? Ở đây chúng tôi không có diêm; cả năm nay tôi chẳng được hút thuốc cho đảng hoàng.”

Emma làm theo yêu cầu, chạm một ngón tay cháy sáng vào nõ tẩu. Con chó bập một hơi thuốc dài đầy hài lòng rồi nói, “Chúc các cô cậu may mắn, những đứa trẻ đặc biệt.”

Chương 5

Chúng tôi bám vào tấm lưới đu đưa xoay qua xoay lại như một bầy khi, lóng ngóng va vào bề mặt vách đá trong khi ròng rọc kêu rít lên và sợi

thùng nghiền cốt kết. Chạm đất thành một đồng bó cứng lấy nhau, chúng tôi gỡ mình ra khỏi mớ bòng bong và tạo thành cảnh tượng trông như một bộ phim đã thất lạc của Three Stooges(*); vài lần tôi nghĩ mình đã thoát ra, rồi cố đứng lên chỉ để ngã dập mặt xuống lần nữa *bịch* một cái rõ nực cười! Con hòn rỗng đã chết nằm cách đó chỉ chừng mấy chục phân, những cái xúc tu của nó duỗi xòe ra như những cánh tay của một con sao biển bị đè bẹp dưới tảng đá. Tôi gần như cảm thấy bối rối vì chuyện đó: một con quái vật đáng sợ như thế lại bị những đứa trẻ như chúng tôi tiêu diệt. Lần tới – nếu còn có lần tới – tôi không nghĩ chúng tôi sẽ may mắn được như thế.

() Một nhóm phim hài Mỹ chuyên sản xuất các bộ phim ngắn trong giai đoạn 1925 – 1970.*

Chúng tôi rón rén đi vòng qua cái xác hôi thối của con hòn rỗng. Chúng tôi lao xuống núi nhanh hết mức có thể với mức độ hiểm trở của con đường mòn và món hành lý dễ phát nổ của Bronwyn. Xuống tới đất bằng, chúng tôi có thể lần theo đúng dấu chân của mình để quay trở lại qua thảm rêu mềm ướt át của khu rừng. Chúng tôi lại tìm thấy cái hồ đúng lúc mặt trời lặn và lũ dơi đang kêu rít bay ra khỏi nơi ẩn náu của chúng. Những con vật này dường như mang theo một lời đe dọa khó hiểu từ thế giới của ban đêm, gào thét và bay lượn trên đầu trong khi chúng tôi bị bõm lội qua làn nước nông về phía người khổng lồ đá. Chúng tôi leo lên miệng người khổng lồ rồi trượt xuống cổ họng ông ta, sau đó bơi ra ngoài ở phía sau tảng đá và lập tức lao vào làn nước lạnh hơn, ánh sáng rực rỡ hơn của buổi trưa, tháng Chín năm 1940.

Những người khác trôi lên quanh tôi, kêu thét lên và khum lấy tai, ai cũng cảm thấy áp lực đi kèm theo sự chuyển dịch quá nhanh.

“Cứ như một chiếc máy bay cất cánh vậy,” tôi nói, cử động hàm để nhà không khí ra.

“Tớ chưa bao giờ bay trên máy bay,” Horace nói, giữ nước khỏi vành mũ của cậu ta.

“Cũng như khi cậu đang đi trên xa lộ và ai đó hạ kính cửa xe xuống ấy,” tôi nói.

“Xa lộ là gì vậy?” Olive hỏi.

“Thôi quên đi.”

Emma suýt bảo chúng tôi im lặng. “Nghe xem!”

Tôi có thể nghe thấy tiếng chó sủa từ đằng xa. Tiếng sủa có vẻ cách rất xa, nhưng âm thanh trong rừng sâu truyền đi rất lạ, và khoảng cách có thể rất sai lệch. “Chúng ta cần phải đi thật nhanh,” Emma nói. “Trừ phi tớ bảo gì khác, từ giờ đừng ai phát ra âm thanh nào nữa – bao gồm cả cô, thưa cô phụ trách!”

“Tớ sẽ ném một quả trứng nỏ vào con chó đầu tiên lại gần chúng ta,” Hugh nói. “Điều đó sẽ dạy cho chúng biết thế nào là săn đuổi những người đặc biệt.”

“Đừng có làm liều,” Bronwyn nói. “Cầm một quả trứng mà không đúng cách thì có khả năng cậu sẽ làm tất cả chúng nỏ tung đấy.”

Chúng tôi lên khỏi hồ và bắt đầu quay lại qua khu rừng, Millard dò đường bằng tấm bản đồ nhàu nát của cô Wren. Sau nửa giờ, chúng tôi tới chỗ con đường đất Addison đã chỉ ra từ trên đỉnh tháp. Chúng tôi đứng trên chỗ vết lún của một chiếc xe goòng cũ trong khi Millard nghiên cứu bản đồ, xoay ngang xoay dọc nó, nheo mắt nhìn những chỗ đánh dấu nhỏ xíu trên đó. Tôi thò tay vào trong túi quần jean của mình tìm điện thoại, cứ định ninh có thể mở ra một tấm bản đồ riêng – thói quen cũ – để rồi nhận ra mình đang bám lên một tấm kính hình chữ nhật tất ngám nhất quyết không chịu sáng lên. Tất nhiên, cái điện thoại đã chết: bị ngấm nước, không được sạc pin, và cách trạm phát tín hiệu di động gần nhất năm mươi năm. Cái điện thoại là vật sở hữu duy nhất của tôi còn sót lại sau tai họa trên biển của chúng tôi, nhưng ở đây nó hoàn toàn vô dụng, một vật thể xa lạ. Tôi ném nó vào rừng. Ba mươi giây sau tôi cảm thấy một cơn hồi hận bùng lên và chạy đi nhặt nó về. Vì những lý do không hoàn toàn rõ ràng với mình, tôi vẫn chưa sẵn sàng vứt bỏ nó đi.

Millard gấp bản đồ lại và tuyên bố thị trấn ở bên trái chúng tôi – một chuyến cuộc bộ kéo dài ít nhất năm hay sáu giờ. “Nếu chúng ta muốn tới nơi trước khi trời tối thì tốt hơn nên khẩn trương lên.”

Chúng tôi chưa đi bộ được bao lâu thì Bronwyn để ý thấy một đám bụi bốc lên trên đường đằng sau chúng tôi, cách khá xa. “Có người đang tới,” cô nói. “Chúng ta nên làm gì đây.”

Millard cởi áo khoác ra ném vào bụi cỏ dại bên rìa đường, biến thành người vô hình. “Tớ khuyên các cậu nên tàng hình,” cậu ta nói, “bằng bất cứ cách thức nào trong giới hạn khả năng của các cậu.”

Chúng tôi rời khỏi đường và nằm mộp xuống khuất đằng sau một rặng cây bụi. Đám bụi tỏa rộng, và cùng với nó vang lên tiếng lọc cọc của bánh xe gỗ và tiếng lóc cóc của móng ngựa. Đó là một đoàn xe ngựa. Khi đoàn xe lọc cọc và lóc cóc hiện ra từ đám bụi và bắt đầu đi ngang qua chỗ chúng tôi, tôi thấy Horace há hốc miệng kinh ngạc còn Olive nở một nụ cười. Đó không phải là những chiếc xe chở hàng xám xịt tôi thường thấy ở Cairnholm, mà là thứ xe như tới từ một gành xiếc, được sơn sặc sỡ đủ bảy sắc cầu vồng, nóc xe và những cánh cửa được trang hoàng chạm trổ, được kéo bởi những con ngựa bồm dài, ngồi trên xe là những người đàn ông và phụ nữ đeo giày những chuỗi hạt cườm và choàng khăn màu sặc sỡ. Nhớ lại những câu chuyện Emma kể về những chuyến biểu diễn rong cùng cô Peregrine và những người khác, tôi quay sang cô và hỏi, “Họ có phải là người đặc biệt không?”

“Họ là người Digan,” cô đáp.

“Đó là tin tốt hay xấu vậy?”

Cô nheo mắt lại. “Chưa biết được.”

Tôi có thể thấy Emma đang cân nhắc một quyết định, và tôi tin chắc mình biết nó là gì. Thị trấn chúng tôi đang hướng tới cách đây rất xa, mà những chiếc xe ngựa này đi nhanh hơn nhiều so với chúng tôi đi bộ. Với đám xác sống và chó đang săn lùng chúng tôi, gia tăng tốc độ có nghĩa là sự khác biệt giữa bị bắt và thoát được. Nhưng chúng tôi không biết những người Digan này là ai, hay liệu chúng tôi có thể tin tưởng họ hay không.

Emma nhìn tôi. “Cậu nghĩ thế nào, bọn mình có nên đi nhờ không?”

Tôi nhìn những chiếc xe. Nhìn trở lại Emma. Nghĩ xem đôi chân tôi sẽ cảm thấy thế nào sau sáu giờ đi bộ với đôi giày vẫn còn ướt. “Chắc chắn là nên rồi,” tôi nói.

Ra hiệu cho những người khác, Emma chỉ vào chiếc xe sau cùng và ra hiệu chạy theo nó. Chiếc xe được tạo hình như một ngôi nhà thu nhỏ, mỗi bên có một ô cửa sổ nhỏ và một cái bệ nhô ra đằng sau như một bậc cửa, có

lẽ vừa đủ rộng và sâu để chứa tất cả chúng tôi nếu chúng tôi chen chúc sát vào nhau. Chiếc xe đang di chuyển nhanh, nhưng chúng tôi vắt chân lên cổ chạy đuổi theo thì vẫn kịp, vì thế khi nó chạy qua và chúng tôi đã nằm ngoài tầm mắt người đánh xe cuối cùng, chúng tôi lao ra khỏi bụi cây và gấp gáp chạy theo sau nó. Emma leo lên đầu tiên, rồi chìa một bàn tay ra đỡ người tiếp theo. Từng người một, chúng tôi kéo nhau lên và đứng yên vị vào những chỗ gò bó ở dọc theo bậc cửa sau của chiếc xe ngựa, thận trọng làm việc đó thật lặng lẽ để người đánh xe khỏi nghe thấy.

Chúng tôi đi như thế một lúc lâu, cho tới khi tai chúng tôi ong ong vì tiếng bánh xe lọc cọc, quần áo bám đầy bụi, đến khi mặt trời ban trưa đã chạy ngang qua bầu trời và sà xuống đằng sau những ngọn cây chĩa lên như những bức vách của một hẻm núi xanh lục không lồ ở hai bên chúng tôi. Tôi liên tục liếc nhìn khu rừng, sợ rằng vào bất cứ lúc nào bọn xác sống cùng lũ chó của chúng cũng có thể ập tới tấn công chúng tôi. Nhưng suốt nhiều giờ chúng tôi đã không thấy bất cứ ai – không xác sống, thậm chí không khách lữ hành nào khác. Như thế chúng tôi đã tới một vùng đất bị bỏ hoang.

Thình thoảng, đoàn xe dừng lại và tất cả chúng tôi cùng nín thở, sẵn sàng bỏ chạy hay chiến đấu, tin chắc chúng tôi sắp bị phát hiện ra. Chúng tôi cử Millard đi thám thính, cậu ta rón rén xuống xe thì phát hiện thấy đám người Digan chỉ đang duỗi chân duỗi tay hay đóng lại một cái móng ngựa, và sau đó chúng tôi lại di chuyển. Cuối cùng, tôi không còn lo lắng xem chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi bị phát giác nữa. Những người Digan có vẻ vô hại và cũng đã mệt mỏi vì đi đường. *Các ông các bà làm ơn chia sẻ một mẩu bánh mì được không?* May ra biết đâu họ lại cho chúng tôi ăn tối và đưa chúng tôi đến tận ga tàu hỏa.

Không lâu sau đó, giả thiết của tôi được mang ra thử thách. Những chiếc xe đột ngột rẽ ra khỏi đường và dừng lại ở một trảng trống nhỏ. Bụi chưa kịp lắng xuống thì một người đàn ông to con bước tới đi vòng ra phía sau chiếc xe chúng tôi đang trốn. Ông ta đội trên đầu một cái mũ lưới trai mềm, hàng ria rậm, hai khóm miệng bị kéo xệch xuống tạo thành vẻ mặt dữ tợn.

Bronwyn giấu cô Peregrine vào trong áo khoác của mình, trong khi Emma trèo xuống xe và thể hiện tốt nhất bộ dạng của một đứa trẻ mồ côi khốn khổ, “Thưa ông, chúng cháu cầu xin ông rủ lòng thương! Nhà chúng

cháu bị trúng bom, ông thấy đấy, bố mẹ chúng cháu mất cả rồi, và chúng cháu đang khổ sở vì lạc đường...”

“Câm mồm lại!” người đàn ông gầm lên. “Xuống khỏi đó, tất cả chúng mày!” Đó là một mệnh lệnh, không phải lời đề nghị, được nhấn mạnh thêm bởi con dao được trang trí nhưng trông đầy đe dọa ông ta múa trên tay.

Chúng tôi nhìn nhau, không chắc phải làm gì. Liệu chúng tôi có nên tấn công ông ta rồi bỏ chạy, và nhiều khả năng để lộ bí mật của mình trong khi làm thế - hay tiếp tục ra vẻ bình thường lâu hơn chút nữa và đợi xem ông ta làm gì? Rồi có thêm hàng chục người nữa xuất hiện, đổ ra từ những chiếc xe của họ để đứng dàn hàng quanh chúng tôi thành một vòng rộng, nhiều người trong số họ cũng cầm dao. Chúng tôi đã bị bao vây, lựa chọn dành cho chúng tôi vụt giảm hẳn.

Những người đàn ông đều đầu tóc bù xù xám xịt với đôi mắt sắc sảo, mặc đồ sẫm màu dày nặng được may để giấu đi hàng lớp bụi đường. Những người phụ nữ mặc váy rộng sáng màu, mái tóc dài của họ được giữ lại trong khăn trùm đầu. Những đứa trẻ tụ tập lại đằng sau và chen vào giữa họ. Tôi cố so sánh những điều ít ỏi tôi biết về người Digan với những khuôn mặt trước mắt mình. Liệu có phải họ sắp tàn sát chúng tôi – hay chỉ là bản chất họ vốn cục cằn?

Tôi nhìn Emma tìm manh mối. Cô đứng áp hai bàn tay vào ngực, không giơ ra như lúc định tạo lửa. Nếu cô không định tấn công họ, tôi quyết định cũng sẽ không làm thế.

Tôi xuống khỏi xe như người đàn ông đã yêu cầu, hai tay giơ cao lên đầu. Horace và Hugh làm theo, rồi đến những người khác – tất cả trừ Millard, cậu ta đã lĩnh đi mà không ai nhìn thấy, và chắc đang núp gần đó, chờ đợi và quan sát.

Người đàn ông đội mũ mềm, người tôi đoán là thủ lĩnh của đoàn người Digan, bắt đầu ào ào trút câu hỏi về phía chúng tôi. “Chúng mày là ai? Chúng mày từ đâu tới? Bố mẹ chúng mày đâu?”

“Chúng cháu từ phía Tây tới,” Emma bình tĩnh đáp. “Từ một hòn đảo ngoài khơi. Chúng cháu là trẻ mồ côi, như cháu đã giải thích rồi. Nhà của chúng cháu đã bị bom phá trụi trong một cuộc không kích, và chúng cháu buộc phải chạy trốn. Chúng cháu đã phải chèo thuyền vào tận đất liền và

suýt chết đuối.” Cô cố gắng nặn ra vài giọt nước mắt. “Chúng cháu chẳng còn gì cả,” Emma thút thít. “Chúng cháu đã bị lạc trong rừng nhiều ngày không có gì ăn, không còn quần áo nào khác ngoài những gì mặc trên người. Chúng cháu thấy đoàn xe của ông đi ngang qua nhưng sợ quá nên không dám lộ diện. Chúng cháu chỉ muốn đi nhờ tới thị trấn...”

Người đàn ông quan sát cô, những nếp nhăn cau có trên mặt ông ta càng hằn sâu thêm. “Tại sao chúng mày lại buộc phải chạy khỏi hòn đảo sau khi nhà chúng mày bị bom tạc? Và tại sao chúng mày lại chạy vào rừng thay vì đi theo bờ biển?”

Enoch lên tiếng, “Không có lựa chọn nào khác. Chúng cháu bị săn đuổi.”

Emma lừ mắt nhìn cậu ta nghiêm khắc như muốn nói: *ĐỂ TỚ LO CHUYỆN NÀY.*

“Bị ai săn đuổi?” người thủ lĩnh Digan hỏi.

“Những người xấu,” Emma đáp.

“Những người mang súng,” Horace nói. “Mặc như binh lính, dù chúng thực sự không phải là lính.”

Một người phụ nữ choàng khăn màu vàng sáng bước tới trước. “Nếu quân lính truy lùng chúng, thì có nghĩa chúng là rắc rối chúng ta không cần đến. Tổng khứ chúng đi, Bekhir.”

“Hay trói chúng vào thân cây và bỏ chúng lại!” một người đàn ông bộ dạng lòng không nói.

“Không!” Olive hét lên. “Chúng cháu cần tới London trước khi quá trễ!”

Người thủ lĩnh nhướng một bên mày. “Quá trễ để làm gì?” Chúng tôi không hề khiến ông ta động lòng trắc ẩn mà chỉ khiến ông ta tò mò. “Chúng tao sẽ không làm gì cho tới khi biết được chúng mày là ai,” ông ta nói, “và chúng mày đáng giá thế nào.”

Mười người đàn ông cầm dao lưỡi dài giải chúng tôi về phía một chiếc xe sàn phẳng không thành chở phía trên một chiếc chuồng to. Thậm chí từ

xa tôi đã có thể thấy đó là một cái chuồng để dành nhốt động vật, dài sáu mét, rộng ba mét, được làm từ những song sắt dày.

“Các ông không định nhốt chúng cháu vào trong đó chứ ạ?” Olive hỏi.

“Chỉ nhốt tới khi chúng tao quyết định được xem sẽ làm gì chúng mày thôi,” người thủ lĩnh nói.

“Không, các ông không được làm thế,” Olive hét lên. “Chúng cháu phải tới London, và thật nhanh!”

“Và vì sao phải thế?”

“Một trong chúng cháu bị ốm,” Emma nói, ném về phía Hugh một ánh mắt đầy ngụ ý. “Chúng cháu cần tìm bác sĩ cho cậu ấy!”

“Chúng mày chẳng cần phải tới tận London vì một ông bác sĩ,” một người đàn ông Digan nói. “Jebbiah là một bác sĩ. Phải không nào, Jebbiah?”

Một người đàn ông với những vết thương đóng sẹo xù xì chạy dài trên hai má bước tới trước. “Đứa nào trong chúng mày bị ốm?”

“Hugh cần một *bác sĩ chuyên khoa*,” Emma nói. “Cậu ấy bị một bệnh trạng hiếm gặp. Ho do bị ong đốt.”

Hugh đưa một bàn tay áp lên cổ như thể bị đau rồi ho, và một con ong bắn vọt ra khỏi miệng cậu ta. Một vài người Digan há hốc miệng, và một cô bé giấu mặt vào váy mẹ mình.

“Đó là một trò lừa đảo!” người đàn ông được gọi là bác sĩ nói.

“Đủ rồi,” thủ lĩnh của đoàn Digan nói. “Chui vào chuồng, tất cả chúng mày.”

Bọn họ thúc chúng tôi lên một tấm ván dốc thoải bắc lên cái chuồng. Chúng tôi xúm lại ở đầu dưới tấm ván. Không ai muốn đi đầu tiên.

“Chúng mình không thể để bọn họ làm việc này!” Hugh thì thào.

“Cậu đang đợi gì vậy?” Enoch rít lên với Emma. “Đốt họ đi!”

Emma lắc đầu và thì thầm, “Có quá nhiều người.” Cô đi đầu tiên lên tấm ván và chui vào chuồng. Phần mái lấp song sắt của cái chuồng khá thấp, sàn rải dày cỏ khô có mùi khó ngửi. Khi tất cả chúng tôi đã vào trong, người thủ

lĩnh đóng sầm cửa lại, khóa trái nó sau lưng chúng tôi rồi bỏ chìa vào túi áo. “Không ai được lại gần chúng!” ông ta hét lớn với bất cứ ai trong tầm nghe. “Chúng nó có thể là phù thủy hay tệ hơn thế.”

“Phải, bọn tôi là thế đấy!” Enoch nói qua các song sắt. “Giờ hãy để chúng tôi đi, nếu không chúng tôi sẽ biến con cái các người thành lợn lòi!”

Người thủ lĩnh bật cười trong lúc bước xuống tám ván. Trong lúc đó, những người Digan khác rút lui ra khoảng cách an toàn và bắt đầu đóng trại, cắm lều và bắc bếp. Chúng tôi ngồi sụp xuống đồng cỏ khô, cảm thấy thất bại và tuyệt vọng.

“Để ý nhìn cẩn thận,” Horace cảnh cáo. “Chỗ nào cũng có phân gia súc đấy!”

“Ôi dào, chuyện đó thì có gì quan trọng, Horace?” Emma nói. “Chẳng ai thèm bện tâm nếu quần áo cậu bẩn cả!”

“Tớ thì có,” Horace đáp.

Emma đưa hai bàn tay lên ôm mặt. Tôi ngồi xuống cạnh cô và cố nghĩ ra điều gì đó phán chán để nói, nhưng chẳng nghĩ ra được gì.

Bronwyn mở áo khoác ra để cô Peregrine có thêm ít không khí trong lành, còn Enoch quỳ xuống cạnh bà, ghé tai như thể lắng nghe gì đó. “Nghe thấy không?” cậu ta nói.

“Cái gì?” Bronwyn hỏi lại.

“Tiếng mạng sống cô Peregrine đang trôi dần đi! Emma, đáng ra cậu phải đốt cháy thui mặt đám Digan đó trong khi cậu có cơ hội!”

“Chúng ta đã bị bao vây!” Emma nói. “Sẽ có vài người trong chúng ta bị thương trong cuộc ẩu đả. Hay có thể bị giết. Tớ không thể mạo hiểm chuyện đó.”

“Vậy là thay vì thế cậu mạo hiểm với tính mạng cô Peregrine!” Enoch nói.

“Enoch, để cậu ấy yên,” Bronwyn nói. “Quyết định cho tất cả mọi người là chuyện chẳng dễ gì. Không phải cứ đến lúc cần lựa chọn chúng ta đều có thể biểu quyết.”

“Vậy thì có thể các cậu nên để tớ quyết định cho tất cả mọi người,” Enoch đáp.

Hugh khịt mũi. “Chúng ta hẳn đã bị giết từ lâu rồi nếu cậu là người chỉ huy.”

“Nghe này, bây giờ chuyện đó không quan trọng nữa,” tôi nói. “Chúng ta cần ra khỏi cái chuồng này và tới được thị trấn đó. Đáng ra giờ này chúng ta đã gần tới đích hơn rồi nếu không bám lên xe đi trộm ngay từ đầu, vì thế không cần phải than tiếc chỗ sửa còn chưa được vắt. Chúng ta chỉ cần nghĩ ra cách gì đó để tẩu thoát.”

Vậy là chúng tôi suy nghĩ, rất nhiều ý tưởng đã nảy ra, nhưng dường như chẳng có cái nào khả thi.

“Biết đâu Emma có thể đốt thủng cái sàn này,” Bronwyn đề xuất. “Nó được làm bằng gỗ.”

Emma dọn sạch chỗ cỏ khô khỏi một mảng sàn và gõ xuống đó.

“Dày quá,” cô khỏ sở nói.

“Wyn, cậu có thể bẻ cong những cái song kia ra không?” tôi hỏi.

“Có thể,” cô nói, “nhưng khi đám Digan còn đang kè kè gần đây thì không được. Bọn họ sẽ thấy và lại cầm dao chạy đến.”

“Chúng ta cần *kín đáo* trốn đi chứ không phải phá *chuông* ra,” Emma nói.

Thế rồi chúng tôi nghe thấy một tiếng thì thào từ bên ngoài song sắt. “Các cậu quên mất tớ rồi à?”

“Millard!” Olive thốt lên, gần như bay vọt lên khỏi đôi giày của cô vì phấn khích. “Cậu đã ở đâu thế?”

“Tìm hiểu tình hình xung quanh. Và đợi cho mọi thứ lắng xuống.”

“Cậu có thể lấy cặp chìa khóa cho bọn mình được không?” Em ma hỏi, gõ gõ lên cửa chuồng khóa trái. “Tớ thấy người thủ lĩnh bỏ nó vào túi áo.”

“Rình rập và xoáy đồ là sở trường của tớ,” cậu ta cam đoan với chúng tôi, và lĩnh đi sau khi nói xong.

Từng phút chậm chạp trôi qua. Rồi nửa giờ. Rồi một giờ. Hugh đi đi lại lại dọc theo cái chuồng, một con ong bòn chòn lượn vòng quanh đầu cậu ta.

“Sao cậu ta lâu thế?” Hugh lầm bầm.

“Nếu cậu ta không sớm trở lại, tớ sẽ lấy trứng ra ném đấy,” Enoch nói.

“Làm thế đi, cậu sẽ khiến tất cả chúng ta bị giết hết,” Emma nói. “Chúng ta đang nằm trong rọ ở đây. Một khi khói tan đi, bọn họ sẽ xẻ thịt sống chúng ta.”

Vậy là chúng tôi ngồi đó và đợi thêm, theo dõi đám người Digan, đám Digan cũng nhìn lại. Mỗi phút trôi qua cũng giống như thêm một cái đinh nữa đóng xuống quan tài của cô Peregrine. Tôi nhận ra mình đang nhìn bà chăm chăm, như thể bằng cách nhìn thật kỹ tôi có thể phát hiện ra những thay đổi đã xảy đến với bà – nhìn thấy những đốm lửa còn sót lại của nhân tính bên trong bà từ từ lụi tàn. Nhưng bà trông vẫn giống hệt như trước, chỉ có điều dường như bình tĩnh hơn, ngủ thiếp đi trên lớp cỏ khô bên cạnh Bronwyn, lồng ngực nhỏ nhắn phủ đầy lông vũ của bà phập phồng nhẹ nhẹ. Bà dường như không ý thức được rắc rối chúng tôi đang lâm vào, hay

quãng thời gian đếm lùi đang lơ lửng treo trên đầu mình. Có lẽ việc bà ngủ vào một thời điểm như lúc này cũng đủ là bằng chứng cho thấy bà đang thay đổi. Cô Peregrine ngày trước hẳn đã vô cùng lo lắng.

Sau đó, dòng suy nghĩ của tôi trôi sang bố mẹ tôi, vẫn luôn như vậy khi tôi kiểm soát được tâm trí mình. Tôi cố hình dung ra khuôn mặt họ lần cuối cùng tôi nhìn thấy. Những mảnh ghép nhỏ gắn lại với nhau trong tâm trí tôi: bộ râu ngắn lưa thưa đã mọc lên trên cằm bố tôi sau vài ngày trên đảo; hình ảnh mẹ tôi mân mê nhẫn cưới một cách vô thức khi bố tôi nói quá lâu về thứ gì đó bà không quan tâm; đôi mắt nhanh nhẹn của bố tôi, luôn dõi theo đường chân trời trong cuộc tìm kiếm bất tận những con chim của ông.

Giờ đây đôi mắt đó đang dõi tìm tôi.

Khi màn đêm buông xuống, khu trại bùng lên nhộn nhịp quanh chúng tôi. Đám người Digan trò chuyện, cười đùa, và khi một đám trẻ con chơi một bài hát bằng những chiếc kèn co và đàn violon méo mó mồm vẹt, bọn họ nhảy. Giữa các bài hát, một cậu con trai từ đám thiếu niên lén đi vòng ra đằng sau cái chuồng nhốt chúng tôi, cầm trên tay một cái chai. “Cái này cho người ốm,” cậu ta vừa nói vừa ngoái đầu bòn chồn nhìn ra sau canh chừng.

“Ai cơ?” tôi hỏi, cậu thiếu niên bèn hát hàm về phía Hugh, cậu này đang nằm rũ trên sàn, co rúm lại vì ho, thật khéo quá. Cậu nhóc tuồn cái chai vào qua các song sắt. Tôi mở nút chai, ngửi thử một cái, và thiếu chút nữa ngã vật ra. Cái chai có mùi như nhựa thông trộn với phân ử. “Cái gì thế này?” tôi thốt lên.

“Tao chỉ biết là nó công hiệu.” Cậu ta lại ngo ra sau. “Được rồi, tao đã làm một việc cho bọn mày. Giờ bọn mày nợ tao. Vậy hãy nói cho tao biết – bọn mày đã phạm phải tội lỗi gì? Bọn mày là lũ trộm hả?” Sau đó, cậu ta hạ giọng xuống và hỏi, “Hay bọn mày đã giết ai?”

“Cậu ta nói gì thế?” Bronwyn hỏi.

Chúng tôi chẳng giết ai cả, thiếu chút nữa tôi đã nói thế, nhưng rồi hình ảnh thân người Golan lộn nhào rơi xuống một ghềnh đá lóc lên trong đầu tôi, tôi bèn im lặng.

Emma đã lên tiếng thay đôi. “Chúng tôi chẳng giết ai cả!”

“À, bọn mày chắc chắn phải làm gì đó,” cậu thiếu niên nói. “Nếu không tại sao người ta lại treo giải thưởng để bắt bọn mày chứ?”

“Có giải thưởng sao?” Enoch hỏi.

“Chắc chắn rồi. Người ta treo thưởng cả đồng tiền.”

“Ai cơ?”

Cậu thiếu niên nhún vai.

“Và các người định giao nộp chúng tôi?” Olive hỏi.

Cậu thiếu niên nhếch môi. “Tao không biết chúng tao có định làm thế hay không. Máy ông lớn đang cân nhắc. Dù tao dám nói họ không tin lũ người đã treo giải thưởng lắm. Nhưng nói gì thì nói, tiền vẫn là tiền, vả lại họ cũng không thích thú gì chuyện bọn mày không chịu trả lời những gì họ hỏi.”

“Chúng tôi từ đâu tới ư,” Emma kiêu hãnh nói, “ai lại hạch hỏi những người tìm đến nhờ mình giúp đỡ.”

“Và cũng không nhốt họ vào chuồng!” Olive nói.

Ngay lúc đó, một tiếng nổ vang lên giữa khu trại. Cậu nhóc Digan mất thăng bằng ngã nhào trên tấm ván xuống cỏ, còn chúng tôi thì nằm phục xuống trong khi nồi chảo từ một bếp lửa bật tung lên bay vèo vèo trong không khí. Người phụ nữ Digan đang trông bếp vừa cảm đầu chạy thực mạng vừa la tướng lên “Quân giết người”, váy bốc cháy và chắc bà ta đã chạy tuốt ra tận biển nếu không có ai đó cầm một xô nước cho ngựa uống lên và giội nó vào bà ta.

Một khoảnh khắc sau, chúng tôi nghe thấy tiếng bước chân của một cậu bé vô hình vang lên trên tấm ván bên ngoài chuồng. “Đó là những gì xảy ra khi người ta cố thử làm ộp lét từ một quả trứng đặc biệt!” Millard nói, vừa thở không ra hơi vừa cười phá lên.

“Là *cậu* làm à?” Horace nói.

“Mọi thứ quá trật tự và yên ắng... đi móc túi thì không được thiên thời địa lợi cho lắm! Vậy là tớ để lẫn một quả trứng của bọn mình vào trứng của họ *et viola*(*)!” Millard làm một chiếc chìa khóa xuất hiện như từ hư

không. “Người ta sẽ ít có khả năng nhận thấy bàn tay tó thò vào trong túi họ hơn khi bữa tối vừa nổ tung văng vào mặt họ.”

() Và thế đấy (tiếng Pháp)*

“Cậu hơi bị lâu rồi đấy,” Enoch nói. “Giờ đưa bọn tó ra khỏi đây đi!”

Nhưng Millard còn chưa kịp tra chìa vào ổ khóa cửa, cậu nhóc Digan đứng dậy hét tướng lên, “Cứu với! Chúng nó đang muốn trốn!”

Cậu ta đã nghe thấy tất cả - nhưng trong cơn hỗn loạn sau tiếng nổ, hầu như chẳng ai để ý tới tiếng la hét của cậu ta.

Millard xoay chìa khóa trong ổ khóa. Cánh cửa không mở.

“Ôi, khỉ thật,” cậu ta nói. “Chẳng lẽ tó lấy nhầm chìa rồi?”

“*Á á á!*” cậu nhóc Digan hét lên, chỉ tay vào khoảng không nơi giọng nói Millard vang lên. “*Có ma!*”

“Ai đó làm ơn bắt nó im đi được không!” Enoch nói.

Bronwyn làm theo, thò tay ra khỏi chuồng túm lấy cánh tay cậu nhóc, đoạn nhắc bổng cậu ta lôi lên kéo sát vào song sắt.

“*Cíuu!*” cậu ta la toáng lên. “Chúng nó *mmm...*”

Bronwyn đưa một bàn tay bịt lên miệng cậu nhóc, nhưng cô đã làm cậu ta im lặng quá muộn. “Galbi!” một người phụ nữ hét lên. “Thả nó ra, lũ man rợ!”

Và đột nhiên, không hề chủ định, chúng tôi đã bắt một con tin. Đám đàn ông Digan lao về phía chúng tôi, những con dao lóe sáng trong ánh lửa đang lụi dần.

“Cậu đang làm gì thế?” Millard kêu lên. “Buông cậu ta ra, không thì họ giết chúng ta bây giờ!”

“Không, đừng!” Emma nói, rồi cô hét lớn, “Thả chúng tôi ra, nếu không cậu ta sẽ chết!”

Những người Digan vây quanh chúng tôi, lớn tiếng đe dọa. “Nếu chúng mày làm tổn hại nó theo bất cứ cách nào,” người thủ lĩnh la lớn, “tao sẽ giết

tất cả chúng mày từng đưa một bằng hai bàn tay không!”

“Lùi lại!” Emma nói. “Chỉ cần để chúng tôi đi, chúng tôi sẽ không làm hại ai hết.”

Một người trong đám đàn ông chạy về phía chuồng, và Emma, theo bản năng, đưa hai bàn tay ra và làm bùng lên một quả cầu lửa rừng rực cháy giữa chúng. Đám đông thảng thốt kinh ngạc, người đàn ông kia khựng lại.

“Giờ thì cậu làm to chuyện rồi!” Enoch rít lên. “Bọn họ sẽ treo cổ chúng ta lên vì là phù thủy!”

“Tớ sẽ thiêu sống kẻ đầu tiên thử làm điều đó!” Emma hét lên, mở rộng khoảng cách giữa hai lòng bàn tay để làm quả cầu lửa lớn thêm lên. “Nào, hãy cho bọn họ biết họ đang gây chuyện với ai!”

Đã đến lúc thể hiện một màn. Bronwyn ra tay trước tiên: bằng một bàn tay, cô nhắc cậu nhóc lên cao hơn nữa, hai bàn chân cậu ta đá trong không khí, rồi bằng bàn tay còn lại cô chộp lấy một trong những song sắt trên nóc chuồng và bắt đầu uốn cong nó. Hugh rúc đầu vào giữa các thanh song và phá một hàng ong ra từ khuôn miệng há to của cậu, rồi sau đó Millard, vốn đã chạy xa khỏi chuồng ngay khi cậu nhóc Digan phát hiện ra cậu ta, hét to từ đầu đó đằng sau đám đông, “Và nếu các người nghĩ có thể đấu lại họ, thì có nghĩa là các người chưa gặp ta!” rồi ném một quả trứng lên không. Quả trứng vẽ thành một đường vòng cung lao qua trên đầu đám người, rơi xuống một chỗ trống gần đó phát tiếng nổ đing tai, làm bụi đất bắn tung lên tới tận các ngọn cây.

Và khi khói tan, một khoảnh khắc nín thở trôi qua, không ai động đậy hay nói gì. Lúc đầu tôi nghĩ màn trình diễn của chúng tôi đã làm những người Digan chết đứng vì kinh ngạc – nhưng sau đó, khi tiếng oang oang trong tai tôi đã lắng đi, tôi vỡ lẽ là họ đang lắng nghe thứ gì đó. Rồi sau đây cả tôi cũng thế.

Từ phía con đường đang tối dần vang lên tiếng động cơ. Một cặp đèn pha bật sáng xuất hiện trong tầm mắt, thoát ần thoát hiện phía sau những lùm cây theo con đường. Tất cả mọi người, Digan và đặc biệt, cùng quan sát trong khi ánh đèn đi qua chỗ rẽ vào trắng trống nơi chúng tôi đang đứng – rồi di chuyển chậm dần, rồi quay trở lại. Một chiếc xe quân sự mui bạt nổ máy lăn bánh về phía chúng tôi. Từ trong xe vọng lên những tiếng la hét

đầy tức giận và tiếng chó sủa, cổ họng chúng đã khàn đặc vì sủa nhưng không thể ngừng lại vì lúc này chúng đã lại đánh hơi thấy chúng tôi.

Đó là đám xác sống đã săn lùng chúng tôi – còn chúng tôi ở đây, trong một cái chuồng, thậm chí không thể chạy trốn.

Emma dập tắt ngọn lửa của cô bằng một cái vỗ tay. Bronwyn thả cậu nhóc Digan xuống, và cậu ta lao đảo chạy ra xa. Đám người Digan chạy trở lại phía những chiếc xe ngựa của họ hay vào trong rừng. Chỉ trong nháy mắt, chúng tôi bị bỏ lại một mình, dường như đã bị lãng quên.

Thủ lĩnh của họ sai bước về phía chúng tôi.

“Làm ơn mở cửa chuồng ra!” Emma nài nỉ ông ta.

Người đàn ông tảng lờ cô. “Chúng mày nấp xuống dưới lớp cỏ khô và đừng gây tiếng động gì!” người đàn ông nói. “Và đừng có giờ trò ma thuật nào ra – trừ phi chúng mày thích đi theo chúng hơn.”

Không còn thời gian để hỏi gì thêm. Điều cuối cùng chúng tôi thấy trước khi mọi thứ trở nên đen kịt là hai người đàn ông Digan chạy về phía chúng tôi, cầm trên tay một tấm vải dầu. Họ trùm tấm vải lên nóc chuồng.

Bóng tối lập tức bao trùm.

Tiếng những đôi ủng vang lên bên ngoài chuồng, nặng nề, dữ dội, như thể đám xác sống tìm cách hành hạ cả chính mặt đất chúng bước lên. Chúng tôi làm theo chỉ dẫn và vùi mình xuống dưới lớp cỏ hôi hám.

Gần đó, tôi nghe thấy một gã xác sống đang nói chuyện với người thủ lĩnh Digan. “Người ta đã phát hiện một nhóm trẻ con trên con đường này sáng hôm nay,” gã xác sống nói, giọng hắc nhanh, gãy gọn, khẩu âm rất lạ - không ra Anh, không ra Đức. “Ai bắt được chúng sẽ được thưởng đấy.”

“Cả ngày nay chúng tôi không gặp ai cả, thưa ngài,” người thủ lĩnh nói.

“Đừng để vẻ mặt ngây thơ của chúng đánh lừa các vị. Chúng là những kẻ phản bội lại cuộc chiến đấu. Làm gián điệp cho Đức. Hình phạt cho việc che giấu chúng...”

“Chúng tôi chẳng che giấu cái gì hết,” người thủ lĩnh cộc cằn nói. “Các ngài tự đi kiểm tra xem.”

“Tao sẽ làm thế,” gã xác sống nói. “Và nếu chúng tao phát hiện ra chúng ở đây, tao sẽ cắt lưỡi mày ném cho con chó của tao ăn.” Hắn ùng ùng bước đi,

“*Thở. Cũng. Đứng,*” người thủ lĩnh khẽ thì thầm với chúng tôi, rồi sau đó tiếng bước chân của ông ta cũng xa dần.

Tôi băn khoăn tự hỏi tại sao ông ta lại nói dối vì chúng tôi, nếu cân nhắc tới những hậu quả đám xác sống có thể gây ra với đồng bào của ông ta. Có thể là do kiêu hãnh, hay sự khinh miệt thâm căn cố đế với chính quyền – hay, tôi thậm nghĩ và rung mình, có thể đám người Digan chỉ muốn có được sự thỏa mãn từ việc tự tay giết chúng tôi.

Chúng tôi có thể nghe thấy khắp quanh mình tiếng đám xác sống đang tản ra khắp khu trại, đá thứ nọ hất thứ kia, lật mở những tấm cửa bạt, xô đẩy những người Digan. Một đứa trẻ hét lên, rồi một người đàn ông giận dữ phản kháng, nhưng bị chặn lại ngay bởi tiếng gõ đập vào xương thịt. Thật khổ sở khi phải nằm đó lắng nghe người khác bị hành hạ - cho dù cũng chính những người đó mới chỉ vài phút trước đã sẵn sàng xé chúng tôi thành từng mảnh.

Từ khước mắt tôi thấy Hugh nhòm lên khỏi cỏ khô và bò tới chỗ cái rương của Bronwyn. Cậu ta đưa ngón tay lên chốt khóa và bắt đầu mở nắp rương lên, nhưng Bronwyn chặn cậu ta lại. “Cậu đang làm gì vậy? cô hỏi bằng khẩu hình.

“Cần tấn công chúng trước khi chúng bắt được bọn mình!”

Emma chống khuỷu tay nhòm dậy khỏi lớp cỏ khô rồi lăn về người về phía họ, tôi cũng nhích lại gần hơn để lắng nghe.

“Đừng điên,” Emma nói. “Nếu bây giờ chúng ta ném trứng, chúng sẽ bắn chúng ta nát bét.”

“Vậy thì làm thế nào đây?” Hugh nói. “Chúng ta cứ nằm im đây cho tới khi chúng tìm ra chúng ta sao?”

Chúng tôi tụm lại quanh cái rương, thì thầm trao đổi.

“Hãy đợi đến khi chúng mở khóa cửa,” Enoch nói. “Sau đó, tớ sẽ ném một quả trứng qua song sắt đằng sau chúng ta. Điều đó sẽ làm lũ xác sống bị phân tâm đủ lâu để Bronwyn đập vỡ sọ bất cứ kẻ nào bước vào trong chuồng đầu tiên, và giúp những người còn lại trong chúng ta có thời gian chạy ra. Phân tán ra ngoài rìa khu trại, sau đó quay lại và ném quả trứng của mỗi người vào ngọn lửa chính giữa trại. Tất cả những ai có mặt trong vòng bán kính ba mươi mét sẽ chỉ còn là ký ức.”

“Quý tha ma bắt,” Hugh nói. “Như thế có vẻ ổn đấy.”

“Nhưng có trẻ con trong trại!” Bronwyn nói.

Enoch đảo mắt chán nản. “Hoặc ta có thể lo lắng đến những tổn thất đi kèm và chạy trốn vào rừng, mặc cho đám xác sống và lũ chó của chúng tóm chúng ta từng người một. Nhưng nếu chúng ta dự định tới London – hay sống qua tối nay – tớ không cố xúy cho việc đó đâu.”

Hugh vỗ lên bàn tay Bronwyn, lúc này đang che trên chột rương. “Mở nó ra,” cậu ta nói. “Phân phát chúng cho mọi người.”

Bronwyn do dự. “Tớ không thể. Tớ không thể giết những đứa trẻ đã không làm gì hại chúng ta.”

“Nhưng chúng ta không có lựa chọn!” Hugh thì thầm.

“Cậu luôn có lựa chọn,” Bronwyn nói.

Sau đó, chúng tôi nghe thấy tiếng một con chó gầm gừ rất gần đấy chuồng, rồi im bật. Một khoảnh khắc sau, một quàng đèn bấm chiếu vào mặt ngoài tấm vải dầu. “Lột tấm vải này xuống!” ai đó nói – tôi đoán là kẻ đã dẫn con chó tới.

Con chó sủa lên, cái mũi sục sạo để lách xuống dưới tấm vải dầu và ngóc lên lách qua các song sắt. “Lại đây!” gã quản chó hô lớn. “Chúng tôi đã tìm thấy một thứ!”

Tất cả chúng tôi cùng nhìn Bronwyn. “Làm ơn đi,” Hugh nói. “Ít nhất hãy để bọn tớ tự vệ.”

“Đó là cách duy nhất,” Enoch nói.

Bronwyn thở dài, bỏ tay ra khỏi chốt rương. Hugh gạt đầu cảm ơn và ra mở nắp rương lên. Tất cả chúng tôi đều thò tay vào lấy một quả trứng ra từ giữa những chiếc áo len xếp chồng lên nhau – trừ Bronwyn. Sau đó, chúng tôi đứng lên, quay người đứng đối diện với cửa chuồng, trứng trong tay, sẵn sàng cho điều không tránh khỏi.

Thêm nhiều đôi ủng bước về phía chúng tôi. Tôi cô lên dây cốt tinh thần cho điều sắp đến. *Chạy, tôi tự nhủ. Chạy và đừng nhìn lại, sau đó ném trứng.*

Nhưng một khi biết những người vô tội sẽ chết, liệu tôi có thể thực sự làm điều đó không? Cho dù để cứu mạng mình? Nếu tôi chỉ ném quả trứng vào một đám cỏ rồi chạy vào rừng thì sao nhỉ?

Một bàn tay cầm lấy một phía rìa tấm vải dầu và kéo. Tấm vải bắt đầu trượt đi.

Sau đó, khi sắp sửa để lộ chúng tôi, nó dừng lại.

“Mày giờ trò gì vậy?” tôi nghe thấy gã quản chó hỏi.

“Nếu là ông tôi sẽ tránh thật xa cái chuồng,” một giọng nói khác cất lên – của một người Digan.

Tôi có thể thấy nửa bầu trời lộ ra trên đầu chúng tôi, những vì sao nhấp nháy chiếu sáng xuống qua các cành sồi.

“Thế à? Vì sao phải thế?” gã quản chó hỏi.

“Ông lão Lông Máu vài ngày nay chưa được cho ăn đâu,” người Digan nói.

“Thường thì nó không mấy quan tâm đến mùi vị thịt người, nhưng khi đã đói như lúc này thì ông lão cũng không kén chọn thế nữa đâu!”

Tiếp theo một âm thanh vang lên làm tôi phải nín thở - tiếng gầm của một con gấu khổng lồ. Và thật không thể hiểu nổi, dường như tiếng gầm đó lại xuất phát từ giữa chúng tôi, bên trong cái chuồng. Rồi nghe thấy gã quản chó bật rửa kính ngạc rồi vội vàng chạy xuống khỏi tấm ván, lôi theo cả con chó đang ăng ẳng của hắn.

Tôi không thể hình dung nổi bằng cách nào một con gấu lại chui được vào trong chuồng, chỉ biết là tôi cần tránh xa khỏi nó, vì vậy tôi ép sát người vào các song sắt. Bên cạnh mình, tôi thấy Olive đang ấn nắm tay nhỏ nhắn của cô vào miệng để khỏi bật thét lên.

Bên ngoài, những tên lính khác đang cười nhạo gã quản chó. “Đồ ngốc!” hẳn bồi rồi nói. “Chỉ có đám Digan mới đi giữ một con vật như thế giữa trại của chúng!”

Tôi cuối cùng cũng thu thập được đủ can đảm để ngoái lại nhìn sau lưng mình. Chẳng có con gấu nào trong chuồng nhốt chúng tôi. Vậy thứ gì đã cất lên tiếng gầm ghê rợn đó vậy?

Đám lính tiếp tục lục soát khu trại, nhưng giờ chúng để yên cái chuồng không đụng đến. Sau vài phút, chúng tôi nghe thấy chúng leo trở lại lên xe tải, khởi động máy, và rồi cuối cùng cũng đi khỏi.

Tám vài đầu tuột xuống khỏi chuồng. Những người Digan tập hợp lại cả quanh chúng tôi. Tôi cầm lấy quả trứng của mình trong bàn tay run rẩy, tự hỏi liệu tôi có phải dùng đến nó hay không.

Người thủ lĩnh đứng trước mặt chúng tôi. “Các cô cậu không sao chứ?” ông nói. “Tôi xin lỗi nếu chuyện vừa rồi làm các cô cậu sợ.”

“Chúng tôi còn sống,” Emma nói, nhìn quanh để cảnh giác. “Nhưng con gấu của các ông đâu?”

“Không phải chỉ có các cô cậu mới có năng lực khác thường,” một thanh niên đứng ở rìa đám đông nói, rồi nhanh chóng hét gầm như gấu rồi lại gào lên như mèo, mỗi lần anh ta hơi quay đầu, giọng anh ta lại thay đổi, làm cho âm thanh nghe như thể chúng tôi đang bị săn đuổi từ mọi hướng. Sau khi đã vượt qua được cú sốc, chúng tôi òa lên vỗ tay hoan hô.

“Tớ nhớ cậu có nói họ không phải là những người đặc biệt mà,” tôi thì thầm với Emma.

“Bất cứ ai cũng có thể thực hiện được những kỹ xảo vật vĩnh như thế,” cô nói.

“Xin lỗi nếu tôi đã không giới thiệu chu đáo về bản thân,” người thủ lĩnh Digan nói. “Tên tôi là Bekhir Bekhmanatov. Và các cô cậu là khách danh

dự của chúng tôi.” Ông cúi chào thật thấp. “Tại sao các cô cậu không nói cho chúng tôi biết mình là những *syndrigasti*?”

Chúng tôi há hốc miệng nhìn ông. Người thủ lĩnh đã dùng tới tên gọi cổ xưa dành cho người đặc biệt, thứ tên gọi cô Peregrine đã dạy chúng tôi.

“Liệu có phải chúng tôi đã biết ông từ đâu đó rồi không?” Bronwyn hỏi,

“Ông đã nghe được từ đó ở đâu?” Emma hỏi.

Bekhir mỉm cười. “Nếu các cô cậu đã chấp nhận lòng hiếu khách của chúng tôi, tôi hứa sẽ giải thích mọi chuyện.” Sau đó ông cúi người lần nữa, rồi sải bước tới mở cửa chuồng nhốt chúng tôi.

Chúng tôi cùng những người Digan ngồi xuống những tấm thảm dệt tay tinh tế, trò chuyện và ăn món hầm trong ánh lửa bập bùng của hai đồng lửa trại. Tôi bỏ cái thìa đã được đưa cho xuống và húp xì xụp trực tiếp từ một cái bát gỗ, tất cả phép tắc tại bàn ăn của tôi chỉ còn là một ký ức xa xăm trong khi thứ nước hầm béo ngậy ngon tuyệt chảy nhỏ giọt xuống cằm tôi. Bekhir đi lại giữa chúng tôi, đảm bảo mỗi đứa trẻ đặc biệt đều thoải mái, hỏi xem chúng tôi đã được ăn uống đủ chưa, rồi không ngớt lời xin lỗi đi xin lỗi lại về tình trạng quần áo của chúng tôi, lúc này dính đầy những mảnh cỏ khô bần thiêu trong chuồng. Từ lúc chứng kiến màn thể hiện năng lực đặc biệt của chúng tôi, ông đã hoàn toàn thay đổi thái độ; chỉ trong vài phút, chúng tôi đã từ chỗ là tù nhân trở thành các vị khách danh dự.

“Tôi rất xin lỗi về cách các cô cậu bị đối xử lúc này,” ông nói, ngồi xuống một tấm đệm giữa các đồng lửa trại. “Khi liên quan tới an toàn của đồng bào mình, tôi đề phòng mọi nhẽ. Thời buổi này có rất nhiều kẻ xa lạ lang thang trên đường – những kẻ không thể trông mặt mà bắt hình dong. Giá như các cô cậu cứ nói cho tôi biết các cô cậu là những *syndrigasti*..”

“Chúng tôi đã được dạy không bao giờ được nói lộ ra với bất cứ ai,” Emma nói.

“Không bao giờ,” Olive nói thêm.

“Người nào đã dạy các cô cậu như vậy quả là sáng suốt,” Bekhir nói.

“Làm thế nào ông biết về chúng tôi được?” Emma hỏi. “Ông nói ngôn ngữ cổ xưa.”

“Chỉ vài từ thôi,” Bekhir nói. Ông nhìn chăm chăm vào ngọn lửa, nơi một tảng thịt đang sẫm dần được nướng trên xiên. “Chúng ta đã có một thỏa thuận từ xưa, cộng đồng của các cô cậu và dân tộc tôi. Chúng tôi cũng không khác mấy các vị. Cùng là những kẻ lang thang bị ruồng bỏ - những linh hồn bầu vịu lấy rìa thế giới.” Ông xé một miếng thịt từ xiên và trầm ngâm nhai. “Chúng ta có thể coi như đồng minh. Theo năm tháng, những người Digan chúng tôi thậm chí từng đón nhận và nuôi nấng một số đứa trẻ thuộc cộng đồng các vị.”

“Và chúng tôi rất biết ơn vì điều đó,” Emma nói, “cũng như biết ơn lòng mến khách của các ông. Cho dù có lẽ hơi thô lỗ, nhưng chúng tôi cũng không thể lưu lại đây lâu hơn nữa. Chúng tôi cần tới London thật nhanh, điều đó rất quan trọng. Chúng tôi cần bắt kịp một chuyến tàu.”

“Vì người bạn bị ốm của các cô cậu à?” Bekhir hỏi, nhướn một bên mày về phía Hugh, người đã từ lâu thôi không diễn trò nữa và lúc này đang thỏa thuê ngón ngấu món hầm trong khi bày ơng vui vẻ vo ve lượn quanh đầu cậu ta.

“Đại loại là thế,” Emma nói.

Bekhir biết chúng tôi đang giấu giếm điều gì đó, nhưng ông đủ tử tế để cho phép chúng tôi được giữ kín bí mật của mình. “Tối nay thì không còn chuyến tàu nào nữa,” ông nói, “nhưng chúng tôi sẽ dậy lúc rạng sáng và đưa các cô cậu tới ga trước khi chuyến tàu đầu tiên vào buổi sáng chuyển bánh. Thế được chưa?”

“Đành vậy thôi,” Emma nói, lông mày cô cau lại lo lắng. Cho dù chúng tôi đã tiết kiệm thời gian bằng cách lên đi nhờ xe thay vì cuộc bộ, cô Peregrine vẫn mất trọn một ngày rồi. Giờ đây cùng lắm bà cũng chỉ còn lại hai ngày. Nhưng đó là trong tương lai; còn ngay lúc này chúng tôi âm áp, được ăn no, và thoát khỏi nguy hiểm tức thời. Thật khó để chúng tôi không vui vẻ, dù chỉ trong khoảnh khắc.

Chúng tôi nhanh chóng kết bạn với những người Digan. Mọi người đều mong muốn quên đi những gì đã xảy ra giữa chúng tôi lúc trước. Bronwyn tìm cách xin lỗi cậu thiếu niên cô đã bắt làm con tin, nhưng cậu ta gạt đi

như thể không có gì. Những người Digan nhiệt tình tiếp đồ ăn cho chúng tôi, múc đầy bát cho tôi hết lần này tới lần khác – và múc đầy tràn khi tôi từ chối lấy thêm. Khi cô Peregrine nhảy ra khỏi áo khoác của Bronwyn và kêu rít rít lên thông báo nhu cầu ăn của mình, những người Digan cho cả bà ăn, ném những miếng thịt sống lên không và reo lên khi bà nhảy lên đón chúng. “Bà ấy đói!” Olive bật cười, vỗ tay trong khi con chim dùng móng chân xé vụn một cái móng lợn.

“Giờ cậu không thấy mừng vì chúng ta đã không làm họ nổ tung sao?” Bronwyn thì thầm với Enoch.

“Ồ, tớ đoán là có,” cậu ta đáp.

Ban nhạc Digan chơi một bài khác. Chúng tôi ăn và nhảy, tôi thuyết phục Emma cùng nhảy một vòng quanh đồng lửa với mình, và cho dù vốn thường e ngại nhảy trước đông người, lần này tôi để mình được thoải mái. Chân chúng tôi lướt đi, tay chúng tôi vỗ nhịp nhàng theo điệu nhạc, và trong một vài phút tung bồng, chúng tôi đắm mình trong đó. Tôi có thể quên đi chúng tôi đang ở trong cảnh nguy hiểm đến mức nào, cũng như việc ngay ngày hôm đó thiếu chút nữa chúng tôi đã bị bọn xác sống bắt giữ và bị một con hồn rỗng ăn thịt, những khúc xương bị gặm hết của chúng tôi đáng lẽ đã bị nhả xuống sườn núi. Vào khoảnh khắc đó tôi thấy vô cùng biết ơn những người Digan, và nhờ phần “con” đơn thuần trong tôi, một bữa ăn nóng hổi, một bài hát và một nụ cười từ ai đó tôi quan tâm có thể đủ để tôi quên đi mọi điều tối tăm, dù chỉ được trong chốc lát. Sau đó, bài hát kết thúc, chúng tôi trở lại ngòai xuống chỗ của mình, và trong quãng lặng tiếp theo sau, tôi cảm thấy không khí thay đổi. Emma nhìn Bekhir và nói, “Tôi có thể hỏi ông một điều được không?”

“Tất nhiên,” ông nói.

“Tại sao các ông lại mạo hiểm tính mạng vì chúng tôi?”

Ông phẩy tay. “Các cô cậu hẳn cũng sẽ hành động tương tự.”

“Tôi không dám chắc là thế,” Emma nói. “Tôi chỉ muốn hiểu thôi. Có phải vì chúng tôi đặc biệt không?”

“Phải,” ông nói ngắn gọn. Một khoảnh khắc trôi qua. Người thủ lĩnh quay đi nhìn về phía những cái cây mọc bao quanh trắng trổng, vào những

chiếc rương được ánh lửa chiếu sáng và bóng tối ở đằng sau. Rồi ông nói, “Các cô cậu có muốn gặp con trai tôi không?”

“Tất nhiên,” Emma nói.

Cô đứng dậy, cả tôi và vài người khác cũng làm theo.

Bekhir giơ một bàn tay lên. “Tôi e là thằng bé hơi nhút nhát. Chỉ mình cô thôi,” ông nói, chỉ vào Emma, “và cậu” – ông chỉ vào tôi – “cả cái cậu nghe thấy tiếng nhưng không thấy người nữa.”

“Ấn tượng đấy,” Millard nói. “Thế mà tôi đã cố gắng đến thế để thật kín đáo!”

Enoch lại ngồi xuống. “Tại sao tôi cứ bị gạt ra ngoài mọi thứ vậy? Tôi có mùi à?”

Một người phụ nữ Digan mặc váy phòng lướt vào vòng sáng của đồng lửa trại. “Trong khi họ đi, tôi sẽ xem chỉ tay và đoán vận cho các cô cậu,” bà nói. Người phụ nữ quay sang Horace. “Có thể đến một ngày kia cậu sẽ leo lên đỉnh Kilimanjaro!” Rồi sau đó nói với Bronwyn – “Hay cưới một người đàn ông giàu có, điền trai!”

Bronwyn khịt mũi. “Giấc mơ ưa thích nhất của tôi.”

“Tương lai là *chuyên môn* của tôi, thưa bà,” Horace nói. “Hãy để tôi cho bà thấy nó được thực hiện như thế nào!”

Emma, Millard và tôi rời khỏi họ và bắt đầu đi qua khu trại cùng Bekhir. Chúng tôi tới một cỗ xe thùng trông có vẻ giản dị, ông leo lên bậc thang ngắn và gõ cửa.

“Radi?” ông dịu giọng gọi. “làm ơn ra đi nào con. Ngoài này có người tới gặp con này.”

Cửa nhích ra một chút và một người phụ nữ ló ra. “Thằng bé sợ. Nó không chịu rời khỏi ghế.” Bà nhìn qua chúng tôi thật cẩn thận, sau đó mở rộng cửa và mời chúng tôi vào. Chúng tôi leo lên các bậc thang và chui vào một không gian chật chội nhưng ấm cúng và có vẻ vừa được dùng làm phòng khách, vừa được dùng làm phòng ngủ và bếp. Có một chiếc giường kê dưới khung cửa sổ hẹp, một cái bàn và ghế, một bếp lò nhỏ thoát khói

qua ống khói trên nóc xe; mọi thứ cần thiết để sống tự túc trên đường trong nhiều tuần hay nhiều tháng liền.

Một cậu bé đang ngồi trên cái ghế duy nhất trong khoang xe. Trên lòng cậu là một chiếc kèn trumpet. Tôi nhận ra đã thấy cậu chơi kèn lúc trước trong ban nhạc của những đứa trẻ Digan. Đây là con trai Bekhir, và tôi đoán người phụ nữ là vợ ông.

“Cởi giày của con ra nào, Radi,” người phụ nữ nói.

Cậu bé tiếp tục nhìn chăm chăm xuống sàn. “Con phải làm thế sao?” cậu ta hỏi.

“Phải,” Bekhir nói.

Cậu bé cởi một cái ủng ra, rồi nốt cái còn lại. Trong một giây, tôi không dám chắc vào điều mình đang thấy: chẳng có gì bên trong những chiếc giày của cậu bé. Có vẻ như cậu không có bàn chân. Ấy thế nhưng cậu đã phải bỏ sức để tháo ủng ra, vì thế chúng chắc chắn phải gắn vào *thứ gì đó*. Rồi Bekhir yêu cầu con trai ông đứng dậy, và cậu bé miễn cưỡng nhô người ra trước trên ghế và đứng dậy. Cậu có vẻ như bay lên, gấu quần trông rỗng treo lơ lửng cách mặt sàn chừng chục phân.

“Thằng bé bắt đầu tan biến từ vài tháng trước,” người phụ nữ giải thích. “Đầu tiên là các ngón chân của nó. Rồi đến gót chân. Cuối cùng là phần còn lại của cả hai bàn chân. Chẳng thứ gì tôi cho nó uống – không thứ nước sắc, thứ rượu thuốc nào – có chút hiệu quả trong việc chữa trị cho nó.”

Vậy là cậu bé cũng có bàn chân – hai bàn chân vô hình.

“Chúng tôi không biết phải làm gì,” Bekhir nói. “Nhưng tôi nghĩ có lẽ trong số các cô cậu có ai đó biết chữa bệnh...”

“Chẳng có cách nào để chữa thứ cậu ấy gặp phải,” Millard nói, và tiếng nói của cậu vang lên trong không trung làm cậu bé bất giác ngẩng đầu lên. “Cậu ấy và tôi giống nhau. Chuyện tương tự xảy ra với tôi khi tôi còn nhỏ. Khi mới sinh ra tôi chưa vô hình; chuyện đó xảy ra dần dần.

“Ai đang nói vậy?” cậu bé hỏi.

Millard cầm một cái khăn quàng nằm bên mép giường lên và quàng quanh khuôn mặt mình, để lộ ra đường nét mũi, trán, miệng cậu. “Tôi đây,” cậu

nói, di chuyển trên sàn về phía cậu bé. “Đừng sợ.”

Trong khi những người còn lại trong chúng tôi quan sát, cậu bé giơ bàn tay lên chạm vào má Millard, rồi lên trán, rồi lên tóc cậu – tôi chưa bao giờ buồn hình dung về màu sắc và kiểu tóc của cậu ta – thậm chí còn cầm lấy một lọn tóc kéo như để kiểm tra độ thực của chúng.

“Cậu ở đó,” cậu bé nói, đôi mắt sáng lên ngỡ ngàng. “Cậu thực sự ở đó!”

“Và cậu cũng thế, thậm chí ngay cả sau khi những người đồng bào khác của cậu đã ra đi,” Millard nói. “Cậu sẽ thấy. Sẽ không đau đâu.”

Cậu bé mỉm cười, và khi cậu cười, hai đầu gối người phụ nữ run rẩy, bà phải tựa người vào Bekhir. “Cảm ơn cậu,” bà nói với Millard, suýt òa khóc. “Cảm ơn cậu.”

Millard ngồi xuống bên đôi bàn chân đã biến mất của Radi. “Không có gì phải sợ cả, chàng trai. Thực ra, khi cậu đã quen với sự vô hình, tớ nghĩ cậu sẽ thấy nó có nhiều lợi thế...”

Và trong khi cậu bắt đầu liệt kê chúng ra, Bekhir bước tới cửa và gạt đầu ra hiệu cho Emma và tôi. “Hãy để họ ở lại,” ông nói. “Tôi tin chắc họ có nhiều điều để nói.”

Chúng tôi để Millard ở lại một mình cùng cậu con trai và mẹ cậu ta. Quay lại bên lửa trại, chúng tôi thấy gần như tất cả mọi người, đặc biệt hay Digan, đều xúm lại quanh Horace. Cậu ta đang đứng trên một gốc cây trước bà thấy bói đang ngơ ngẩn, mắt nhắm lại, một bàn tay áp lên đầu bà này, và dường như đang kể lại một giấc mơ khi nó đến với cậu ta: “... và chất của bà sẽ điều khiển một con tàu không lồ đi lại giữa Trái Đất và Mặt Trăng như một chiếc xe buýt đường dài, và trên Mặt Trăng anh ta sẽ có một ngôi nhà rất nhỏ, rồi anh ta sẽ trễ hẹn thanh toán thế chấp và buộc phải cho thuê trọ, và một trong những người đến ở trọ là một phụ nữ xinh đẹp anh ta sẽ yêu mê mết theo kiểu mặt trăng, nó không hoàn toàn giống tình yêu trên trái đất vì sự khác biệt về trọng lực trên đó...”

Chúng tôi đứng quan sát từ ngoài rìa đám đông. “Cậu ta nghiêm túc đấy chứ?” tôi hỏi Emma.

“Có thể,” cô đáp. “Hoặc cậu ta chỉ đang trêu đùa bà ấy một chút.”

“Tại sao cậu ấy không thể nói về tương lai của chúng ta như thế?”

Emma nhún vai. “Năng lực của Horace có thể vô dụng đến kinh khủng. Cậu ta có thể tuân tuốt tiên đoán hết cả đời cho những người lạ hoắc, nhưng với chúng ta, cậu ấy gần như hoàn toàn bị chặn đứng. Cứ như thể cậu ta càng quan tâm đến ai thì càng thấy ít về người đó hơn. Cảm xúc che khuất tầm nhìn của cậu ấy.

“Chẳng phải chúng ta ai cũng vậy sao,” một giọng nói vang lên từ phía sau chúng tôi, chúng tôi ngoảnh lại thì thấy Enoch đứng đó. “Và về chuyện đó, tớ hy vọng cậu không làm anh chàng người Mỹ sao nhãng quá mức, Emma thân mến. Thật khó canh phòng hồn rỗng khi cái lưỡi của một quý cô trẻ tuổi cứ kè sát tai như thế.”

“Đừng có ghê tởm thế!” Emma nói.

“Tớ không thể lờ Cảm Giác đi được dù có muốn đi nữa,” tôi nói, dù tôi thực sự ước gì có thể lờ đi được cảm giác ủy mị sến sẩm là Enoch đang ghen với tôi.

“Vậy hãy nói cho tớ biết về cuộc gặp bí mật của mấy người đi nào,” Enoch nói. “Có phải đám Digan thực sự bảo vệ chúng ta vì một mối liên minh xưa rích nào đó mà chẳng ai trong chúng ta từng nghe tới không?”

“Ông thủ lĩnh và bà vợ có một đứa con trai đặc biệt,” Emma nói. “Họ hi vọng chúng ta có thể giúp cậu ấy.”

“Thật điên rồ,” Enoch nói. “Họ thiếu chút nữa khiến chính mình bị lũ lính kia lóc thịt sống chỉ vì một thằng bé thôi sao? Đúng là cảm xúc làm mờ mắt thật! Tớ cứ nghĩ họ muốn bắt bọn mình làm nô lệ vì năng lực của bọn mình, hay ít nhất cũng mang bọn mình ra bán đấu giá – nhưng thế đấy, tớ luôn đánh giá người khác quá cao.”

“Ồ, cậu đi tìm một con vật chết nào đó mà chơi đi,” Emma nói.

“Tớ sẽ chẳng bao giờ hiểu nổi chín mươi chín phần trăm nhân loại,” Enoch nói, rồi lắc đầu bỏ đi.

“Đôi khi tớ nghĩ cậu ta có một phần là máy móc,” Emma nói. “Da thịt bên ngoài, kim loại bên trong.”

Tôi bật cười, nhưng trong lòng tự hỏi biết đâu Enoch lại đúng. Có phải những gì Bekhir đã mạo hiểm vì con trai ông *đúng là* điên rồ không? Bởi vì nếu Bekhir điên rồ, thì chắc chắn tôi cũng vậy. Tôi đã phải từ bỏ nhiều đến chừng nào chỉ vì một cô gái? Bất chấp sự tò mò của tôi, bất chấp ông tôi, bất chấp những gì chúng tôi nợ cô Peregrine, nói cho cùng tôi có mặt ở đây – lúc này – chỉ vì một lý do duy nhất: bởi vì kể từ ngày gặp Emma, tôi đã biết tôi muốn trở thành một phần của bất cứ thế giới nào cô thuộc về. Liệu điều đó có làm tôi thành kẻ điên rồ không? Hay đó là vì trái tim tôi đã bị chinh phục quá dễ dàng?

Có lẽ mình cần dùng một ít kim loại cho phần bên trong, tôi thầm nghĩ. Nếu tôi giữ cho trái tim mình được bọc giáp tốt hơn, bây giờ lẽ ra tôi đang ở đâu?

Dễ biết thôi – tôi sẽ ở nhà, bó mình vào một nhịp sống đơn điệu. Nhân chìm phiên muộn trong các trò chơi điện tử. Làm việc theo ca tại Smart Aid. Và để nội tâm chết dần chết mòn vì nuôi tiếc theo mỗi ngày trôi qua.

Đồ hèn nhát. Đồ nhóc con yếu đuối, bệnh hoạn. Mà đã vứt mắt cơ hội của mày.

Nhưng tôi đã không như thế. Khi hướng tới Emma, tôi đã mạo hiểm tất cả - và lại đang tiếp tục mạo hiểm mỗi ngày – nhưng khi làm thế tôi đã chộp lấy và kéo mình vào trong một thế giới từng có lúc không thể tưởng tượng nổi với tôi, nơi tôi sống giữa những người còn giàu sức sống hơn bất cứ ai tôi từng biết, làm những công việc tôi chưa từng mơ mình có thể làm được, sống sót qua những thử thách tôi không bao giờ mơ mình có thể qua được. Tất cả vì tôi đã để mình nương theo cảm xúc với một cô gái đặc biệt.

Bất chấp tất cả những rắc rối và hiểm nguy chúng tôi đang gặp phải, và bất chấp thực tế là thế giới mới lạ này đã bắt đầu sụp đổ ngay khoảnh khắc tôi khám phá ra nó, tôi vẫn rất vui vì mình đã ở đây. Bất chấp tất cả, cuộc sống đặc biệt này là thứ tôi luôn mong muốn. Thật lạ lùng, tôi thầm nghĩ, khi ta có thể vừa sống những giấc mơ đẹp lại vừa sống những cơn ác mộng.

“Có chuyện gì vậy?” Emma hỏi. “Cậu đang nhìn tứ chăm chăm kia.”

“Tứ muốn cảm ơn cậu,” tôi nói.

Cô chun mũi và liếc mắt như thể tôi vừa nói gì đó tức cười. “Cảm ơn tớ vì cái gì cơ?” cô hỏi.

“Cậu đem đến cho tớ sức mạnh mà tớ đã không hề biết mình có,” tôi nói. “Cậu làm tớ tốt lên.”

Cô đỏ mặt. “Tớ không biết phải nói gì nữa.”

Emma, tâm hồn rạng rỡ. Tôi cần ngọn lửa của em – ngọn lửa ở trong nội tâm của em.

“Cậu không cần phải nói gì cả,” tôi nói. Thế rồi tôi bỗng cảm thấy tha thiết muốn hôn cô, và tôi làm thế.

Chúng tôi đã mệt rũ rời, nhưng những người Digan lại đang ở tâm trạng vô cùng hân hoan và có vẻ quyết định tiếp tục tiệc tùng, và sau vài cốc gì đó nóng hổi, ngọt ngào, nhiều caffeine và thêm vài bài hát, họ đã giành phần thắng trước chúng tôi. Họ là những người kể chuyện trời sinh và là những ca sĩ thật duyên dáng; những con người với sức cuốn hút bẩm sinh này đối xử với chúng tôi như những người anh em họ thất lạc bấy lâu mới tìm lại được. Chúng tôi thức đến tận nửa đêm để trò chuyện. Anh chàng trẻ tuổi vồng giọng lên như gấu thể hiện một màn nói tiếng bụng xuất sắc tới mức tôi gần như tin là những con rối của cậu ta đã sống dậy. Cậu này có vẻ hơi phải lòng Emma và dồn về phía cô đủ chiêu trò thông dụng, mím cười đầy cổ vũ, song cô vờ như không nhận ra và luôn nắm lấy bàn tay tôi.

Sau đó, họ kể cho chúng tôi nghe chuyện quân đội Anh, trong Thế chiến thứ nhất, đã trưng dụng toàn bộ ngựa của họ, và trong một thời gian họ chẳng còn con ngựa nào để kéo xe. Họ đã bị bỏ mặc lại trong rừng – trong chính khu rừng này – cho tới một ngày kia, một đàn dê sừng dài lang thang vào khu trại của họ. Chúng có vẻ hoang dã nhưng đủ thuần để tới ăn đồ ăn trên tay bạn, thế là một người nảy ra ý tưởng một con dê vào cỗ xe, và ra lũ dê này khỏe gần như không kém những con ngựa họ đã mất. Thế là những người Digan thoát khỏi cảnh mắc kẹt một chỗ, và cho tới khi chiến tranh kết thúc, những cỗ xe của họ vẫn do những con dê khỏe khác thường này kéo, và cũng vì thế họ được biết đến trên khắp xứ Wales với tên gọi Bộ tộc Dê. Để làm bằng chứng, họ đưa ra cho mọi người chuyên tay nhau xem một bức ảnh ông bác của Bekhir ngồi trên một cỗ xe dê kéo. Không cần ai nói,

chúng tôi biết ngay rằng đây chính là bầy dê đặc biệt bị thất lạc Addison đã kể. Sau chiến tranh, quân đội trả lại ngựa cho người Digan, và bầy dê, giờ đây không còn được cần đến nữa, biến mất vào rừng.

Cuối cùng, đồng lửa trại tàn dần, họ trải đệm nằm ra cho chúng tôi và hát một bài hát ru bằng một thứ ngôn ngữ du dương xa lạ, và tôi cảm thấy nhẹ nhõm êm ái như một đứa trẻ. Anh chàng nói tiếng bụng tới chúc Emma ngủ ngon. Cô xua anh ta đi, nhưng anh ta vẫn kịp để lại một tấm danh thiếp. Ở mặt sau có ghi một địa chỉ tại Cardiff, cứ vài tháng, khi nhóm người Digan dừng chân nghỉ lại, anh ta lại tới đó lấy thư từ. Ở mặt trước là ảnh chụp anh ta cùng những con rôi, và một lời nhắn ngắn dành cho Emma. Cô đưa nó cho tôi xem và cười khúc khích. Nhưng tôi thấy ái ngại cho anh ta. Anh ta chỉ mắc tội đã thích cô, cũng giống như tôi vậy.

Tôi cuộn người lại bên Emma trong một tấm đệm ngủ ở bìa rừng. Đúng lúc đang chìm vào giấc ngủ, tôi chợt nghe thấy tiếng bước chân trên cỏ gần đó, tôi mở choàng mắt nhưng không thấy ai cả. Đó là Millard, cậu ta đã quay lại sau khi dành cả buổi tối trò chuyện với cậu bé Digan.

“Cậu ấy muốn đi cùng chúng ta,” Millard nói.

“Ai cơ?” Emma lẩm bẩm như đang say. “Đi đâu?”

“Cậu bé. Đi cùng chúng ta.”

“Thế cậu nói sao?”

“Tớ bảo cậu ta rằng đó là một ý tưởng không hay lắm. Nhưng tớ cũng không thẳng thừng từ chối.”

“Cậu biết là chúng ta không thể đem theo bất cứ ai nữa mà,” Emma nói. “Cậu ấy sẽ làm chậm chân chúng ta.”

“Tớ biết, tớ biết,” Millard nói. “Nhưng cậu bé đang dần dần biến mất, và rất sợ hãi. Không lâu nữa cậu ta sẽ hoàn toàn vô hình, và cậu ta sợ sẽ tụt lại đằng sau cộng đồng của mình nào đó một ngày nào đó mà những người Digan không nhận ra, và cậu ta sẽ bị lạc mãi mãi trong rừng giữa lũ sói và nhện.”

Emma rên lên và lăn người quay lại đối mặt với Millard. Cậu ta sẽ không đòi nào chịu để chúng tôi ngủ cho tới khi chuyện này được quyết định. “Tớ

biết cậu bé sẽ thất vọng,” cô nói. “Nhưng thực sự không được đâu. Tớ xin lỗi, Millard.”

“Cũng đúng thôi,” Millard vừa nói vừa thở dài nặng nề. “Tớ sẽ báo tin cho nó.”

Cậu ta đứng dậy và rời đi.

Emma thở dài, và suốt một hồi lâu cô cứ trở người trần trọc.

“Cậu đã làm đúng,” tôi thì thầm. “Thật không dễ dàng khi là chỗ dựa cho mọi người.”

Cô không nói gì, chỉ rúc vào ngực tôi. Dần dà chúng tôi ngủ thiếp đi, tiếng gió xào xạc qua các cành cây và tiếng thở dài của lũ ngựa nhẹ nhàng đưa chúng tôi vào giấc ngủ.

Đó là một đêm ngủ chập chờn và những giấc mơ tệ hại, cũng gần giống những gì tôi đã trải qua ngày hôm trước: bị những bầy chó như từ ác mộng vụt ra săn đuổi. Đến sáng, tôi đã mệt như. Tờ chi nặng như đeo bằng gỗ, đầu lâng lâng. Tôi cảm thấy có khi đừng ngủ còn hơn.

Bekhir đánh thức chúng tôi lúc rạng sáng. “Trời sáng rồi, *syndrigasti!*” Ông gọi lớn, ném xuống những ổ bánh mì cứng như gạch. “Bao giờ chết thì các cô cậu tha hồ mà ngủ!”

Enoch sút ổ bánh mì của cậu ta vào một hòn đá, và nó kêu lên đánh cạch như một khúc gỗ. “Vớ bữa sáng thế này chúng tôi cũng sẽ sớm chết sớm thôi!”

Bekhir vuốt tóc Enoch, cười hết cỡ. “À, thôi nào. Tinh thần người đặc biệt của cậu sáng nay đi đâu rồi?”

“Đi ngủ rồi,” Enoch nói, kéo đệm ngủ lên trùm đầu.

Bekhir cho chúng tôi mười phút để sửa soạn cho chuyến đi vào thị trấn. Ông đang cố giữ đúng lời hứa của mình, đưa chúng tôi tới đó trước giờ chuyến tàu đầu tiên buổi sáng khởi hành. Tôi thức dậy, loạng choạng bước tới một xô nước, vã ít nước lên mặt, rồi dùng ngón tay đánh răng. Ôi, tôi nhớ cái bàn chải của mình biết bao. Nhớ cuộn chỉ nha khoa mùi bạc hà và

lọ lẩn khứ mùi hương-gió-đại-dương của tôi biết bao. Vào lúc đó, chẳng có gì tôi không sẵn sàng đánh đổi để tìm thấy một cửa hàng Smart Aid.

Tôi sẵn sàng đổi cả vương quốc của mình lấy một bộ đồ lót mới!

Trong lúc tôi dùng ngón tay chải cỏ khô ra khỏi tóc và cắn vào một ổ bánh mì bất khả tiêu hóa, những người Digan và lũ trẻ của họ ngắm nhìn chúng tôi với vẻ mặt thảm sầu. Như thể bằng cách nào đó họ đã biết cuộc vui tối hôm trước chỉ là những phút hân hoan cuối cùng, và giờ đây chúng tôi đang bị đưa tới giá treo cổ. Tôi cố làm họ vui lên. “Sẽ ổn thôi mà,” tôi nói với một cậu bé tóc sáng trông như chỉ chực òa khóc, “Bọn anh sẽ ổn cả.”

Cậu bé nhìn tôi như thể nhìn một hồn ma đang nói, đôi mắt cậu mở to, đầy băn khoăn.

Tám con ngựa được tập hợp lại, cùng tám kỵ sĩ Digan – mỗi người kèm một người trong chúng tôi. Ngựa sẽ đưa chúng tôi tới thị trấn nhanh hơn một đoàn xe. Những con vật này cũng làm tôi phát hãi.

Tôi chưa bao giờ cưỡi ngựa. Có lẽ tôi là đứa trẻ duy nhất có gia thế thuộc dạng có thể coi là khá giả ở Mỹ chưa từng cưỡi ngựa. Chẳng phải vì tôi không nghĩ ngựa là những con vật đẹp đẽ, oai phong, đỉnh cao của quá trình sáng tạo ra động vật, v.v và v.v – mà chỉ đơn giản vì tôi không tin bất cứ con vật nào lại có đủ chỉ một chút thích thú với việc bị một người trèo lên lưng hay thúc nó phải chạy. Thêm vào đó, ngựa rất to, với cơ bắp vạm vỡ và hai hàm răng to tướng luôn nhe ra nhả nhổ, chúng cứ nhìn tôi như thể chúng biết tôi sợ và đang hy vọng có cơ hội đá vào đầu tôi. Đó là chưa kể tới việc một con ngựa chẳng hề có đai an toàn – cũng chẳng có hệ thống hãm phụ trợ nào – trong khi lũ ngựa có thể chạy nhanh gần bằng xe hơi, song lại xóc lắc hơn nhiều. Toàn bộ thử thách này chỉ đơn giản là trò đại dột.

Tất nhiên là tôi không hé lời nào về chuyện này. Tôi ngậm miệng, nghiền chặt hàm lại và hy vọng mình ít nhất cũng sống được đủ lâu để chết theo một cách thú vị hơn là ngã ngựa.

Từ tiếng hô *phi nhanh nào!* đầu tiên, chúng tôi đã phi nước đại. Tôi lập tức bỏ mặc sự tự tôn của bản thân và ôm chặt cứng người đàn ông Digan ngồi trên yên đằng trước tôi, ông ta đang cầm cương – phi nhanh tới mức

tôi chẳng có cơ hội vẫy tay chào tạm biệt những người Digan đã tụ tập lại để tiễn chúng tôi lên đường. Mà thế cũng tốt: chào tạm biệt chưa bao giờ là điểm mạnh của tôi, và gần đây cuộc sống của tôi có vẻ chỉ là một chuỗi liên tục những dịp như thế. Tạm biệt, tạm biệt, tạm biệt.

Chúng tôi lao đi. Hai bên đùi tôi tê dại vì kẹp lấy hông ngựa. Bekhir dẫn đầu đoàn kỵ sĩ, cậu con trai đặc biệt của ông cùng ngồi trên yên với ông. Cậu bé phi ngựa lưng vươn thẳng, hai cánh tay xuôi hai bên sườn, hoàn toàn tự tin không chút sợ hãi, hoàn toàn tương phản với hình ảnh tối hôm trước. Ở đây cậu bé đang trong môi trường của cậu, giữa những người Digan. Cậu không cần tới chúng tôi. *Những người này* là đồng bào của cậu.

Cuối cùng chúng tôi phi chậm lại thành nước kiệu, và tôi thu được đủ can đảm để thò mặt ra khỏi áo khoác người kỵ sĩ, quan sát phong cảnh đang thay đổi xung quanh. Rừng đã nhường chỗ cho các cánh đồng. Chúng tôi đang đi xuống một thung lũng, ở giữa thung lũng là một thị trấn, nhìn từ chỗ này chỉ nhỏ bằng một con tem bưu điện, lọt thỏm giữa màu xanh lá cây cỏ ở mọi phía. Hướng về nó từ phía Bắc là một chuỗi dài những chấm trắng hình e líp: làn khói thờ của một đoàn tàu.

Bekhir dừng đoàn ngựa lại ở ngay cổng vào thị trấn. “Chúng tôi chỉ có thể đi được tới đây,” ông nói. “Chúng tôi không được hoan nghênh lắm tại các đô thị. Các cô cậu sẽ không muốn vì chúng tôi mà bị chú ý đâu.”

Thật khó hình dung nổi lại có ai kỳ thị những con người tốt bụng này. Nhưng thế đấy, những định kiến tương tự là một trong các lý do khiến người đặc biệt phải rút lui khỏi xã hội. Thế giới đáng buồn này vận hành như thế đấy.

Tôi và những đứa trẻ khác xuống ngựa. Tôi đứng sau lưng những người còn lại, hy vọng không ai nhận ra đôi chân đang run rẩy của mình. Đúng lúc chúng tôi chuẩn bị lên đường, cậu con trai Bekhir tụt xuống khỏi ngựa của bố mình và kêu lên, “Đợi đã! Cho em đi cùng mọi người!”

“Tớ tưởng cậu đi nói chuyện với cậu ta rồi cơ mà,” Emma nói với Millard.

“Tớ có nói rồi,” Millard nói.

Cậu bé lôi một cái ba lô ra từ túi yên ngựa và đeo nó lên vai. Cậu ta đã đóng gói hành lý và sẵn sàng lên đường. “Em có thể nấu ăn,” cậu nói, “và bỏ củi, cưỡi ngựa, cũng như buộc đủ loại nút thắt.”

“Ai đó cho cậu ta một huy chương danh dự đi,” Enoch nói.

“Chị sợ là không được đâu,” Emma dịu dàng nói với cậu bé.

“Nhưng em giống mọi người – càng ngày càng giống hơn!” cậu bé bắt đầu cười khuy quần. “Hãy nhìn điều gì đang xảy ra với em!”

Chưa ai kịp ngăn cản, cậu ta đã tụt quần xuống tận mắt cá chân. Mấy cô gái há hốc miệng quay ngoắt đi nhìn chỗ khác. Hugh la lớn, “Mặc quần vào, đồ tâm thần hư hỏng!”

Nhưng chẳng có gì để mà nhìn – từ hông cậu bé trở xuống hoàn toàn vô hình. Sự tò mò quá đáng thôi thúc tôi nhìn vào phía dưới nửa người còn hiện hình của cậu bé, và tôi thấy rõ mồn một những gì đang diễn ra.

“Mọi người hãy xem em đã biến mất nhiều thế nào từ ngày hôm qua,” Radi nói, giọng đầy hoảng hốt. “Chẳng mấy chốc nữa em sẽ biến mất hoàn toàn!”

Những người đàn ông Digan trở mắt nhìn và thì thầm. Ngay cả những con ngựa của họ cũng có vẻ bồn chồn, tránh ra xa khỏi đũa trẻ dường như bị mất hai chân.

“Tớ sẽ mọc cánh mất!” Enoch nói. “Cậu nhóc chỉ còn một nửa thôi kìa.”

“Ôi, cậu bé tội nghiệp,” Bronwyn nói. “Chúng ta không thể để cậu bé đi cùng sao?”

“Chúng ta không phải là một gánh xiếc rong mà bất cứ ai hể hứng lên là đều có thể gia nhập,” Enoch nói. “Chúng ta đang thực hiện một nhiệm vụ nguy hiểm để giải cứu Chủ Vòng của chúng ta, và không thể đóng vai bảo mẫu cho một cậu chàng đặc biệt mới toanh chưa biết gì!”

Đôi mắt cậu bé mở to và bắt đầu ầng ậng nước, và cậu để chiếc ba lô tụt khỏi vai rơi xuống đường.

Emma kéo Enoch sang bên. “Nói thế thì tàn nhẫn quá,” cô nói. “Giờ hãy nói với cậu bé là cậu xin lỗi.”

“Tớ sẽ không xin lỗi. Quỹ thời gian quý báu đang cạn dần còn chúng ta đang lãng phí nó một cách ngớ ngẩn đấy.”

“Những người này đã cứu mạng chúng ta!”

“Đáng lẽ tính mạng chúng ta đã chẳng cần ai *cứu* nếu bọn họ không nhốt chúng ta vào cái lồng quý hóa đó!”

Emma kê xác Enoch và quay sang cậu bé. “Nếu hoàn cảnh khác đi, bọn chị chắc chắn sẽ mở rộng vòng tay chào đón em. Nhưng trong tình thế này, toàn bộ nền văn minh và cuộc sống của chúng ta đang có nguy cơ bị hủy diệt. Vì thế thời điểm không thích hợp chút nào cả, em thấy đấy.”

“Thật không công bằng,” cậu bé rầu rĩ. “Tại sao em lại không bắt đầu vô hình từ trước đi cho rồi chứ? Tại sao chuyện đó lại xảy ra *đúng lúc này?*”

“Khả năng của mỗi người đặc biệt đều bộc phát vào một lúc nào đó,” Millard nói. “Một số ngay từ thời thơ ấu; với những người khác nó lại chỉ thể hiện khi họ đã khá lớn tuổi. Anh từng nghe nói có người không thể nhận ra ông ấy có thể dùng ý nghĩ nhắc bổng mọi vật lên cho tới khi ông ta đã chín mươi hai tuổi.”

“Tớ đã nhẹ bổng hơn cả không khí ngay từ khi ra đời,” Olive nói đầy tự hào. “Tớ chui ra khỏi bụng mẹ là bay vút thẳng lên trần bệnh viện luôn! May nhờ dây rốn tớ mới không bay qua cửa sổ và vọt tít lên chín tầng mây. Người ta kể bác sĩ đã ngất xỉu vì choáng!”

“Giờ cậu vẫn còn gây kinh ngạc lắm, cô bé yêu quý,” Bronwyn vừa nói vừa vỗ nhẹ lên lưng cô bé động viên.

Millard, có thể nhìn thấy nhờ chiếc áo khoác và đôi ủng của cậu ta, bước tới chỗ cậu bé. “Bố em nghĩ sao về chuyện này?” cậu hỏi.

“Tất nhiên chúng tôi không muốn nó đi,” Bekhir nói, “nhưng làm sao chúng tôi có thể chăm lo chu đáo cho nó nếu thậm chí chúng tôi chẳng thể nhìn thấy nó? Nó muốn đi – và tôi nghĩ biết đâu nó sẽ thoải mái hơn giữa những người đồng loại.”

“Ông có yêu cậu ấy không?” Millard thẳng thừng hỏi. “Cậu ấy có yêu ông không?”

Lông mày Bekhir cau lại. Ông là một người khá bảo thủ, và câu hỏi làm ông thấy không thoải mái. Nhưng sau một lúc trầm tư, ông gất lên, “Tất nhiên rồi. Nó là con tôi.”

“Thế thì ông là đồng bào của cậu ấy,” Millard nói. “Cậu ấy thuộc về các ông, không phải chúng tôi.”

Bekhir không thích bộc lộ cảm xúc trước mặt người của mình, song nghe xong mấy lời đó, tôi thấy mắt ông chớp chớp và quai hàm nghiến lại. Ông gật đầu, nhìn xuống con trai mình và nói, “Vậy thì lại đây nào. Cầm ba lô của con lên và về thôi. Mẹ con chắc đã pha trà đợi sẵn đấy.”

“Vâng, thưa bố,” cậu bé nói, vừa có vẻ thất vọng vừa nhẹ nhõm.

“Em sẽ ổn thôi,” Millard trấn an cậu bé. “Còn hơn cả ổn ấy chứ. Và khi tất cả chuyện này kết thúc, anh sẽ tới tìm em. Ở ngoài kia còn nhiều người nữa như chúng ta, và đến một ngày nào đó chúng ta sẽ cùng nhau tìm ra họ.”

“Anh hứa nhé?” cậu bé nói, đôi mắt tràn đầy hy vọng.

“Anh hứa,” Millard nói.

Với câu trả lời đó, cậu bé leo trở lại lên lưng con ngựa của bố cậu, còn chúng tôi quay lại đi bộ qua cổng vào thị trấn.

Chương 6

Thị trấn này có tên là Coal(*). Không phải là Coaltown hay Coalville. Chỉ là Coal. Món than đá này hiện diện khắp nơi, chất thành đống lớn nhón cạnh cửa ra vào các ngôi nhà, bốc lên từ các ống khói dưới dạng thứ khói nhờn nhờn, bết bết trên bộ áo bảo hộ liền quần của những người đàn ông đang đi bộ tới chỗ làm. Chúng tôi co cụm lại thành một nhóm hối hả đi ngang qua họ về phía nhà ga.

() than đá*

“Giờ khăn trương lên,” Emma nói. “Không nói gì hết. Mắt sụp xuống.”

Một quy tắc đã được xác lập là nếu không cần thiết chúng tôi cần tránh tiếp xúc bằng mắt với những người bình thường, vì những cái nhìn có thể dẫn tới những cuộc trò chuyện, rồi từ trò chuyện dẫn tới các câu hỏi, và những đứa trẻ đặc biệt cảm thấy khó mà trả lời những câu hỏi do người lớn bình thường đặt ra mà không gọi ra thêm những câu hỏi nữa. Tất nhiên, nếu có điều gì mời gọi các câu trả lời thì đó là một nhóm trẻ con bộ dạng nhếch nhác không có người lớn đi kèm giữa thời buổi chiến tranh – nhất là lại còn có một con chim ăn thịt to vượt sải đậu trên vai một trong số các cô bé – song cư dân thị trấn dường như chẳng hề để ý tới chúng tôi. Họ xúm lại quanh các dây dây phơi quần áo hay trước cửa các tủ quần trên các con phố hẹp ngoằn ngoèo của Coal, bộ dạng ủ rũ như những bông hoa héo, thoáng đưa mắt về phía chúng tôi rồi lại nhìn đi chỗ khác. Họ còn nhiều nỗi lo toan khác nữa.

Ga tàu nhỏ tới mức tôi tự hỏi liệu các đoàn tàu có nhọc công dừng bánh ở đó không. Phần duy nhất có mái che là quầy bán vé, một túp nhà nhỏ nằm giữa một khoảng sân phơi ra giữa trời. Bên trong túp nhà có một người đàn ông đang ngủ gật trên một chiếc ghế, đôi mắt kính hai tròng dày như thành vỏ chai tụt xuống trên sống mũi ông ta.

Emma gõ mạnh lên cửa sổ, làm người bán vé giật mình bừng tỉnh. “Cho tám vé đi London!” cô nói. “Chúng cháu cần tới đó trong chiều nay.”

Người bán vé nhìn chúng tôi chằm chằm qua lớp kính. Ông ta gỡ cái kính hai tròng của mình xuống lau sạch rồi lại đeo lên, để cho chắc không phải đang nhìn nhầm. Tôi tin chắc trông chúng tôi thực sự gây sốc: quần áo chúng tôi bê bết bùn, tóc tai nhờn bẩn, dính bết lại dựng lên dựng lên theo những góc độ kỳ cục. Và có lẽ chúng tôi cũng nặng mùi nữa.

“Rất tiếc,” người bán vé nói. “Tàu kín chỗ rồi.”

Tôi nhìn quanh. Ngoài vài người đang ngủ gật trên các bang ghế, nhà ga vắng tanh.

“Thật lố bịch!” Emma thốt lên. “Bán vé cho chúng cháu ngay, nếu không cháu sẽ báo cáo về ông lên cơ quan quản lý đường sắt vì phân biệt đối xử với trẻ em!”

Nếu là tôi thì tôi đã nói năng nhẹ nhàng hơn với người bán vé, song Emma thì không có chút kiên nhẫn nào với sự khinh khỉnh làm cao của các

vị quan liêu.

“Nếu đúng là có tội danh đó,” người bán vé đáp, mũi hếch lên miệt thị, “thì nó chắc chắn cũng không áp dụng cho chúng mày. Đang có chiến tranh, cô nhóc biết đấy, và có nhiều thứ quan trọng cần được vận chuyển qua lãnh thổ của Nữ hoàng hơn là trẻ con và động vật!” Ông ta ném về phía cô Peregrine một cái nhìn khắc nghiệt. “Thứ đó thì kiểu gì cũng không được cho phép lên tàu trong bất cứ trường hợp nào!”

Một đoàn tàu xinh xịch tiến vào ga rồi dừng lại. Người soát vé bắt đầu ló ra ngoài một khung cửa sổ và hô lớn, “Chuyến tám giờ ba mươi đi London! Tất cả lên tàu!” Những người đang ngủ gật trên các bang ghế tỉnh dậy và bắt đầu lục tục đi qua sân ga.

Một người đàn ông mặt bộ đồ xám chen qua chúng tôi tới cửa quầy vé. Ông ta chìa tiền về phía người bán vé, nhận được một chiếc vé và hỏi hỏi đi về phía đoàn tàu.

“Ông nói là hết chỗ rồi!” Emma lên tiếng, đấm mạnh lên mặt kính. “Ông không thể làm thế!”

“Quý ông đó mua vé *hạng nhất*,” người bán vé nói. “Giờ chúng mày xéo đi, lũ oắt con ăn mày hôi hám! Đi chỗ khác để tìm túi mà móc!”

Horace bước tới cửa sổ quầy vé và nói, “Theo định nghĩa, đám ăn mày không mang theo người nhiều tiền, rồi cậu thò tay vào túi áo khoác và ném một xấp tiền dày xuống quầy. “Nếu ông đang bán vé hạng nhất, thì đây là thứ chúng tôi có!”

Người bán vé ngồi thẳng người dậy, há hốc miệng nhìn xấp tiền. Những người còn lại trong nhóm chúng tôi cũng sửng sờ, ngỡ ngàng không hiểu Horace đã kiếm chỗ tiền đó từ đâu. Đếm qua xấp tiền, người bán vé nói, “Chỗ này đủ để mua chỗ nguyên một toa hạng nhất!”

“Vậy thì cho chúng tôi cả một toa!” Horace nói. “Như thế ông có thể chắc chắn chúng tôi sẽ không móc túi ai cả.”

Người bán vé đỏ lựng mặt và áp úng “V... vâng, thưa ngài... xin lỗi, thưa ngài – và tôi hi vọng các vị chỉ coi những lời tôi nói lúc trước như những câu đùa cợt...”

“Thôi, đưa những cái vé quái quỷ đó ra đây để chúng tôi còn lên tàu!”

“Ngay đây, thưa ngài!”

Người bán vé đẩy một xấp vé hạng nhất về phía chúng tôi, “Chúc thượng lộ bình an!” ông ta nói. “Và làm ơn đừng nói với ai là tôi đã nói vậy, thưa quý vị, nhưng nếu tôi là quý vị, tôi sẽ giấu con chim đó khuất khỏi tầm mắt. Người soát vé sẽ không thích nó đâu, dù là vé hạng nhất hay không.”

Trong lúc chúng tôi cầm vé rời khỏi quầy, Horace ưỡn ngực ra đắc thắng như một chú công.

“Cậu đã lấy số tiền đó ra từ xó nào vậy?” Emma hỏi.

“Tớ đã cứu được chúng từ trong ngăn kéo bàn cô Peregrine trước khi tòa nhà bốc cháy,” Horace đáp. “Tớ đã khâu sẵn một cái túi đặc biệt trong áo khoác của mình để giữ chỗ tiền đó an toàn.”

“Horace, cậu là một thiên tài!” Bronwyn thốt lên.

“Liệu một thiên tài có tiêu đi đến đồng xu cuối cùng như thế không?” Enoch nói. “Liệu chúng ta có thực sự cần đến cả một toa hạng nhất không?”

“Không,” Horace nói, “nhưng khiến ông ta trông ngớ ngẩn như thế thật vui, phải không nào?”

“Tớ đoán là vậy,” Enoch nói.

“Đó là vì mục đích thật sự của tiền là để thao túng người khác và làm họ cảm thấy thấp kém hơn mình.”

“Tớ không hoàn toàn chắc về việc đó.” Emma nói.

“Tớ chỉ đùa thôi!” Horace nói. “Tiền là để mua quần áo, tất nhiên rồi.”

Chúng tôi sắp sửa lên tàu thì bị người soát vé chặn lại. “Cho ta xem vé của các cháu nào!” ông này nói, và ông ta đang đưa tay cầm xấp vé trên tay Horace thì để ý thấy Bronwyn nhét thứ gì đó vào trong áo khoác của cô. “Cô bé giấu thứ gì trong đó vậy hả?” người soát vé hỏi, quay người về phía cô đầy nghi ngờ.

“Cháu có giấu thứ gì ở chỗ nào đâu ạ?” Bronwyn hỏi lại, cố làm ra vẻ vô tư trong khi khép áo khoác lại che kín một khối cựa quậy.

“Trong áo khoác của cháu!” người soát vé nói. “Đừng giỡn với tôi, cô bé.”

“Nó là, à...” Bronwyn cố nghĩ thật nhanh và thất bại. “Một con chim thì sao ạ?”

Emma gục đầu xuống, Enoch đưa một tay lên che mắt và rên rỉ.

“Không được mang vật nuôi lên tàu!” người soát vé quát to.

“Nhưng ông không hiểu.” Bronwyn nói. “Cháu đã có nó từ khi còn nhỏ... và chúng cháu nhất định phải lên chuyến tàu này... và chúng cháu đã trả rất nhiều tiền để mua vé!”

“Quy định là quy định!” người soát vé nói, bắt đầu mất bình tĩnh. “Đừng có giỡn với tôi!”

Emma ngẩng đầu lên, mặt cô sáng bừng, “Một món đồ chơi thôi mà!” cô nói.

“Cháu nói sao?” người soát vé hỏi lại.

“Đó không phải là một con chim thật, thưa ông soát vé. Chúng cháu không bao giờ nghĩ tới việc vi phạm quy định như thế. Đây là món đồ chơi ưa thích của chị gái cháu, ông thấy đấy, và chị ấy nghĩ ông muốn lấy mất nó.” Cô xoắn hai bàn tay cầu khẩn đầy khổ sở. “Ông sẽ không lấy đi món đồ chơi ưa thích của một đứa trẻ chứ, phải không ông?”

Người soát vé nhìn Bronwyn với vẻ ngờ vực. “Chị cháu trông có vẻ hơi quá tuổi để chơi đồ chơi rồi, cháu không thấy thế sao?”

Emma ghé sát lại và thì thầm, “Chị ấy có hơi *chậm chạp*, ông thấy đấy...”

Bronwyn cau mày khi nghe thấy mấy lời này nhưng không còn lựa chọn nào ngoài tiếp tục diễn trò. Người soát vé bước về phía cô. “Vậy để ta xem món đồ chơi này nào.”

Đã đến khoảnh khắc quyết định. Chúng tôi nín thở trong khi Bronwyn mở áo khoác ra, thò tay vào trong, rồi từ tốn lấy cô Peregrine ra. Khi nhìn thấy con chim, trong một khoảnh khắc khủng khiếp tôi thoáng nghĩ bà đã

chết. Cô Peregrine đã trở nên hoàn toàn bất động, nằm trên tay Bronwyn với đôi mắt nhắm nghiền, hai chân chìa ra cứng đờ. Sau đó tôi nhận ra bà chỉ đang giả bộ.

“Ông thấy chưa?” Bronwyn nói. “Không phải chim thật. Chỉ là chim nhồi thôi.”

“Lúc trước ta thấy nó cử động!” người soát vé nói.

“Nó là... à... một món đồ chơi chạy cọt,” Bronwyn nói. “Ông xem nhé.”

Bronwyn quỳ gối xuống, đặt cô Peregrine xuống đất bên cạnh mình, rồi đưa tay xuống dưới cánh chim làm bộ đang vặn cọt. Một khoảnh khắc sau mắt cô Peregrine mở ra và bà bắt đầu nhảy vòng quanh, bắt đầu lắc lư cứng nhắc như máy, còn đôi chân nhảy bật lên bật xuống như lắp lò xo. Cuối cùng, bà sững lại rồi nằm lãn ra, bất động như một mô hình. Một màn biểu diễn thực sự đáng đoạt giải Oscar.

Người soát vé có vẻ gần như – song chưa hoàn toàn – bị thuyết phục.

“Được rồi,” ông ta đăng hắng, “nếu đó là một món đồ chơi, cháu làm ơn cất nó vào thùng đồ chơi của cháu nhé.” Ông hát hàm về chiếc rương Bronwyn đã đặt xuống ke ga.

Bronwyn do dự. “Đây không phải...”

“Vâng, được thôi, không có gì khó cả,” Emma vừa nói vừa mở nắp khóa rương. “Bỏ nó vào trong này đi chị!”

“Nhưng sẽ thế nào nếu không có không khí trong đó?” Bronwyn khẽ thì thầm với Emma.

“Thì chúng ta sẽ khoét vài cái lỗ vào thành rương!” Emma thì thầm đáp lại.

Bronwyn cầm cô Peregrine lên và nhẹ nhàng đặt bà vào trong cái rương. “Rất xin lỗi, thưa cô,” cô thì thầm, hạ nắp rương xuống rồi khóa lại.

Cuối cùng người soát vé cầm lấy vé của chúng tôi. “Hạng nhất!” ông ta ngạc nhiên thốt lên. “Toa của các cháu ở tận đầu đoàn tàu.” Ông ta chỉ về phía đầu cuối ke ga. “Tốt nhất các cháu nên nhanh lên!”

“Bây giờ ông ấy mới chịu nói cho chúng ta biết!” Emma nói, và chúng tôi hồi hả chạy dọc theo ke ga.

Với một màn hơi nước xì ra và tiếng kim loại và chạm khi chuyển động, đoàn tàu bắt đầu chuyển bánh bên cạnh chúng tôi. Lúc này nó mới chỉ nhích đi chậm chậm, nhưng theo mỗi vòng bánh lăn nó lại chạy nhanh hơn một chút.

Chúng tôi đã chạy tới ngang với toa hạng nhất. Bronwyn là người đầu tiên nhảy lên qua cửa toa đang mở. Cô để cái rương của mình xuống lối đi giữa toa và đưa tay giúp Olive lên tàu.

Thế rồi từ phía sau chúng tôi một giọng nói hét lớn, “Dừng lại! Xuống khỏi đó!”

Đó không phải là giọng người soát vé. Giọng nói này trầm hơn, quyền uy hơn.

“Tớ thề là nếu có *thêm một người nữa* tìm cách ngăn chúng ta lên chuyến tàu này...” Enoch nói.

Một phát súng vang lên, và cú sốc đột ngột nó gây ra làm chân tôi bị vấp. Tôi loạng choạng nhào ra khỏi khung cửa toa và bật lùi xuống sân ga.

“Tao nói dừng lại!” giọng nói đó lại gắt lên, và ngoái lại nhìn, tôi thấy một người lính mặt quân phục đứng trên sân ga, quỳ gối xuống trong tư thế ngắm bắn, súng trường chĩa về phía chúng tôi. Cùng hai tiếng nổ đinh tai, hấn bắn thêm hai phát đạn nữa sượt qua trên đầu chúng tôi để đạt được mục đích của mình. “Xuống tàu và quỳ gối xuống!” hấn nói, hồi hả rảo bước về phía chúng tôi.

Tôi đã định chạy lên tàu, nhưng rồi tôi thoáng thấy đôi mắt tên lính, và màu trắng đục không hề có đồng tử của chúng thuyết phục tôi đừng làm vậy. Hấn là một xác sống, và tôi biết hấn sẽ không buồn cân nhắc trước khi bắn hạ bất cứ ai trong chúng tôi. Tốt hơn đừng cho hấn lý do làm vậy.

Bronwyn và Olive hấn cũng có cùng suy nghĩ, vì họ xuống khỏi tàu và quỳ gối xuống cạnh chúng tôi.

Chỉ thiếu chút nữa, tôi thầm nghĩ. Chúng tôi chỉ thiếu chút nữa.

Đoàn tàu rời ga không có chúng tôi, hy vọng tốt nhất của chúng tôi để cứu cô Peregrine đang chạy xa dần.

Và cô Peregrine đang ở trên đó, tôi chợt nhớ ra và choáng váng buồn nôn. Bronwyn đã để cái rương của cô trên tàu! Một thôi thúc tự động bao trùm lấy tôi, và tôi vùng dậy đuổi theo đoàn tàu – nhưng rồi một nòng súng trường xuất hiện chỉ cách mặt tôi gần chục phân, và trong tích tắc tôi cảm thấy tất cả cơ bắp của mình không còn chút sức lực nào.

“Không. Thêm. Bước. Nào. Nữa.”

Tôi sụp trở lại xuống đất.

Chúng tôi đều quỳ gối, tay giơ lên, tim đập thành thịch. Gã lính đi vòng quanh chúng tôi, căng thẳng, súng chĩa lăm lăm, ngón tay đặt sẵn lên cò. Đó là lần quan sát một gã xác sống cận kề nhất, lâu nhất tôi từng trải qua từ sau vụ bác sĩ Golan. Hắn đang mặc một bộ quân phục Anh tiêu chuẩn – áo kaki bỏ vào trong quần len lông cừu, ủng đen, mũ sắt – nhưng mặc chúng một cách vụng về, quần nhăn nhúm, còn mũ sắt lại lật quá ra sau đầu, như thể đây là những món trang phục hắn vẫn chưa mặc quen. Có vẻ hắn cũng bồn chồn, đầu nghiêng qua ngó lại trong lúc hắn đờn chúng tôi lại. Hắn chỉ có một mình, và dù chỉ là một nhóm trẻ con không vũ khí, chúng tôi cũng đã giết chết một xác sống và hai con hồn rỗng trong ba ngày vừa qua. Hắn sợ chúng tôi, và điều đó, hơn bất cứ điều gì khác, làm tôi sợ hắn. Nỗi sợ hãi làm hắn trở nên không lường trước.

Hắn rút một chiếc bộ đàm đeo ở thắt lưng ra rồi nói liền thoảng vào đó. Xì xì một lát, rồi câu trả lời quay trở lại ngay sau đó. Tất cả đều bằng mặt mã; tôi không hiểu lấy một từ.

Hắn ra lệnh cho chúng tôi đứng dậy. Chúng tôi đứng lên.

“Chúng ta đi đâu đây?” Olive rụt rè hỏi.

“Tản bộ một chút,” hắn nói. “Một cuộc tản bộ ngoạn ngoạn, trật tự.” Hắn có cách phát âm cụt ngủn, các nguyên âm nghe bèn bẹt cho tôi biết hắn từ nơi khác đến nhưng giả khẩu âm Anh, tuy vậy không được khá cho lắm. Lũ xác sống đáng lẽ phải là các bậc thầy nguy trang, song gã này rõ ràng không phải là một ngôi sao trong cộng đồng của hắn.

“Chúng mày không được tách khỏi hàng,” hắn nói, nhìn trừng trừng vào lần lượt từng người trong chúng tôi. “Chúng mày không được chạy. Tao còn mười lăm viên đạn – đủ để khoét hai cái lỗ lên mỗi đứa chúng mày. Và đừng cho là tao không thấy áo khoác của mày, thằng nhóc vô hình. Cứ thử đi tao phải đuổi theo mày xem, tao sẽ xẻo cả hai ngón tay cái vô hình của mày ra làm kỷ niệm.”

“Vâng, thưa ông,” Millard nói.

“Không được nói gì hết!” gã lính gắt gỏng. “Giờ đi đều *bước!*”

Chúng tôi đi ngang qua trước quầy vé, người bán vé giờ đã đi đâu mất, rồi ra khỏi nhà ga, ra ngoài phố. Cho dù các cư dân Coal chẳng buồn liếc mắt nhìn chúng tôi tới lần thứ hai lúc chúng tôi đi vào thị trấn trước đó, giờ họ ngoái đầu nhìn theo chăm chăm như những con cú khi chúng tôi bị giải đi thành một hàng trước họng súng. Gã lính giữ cho chúng tôi đi ngay ngắn trong hàng, cầm cầu quát nạt khi ai đó đi trệch hàng quá xa. Tôi đi sau cùng, hắn đằng sau lưng tôi, và tôi có thể nghe thấy tiếng dây lưng đạn kêu lạch cạch trong khi chúng tôi bước đi. Chúng tôi đang quay ngược trở lại con đường đã đi tới lúc trước, thẳng ra khỏi thị trấn.

Tôi tưởng tượng ra cả tá kế hoạch đào tẩu. Chúng tôi nên tản ra. Không – hắn sẽ bắn hạ ít nhất vài người trong chúng tôi. Có lẽ ai đó cần vờ ngất xỉu trên đường, sau đó người đi sau sẽ vấp chân, rồi trong lúc lộn xộn – không, hắn quá tinh táo để mắc mưu một trò kiêu đó. Ai đó trong chúng tôi cần phải tiếp cận hắn đủ gần để đoạt lấy khẩu súng.

Tôi. Tôi là người ở gần nhất. Có thể nếu tôi bước đi chậm lại một chút, để hắn bắt kịp, sau đó lao vào hắn... nhưng tôi đang đùa với ai đây? Tôi không phải là một anh hùng phim hành động. Tôi sợ đến mức gần như nghẹt thở. Dù thế nào đi nữa, hắn còn cách sau lưng tôi hơn chín mét, và súng của hắn chĩa thẳng vào lưng tôi. Hắn sẽ bắn tôi ngay khi tôi quay người lại, và tôi sẽ nằm giữa đường mất máu đến chết. Đó là ý tưởng ngu ngốc chứ không phải ý tưởng anh dũng.

Một chiếc xe jeep rô máy chạy tới từ phía sau và vượt lên qua bên cạnh chúng tôi, đi chậm lại để vừa với nhịp bước của chúng tôi. Có thêm hai gã lính trên xe, cả hai đều đeo kính râm to bản. Tôi biết đằng sau những mắt kính đó là cái gì. Gã xác sống ngồi trên ghế hành khách gật đầu với gã đã

bắt được chúng tôi và khẽ chào – *Chúc đi đường bình an!* – rồi quay sang chúng tôi nhìn trừng trừng. Từ khoảnh khắc đó, hẳn không lúc nào rời mắt khỏi chúng tôi hay rời tay khỏi khẩu súng trường của mình.

Giờ chúng tôi đã có cả hộ tống, từ một gã xác sống cầm súng trường đã biến thành ba. Mọi hy vọng thoát thân trong tôi đều tan biến.

Chúng tôi bước đi, đi mãi, giày giẫm lạo xạo trên mặt đường rải sỏi, động cơ chiếc jeep gầm gừ bên cạnh chúng tôi như một chiếc máy cắt cỏ rẻ tiền. Thị trấn khuất dần, và một trang trại xuất hiện hai bên con đường chạy giữa hàng cây, những cánh đồng bỏ hoang trơ trụi. Mấy gã lính không nói với nhau lời nào. Có gì đó thật máy móc ở chúng, như thể bộ óc của chúng đã bị rút ra và thay bằng những bảng mạch. Người ta vẫn nói lũ xác sống rất khôn ngoan, nhưng theo tôi thấy mấy gã này có vẻ giống như người máy. Thế rồi tôi nghe thấy một tiếng vo ve bên tai mình, khi ngẩng lên, tôi nhìn thấy một con ong lượn vòng quanh đầu mình rồi bay đi.

Hugh, tôi nghĩ thầm. *Cậu ta đang định làm gì vậy?* Tôi nhìn về phía cậu ta trong hàng, lo rằng Hugh có thể đang toan tính gì đó sẽ khiến tất cả chúng tôi bị bắn – nhưng tôi không thấy cậu ta.

Tôi đếm nhẩm nhanh trong đầu. *Một-hai-ba-bốn-năm-sáu*. Trước mặt tôi là Emma, rồi đến Enoch, Horace, Olive, Millard và Bronwyn.

Hugh đâu rồi?

Tôi gần như nhảy dựng lên không. Hugh không có ở đây! Nghĩa là cậu ta đã không bị bắt cùng chúng tôi. Cậu ta vẫn còn tự do! Có lẽ trong lúc hỗn loạn tại nhà ga, cậu ta đã chui xuống khoảng trống giữa đoàn tàu và ke ga, hoặc đã nhảy lên tàu mà không bị gã lính phát hiện. Tôi tự hỏi liệu có phải cậu ta đang bám theo chúng tôi hay không – ước gì tôi có thể ngoái lại con đường đằng sau mà không làm cậu ta bại lộ.

Tôi hy vọng Hugh không bám theo chúng tôi, vì như thế nghĩa là cậu ta đang ở cùng cô Peregrine. Nếu không, làm thế nào chúng tôi tìm lại được bà? Và nếu bà bị hết dưỡng khí trong khi bị nhốt bên trong cái rương đó thì làm sao? Và vào năm 1940 người ta sẽ làm gì với những món hành lý có vẻ đáng ngờ bị bỏ lại đây?

Khuôn mặt tôi nóng bừng, cổ thắt lại. Có quá nhiều điều để sợ, cả trăm viễn cảnh kinh hoàng chen nhau cố thu hút sự chú ý trong đầu tôi.

“Trở vào hàng!” gã lính sau lưng tôi quát, và tôi nhận ra hắn đang nói với tôi – vì trong tâm trạng sốt xình xịch, tôi đã đi trệch quá xa khỏi tâm đường. Tôi hồi hã quay lại vị trí của mình sau lưng Emma, cô ngoái lại hướng ánh mắt van nài về phía tôi – *Đừng làm hắn nổi cáu!* – và tôi tự hứa rằng mình sẽ giữ bình tĩnh.

Chúng tôi bước đi trong im lặng bèn chồn, sự căng thẳng vo vo lan đi trong chúng tôi như một luồng điện. Tôi có thể thấy nó ở Emma khi cô không ngừng siết chặt hai nắm tay rồi lại xòe ra; ở Enoch khi cậu lắc đầu lảo đảo một mình; ở Olive theo từng bước chân đi chệnh choạng. Có vẻ như chỉ còn là vấn đề thời gian, ai đó trong chúng tôi sẽ làm gì đó liều mạng và những viên đạn sẽ bắt đầu lao đến.

Thế rồi tôi nghe thấy Bronwyn kêu lên thảng thốt, tôi bèn ngẩng lên nhìn, một cảnh tượng kinh hoàng tôi chưa bao giờ hình dung ra nổi hiện ra trước mắt tôi. Ba vật thể to tướng nằm bất động phía trước chúng tôi, một trên đường, hai ở cánh đồng ven đường, ngay bên kia một con lạch nông. Thoạt đầu tôi nghĩ đó là những đống đất đen, không buồn nhìn vào chúng.

Thế rồi chúng tôi lại gần hơn, và tôi không thể coi như chúng là gì khác ngoài bản chất thật của chúng: ba con ngựa chết nằm chết trên đường.

Olive kêu thét lên. Bronwyn theo bản năng quay lại trấn an cô bé – “Đừng nhìn, chích chòe bé bỏng!” – và gã lính ngồi trên xe nổ súng bắn đạn chì lên trời. Chúng tôi nhào xuống đất, đưa tay ôm đầu.

“Làm thế lần nữa là mày sẽ nằm dưới lạch cạnh chúng nó đấy!” hắn quát.

Trong lúc chúng tôi đứng dậy, Emma quay về phía tôi và thì thầm *Digan*, sau đó hát hàm về phía con ngựa gần nhất. Tôi hiểu ý cô: đây là mấy con ngựa của họ. Thậm chí tôi còn nhận ra những dấu hiệu trên một con – các chấm trắng trên hai chân sau của nó – và biết đó chính là con ngựa tôi mới cưỡi chỉ một giờ trước.

Tôi cảm thấy như mình sắp nôn ọe.

Tất cả cùng ùa về ráp vào nhau, hiện ra như một cuốn phim trong đầu tôi. Lũ xác sống đã gây ra chuyện này – cũng chính những kẻ đã tấn công khu trại của chúng tôi tối hôm trước. Những người Digan đã gặp phải chúng trên đường sau khi để chúng tôi lại bên rìa thị trấn. Đã có một cuộc giao chiến, rồi một cuộc truy đuổi. Đám xác sống đã bắn chết lũ ngựa của những người Digan ngay khi họ đang cưỡi chúng.

Tôi biết bọn xác sống đã giết người – giết những đứa trẻ đặc biệt. Cô Avocet đã nói thế - song sự tàn bạo của việc bắn chết những con vật này có vẻ vượt xa cả sự độc ác đó. Một giờ trước, chúng từng là ba trong số những tạo vật giàu sức sống nhất mà tôi từng thấy – đôi mắt long lanh khôn ngoan, thân mình vạm vỡ cơ bắp, hùng hực hơi nóng – còn giờ đây, chỉ vì sự can thiệp của vài mảnh kim loại, chúng chỉ còn là những đồng thịt lạnh ngắt. Những con vật mạnh mẽ, kiêu hãnh bị bắn hạ và bỏ lại trên đường như rác rưởi.

Tôi rùng mình vì sợ hãi, run lên vì phẫn nộ. Tôi cũng thấy ăn năn vì từng có định kiến với chúng. Tôi quả là một thằng nhóc được nuông chiều vô ơn.

Bình tĩnh lại, tôi tự nhủ. Hãy trấn tĩnh bản thân.

Bekhir và người của ông bây giờ đâu rồi? Con trai ông đâu? Tất cả những gì tôi biết là đám xác sống sẽ bắn chúng tôi. Đến giờ thì tôi đã chắc vì chuyện đó. Lũ giả danh mặc áo lính này cũng chỉ là những động vật; thậm chí còn quái gở hơn cả lũ hồn rỗng chúng kiểm soát. Ít nhất đám xác sống cũng có bộ óc biết tư duy lý trí – nhưng chúng đã dùng năng lực sáng tạo đó để hủy hoại thế giới. Để biến sinh vật thành vật chết. Và để làm gì? Để chúng có thể sống lâu thêm một chút. Để chúng có thể có nhiều quyền lực hơn một chút lên thế giới quanh chúng, cũng như các sinh vật sống trong thế giới đó, vốn chẳng mấy được chúng để tâm đến.

Tàn sát. Một sự tàn sát mới ngu ngốc làm sao.

Và giờ chúng sẽ chẳng tiếc gì sinh mạng của chúng tôi. Dẫn chúng tôi tới một nơi hành quyết nào đó, rồi tra hỏi và đánh đập. Và nếu Hugh đủ ngốc để đi theo chúng tôi – nếu con ong bay ngược bay xuôi theo hàng của chúng tôi đồng nghĩa với việc cậu ta đang ở gần đây – thì chúng sẽ giết cả cậu ta nữa.

Xin Chúa cứu giúp tất cả chúng tôi.

Những con ngựa chết đã lùi lại xa đằng sau chúng tôi khi mấy gã lính ra lệnh cho chúng tôi rời khỏi đường rẽ vào một lối mòn hẹp. Đó gần như chỉ là một lối mòn đi bộ, rộng cỡ vài bàn chân, vì thế mấy gã lính đang chạy xe bên cạnh chúng tôi buộc phải đỗ chiếc jeep lại và đi bộ, một gã đi trước và hai gã đằng sau. Hai bên chúng tôi các cánh đồng đều hoang hóa, đầy cỏ dại đang nở hoa và rì rầm âm thanh của những con côn trùng cuối hè.

Một nơi thật đẹp để chết.

Sau một hồi, một căn lán lợp rạ xuất hiện trong tầm mắt bên rìa cánh đồng. *Đó là nơi chúng sẽ làm việc đó, tôi nghĩ. Đó là nơi chúng sẽ giết chúng ta.*

Khi chúng tôi lại gần, một cánh cửa mở ra và một gã lính bước ra khỏi lán. Hắn mặc khác những kẻ đang vây quanh chúng tôi: thay vì mũ sắt, hắn đội một chiếc mũ sĩ quan viền đen, và thay vì súng trường, hắn mang súng lục đeo trong bao đựng.

Gã này là chỉ huy.

Hắn đứng trên lối mòn khi chúng tôi lại gần, nhấp nhòm trên hai gót chân và nở một nụ cười trưng ra bộ răng trắng bóc. “Cuối cùng chúng ta cũng gặp nhau!” hắn lên tiếng. “Chúng mày đã khiến bọn ta phải đi lòng vòng kha khá đấy, nhưng ta biết cuối cùng thế nào bọn ta cũng bắt được chúng mày. Chỉ là vấn đề thời gian thôi!” Hắn có vóc người béo lùn, nét mặt trẻ con, mái tóc thưa có màu sáng đến mức gần như bạc trắng, và tràn đầy một thứ hưng phấn quái lạ, vui vẻ hết như một thủ lĩnh Hướng đạo sinh đang hào hứng quá độ. Nhưng tất cả những gì tôi có thể nghĩ khi nhìn vào hắn là: *Súc sinh. Quái vật. Sát nhân.*

“Lại đây, lại đây,” gã sĩ quan nói, đẩy mở cửa lán ra. “Bọn chúng mày đang đợi bên trong.”

Trong lúc đám lính của hắn xua chúng tôi đi qua trước mặt hắn, tôi thoáng thấy cái họ khêu trên áo sơ mi của hắn: WHITE (*). Như màu sắc vậy.

(*) *màu trắng*

Ông White. Có thể là một trò đùa chẳng? Ở hãn chẳng có gì có vẻ xác thực; cái họ này càng ít thật hơn.

Chúng tôi bị đẩy vào trong, bị quất dồn vào một góc. Căn buồng duy nhất trong lán không có đồ đạc gì và đông chật người. Bekhir và người của ông ngồi dưới đất, tựa lưng vào tường. Họ đã bị đối xử rất tệ: tất cả đều bầm tím, máu me bê bết, nhếch nhác thảm hại. Thiếu mất mấy người, trong đó có cậu con trai Bekhir. Đứng canh họ là hai gã lính nữa – như vậy tổng cộng có sáu gã, nếu tính cả gã White và đội áp giải chúng tôi.

Bekhir bắt gặp ánh mắt chúng tôi liền nghiêm nghị gật đầu. Hai má ông thâm tím những vết bầm giập. *Tôi xin lỗi*, ông nói thảm với tôi.

Gã White thấy chúng tôi trao đổi với nhau liền bước ngay lại chỗ Bekhir. “Ái chà! Mà biết lũ nhóc này sao?”

“Không,” Bekhir nói, cúi gầm mặt xuống.

“Không à?” Gã White làm bộ kinh ngạc. “Nhưng mà vừa xin lỗi thằng nhóc đó. Chắc hẳn mà phải biết nó, hay là mà có thói quen xin lỗi người lạ đấy hả?”

“Chúng không phải là đám trẻ các ông đang tìm kiếm,” Bekhir nói.

“Tao nghĩ chính là chúng nó đấy,” gã White nói. “Tao nghĩ đây chính là lũ nhóc chúng tao đang tìm. Và thêm nữa, tao nghĩ tôi qua chúng nó đã nghỉ lại khu trại của mà.”

“Tôi nói với ông rồi, tôi chưa bao giờ thấy chúng.”

Gã White tặc lưỡi như một thầy giáo đang chê trách học trò.

“Digan này, mà có nhớ tao đã hứa sẽ làm gì nếu tao phát hiện ra mà nói dối tao không hả?” Hãn rút một con dao ra từ thắt lưng ra và kê lưỡi dao lên má Bekhir. “Đúng rồi. Tao đã hứa sẽ cắt cái lưỡi dối trá của mà ra ném cho chó của tao ăn. Và tao luôn giữ lời hứa của mình.”

Bekhir bắt gặp ánh mắt vô hồn của Ông White và trừng mắt nhìn lại không nao núng. Từng giây trôi qua trong sự im lặng căng thẳng tột cùng. Đôi mắt tôi nhìn chăm chăm vào con dao. Cuối cùng, gã White nặng ra một nụ cười và lại điệu bộ đứng thẳng người lên, phá vỡ sự im lặng. “Nhưng,”

hắn vui vẻ nói, “việc cần làm thì phải làm trước đã!” Hắn quay sang đối diện với mấy gã lính đã áp giải chúng tôi. “Ai trong chúng mày có con chim của chúng nó?”

Mấy gã lính nhìn nhau. Một gã lắc đầu, rồi một gã khác.

“Chúng tôi không thấy nó,” gã lính đã bắt chúng tôi tại ga nói.

Nụ cười của gã White xịu xuống. Hắn quỳ gối xuống cạnh Bekhir. “Mày nói với tao là chúng nó mang theo con chim,” hắn nói.

Bekhir nhún vai. “Chim có cánh. Chúng đến rồi đi.”

Ông White đâm vào đùi Bekhir. Chỉ đơn giản là vậy: nhanh chóng, vô cảm, lưỡi dao đâm vào rồi rút ra. Bekhir kêu thét lên vì kinh ngạc và đau đớn rồi ngã lăn ra, ôm lấy chân trong khi máu bắt đầu chảy.

Horace ngất đi lăn kènh ra sàn. Olive thẳng thốt kêu to và đưa tay che mắt.

“Mày nói dối tao hai lần rồi đấy,” gã White vừa nói vừa lau sạch lưỡi dao lên một chiếc khăn tay.

Số còn lại trong chúng tôi nghiêng chặt răng và kìm chế không nói gì, nhưng tôi có thể thấy Emma đã chuẩn bị báo thù, xoa hai bàn tay vào nhau sau lưng để làm chúng nóng lên.

Gã White ném chiếc khăn tay dính đầy máu xuống sàn, tra dao lại vào vỏ và đứng dậy đối diện với chúng tôi. Hắn gằn như mỉm cười song không phải mỉm cười, mắt mở to, đôi lông mày dính làm một nhướng lên thành một chữ M hoa.

“Con chim của chúng mày đâu?” hắn bình thản hỏi. Hắn càng làm ra vẻ tử tế thì càng làm tôi chết khiếp.

“Nó bay đi rồi,” Emma bực bội nói. “Đúng như ông ấy đã nói với ông.”

Tôi ước gì cô không lên tiếng; giờ đây tôi sợ hắn sẽ lôi riêng cô ra tra tấn.

Gã White bước về phía Emma và nói, “Cánh của nó bị thương. Người ta thấy mày cùng với con chim mới chỉ hôm qua thôi. Nó không thể ở xa đây.” Hắn háng giọng. “Tao sẽ hỏi lại mày lần nữa.”

“Nó chết rồi,” tôi nói. “Chúng tôi đã ném nó xuống một con sông.”

Có thể nếu tôi làm hấn bực hơn Emma, hấn sẽ quên là cô từng lên tiếng.

Gã White thở dài. Tay phải hấn lướt qua bao súng, nấn ná lại chỗ cán con dao, rồi quay lại đặt vào cái khóa đồng của thắt lưng. Hấn hạ giọng như thể những gì hấn sắp nói chỉ nhằm đến đôi tai của tôi mà thôi.

“Tao hiểu vấn đề rồi. Chúng mày tin rằng sẽ chẳng ích gì nếu thành thật với tao. Tin rằng chúng tao sẽ giết chúng mày dù chúng mày có làm gì, nói gì đi chăng nữa. Tao cần chúng mày biết là không phải thế. Tuy nhiên, để hoàn toàn thành thật, tao sẽ nói thế này: đáng lẽ chúng mày không nên buộc bọn tao phải săn đuổi chúng mày. Đó là một sai lầm. Chuyện này đã có thể dễ dàng hơn nhiều, nhưng giờ thì ai nấy đều tức giận, chúng mày thấy đấy, vì chúng mày đã làm lãng phí quá nhiều thời gian của bọn tao.”

Hấn chỉ một ngón tay về phía đám lính của mình. “Những người này ư? Họ thích làm chúng mày đau lắm. Ngược lại, tao có thể nhìn nhận mọi thứ từ góc độ của chúng mày. Bọn tao đúng là có vẻ đáng sợ, tao hiểu điều đó. Cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng ta, trên boong chiếc tàu ngầm của tao, đúng là thiếu lịch sự xã giao một cách đáng tiếc. Hơn thế, các Chủ Vòng của chúng mày đã đầu độc chúng mày bằng những thông tin sai lệch về bọn tao suốt nhiều thế hệ. Vì thế cũng là tự nhiên thôi khi chúng mày chạy. Với cách nhìn nhận như thế, tao sẵn sàng dành cho chúng mày thứ tao nghĩ là một đề nghị hợp lý. Chỉ cho bọn tao thấy con chim ngay bây giờ, và thay vì làm đau chúng mày, bọn tao sẽ gửi chúng mày tới một nơi đẹp đẽ, nơi chúng mày sẽ được chăm sóc chu đáo. Được ăn hàng ngày, có giường riêng... một nơi cũng không gò bó hơn cái Vòng Thời Gian lố bịch chúng mày đã ăn náu suốt những năm qua.”

Gã White nhìn sang người của hấn và phá lên cười. “Chúng mày có tin nổi lũ nhóc này đã sống – bao nhiêu nhỉ, bảy mươi năm phải không? – từng ấy thời gian trên một hòn đảo bé xíu, sống mãi cùng một ngày lặp đi lặp lại không? Tồi tệ hơn bất cứ nhà tù nào tao có thể nghĩ ra. Đáng lẽ đã thật dễ dàng hợp tác!” Hấn nhún vai, nhìn trở lại chúng tôi. “Nhưng ngạo mạn, sự ngạo mạn như nọc độc, đã chế ngự chúng mày. Và thử nghĩ xem, suốt quãng thời gian ấy đáng lẽ chúng ta có thể làm việc cùng nhau hướng tới một lợi ích chung!”

“Làm việc cùng nhau ư?” Emma nói. “Các ông sẵn đuổỉ chúng tôi! Cử lũ quái vật tới giết chúng tôi!”

Khỉ thật, tôi nghĩ. Im đi nào!

Gã White trưng ra bộ mặt của một chú cún con đang buồn phiền. “Quái vật ư?” hấn nói.

“Thật đau lòng. Màỵ đang nói về *tao* đây, màỵ biết chứ! Tao và tất người của tao ở đây, trước khi bọn tao tiến hóa. Tuy thế, tao sẽ cố không để bụng sự xúc phạm của màỵ. Giai đoạn thiếu niên hiếm khi hấp dẫn, dù là giống loài nào đi nữa.” Hấn vỗ mạnh hai bàn tay, làm tôi giật bản mình.

“Bây giờ, thẳng vào việc!”

Hấn soi mói chúng tôi bằng cái nhìn chăm chăm chậm rãi, giá lạnh, như thể tìm kiếm điểm yếu trong hàng ngũ chúng tôi. Ai trong chúng tôi sẽ gục ngã đầu tiên? Rốt cuộc ai sẽ cho hấn biết sự thật về cô Peregrine đang ở đâu?

Gã White nhắm vào Horace. Cậu ta đã hồi lại sau khi ngất xỉu nhưng vẫn nằm dưới sàn, co quắp và run bần bật. Hấn bước một bước dứt khoát về phía cậu ta. Horace thu người lại trước tiếng ửng của hấn.

“Đứng dậy, nhóc.”

Horace không nhúc nhích.

“Ai đó nâng thằng nhóc dậy.”

Một gã lính cọc cằn nắm lấy cánh tay lôi Horace đứng lên. Horace co ro trước mặt gã White, mắt nhìn xuống sàn.

“Tên màỵ là gì, nhóc?”

“Hơ... hơ... Horace...”

“Được, Hơ-Horace, màỵ có vẻ là đứa biết điều. Thế nên tao sẽ cho màỵ lựa chọn.”

Horace hơi ngẩng đầu lên. “Lựa chọn...?”

Gã White rút dao ra khỏi thắt lưng và chĩa nó về phía mấy người Digan. “Chọn xem ai sẽ bị giết đầu tiên. Tất nhiên là, trừ phi mày muốn cho tao biết Chủ Vòng của mày đang ở đâu. Khi đó không ai phải chết cả.”

Horace nhắm tịt hai mắt lại, như thể cậu ta chỉ muốn ước gì mình biến khỏi nơi này.

“Hoặc,” gã White nói, “nếu mày không muốn chọn một đứa trong bọn chúng, tao sẽ rất vui lòng chọn ai đó trong chúng mày. Mày có thích thế hơn không?”

“Không!”

“Vậy nói cho tao biết!” gã White gầm lên, hai môi thu lại để lộ bộ răng sáng bóng.

“Đừng nói gì với chúng hết, *syndrigasti!*” Bekhir hô lớn, và một gã lính đá vào bụng ông, làm ông rên rỉ vật ra rồi im bật.

Ông White đưa tay ra chộp lấy cằm Horace, cố buộc cậu ta phải nhìn thẳng vào đôi mắt trắng dã ghê rợn của hắn. “Mày sẽ nói cho tao biết chứ, phải không? Mày nói cho tao biết, thì tao sẽ không làm hại mày.”

“Vâng,” Horace nói, vẫn tiếp tục nhắm tịt mắt lại, vẫn tiếp tục ước cậu ta sẽ biến được đi, song vẫn phải ở lại nơi này.

“Vâng gì hả?”

Horace hít một hơi run rẩy. “Vâng, tôi sẽ nói cho ông biết.”

“Đừng!” Emma hét lên.

Ôi Chúa ơi, tôi nghĩ. Cậu ta sẽ khai ra bà ấy. Cậu ta quá bạc nhược.

Đáng lẽ bọn mình nên để cậu ta lại chỗ trại động vật...

“Suýt,” gã White thì thầm rít lên vào tai cậu ta. “Đừng có nghe lời chúng. Giờ nói đi, con trai. Nói cho ta biết con chim đó ở đâu.”

“Nó ở trong ngăn kéo,” Horace nói.

Đôi lông mày dính nhau của gã White nhú lại. “Ngăn kéo. Ngăn kéo nào?”

“Vẫn cái ngăn kéo nơi nó luôn ở đó,” Horace nói.

Hắn chớp lấy hàm Horace lắc lắc và gầm lên, “Ngăn kéo nào?!”

Horace bắt đầu nói gì đó, rồi ngậm miệng lại. Khó nhọc nuốt nước bọt. Lưng cứng lại. Thế rồi cậu ta mở mắt ra, nhìn trừng trừng vào mặt gã White và nói, “Ngăn kéo quần lót của mẹ mày ấy,” rồi cậu ta nhổ toẹt vào mặt hắn.

Gã White dùng cán dao đập vào bên đầu Horace. Olive kêu thét lên, vài người trong chúng tôi bắt giặc giật thót mình đau đớn khi Horace ngã vật ra sàn như một tải khoai tây, tiền lẻ và vé tàu rơi tung ra từ các túi áo cậu ta.

“Cái gì thế này?” gã White nói, cúi người xuống nhìn.

“Tôi bắt được chúng đang cố lên một chuyến tàu,” gã lính đã bắt được chúng tôi nói.

“Sao đến *bây giờ* mày mới nói cho tao biết hả?”

Gã lính lúng túng. “Tôi tưởng...”

“Đừng bận tâm,” gã White nói. “Đi đón đầu nó. Ngay lập tức.”

“Thưa ngài?”

Gã White liếc nhìn vé tàu, rồi xem đồng hồ của hắn. Chuyến tàu tám giờ ba mươi đi London sẽ dừng lâu lại Porthmadog. Nếu mày khẩn trương, nó sẽ vẫn còn đợi mày ở đó. Lục soát đoàn tàu từ đầu tới cuối, bắt đầu từ toa hạng nhất.”

Gã lính đứng nghiêm chào rồi ra ngoài.

Gã White quay sang mấy gã lính còn lại. “Lục soát mấy đứa nhóc còn lại,” hắn ra lệnh. “Xem xem chúng có mang theo gì đáng quan tâm không. Nếu chúng chống cự, bắn bỏ.”

Trong khi hai gã lính chĩa súng trường canh chừng chúng tôi, gã thứ ba đi qua từng đứa trẻ đặc biệt một, lục tìm trong các túi của chúng tôi. Phần lớn chúng tôi chẳng có gì ngoài những mẩu bánh vụn và xơ vải, nhưng gã lính tìm thấy một chiếc lược ngà trên người Bronwyn – “Làm ơn, nó là của mẹ tôi!” cô cầu xin, nhưng hắn chỉ bật cười và nói, “Bà ta đáng lẽ ra nên dạy mày cách dùng nó, con nhóc tướng đàn ông!”

Enoch mang theo một cái túi nhỏ đựng đất huyết lúc nhúc giun, gã lính mở cái túi ra, ngửi ngửi, rồi kinh tởm thả rơi xuống. Trong túi tôi hẳn tìm thấy chiếc điện thoại di động đã tắt ngóm. Emma thấy nó rơi bịch xuống sàn và nhìn tôi về lạ lùng, băn khoăn tại sao tôi vẫn còn giữ nó. Horace nằm bất động dưới sàn, đã bị đánh ngất hoặc đang giả ngất. Sau đó đến lượt Emma, nhưng cô không chịu. Khi gã lính tiến về phía cô, Emma gằm ghè, “Chạm một bàn tay vào người tôi là tôi đốt trụ luôn đấy!”

“Làm ơn giữ lửa của cô lại!” hắn nói rồi phá lên cười. “Xin lỗi, không thể dừng được.”

“Tôi không đùa đâu,” Emma nói, và cô giơ hai bàn tay từ sau lưng ra. Chúng đỏ rực, và thậm chí từ cách xa cả mét tôi vẫn có thể cảm thấy hơi nóng chúng phả ra.

Gã lính bật lùi lại khỏi tầm tay cô. “Cái chạm tay quả là nóng bỏng, tính khí cũng chẳng kém!” hắn nói. “Tao thích điều đó ở một phụ nữ. Nhưng cứ thử đốt tao xem, rồi anh bạn Clark kia sẽ cho óc cô em tung tóe lên tường.”

Gã lính hắn vừa nói đến gì nòng súng trường vào đầu Emma. Cô nhắm mắt lại, lồng ngực phập phồng gấp gáp. Sau đó, cô hạ hai bàn tay xuống đưa ra sau lưng. Có thể thấy cả người cô đang run lên vì phần nộ.

Cả tôi cũng vậy.

“Giờ thì liệu chừng,” gã lính cảnh cáo cô. “Không được cử động đột ngột.”

Hai nắm tay tôi siết chặt lại trong khi tôi quan sát hai bàn tay hắn đưa lên đưa xuống theo hai bàn chân cô, rồi lùa các ngón tay vào dưới đường viền cổ váy cô, làm tất cả một cách chậm chạp không cần thiết cùng một nụ cười nhả nhỏ đều cáng. Từ bé đến giờ tôi chưa bao giờ cảm thấy bất lực đến thế, kể cả khi chúng tôi bị nhốt trong cái chuồng thú đó.

“Cô ấy không có gì cả!” tôi hét lên. “Đề cô ấy yên!”

Tôi bị lờ đi.

“Tôi thích con bé này,” gã lính nói với White. “Tôi nghĩ chúng ta nên giữ cô ta lại một thời gian. Vì... khoa học.”

Gã White nhăn mặt. “Anh đúng là một kẻ đáng ghê tởm, hạ sĩ. Nhưng tôi đồng ý với anh – con bé thật đáng kinh ngạc. Tao đã nghe nói về mày rồi, mày biết đấy,” hắn nói với Emma. “Tao sẵn sàng đổi bất cứ thứ gì để làm được điều mày có thể làm. Giá như chúng ta có thể ngâm hai bàn tay đó của mày trong chai...”

Gã White mỉm cười thật quái gở đoạn quay sang gã lính.

“Kết thúc đi,” hắn gắt gỏng, “chúng ta không có cả ngày đâu.”

“Rất sẵn lòng,” gã lính đáp, rồi vừa đứng dậy vừa đưa bàn tay vuốt theo thân người Emma.

Chuyện xảy ra tiếp theo dường như một cảnh phim quay chậm. Tôi có thể thấy gã đâm dật ghê tởm này chuẩn bị cúi người xuống hôn Emma. Tôi cũng thấy sau lưng cô, lúc này hai bàn tay Emma đã được nối với nhau bằng một quãng lửa. Tôi biết chuyện này sẽ đi tới đâu: ngay khoảnh khắc môi hắn kề sát vào cô, Emma sẽ vung hai bàn tay ra trước và đốt cháy mặt hắn – cho dù như thế có nghĩa là phải chịu một viên đạn. Cô đã vượt quá ngưỡng chịu đựng.

Cả tôi cũng vậy.

Tôi căng người, sẵn sàng chiến đấu. Tôi tin chắc đây là những khoảnh khắc cuối cùng của chúng tôi. Nhưng chúng tôi sẽ sống những khoảnh khắc này như chúng tôi muốn – và nếu sắp phải chết, thì có Chúa, chúng tôi sẽ lôi vài gã xác sống đi theo.

Gã lính đưa hai bàn tay trượt quanh hông Emma. Nòng khẩu súng của một gã khác ấn vào trán vô. Cô dường như đang ấn trán vào nòng súng, thách hắn bắn. Sau lưng Emma, tôi thấy hai bàn tay cô bắt đầu xòe ra, những lưỡi lửa nóng trắng cháy dọc theo từng ngón tay.

Đến lúc rồi.

Thế rồi *Đoàng!* – một tiếng súng vang lên, chói sáng và đình tai. Tôi nhắm mắt lại, mọi thứ tối đen trong một giây.

Khi thị lực trở lại với tôi, Emma vẫn đang đứng. Đầu cô vẫn còn nguyên. Khẩu súng gí vào nó lúc trước giờ chĩa xuống dưới, còn gã lính vừa định hôn cô đã lùi ra, quay ngoắt người lại nhìn ra cửa sổ.

Phát súng tới từ bên ngoài.

Mọi đầu dây thần kinh trên người tôi đều tê dại, rần rật vì kích động.

“Cái gì vậy?” gã White hỏi, hồi hải lao tới cửa sổ. Tôi có thể nhìn qua lớp kính từ sau lưng hắn. Gã lính lúc trước đã đi chặn đón đoàn tàu đang đứng bên ngoài, người ngấp tới hông trong hoa dại. Hắn quay lưng về phía chúng tôi, súng trường chĩa về phía cánh đồng.

Gã White thò tay qua các chấn song cửa sổ và đẩy mở cửa ra. “Mày bắn cái quái gì thế hả?” hắn gắt gỏng.

“Sao mày vẫn còn ở đây?”

Gã lính không nhúc nhích, không nói gì. Cả cánh đồng sôi động với tiếng vo vo của côn trùng, và trong một lát, đó là tất cả những gì chúng tôi nghe thấy.

“Hạ sĩ Brown!” gã White lớn tiếng.

Gã kia chậm chạp quay lại, chân lão đảo. Khẩu súng trường tuột khỏi tay hắn rơi xuống đám cỏ cao. Hắn loạng choạng bước tới vài bước.

Gã White rút khẩu súng ổ quay ra khỏi bao, chĩa nó ra ngoài cửa sổ về phía Brown. “Nói gì đi chứ, đồ chết tiệt!”

Brown há miệng và cố nói; nhưng thay vì giọng nói của hắn, một âm thanh vo vo kỳ quái vọng lên từ trong bụng hắn, giống hệt âm thanh đang vang lên trên khắp cánh đồng quanh hắn.

Đó là tiếng ong đập cánh. Hàng trăm, hàng nghìn con ong. Tiếp theo những con ong xuất hiện: thoát đầu chỉ vài con, chui ra qua đôi môi hé mở của hắn. Thế rồi một sức mạnh nào đó vượt qua sức lực của gã lính dường như đã nắm lấy hắn: hai vai hắn thụt ra sau, ngực ưỡn ra trước và quai hàm hắn há ngoác ra mở rộng, rồi từ trong cái mồm đang há hoác của hắn ủa ra một luồng ong dày đặc tới mức trông chúng như một khối duy nhất; một dòng dài côn trùng tuồn tuột chui ra dường như vô tận từ cổ họng hắn.

Gã White loạng choạng lùi lại khỏi cửa sổ, sững sờ đến kinh hoàng.

Ngoài cánh đồng, Brown gục xuống giữa một đám mây ong. Khi thân hình của hắn ngã vật ra, một thân hình khác lộ diện sau lưng hắn.

Là một cậu thiếu niên.

Hugh.

Cậu đứng đó đầy thách thức, nhìn chăm chăm vào qua cửa sổ. Những con côn trùng quần lượn quanh cậu thành một quả cầu lớn lay động, vùn vủ. Ngoài cánh đồng đầy ắp chúng – ong mật và ong bắp cày, ong vò vẽ và ong vàng, những sinh vật có ngòi để đốt mà tôi không biết hay không thể kể tên – và có vẻ tất cả chúng đều chịu sự chỉ huy của cậu.

Gã White giương súng lên và bắn hết băng đạn.

Hugh nhào xuống, biến mất vào đám cỏ. Tôi không rõ liệu cậu ta bị ngã xuống đất hay chủ động nhào xuống. Rồi ba gã lính chạy tới bên cửa sổ, và trong khi Bronwyn kêu lên “Làm ơn, đừng giết cậu ấy!” chúng bắn như mưa ra ngoài đồng, làm tai chúng tôi ong ong vì tiếng nổ từ những khẩu súng của chúng.

Thế rồi ong xuất hiện trong phòng. Có khi đến cả tá, hung hãn lao vào đám lính.

“Đóng cửa sổ vào!” gã White la lớn, vung tay đập không khí xung quanh hắn.

Một gã lính đóng sầm cửa vào. Tất cả chúng cùng bắt tay vào đập những con ong đã lọt vào trong. Trong lúc chúng bận bịu với việc đó, ngày càng có nhiều côn trùng bầu lại bên ngoài – một tấm thảm khổng lồ, lồn nhồn côn trùng áp sát vào mặt bên kia lớp kính – và nhiều đến nỗi khi gã White và thủ hạ của hắn giết xong những con ong bên trong phòng, đám côn trùng bên ngoài đã gần như che khuất mặt trời.

Đám lính co cụm vào giữa phòng, quay lưng vào nhau, súng chĩa ra ngoài như những chiếc lông nhím. Bên trong tối tăm và nóng, và tiếng vù vù quái lạ của cả triệu con ong đang nổi điên đập vang ra khắp phòng như xuất hiện từ một cơn ác mộng.

“Làm cho chúng để bọn tao được yên!” gã White gào lên, giọng hắn lạc đi, tuyệt vọng.

Cứ như thể còn ai khác ngoài Hugh có thể làm được điều đó – nếu cậu vẫn còn sống.

“Tao sẽ đưa ra cho mày một đề nghị khác,” Bekhir vừa nói vừa nắm lấy các chân song cửa sổ để kéo người đứng dậy, thân hình tập tễnh của ông nổi bật trên nền kính tối om. “Bỏ súng xuống, nếu không tao sẽ mở cửa sổ này ra.”

Gã White quay ngoắt lại đối diện với ông. “Thậm chí một thằng Digan cũng không ngu tới mức làm việc đó.”

“Mày đánh giá chúng tao quá cao đấy,” Bekhir nói, các ngón tay trượt dần về phía tay nắm cửa.

Đám lính giơ súng trường lên.

“Làm đi,” Bekhir nói. “Bắn đi.”

“Đừng bắn, chúng mày sẽ làm vỡ kính!” gã White hét lên. “Tóm lấy hắn!”

Hai gã lính ném súng xuống và lao tới Bekhir, nhưng trước đó ông đã kịp đâm vỡ lớp kính.

Cả cửa sổ vỡ tan tành. Ông ụa vào phòng. Cảnh hỗn loạn bùng lên – tiếng la hét, tiếng súng nổ, tiếng xô đẩy – cho dù tôi hầu như không nghe thấy được dưới tiếng vo vo của bầy côn trùng, thứ âm thanh dường như không chỉ tràn ngập trong tai tôi mà còn đầy ắp trong từng lỗ chân lông trên người tôi.

Mọi người trèo cả lên nhau để thoát ra ngoài. Ở bên phải, tôi thấy Bronwyn đẩy Olive xuống sàn rồi lấy thân mình che chở cho cô bé. Emma hét to “Nằm xuống!” và chúng tôi nằm bẹp xuống tìm chỗ trốn trong khi ong bầu đầy trên da, trên tóc chúng tôi. Tôi chờ chết, vì bầy ong đã phủ kín tất cả phần cơ thể bị hở ra của tôi bằng nhữn cái ngòi đốt chắc chắn sẽ làm tắt ngấm hệ thần kinh của tôi.

Ai đó đã mở tung cửa. Ánh sáng ụa vào. Chùng chục chiếc ủng rầm rầm chạy đi trên những tấm ván sàn.

Im lặng trở lại. Tôi từ từ bỏ tay che đầu ra.

Lũ ong đã biến mất. Bọn lính cũng vậy.

Thế rồi, từ bên ngoài vọng vào một bản đồng ca những tiếng la hét kinh hoàng. Tôi nhảy bật dậy, hồi hải chạy tới khung cửa sổ vỡ, ở đó một nhóm người Digan và những đứa trẻ đặc biệt đã xúm lại nhìn ra ngoài.

Thoạt đầu, tôi không hề thấy đám lính – chỉ một đám côn trùng khổng lồ, dày đặc vằn vũ quay cuồng, dày đặc tới mức tối đen, nằm cách chúng tôi khoảng mười lăm mét về phía đầu lối mòn.

Những tiếng la hét vọng ra từ bên trong đám côn trùng đó.

Thế rồi từng tiếng la hét một lần lượt im bật. Khi tất cả đã kết thúc, đám mây côn trùng bắt đầu tản ra và tan dần, để lộ ra thân hình gã White và thủ hạ của hắn. Chúng nằm sát cạnh nhau trên cỏ thấp, đã chết hay gần như vậy.

Hai mươi giây sau, những kẻ triệt hạ đám xác sống đã biến mất hẳn, tiếng vo vo khủng khiếp của chúng lặng dần khi chúng tôi quay trở về các cánh đồng. Sau khi chúng ra đi, một sự im lặng lạ lùng và đượm không khí đồng quê buông xuống, như thể đây chỉ là một ngày hè bình thường khác, và vừa rồi chẳng có gì bất thường xảy ra.

Emma đếm số thi thể của đám lính trên các ngón tay cô. “Sáu. Tất cả chúng,” cô nói. “Thế là hết.”

Tôi đưa cánh tay ôm chầy lấy cô, run rẩy vì biết ơn và kinh ngạc.

“Mọi người có ai bị thương không?” Bronwyn hỏi, lo lắng đưa mắt nhìn quanh. Những khoảnh khắc cuối cùng đã thật điên khùng – bày ong đông nghìn nghịt, tiếng súng bắn trong bóng tối. Chúng tôi kiểm tra xem có ai trong cả bọn bị thương không. Horace vẫn còn choáng nhưng tỉnh táo, một vết máu chảy xuống từ thái dương cậu ta. Vết đâm Bekhir phải nhận khá sâu nhưng sẽ lành. Những người còn lại trong chúng tôi bị chấn động mạnh nhưng không hề bị thương – và thật kỳ diệu, không ai trong chúng tôi bị ong đốt.

“Khi ông đâm vỡ cửa sổ,” tôi nói với Bekhir, “làm thế nào ông biết bày ong sẽ không tấn công chúng ta?”

“Tôi không biết,” ông nói. “Thật may là quyền năng của bạn cậu đủ mạnh.”

Bạn của chúng ta...

Emma đột ngột lùi xa khỏi tôi. “Ôi Chúa ơi!” cô thảng thốt. “Hugh!”

Trong lúc hỗn loạn, chúng tôi đã quên mất cậu ta. Cậu ta có khi đang mất máu đến chết ngay lúc này đây, đầu đó giữa đám cỏ cao. Nhưng đúng lúc chúng tôi sắp sửa ùn ra ngoài tìm Hugh, cậu ta xuất hiện trên ngưỡng cửa – rách rưới, dính đầy cỏ, nhưng tươi tỉnh mỉm cười.

“Hugh!” Olive reo lên, chạy ulla đến chỗ cậu ta. “Cậu còn sống!”

“Tớ còn sống đây!” cậu ta vui vẻ nói. “Tất cả các cậu vẫn an toàn chứ?”

“Vẫn an toàn, nhờ cậu đây!” Bronwyn nói. “Ba lần hoan hô dành cho Hugh!”

“Cậu đúng là cứu tinh của bọn này trong lúc khó khăn, Hugh!” Horace reo lên.

“Chẳng ở đâu tớ lại đáng sợ bằng giữa một cánh đồng đầy hoa dại,” Hugh nói, tận hưởng sự chú ý.

“Xin lỗi về tất cả những lần tớ mang năng lực đặc biệt của cậu ra đùa,” Enoch nói. “Tớ chắc nó không vô dụng lắm.”

“Thêm vào đó,” Millard nói, “tớ muốn khen ngợi Hugh về khả năng chọn thời điểm hoàn hảo. Quả thực, nếu cậu tới chỉ chậm vài giây thôi...”

Hugh giải thích cậu đã thoát khỏi vụ bắt bớ ngoài ga nhờ chui xuống khoảng trống giữa đoàn tàu và ke ga – đúng như tôi đã nghĩ.

Cậu ta phái một con ong trong đàn của mình bám theo chúng tôi, nhờ đó cậu ta có thể bám theo từ một khoảng cách an toàn. “Sau đó chỉ còn là vấn đề để tìm thời điểm hoàn hảo để tấn công,” cậu ta nói đầy tự hào, như thể chiến thắng đã được đảm bảo chắc chắn từ khoảnh khắc cậu ta quyết định cứu chúng tôi.

“Thế nếu cậu không tình cờ gặp được một cánh đồng đầy ắp những ong thì sao?” Enoch hỏi.

Hugh lấy thứ gì đó từ trong túi áo cậu ra và giơ lên: một quả trứng gà đặt biệt. “Kế hoạch B,” cậu ta nói.

Bekhir tập tễnh đi tới bên Hugh và bắt tay cậu. “Chàng trai trẻ,” ông nói, “chúng tôi nợ cậu mạng sống.”

“Thế cậu con trai đặc biệt của ông thì sao rồi?” Millard hỏi Bekhir.

“Nó đã thoát được cùng hai người của tôi, ơn Chúa. Hôm nay chúng tôi đã mất ba con ngựa tốt nhưng không mất người nào.” Bekhir cúi chào Hugh và trong khoảnh khắc tôi nghĩ thậm chí ông còn định cầm bàn tay Hugh lên hôn. “Cậu phải cho phép chúng tôi trả ơn cậu!”

Hugh đỏ mặt, “Không cần đâu, xin cam đoan với ông...”

“Và cũng không có thời gian nữa,” Emma nói, đồng thời đẩy Hugh qua cửa.

“Chúng ta cần bắt kịp chuyến tàu!”

Những ai trong chúng tôi vẫn chưa nhớ ra cô Peregrine đã đi mất đều tái mặt.

“Chúng ta sẽ lấy chiếc jeep của chúng,” Millard nói. “Nếu chúng ta may mắn – và nếu gã xác sống đó nói đúng – có thể chúng ta vẫn kịp lên tàu trong khi nó dừng lại ở Porthmadog.”

“Tôi biết một đường tắt,” Bekhir nói, đoạn ông dùng mũi giày vẽ một bản đồ đơn giản lên mặt đất.

Chúng tôi cảm ơn những người Digan. Tôi nói với Bekhir chúng tôi rất xin lỗi vì đã gây ra cho họ nhiều rắc rối đến thế, và ông phá lên cười thật to trong khi vẫy tay chào lúc chúng tôi đi theo lối mòn. “Chúng ta sẽ gặp lại nhau, *syndrigasti*,” ông nói. “Tôi biết chắc là thế!”

Chúng tôi chen nhau leo lên chiếc jeep của mấy gã xác sống, tám đứa trẻ ngồi lèn chặt như cá sardine trong hộp trên chiếc xe thiết kế cho ba người ngồi. Vì là người duy nhất từng lái xe, tôi ngồi vào sau tay lái. Tôi phải mất kha khá thời gian để hình dung ra cách khởi động cái xe mắc dịch – hóa ra không phải bằng chìa khóa, mà bằng cách bấm vào một cái nút dưới sàn – rồi sau đó đến chuyện sang số; tôi mới chỉ lái xe số sàn có vài lần, và luôn có bố tôi chỉ dẫn từ ghé hành khách. Bất chấp tất cả, sau một hay hai phút, chúng tôi – bấp bênh, nhấp nhô, có phần do dự - đã lên đường.

Tôi đạp mạnh chân ga và cho xe chạy nhanh hết mức chiếc jeep quá tải có thể đưa chúng tôi đi, trong khi Millard lớn tiếng chỉ đường, còn những người khác cố bám chắc. Chúng tôi tới thị trấn Porthmadog sau hai mươi phút, tiếng còi tàu vang lên trong khi chúng tôi phóng nhanh theo con phố chính về phía nhà ga. Chúng tôi phanh kít lại trước ga và cuống cuồng nhảy xuống xe. Tôi còn chẳng buồn tắt máy. Hối hả băng qua nhà ga như những con báo săn đuổi theo một con linh dương, chúng tôi leo lên toa cuối cùng của đoàn tàu đúng lúc nó đang được kéo rời khỏi nhà ga.

Chúng tôi đứng cúi gập người xuống thở hổn hển trên lối đi giữa toa trong khi các hành khách kinh ngạc nhưng cố giấu cái nhìn chòng chọc. Nhễ nhại mồ hôi, bần nhem nhuốc, đầu tóc rũ rượi – trông chúng tôi hẳn là rất ấn tượng.

“Chúng mình kịp rồi,” Emma hổn hển. “Tớ không tin nổi chúng mình đến kịp.”

“Tớ không tin nổi tớ lái được nhanh thế,” tôi nói.

Người soát vé xuất hiện. “Các cô cậu trở lại đây rồi,” ông này nói kèm theo tiếng thở dài cố nén lại. “Tôi tin là các cô cậu vẫn còn giữ vé của mình đấy chứ?”

Horace moi vé từ trong túi áo chìa ra thành một nắm.

“Đi đường này tới toa của các cô cậu,” người soát vé nói.

“Cái rương của chúng cháu!” Bronwyn nói, bám chặt lấy khuỷu tay người soát vé. “Nó vẫn còn ở đó chứ?”

Người soát vé gỡ cánh tay ông ta ra. “Tôi đã thử đưa nó tới chỗ hành lý thất lạc. Nhưng chịu không thể làm cái rương quý hóa đó nhúc nhích lấy một ly.”

Chúng tôi chạy từ toa này sang toa khác cho tới khi tới khoang hạng nhất, tìm thấy cái rương của Bronwyn vẫn ở nguyên chỗ cô để nó lại. Cô hối hả lao tới chỗ nó và mở khóa, rồi mở nắp lên.

Cô Peregrine không có trong rương. Tôi cảm thấy một cơn đau tim nho nhỏ.

“Con chim của cháu!” Bronwyn kêu lên. “Con chim của cháu đâu rồi?!”

“Bình tĩnh nào, nó ở ngay đây,” người soát vé nói, và ông này chỉ lên trên đầu chúng tôi. Cô Peregrine đang đậu trên một giá hành lý, ngủ say.

Bronwyn loạng choạng lùi lại và vào thành toa, cảm thấy nhẹ nhõm tới mức thiếu chút nữa thì xỉu đi. “Làm sao nó lên trên đó được?”

Người soát vé hướng một bên mày lên. “Đó là một món đồ chơi *rất* sống động.” Ông ta quay người đi ra cửa khoang rồi dừng lại và nói, “Nhân tiện, tôi có thể mua một món đồ chơi thế này ở đâu nhỉ? Con gái tôi hẳn sẽ thích nó lắm.”

“Cháu e rằng nó là độc nhất vô nhị,” Bronwyn nói, đoạn đỡ cô Peregrine xuống và ôm bà vào lòng.

Sau tất cả những gì chúng tôi đã trải qua trong mấy ngày qua – chưa nói gì tới mấy giờ vừa qua – tiện nghi của khoang hạng nhất quả là một cú sốc. Toa xe của chúng tôi có đi văng da bọc nhung, một bàn ăn, và những khung cửa sổ ngắm cảnh rộng. Trông nó giống hệt phòng khách nhà giàu và chúng tôi lại còn không phải chung đụng với ai.

Chúng tôi thay nhau tắm rửa trong phòng tắm ốp ván gỗ, rồi thưởng thức thực đơn. “Gọi bất cứ thứ gì các cậu thích,” Enoch nói, nhắc chiếc điện thoại được gắn vào tay vịn ghế ngả được. “Xin chào, các vị có pa tê gan ngỗng không? Tôi muốn gọi tất cả. Phải, mọi thứ các vị có. Và bánh mì nướng tam giác.”

Chẳng ai nói gì về những biến cố đã xảy ra. Có quá nhiều thứ, những thứ quá kinh khủng, và lúc này chúng tôi chỉ muốn nghỉ ngơi cho lại sức và quên đi. Còn rất nhiều việc phải làm, rất nhiều mối nguy hiểm phải tính đến.

Chúng tôi dần trở nên thoải mái hơn với chuyến đi. Bên ngoài, những ngôi nhà thấp bé của Porthmadog bé dần lại, và ngọn núi của cô Wren hiện lên trong tầm mắt, vươn lên xám xịt phía trên các ngọn đồi. Trong khi những người khác bị cuốn vào các cuộc trò chuyện, tôi vẫn dán mũi vào cửa sổ và những khung cảnh vô cùng vô tận của năm 1940 đang hiện ra đằng sau nó – cho tới tận gần đây, năm 1940 với tôi chỉ là một trải nghiệm nhỏ, chỉ gói gọn trên một hòn đảo tí xíu, và một nơi tôi có thể rời khỏi bất cứ lúc

nào tôi muốn bằng cách chui qua đường hầm tối tăm trong ngôi mộ đá ở Cairnholm. Tuy vậy, từ khi rời hòn đảo, năm này trở thành một thế giới, một thế giới trọn vẹn với những khu rừng đầm lầy, những thị trấn cuộn khói, những thung lũng với các dòng sông lấp lánh nắng chạy ngoằn ngoèo ngang dọc; và với những con người, sự vật trông có vẻ cũ kỹ song chưa hề cũ, như những đạo cụ trong một bộ phim về một thời kỳ quá khứ được dàn dựng công phu nhưng lại chẳng có kịch bản – tất cả vùn vụt trôi qua ngoài khung cửa sổ của tôi như một giấc mơ vô tận.

Tôi ngủ thiếp đi rồi lại bừng tỉnh, lại ngủ rồi lại thức dậy, nhịp chuyển động của đoàn tàu ru tôi vào trạng thái gà gât, trong đó thật dễ quên rằng tôi không chỉ là một kẻ bị động ngồi nhìn, còn ô cửa sổ của tôi không chỉ là một màn hình chiếu bóng; rằng *ngoài kia* mọi thứ cũng đều thực như trong ngày. Thế rồi dần dà tôi nhớ lại mình đã trở thành một phần thực tại này ra sao: ông nội tôi; hòn đảo; đám trẻ. Cô gái xinh đẹp với đôi mắt tựa đá lửa ngồi cạnh tôi, bàn tay cô đặt lên bàn tay tôi.

“Có phải tớ thực sự đang ở đây không?” tôi hỏi cô.

“Ngủ tiếp đi,” cô nói.

“Cậu có nghĩ chúng ta sẽ ổn không?”

Cô hôn lên chóp mũi tôi.

“Ngủ tiếp đi.”

Chương 7

Thêm nhiều giấc mơ kinh hoàng nữa, tất cả hòa trộn vào nhau, chìm lẫn vào rồi vụt hiện lên từ nhau. Những mảnh vụn kinh hoàng từ mấy ngày gần đây: con mắt thép của một nòng súng nhìn trừng trừng vào tôi từ rất gần; một con đường ngổ ngang xác ngựa chết; chùm lưới của một con hồn rỗng trườn về phía tôi qua một lỗ hổng; rồi gã xác sống ghê tởm cười nhả nhổ với đôi mắt trống hoác.

Thế rồi tôi lại trở về nhà, nhưng tôi là một hồn ma. Tôi bỗng bèn lướt xuống con phố nhà tôi, đi qua cửa trước, vào nhà. Tôi thấy bố tôi ngủ gục bên bàn bếp, một chiếc điện thoại không dây ôm trước ngực.

Con chưa chết, tôi nói, nhưng những lời của tôi không vang lên thành tiếng.

Tôi thấy mẹ ngồi bên mép giường bà, vẫn mặc áo ngủ, nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ, một buổi chiều nọ. Bà hốc hác, kiệt quệ vì than khóc. Tôi đưa tay ra chạm vào vai bà, nhưng bàn tay tôi đi xuyên qua bờ vai đó.

Rồi tôi có mặt tại tang lễ của chính mình, nhìn từ dưới huyết mộ của mình lên một khoảng trời xám xịt hình chữ nhật.

Ba ông bác của tôi nhìn xuống, những cái cổ béo núc của họ căng phình ra từ những chiếc cổ cùn trắng hồ bột.

Bác Les: *Thật đáng tiếc. Phải không?*

Bác Jack: *Anh thực sự cần phải đặt mình vào vị trí Frank và Maryann ngay lúc này mà cảm nhận.*

Bác Les: *Phải. Rồi người ta sẽ nghĩ gì?*

Bác Bobby: *Người ta sẽ nghĩ thằng bé có gì đó bất ổn. Mà đúng là thế.*

Bác Jack: *Dù sao tôi vốn đã biết. Là nó sẽ làm gì đó như thế này vào một ngày nào đó. Thằng bé có vẻ mặt đó, anh biết đấy? Chỉ một chút...*

Bác Bobby: *Bất bình thường.*

Bác Les: *Cái đó đến từ bên trong nó, chứ không phải từ chúng ta.*

Bác Jack: *Đã đành. Thật khủng khiếp.*

Bác Bobby: *Phải.*

Bác Jack:...

Bác Les:...

Bác Bobby: *Ăn buffet nhé?*

Mấy ông bác của tôi quay đi. Ricky xuất hiện, mái tóc xanh lục của cậu ta được vuốt keo thêm cho dịp này.

Người anh em. Giờ cậu chết rồi, tớ có thể lấy cái xe đạp của cậu chứ?

Tôi cố hét to: Tôi chưa chết!

Tôi chỉ đang ở xa thôi.

Tôi xin lỗi.

Nhưng những lời nói đó vọng trở lại, bị nhốt chặt trong đầu tôi.

Ông mục sư nhìn xuống. Đó là Golan, tay cầm Kinh Thánh, mặc áo chùng. Hấn cười nhăn nhở.

Bọn tao đang chờ mày đây, Jacob.

Một xéng đất đầy rơi ào ào như mưa xuống tôi.

Bọn tao đang đợi đấy.

Tôi bật ngồi thẳng dậy, đột nhiên choàng tỉnh, miệng khô như giấy. Emma đang ở bên cạnh tôi, hai bàn tay đặt lên vai tôi. “Jacob! Ôn Chúa - cậu làm bọn mình sợ quá!”.

“Thế à?”.

“Cậu vừa có một cơn ác mộng”, Millard nói. Cậu ta đang ngồi đối diện với chúng tôi, trông như một bộ quần áo rộng được hồ bột cứng để dựng lên tạo dáng. “Cậu còn nói mơ nữa”.

“Thế à?”.

Emma dùng một trong những chiếc khăn ăn ở khoang hạng nhất (vải thật!) để lau mồ hôi trên trán cho tôi. “Đúng thế”, cô nói. “Nhưng nghe cứ ứ ó lảm nhảm. Tớ chẳng thể hiểu nổi lấy một lời”.

Tôi nhìn quanh, cố định thần lại, nhưng dường như không ai khác nhận ra. Những đứa trẻ khác đang rải ra trong toa xe, tranh thủ chớp mắt hoặc mơ màng nhìn qua cửa sổ, hay chơi bài.

Tôi thành thực hy vọng không phải mình đang bắt đầu mất đi sự tỉnh táo.

“Cậu có hay gặp ác mộng không?” Millard hỏi. “Cậu cần mô tả chúng với Horace. Cậu ấy rất giỏi đoán mộng đấy”.

Emma nấn nấn cánh tay tôi. “Cậu chắc là cậu ôn cả chứ?”.

“Tớ ôn”, tôi nói, và vì không thích bị vặn vẹo, tôi liền thay đổi chủ đề. Thấy Millard đang giở tập *Những truyện kể về người đặc biệt* đặt trên lòng, tôi hỏi, “Đang đọc gì đó nhẹ nhàng à?”.

“Đang nghiên cứu”, cậu ta đáp. “Và không thể tin nổi tớ từng coi đây chỉ là những câu chuyện dành cho trẻ con. Trên thực tế, chúng cực kỳ phức tạp - thậm chí là thâm sâu - trong việc ẩn chứa các thông tin bí mật về thế giới người đặc biệt. Có lẽ tớ sẽ phải mất nhiều năm để giải mã tất cả chúng”.

“Nhưng giờ thì điều đó có ích gì cho chúng ta?” Emma hỏi. “Các Vòng Thời Gian liệu có ích gì nếu chúng có thể bị hồn rỗng phá vỡ? Thậm chí cả những Vòng Thời Gian bí mật trong cuốn sách đó cuối cùng cũng sẽ bị tìm ra”.

“Biết đâu đó là Vòng Thời Gian duy nhất bị đột nhập”, tôi nói đầy hy vọng. “Biết đâu con hồn rỗng trong Vòng của cô Wren theo cách nào đó chỉ là một trường hợp quái gở”.

“Một con hồn rỗng đặc biệt!” Millard nói. “Nghe thú vị đấy - nhưng không. Hẳn không phải là tình cờ. Tớ tin chắc rằng những con hồn rỗng ‘nâng cấp’ này là một hợp phần trong cuộc tấn công vào các Vòng Thời Gian của chúng ta”.

“Nhưng bằng cách nào?” Emma nói. “Đám hồn rỗng đã biến đổi thế nào để giờ đây chúng có thể xâm nhập vào các Vòng Thời Gian?”.

“Đó là một điều tớ đã nghĩ đến rất nhiều”, Millard nói. “Chúng ta không biết nhiều về lũ hồn rỗng, vì chưa bao giờ có cơ hội nghiên cứu gã nào trong một môi trường được kiểm soát. Nhưng người ta vẫn nghĩ rằng, giống những người bình thường, chúng thiếu điều gì đó mà cậu, tớ cũng như tất cả những người còn lại trong toa tàu này sở hữu - một sự đặc biệt cốt yếu nào đó - cho phép chúng ta tương tác với các Vòng Thời Gian; để gắn vào và được hấp thụ vào chúng”.

“Như một chìa khóa”, tôi nói.

“Kiểu như vậy”, Millard nói. “Một số người tin rằng, cũng giống như máu hay dịch não tủy, sự đặc biệt của chúng ta có đặc tính vật chất. Một số

người khác nghĩ nó ở trong chúng ta nhưng không phải là vật chất. Mà là linh hồn thứ hai”.

“Hừm”, tôi thốt lên. Tôi thích ý nghĩ này: sự đặc biệt không phải là một khiếm khuyết, mà là một sự tăng cường; không phải chúng tôi thiếu thứ gì đó những người bình thường có, mà là họ thiếu sự đặc biệt. Có nghĩa là chúng tôi hơn, chứ không kém.

“Tớ ghét tất cả mấy thứ lập dị đó”, Emma nói. “Ý tưởng rằng cậu có thể bắt giữ linh hồn thứ hai đó trong một cái bình ư? Đáng sợ quá”.

“Ấy thế nhưng theo năm tháng, đã có vài lần người ta thử làm đúng việc này”, Millard nói. “Gã lính xác sống đó đã nói gì với cậu nhỉ, Emma? ‘Tao ước gì tao có thể đóng chai thứ mày có’, hay gì đó đại loại nhỉ?”.

Emma rùng mình. “Đừng nhắc tớ nhớ lại”.

“Giả thuyết này cho rằng nếu bằng cách nào đó tinh chất đặc biệt của chúng ta có thể được chưng cất và thu giữ - trong một cái chai như hẳn nói, hay nhiều khả năng hơn là trong một cái đĩa nuôi cấy – thì rất có thể tinh chất đó cũng chuyển được từ người này sang người khác. Nếu điều này khả thi, hãy hình dung ra thị trường chợ đen buôn bán các linh hồn đặc biệt sẽ bùng nổ trong giới những kẻ giàu có và vô lương tâm. Những năng lực đặc biệt như ngọn lửa của cậu hay sức mạnh của Bronwyn sẽ được bán cho ai trả giá cao nhất!”.

“Thật ghê tởm”, tôi nói.

“Phần lớn người đặc biệt nhất trí với cậu,” Millard nói, “đó chính là lý do vì sao những nghiên cứu như thế đã bị cấm từ nhiều năm trước”.

“Làm như lũ xác sống quan tâm đến luật của chúng ta vậy”, Emma nói.

“Nhưng toàn bộ ý tưởng này thật điên rồ”, tôi nói. “Nó không thể thực sự thành công được, phải không nào?”.

“Tớ cũng nghĩ thế”, Millard nói. “Ít nhất là cho tới ngày hôm qua. Giờ thì tớ không còn dám chắc nữa”.

“Bởi vì con hồn rỗng ở trong Vòng Thời Gian của trại động vật sao?”.

“Phải. Trước ngày hôm qua thậm chí tớ còn không chắc mình tin vào ‘linh hồn thứ hai’. Trong đầu tớ chỉ có một lý giải thuyết phục duy nhất cho sự tồn tại của nó: đó là khi một hồn rỗng ăn thịt đủ số lượng chúng ta, nó biến đổi thành một dạng sinh vật khác - một sinh vật có khả năng di chuyển qua các Vòng Thời Gian”.

“Nó đã trở thành một xác sống”, tôi nói.

“Đúng thế”, cậu ta nói. “Nhưng chỉ trong trường hợp nó ăn thịt những người đặc biệt. Nó có thể ăn thịt bao nhiêu người bình thường tùy thích mà không bao giờ biến thành một xác sống được. Do đó, chúng ta nhất định phải có điều gì đó người bình thường còn thiếu”.

“Nhưng con hồn rỗng tại khu trại động vật không hề biến thành xác sống”, Emma nói. “Nó biến thành một hồn rỗng có thể đi vào Vòng Thời Gian”.

“Điều đó làm tớ tự hỏi liệu có phải đám xác sống đã tác động vào tự nhiên”, Millard nói, “bắt nguồn từ việc truyền các linh hồn đặc biệt”.

“Tớ thậm chí chẳng muốn nghĩ về điều đó”, Emma nói. “Chúng ta làm ơn nói về điều gì khác được không?”.

“Nhưng bọn chúng lấy được những linh hồn ấy từ đâu chứ?” tôi hỏi. “Và bằng cách nào?”.

“Đã vậy, tớ sẽ đi ngồi chỗ khác”, Emma nói, và cô đứng dậy tìm một chỗ ngồi khác.

Millard và tôi ngồi im lặng trong toa tàu một hồi. Tôi không thể thôi hình dung ra cảnh bị trói lên một cái bàn trong khi một đám bác sĩ quái vật lấy linh hồn của mình ra. Nhưng bọn chúng làm thế bằng cách nào chứ? Bằng một mũi kim chẳng? Hay một con dao?

Để cắt đứt dòng suy nghĩ ghê rợn này, tôi lại cố thay đổi chủ đề lần nữa. “Mà trước hết bằng cách nào chúng ta lại trở nên đặc biệt được nhỉ?” tôi hỏi.

“Chẳng ai biết chắc cả”, Millard trả lời. “Dẫu vậy vẫn có các truyền thuyết”.

“Như là gì?”.

“Một số người tin rằng chúng ta là hậu duệ của một nhóm nhỏ những người đặc biệt đã sống cách đây rất, rất lâu”, cậu ta nói. “Họ rất hùng mạnh, và to lớn, giống như người khổng lồ đá chúng ta đã tìm thấy”.

Tôi nói, “Vậy tại sao chúng ta lại bé nhỏ thế này nếu chúng ta từng là những người khổng lồ?”.

“Truyện kể rằng theo năm tháng, khi chúng ta đông lên, sức mạnh của chúng ta giảm dần. Khi năng lực của chúng ta trở nên kém mạnh mẽ hơn, chúng ta cũng nhỏ lại”.

“Tất cả thật khó mà nuốt trôi”, tôi nói. “Tớ cảm thấy mình khỏe ngang một con kiến”.

“Thực ra thì kiến khá mạnh mẽ đấy, so với kích thước của chúng”.

“Cậu biết ý tớ là gì mà”, tôi nói. “Điều tớ thực sự không hiểu nổi là tại sao lại là tớ? Tớ chưa bao giờ đòi được trở thành thế này. Ai đã quyết định?”.

Đó là một câu hỏi tu từ; tôi không trông đợi bất kỳ câu trả lời nào, dù vậy Millard vẫn trả lời tôi. “Xin dẫn lời một người đặc biệt nổi tiếng: ở trung tâm bí ẩn của tự nhiên chứa đựng một bí ẩn khác”.

“Ai đã nói thế?”.

“Chúng ta biết về ông dưới tên gọi Perplexus Anomalous. Nhiều khả năng là một cái tên được nghĩ ra cho một nhà tư tưởng và một triết gia lớn. Perplexus cũng là một chuyên gia vẽ bản đồ. Ông đã vẽ ra phiên bản đầu tiên của Bản đồ Các Ngày, khoảng một nghìn năm trước”.

Tôi tặc lưỡi. “Đôi khi cậu nói cứ như thầy giáo vậy. Đã ai nói cho cậu biết điều đó chưa?”.

“Thường xuyên”, Millard nói. “Tớ rất muốn thử dạy học. Nếu như tớ không phải sinh ra thế này”.

“Chắc hẳn cậu sẽ rất xuất sắc trong việc đó”.

“Xin cảm ơn”, cậu ta nói. Rồi cậu im lặng, và trong sự im lặng tôi có thể cảm thấy cậu ta mơ về nó: những khung cảnh của một cuộc sống đáng lẽ đã

diễn ra. Sau một hồi, cậu ta nói, “Tớ không muốn cậu nghĩ rằng tớ không thích là người vô hình. Có đấy. Tớ thích là người đặc biệt, Jacob – đó chính là cốt lõi của tớ. Nhưng có những ngày tớ ước gì có thể tắt được sự đặc biệt của mình đi”.

“Tớ hiểu ý cậu”, tôi nói. Nhưng tất nhiên tôi không hiểu. Sự đặc biệt của tôi có những thách thức của riêng nó, song chỉ ít tôi cũng có thể hòa nhập vào xã hội.

Cửa dẫn vào khoang của chúng tôi trượt mở. Millard nhanh chóng kéo mũ trùm áo khoác của cậu lên để giấu đi khuôn mặt – hay đúng hơn là sự thiếu vắng một khuôn mặt.

Một phụ nữ trẻ đứng trên ngưỡng cửa. Cô ta mặc đồng phục và bung một chiếc hộp đựng những món hàng bán cho khách. “Thuốc lá nhé?” cô ta hỏi. “Hay sô cô la?”.

“Không, xin cảm ơn”, tôi nói.

Người phụ nữ nhìn tôi. “Em là người Mỹ”.

“Em e là thế”.

Cô dành cho tôi một nụ cười thương hại. “Hy vọng em có chuyến đi vui vẻ. Em đã chọn một thời điểm không thích hợp lắm để tới thăm nước Anh”.

Tôi bật cười. “Em cũng đã được bảo thế”.

Người phụ nữ rời đi. Millard nhích người để ngắm cô đi khỏi. “Đẹp đấy”, cậu ta nói băng quơ.

Tôi chợt nghĩ có lẽ đã rất nhiều năm trôi qua kể từ khi cậu ta nhìn thấy một cô gái khác ngoài vài cô gái ít ỏi sống tại Cairnholm. Nhưng nói gì thì nói, liệu một người như cậu có thể có cơ hội nào với một cô gái bình thường chứ?

“Đừng nhìn tớ thế”, cậu ta nói.

Tôi không hề nhận ra mình đã nhìn cậu ta theo cách nào đó đặc biệt. “Thế nào cơ?”.

“Như thế cậu thấy ái ngại cho tớ vậy”.

“Đâu có”, tôi nói.

Nhưng đúng là thế.

Sau đó, Millard đứng khỏi chỗ của cậu ta, bỏ áo khoác ra và biến mất. Trong một hồi lâu tôi không thấy lại cậu ta nữa.

Từng giờ trôi qua, và đám trẻ giết thời gian bằng cách kể chuyện. Họ kể chuyện về những người đặc biệt nổi tiếng, và về cô Peregrine trong những ngày lạ lùng đầy phấn khích đầu tiên của Vòng Thời Gian bà làm chủ, rồi rồi cuộc họ đi đến kể chuyện của chính mình. Một vài câu chuyện tôi đã nghe trước đó – như việc Enoch đã dựng người chết dậy tại nhà tang lễ của bố cậu ta thế nào, hay việc Bronwyn, khi mới lên mười, đã vô ý cản cô người bố dựng hung bạo của cô – nhưng những câu chuyện khác hoàn toàn mới với tôi. Vì cho dù đều đã nhiều tuổi như vậy, đám trẻ cũng không thường xuyên chìm vào hồi ức.

Những giấc mơ của Horace đã bắt đầu khi cậu ta mới sáu tuổi, nhưng cậu ta không hề nhận ra chúng báo trước cho điều gì đó cho tới tận hai năm sau, khi vào một buổi tối cậu ta mơ thấy chiếc tàu *Lusitania* (*) bị chìm và ngày hôm sau nghe thấy sự kiện này trên phát thanh. Hugh, từ khi còn bé, đã thích mật ong hơn bất cứ loại đồ ăn nào khác, và khi lên năm tuổi, cậu bắt đầu ăn tổ ong cùng với mật - một cách ngẫu nhiên tới mức lần đầu tiên tình cờ nuốt chửng một con ong, cậu không hề nhận ra cho tới khi cảm thấy nó đang vo vo lượn vòng trong dạ dày mình. “Con ong có vẻ chẳng hề thấy bận tâm”, Hugh nói, “vì thế tớ nhún vai rồi ăn tiếp. Chẳng mấy chốc tớ đã có cả một tổ trong bụng”. Khi lũ ong cần lấy phấn hoa, cậu ta đi tìm một cánh đồng đầy hoa nở, và chính tại một chỗ như thế, cậu ta đã gặp Fiona, lúc ấy đang nằm ngủ giữa những bông hoa.

() Tàu chở khách của Anh bị tàu ngầm Đức bắn chìm ngày 7/5/1915, làm 1198 hành khách và thủy thủ đoàn thiệt mạng.*

Hugh cũng kể lại cả câu chuyện của cô gái. Fiona, theo cậu kể, là một người tị nạn từ Ireland, ở đó cô đã trồng cây lương thực cho dân làng mình trong thời kỳ nạn đói thập niên 1840 – cho tới khi cô bị buộc tội là phù thủy và bị xua đuổi. Đây là điều Hugh chỉ biết được sau nhiều năm tiếp xúc tế nhị không lời với Fiona, cô không nói không phải vì cô không thể, theo như

lời Hugh, mà “vì những điều cô đã chứng kiến trong nạn đói khủng khiếp đến mức chúng đã lấy đi giọng nói của cô”.

Sau đó đến lượt Emma, nhưng cô không hề có hứng thú kể lại câu chuyện của mình.

“Sao lại không?” Olive nì nèo. “Thôi nào, hãy kể về lúc chị khám phá ra mình đặc biệt đi!”.

“Đó là một câu chuyện xưa rồi”, Emma lầm bầm, “và chẳng có ích gì. Mà không phải tốt hơn chúng ta nên nghĩ về tương lai thay vì quá khứ sao?”.

“Có người nổi cáu rồi kìa”, Olive nói.

Emma đứng dậy bỏ đi về phía cuối toa tàu, để không ai quấy rầy cô. Tôi để một hay hai phút trôi qua để cô không cảm thấy bị săn lùng, rồi tới ngồi xuống bên cạnh cô. Cô thấy tôi đến bèn giấu mình sau một tờ báo, giả bộ đang đọc.

“Tớ không có hứng nói về nó”, cô nói từ sau tờ báo. “Đó là lý do vì sao!”.

“Tớ có nói gì đâu”.

“Phải, nhưng rồi cậu sắp hỏi, vì thế tớ giúp cậu đỡ mất công”.

“Để cho công bằng”, tôi nói, “tớ sẽ kể cho cậu nghe một chuyện về tớ trước”.

Emma nhìn qua phía trên tờ báo, hơi có vẻ tò mò. “Nhưng chẳng phải tớ đã biết mọi thứ về cậu rồi sao?”.

“À”, tôi nói. “Không hẳn đâu”.

“Được rồi, vậy nói cho tớ biết ba điều về cậu mà tớ còn chưa biết. Và làm ơn chỉ là những bí mật tối tăm thôi. Giờ thì khẩn trương lên!”.

Tôi cố lục lọi trong đầu tìm những điều lạ lùng đáng quan tâm về mình, nhưng tôi chỉ nhớ ra được những thứ phiền toái. “Được rồi, một. Khi tớ còn nhỏ, tớ thực sự nhạy cảm khi chứng kiến bạo lực trên tivi. Tớ đã không hiểu chúng không phải là thực. Thậm chí chỉ cần một con chuột hoạt hình đấm một con mèo hoạt hình là đủ làm tớ phát hoảng và khóc âm lên”.

Tờ báo của Emma hạ thấp xuống thêm một chút. “Chúa ban phước cho tâm hồn mong manh của cậu!” cô nói. “Và giờ hãy nhìn cậu xem - giết chết những con quái vật ghê rợn đó bằng cách đâm qua tròng mắt rỉ nước của chúng”.

“Hai”, tôi nói. “Tớ sinh vào dịp Halloween , và cho đến lúc tớ tám tuổi bố mẹ tớ vẫn làm tớ tin rằng bánh kẹo người ta đưa cho tớ khi tớ gõ cửa nhà họ chính là quà sinh nhật”.

“Hừm”, Emma lên tiếng, hạ tờ báo xuống thêm chút nữa. “Chuyện đó mới chỉ hơi nhờ nhờ thôi thôi. Nhưng cậu vẫn được phép tiếp tục”.

“Ba. Khi chúng mình gặp nhau lần đầu, tớ tin chắc cậu sắp sửa cắt cổ tớ. Nhưng cho dù tớ sợ chết khiếp, vẫn có một giọng nói rất khê trong đầu tớ nói rằng: *Nếu đây là khuôn mặt cuối cùng cậu thấy, ít nhất đó cũng là một khuôn mặt xinh đẹp*”.

Tờ báo rơi xuống lòng cô. “Jacob, điều cậu nói...”. Cô nhìn xuống sàn, rồi ra ngoài cửa sổ, rồi quay trở lại tôi “... thật dễ thương”.

“Đúng thế mà”, tôi nói, và trượt bàn tay trên ghế tới chỗ bàn tay cô.

“Được rồi, đến lượt cậu”.

“Không phải tớ đang cố giấu gì đâu, cậu biết đấy. Chỉ là những câu chuyện cũ kỹ mốc meo đó làm tớ già đi đến cả chục tuổi, và thật vô tích sự. Nó không bao giờ chịu biến đi, cho dù có bao nhiêu ngày mùa hè huyền diệu đã chen vào giữa từ đó đến nay”.

Nỗi đau đó vẫn còn trong cô, vẫn nhức nhối sau chừng ấy năm.

“Tớ muốn biết về cậu”, tôi nói. “Cậu là ai, từ đâu tới. Thế thôi”.

Emma cựa mình bối rối. “Tớ chưa bao giờ kể cho cậu về bố mẹ tớ đúng không?”.

“Tất cả những gì tớ biết đều là do nghe từ Golan trong đêm đó tại kho chứa nước đá. Hắn nói họ đã đem cậu cho một gánh xiếc rong phải không?”.

“Không, không hẳn là vậy”. Cô dịch người xuống trên ghế, giọng hạ xuống chỉ còn là tiếng thì thầm. “Tớ đoán sẽ tốt hơn nếu cậu biết sự thật

thay vì những lời đồn thổi và suy đoán. Vậy thì chuyện là thế này.

“Tớ bắt đầu bộc lộ năng lực khi mới mười tuổi. Tớ liên tục làm cháy giường của mình trong khi ngủ, cho tới khi bố mẹ lấy đi tất cả chăn đệm và để tớ nằm trên một khung giường kim loại trần trong một căn phòng trống trơn chẳng còn thứ gì có thể bắt lửa trong đó. Họ nghĩ tớ là kẻ mắc chứng cuồng phóng hỏa và một đứa nói dối, và sự thật rằng bản thân tớ có vẻ chẳng bao giờ bị bỏng là một bằng chứng hùng hồn. Nhưng tớ không thể bị bỏng, điều này ban đầu thậm chí tớ cũng chẳng biết. Tớ mới có mười tuổi: tớ chẳng biết gì hết! Đó là một việc thật kinh khủng, bộc lộ năng lực đặc biệt mà không hiểu nổi chuyện gì đang xảy ra với mình, cho dù đó là nỗi kinh hoàng gần như toàn bộ những đứa trẻ đặc biệt đều trải qua vì có rất ít người trong số chúng ta do các ông bố bà mẹ đặc biệt sinh ra”.

“Tớ có thể hình dung ra được”, tôi nói.

“Một ngày, như mọi người biết, tớ cũng bình thường như ai, thế rồi hôm sau tớ cảm thấy một vết ban kỳ lạ trong lòng hai bàn tay mình. Nó đỏ rần, phồng lên, rồi nóng rục – nóng tới mức tớ phải chạy tới cửa hàng tạp hóa và cho cả hai bàn tay vào một thùng cá tuyết đông lạnh! Khi lũ cá bắt đầu rã đông và bốc mùi, người bán tạp hóa lại đuổi tớ về nhà, và ông ta đòi mẹ tớ phải trả tiền đền những thứ bị tớ làm hỏng. Đến lúc ấy hai bàn tay tớ đã đỏ rục lên: nước đá chỉ làm tình hình tệ thêm! Cuối cùng, chúng bùng cháy, và tớ chắc mình sắp phát điên”.

“Thế bố mẹ cậu nghĩ sao?” tôi hỏi.

“Mẹ tớ, một người cực kỳ mê tín, chạy khỏi nhà và không bao giờ quay lại nữa. Bà nghĩ tớ là một con quỷ từ thẳng địa ngục qua bụng bà lên trần thế. Bố tớ lại có cách nhìn nhận khác hẳn. Ông đánh đập tớ, nhốt tớ trong phòng, và khi tớ tìm cách đốt cánh cửa, ông dùng những tấm vải bọc a miăng trói tớ lại. Giữ tớ bị trói như thế nhiều ngày liền, thỉnh thoảng tự tay cho tớ ăn, vì ông không tin tớ đến mức cởi trói cho tớ. Mà ông ấy làm thế cũng phải, vì chắc tớ sẽ đốt ông ấy cháy đen ngay khi ông ấy cởi trói tớ”.

“Ước gì cậu đã làm vậy”, tôi nói.

“Cậu thật dễ mến. Nhưng làm thế chắc cũng chẳng ích gì. Bố mẹ tớ là những người kinh khủng – nhưng nếu họ không phải như thế, và nếu tớ sống với họ lâu hơn, kiểu gì rồi đám hồn rỗng cũng tìm ra tớ. Tớ nợ mạng

sống của mình với hai người: Julia, em gái tớ, con bé đã cưới tớ cho tớ vào một buổi tối để cuối cùng tớ cũng có thể chạy trốn; và cô Peregrine, cô tìm thấy tớ một tháng sau đó, lúc tớ đang làm người diễn trò nuốt lửa trong một gánh xiếc rong”. Emma mỉm cười buồn rầu. “Ngày tớ gặp cô cũng chính là ngày tớ coi là sinh nhật mình. Ngày tớ gặp được người mẹ thực sự”.

Tim tôi ít nhiều mềm ra. “Cảm ơn cậu đã kể với tớ”, tôi nói. Nghe câu chuyện của Emma, tôi cảm thấy mình gần gũi hơn với cô, và ít cô đơn hơn trong tình trạng rối loạn của chính mình. Mỗi người đặc biệt đều đã phải vật lộn vượt qua một giai đoạn bất ổn đầy đau đớn. Tất cả những người đặc biệt đều từng bị thử thách. Sự khác biệt rõ ràng nhất giữa tôi và họ là bố mẹ tôi vẫn còn yêu quý tôi – và bất chấp những rắc rối tôi gặp phải với họ, tôi cũng yêu quý họ, theo cách thâm lặng của mình. Ý nghĩ tôi đang làm họ đau khổ giờ đây đã trở thành một cơn đau thường trực.

Tôi nợ họ những gì? So sánh nó với món nợ tôi còn nợ cô Peregrine hay bốn phận của tôi với ông nội – hay cảm xúc ngọt ngào, nặng nề tôi cảm thấy với Emma, cảm xúc có vẻ đang lớn dần lên sau mỗi lần tôi nhìn cô, thì sao?

Cán cân nghiêng về bên thứ hai. Nhưng rốt cuộc, nếu tôi sống sót qua chuyện này, tôi hẳn sẽ phải đối diện với quyết định tôi đã đưa ra và nỗi đau tôi đã gây ra.

Nếu.

Từ *nếu* luôn đẩy dòng suy nghĩ của tôi quay trở về hiện tại, vì *nếu* phụ thuộc rất nhiều vào việc tôi có giữ được sự minh mẫn hay không. Tôi không thể cảm nhận mọi thứ chính xác nếu tôi phân tâm. *Nếu* đòi hỏi sự hiện diện và tham dự trọn vẹn của tôi vào *hiện tại*.

Nếu vừa làm tôi sợ hãi nhưng cũng giúp tôi tỉnh táo ở mức tương đương.

London mỗi lúc một lại gần, những ngôi làng nhường chỗ cho các thị trấn, rồi thị trấn nhường chỗ cho các khu ngoại ô nằm liền nhau không gián đoạn. Tôi tự hỏi điều gì đang đợi chúng tôi ở đó; nỗi kinh hoàng mới nào đang chờ phía trước.

Tôi liếc mắt nhìn qua một tiêu đề trên tờ báo vẫn để mở trên lòng Emma:
CÁC CUỘC OANH TẠC TÀN PHÁ THỦ ĐÔ. HÀNG CHỤC NGƯỜI

CHẾT.

Tôi nhắm mắt lại và cô không nghĩ đến điều gì hết.

PHẦN HAI

Nếu có ai đó đang quan sát trong khi chuyển tàu tám giờ ba mươi xình xích lăn bánh vào ga và dừng lại xì hơi nước mù mịt, hẳn họ không hề thấy gì bất thường ở nó: chẳng có gì bất thường ở những người soát vé và những người gác cửa toa loay hoay mở các then cửa rồi kéo cửa mở vào trong; ở đám đông đàn ông và phụ nữ, một số mặc quân phục, hồi hải tuôn ra từ các cửa toa rồi hòa lẫn vào đám đông ken chặt dưới sân ga; thậm chí ở cả tám đứa trẻ mệt mỏi nặng nhọc bước xuống từ một trong các toa hạng nhất của đoàn tàu rồi đứng chớp mắt trong ánh sáng mờ mịt dưới ke ga, quay lưng vào nhau, xúm lại thành một vòng để che chở lẫn nhau, ngay người ra trước không gian mênh mông ôn ã mù mịt khói chúng đang đứng.

Vào một ngày bình thường, bất cứ nhóm trẻ nào trông có vẻ bơ phờ ngờ ngác như lạc đường thế này hẳn cũng được vài người lớn nhân hậu tìm đến hỏi xem có chuyện gì xảy ra, hay chúng có cần giúp đỡ hay không, hay bố mẹ chúng ở đâu. Nhưng ngày hôm nay trên ke ga đông nghịt hàng trăm đứa trẻ, tất cả đều có vẻ bơ phờ ngờ ngác. Vì thế, không ai để ý nhiều tới cô bé con với mái tóc nâu xõa rối và đôi giày có khuy cũng như chuyện đôi giày của cô bé không chạm hẳn xuống mặt đất. Không ai để ý đến cậu bé có khuôn mặt tròn vành vạnh đôi mũ mềm có lưỡi trai, hay con ong mật bay ra từ miệng cậu, tìm hiểu thứ không khí ám muội khói bên ngoài, rồi bay lại vào trong nơi nó đã từ đó bay ra.

Không có ánh mắt nào dừng lại lâu ở cậu bé với đôi mắt thâm quầng, hay nhìn thấy hình nhân bằng đất sét nhô lên từ túi áo sơ mi của cậu bé chỉ để bị cậu dùng ngón tay ấn xuống. Cũng tương tự với cậu bé chĩa chu trong bộ đồ đầy bùn nhưng được cắt may rất đẹp và đội một chiếc mũ chóp cao bị ép móp méo, khuôn mặt ủ rũ hốc hác vì mất ngủ, cậu ta đã không cho phép mình chớp mắt dù chỉ chốc lát vào ban ngày vì quá sợ những giấc mơ của mình.

Cũng không ai làm gì hơn một cái liếc mắt đến cô gái vạm vỡ mặc áo khoác và chiếc váy giản dị, có thân hình như xây bằng gạch và đang công trên lưng một chiếc rương to gần bằng người mình. Không ai trong số

những người thấy cô gái có thể đoán được cái rương nặng kinh khủng đến mức nào, hay nó chứa gì bên trong, hay vì sao có một loạt lỗ nhỏ được trở vào một bên thành. Hoàn toàn bị bỏ qua không ai nhìn đến là cậu bé đứng cạnh cô gái, quần kín người trong khăn quàng và mũ trùm áo khoác đến mức không hở ra chút da thịt nào, cho dù lúc này là đầu tháng Chín và trời vẫn còn ấm.

Rồi còn có cậu bé người Mỹ, nom bình thường đến mức gần như chẳng đáng để mắt tới; với vẻ bề ngoài quá bình thường khiến ánh mắt mọi người thờ ơ bỏ qua cậu – ngay cả khi cậu quan sát họ, chân đứng kiễng lên, cổ vươn ra, ánh mắt lướt qua khắp ke ga như một người canh vệ. Cô gái cạnh cậu ta đứng với hai bàn tay úp vào nhau, che giấu một tia lửa bùng bình yên quanh móng tay cô đỏ hồng, điều thỉnh thoảng vẫn xảy ra khi cô bực mình. Cô gái cố vẩy vẩy ngón tay như người ta tìm cách dập tắt một que diêm, rồi thổi vào nó. Thấy không ăn thua, cô đưa ngón tay ngậm vào miệng và để một bùm khói bay ra từ mũi. Cũng không ai trông thấy chuyện đó.

Trên thực tế, không ai để ý nhìn đám trẻ từ toa hạng nhất của chuyến tàu lúc tám giờ ba mươi xuống đủ kỹ lưỡng để nhận ra điều gì đặc biệt ở chúng. Và như vậy cũng tốt.

Chương 8

Emma huých khuỷu tay vào tôi.

“Thế nào rồi?”

“Tớ cần thêm một phút nữa,” tôi nói

Bronwyn đã đặt cái rương của cô xuống và lúc này tôi đang đứng lên trên nó, đầu nhô lên cao hơn hẳn đám đông, đưa mắt nhìn qua trên một biển những khuôn mặt không ngừng chuyển động. Ke ga dài đông nghịt trẻ con. Chúng nhón nhạo qua lại như những con a míp dưới một chiếc kính hiển vi, hết hàng này tới hàng khác mắt hút dần vào một đám khói mờ mờ. Những đoàn tàu đen trũi không ngừng xì xì nhô lên sừng sững hai bên ke, nóng lòng muốn nuốt chửng lấy chúng.

Tôi có thể cảm thấy ánh mắt các bạn tôi đang hướng cả vào lưng tôi, dõi theo tôi trong lúc tôi quan sát đám đông. Họ cho rằng tôi phải biết liệu ở

đâu đó trong đám đông khổng lồ không ngừng di chuyển này có những con quái vật rình rập để giết chúng tôi hay không – và tôi được trông đợi phải biết điều đó chỉ bằng cái nhìn; bằng cách đánh giá một cảm giác mơ hồ nào đó trong bụng. Thường khi một hồn rỗng có mặt ở gần, tôi luôn cảm thấy đau đớn rõ ràng, nhưng tại một nơi rộng mênh mông như chỗ này - giữa hàng trăm người - lời cảnh báo tôi cảm thấy có thể chỉ là một lời thì thầm, một chút nhói lên khe khẽ dễ dàng bị bỏ qua.

“Liệu lũ xác sống có biết chúng ta sẽ tới không?” Bronwyn hỏi, thật khẽ vì sợ bị một người bình thường – hay tệ hơn, một gã xác sống – nghe thấy. Chúng có tai mắt khắp nơi trong thành phố, hay ít nhất là những chuyện xảy ra đã khiến chúng tôi tin như vậy.

“Chúng ta đã giết hết những kẻ trong chúng có thể biết chúng ta sẽ đi đâu”, Hugh nói đầy tự hào. “Hay đúng hơn là tớ đã giết chúng”.

“Nghĩa là chúng sẽ lùng tìm chúng ta còn dữ hơn”, Millard nói. “Và giờ chúng sẽ không chỉ muốn con chim – chúng còn muốn trả thù”.

“Đó là lý do chúng ta không thể đứng đây lâu hơn nữa”, Emma nói, gõ nhẹ vào chân tôi. “Cậu sắp xong chưa?”.

Sự tập trung của tôi bị gián đoạn. Tôi mất dấu nơi mình đang quan sát trong đám đông. Lại phải bắt đầu lại.

“Thêm một phút nữa”, tôi nói.

Với riêng tôi, không phải lũ xác sống làm tôi lo ngại nhất mà là đám hồn rỗng. Cho đến giờ tôi đã giết hai gã trong bọn chúng, và mỗi cuộc chạm trán trước đó đều thiếu chút nữa là đặt dấu chấm hết cho tôi. Vận may tôi có, nếu đó là thứ đã giúp tôi sống sót tới tận lúc này, hẳn đã phải cạn kiệt. Đó là lý do vì sao tôi quyết tâm không bao giờ để bị một con hồn rỗng làm mình bất ngờ nữa. Tôi sẽ làm mọi điều trong khả năng của mình để cảm nhận chúng từ xa và tránh mọi sự tiếp xúc. Tất nhiên, bỏ chạy khỏi một cuộc chiến đấu thì chẳng vinh quang gì, nhưng tôi chẳng quan tâm tới vinh quang. Tôi chỉ muốn sống sót.

Thế nên mỗi nguy hiểm thực sự không phải là những thân người trên ke ga, mà là những cái bóng lẩn khuất giữa chúng và đằng sau chúng; là bóng tối tại các góc khuất. Đó là nơi tôi tập trung chú ý vào. Sự tập trung đem đến cho tôi một thứ cảm nhận ngoài cơ thể, để đưa cảm nhận của tôi lên lời

vào trong đám đông, sục sạo những góc khuất đặng xa nhằm tìm kiếm những dấu vết nguy hiểm. Mấy ngày trước tôi vẫn chưa làm được thế này. Khả năng điều hướng cảm nhận đó như một chiếc đèn pha - điều này hoàn toàn mới.

Tôi tự hỏi tôi còn có thể khám phá thêm gì nữa về bản thân mình đây?

“Chúng ta ổn”, tôi nói, bước xuống khỏi chiếc rương. “Không có hồn rỗng”.

“Cái đó thì *tớ* cũng nói được”, Enoch hàm hồ. “Nếu có, đến giờ chúng đã chén sạch chúng ta rồi!”.

Emma kéo tôi sang bên. “Nếu chúng ta muốn có một cơ hội để chiến đấu ở đây, cậu cần phải nhanh hơn”.

Nghe có vẻ như đòi hỏi một người vừa mới học bơi đi thi đấu Olympic. “*Tớ* đang làm hết sức”, tôi nói.

Emma gật đầu. “*Tớ* biết thế”. Cô quay sang những người khác và bật ngón tay đánh tách để thu hút sự chú ý. “Chúng ta hãy tới chỗ buồng điện thoại kia”, cô vừa nói vừa chỉ tay về phía một buồng điện thoại cao màu đỏ nằm ở phía đối diện của ke ga, chỉ có thể thấy thấp thoáng qua đám đông bận rộn qua lại.

“Chúng ta gọi cho ai đây?” Hugh hỏi.

“Con chó đặc biệt đã nói tất cả các Vòng Thời Gian tại London đã bị tấn công và các Chủ Vòng bị bắt cóc”, Emma nói, “nhưng chúng ta không thể chỉ đơn giản tin luôn vào lời nó, phải không nào?”.

“Cậu có thể gọi tới một Vòng Thời Gian sao?” tôi hỏi đầy sững sốt. “*Bằng điện thoại?*”.

Millard giải thích là Hội đồng Chủ Vòng Thời Gian duy trì liên lạc bằng điện thoại, cho dù việc này chỉ có thể được sử dụng trong ranh giới thành phố. “Cơ chế hoạt động của nó thật tài tình, nếu tính tới tất cả các khác biệt về thời gian”, cậu ta nói. “Việc chúng ta sống trong các Vòng Thời Gian không có nghĩa là chúng ta bị mắc kẹt lại ở thời Đồ Đá!”.

Emma cầm lấy bàn tay tôi và yêu cầu những người khác cũng nắm lấy bàn tay nhau.

“Điều cốt yếu là chúng ta cần ở cạnh nhau”, cô nói. “London rất rộng, và ở đây không có nơi tìm trẻ lạc cho những đứa trẻ đặc biệt đâu”.

Chúng tôi len qua đám đông, bàn tay nắm lấy nhau, thành một hàng như thân rắn hơi uốn cong hình parabol, Olive bồng bênh nhấp nhòm ở giữa như một nhà du hành vũ trụ bước đi trên Mặt Trăng.

“Em mất trọng lượng à?” Bronwyn hỏi cô bé. “Em cần đôi giày nặng hơn, chích chòe bé bỏng.”

“Em luôn biến thành một cái lông vũ khi không có được những bữa ăn đúng nghĩa,” Olive nói.

“Bữa ăn đúng nghĩa sao? Chúng ta vừa ăn như những ông vua còn gì!”

“Em thì không,” Olive nói. “Họ không có bánh nhân thịt.”

“Với một kẻ trốn chạy thì cậu kén cá chọn canh quá đấy,” Enoch nói. “Dù thế nào đi nữa, vì Horace đã tiêu phí hết sạch tiền của chúng ta, cách duy nhất để chúng ta kiếm thêm đồ ăn là đi ăn cắp hoặc tìm ra một Chủ Vòng còn chưa bị bắt cóc để nấu cho chúng ta chút gì đó.”

“Chúng ta vẫn còn tiền,” Horace cự lại, xóc xóc những đồng xu trong túi áo cậu ta. “Cho dù không đủ để mua bánh nhân thịt. Có thể chúng ta mua được một cái bánh khoai tây.”

“Nếu tớ phải ăn một cái bánh khoai tây nữa, tớ sẽ biến thành một cái bánh khoai tây mất,” Olive nhăn nhó.

“Không thể có chuyện đó đâu, cô bé,” Bronwyn nói.

“Sao chứ? Cô Peregrine có thể biến thành chim mà!”

Một cậu bé chúng tôi đi ngang qua quay sang nhìn chằm chằm. Bronwyn bực bội suyt Olive. Nói ra bí mật của chúng tôi trước mặt những người bình thường là điều bị cấm ngặt, cho dù những điều đó nghe có vẻ hoang đường tới mức có lẽ chẳng ai tin vào chúng.

Chúng tôi chen vai lách qua đám trẻ con cuối cùng để tới chỗ buồng điện thoại. Nó chỉ đủ lớn để ba người chui vào, vì thế Emma, Millard và Horace chen chúc chui vào trong khi đám còn lại xúm quanh cửa buồng. Emma nhắc điện thoại, Horace moi mấy đồng xu cuối cùng của chúng tôi ra khỏi

túi áo, còn Millard lật giờ tìm kiếm trong một cuốn danh bạ dày cộp treo lưng lẳng ở đầu một sợi dây.

“Các cậu đùa chắc?” tôi vừa nói vừa cúi người vào trong buồng. “Có cả các Chủ Vòng trong cuốn danh bạ sao?”.

“Các địa chỉ được đưa ra ở đây đều là giả”, Millard nói, “và cuộc gọi sẽ không được kết nối trừ phi cậu huýt sáo đúng đoạn mật mã”. Cậu ta xé ra một danh sách rồi đưa cho Emma. “Thử gọi số này đi. Millicent Thrush”.

Horcace nhét một đồng xu vào khe và Emma quay số. Sau đó, Millard cầm lấy ống tổ hợp, huýt sáo một điệu chim hót vào ống rồi đưa trả lại cho Emma. Cô lắng nghe một lát, rồi cau mày. “Nó chỉ đổ chuông thôi”, cô nói. “Không ai nhắc máy cả”.

“Đừng lo!” Millard nói. “Đây chỉ là một trong rất nhiều số thôi. Để tớ tìm một số khác...”.

Bên ngoài buồng điện thoại, đám đông lúc trước di chuyển qua lại liên tục quanh chúng tôi đã chậm dần rồi dừng lại, bị tắc nghẽn ở đâu đó ngoài tầm mắt. Ke ga đã chật hết cỡ. Những đứa trẻ bình thường chen chúc khắp quanh chúng tôi, trò chuyện huyền thuyên với nhau, la hét, xô đẩy – và một đứa, đứng ngay cạnh Olive, bắt đầu khóc ngằn ngặt. Cô bé buộc tóc đuôi ngựa có đôi mắt đỏ sưng mọng, một tay ôm một cái chăn, bàn tay kia cầm một chiếc va li sờn rách bằng các tông. Được găm lên áo đầm của cô bé là một tờ ghi chú với các chữ cái và con số được tô khuôn cỡ lớn.

115-201

London → Sheffield

Olive quan sát cô bé khóc lóc cho tới khi đôi mắt của chính cô cũng bắt đầu ầng ậng ướt. Cuối cùng, Olive không thể chịu đựng hơn nữa bèn hỏi xem có chuyện gì. Cô bé kia nhìn đi chỗ khác, giả bộ không nghe thấy gì.

Olive không hiểu. “Có chuyện gì thế?” cô lại hỏi. “Có phải bạn khóc vì bạn bị bán đi không?”. Cô chỉ vào tờ ghi chú trên áo đầm của cô bé kia. “Đó là giá của bạn à?”.

Cô bé kia tìm cách tránh đi nhưng bị bức tường người chặn lại.

“Tớ rất muốn mua bạn và giúp bạn được tự do”, Olive nói tiếp, “nhưng tớ sợ là bạn tớ đã tiêu sạch cả tiền để mua vé tàu rồi và thậm chí chẳng còn đủ tiền mua bánh nhân thịt nữa chứ đừng nói gì tới nô lệ. Tớ rất tiếc”.

Cô bé kia quay ngoắt lại đối diện với Olive. “Tôi không bị bán!” cô bé nói, giậm chân bành bịch.

“Bạn chắc chứ?”.

“Phải!” cô bé kia hét lên, và trong lúc bực bội giật phăng tờ ghi chú khỏi áo đầm và ném nó đi. “Tôi chỉ không muốn tới sống ở vùng nông thôn ngu ngốc, thế thôi”.

“Tớ cũng không muốn rời khỏi nhà mình, nhưng chúng tớ buộc phải làm thế”, Olive nói. “Nhà chúng tớ đã bị một quả bom phá tan”.

Khuôn mặt cô bé kia dịu lại. “Nhà tớ cũng thế”. Cô đặt va li xuống và chìa bàn tay ra. “Tớ xin lỗi vì đã cáu. Tên tớ là Jessica”.

“Tớ là Olive”.

Hai cô bé bắt tay như hai quý ông.

“Tớ thích cái áo đầm của cậu”, Olive nói.

“Cảm ơn cậu”, Jessica nói. “Còn tớ thích cái... cái ở trên đầu cậu”.

“Vương miện của tớ!” Olive đưa tay lên sờ vào nó. “Cho dù nó không phải bằng bạc thật”.

“Không sao đâu. Nó đẹp lắm”.

Olive mỉm cười rộng tới mức tôi chưa từng bao giờ thấy cô bé mỉm cười như thế, rồi một tiếng còi thật to vang lên và một giọng nói ồm ồm vang lên lạo xạo qua loa phóng thanh. “Tất cả các em nhỏ lên tàu!” giọng nói thông báo. “Giờ hãy ngoan và trật tự nào!”.

Đám đông lại tiếp tục nhúc nhích quanh chúng tôi. Chỗ này chỗ kia, những người lớn giúp lũ trẻ lên tàu, và tôi nghe thấy một người nói, “Đừng lo, các cháu sẽ sớm gặp lại bố mẹ thôi!”.

Và đó là lúc tôi hiểu ra tại sao lại có nhiều trẻ con ở đây đến thế. Chúng đang được sơ tán. Trong số hàng trăm đứa trẻ có mặt tại nhà ga sáng nay,

chỉ có tôi và các bạn tôi xuống tàu. Những đứa trẻ khác đang rời đi, được đưa ra khỏi thành phố vì sự an toàn của chúng – và xét từ những chiếc áo khoác mùa đông và những chiếc va li lèn chặt đến căng phồng một số đứa trẻ cầm theo, rất có thể sẽ là trong một thời gian dài.

“Tớ phải đi rồi”, Jessica nói, và Olive chưa kịp chào tạm biệt thì người bạn mới của cô bé đã bị đám đông cuốn về phía một đoàn tàu đang đợi. Chỉ trong thời gian ngắn ngủi đó, Olive đã gặp và mất người bạn bình thường duy nhất cô bé từng có.

Jessica ngoái lại nhìn trong khi lên tàu. Vẻ mặt buồn rầu của cô bé dường như muốn nói: *Minh sẽ ra sao đây?*

Chúng tôi quan sát cô bé ra đi và băn khoăn tự hỏi điều tương tự về bản thân mình.

Bên trong buồng điện thoại, Emma cau mày bức bối nhìn ông nghe. “Không có ai trả lời cả”, cô nói. “Tất cả các số điện thoại chỉ toàn đổ chuông”.

“Số cuối cùng đây”, Millard nói, đưa cho cô một trang danh bạ khác được xé ra.

“Bắt treo ngón tay cầu may mắn đi”.

Tôi chăm chú nhìn Emma trong khi cô quay số, nhưng rồi phía sau lưng tôi có sự xáo động mạnh, tôi quay lại thì nhìn thấy một người đàn ông mặt đỏ lựng đang vung vẩy một cái ô về phía chúng tôi. “Chúng mày đang chơi đùa gì thế hả?” ông ta nói. “Chui ra khỏi cái buồng điện thoại đó và leo lên tàu ngay!”.

“Chúng cháu vừa xuống tàu xong”, Hugh nói. “Chúng cháu không định lên một chuyến tàu khác!”.

“Và chúng mày đã làm gì với các nhãn ghi số của chúng mày rồi hả?” người đàn ông quát tướng lên, nước bọt văng ra từ môi ông ta. “Đưa ra đây ngay lập tức, nếu không thì có Chúa tao sẽ cho chở chúng mày tới một nơi ít dễ chịu hơn xứ Wales nhiều!”.

“Biến ngay đi”, Enoch nói, “nếu không chúng tôi sẽ tống ông xuống địa ngục ngay lập tức!”.

Khuôn mặt người đàn ông đỏ sẫm lại tới mức tôi nghĩ một mạch máu trên cổ ông ta sắp vỡ bung. Rõ ràng ông ta không quen bị trẻ con vặc lại kiểu này.

“Tao đã bảo là *chui ra khỏi cái buồng điện thoại đó!*” ông ta rống lên, rồi vung cái ô lên cao quá đầu như cây rìu của một đao phủ, ông ta quật nó xuống đường dây cáp chạy từ đỉnh buồng điện thoại vào tường, làm nó đứt đôi với một tiếng *phụt!* thật to.

Điện thoại im bật! Emma ngẩng đầu lên khỏi ống nghe, sôi lên trong cơn phẫn nộ âm thầm. “Nếu ông ta muốn dùng điện thoại đến thế”, cô nói, “bọn mình hãy nhường nó lại cho ông ta”.

Trong khi cô, Millard và Horace loay hoay lách ra khỏi buồng, Bronwyn chộp lấy hai bàn tay người đàn ông và bẻ quật chúng ra sau lưng ông ta.

“Dừng lại!” ông ta la lối. “Bỏ tao ra!”.

“À, tôi sẽ bỏ ông ra”, Bronwyn nói, rồi cô nhấc ông ta lên, ném ông ta cắm đầu vào trong buồng điện thoại, rồi ngáng đóng cửa bằng cái ô của ông ta. Người đàn ông gào thét và đấm thình thình lên mặt kính, nhảy lên nhảy xuống như một con ruồi béo ị bị nhốt trong một cái chai. Cho dù nán lại quanh đó và cười cợt ông ta hẳn sẽ rất vui nhưng ông ta đã thu hút quá nhiều sự chú ý rồi, và lúc này nhiều người lớn đang từ khắp nơi trong ga dồn về phía chúng tôi. Đã đến lúc rời đi.

Chúng tôi nắm lấy bàn tay nhau và hồi hả chạy về phía cửa xoay, một đám đông người bình thường ùa theo đằng sau. Một tiếng còi tàu rít lên và được vọng lại bên trong chiếc rương của Bronwyn, cô Peregrine đang bị quăng đi quật lại trong đó như quần áo trong máy giặt. Hai chân không đủ bám đất để chạy, Olive bèn bám vào cổ Bronwyn, cô bị kéo lê đằng sau như một quả bóng bay xì hơi một nửa bị kéo theo một sợi dây.

Một vài người lớn ở gần lối ra hơn chúng tôi, và thay vì chạy vòng tránh họ, chúng tôi cố gắng lao thẳng qua.

Không ổn.

Người đầu tiên chặn chúng tôi là một phụ nữ to béo vung chiếc ví lên quật xuống đầu Enoch, rồi ngáng chân cậu ta. Khi Emma cố lùi bà ta ra, hai người đàn ông chộp lấy hai cánh tay cô và đè cô xuống sàn. Tôi đang định nhảy vào giúp cô thì người đàn ông thứ ba chộp lấy hai cánh tay tôi.

“Ai đó làm gì đi chứ!” Bronwyn kêu lên. Tất cả chúng tôi đều biết ý cô muốn nói gì, nhưng đều không rõ ai trong chúng tôi còn được tự do hành động. Thế rồi một con ong vo vo bay qua trước mũi Enoch và cắm vòi vào hông người phụ nữ đang ngồi cười lên cậu ta, bà này kêu ré lên rồi nhảy bật dậy.

“Phải!” Enoch reo lên. “Nhiều ong nữa vào!”.

“Chúng mệt rồi!” Hugh gất lại. “Chúng chỉ mới vừa đi ngủ sau khi cứu mạng các cậu lần vừa rồi!”. Nhưng cậu ta có thể thấy là không có cách nào khác – hai cánh tay Emma đã bị ghì chặt, Bronwyn đang bận rộn bảo vệ cả cái rương của cô lẫn Olive chống lại ba người soát vé đang tức giận, và còn nhiều người lớn nữa đang trên đường đến - vậy là Hugh bắt đầu đâm ngực như thể cố nuốt vào một miếng thức ăn bị nghẹn. Một khoảnh khắc sau đó, cậu ta ợ ra một tiếng, và chừng mười con ong bay ra khỏi miệng cậu ta. Chúng bay vài vòng trên đầu Hugh, rồi tìm được phương hướng và bắt đầu đốt tất cả những người lớn xuất hiện.

Mấy người đang ghì lấy Emma buông cô xuống và bỏ chạy. Người đàn ông đang giữ tôi bị đốt vào đúng chóp mũi, ông ta la àm lên và vung vẩy hai cánh tay như bị quỷ ám. Chẳng mấy chốc, tất cả đám người lớn đều bỏ chạy, cố chống đỡ lại những kẻ tấn công tí hon với cú đốt khủng khiếp bằng đủ loại vũ điệu múa may kỳ cục trước sự hân hoan của tất cả những đứa trẻ vẫn còn ở trên ke ga, chúng cười vang, hoan hô và giơ tay lên nhại lại những cử chỉ lố bịch của những người lớn tuổi hơn.

Trong khi tất cả mọi người đều mất tập trung như vậy, chúng tôi nhồm dậy, lao qua cửa quay và chạy ra ngoài hòa vào một buổi chiều London náo động.

Chúng tôi ngỡ ngàng giữa sự hỗn loạn của các con phố. Có vẻ như chúng tôi đã bị ném vào một bình chất lỏng đang khuấy tung, quay cuồng với các phần tử: các quý ông, quý bà, những người lao động, binh lính, những đứa trẻ đường phố và những người hành khất, tất cả đều hối hả lao đi có mục đích theo mọi hướng, đan qua đan lại quanh những chiếc xe hơi bé nhỏ đang nhả khói phì phì và những người bán dạo đẩy xe hàng đang lớn tiếng rao, những người biểu diễn trên đường phố đang thổi kèn, những chiếc xe buýt bấm còi inh ỏi và rừng mình dừng lại để đỗ thêm người lên những vỉa hè đông ứ. Chứa đựng tất cả những gì vừa được liệt kê là khe hẻm được tạo thành từ các dãy nhà có hàng cột phía mặt tiền chạy dài hút tầm mắt theo một con phố nửa chìm trong bóng râm, mặt trời lúc chiều tà đã hạ thấp và tắt dần, bị làn khói của London làm mờ xuống thành một thứ quang sáng âm u, một ngọn đèn chập chờn xuyên qua màn sương mù.

Chóng mặt trước cảnh tượng này, tôi khép hờ mắt lại và để Emma kéo đi trong khi dứt bàn tay còn tự do vào trong túi áo để chạm lên mặt kính lạnh lẽo của chiếc điện thoại tôi vẫn cầm theo. Tôi nhận ra cử chỉ này trấn an tôi một cách lạ lùng. Chiếc điện thoại của tôi là một thứ kỷ vật vô dụng từ tương lai, song cũng là một vật thể chứa đựng một sức mạnh nhất định – nó là sợi dây mong manh kết nối thế giới lạ lùng này với thế giới lành mạnh và quen thuộc tôi từng thuộc về; một thứ luôn nói với tôi mỗi khi tôi chạm vào nó: *Cậu ở đây và điều này có thực, không phải cậu đang mơ và cậu vẫn là cậu*, và theo cách nào đó nó khiến cho mọi thứ quanh tôi chuyển động bớt chóng vánh hơn.

Enoch từng đi học tại London và tuyên bố vẫn còn biết đường phố tại đây, vì thế cậu ta dẫn đường. Chúng tôi phần lớn đi theo các ngõ hẻm và những con đường sau, thành ra thành phố thoát đầu giống như một mê cung của những bức tường xám xịt và những đường máng xối, sự vĩ đại của nó chỉ thỉnh thoảng hé lộ khi chúng tôi băng qua các đại lộ rồi trở lại ngay sự an toàn của những nơi khuất bóng. Chúng tôi biến điều này thành ra một trò chơi, phá lên cười, chạy đua với nhau qua các ngõ hẻm. Horace giả bộ như đang đi trên dây, rồi nhảy lên thật nhẹ nhàng và cúi chào như một vũ công, đồng thời nhắc mũ lên. Chúng tôi cười như hóa rồ, nhẹ dạ đến khó tin, phần nào vì không tin nổi chúng tôi có thể đi xa được đến thế - vượt qua biển, qua rừng, qua khói nhanh vượt những con hồn rỗng luôn ngoác miệng hăm dọa và những toán xác sống sát thủ, tất cả trên con đường tới London.

Chúng tôi rời xa khỏi nhà ga, rồi sau đó dừng lại trong một ngõ hẻm cạnh mấy thùng rác để thở lấy hơi. Bronwyn đặt cái rương xuống và đưa cô Peregrine ra, bà liền lắc lư nhảy đi như người say trên những viên đá lát đường. Horace và Millard bật cười.

“Có gì tức cười vậy?” Bronwyn nói. “Có phải là lỗi của cô P đâu nếu cô ấy thấy chóng mặt?”

Horace dang rộng hai cánh tay ra hào hùng. “Chào mừng tới London xinh đẹp!” cậu ta nói. “Lớn hơn nhiều so với những gì cậu mô tả, Enoch. Và phải rồi, cậu mô tả thế nào nhỉ! Trong suốt bảy mươi lăm năm: London, London, London! Thành phố vĩ đại nhất trên trái đất”.

Millard cầm một cái nắp thùng rác lên. “London! Nơi ăn náu tuyệt diệu nhất sẵn có trên đời!”.

Horace bỏ mũ ra. “London! Nơi thậm chí chuột cũng đội mũ chóp cao!”.

“Ồ, tớ đâu có nói nhiều *đến thế*”, Enoch nói.

“Có đấy!” Olive nói. “À, ở London người ta không làm thế đâu’, cậu vẫn nói thế còn gì. Hay là, ‘Ở London, thức ăn ngon hơn nhiều!’”.

“Hiển nhiên lúc này không phải chúng ta đang du ngoạn một vòng thành phố!” Enoch cự nự. “Các cậu thích đi theo những ngõ hẻm hay là bị lũ xác sống phát hiện?”.

Horace tặng lờ cậu ta. “London: nơi mọi ngày đều là ngày nghỉ... với người hót rác!”

Cậu ta phá lên cười, và tiếng cười của cậu ta thật dễ lây. Chẳng mấy chốc, gần như tất cả chúng tôi đều cười khúc khích - kể cả Enoch. “Tớ đoán là tớ có tô vẽ lên *tí chút*”, cậu ta thừa nhận.

“Tớ chẳng thấy có gì thú vị đến thế về London”, Olive cau mày nói. “Nơi này bản thủ, hơi hám và đầy những người xấu xa, thô bạo làm trẻ con khóc, và tớ ghét nó!”. Cô cau mặt lại tức giận và nói thêm, “Và tớ thấy đôi kinh khủng!” - khiến chúng tôi càng cười dữ hơn.

“Những người ở ga không xấu xa”, Millard nói. “Nhưng họ đã nhận được những gì họ xứng đáng nhận! Tớ sẽ không bao giờ quên khuôn mặt

người đàn ông đó khi Bronwyn nhét ông ta vào buồng điện thoại”.

“Hay người phụ nữ kinh khủng đó khi bà ta bị một con ong đốt vào mông!” Enoch nói. “Tớ sẵn sàng trả tiền để thấy lại cảnh đó”.

Tôi đưa mắt nhìn Hugh, trông đợi cậu ta góp chuyện, nhưng cậu ta đang quay lưng lại phía chúng tôi, đôi vai rung lên.

“Hugh?” tôi hỏi. “Cậu không sao chứ?”.

Cậu ta quay đi tránh. “Chẳng ai thêm đề ý”, cậu ta nói. “Chẳng buồn bận tâm đề ý tới anh chàng Hugh khôn khéo, anh ta chỉ ở đây để cứu mạng tất cả mọi người mà chẳng ai thêm cảm ơn lấy một lời!”.

Ngượng ngùng, chúng tôi lên tiếng cảm ơn và xin lỗi cậu ta.

“Xin lỗi, Hugh”.

“Xin cảm ơn lần nữa, Hugh”.

“Cậu là anh hùng trong cảnh gian nguy của bọn tớ, Hugh”.

Cậu ta quay sang đối diện với chúng tôi. “Chúng là bạn tớ, các cậu biết đấy”.

“Thì chúng tớ vẫn là thế mà!” Olive nói.

“Không phải các cậu – mà là bầy ong của tớ! Chúng chỉ đốt được một lần, sau đó sẽ chết, cả tổ. Và giờ tớ chỉ còn lại Henry, và nó không bay được vì mất một bên cánh”. Cậu ta chìa bàn tay ra và chậm rãi xòe mở các ngón tay, và trên lòng bàn tay Hugh là Henry, đang vẫy bên cánh duy nhất khi trông thấy chúng tôi.

“Thôi nào, anh bạn”, Hugh thì thầm với nó. “Đến lúc về nhà rồi”. Cậu ta thè lưỡi ra, đặt con ong lên đó, rồi ngậm miệng lại.

Enoch vỗ vai cậu ta. “Tớ sẽ làm chúng sống lại cho cậu, nhưng tớ không chắc liệu có hiệu quả với những sinh vật bé như thế hay không”.

“Dù sao cũng cảm ơn cậu”, Hugh nói, rồi cậu ta hắng giọng và chùi má thật mạnh, như thể khó chịu bởi những giọt nước mắt đã làm lộ cảm xúc của mình.

“Chúng ta sẽ tìm cho cậu thêm ong ngay khi chữa lành cho cô P”, Bronwyn nói.

“Nhân nói đến chuyện đó”, Enoch nói với Emma, “cậu có liên lạc được với Chủ Vòng nào qua cái điện thoại đó không?”.

“Không một ai”, Emma đáp, rồi ngồi xuống một thùng rác lộn ngược, đôi vai thõng xuống. “Tớ đã thực sự hy vọng chúng ta ít nhất cũng gặp may được một lần. Nhưng không”.

“VẬY thì có vẻ con chó đã nói đúng”, Horace nói. “Những Vòng Thời Gian lớn tại London đã rơi vào tay kẻ thù của chúng ta”. Cậu ta cúi đầu về phía nghiêm trọng. “Điều xấu nhất đã xảy ra. Tất cả các Chủ Vòng của chúng ta đã bị bắt cóc”.

Tất cả chúng tôi cùng cúi đầu, chẳng còn tâm trạng cười đùa nữa.

“Trong trường hợp đó”, Enoch nói, “Millard, tốt hơn cậu nên nói cho bọn tớ tất cả những gì cậu biết về các Vòng Trùng Phạt đi. Nếu đó là nơi các Chủ Vòng Thời Gian đang bị giam, chúng ta sẽ phải tổ chức một cuộc giải cứu”.

“Không”, Millard nói. “Không, không, không”.

“Không ư, ý cậu là sao?” Emma hỏi.

Millard phát ra một âm thanh tắc nghẽn từ trong cổ họng và bắt đầu thờ hờn hờn thật lạ. “Ý tớ là... chúng ta không thể...”.

Có vẻ cậu ta không thể nói ra lời.

“Có gì không ổn với cậu ấy thế nhỉ?” Bronwyn nói. “Mill, có chuyện gì thế?”.

“Tốt hơn cậu nên giải thích ngay lập tức ý cậu nói ‘không’ là sao”, Emma nói đầy đe dọa.

“Bởi vì chúng ta sẽ chết, thế đấy!” Millard nói, giọng vỡ ra.

“Nhưng ở chỗ trại động vật cậu nói nghe có vẻ dễ dàng lắm cơ mà!” tôi nói.

“Như thể chúng ta có thể nhảy valse vào một Vòng Trùng Phạt vậy...”.

Millard đang thở rất gấp, hoảng loạn – và điều đó làm tôi hãi hùng. Bronwyn tìm thấy một cái túi giấy nhăn nhúm và bảo cậu ta thở vào đó. Khi đã trấn tĩnh lại chút ít, cậu ta trả lời.

“Vào được một Vòng loại này cũng tương đối dễ”, cậu ta nói, thật chậm rãi, cố kiểm soát nhịp thở của mình. “Quay trở ra thì gian nan hơn nhiều. Nghĩa là quay ra mà *sống sót*. Con chó chỉ nói đến các Vòng Trừng Phạt, nhưng còn những thứ tồi tệ hơn nữa. Những dòng sông lửa... đám người Viking khát máu... hơi bệnh dịch đặc quánh đến mức không thể nổi... và thêm vào tất cả những thứ đó, như một món xúp hồ lớn của quý sứ, là vô số xác sống và hồn rỗng chẳng ai đếm xuể!”.

“À, quả là kỳ ảo!” Horace vừa nói vừa giơ hai bàn tay lên.

“Cậu biết đấy, đáng lẽ cậu có thể nói cho bọn tớ sớm hơn – như lúc còn ở trại động vật, khi chúng ta đang lên kế hoạch cho tất cả chuyện này!”.

“Liệu có tạo ra khác biệt nào không, Horace?” Millard hít thở thêm vài lần với cái túi. “Nếu tớ làm cho nơi đó nghe có vẻ khủng khiếp hơn, liệu các cậu có lựa chọn để mặc cho thời hạn quay lại hình người của cô Peregrine trôi qua không?”.

“Tất nhiên là không”, Horace nói. “Nhưng đáng lẽ cậu nên nói thật với bọn tớ”.

Millard thả rơi cái túi xuống. Sức lực đã quay trở lại với cậu ta, cùng với nó là sự tin tưởng. “Tớ thừa nhận là tớ đã ít nhiều hạ thấp những nguy hiểm trong các Vòng Trừng Phạt. Nhưng tớ chưa bao giờ nghĩ chúng ta thực sự phải đi vào trong đó! Bất chấp những lời thông báo ảm đạm của con chó khó chịu đó về tình hình tại London, tớ đã tin chắc chúng ta sẽ tìm thấy ít nhất *một* Vòng Thời Gian chưa bị tấn công ở đây, với Chủ Vòng vẫn còn tồn tại và có thể trông cậy vào. Và theo tất cả những gì chúng ta biết, thì vẫn còn khả năng đó! Làm sao chúng ta có thể đoán chắc tất cả họ đã bị bắt cóc? Chúng ta đã tận mắt nhìn thấy các Vòng Thời Gian bị tấn công của họ chưa? Sẽ thế nào nếu điện thoại của các Chủ Vòng chỉ đơn giản là bị... cắt đường dây?”.

“*Tất cả* họ sao?” Enoch chế giễu.

Thậm chí cả Olive, Olive luôn luôn lạc quan, cũng lắc đầu khi nghe tới đó.

“Vậy cậu đề xuất thế nào, Millard?” Emma nói. “Rằng chúng ta đi xem qua lần lượt các Vòng Thời Gian tại London và hy vọng tìm thấy ai đó vẫn ở nhà chẳng? Và cậu nói sao về khả năng những kẻ biến chất, *những kẻ đang sẵn lòng chúng ta*, sẽ để mặc các Vòng Thời Gian đó không canh gác?”.

“Tớ nghĩ chúng ta sẽ có cơ hội sống sót qua đêm nay hơn nếu chúng ta dành nó vào việc chơi trò roulette Nga”, Enoch nói.

“Tất cả những gì tớ muốn nói”, Millard nói, “là chúng ta không có bằng chứng nào...”.

“Cậu còn muốn thêm bằng chứng nào nữa?” Emma hỏi. “Những vũng máu chẳng? Một đồng lông vũ của các Chủ Vòng bị vặt ra chẳng? Cô Avocet đã nói với chúng ta là cuộc tấn công của những kẻ tha hóa bắt đầu ở đây nhiều tuần trước. Cô Wren rõ ràng tin rằng tất cả các Chủ Vòng tại London đã bị bắt cóc - liệu cậu có biết rõ hơn cô Wren, một Chủ Vòng, hay không? Và giờ chúng ta đang ở đây, trong khi không Vòng Thời Gian nào trả lời điện thoại gọi tới. Thế nên làm ơn nói cho tớ biết tại sao đi từ Vòng này qua Vòng khác có thể là gì ngoài một sự lãng phí thời gian nguy hiểm theo kiểu tự sát đây”.

“Đợi một phút nào – đúng rồi!” Millard reo lên. “Thế còn cô Wren thì sao?”.

“Bà ấy thì sao cơ?” Emma hỏi lại.

“Chẳng lẽ cậu không nhớ con chó nói gì với bọn mình à? Cô Wren tới London mấy hôm trước khi bà nghe nói những người chị em Chủ Vòng của mình đã bị bắt cóc”.

“Thế thì sao?”.

“Nếu bà ấy vẫn còn ở đây thì sao?”.

“Thì đến giờ này nhiều khả năng bà ấy cũng bị bắt rồi!” Enoch nói.

“Thế nếu chưa thì sao?” Giọng Millard tràn ngập hy vọng.

“Bà ấy có thể giúp cô Peregrine – và như vậy chúng ta sẽ không phải mon men tới gần các Vòng Trùng Phạt nữa!”.

“Và theo cậu chúng ta làm thế nào tìm được bà ấy đây?” Enoch la lên lanh lảnh. “Đứng trên các nóc nhà gọi tên bà ấy âm lên chắc? Đây không phải là Cairnholm; đây là một thành phố với hàng triệu người!”.

“Những con bò câu của bà ấy”, Millard nói.

“Nhắc lại xem nào?”.

“Chính lũ bò câu đặc biệt của cô Wren đã báo cho bà biết các Chủ Vòng đã bị bắt đi đâu. Nếu chúng biết nơi tất cả các Chủ Vòng bị đưa tới, vậy thì hẳn chúng phải biết cô Wren đang ở đâu. Nói cho cùng, chúng thuộc về bà ấy cơ mà”.

“Ái chà!” Enoch nói. “Thứ duy nhất hay gặp hơn các quý bà trung niên mặt mũi bình thường ở đây là những bày bò câu. Và cậu muốn đi khắp London để tìm chính xác một bày nào đó sao?”.

“Nghe có vẻ hơi điên rồ”, Emma nói. “Xin lỗi, Mill, nhưng tớ không thấy cách đó có thể thành công”.

“Thế thì may cho các cậu là tớ đã dành thời gian trên tàu vào tìm hiểu thay vì tán dóc. Ai đưa cho tớ quyển *Những truyện kể* nào!”.

Bronwyn lấy cuốn sách từ trong rương ra và đưa nó cho Millard. Cậu ta hồ hởi đón lấy, lật giở các trang. “Có rất nhiều câu trả lời có thể tìm thấy trong này”, cậu ta nói, “chỉ cần các cậu biết cần tìm cái gì”. Cậu ta dừng lại ở một trang rồi gõ ngón tay lên đầu trang. “A ha!” cậu ta reo lên, xoay cuốn sách lại để chỉ cho chúng tôi thấy thứ mình vừa tìm được.

Tiêu đề câu chuyện là “Những con bò câu ở Nhà thờ Thánh Paul”.

“Chúa ban phước cho tớ”, Bronwyn nói. “Có lẽ nào đó chính là những con bò câu chúng ta đang nói tới?”.

“Nếu chúng được nhắc tới trong *Những truyện kể*, gần như chắc chắn chúng là những con bò câu đặc biệt”, Millard nói, “và liệu có thể có bao nhiêu bày bò câu đặc biệt đây?”.

Olive vỗ tay reo lên, “Millard, cậu giỏi quá!”.

“Xin cảm ơn, phải, tớ biết thế mà”.

“Đợi đã, tớ không hiểu”, tôi nói. “Nhà thờ Thánh Paul là gì vậy?”.

“Đến tớ cũng biết”, Olive nói. “Nhà thờ Lớn!”. Rồi cô bé đi tới cuối con hẻm, đưa tay chỉ lên một mái vòm lớn nhô cao lên ngoài xa.

“Đó là giáo đường lớn và tráng lệ nhất ở London”, Millard nói, “và nếu tớ đoán không sai, đó cũng là nơi bày bồng của cô Wren cư ngụ”.

“Hãy hy vọng là chúng có nhà”, Emma nói. “Và chúng có tin tốt cho chúng ta. Gần đây chúng ta đã quá thiếu thứ đó rồi”.

Trong khi chúng tôi đi vòng vèo qua một mê cung những đường phố hẹp về phía Nhà thờ Lớn, một sự im lặng ủ ê bao trùm lên chúng tôi. Suốt hồi lâu không ai nói gì, chỉ còn lại tiếng giày chúng tôi giẫm lên vỉa hè và những âm thanh của thành phố: máy bay, tiếng xe cộ đi lại ầm ỉ không ngắt, những tiếng còi vang lên nối tiếp nhau trên đủ cung bậc xung quanh.

Càng đi xa nhà ga, chúng tôi càng thấy nhiều bằng chứng về những trận bom đã giội xuống London. Mặt tiền các tòa nhà bị mảnh bom phá lỗ chỗ. Những khung kính cửa sổ vỡ tan tành. Những đường phố lấp lánh rải đầy mảnh kính vỡ. Bầu trời lảm chảm những khí cầu nhỏ màu bạc căng phồng được buộc xuống đất bằng những sợi cáp dài. “Khí cầu phòng thủ”, Emma nói khi cô thấy tôi ngẩn cổ nhìn về phía một quả. “Máy bay ném bom Đức chạm phải các sợi cáp trong đêm và rơi xuống”.

Rồi chúng tôi tới trước một cảnh hủy diệt kỳ lạ đến mức tôi phải dừng lại và há hốc miệng nhìn – không phải vì một sở thích ngấm nghĩa quái gở nào đó, mà vì bộ óc của tôi không tài nào hiểu nổi nếu không xem xét kỹ hơn. Một hố bom mở ra toang hoác suốt bề rộng của con phố như một cái miệng khủng khiếp với hai hàm răng là vỉa hè vỡ nát. Ở một bên rìa, vụn nổ đã xé toang bức tường mặt tiền của một tòa nhà song lại để phần bên trong gần như còn nguyên vẹn. Trông như một ngôi nhà búp bê, tất cả các căn phòng bên trong đều mở toang ra ngoài phố: phòng ăn với bàn ăn vẫn đang bày sẵn cho một bữa ăn; những bức ảnh gia đình bị hất nghiêng trong một lối đi

song vẫn treo trên móc; một cuộn giấy vệ sinh bị bật tung ra và gặp một cơn gió nhẹ bay lên lật phất trong không khí như một lá cờ trắng dài.

“Có phải họ quên không xây xong nó không?” Olive hỏi.

“Không phải, ngốc ạ”, Enoch nói. “Nó bị trúng bom”.

Trong giây lát trông Olive như thể sắp khóc, nhưng rồi khuôn mặt cô bé trở nên đầy phần nộ, cô liền giơ nắm tay lên trời và la lớn, “Hitler xấu xa! Chấm dứt cuộc chiến tranh ghê tởm này và đi cả đi!”.

Bronwyn vỗ lên cánh tay cô bé. “Suýt. Hấn không nghe thấy cậu được đâu, cô bé”.

“Thật không công bằng”, Olive nói. “Tớ chán máy bay, bom và chiến tranh lắm rồi!”.

“Ai chả thế”, Enoch nói. “Thậm chí cả tớ”.

Thế rồi tôi nghe thấy Horace hét toáng lên, tôi liền quay ngoắt lại và thấy cậu ta chỉ tay vào thứ gì đó trên đường. Tôi chạy tới xem là gì, rồi tôi cũng thấy và đứng khựng lại, cứng đờ, trong đầu thầm la lên *Chạy mau!* nhưng đôi chân tôi nhất định không nghe theo.

Đó là một đồng đầu người xếp thành hình kim tự tháp. Chúng cháy đen, toàn những hóc, miệng há hoác, mắt bị hun nóng nhắm chặt, chảy ra và đọng lại thành giọt như một con quái vật nhiều đầu ghê rợn nào đó. Thế rồi Emma tới xem, thảng thốt kêu lên và quay mặt đi; Bronwyn tới và bắt đầu nức nở; Hugh nôn khan rồi đưa tay lên che mắt; và cuối cùng đến lượt Enoch, cậu ta có vẻ chẳng chút chấn động, bình thản dùng giày đá đá vào một trong những cái đầu và chỉ ra rằng chúng chỉ là ma nơ canh làm bằng sáp đã bị bắn ra từ cửa kính trưng bày của một cửa hiệu tóc giả bị trúng bom. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy có chút ngượng ngùng nhưng không hiểu sao vẫn kinh hoàng như trước, vì dù những cái đầu này không phải thật, chúng cũng đại diện cho thứ tương tự đang bị vùi lấp trong đồng đồ nát quanh chúng tôi.

“Đi thôi”, Emma nói. “Nơi này chỉ là một nấm mồ”.

Chúng tôi đi tiếp. Tôi cố dán mắt xuống đất, nhưng không thể nào làm ngơ được trước tất cả những thứ khủng khiếp chúng tôi đi ngang qua. Một

đống đổ nát nham nhở cuộn cuộn khói, người lính cứu hỏa duy nhất được phái tới dập nó buông thông tay thua cuộc, người đầy vết bỏng rộp, mệt mỏi, vòi nước cạn khô. Ấy thế nhưng anh ta vẫn đứng quan sát nó, như thể khi không còn nước, giờ đây công việc của anh ta là làm nhân chứng.

Một đứa trẻ ngồi trong xe nôi bị bỏ một mình trên phố đang khóc thét.

Bronwyn không kìm được lòng, bèn đi chậm lại. “Chúng ta không thể giúp họ bằng cách nào đó sao?”.

“Sẽ chẳng có gì khác biệt cả”, Millard nói. “Những người này thuộc về quá khứ, và không thể thay đổi được quá khứ”.

Bronwyn buồn bã gật đầu. Cô biết điều đó đúng nhưng cần phải được nghe ai đó nói nó ra. Chúng tôi gần như không thuộc về nơi đây, và cũng bất lực như những hồn ma.

Một đám mây tro vùn vủ cuộn lên, che khuất người lính cứu hỏa và đứa bé. Chúng tôi đi tiếp, ngọt ngọt trong đám bụi bị gió cuộn tung lên đem tới, bột bê tông nát vụn bám lên quần áo chúng tôi, còn mặt chúng tôi thì trắng bệch như xương.

Chúng tôi hồi hải băng qua các khối nhà đổ nát nhanh hết mức có thể, rồi ngừng ngàng khi các con phố sống lại quanh mình. Chỉ cách địa ngục có vài bước chân, người ta đang hồi hải đi tới chỗ làm việc, rải bước trên vỉa hè, sống trong những tòa nhà vẫn có điện và còn đủ cửa sổ, tường. Rồi chúng tôi rẽ vào một góc phố và mái vòm Nhà thờ Lớn hiện ra, kiêu hãnh, đồ sộ bất chấp những vết đá nhuộm đen vì khói và vài vòm cuốn đổ sụp. Như linh hồn của chính thành phố, chỉ vài quả bom thì chẳng thể đánh sập được Nhà thờ Thánh Paul.

Cuộc săn tìm của chúng tôi bắt đầu từ một quảng trường gần Nhà thờ Lớn, nơi những người già ngồi trên các băng ghế đang cho bò câu ăn. Thoạt đầu thật hỗn loạn: chúng tôi ủa tới, nháo nhào vò tóm trong khi lũ bò câu bay vụt lên. Những người già bất bình cần nhẫn, và chúng tôi rút lui để chờ lũ chim quay trở lại. Chúng cuối cùng cũng quay trở lại, vì bò câu không phải loài vật khôn ngoan nhất trên trái đất này, đến khi đó tất cả chúng tôi

thay nhau làm ra vẻ thản nhiên đi qua giữa bầy của chúng, tìm cách bất ngờ bắt lấy chúng, đưa tay xuống chộp. Tôi nghĩ Olive, vốn nhỏ người và nhanh nhẹn, hay Hugh, nhờ mối liên hệ đặc biệt của cậu với một loài sinh vật có cánh khác, có thể sẽ may mắn ít nhiều, nhưng cả hai đều một phen ê chề. Millard cũng chẳng may mắn hơn, mà đây là lũ chim còn không thể *trông thấy* cậu ta. Đến khi tới lượt tôi, hẳn lũ bò câu đã phát chán với việc chúng tôi quấy quả chúng, vì ngay khoảnh khắc tôi bước chân vào quảng trường, tất cả chúng cùng vụt bay lên và đồng loạt trút xuống một trận mưa bom chất thải khiến tôi phải nhào tới một vòi phun nước để gột cả đầu.

Cuối cùng, chính Horace là người bắt được một con chim. Cậu ta ngồi xuống cạnh những người già, rắc hạt cho tới khi lũ chim lượn tới quanh mình. Rồi từ từ cúi người ra trước, cậu ta vươn hai cánh tay ra bình tĩnh hết mức có thể và chộp lấy hai chân một con chim.

“Bắt được mày rồi!” cậu ta reo lên.

Con chim đập cánh và cố thoát đi, nhưng Horace giữ thật chắc.

Cậu ta mang con chim lại chỗ chúng tôi. “Làm sao chúng ta biết được nó có đặc biệt hay không?” cậu ta nói, lật ngửa con chim lên để kiểm tra phần bụng xem có tấm thẻ nào không.

“Mang nó tới cho cô Peregrine xem”, Emma nói. “Cô sẽ biết”.

Thế là chúng tôi mở chiếc rương của Bronwyn ra, thả con bò câu vào trong với cô Peregrine, rồi đóng nắp lại. Con bò câu kêu rít lên như thể nó đang bị xé ra thành từng mảnh.

Tôi nhăn mặt và lớn tiếng, “Bình tĩnh nào, cô P!”.

Khi Bronwyn lại mở nắp rương, một đám lông bò câu phát phơ bay lên không, nhưng con bò câu thì chẳng thấy đâu nữa.

“Ôi không, cô ấy đã ăn thịt nó!” Bronwyn la lên.

“Không đâu”, Emma nói. “Hãy nhìn xuống phía dưới cô ấy”.

Cô Peregrine đứng dậy bước sang một bên, và bên dưới bà là con bò câu, vẫn còn sống nhưng đờ đẫn.

“Thế nào?” Enoch hỏi. “Có phải là một con chim của cô Wren không?”.

Cô Peregrine dùng mỏ thúc vào con chim và nó bay vụt đi. Sau đó bà nhảy ra khỏi rương, tập tễnh nhảy vào quảng trường, và bằng một tiếng kêu thật to xua nốt những con bò câu còn lại dạt cả đi. Thông điệp của bà đã rõ: không chỉ con bò câu Horace bắt được không đặc biệt, mà những con còn lại cũng thế. Chúng tôi cần tiếp tục tìm kiếm.

Cô Peregrine tập tễnh về phía Nhà thờ Lớn và nóng nảy đập cánh. Chúng tôi bắt kịp bà trên các bậc thềm nhà thờ. Tòa nhà vươn lên sừng sững trên đầu chúng tôi, các tháp chuông cao vút kè hai bên mái vòm khổng lồ. Cả một đạo quân các thiên thần bị ám đen muội khói giương mắt nhìn xuống chúng tôi từ trên những cái bệ bằng cẩm thạch.

“Làm thế nào chúng ta kiểm tra được hết cả chỗ này chứ?” tôi hỏi thành tiếng.

“Từng phòng một”, Emma nói.

Một tiếng động lạ lùng làm chúng tôi sững lại trước cửa. Nghe như tiếng còi chống trộm của xe hơi ngoài xa, âm thanh lên cao rồi trầm xuống thành từng đợt dài, chậm rãi. Nhưng tất nhiên không thể có cái còi chống trộm của xe hơi nào vào năm 1940. Đó là còi báo động phòng không.

Horace cau có. “Bọn Đức đang tới!” cậu ta kêu lên. “Cái chết từ trên trời!”.

“Chúng ta không biết nó có nghĩa là gì”, Emma nói. “Có thể là báo động nhầm, hay một cuộc diễn tập”.

Nhưng các con phố và quảng trường đã nhanh chóng vắng tanh: những người già đang gấp báo của họ lại và rời khỏi các băng ghế.

“Có vẻ họ không nghĩ đó là một cuộc diễn tập”, Horace nói.

“Từ khi nào chúng ta bắt đầu sợ vài quả bom vậy?” Enoch nói. “Hãy thôi nói như một bà già người thường đi”.

“Tớ có cần nhắc để cậu nhớ hay không đây”, Millard nói, “rằng đây không phải là thứ bom chúng ta vẫn quen. Không như những quả bom rơi xuống Cairholm, chúng ta sẽ không biết chúng rơi xuống đâu!”.

“Càng thêm lý do để tìm thứ chúng ta tới tìm, nhanh lên nào!” Emma nói, và cô dẫn chúng tôi vào trong.

Không gian bên trong Nhà thờ Lớn thật đồ sộ - có vẻ như còn rộng lớn hơn bên ngoài tới mức phi lý – và cho dù nó đã bị hư hại, vài tín đồ bạo gan vẫn quỳ gối rải rác đây đó âm thầm cầu nguyện. Bàn thờ bị chôn vùi dưới một đồng đồ nát. Tại vị trí một quả bom xuyên qua mái, ánh mặt trời rơi xuống thành từng chùm rộng. Một người lính đơn độc ngồi trên một cột trụ bị đổ, ngược mắt chăm chú nhìn lên trời qua mái nhà bị thủng.

Chúng tôi tha thẩn bước đi, những mảnh bê tông và ngói vỡ kêu rào rạo dưới chân chúng tôi.

“Tớ chẳng trông thấy gì cả”, Horace than vãn. “Trong này có đủ chỗ trốn cho cả mười nghìn con bò câu!”.

“Đừng nhìn”, Hugh nói. “*Hãy lắng nghe*”.

Chúng tôi dừng lại, căng tai ra để nghe những tiếng cu cu quen thuộc của bò câu. Song chỉ có tiếng rền rĩ không ngừng của còi báo động phòng không, và dưới âm thanh đó là một chuỗi tiếng răng rắc trầm đục như sấm rền. Tôi tự nhủ cần giữ bình tĩnh, song tim tôi vẫn nện thình thình như đánh trống.

Bom đang rơi xuống.

“Chúng ta cần đi thôi”, tôi nói, cơn hoảng hốt làm giọng tôi nghẹn lại. “Chắc phải có hầm trú ẩn gần đây. Một nơi an toàn để chúng ta ẩn náu”.

“Nhưng chúng ta đã gần tới đích rồi!” Bronwyn nói. “Không thể bỏ cuộc lúc này được!”.

Một tiếng răng rắc sụp đổ nữa vang lên, lần này ở gần hơn, và những đứa trẻ khác cũng bắt đầu cảm thấy bất an.

“Có thể Jacob có lý”, Horace nói. “Chúng ta hãy tìm một nơi an toàn để trú ẩn cho tới khi trận ném bom kết thúc. Sau đó chúng ta có thể tìm kiếm thêm”.

“Chẳng nơi nào thực sự an toàn cả”, Enoch nói. “Những quả bom đó thậm chí có thể xuyên xuống những cái hầm ở dưới sâu”.

“Chúng không thể xuyên qua một Vòng Thời Gian”, Emma nói. “Và nếu có một truyện kể về Nhà thờ Lớn này, rất có thể ở đây có lối vào của một Vòng Thời Gian”.

“Có thể”, Millard nói, “có thể, có thể. Đưa tờ quyền sách để tớ tìm xem”.

Bronwyn mở rương ra và đưa Millard cuốn sách.

“Để tớ xem nào”, cậu ta nói, giở các trang ra cho tới khi đến “Những con bò câu ở Nhà thờ Thánh Paul”.

Bom đang rơi xuống và chúng ta lại đọc truyện, tôi thầm nghĩ. Mình đã bước chân vào vương quốc của sự điên rồ mất rồi.

“Nghe cho kỹ này!” Millard nói. “Nếu có lối vào một Vòng Thời Gian gần đây, câu chuyện có thể sẽ cho chúng ta biết cách tìm ra nó. May mà câu chuyện này cũng ngắn”.

Một quả bom rơi xuống bên ngoài. Sàn nhà rung chuyển và vôi vữa rơi như mưa từ trên trần xuống. Tôi nghiêng chặt hai hàm răng và cố tập trung vào nhịp thở của mình.

Không chút hốt hoảng, Millard hăng giọng. “Những con bò câu ở Nhà thờ Thánh Paul!” cậu ta bắt đầu đọc với giọng to, vang.

“Chúng ta biết tên truyện rồi!” Enoch nói.

“Làm ơn đọc nhanh hơn đi!” Bronwyn giục.

“Nếu các cậu không thôi ngắt lời tớ, chúng ta sẽ ở đây cả đêm đấy”, Millard nói, rồi cậu ta đọc tiếp.

“Ngày xưa ngày xưa vào thời của người đặc biệt, rất lâu trước khi có những tòa tháp, gác chuông hay bất cứ công trình cao nào tại thành phố London, có một bầy bò câu nầy ra trong đầu ý muốn có một nơi cao, đẹp để trú ngụ, xa phía trên sự ồn ào náo động của xã hội loài người. Chúng cũng biết cần xây nơi đó như thế nào, vì bò câu là các nhà xây dựng tự nhiên, và thông minh hơn nhiều so với những gì ta nghĩ. Nhưng cư dân tại London xa xưa không quan tâm đến việc xây những công trình cao, vì vậy một đêm nọ

những con bò câu chui vào buồng ngủ của một trong những người cần cù nhất chúng có thể tìm được và thì thầm vào tai ông ta bản thiết kế một tòa tháp huy hoàng.

“Vào buổi sáng, người đàn ông thức giấc trong tâm trạng cực kỳ phấn khích. Ông ta đã mơ - hoặc nghĩ là vậy - về một nhà thờ nguy nga tráng lệ với một đỉnh chóp đồ sộ vươn cao sẽ mọc lên từ quả đồi cao nhất thành phố. Vài năm sau, với cái giá khổng lồ đối với con người, công trình được xây dựng. Đó là một tòa tháp vô cùng đồ sộ, có tất cả các kiểu góc ngách, lỗ hốc nơi lũ bò câu có thể sinh sống, và chúng rất hài lòng với bản thân.

“Thế rồi tới một ngày người Viking cướp phá thành phố và đốt trụi tòa tháp tới tận nền, thế là lũ bò câu lại phải tìm một kiến trúc sư khác, thì thầm vào tai người đó, rồi kiên nhẫn chờ đợi một ngọn tháp nhà thờ mới được xây lên - lần này còn cao và đồ sộ hơn ngọn tháp đầu tiên. Và tòa tháp được xây lên, rất đồ sộ và rất cao. Và sau đó cũng bị đốt trụi.

“Mọi thứ diễn ra như thế suốt hàng trăm năm, các tòa tháp bị đốt và lũ bò câu thì thầm những thiết kế cho các tòa tháp còn đồ sộ hơn, cao hơn cho các thế hệ kiến trúc sư tìm thấy cảm hứng trong đêm kế tiếp nhau. Cho dù các kiến trúc sư này chẳng bao giờ nhận ra món nợ của họ với những con chim, họ vẫn đối xử với chúng rất tử tế, cho phép chúng đậu xuống bất cứ chỗ nào chúng thích, trong các gian giáo đường và các tháp chuông, như những vật lấy khước và bảo trợ cho nhà thờ đúng với vai trò thực của chúng”.

“Những cái này *chẳng ích lợi gì cả*”, Enoch nói. “Tìm đến phần có lỗi vào Vòng đi!”.

“Tớ đang đọc tới chỗ *tớ đọc tới!*” Millard cấm cản.

“Cuối cùng, sau khi rất nhiều tòa tháp đến rồi đi, bản thiết kế của bầy bò câu trở nên tham vọng tới mức phải mất rất nhiều thời gian để tìm ra một người đủ thông minh để thực hiện. Khi cuối cùng chúng cũng tìm được, nhưng người này cự lại, tin rằng ngọn đồi bị nguyên rủa vì đã có quá nhiều nhà thờ bị đốt trụi ở đó trong quá khứ. Dù ông ta cố xua ý tưởng này ra khỏi đầu, bầy bò câu vẫn liên tục trở lại, hết đêm này qua đêm khác, để thì thầm nó vào tai ông ta. Song ông ta vẫn không chịu hành động, Vậy là lũ chim tìm đến ông ta vào ban ngày, điều chúng chưa từng làm trước đó, và nói với người đàn ông bằng thứ ngôn ngữ lạ lùng rộn tiếng cười của chúng rằng

ông ta là người duy nhất có khả năng xây dựng tòa tháp của chúng, và chỉ đơn giản là ông ta phải làm điều đó. Nhưng người đàn ông từ chối và xua lũ chim ra khỏi nhà mình, hét lên, ‘Xùy, xéo đi, lũ chim bẩn thỉu!’.

“Lũ bò câu, bị sỉ nhục và đầy hiềm thù, ám ảnh người đàn ông cho tới lúc ông ta hầu như hóa điên – bám theo ông ta tới bất cứ đâu, kéo quần áo, giật tóc ông ta, làm bẩn đồ ăn của ông ta bằng lông đuôi của chúng, gõ vào cửa sổ nhà ông ta ban đêm để ông ta không ngủ nổi – cho tới một ngày ông ta phải quỳ gối xuống và la lên, ‘Ồi các ngài bò câu! Tôi sẽ xây bất cứ cái gì các ngài yêu cầu, miễn là các ngài canh chừng nó và gìn giữ để nó không cháy trụi’.

“Lũ bò câu băn khoăn suy nghĩ về chuyện này. Trao đổi với nhau, chúng đi tới kết luận chúng đã có thể là những người bảo vệ tốt hơn cho các tòa tháp trong quá khứ nếu chúng không hào hứng với việc xây tháp thái quá tới vậy, và thề sẽ làm tất cả những gì có thể để bảo vệ các tòa tháp trong tương lai. Vậy là người đàn ông xây công trình, một nhà thờ lớn đồ sộ nguy nga với hai tòa tháp và một mái vòm. Công trình thật tráng lệ, và cả người lẫn bò câu đều hài lòng với những gì họ tạo ra tới mức trở thành những người bạn chí thân; người đàn ông không bao giờ đi đâu trong suốt phần đời còn lại của mình mà không có một con bò câu ở kè bên để tư vấn cho ông. Thậm chí khi ông qua đời lúc đã rất già và hạnh phúc, bầy chim vẫn thỉnh thoảng tới thăm ông ở khu đất bên dưới. Và tới tận ngày này, bạn vẫn sẽ tìm thấy nhà thờ lớn họ xây dựng tọa lạc trên quả đồi cao nhất London, những con bò câu vẫn trông coi công trình”. Millard gập sách lại. “Hết”.

Emma thốt lên tuyệt vọng. “Phải rồi, nhưng trông coi từ *đâu* mới được chứ?”.

“Trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta”, Enoch nói, “nó cũng vô tích sự chẳng kém gì một câu chuyện về lũ mèo trên Mặt Trăng”.

“Tớ chả hiểu đầu cua tai nheo gì cả”, Bronwyn nói. “Có ai hiểu không?”.

Tôi gần như có thể - cảm thấy gần chạm tới gì đó trong câu nhắc tới “khu đất bên dưới” – nhưng tất cả những gì tôi có thể nghĩ là: *Lũ bò câu đang ở dưới địa ngục sao?*

Thế rồi một quả bom nữa rơi xuống, làm rung chuyển cả công trình, và từ trên cao đột nhiên vang lên tiếng đập cánh phành phạch. Chúng tôi nhìn

lên và thấy ba con bồ câu hoảng hốt bay vụt ra từ nơi ẩn náu nào đó trên các xà mái. Cô Peregrine kêu lên đầy phấn khích – như thể muốn nói: *Là chúng đấy!* – Bronwyn liền nâng bà lên, rồi tất cả chúng tôi cùng ùa theo mấy con chim. Chúng bay xuống dọc chiều dài giáo đường chính, rồi ngoặt gấp, biến mất qua một khung cửa.

Chúng tôi tới chỗ khung cửa đó muộn hơn vài giây. Tôi nhẹ nhõm khi thấy nó không mở ra ngoài, nếu vậy chúng tôi sẽ không bao giờ có hy vọng bắt được mấy con chim, và ra một giếng cầu thang, dẫn xuống những bậc thang xoáy tròn ốc.

“Ái chà!” Enoch thốt lên, vỗ vỗ hai bàn tay mập mạp ngăn ngừn. “Giờ chúng đã tự rúc vào bẫy - tự nhốt mình dưới tầng hầm!”.

Chúng tôi hồi hải lao xuống cầu thang. Dưới chân cầu thang là một căn phòng rộng sáng lờ mờ, tường và sàn đều bằng đá. Căn phòng lạnh lẽo, ẩm thấp và gập ghềnh như tôi om vì điện đã bị cắt, vì thế Emma thấp lửa trên bàn tay cô và đưa lên chiếu ra xung quanh, cho tới khi có thể thấy rõ thực trạng của nơi này. Dưới chân chúng tôi, trải ra trên khắp mặt sàn giữa các bức tường là những tấm bia cẩm thạch có khắc chữ. Tấm bia dưới chân tôi khắc:

GIÁM MỤC ELDRIDGE THORNBRUSH, MẤT NĂM 1721.

“Đây không phải là tầng hầm”, Emma nói. “Đây là một hầm mộ”.

Một cơn ớn lạnh lan ra khắp người tôi, tôi bèn bước lại gần ánh sáng và hơi ấm từ ngọn lửa của Emma.

“Ý cậu là có những người được chôn dưới sàn à?” Olive hỏi , giọng run rẩy.

“Thế thì sao?” Enoch nói. “Chúng ta hãy đi bắt mấy con bồ câu mắc dịch đó trước khi một trong những quả bom vùi chúng ta dưới sàn”.

Emma quay một vòng, hướng ánh sáng chiếu lên các bức tường. “Chúng nhất định phải ở đâu đó dưới này. Không còn lối ra nào ngoài cầu thang đó”.

Thế rồi chúng tôi nghe thấy một tiếng đập cánh. Tôi cứng người lại. Emma làm ngọn lửa cháy sáng hơn và hướng nó về phía tiếng động. Ánh sáng chập chờn cô tạo ra hắt xuống một ngôi mộ nắp phẳng nhô lên khỏi

mặt sàn chừng một mét. Giữa ngôi mộ và tường là một khoảng trống mà chúng tôi không thể thấy được phía sau từ chỗ chúng tôi đang đứng; một nơi ẩn náu lý tưởng cho một con chim.

Emma đưa ngón tay lên môi ra hiệu im lặng rồi ra dấu bảo chúng tôi đi theo. Chúng tôi bò qua căn phòng. Đến gần ngôi mộ, chúng tôi tản rộng ra, vây lấy nó từ ba phía.

Sẵn sàng chưa? Emma mấp má môi.

Những người còn lại gật đầu. Tôi giơ ngón cái lên. Emma rón rén bước tới ngó vào đằng sau ngôi mộ - và mặt cô ỉu xiu. “chẳng có gì cả!” cô nói, thất vọng giậm chân xuống sàn.

“Tớ không hiểu!” Enoch nói. “Lúc này chúng ở *ngay đây* mà!”

Tất cả chúng tôi cùng bước tới xem. Rồi Millard nói, “Emma! Làm ơn chiếu sáng lên mặt mộ nào!”

Cô làm theo, và Millard đọc to những gì được khắc trên đó lên thành tiếng:

NƠI ĐÂY AN NGHỈ NGÀI CHRISTOPHER WREN, NGƯỜI XÂY DỰNG NHÀ THỜ LỚN NÀY

“Wren!” Emma thốt lên. “Một trùng hợp lạ lùng làm sao!”

“Tớ không nghĩ đây là trùng hợp ngẫu nhiên”, Millard nói. “Ông ta nhất định có liên quan tới cô Wren. Có thể là bố bà ấy!”

“Rất thú vị”, Enoch nói, “nhưng nó có thể giúp chúng ta tìm ra bà ấy hay lũ bò câu của bà ấy thế nào đây?”

“Đó chính là điều tớ đang muốn lý giải”, Millard lẩm nhẩm một mình, đi đi lại lại một chút và nhắc lại một câu trong truyện: “bầy chim vẫn thỉnh thoảng tới thăm ông ở khu đất bên dưới”.

Thế rồi tôi nghĩ tôi nghe thấy một con bò câu kêu cu cu. “Suýt!” tôi nói, và ra hiệu bảo mọi người lắng nghe. Âm thanh đó lại vang lên vài giây sau, từ góc phía sau mộ. Tôi đi vòng tới đó và quỳ xuống, và đúng lúc ấy tôi để ý thấy một cái lỗ nhỏ trên sàn dưới chân mộ, chỉ to cỡ lọt nắm tay - đủ lớn để một con chim chui vừa.

“Lại đây!” tôi nói.

“À, ngạc nhiên thật!” Emma thốt lên, đưa ngọn lửa của cô tới phía trên cái lỗ. “Có lẽ đó là ‘khu đất bên dưới’ chẳng?”.

“Nhưng cái lỗ bé quá”, Olive nói. “Làm sao chúng ta có thể lôi lũ chim ra khỏi đó được?”.

“Chúng ta có thể đợi chúng chui ra”, Horace nói, rồi một quả bom rơi xuống rất gần, đến mức làm mắt tôi hoa lên mờ tịt, hai hàm răng va lập cập.

“Không cần phải thế!” Millard nói. “Bronwyn, cậu có thể làm ơn mở mộ của ngài Wren ra được không?”.

“Không!” Olive kêu lên. “Tớ không muốn thấy bộ xương mục của ông ấy!”.

“Đừng lo, cô bé yêu quý”, Bronwyn nói, “Millard biết cậu ấy đang làm gì”. Cô đặt hai bàn tay lên rìa nắp mộ và bắt đầu đẩy, và tấm nắp trượt mở ra theo tiếng kèn kẹt chậm rãi.

Mùi bốc lên không phải thứ tôi lường đến – không phải của cái chết, mà của hơi mốc và đất lâu năm. Chúng tôi xúm lại xung quanh và nhìn vào trong.

“À, ngạc nhiên thật”, Emma nói.

Chương 9

Nơi đáng lẽ phải có một cỗ quan tài lại có một cái thang dẫn xuống bóng tối. Chúng tôi cùng ngó vào trong ngôi mộ vừa mở.

“Không có chuyện tớ trèo xuống dưới đó đâu nhé!” Horace nói. Nhưng rồi ba cú bom làm rung chuyển tòa nhà, làm các mảnh bê tông rơi như mưa xuống đầu chúng tôi, và đột nhiên Horace leo qua bên tôi, chộp lấy cái thang. “Xin lỗi, làm ơn tránh đường cho tớ, người mặc bánh nhất đi đầu tiên!”.

Emma tóm lấy tay áo cậu ta. “Tớ có ánh sáng, thế nên tớ sẽ đi đầu tiên. Rồi Jacob sẽ theo sau, phòng khi có... *những thứ đó* ở dưới kia”.

Tôi thoáng nở một nụ cười yếu ớt, chỉ nguyên ý nghĩ đó đã làm hai đầu gối tôi mềm nhũn.

Enoch nói, “Ý cậu là *những thứ khác* ngoài chuột cống, vi khuẩn tả và tất cả những thứ điên rồ vẫn hay tồn tại dưới các hầm mộ hả?”.

“Có gì dưới đó cũng chẳng quan trọng”, Millard âm thầm nói. “Chúng ta sẽ phải đối diện với nó, vậy thôi”.

“Được lắm”, Enoch nói. “Nhưng tốt hơn cô Wren cũng nên có dưới đó, vì các vết chuột cống cắn không khỏi nhanh đâu”.

“Những vết hôn rỗng cắn thậm chí còn khó lành hơn”, Emma nói, rồi cô đặt chân lên thang.

“Cẩn thận”, tôi nói. “Tớ sẽ ở ngay trên cậu”.

Cô chào tôi bằng bàn tay bốc cháy của mình. “Thêm một lần xuống hố nữa nào”, cô nói, và bắt đầu leo xuống.

Sau đó đến lượt tôi.

“Các cậu đã bao giờ leo xuống một lòng mộ mở toang giữa một trận oanh tạc”, tôi nói, “và chỉ ước gì mình ở yên trên giường chưa?”.

Enoch đá vào giày tôi. “Thôi nhùng nhằng đi”.

Tôi bám vào gờ mộ và đặt chân lên thang.

Và trong chốc lát thoáng nghĩ tới tất cả những điều vui vẻ, nhàm chán có thể tôi đã thực hiện trong mùa hè của mình nếu cuộc đời tôi diễn ra khác đi. Trại tennis. Tập thuyền buồm. Những cái giá bày hàng. Thế rồi, nhờ một nỗ lực ý chí khổng lồ, tôi buộc mình leo xuống.

Chiếc thang dẫn xuống một đường hầm. Đường hầm cụt ở một đầu, còn ở hướng đối diện chạy hun hút vào bóng tối. Không khí lạnh lẽo, ngọt ngào với một thứ mùi lạ lùng, giống như mùi quần áo bị bỏ mặc cho mục nát trong một tầng hầm ngập nước. Mặt đá thô ráp của bờ tường đọng những giọt hơi ẩm có nguồn gốc bí hiểm chảy dài xuống.

Trong lúc Emma và tôi đợi tất cả mọi người leo xuống, hơi lạnh dần dà len lỏi ngấm vào trong tôi. Những người khác cũng cảm thấy điều đó. Khi Bronwyn xuống tới nơi, cô mở cái rương của mình ra và phân phát những

chiếc áo len làm từ lông những con cừu đặc biệt chúng tôi đã được tặng tại trại động vật. Tôi xỏ một chiếc qua đầu. Cái áo ôm trùm lấy tôi như một cái bao tải, hai ống tay áo dài quá các ngón tay tôi, còn gấu áo thì lơ lửng trùm xuống gần đầu gối, song ít nhất nó cũng ấm.

Giờ thì cái rương của Bronwyn đã rỗng không, và cô bỏ nó lại. Cô Peregrine tiếp tục hành trình bên trong áo khoác của cô gái, trên thực tế bà đã biến nó thành tổ của mình. Millard nhất quyết đòi mang quyển *Những truyện kể* trong tay, bắt chấp sự nặng nề, công kèn của nó, vì cậu ta có thể sẽ cần tham khảo tới cuốn sách vào bất cứ lúc nào, Millard nói vậy. Song tôi nghĩ cuốn sách đã trở thành tấm lá chắn an toàn cho cậu ta, và cậu ta nghĩ về nó như một cuốn sách kỳ bí mà chỉ mình cậu ta đọc được.

Chúng tôi là một nhóm thật lạ lùng.

Tôi bước lên trước để cảm nhận xem trong bóng tối có hồn rỗng hay không. Lần này, tôi có một cảm giác đau thắt trong bụng thật mới mẻ, dù rất nhẹ, như thể một con hồn rỗng đã có mặt ở đây rồi rời khỏi, và tôi đang cảm thấy dư vị của nó. Song tôi không đã động gì tới cảm giác này; chẳng có lý do gì để làm tất cả mọi người lo lắng không cần thiết.

Chúng tôi bước đi. Tiếng bước chân chúng tôi giẫm lên những viên gạch ướt vọng lại vô tận về hai đầu đường hầm. Chẳng có cách nào để lẩn trốn bất cứ thứ gì đang chờ đợi chúng tôi.

Thình thoảng, từ phía trước, chúng tôi lại nghe thấy một tiếng đập cánh hay tiếng kêu của bồ câu, và chúng tôi rảo chân nhanh lên một chút. Tôi có cảm giác thật bất an là chúng tôi đang bị dẫn tới một bất ngờ khủng khiếp nào đó. Gắn trên các bức tường là những tấm bia đá như những tấm bia chúng tôi đã thấy trong hầm mộ, nhưng xa xưa hơn, chữ khắc bên trên hầu hết đã mờ hẳn. Rồi chúng tôi đi ngang qua một chiếc quan tài không huyệt mộ, được đặt trên sàn - rồi cả một đống những chiếc quan tài như thế được xếp chồng lên nhau tựa vào một bức tường như những chiếc thùng đựng đồ chuyên nhà bị bỏ đi.

“Chỗ này là thế nào vậy?” Hugh thì thào.

“Quá tải nghĩa địa”, Enoch nói. “Khi người ta cần chỗ cho các khách hàng mới, họ đào các vị khách hàng cũ lên rồi nhét bọn họ xuống dưới này”.

“Một lối vào Vòng Thời Gian mới kinh khủng làm sao”, tôi nói. “Thử hình dung đến việc phải đi qua chỗ này mỗi khi cậu muốn vào hay ra mà xem!”.

“Cũng chẳng khác mấy so với đường hầm trong mộ đá của chúng ta”, Millard nói.

“Những lối vào Vòng đáng sợ có một mục đích - những người bình thường có xu hướng tránh xa chúng, vậy là những người đặc biệt chúng ta có được chúng cho riêng mình”.

Thật hợp lý. Thật khôn ngoan. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ là: *Có những người chết ở khắp nơi và tất cả họ đã mục nát, xương xấu và đã chết, và ôi Chúa ơi...*

“Ái chà”, Emma thốt lên, và cô đột ngột dừng lại, khiến tôi đâm sầm vào cô và những người khác dồn đống lại sau lưng tôi.

Cô giơ ngọn lửa của mình chiếu sang một bên, để lộ ra một khung cửa vòm trên tường. Cánh cửa hơi hé mở, nhưng qua kẽ hở chỉ có thể thấy toàn bóng tối.

Chúng tôi lắng nghe. Suốt một hồi lâu không có âm thanh nào ngoài hơi thở của chúng tôi và tiếng nước nhỏ giọt ngoài xa. Thế rồi chúng tôi nghe thấy một tiếng động, nhưng không phải loại chúng tôi trông đợi – không phải tiếng đập cánh hay tiếng cào cào bàn chân của một con chim – mà là một âm thanh của con người.

Ai đó đang khóc, rất khẽ.

“Xin chào?” Emma gọi. “Ai ở đó vậy?”.

“Làm ơn đừng làm đau tôi”, một giọng nói vọng ra.

Hay đó là hai giọng nói nhỉ?

Emma làm ngọn lửa cháy sáng hơn. Bronwyn dò dẫm bước tới trước lấy bàn chân đạp vào cửa. Cánh cửa mở vào một căn phòng nhỏ toàn xương là xương. Xương đùi, xương cẳng chân, xương sọ - những phần cơ thể bị đào từ dưới mộ lên của hàng trăm người, lổn nhổn chồng chất.

Tôi loạng choạng lùi lại, xây xẩm mặt mày vì sốc.

“Xin chào?” Emma nói. “Ai nói đây? Ra mặt đi nào!”.

Thoạt đầu, tôi không thể nhìn thấy gì trong đó ngoài những đồng hài cốt, nhưng rồi tôi nghe thấy một tiếng sột sột và đưa mắt nhìn theo hướng âm thanh lên đỉnh đồng xương, có hai cặp mắt đang chớp chớp nhìn vào chúng tôi từ trong bóng tối âm u ở phía trong gian phòng.

“Không có ai ở đây cả”, một giọng nói khẽ cất lên.

“Đi đi”, giọng nói thứ hai vang lên. “Chúng tôi chết rồi”.

“Không, các cậu chưa chết”, Enoch nói, “và tôi phải biết chứ!”.

“Ra khỏi đó đi”, Emma dịu dàng nói. “Chúng tôi sẽ không làm hại các bạn đâu”.

Cả hai giọng nói đồng thời lên tiếng. “Hứa nhé?”.

“Chúng tôi hứa”, Emma nói.

Những cái xương bắt đầu chuyển động. Một cái xương sọ tách rời ra khỏi đồng hài cốt và rơi cách xuống sàn, lăn đi dừng lại dưới chân tôi, hai hốc mắt ngược lên nhìn tôi chăm chăm.

Xin chào, tương lai, tôi thầm nghĩ.

Thế rồi hai cậu bé loay hoay lồm ngồm bò trên đồng xương ra vùng ánh sáng. Làn da họ tái nhợt như người chết, và họ nhìn chúng tôi với đôi mắt quầng đen đảo qua đảo lại đến chóng mặt trong hốc mắt.

“Tôi là Emma, đây là Jacob, và đây là các bạn của chúng tôi”, Emma nói. “Chúng tôi là những người đặc biệt và sẽ không làm hại các cậu”.

Hai cậu bé bò rạp xuống như những con vật hoảng loạn, không nói gì, mắt đảo liên hồi, dường như nhìn khắp nơi nhưng lại chẳng nhìn đâu cả.

“Có gì không ổn với họ vậy?” Olive thì thào.

Bronwyn suyt cô bé. “Đừng thô lỗ”.

“Các cậu có thể cho chúng tôi biết tên được không?” Emma hỏi, giọng cô thật dịu dàng ngọt ngào.

“Tớ là Joel và Peter”, cậu bé lớn hơn nói.

“Cậu là ai?” Emma hỏi lại. “Joel hay Peter?”.

“Tớ là Peter và Joel”, cậu bé nhỏ hơn nói.

“Bọn này không có thời gian đùa đâu”, Enoch nói. “Có con chim nào ở đây với các cậu không? Các cậu có thấy con chim nào bay qua không?”.

“Lũ bồ câu thích ẩn nấp”, cậu bé lớn hơn nói.

“Trên tầng áp mái”, cậu bé nhỏ hơn thêm vào.

“Tầng áp mái nào?” Emma hỏi. “Ở đâu?”.

“Trong nhà chúng tôi”, cả hai cậu bé đồng thanh nói, và cùng đưa cánh tay lên chỉ xuống lối đi tối om. Họ có vẻ luôn phối hợp với nhau khi nói, và nếu một câu dài hơn vài ba từ, một người sẽ bắt đầu còn người kia kết thúc, và giữa hai người không hề có khoảng gián đoạn nào có thể phát hiện được. Tôi cũng nhận thấy bất cứ khi nào một người nói còn người kia không nói, người không nói sẽ cử động miệng đúng theo những từ người kia nói với sự đồng bộ hoàn hảo – như thể họ cùng chia sẻ một bộ óc.

“Các cậu có thể làm ơn chỉ đường cho chúng tôi tới nhà các cậu được không?” Emma hỏi. “Dẫn chúng tôi đến chỗ tầng áp mái của các cậu ấy?”.

Joel-và-Peter lắc đầu và lại rút lui vào bóng tối.

“Có chuyện gì vậy?” Bronwyn hỏi. “Sao các cậu lại không muốn đi?”.

“Chết chóc và máu!” một cậu bé kêu lên.

“Máu và gào thét!” cậu kia kêu lên.

“Gào thét và máu và những cái bóng biết cắn!” cả hai cùng kêu lên.

“Hoan hô!” Horace thốt lên rồi quay ngoắt lại. “Tớ sẽ gặp lại tất cả mọi người trên hầm mộ. Hy vọng là tớ không bị dẹp lép vì một quả bom!”.

Emma chộp lấy tay áo Horace. “Ồ không, cậu không đi đâu hết! Cậu là người duy nhất trong chúng ta đã bắt được một trong những con bồ câu đáng nguyên rửa đó”.

“Cậu không nghe họ nói à?” Horace nói. “Cái Vòng đó đầy ắp những cái bóng biết cắn - chỉ có thể là một thứ. Hồn rỗng!”.

“Nó đã từng đầy ắp chúng”, tôi nói. “Nhưng có thể là từ nhiều ngày trước rồi”.

“Lần cuối cùng các cậu ở trong nhà của mình là từ khi nào?” Emma hỏi hai cậu bé.

Vòng Thời Gian của họ đã bị tấn công, họ giải thích theo cách lạ lùng và ngắt quãng của mình, nhưng hai người họ đã chạy thoát được vào các hầm mộ và ẩn náu giữa những đồng hải cốt. Họ không thể nói được đã bao lâu rồi. Hai ngày chăng? Hay ba ngày? Họ đã mất hết khái niệm về thời gian trong bóng tối dưới này.

“Ôi, hai cậu bé khôn khở!” Bronwyn nói. “Các cậu đã phải chịu đựng những nỗi kinh hoàng khủng khiếp biết chừng nào!”.

“Các cậu không thể ở đây mãi được”, Emma nói. “Các cậu sẽ già đi nếu không sớm tìm tới được một Vòng Thời Gian khác. Chúng tớ có thể giúp các cậu – nhưng trước hết chúng ta phải bắt được một con bò câu đã”.

Hai cậu bé nhìn vào đôi mắt đảo loạn của nhau và có vẻ đang trao đổi mà không nói ra lấy một lời. Họ đồng thanh nói, “Theo chúng tớ”.

Họ trượt từ trên đồng xương xuống và bắt đầu đi xuống đường hầm.

Chúng tôi theo sau. Tôi không thể rời mắt khỏi họ: họ lạ lùng một cách đáng kinh ngạc. Hai cậu bé luôn nắm lấy tay nhau, và cứ đi vài bước, họ lại phát ra những âm thanh lọc cọc thật lớn bằng lưỡi của mình,

“Họ làm gì vậy?” tôi thì thầm.

“Tớ nghĩ đó là cách họ nhìn”, Millard nói. “Cũng giống như cách những con dơi nhìn trong bóng tối. Âm thanh họ phát ra sẽ phản xạ lên các vật thể rồi trở lại chỗ họ, tạo ra một bức tranh trong đầu họ”.

“Chúng tôi là những người định vị bằng tiếng vang”, Joel-và-Peter nói.

Có vẻ như họ cũng rất thính tai.

Lối đi rẽ nhánh, rồi lại rẽ nhánh lần nữa. Đến một chỗ tôi đột nhiên cảm thấy áp lực trong tai mình và phải nuốt nước bọt để giải tỏa nó. Đó là lúc tôi

biết chúng tôi đã rời khỏi năm 1940 và bước vào một Vòng Thời Gian. Cuối cùng chúng tôi đến đầu tận cùng, một bức tường chắn ngang với những bậc đặt chân theo phương thẳng đứng đục vào trong tường. Joel-và-Peter đứng dưới chân tường và chỉ lên một chấm ánh sáng ban ngày nhỏ xíu phía trên đầu.

“Nhà của chúng tôi...” cậu bé lớn hơn nói.

“Ở trên kia”, cậu bé nhỏ hơn nói.

Và khi họ nói xong, họ lại rút lui vào trong bóng tối.

Các bậc đặt chân đều bám đầy rêu trơn tuột rất khó leo, và tôi buộc phải leo thật chậm nếu không sẽ có nguy cơ bị ngã. Chúng tôi leo lên bức tường để tới một khung cửa tròn vừa người chui lọt trên trần, ở đó chỉ có một tia sáng chiếu xuống. Tôi luồn tay vào khe trống và đẩy qua bên, cánh cửa trượt mở ra như một cửa sập máy ảnh, để lộ một đường ống tròn xây bằng gạch vờn cao lên khoảng sáu đến chín mét tới một mảng trời hình tròn. Tôi đang ở dưới đáy giả của một cái giếng giả.

Tôi nâng mình chui vào lòng giếng rồi leo lên. Đến nửa chừng tôi phải dừng lại nghỉ ngơi, tựa lưng vào phía đối diện của lòng giếng. Khi cảm giác bỏng rát trong các bó cơ đã dịu xuống, tôi leo nốt phần còn lại của quãng đường, trèo lên khỏi miệng giếng và đáp xuống một đám cỏ.

Tôi đang ở trong sân một ngôi nhà trông có vẻ xập xệ. Bầu trời tuyền một sắc vàng bệnh tật, nhưng không hề có khói bốc lên, cũng chẳng có tiếng động cơ nào. Chúng tôi đang ở vào một thời kì xa xưa hơn, trước chiến tranh - thậm chí là trước khi xuất hiện xe hơi. Không khí lạnh buốt, và những bông tuyết la đà rơi xuống rồi tan ra dưới đất.

Emma là người tiếp theo leo lên khỏi giếng, rồi đến Horace. Emma đã quyết định chỉ ba chúng tôi đi thám hiểm ngôi nhà. Chúng tôi không biết sẽ tìm thấy điều gì trên này, và nếu cần khẩn trương rời đi, tốt nhất nên là một nhóm nhỏ có thể di chuyển nhanh. Không ai bên dưới tranh cãi; những lời Joel-và-Peter cảnh báo về máu và những bóng ma đã làm họ sợ chết khiếp.

Chỉ có Horace cảm thấy không vui, cứ lảm bảm một mình mãi là cậu ta ước gì chưa bao giờ vô được con bò câu đó ngoài quảng trường.

Bronwyn từ bên dưới vẫy tay với chúng tôi rồi đóng cái nắp tròn dưới đáy giếng lại. Mặt trên cái nắp được sơn để trông giống như mặt nước - thứ nước đen sậm, hẳn thìu bạn sẽ không bao giờ muốn thả xô múc nước ăn xuống. Thật thông minh.

Ba chúng tôi xúm lại sát nhau và nhìn quanh. Khoảng sân và ngôi nhà đã tàn tạ thê thảm vì bị bỏ bẵng lâu ngày. Cỏ mọc quanh giếng đã bị giẫm rạp xuống, nhưng ở những chỗ khác cỏ đã mọc thành từng khóm còn cao hơn cả một số khung cửa sổ dưới tầng trệt. Một cái chuồng chó mục nát đã đổ sập một phần nằm ở một góc, còn gần đó là một giàn dây phơi đồ sập xuống đang dần bị các bụi cây dại nuốt chửng.

Chúng tôi đứng đó chờ đợi, nghe ngóng động tĩnh của những con bò câu. Từ phía bên kia các bức tường của ngôi nhà, tôi có thể nghe thấy tiếng móng ngựa gõ xuống mặt đường. Không, chắc chắn đây không thể là London khoảng năm 1940.

Thế rồi ở một ô cửa sổ trên lầu, tôi thấy một tấm rèm nhúc nhích.

“Ồ trên kia!” tôi khẽ thì thầm, chỉ tay về phía đó.

Tôi không biết liệu một con chim hay một người đã làm điều đó, nhưng cũng đáng để kiểm tra. Tôi bắt đầu hướng tới một cánh cửa ra vào dẫn vào trong nhà, đang ra hiệu bảo những người còn lại đi theo thì vấp phải thứ gì đó. Một thân hình nằm dưới đất, có một tấm vải đen che kín từ đầu tới tận mắt cá chân. Một đôi giày sòn rách thò ra ở cuối tấm vải, mũi giày chĩa lên trời. Có một tấm thẻ màu trắng gài vào một nếp nứt trên đế giày, trên đó có những dòng chữ viết bằng nét nắn nót:

Ông A. F. Crumbley

Vốn người Tỉnh Ngoài

Thà già trước tuổi còn hơn bị bắt sống

Xin đề nghị để thi thể của mình được thả xuống sông Thames.

“Gã khốn khổ đen đui”, Horace thì thầm. “Ông ta từ nông thôn tới đây, có lẽ sau khi Vòng Thời Gian của chính ông ta bị tấn công - chỉ để rồi bắt

gặp cảnh Vòng Thời Gian ông ta chạy trốn tới cũng bị tấn công luôn”.

“Nhưng tại sao họ lại để ông Crumbley khốn khổ nằm phơi ra thế này?” Emma thì thào.

“Vì họ đã phải vội vã rời đi”, tôi nói.

Emma cúi xuống, đưa tay tới mép tấm vải phủ lên ông Crumbley. Tôi không muốn nhìn nhưng không thể dừng được, và tôi hơi quay mặt đi chỗ khác, song rồi lại ngó lại qua khe các ngón tay. Tôi những tưởng sẽ thấy một cái xác tàn tạ, nhưng ông Crumbley trông nguyên vẹn một cách hoàn hảo và trẻ trung đến mức đáng kinh ngạc, có lẽ chỉ khoảng bốn mươi hay năm mươi tuổi, mái tóc đen chỉ mới ngả xám quanh thái dương. Mắt ông ta nhắm nghiền, bình yên, như thể ông ta chỉ đang ngủ. Có thể nào ông ta đã thực sự già đi, giống như quả táo héo quắt tôi cầm theo từ Vòng Thời Gian của cô Peregrine.

“Này, ông chết rồi hay đang ngủ vậy?” Emma hỏi. Cô dùng ủng đá nhẹ vào tai người đàn ông, và cả bên đầu ông ta sứt xuống vụn ra thành bụi.

Emma thảng thốt há hốc miệng và buông tấm vải xuống. Crumbley đã trở thành một cái khối khô khốc mang hình dạng của ông ta, dễ nát vụn đến mức một cơn gió mạnh cũng có thể thổi ông ta tan biến.

Chúng tôi để ông Crumbley khốn khổ đang vỡ vụn lại đằng sau và đi tới chỗ cửa ra vào. Tôi cầm lấy tay nắm cửa rồi xoay. Cánh cửa mở ra, và chúng tôi bước vào một phòng giặt. Có những món đồ trông có vẻ vừa mới giặt để trong một cái hòm mây, một bảng giặt treo gọn gàng phía trên một cái chậu. Nơi này bị bỏ hoang chưa lâu lắm.

Cảm Giác ở đây vẫn còn mạnh, song chỉ là dư vị. Chúng tôi mở một cánh cửa khác và bước vào một phòng khách. Ngực tôi thắt lại. Ở đây có bằng chứng rõ ràng của một cuộc ẩu đả: đồ đạc bị lật nhào, vỡ nát, tranh ảnh bị hất rơi khỏi mặt lò sưởi, những mảng giấy dán tường bị xé bung ra thành từng dải.

Thế rồi Horace lẩm bẩm, “Ôi không”, và tôi nhìn theo ánh mắt cậu ta hướng lên phía trên, tới một vết sẫm làm đổi màu một mảng trần gần như hình tròn. Có điều gì đó khủng khiếp đã xảy ra trên lầu.

Emma nhắm nghiền mắt lại. “Chỉ nghe thôi”, cô nói. “Lắng nghe mấy con chim và đừng nghĩ về điều gì khác cả”.

Chúng tôi nhắm mắt lại và lắng nghe. Một phút trôi qua. Rồi cuối cùng một tiếng cu cu mơ hồ của một con chim bồ câu. Tôi mở mắt ra để xem âm thanh đó từ đâu tới.

Cầu thang.

Chúng tôi nhẹ nhàng leo lên cầu thang, cố không làm vang lên những tiếng cọt kẹt dưới chân mình. Tôi có thể cảm thấy tiếng tim đập thành thịch trào lên cổ họng, ở thái dương. Tôi có thể chịu đựng được những cái xác cũ kỹ mục nát. Nhưng tôi không dám chắc liệu mình có chịu nổi một cảnh tàn sát hay không.

Lối đi trên lầu ngổn ngang những mảnh vỡ. Một cánh cửa, bị rút ra khỏi bản lề, nằm gãy vụn. Phía trong khung cửa vỡ là một đồng rương hòm và tủ bị đổ lỏng chông; một nỗ lực chặn cửa bất thành.

Trong căn phòng tiếp theo, tấm thảm trắng thắm đầy máu – máu đã thấm qua sàn ngấm xuống tận trần nhà bên dưới. Nhưng chủ nhân của chỗ máu đổ ra ở đó đã biến mất từ lâu.

Cánh cửa cuối cùng trên lối đi không có dấu vết bị vũ lực tác động. Tôi cảnh giác đẩy cửa ra. Đôi mắt tôi lướt qua quanh phòng: có một tủ quần áo, một tủ ngăn kéo với những bức tượng người nhỏ được bày cẩn thận trên nóc, rèm cửa viền đăng ten phát phơ ở một ô cửa sổ. Thảm trải sàn sạch sẽ. Mọi thứ đều không bị xáo trộn.

Thế rồi đôi mắt tôi nhìn về phía chiếc giường cùng những thứ nằm trên đó, và tôi loạng choạng lùi lại tựa người vào khung cửa. Nằm dưới những tấm chăn trắng là hai người đàn ông, có vẻ đang ngủ - và giữa họ là hai bộ xương người.

“Bị già đi”, Horace nói, hai bàn tay run rẩy đưa lên cổ. “Hai người trong số họ già đi nhanh hơn đáng kể so với những người khác”.

Những người đàn ông trông có vẻ đang ngủ cũng đã chết như ông Crumbley dưới sân, Horace nói, và nếu chúng tôi chạm vào họ, họ cũng sẽ vụn nát ra tương tự.

“Họ đã từ bỏ”, Emma thì thầm. “Họ đã phát chán với việc chạy trốn và bỏ cuộc”. Cô nhìn họ với thái độ thương hại pha lẫn ghê tởm.

Cô nghĩ họ yếu đuối và hèn nhát – nghĩ rằng họ đã chọn cách dễ dàng. Song tôi không dừng được tầm nghĩ liệu có phải những người đặc biệt này chỉ đơn giản là biết nhiều hơn chúng tôi về những gì đám xác sống đã làm với những người bị chúng bắt. Rất có thể nếu biết chúng tôi cũng đã lựa chọn cái chết.

Chúng tôi dạt ra ngoài lối đi. Tôi cảm thấy chóng mặt, buồn nôn, và tôi muốn ra khỏi ngôi nhà này – song chúng tôi chưa thể rời đi được. Vẫn còn một cầu thang cuối cùng cần leo lên.

Ở trên đầu cầu thang, chúng tôi tìm thấy một chiếu nghỉ bị hư hại ám khói. Tôi hình dung ra những người đặc biệt chống đỡ được đợt tấn công đầu tiên vào ngôi nhà này đã tập trung tại đây để làm nơi chống cự cuối cùng. Có thể họ đã tìm cách dùng lửa để chống lại những kẻ biến chất - hoặc có thể chính chúng đã tìm cách dùng khói hun họ. Dù là thế nào đi nữa, có vẻ như ngôi nhà thiếu chút nữa đã bị đốt trụi.

Chui qua một khung cửa thấp, chúng tôi bước vào tầng áp mái chật chội có tường dộc thoai thoải. Mọi thứ đều đã cháy đen. Lửa đã tạo ra những lỗ thủng toang hoác trên mái nhà.

Emma thúc Horace: “Chúng ở đâu đó quanh đây”, cô khẽ nói. “Hãy sử dụng phép màu của cậu đi, chàng bắt chim”.

Horace nhón chân bước tới giữa phòng và réo rất gọi, “Ồ đầầầyyy, bò câu, bò câu, bò câu...”.

Thế rồi, từ sau lưng mình, chúng tôi nghe thấy một tiếng đập cánh và một tiếng gù gù bị bóp nghẹt. Quay lại, chúng tôi thấy không phải một con bò câu mà là một cô gái mặc váy đen, thấp thoáng chìm lẫn vào bóng tối.

“Đây là thứ các người tìm kiếm hả?” cô gái nói, giơ một cánh tay ra một luồng sáng mặt trời. Con bò câu quằn quại trong bàn tay cô ta, vùng vẫy cố thoát ra.

“Phải!” Emma nói. “Ồn Chúa là cậu đã bắt được nó!”. Cô bước về phía cô gái kia, hai bàn tay chìa ra để đón lấy con bò câu, song cô gái quát lớn,

“Dừng lại đó!” rồi búng ngón tay. Một tấm thảm trải sàn cháy đen bay vụt lên từ dưới chân Emma, lơ lửng theo hai bàn chân cô, làm cô ngã vật ra sàn.

Tôi lao vội tới chỗ Emma. “Bạn không sao chứ?”.

“Quý gói xuống!” cô gái gất lên với tôi. “Đặt hai bàn tay mày lên đầu!”.

“Tớ không sao”, Emma nói. “Làm như cô ta nói đi. Cô ta có thể dịch chuyển đồ vật từ xa và rõ ràng thần kinh không được ổn định lắm”.

Tôi quý xuống cạnh Emma và đặt hai bàn tay ra sau gáy.

Emma cũng làm tương tự. Horace, run lẩy bẩy và lặng thinh, nặng nề ngồi xuống và chống hai lòng bàn tay xuống sàn.

“Chúng tôi không định làm hại gì cậu cả”, Emma nói. “Chúng tôi chỉ đuổi theo con bò câu thôi”.

“À, tao biết chính xác chúng mày đang đuổi theo cái gì”, cô gái đáp kèm theo tiếng cười khinh bỉ. “Loại chúng mày không bao giờ chịu bỏ cuộc, phải không nào?”.

“Loại chúng tôi ư?” tôi nói.

“Bỏ vũ khí xuống và hát chúng tôi đây!” cô gái gắt gỏng.

“Chúng tôi chẳng có vũ khí nào cả”, Emma bình thản nói, cố hết sức để không làm cô gái nổi nóng hơn nữa.

“Chuyện này sẽ dễ dàng hơn cho chúng mày nếu chúng mày không coi tao là đồ ngốc!” cô gái la lên. “Chúng mày yếu ớt và chẳng có sức mạnh nào của chính mình, vì thế chúng mày trông cậy vào súng và những thứ vũ khí khác. Giờ hãy để chúng xuống sàn!”.

Emma quay đầu lại và thì thầm, “Cô ấy nghĩ bọn mình là xác sống!”.

Tôi gằn như bật cười thành tiếng. “Chúng tôi không phải là xác sống. Chúng tôi là người *đặc biệt!*”.

“Chúng mày không phải là những kẻ mất trắng đục đầu tiên tới đây săn bò câu”, cô gái nói, “cũng không phải là những kẻ đầu tiên tìm cách đóng giả những đứa trẻ đặc biệt. Và cũng không phải là những kẻ đầu tiên tao giết! Giờ hãy bỏ vũ khí của chúng mày xuống sàn trước khi tao vặn cổ con bò câu này - rồi sau đó vặn cổ chúng mày!”.

“Nhưng chúng tôi không phải là xác sống!” tôi khẳng khẳng. “Hãy nhìn đồng tử trên mắt chúng tôi nếu cậu không tin chúng tôi!”.

“Mắt chúng mày chẳng có ý nghĩa gì cả!” cô gái nói. “Kính giả áp tròng là trò lừa bịp xưa nhất trong sách – và tin tao đi, tao biết tất cả những trò đó!”.

Cô gái bước một bước về phía chúng tôi, và đi vào vùng ánh sáng. Căm thù hiện rõ trên mắt cô. Cô gái trông chẳng khác gì một cậu con trai, ngoại

trừ chiếc váy, với mái tóc ngắn và bộ hàm khỏe mạnh. Ánh mắt cô đờ đẫn vô hồn như một người đã nhiều ngày không ngủ; một người lúc này đang làm mọi việc dựa vào bản năng và sự kích động. Một người ở tình trạng đó sẽ không thể tử tế với chúng tôi, và cũng không kiên nhẫn.

“Chúng tôi là những người đặc biệt, tôi xin thề!” Emma nói. “Đợi đã... tôi sẽ cho cậu thấy!”. Cô đưa một bàn tay ra khỏi đầu và chuẩn bị phát lửa thì một trực cảm đột ngột làm tôi chộp lấy cổ tay cô.

“Nếu có hòn rỗng gần đây, chúng sẽ cảm thấy ngọn lửa đó”, tôi nói. “Tớ nghĩ chúng có thể cảm nhận được chúng ta giống như cách tớ cảm thấy chúng, nhưng sẽ dễ dàng hơn nhiều cho chúng khi chúng ta dùng đến năng lực của mình. Điều đó cũng giống như kích hoạt chuông báo động vậy”.

“Nhưng cậu đang sử dụng năng lực của cậu”, cô bực bội nói. “Và cô ta cũng đang dùng năng lực của mình!”.

“Năng lực của tớ thụ động”, tôi nói. “Tớ không thể tắt nó đi được, vì thế nó không để lại nhiều dấu vết. Còn về cô ta, có thể chúng đã biết cô ta ở đây rồi. Có thể cô ta không phải là thứ chúng muốn”.

“Thật tiện lợi làm sao!” cô gái nói với tôi. “Và mày định nói đó là năng lực của mày sao? Cảm nhận thấy các sinh vật của bóng tối?”.

“Cậu ấy có thể nhìn thấy chúng nữa”, Emma nói. “Và giết chúng”.

“Các người cần bịa ra những lời dối trá khác hơn”, cô gái nói. “Không ai dù chỉ có nửa bộ não lại mắc lừa mấy lời vừa rồi”.

Đúng lúc chúng tôi đang nói về năng lực của tôi, một Cảm Giác mới lại bùng lên thật đau đớn bên trong tôi. Tôi không còn chỉ cảm nhận thấy dư vị còn lại của một con hòn rỗng, mà sự hiện diện thực sự của một trong số chúng.

“Có một gã gần đây”, tôi nói với Emma. “Chúng ta cần rời khỏi đây”.

“Không đâu, nếu không có con chim”.

Cô gái bắt đầu băng qua phòng về phía chúng tôi. “Đã đến lúc bắt đầu”, cô gái nói. “Tao đã cho chúng mày quá đủ cơ hội để chứng minh bản thân. Dù sao đi nữa, tao bắt đầu thấy thích giết chúng mày. Sau những gì chúng

mày đã làm với các bạn tao, có vẻ như tao thấy điều đó bao nhiêu cũng không đủ!”.

Cô gái dừng lại cách chúng tôi vài bước chân và giơ bàn tay còn tự do của mình lên, có lẽ để chuẩn bị kéo phần còn lại của mái nhà đổ ụp xuống đầu chúng tôi. Nếu như chúng tôi cần có hành động nào đó, thì nó phải được thực hiện ngay lúc này.

Đang quỳ phục, tôi bật dậy, lao hai cánh tay ra trước và đâm sầm vào cô gái, hất cô ta ngã lăn ra sàn. Cô gái hét lên trong cơn ngạc nhiên đầy tức giận. Tôi ấn nắm tay mình vào lòng bàn tay còn tự do của cô gái, để cô ta không thể khép các ngón tay lại được. Cô gái buông rời con chim ra, và Emma chớp lấy nó.

Rồi Emma và tôi đứng dậy, hồi hải lao về phía cánh cửa đang mở. Horace vẫn còn choáng váng ngồi đờ ra dưới sàn. “Đứng dậy chạy mau!” Emma quát cậu ta.

Tôi đang cầm lấy cánh tay Horace kéo cậu ta dậy thì cánh cửa đóng sầm lại trước mặt tôi và một chiếc tủ cháy sém bay bổng lên khỏi góc phòng và lao vút qua phòng. Cạnh tủ nện vào đầu tôi, làm tôi ngã vật ra, kéo theo Emma cùng ngã xuống.

Cô gái nọ đang nổi điên, la lối ầm ĩ. Tôi tin chắc chúng tôi chỉ còn vài giây để sống. Thế rồi Horace đứng dậy và lấy hết sức hét to:

“Melina Manon!”.

Cô gái cứng người lại. “Mày vừa nói gì?”.

“Tên cô là Melina Manon”, cậu ta nói. “Cô sinh ra tại Luxembourg năm 1899. Cô tới sống với cô Thrush (*) năm mười sáu tuổi, và đã ở đây suốt từ hồi đó”.

() Chim hét.*

Horace đã làm cô gái bất ngờ. Cô ta cau mày, sau đó vung bàn tay thành một đường vòng cung. Cái tủ vừa thiếu chút nữa đập tôi ngất xỉu bay đi trong không trung rồi dừng lại, lơ lửng ngay trên đầu Horace. Nếu cô gái để nó rơi xuống, cái tủ sẽ đè nát cậu ta. “Mày chuẩn bị kỹ lắm”, cô gái nói, “nhưng bất cứ gã xác sống nào cũng có thể biết tên và nơi sinh của tao. Thật

không may cho mày, tao không còn thấy những trò lừa gạt của chúng mày thú vị nữa”.

Dẫu vậy, trông cô gái có vẻ chưa sẵn sàng giết cậu ta.

“Bố cô là một nhân viên ngân hàng”, Horace hồi hả nói thật nhanh. “Mẹ cô rất đẹp nhưng sắc mùi hành, một tình trạng suốt đời bà ấy không thể làm gì để trị cho hết được”.

Cái tủ lắc lư trên đầu Horace. Cô gái nhìn cậu ta chăm chăm, đôi lông mày nhíu lại, bàn tay giơ lên trên không.

“Năm lên bảy, cô thích mê một con ngựa Ả Rập”, Horace nói tiếp. “Bố mẹ cô không có điều kiện mua một con vật xa xỉ như vậy, thay vì thế họ mua cho cô một con lừa. Cô đặt tên cho nó là Habib, có nghĩa là *yêu quý*. Và cô thực sự yêu quý nó”.

Miệng cô gái há hốc ra.

Horace nói tiếp.

“Mười ba tuổi cô nhận ra mình có thể điều khiển các đồ vật chỉ bằng cách sử dụng ý nghĩ. Cô bắt đầu với những món đồ nhỏ, kẹp giấy hay tiền xu, rồi sau đó là những thứ ngày càng lớn hơn. Nhưng cô không bao giờ dùng ý nghĩ nhắc Habib lên được, vì năng lực của cô không có tác dụng trên sinh vật. Khi gia đình cô chuyển nhà, cô nghĩ năng lực đó đã hoàn toàn biến mất, vì cô không còn có thể di chuyển được bất cứ cái gì nữa. Nhưng đó chỉ là vì cô chưa biết rõ ngôi nhà mới. Một khi đã quen thuộc với nó, ghi nhớ nó trong đầu, cô có thể di chuyển các đồ vật trong nhà”.

“Làm thế nào cậu biết được tất cả những chuyện đó?” Melina hỏi, thẳng thốt nhìn cậu ta.

“Vì tôi nằm mơ về cô”, Horace nói. “Đó là điều tôi có thể làm”.

“Chúa ơi”, cô gái thốt lên, “cậu là người đặc biệt”.

Rồi cái tủ nhẹ nhàng hạ xuống sàn.

Tôi loạng choạng đứng dậy, chỗ đầu bị cái tủ đập trúng đau rần rật.

“Cậu chảy máu kìa!” Emma kêu lên, bật dậy để xem xét vết thương của tôi.

“Tớ không sao, tớ không sao”, tôi nói, né tránh khỏi cô. Cảm Giác đang biến chuyển trong người tôi, và bị chạm vào trong lúc đó khiến cho việc giải đoán nó trở nên khó hơn do tiến trình bị gián đoạn.

“Xin lỗi về cái đầu của cậu”, Melina Manon nói. “Tớ nghĩ mình là người đặc biệt duy nhất còn sót lại!”.

“Có cả một nhóm chúng tớ dưới cái giếng của cậu, trong đường hầm của hầm mộ”, Emma nói.

“Thật sao?” mặt Melina sáng lên. “Thế thì vẫn còn hy vọng!”.

“Tùng có đây”, Horace nói. “Nhưng nó vừa bay qua cái lỗ trên mái nhà của cậu rồi”.

“Ý cậu là...Winnifred sao?” Melina đưa hai ngón tay vào miệng và thổi sáo. Một khoảnh khắc sau, con bò câu xuất hiện, bay xuống qua lỗ thủng và đậu lên vai cô gái.

“Kỳ diệu!” Horace thốt lên và vỗ tay. “Sao cậu làm vậy được?”.

“Winnie là bạn thân của tớ”, Melina nói. “Ngoan ngoãn như một con mèo nhà vậy”.

Tôi lấy mu bàn tay chùi bớt máu trên trán, rồi chọn cách mặc kệ cảm giác đau. Giờ không phải lúc để đau. Tôi nói với cô gái, “Cậu có nói là bọn xác sống từng tới đây săn lùng những con bò câu”.

Melina gật đầu. “Chúng và đám quái vật của chúng tới đây ba đêm trước. Bao vây nơi này, bắt cô Thrush cùng một nửa học viên tại đây, sau đó đốt nhà. Tớ nấp trên mái. Kể từ lúc đó, ngày nào bọn xác sống cũng quay lại từng nhóm nhỏ săn lùng Winnifred và bạn bè của nó”.

“Và cậu đã giết chúng?” Emma hỏi.

Melina nhìn xuống sàn. “Tớ đã nói vậy, đúng không nào?”.

Cô quá kiêu hãnh để thừa nhận mình đã nói dối. Cũng chẳng quan trọng.

“Vậy thì không phải chỉ có chúng ta tìm kiếm cô Wren”, Emma nói.

“Nghĩa là bà ấy vẫn còn tự do”, tôi nói.

“Có thể”, Emma nói. “Có thể”.

“Chúng tớ nghĩ con bồ câu có thể giúp được chúng ta”, tôi nói. “Chúng ta cần tìm cô Wren, và bọn tớ nghĩ con chim biết cách”.

“Tớ chưa bao giờ nghe nói tới cô Wren nào cả”, Melina nói. “Tớ chỉ cho Winnie ăn khi nó tới sân nhà chúng tớ. Tớ và nó là bạn. Phải không nào, Winnie?”.

Con chim gù gù đầy hạnh phúc trên vai cô gái.

Emma tới gần Melina và nói với con bồ câu. “Bạn biết cô Wren chứ?” cô nói to thành tiếng. “Bạn có thể giúp chúng tôi tìm bà ấy không? *Cô Wren ấy?*”.

Con chim bay lên khỏi vai Melina, rồi vỗ cánh vút qua phòng về phía cửa. Nó kêu cu cu và vỗ cánh, rồi bay trở lại.

Đường này, con bồ câu dường như nói vậy.

Chùng đó là đủ bằng chứng với tôi. “Chúng ta cần mang con chim theo”, tôi nói.

“Không đâu, nếu không có tớ”, Melina nói. “Nếu Winnie biết cách tìm ra bà Chủ Vòng này thì tớ cũng sẽ đi cùng”.

“Không phải là ý tưởng hay đâu”, Horace nói. “Chúng tớ đang thực hiện một sứ mệnh nguy hiểm, cậu thấy đấy...”.

Emma cắt ngang cậu ta. “Giao con chim cho chúng tớ. Chúng tớ sẽ quay lại tìm cậu, tớ hứa đấy”.

Một cơn đau đột ngột dội lên làm tôi thở dốc và cúi gập người lại.

Emma vội lao tới bên tôi. “Jacob! Cậu không sao chứ?”.

Tôi không thể nói. Thay vì thế, tôi loạng choạng tới bên cửa sổ, gồng mình đứng thẳng người lên, hướng Cảm Giác của tôi ra ngoài, về phía mái vòm Nhà thờ Lớn nhô lên trên các mái nhà chỉ cách đó có vài khối nhà, rồi xuống dưới đường, nơi những cỗ xe ngựa lọc cọc chạy qua.

Phải, ở đó. Tôi có thể cảm thấy chúng đang tới gần từ một phố nhánh cách nơi này không xa.

Chúng. Không phải một con hồn rỗng, mà là hai.

“Chúng ta phải đi thôi”, tôi nói. “Ngay bây giờ”.

“Làm ơn nào”, Horace nài nỉ cô gái. “Bọn tớ *nhất định* phải có con bò câu!”.

Melina bật ngón tay, và cái tủ thiếu chút nữa đã giết tôi lại bay lên khỏi sàn. “Tớ không cho phép điều đó”, cô gái nói, nheo mắt lại và hướng về phía cái tủ chỉ để đảm bảo chúng tôi hiểu nhau. “Nhưng nếu cho tớ đi cùng, các cậu sẽ có luôn cả Winnie. Nếu không...”.

Cái tủ xoay tròn trên một cái chân bằng gỗ, rồi nghiêng đi và rơi rầm xuống một bên.

“Được rồi”, Emma nói qua hai hàm răng nghiến chặt. “Nhưng nếu cậu làm bọn tớ chậm lại, chúng tớ sẽ lấy con chim và bỏ cậu lại sau”.

Melina cười gằn, rồi với một cái vẫy tay của cô, cánh cửa bật mở.

“Muốn sao cũng được”.

Chúng tôi lao xuống cầu thang nhanh đến mức dường như bàn chân chúng tôi không chạm vào các bậc thang. Trong hai mươi giây, chúng tôi đã quay trở lại dưới sân, bước qua ông Crumbley quá cố, rồi chui xuống giếng. Tôi dẫn đầu, đập xuống cái nắp giả đáy giếng thay vì mất thời gian kéo nó trượt mở ra. Cái nắp vỡ tan, rời ra khỏi các bản lề và rơi xuống tung ra từng mảnh. “Mọi người ở dưới cẩn thận!” tôi gọi, rồi tuột mất chỗ bám trên những chỗ đặt chân bằng đá ướt và loạng choạng ngã nhào vào bóng tối.

Hai cánh tay mạnh mẽ bắt lấy tôi – chính là Bronwyn - rồi đặt chân tôi xuống sàn. Tôi cảm ơn cô, tim đập thành thành.

“Có chuyện gì trên đó vậy?” Bronwyn hỏi. “Các cậu có bắt được con bò câu không?”.

“Chúng tớ có nó rồi”, tôi nói trong khi Emma và Horace xuống tới nơi, và một tiếng hoan hô vang lên từ những người bạn của chúng tôi. “Đó là Melina”, tôi nói, chỉ vào cô gái, và đó là tất cả thời gian dành cho việc giới thiệu. Melina vẫn ở trên đỉnh dãy bậc thang, bận rộn với thứ gì đó. “Xuống đi nào!” tôi gọi lớn. “Cậu đang làm gì thế?”.

“Câu giờ cho chúng ta!” cô gái lớn tiếng trả lời, rồi kéo một cái nắp gỗ đậy trên miệng giếng cho nó kín lại, rồi khóa, che kín nốt nhưng tia sáng cuối cùng. Trong lúc cô gái leo xuống trong bóng tối, tôi giơ thích về mấy con hồn rỗng đang sẵn lòng chúng tôi. Trong cơn hốt hoảng của tôi, lời giải thích biến thành, “ĐI NGAY CHẠY HỒN RỖNG NGAY”, một thông điệp rất hiệu quả dù không được rõ ràng cho lắm, và khiến mọi người hoảng loạn cả lên.

“Làm sao chúng ta chạy được nếu không nhìn thấy gì cả!” Enoch la lên. “Thấp lửa lên, Emma!”.

Cô đã không thấp lửa vì những gì tôi cảnh báo trên tầng áp mái.

Lúc này có vẻ là thời điểm phù hợp để củng cố lại lời nhắc nhở đó, tôi liền nắm lấy cánh tay cô và nói, “Đừng! Chúng có thể dễ dàng phát hiện chính xác chỗ chúng ta!”. Tôi nghĩ hy vọng lớn nhất của chúng tôi là làm chúng lạc đường trong mê cung đường hầm như mạng nhện này.

“Nhưng chúng ta không thể cứ chạy bừa trong bóng tối được!” Emma nói.

“Tất nhiên”, cậu bé có khả năng định vị bằng tiếng vọng bé hơn nói.

“Chúng tớ có thể”, cậu lớn hơn nói.

Melina quờ quạng đi tới chỗ giọng nói của họ vang lên. “Các chàng trai! Các cậu còn sống! Là tớ đây, Melina đây!”.

Joel-và-Peter nói:

“Bọn tớ cứ nghĩ các cậu đã...?”.

“Chết hết...”.

“Đến người cuối cùng rồi”.

“Tất cả mọi người nắm lấy tay nhau nào!” Melina nói. “Để hai cậu ấy dẫn đường!”.

Vậy là tôi nắm lấy tay Melina trong bóng tối, còn Emma nắm lấy tay tôi, rồi cô tìm tay Bronwyn, và cứ như thế cho tới khi chúng tôi tạo thành một chuỗi người, hai anh em trai mù dẫn đầu. Rồi Emma phát lệnh, hai cậu bé bắt đầu chạy từ tốn, kéo chúng tôi lao sâu vào bóng tối.

Chúng tôi rẽ trái. Giẫm bì bõm qua những vũng nước đọng. Rồi từ đường hầm phía sau lưng chúng tôi vọng tới tiếng đổ vỡ, ám chỉ một điều duy nhất: mấy con hồn rỗng đã đập vỡ nắp giếng.

“Chúng chui vào rồi!” tôi kêu lên.

Tôi gần như có thể cảm thấy chúng đang thu người lại, loay hoay chui xuống lòng giếng. Một khi đã xuống được tới dưới đường hầm bằng phẳng và chạy được, chúng sẽ nhanh chóng đuổi kịp chúng tôi. Chúng tôi mới chỉ qua một nhánh rẽ trong hệ thống đường hầm – chưa đủ để đánh lạc hướng chúng. Còn xa mới gần đủ.

Và cũng chính vì thế những lời Millard nói ngay sau đó với tôi nghe đúng là mất trí, “Dừng lại! Mọi người dừng lại!”.

Hai cậu bé mù nghe theo cậu ta. Chúng tôi dòn dỗng lại sau lưng họ, vấp chân và vội vã dừng lại.

“Có chuyện quái quỷ gì với cậu thế?” tôi la lên. “*Chạy mau!*”.

“Rất xin lỗi”, Millard nói, “nhưng tớ vừa chợt nghĩ ra - một trong số chúng ta sẽ phải đi qua lối ra khỏi Vòng trước khi hai anh bạn định vị bằng tiếng vọng đây hay cô bạn kia đi qua, nếu không họ sẽ quay trở ra hiện tại còn chúng ta thì tới năm 1940, và chúng ta sẽ bị tách rời khỏi nhau. Để họ đi cùng chúng ta tới năm 1940, một người trong *chúng ta* cần phải đi đầu tiên và mở đường”.

“Các cậu không phải từ hiện tại tới sao?” Melina lúng túng hỏi.

“Từ năm 1940, như cậu ấy nói”, Emma đáp. “Nhưng ngoài đó bom đang rơi như mưa. Cậu có thể sẽ muốn ở lại đây”.

“Nấn gân hay lắm”, Melina nói, “các cậu không rũ bỏ được tớ dễ dàng thế đâu. Ở hiện tại chắc còn tồi tệ hơn – xác sống nhan nhản khắp nơi! Đó

là lý do vì sao tớ không bao giờ rời khỏi Vòng Thời Gian của cô Thrush”.

Emma bước tới trước và kéo tôi đi theo. “Được rồi! Chúng mình sẽ đi đầu tiên!”.

Tôi giơ cánh tay còn tự do quờ quạng như một kẻ mù lòa trong bóng tối. “Nhưng tớ chẳng nhìn thấy gì cả!”.

Cậu bé định vị bằng tiếng vọng lớn hơn nói, “Chỉ cách phía trước có hai mươi bước thôi, cậu...”.

“Không thể nhầm được”, cậu nhỏ hơn nói.

Thế là chúng tôi khó nhọc bước về phía trước, đưa tay ra quờ quạng. Chân đá phải thứ gì đó làm tôi vấp loạng choạng. Vai trái tôi cọ vào tường.

“Đi cho thẳng nào!” Emma nói, kéo tôi sang phải.

Bụng tôi quặn lên. Tôi có thể cảm nhận được: mấy con hồn rỗng đang chui xuống giếng. Lúc này đây, cho dù chúng không thể cảm nhận thấy chúng tôi, vẫn còn năm mươi phần trăm khả năng chúng chọn đúng ngã rẽ trong đường hầm và tìm ra chúng tôi.

Không còn thời gian để dò dẫm loanh quanh nữa. Chúng tôi phải chạy.

“Khỉ thật”, tôi nói. “Emma, cho tớ chút ánh sáng nào!”.

“Rất vui lòng!”. Cô buông bàn tay tôi ra và tạo nên một ngọn lửa lớn đến mức tôi cảm thấy tóc bên phải đầu mình bị cháy sém.

Tôi nhìn thấy điểm chuyển tiếp ngay lập tức. Nó ở trước mắt chúng tôi, được đánh dấu bằng một đường thẳng đứng vạch trên vách đường hầm. Chúng tôi đồng loạt chạy ào về phía nó.

Vào khoảnh khắc chúng tôi băng qua bên đường vạch, tôi cảm thấy áp lực trong tai. Chúng tôi đã trở lại năm 1940.

Chúng tôi hối hả chạy qua các hầm mộ, ngọn lửa Emma hắt những cái bóng ma quái lên các bức tường, hai cậu bé mù tặc lưỡi thật lớn tiếng và hô to “Trái!” hoặc “Phải!” mỗi khi chúng tôi tới các ngã rẽ trong đường hầm.

Chúng tôi chạy qua những chồng quan tài, những đống hài cốt chất cao. Cuối cùng, chúng tôi quay lại chỗ đầu cụt và chiếc thang dẫn lên hầm mộ.

Tôi đẩy Horace lên trước mình, rồi Enoch, sau đó đến lượt Olive cởi giày ra và bay bổng lên.

“Chúng ta chậm quá!” tôi hét to.

Phía dưới lối đi, tôi có thể cảm thấy chúng đang tới. Có thể nghe thấy những cái lưỡi của chúng đập xuống sàn đá, kéo chúng tới trước. Có thể hình dung ra hàm chúng bắt đầu chảy ra thứ chất nhớt đen sì vì háo hức trước con mồi chúng sắp được giết.

Rồi tôi nhìn thấy chúng. Một chuyển động mơ hồ trong bóng tối phía xa.

Tôi hét to, “Đi!” và lao tới cái thang, là người leo lên cuối cùng. Khi tôi gần lên tới đỉnh, Bronwyn chìa tay xuống kéo tôi lên khỏi mấy nấc thang cuối cùng, và rồi tôi đã ở trong hầm mộ cùng tất cả những người khác.

Vừa rên to thành tiếng, Bronwyn vừa nhấc tấm nắp đá đậy trên mộ Christopher Wren lên và thả nó xuống chỗ cũ. Chưa tới hai giây sau, một thứ gì đó đập thật mạnh vào mặt dưới tấm đá, làm tấm nắp đá nặng trĩu bị nâng lên. Nó sẽ không cầm chân được đám hồn rỗng lâu - nhất là khi có tới hai gã.

Chúng đang ở rất gần. Các tín hiệu báo động vang lên gấp gáp trong tôi, bụng tôi đau quặn như uống phải a xít. Chúng tôi lao vùn vụt lên cầu thang xoáy tròn ốc và trở ra giáo đường. Lúc này bên trong nhà thờ tối om, thứ ánh sáng duy nhất là một quầng sáng kỳ lạ màu cam hắt vào qua các khung cửa sổ với lớp kính ó bản. Trong giây lát tôi nghĩ đó là những tia sáng cuối cùng của hoàng hôn, nhưng rồi sau đó, khi chúng tôi chạy về phía lối ra, tôi thoáng thấy bầu trời qua mái nhà thủng vỡ.

Đêm đã buông xuống. Bom vẫn rơi, nô lực bực như những nhịp tim đập không đều.

Chúng tôi chạy ra ngoài.

Chương 10

Chúng tôi sững lại kinh hoàng trên các bậc thềm Nhà thờ Lớn, từ nơi này, có vẻ như cả thành phố đã bắt lửa. Bầu trời là một vàng lửa màu da cam đủ sáng để có thể đọc sách. Quảng trường nơi chúng tôi đã săn đuổi lũ bò câu biến thành một cái hố sâu bốc khói nghi ngút khoét sâu xuống mặt

đá lát. Những tiếng còi âm ỉ vang lên như một giọng ca nữ cao, làm đối trọng với tông trầm của những quả bom liên tục nổ, âm vực của chúng giống tiếng người một cách quái gở, nghe như thể tất cả các linh hồn tại London đã leo lên nóc nhà của họ cùng gào thét lên nỗi tuyệt vọng chung. Rồi nỗi kinh hoàng nhường chỗ cho sợ hãi và sự khẩn cấp của việc bảo tồn sinh mạng, và chúng tôi vội vã chạy từ các bậc cấp ngồn ngang mảnh đổ vỡ xuống phố - băng qua quảng trường bị phá hủy, vòng qua một chiếc xe buýt hai tầng trông như thể đã bị bóp nát trong nắm tay một người khổng lồ giận dữ - chạy đến đâu tôi không biết, cũng chẳng quan tâm, miễn là xa khỏi cái Cảm Giác đang dần trở nên mạnh hơn, kinh khủng hơn trong tôi sau mỗi khoảnh khắc trôi qua.

Tôi ngoái lại nhìn cô gái có khả năng điều khiển bằng ý nghĩ, lúc ấy đang cầm tay hai anh em mù lòa đi trong khi hai cậu bé vẫn tiếp tục tặc lưỡi. Tôi định bảo cô thả cho hai con bồ câu bay đi để chúng tôi có thể theo sau nó – nhưng tìm được cô Wren vào lúc này liệu có ích gì, trong lúc đám hồn rỗng đang truy đuổi chúng tôi? Chúng tôi sẽ tới chỗ bà chỉ để rồi bị giết trước cửa nhà bà, và đẩy cả tính mạng của bà vào vòng nguy hiểm. Không, trước hết chúng tôi cần đánh lạc hướng đám hồn rỗng đã. Hay tốt hơn là giết chúng.

Một người đàn ông đội mũ sắt thò đầu ra khỏi một khung cửa và la lớn, “Các cháu nên tìm chỗ ẩn nấp đi!” rồi lại rút vào bên trong.

Hắn rồi, tôi nghĩ, nhưng nấp đâu bây giờ? Chúng tôi có thể ẩn nấp trong các đồng đồ nát và cảnh hỗn loạn xung quanh mình, và với quá nhiều tiếng ồn và biến cố gây phân tâm ở khắp nơi, lũ hồn rỗng sẽ không tìm thấy chúng tôi. Song chúng tôi vẫn ở quá gần chúng, dấu vết của chúng tôi vẫn còn quá mới. Tôi cảnh báo các bạn mình không được dùng đến năng lực đặc biệt trong bất cứ hoàn cảnh nào, rồi Emma và tôi dẫn họ đi vòng vèo qua các con phố, hy vọng làm vậy sẽ khiến việc lần theo chúng tôi khó khăn hơn.

Dẫu vậy, tôi vẫn cảm thấy chúng đang tới. Lúc này chúng đã ra ngoài không gian mở, ra khỏi nhà thờ, lừa theo chúng tôi, vô hình với tất cả ngoại trừ tôi. Tôi tự hỏi đến cả tôi liệu cũng có thể thấy chúng ở đây, trong bóng tối được không: những sinh vật của bóng tối trong một thành phố chìm trong bóng tối.

Chúng tôi chạy cho tới khi phổi tôi bỏng rát. Cho tới khi Olive không thể bắt kịp chúng tôi nữa, và Bronwyn phải bế cô bé. Chúng tôi lao qua những dãy dài các ô cửa sổ tối đen mở trùng trùng như những con mắt không mi. Qua một thư viện trúng bom lửa tã tro và giấy cháy đang rơi xuống. Qua một nghĩa địa bị trúng bom, những cư dân London đã bị lãng quên từ lâu, bị đào lên rồi ném lên các thân cây, nhăn nhó cười trong bộ áo liệm đã mục nát. Một cái đu vạn vẹo méo mó nằm giữa một sân chơi biến thành hố bom. Những cảnh tượng kinh hoàng cứ chồng chất lên nhau, không thể nào hiểu nổi, những chiếc máy bay ném bom thỉnh thoảng lại thả pháo để soi sáng tất cả với thứ ánh sáng trắng thuần khiết, chói lòa như cả nghìn chiếc đèn flash máy ảnh cùng lóe lên. Như thể để nói: *Nhìn đi. Hãy nhìn những gì chúng ta tạo ra.*

Những cơn ác mộng trở thành hiện thực, tất cả chúng. Như chính lũ hồn rỗng.

Đừng nhìn đừng nhìn đừng nhìn...

Tôi thấy ghen tị với hai anh em mù, họ được bước đi trong một khung cảnh mà nhân từ thay không chứa đựng chi tiết nào; một thế giới dưới dạng mạng lưới. Trong một thoáng, tôi tự hỏi liệu những giấc mơ của họ ra sao – nếu như quả thực họ có mơ.

Emma chạy bên cạnh tôi, mái tóc lượn sóng dính đầy bụi bay phàn phật sau lưng. “Mọi người đều kiệt sức rồi,” cô nói. “Chúng ta không thể tiếp tục thế này được!”

Cô có lý. Thậm chí cả người khỏe nhất trong chúng tôi giờ cũng đang loạng choạng, và chẳng mấy chốc nữa đám hồn rỗng sẽ bắt kịp chúng tôi, và chúng tôi sẽ phải đối diện với chúng giữa phố. Sẽ là một cuộc tắm máu. Chúng tôi cần tìm nơi ẩn náu.

Tôi dẫn cả bọn về phía một dãy nhà. Vì đám phi công máy bay ném bom nhiều khả năng sẽ nhắm vào một ngôi nhà sáng đèn vui vẻ hơn là một ngôi nhà khác lờ mờ trong bóng tối, tất cả các nhà đều tắt đèn tối om – tất cả đèn thấp sáng trên cửa ra vào đều tối, mọi ô cửa sổ đều đen kịt. Một ngôi nhà không có ai sẽ là nơi an toàn nhất cho chúng tôi, nhưng khi tắt đèn tối om thế này, chẳng thể nào biết được nhà nào có người ở, nhà nào không. Chúng tôi sẽ phải chọn ngẫu nhiên một nhà.

Tôi dừng mọi người lại trên đường.

“Cậu làm gì thế?” Emma nói, thở hắt hắt lấy hơi. “Cậu điên à?”

“Có thể lắm,” tôi nói, rồi tôi nắm lấy Horace, đưa tay chỉ về phía dãy nhà, rồi nói, “Chọn đi.”

“Cái gì?” cậu ta hỏi. “Sao lại là tớ?”

“Vì tớ tin tưởng vào lựa chọn ngẫu nhiên của cậu hơn của chính tớ.”

“Nhưng tớ chưa bao giờ mơ về chỗ này cả!” cậu ta phản đối.

“Có khi cậu mơ rồi mà không nhớ đấy,” tôi nói. “Chọn đi.”

Hiểu ra không có cách nào chối được, cậu ta khó nhọc nuốt khan, nhắm mắt lại trong một giây, rồi quay người chỉ vào một ngôi nhà phía sau chúng tôi. “Nhà kia.”

“Tại sao?” tôi hỏi.

“Vì cậu bắt tớ chọn!” Horace cáu kỉnh nói.

Đâm lao thì phải theo lao.

Cửa trước bị khóa. Không vấn đề gì: Bronwyn bẻ gãy tay nắm cửa và ném nó ra ngoài phố, cánh cửa tự động kèn kẹt mở ra. Chúng tôi đi vào một lối đi tối om, hai bên treo những dãy ảnh gia đình, những khuôn mặt không tài nào nhìn rõ được. Bronwyn đóng cửa lại và chặn bằng một cái bàn cô tìm thấy trên lối đi.

“Ai đó?” một giọng nói từ sâu hơn bên trong ngôi nhà vang lên.

Chết tiệt. Nhà này không chỉ có chúng tôi. “Đáng lẽ cậu phải chọn một ngôi nhà *không người ở* chứ,” tôi nói với Horace.

“Tớ sẽ nện cậu như tử cho mà xem,” Horace lầm bầm.

Không còn thời gian để đổi nhà nữa. Chúng tôi sẽ phải giới thiệu mình với những người đang ở đây và hy vọng họ thân thiện.

“Ai ngoài đó vậy?” giọng nói kia hỏi.

“Chúng cháu không phải kẻ trộm, bọn Đức hay thứ gì như vậy đâu,” Emma nói. “Chúng cháu chỉ tìm chỗ trú ẩn ở đây thôi!”

Không có câu trả lời.

“Ở lại đây,” Emma nói với những người khác, rồi cô kéo tôi đi theo xuống lối đi. “Chúng cháu tới để chào thôi!” cô gọi lớn tiếng và thân thiện. “Làm ơn đừng bắn!”

Chúng tôi đi tới cuối lối đi, rẽ vào trong góc, và ở đó có một cô bé đang đứng trên ngưỡng cửa. Một bên tay cô bé cầm một cây đèn bão đã vặn nhỏ, tay kia cầm một con dao mở thư, và đôi mắt đen cứng cõi của cô bồn chồn nhìn qua nhìn lại giữa Emma và tôi. “Chẳng có gì có giá trị ở đây cả!” cô bé nói. “Ngôi nhà này đã bị cướp rồi.”

“Tôi đã nói rồi, chúng tôi không phải kẻ trộm!” Emma nói, cảm thấy bị xúc phạm.

“Và tôi nói các người đi đi. Nếu các người không đi, tôi sẽ la lên... và bố tôi sẽ tới mang theo... súng và những thứ khác!”

Trông cô gái vừa trẻ con vừa trưởng thành trước tuổi. Mái tóc cô cắt ngắn ngang vai và mặc một chiếc váy bé gái với những chiếc cúc trắng to chạy dọc xuống đằng trước, song có gì đó trong vẻ ngoài lạnh lùng như tạc bằng đá của cô làm cho cô dường như già hơn, từng trải hơn so với tuổi mười hai hay mười ba.

“Làm ơn đừng la lên,” tôi nói, không nghĩ tới ông bố nhiều khả năng chỉ là tưởng tượng của cô mà tới những thứ khác có thể tìm đến.

Thế rồi một giọng nói khẽ vang lên đằng sau cô gái, vọng ra qua ngưỡng cửa cô rõ ràng đang muốn chặn ngang. “Ai ngoài đó vậy, Sam?”

Khuôn mặt cô gái cau lại bức bối. “Chỉ là vài đứa trẻ thôi,” cô nói. “Chị đã bảo em giữ im lặng rồi kia mà, Esme.”

“Họ có dễ mến không? Em muốn gặp họ!”

“Họ sắp sửa rời đi rồi.”

“Chúng tôi thì rất đông mà các cậu chỉ có hai người thôi,” Emma nói, ngả bài. “Chúng tôi sẽ ở lại đây một chút, và sẽ là như thế. Cậu sẽ không la

lối, còn chúng tôi sẽ không lấy cắp thứ gì hết.”

Đôi mắt cô gái lóe lên những tia giận dữ, rồi tắt ngấm. Cô gái biết mình sẽ thua cuộc. “Được rồi,” cô ta nói, “nhưng cứ thử làm bất cứ điều gì xem, tôi sẽ la lên rồi đâm thứ này vào bụng các người.” Cô gái yếu ớt giơ con dao mở bì thư lên, rồi hạ xuống để nó bên hông.

“Cũng công bằng thôi,” tôi nói.

“Sam?” giọng nói khe khẽ lại vang lên. “Bây giờ có chuyện gì xảy ra vậy?”

Cô gái – Sam – miễn cưỡng bước tránh sang bên, để lộ ra một buồng tắm chập chờn theo ánh sáng nhảy múa của những ngọn nến. Có một chậu rửa, một bồn cầu và một bồn tắm, và trong bồn tắm có một cô bé chừng năm tuổi. Cô bé nhô đầu lên khỏi mép bồn tò mò nhìn chúng tôi. “Đây là em gái tôi, Esme,” Sam nói.

“Xin chào!” Esme lên tiếng, cầm một con vịt cao su chĩa về phía chúng tôi lắc lư. “Bom không thể trúng được các anh chị khi các anh chị ở trong bồn tắm, các anh chị có biết điều đó không?”

“Chị không biết,” Emma đáp.

“Đó là chỗ an toàn của nó,” Sam thì thầm. “Chúng tôi luôn ở đây trong mọi cuộc công kích.”

“Chẳng phải các cậu sẽ an toàn hơn dưới một hầm trú ẩn sao?” tôi hỏi.

“Những nơi đó thật kinh khủng,” Sam nói.

Những người còn lại đã chán chờ đợi và bắt đầu bước xuống lối đi. Bronwyn ló vào qua khung cửa và vẫy tay chào.

“Chị vào đi!” Esme hân hoan lên tiếng.

“Em dễ tin người quá,” Sam trách móc. “Rồi có ngày em sẽ gặp một người xấu và lúc đó sẽ phải ân hận.”

“Các anh chị này đâu có xấu,” Esme nói.

“Đừng trông mặt mà bắt hình dong.”

Thế rồi Hugh và Horace ló mặt vào qua khung cửa, tò mò khi thấy chúng tôi đã gặp những ai, rồi Olive chui qua giữa chân họ và ngồi xuống giữa sàn nhà, và chẳng mấy chốc tất cả chúng tôi đều đã chen chúc trong phòng tắm, kể cả Melina và hai anh em mù, lúc này đang đứng co ro đối diện với góc nhà. Thấy nhiều người đến vậy, hai chân Sam run rẩy, và cô gái nặng nề ngồi phịch xuống bồn cầu, hoàn toàn bị áp đảo – song em gái cô thì lại cực kỳ hào hứng, hỏi tên tất cả mọi người khi họ vào.

“Bố mẹ em đâu?” Bronwyn hỏi.

“Bố đang đi bắn kẻ xấu trong chiến tranh,” Esme nói đầy tự hào. Cô bé làm bộ cầm một khẩu súng trường rồi hét, “*Bùm!*”

Emma nhìn Sam. “Câu bảo bố cậu ở trên gác cơ mà,” cô nói thẳng thừng.

“Các người đột nhập vào nhà chúng tôi,” Sam nói.

“Phải.”

“Còn mẹ cậu?” Bronwyn hỏi. “Bà ấy đâu?”

“Mất lâu rồi,” Sam nói, có vẻ không có chút cảm xúc nào. “Vì thế khi bố ra trận, người ta đã định đưa chúng tôi tới với người thân ở chỗ khác – và vì em gái bố ở Devon là người keo kiệt kinh khủng và chỉ chịu nhận một trong hai chúng tôi, người ta định đưa Esme và tôi tới những nơi khác nhau. Nhưng chúng tôi nhảy xuống tàu và quay trở lại.”

“Chúng em sẽ không để bị chia cắt,” Esme tuyên bố. “Chúng em là *chị em*”

“Và cậu sợ nếu tới một hầm trú ẩn người ta sẽ tìm ra hai chị em?” Emma nói. “Và sẽ đưa hai người đi?”

Sam gật đầu. “Tôi sẽ không để chuyện đó xảy ra.”

“Ồ trong bồn tắm an toàn lắm,” Esme nói. “Có lẽ mọi người cũng nên vào trong này. Như thế tất cả chúng ta sẽ an toàn.”

Bronwyn đưa bàn tay áp lên tim. “Cảm ơn em, nhưng bọn chị sẽ không bao giờ vừa được đâu!”

Trong khi những người khác nói chuyện, tôi dồn sự tập trung vào bên trong, cố cảm nhận đám hồn rỗng. Chúng không còn chạy nữa. Cảm Giác đã ổn định, nghĩa là chúng không lại gần cũng không ra xa hơn, mà nhiều khả năng đang lục tìm gần đây. Tôi coi đây là một dấu hiệu tốt; nếu biết chúng tôi ở đâu, hẳn chúng đã lao thẳng tới rồi. Dấu vết của chúng tôi đã mờ nhạt. Tất cả những gì chúng tôi phải làm là nấp im một lúc, sau đó chúng tôi có thể đi theo con bọ câu tới chỗ cô Wren.

Chúng tôi xúm lại chen chúc nhau trên sàn phòng tắm, lắng nghe bom rơi xuống những khu vực khác trong thành phố. Emma tìm thấy ít cùn xoa bóp trong tủ thuốc, cô nhất định đòi lau sạch và băng bó vết thương trên đầu tôi. Rồi Sam bắt đầu ngân nga một giai điệu nào đó tôi biết nhưng không nhớ nổi tên, còn Esme chơi với con vịt của cô bé trong bồn tắm, thế rồi Cảm Giác, một cách rất từ từ, bắt đầu dịu xuống. Trong vài phút ngắn ngủi dài lê thê căn phòng tắm chập chờn này trở thành một thế giới riêng biệt; một cái kén cách xa khỏi rắc rối và chiến tranh.

Nhưng cuộc chiến bên ngoài từ chối bị tâng lờ lâu. Súng phòng không nổ ràn rạt. Mảnh đạn cào kèn kẹt như móng vuốt qua mái nhà. Những quả bom rơi xuống gần hơn, cho tới khi tiếng nổ của chúng kéo theo những âm thanh trầm hơn, đáng sợ hơn – tiếng những bức tường rầm rầm đổ xuống. Olive ôm chặt lấy mình. Horace đưa các ngón tay lên bịt tai. Hai cậu bé mù rên rỉ và giậm chân. Cô Peregrine rúc sâu vào trong các nếp áo khoác của Bronwyn, còn con bọ câu run bần bật trong lòng Melina.

“Các cậu dẫn chúng ta vào trò điên loạn gì thế này?” Melina nói.

“Tớ đã cảnh báo cậu rồi,” Emma đáp.

Nước trong bồn tắm của Esme dập dềnh theo mỗi tiếng nổ. Cô bé nắm chặt lấy con vịt cao su và bắt đầu khóc. Tiếng nước nở của cô bé tràn ngập căn phòng. Sam ngân nga to hơn, thỉnh thoảng lại dừng lại thì thầm, “Em an toàn, Esme, em được an toàn ở đây,” giữa các giai điệu, nhưng Esme chỉ càng khóc dữ hơn. Horace bỏ các ngón tay ra khỏi tai và tìm cách phân tán sự chú ý của Esme bằng cách tạo thành bóng các con vật trên tường – một con cá sấu hàm há ra lại ngậm vào, một con chim vỗ cánh bay – nhưng cô bé hầu như không để ý đến. Thế rồi người mà tôi chẳng bao giờ trông đợi sẽ bận tâm tới việc giúp một cô bé cảm thấy vui vẻ hơn lại bước tới bên bồn tắm.

“Nhìn này,” Enoch nói, “anh có một người tí hon thích cười con vịt của em, và cậu ta cũng vừa cỡ.” Từ trong túi, cậu ta lấy ra một người tí hon bằng đất cao gần chục phân, người cuối cùng còn lại từ những gì cậu ta đã tạo ra tại Cairnholm. Những tiếng nức nở của Esme dịu xuống khi cô bé quan sát cậu ta uốn cong chân người tí hon bằng đất và đặt nó ngồi lên thành bồn tắm. Sau đó, Enoch ấn ngón cái vào khuôn ngực tí xiu của người đất, anh chàng tí hon liền sống dậy. Khuôn mặt Esme sáng lên thích thú khi người đất đứng dậy và bước đi theo thành bồn.

“Tiếp nào,” Enoch nói. “Cho cô bé thấy mày có thể làm gì.”

Người đất nhảy lên và đập hai gót chân vào nhau, sau đó cúi chào một cái hơi bộ tịch quá. Esme cười vang và vỗ tay, và khi một quả bom rơi gần chỉ giây lát sau đó làm người đất mất thăng bằng và rơi tồm vào trong bồn, cô bé chỉ càng cười dữ hơn.

Một cơn ớn lạnh đột nhiên cuộn lên sau gáy tôi, làm da đầu tôi sồn gai ốc, rồi Cảm Giác bùng lên trong tôi thật nhanh chóng và dữ dội khiến tôi phải rên lên và cúi gập người lại. Những người khác nhìn thấy, lập tức hiểu ra như thế nghĩa là gì.

Chúng đang tới. Chúng đang lao tới rất nhanh.

Tất nhiên là thế rồi: Enoch đã dùng năng lực của cậu ta, và thậm chí tôi còn chẳng nghĩ tới việc ngăn cậu ta lại. Chẳng khác gì chúng tôi vừa bắn lên một quả pháo hiệu.

Tôi loạng choạng đứng dậy, cảm giác đau đớn dồn dập tấn công tôi thành từng cơn làm tôi kiệt sức. Tôi cố hét lên – *Đi, chạy mau! Chạy ra sau nhà!* – nhưng không thể nói ra lời. Emma đặt hai bàn tay lên hai vai tôi. “Trần tĩnh lại đi, Jacob yêu quý, chúng tớ cần cậu!”

Rồi thứ gì đó nện thình thình vào cửa trước, mỗi cú nện đều vang vọng lại khắp ngôi nhà. “Chúng ở đây rồi!” cuối cùng tôi cũng nói được thành lời, nhưng tiếng cánh cửa rung bần bật trên các bản lề đã nói rõ hộ tôi.

Tất cả mọi người đứng bật dậy và chen chúc nhau ào ra ngoài lối đi thành một đám hoảng loạn. Chỉ có Sam và Esme vẫn ở yên chỗ cũ, không hiểu gì, người co rúm lại. Emma và tôi phải lôi Bronwyn rời khỏi bồn tắm.

“Chúng ta không thể cứ bỏ mặc họ như thế!” cô kêu lên khi chúng tôi kéo cô ra phía cửa.

“Có, chúng ta có thể!” Emma nói. “Họ sẽ ổn thôi, họ không phải là người dám hồn rỗng truy đuổi!”

Tôi biết đúng là như thế, song tôi cũng biết đám hồn rỗng sẽ xé tan tành mọi thứ trên đường đi của chúng, kể cả hai cô bé bình thường.

Bronwyn đâm vào trong tường trong con phần nộ, để lại một vết hõm sâu hình nắm tay.

“Tớ xin lỗi,” cô nói với hai cô gái, rồi để Emma đẩy mình ra lối đi.

Tôi loạng choạng chạy theo họ, bụng quặn thắt. “Khóa cửa lại và đừng mở cho bất cứ ai!” tôi nói lớn, rồi ngoái lại nhìn một lần thoáng qua khuôn mặt Sam qua khung cửa đang đóng lại, đôi mắt cô bé mở to, đầy kinh hoàng.

Tôi nghe thấy một cửa sổ bị đập vỡ ngoài tiền sảnh. Một thôi thúc tò mò gần như tự sát làm tôi liếc nhìn qua góc tường. Một đồng xúc tu đang quần quai trườn qua các rèm cửa được kéo kín.

Rồi Emma cầm lấy tay tôi và lôi tôi đi – theo một lối khác – vào một căn bếp – qua cửa sau – ra một khu vườn phủ đầy tro bụi – lao xuống một con hẻm nơi những người khác đang chạy thành một nhóm rời rạc. Thế rồi ai đó nói “Nhìn kia, nhìn kia!” và, vừa chạy tôi vừa ngẩng đầu lên thì thấy một con chim trắng khổng lồ đang lơ lửng thật cao phía trên con phố. Enoch nói, “Mìn, đó là một quả mìn!” và thứ lúc trước trông như một đôi cánh nhẹ mong manh đột nhiên hiện nguyên hình rõ ràng là một chiếc dù, và vật thể tròn trĩnh màu bạc treo bên dưới nó chứa đầy thuốc nổ; một tử thần đang thả nhiên bồng bênh hạ xuống mặt đất.

Đám hồn rỗng ào ra ngoài. Tôi có thể thấy chúng ngoài xa, đang băng qua khu vườn, những cái lưỡi vung vẩy trong không khí.

Quả mìn hạ xuống cạnh ngôi nhà với một tiếng *cạch* nhẹ nhàng.

“*Nằm xuống!*” tôi hét lên.

Chúng tôi có cơ hội chạy đi tìm nơi ẩn nấp. Tôi vừa kịp nằm phục xuống đất thì một quầng sáng chói lòa và một âm thanh nghe như mặt đất vừa bị

xẻ toang ra cùng một làn sóng xung kích với luồng gió nóng hùng hực ép hết không khí ra khỏi phổi tôi. Tiếp theo, một trận mưa mảnh vỡ đen kịt quật dữ dội xuống lưng tôi. Tôi thu hai đầu gối co lên ngực, cho mình gọn lại nhất có thể.

Sau đó, chỉ còn lại gió, tiếng còi và một âm vang ong ong trong tai tôi. Tôi há hốc miệng hợp không khí và sặc sụa vì bụi đang bay cuộn lên. Kéo cổ áo lên lên che kín mũi và miệng để lọc bụi, tôi từ từ hít thở trở lại.

Tôi đếm lại tứ chi của mình: hai cánh tay, hai chân.

Tốt.

Tôi chậm chậm ngồi dậy và nhìn quanh. Tôi không thể thấy gì nhiều qua đám bụi, nhưng tôi nghe thấy các bạn mình đang gọi nhau. Có tiếng Horace, rồi Bronwyn. Rồi Hugh. Và Millard.

Emma đâu rồi?

Tôi gọi tên cô. Cố đứng dậy và lại ngồi vật xuống. Đôi chân tôi còn nguyên vẹn song đang run bần bật; chúng không mang nổi trọng lượng của tôi.

Tôi lại gọi lớn. “Emma!”

“Tớ đây!”

Đầu tôi quay ngoắt về phía giọng nói của cô. Cô hiện ra từ trong làn khói.

“Jacob! Ôi Chúa ơi. Tạ ơn Chúa.”

Cả hai chúng tôi đều run rẩy. Tôi đưa hai cánh tay ôm lấy cô, đưa hai bàn tay lần khắp người cô để đảm bảo cô vẫn còn nguyên vẹn.

“Cậu ổn cả chứ?” tôi hỏi.

“Phải. Còn cậu?”

Hai tai tôi đau điếng, hai buồng phổi đau rát và lưng tôi nhức nhối ở những chỗ bị mảnh vỡ đập vào, nhưng cơn đau trong bụng đã biến mất. Ngay khoảnh khắc vụ nổ diễn ra, như thể ai đó đã tắt một cái công tắc trong người tôi, và vậy là Cảm Giác tan biến.

Đám hồn rỗng đã bị bóc thành hơi.

“Tớ ổn cả,” tôi nói. “Tớ ổn cả.”

Ngoại trừ những vết sây sát và rách da thịt, cũng như những người còn lại trong chúng tôi. Cả nhóm chúng tôi tập tễnh xúm lại và so sánh các vết thương. Tất cả đều là những vết thương nhẹ. “Đây quả là một thứ phép màu,” Emma nói, lắc đầu không tin nổi.

Thậm chí thực tế này còn khó tin hơn khi chúng tôi nhận ra khắp nơi quanh mình là đinh sắt và những mảnh bê tông, cùng các mảnh gỗ sắc như dao, nhiều mảnh bị vụ nổ làm cắm sâu vào đất cả chục phân.

Enoch tập tễnh đi tới chỗ một chiếc ô tô đậu gần đó, các khung cửa kính tan tành, khung xe bị mảnh mìn cắm vào chi chít đến nỗi trông giống như bị một khẩu súng máy xả đạn vào. “Đáng lẽ bọn mình phải chết rồi,” cậu ta ngõ ngàng, đút ngón tay vào một trong những cái lỗ. “Tại sao bọn mình lại không thủng lỗ chỗ nhỉ?”

Hugh nói, “Là cái áo của cậu, anh bạn,” rồi đi tới chỗ Enoch và nhổ một cái đinh quần xuống từ lưng chiếc áo lên dính đầy đất cát của cậu ta.

“Và áo của cậu nữa,” Enoch nói, nhổ một mảnh kim loại cạnh sắc lỏm chớm ra từ áo của Hugh.

Thế rồi tất cả chúng tôi cùng kiểm tra lại áo len của mình. Găm vào mỗi chiếc áo đều có những mảnh kính dài nhọn hoắt, những mảnh kim loại đáng lẽ đã xuyên thấu qua người chúng tôi – nhưng lại không thể. Những chiếc áo len đặc biệt ngứa ngáy, không vừa vặn của chúng tôi không kỵ lửa hay kỵ nước, như cô bán lừa cao cổ đã đoán. Chúng *chống đạn*. Và chúng đã cứu mạng chúng tôi.

“Tớ chưa bao giờ mơ mình lại nợ mạng sống một món trang phục kinh khủng thế này,” Horace nói, mân mê chất len của chiếc áo giữa các ngón tay. “Tớ không biết mình có thể dùng loại len này may một cái áo vest thay cho thứ này được không.”

Sau đó Melina xuất hiện, con bò câu đậu trên vai cô, bên cạnh cô là hai anh em mù. Với khả năng cảm nhận như những chiếc máy dò sóng âm của mình, hai cậu bé đã tìm thấy một bức tường thấp bằng bê tông cường lực –

nghe có vẻ rất cứng – và kéo Melina nắp vào đằng sau nó đúng lúc quả bom nổ. Như vậy chỉ còn hai cô bé bình thường kia là chưa thấy đâu. Nhưng khi bụi lắng xuống và ngôi nhà của họ - hay những gì còn lại của nó – hiện ra trong tầm mắt, mọi hy vọng tìm thấy họ còn sống dường như đều tiêu tan. Tầng trên ngôi nhà đã sập, dẹp lép đè ụp lên tầng dưới. Những gì còn lại là bộ khung trơ trụi của những thanh xà cây cột nhô ra và một đồng hồ nát bóc khói.

Dù vậy Bronwyn vẫn hối hả chạy ngay về phía ngôi nhà, gọi lớn tên hai chị em. Tôi chờ dẫn nhìn cô chạy đi.

“Chúng ta đã có thể giúp họ mà lại không giúp,” Emma cay đắng nói. “Chúng ta bỏ mặc họ chết.”

“Làm gì thì cũng chẳng đem lại chút khác biệt nào,” Millard nói. “Cái chết của họ đã được ghi trong lịch sử rồi. Cho dù chúng ta có cứu sống họ hôm nay, sẽ có chuyện gì đó xảy đến với họ ngày mai. Một quả bom khác. Một vụ đâm xe buýt. Họ thuộc về quá khứ, và quá khứ luôn tự điều chỉnh nó, cho dù chúng ta có can thiệp thế nào đi nữa.”

“Đó là lý do tại sao cậu không thể trở về quá khứ và giết chú nhóc Hitler để ngăn chiến tranh xảy ra,” Enoch nói. “Lịch sử tự điều chỉnh cho nó. Chẳng phải thật thú vị sao?”

“Không,” Emma gắt lên, “và cậu là một gã khờ vô tâm khi nói về việc giết trẻ con vào một lúc thế này. Hay vào bất cứ lúc nào.”

“Cậu nhóc Hitler,” Enoch nói. “Và nói về lý thuyết Vòng Thời Gian sẽ tốt hơn lao vào những cơn cuồng loạn vô tích sự.” Cậu ta nhìn theo Bronwyn, cô đang leo lên đồng hồ nát, bới tìm trong những mảnh vỡ, ném hết mảnh này đến mảnh khác ra đủ hướng.

Cô quay lại và vẫy tay về phía chúng tôi. “Lại đây!” cô gọi lớn.

Enoch lắc đầu. “Ai đó làm ơn lôi cậu ấy về đây nào. Chúng ta còn một Chủ Vòng cần phải tìm nữa.”

“Lại đây!” Bronwyn hét lên, lần này còn lớn tiếng hơn. “Tớ có thể nghe thấy một trong hai chị em họ!”

Emma nhìn tôi. “Đợi đã. Cậu ấy nói gì nhỉ?”

Và rồi tất cả chúng tôi cùng chạy tới với cô.

Chúng tôi tìm thấy cô em gái dưới một mảnh trần vỡ. Nó đã rơi thẳng xuống đập vào bên trên bồn tắm, làm cái bồn bị vỡ nhưng không hoàn toàn bẹp xuống. Co ro bên trong là Esme – ướt, nhem nhuốc, và bị chấn động nặng nề, nhưng còn sống. Cái bồn đã bảo vệ cho cô bé, đúng như chị gái cô đã hứa.

Bronwyn nhắc mảnh trần sập lên đủ cao để Emma thò tay vào kéo Esme ra. Cô bé ôm chặt lấy Emma, run rẩy khóc nức nở. “Chị em đâu?” cô bé hỏi. “Sam đâu rồi?”

“Bình tĩnh nào, cô bé, bình tĩnh nào,” Emma nói, không ngừng đu đưa cô bé.

“Các anh chị sẽ đưa em tới bệnh viện. Sam sẽ đến sau.” Đó là một lời nói dối, tất nhiên rồi, và tôi có thể thấy trái tim Emma tan nát khi cô phải nói ra những lời này. Nguyên chuyện chúng tôi còn sống sót và cả cô bé cũng vậy đã là hai phép màu trong một đêm. Trông đợi phép màu thứ ba nữa có vẻ quá tham lam.

Nhưng rồi vẫn có phép màu thứ ba xảy ra, hay điều gì đó tương tự như thế: chị cô bé trả lời.

“Chị đây, Esme!” một giọng nói vọng tới từ phía trên.

“Sam!” cô bé reo lên, và tất cả chúng tôi cùng ngược nhìn lên.

Sam đang treo lủng lẳng trên một xà gỗ trong cấu trúc rui mái nhà. Thanh xà đã bị gãy và nằm chúc xuống bốn mươi lăm độ. Sam ở gần phía đầu thấp nhất, song vẫn quá cao để bất cứ ai trong chúng tôi với tới.

“Buông tay ra!” Emma nói. “Bọn tớ sẽ đỡ cậu!”

“Tớ không thể!”

Thế rồi tôi nhìn kỹ hơn và thấy rõ vì sao cô bé không thể, và thiếu chút nữa tôi ngất xỉu.

Hai cánh tay và hai chân đều đang đu đưa tự do. Không phải cô bé đang bám vào thanh xà, mà đang cố gỡ người ra khỏi nó. Cô gái đã bị thanh xà đâm xuyên qua giữa thân mình. Ấy vậy nhưng đôi mắt cô vẫn mở, và cô đang chớp mắt đầy lanh lợi về phía chúng tôi.

“Có vẻ tớ bị mắc kẹt,” cô bình tĩnh nói.

Tôi tin chắc Sam có thể chết bất cứ lúc nào. Cô đang bị sốc nên không hề cảm thấy đau, song chẳng mấy chốc nữa lượng adrenaline tràn ngập trong người cô sẽ tan biến, và cô sẽ ngất xỉu rồi chết.

“Ai đó gỡ chị em xuống đi!” Esme khóc lóc.

Bronwyn làm theo lời cầu xin của cô bé. Cô leo lên một cầu thang đồ nát để tới chỗ trần nhà bị phá hỏng, sau đó vươn tay ra nắm lấy thanh xà. Cô kéo, kéo mãi, và bằng sức mạnh ghê gớm của mình khiến thanh xà bị gập xuống cho tới lúc đầu xà gãy gần chạm tới đồng đồ nát phía dưới. Nhờ vậy, Enoch và Hugh có thể cầm lấy đôi chân đang vẫy của Sam rồi thật nhẹ nhàng đẩy cô bé về phía trước cho tới khi cô được giải thoát khỏi cây xà với một tiếng *phục!* và đứng xuống trên hai chân.

Sam đờ đẫn nhìn lỗ thủng trên ngực. Cái lỗ tròn trịa một cách hoàn hảo với đường kính gần mười lăm xăng ti mét, cũng giống như thanh xà đã đâm xuyên qua người cô, ấy thế nhưng chuyện này không có vẻ làm cô bé bận tâm nhiều.

Esme vùng ra khỏi tay Emma và chạy tới chỗ chị gái. “Sam!” cô bé reo lên, dang hai cánh tay ôm vòng quanh eo cô gái bị thương. “Ồn Chúa là chị ồm cả!”

“Chị không nghĩ thế đâu!” Olive nói. “Chị không nghĩ là chị em ồm cả đâu!”

Nhưng Sam chỉ lo lắng cho Esme, chứ không phải cho bản thân. Sau khi đã ôm chặt em gái, Sam quỳ gối xuống, giữ cô bé cách xa một tầm cánh tay, xem xét các vết xây xước, bầm tím. “Hãy nói cho chị biết em đau ở đâu,” cô nói.

“Tai em ong ong. Đầu gối em bị xước. Và bụi bay vào mắt em...”

Rồi Esme bắt đầu run bần bật và khóc, cú sốc trước những gì vừa diễn ra lại ám ảnh cô bé. Sam nựng nịu ôm chặt lấy em gái, dỗ dành, “Thôi mà, thôi mà...”

Thật vô lý khi bất cứ chức năng nào trong cơ thể của Sam vẫn còn vận hành được. Lạ hơn nữa, vết thương của cô thậm chí còn chẳng chảy máu, và không có thứ gì ghê rợn hay những mảnh ruột rời ra ngoài như trong các bộ phim kinh dị. Ngược lại, Sam trông như một con búp bê giấy vừa bị một cái đục lỗ không lỗ xuyên qua.

Dù tất cả mọi người đều rất trông đợi một lời giải thích, chúng tôi quyết định để hai chị em họ được riêng tư cùng nhau, và đứng kinh ngạc nhìn chăm chú từ một khoảng cách vừa phải.

Tuy thế, Enoch lại không dành cho họ sự lịch thiệp tương tự. “Xin lỗi nhé,” cậu ta nói, chen vào không gian riêng tư của họ, “nhưng cậu có thể làm ơn giải thích làm thế nào cậu lại vẫn còn sống không?”

“Chẳng có gì nghiêm trọng cả,” Sam nói. “Dù cái váy của tớ có vẻ không qua nổi chuyện này.”

“Chẳng có gì nghiêm trọng ư?” Enoch thốt lên. “Tớ có thể nhìn xuyên qua người cậu!”

“Cũng hơi phiền phức một chút,” cô gái thừa nhận, “nhưng rồi nó sẽ kín lại sau khoảng một ngày thôi. Những chuyện thế này luôn diễn ra mà.”

Enoch cười như hóa rồ. “*Những chuyện thế này?*”

“Nhân danh tất cả những gì đặc biệt,” Millard khẽ nói. “Cậu biết điều này nghĩa là gì phải không nào?”

“Cô ấy là một trong số chúng ta,” tôi nói.

Chúng tôi có những câu hỏi. Rất nhiều câu hỏi. Và khi nước mắt của Esme bắt đầu khô hẳn, chúng tôi thu hết can đảm để hỏi.

Sam có nhận ra cô là người đặc biệt không?

Cô gái biết mình khác biệt, cô trả lời, song chưa bao giờ nghe đến khái niệm *người đặc biệt*.

Cô đã bao giờ sống trong một Vòng Thời Gian chưa?

Chưa (“Một cái gì cơ?”), nghĩa là độ tuổi cô bé cũng vừa bằng vẻ bề ngoài của mình. Mười hai tuổi, cô bé đáp.

Chẳng lẽ chưa từng có Chủ Vòng nào tới tìm cô bé?

“Một lần từng có người tới,” cô bé trả lời. “Có những người khác giống tớ, nhưng để gia nhập cùng họ tớ sẽ phải bỏ Esme lại.”

“Esme không thể... làm được bất cứ điều gì sao?” tôi hỏi.

“Em có thể đếm ngược từ một trăm bằng giọng vịt,” Esme tình nguyện lên tiếng giữa những lần thút thít, rồi bắt đầu thể hiện bằng những tiếng quàng quạc, “Một trăm, chín mươi chín, chín mươi tám...”

Chưa kịp đếm tiếp, Esme đã bị tiếng còi ngắt lời, cái còi này có âm thanh cao chói tai và di chuyển rất nhanh về phía chúng tôi. Một chiếc xe cứu thương nghiêng thành rẽ vào con hẻm và hồi hả phóng về phía chúng tôi, đèn pha đã bị dán kín phần lớn chỉ để những khe sáng hẹp như châm bằng đinh ghim chiếu ra. Chiếc xe phanh kít dừng sững lại ngay gần chỗ chúng tôi, tắt còi hụ, và một người lái xe chui ra khỏi xe.

“Có ai bị thương không?” người lái xe hỏi trong lúc hồi hả chạy tới chỗ chúng tôi. Người này mặc một bộ đồng phục xám nhàu nhĩ, trên đầu đội một cái mũ sắt sứt mẻ, và cho dù anh ta có vẻ rất sung sức, khuôn mặt anh ta lại hốc hác như thể đã nhiều ngày qua chưa ngủ.

Nhìn thấy lỗ thủng trên ngực Sam, người lái xe đang chạy liền đứng chững lại. “Ôi Chúa ơi!”

Sam đứng dậy. “Không có gì đâu ạ, thật đấy!” cô bé nói. “Cháu không sao cả!” Và để cho thấy mình hoàn toàn ổn ra sao, cô bé đưa nắm tay vào trong cái lỗ vài lần rồi lại rút ra, rồi nhảy lên vung tay xoạc chân một lần.

Người lái xe cứu thương ngất xỉu.

“Hừm,” Hugh thốt lên, đưa bàn chân hất hất người đàn ông vừa ngã lăn ra. “Chắc cô bé nghĩ mấy quý ông này hẳn phải cứng cõi hơn.”

“Vì rõ ràng ông ta không thể giúp gì được nữa, theo tớ chúng ta nên mượn cái xe cứu thương của ông ta,” Enoch nói. “Không thể biết được con

bỏ câu đó sẽ dẫn chúng ta tới đâu trong thành phố. Nếu phải đi xa, có thể chúng ta sẽ mất cả đêm đi bộ để tới chỗ cô Wren.”

Horace, đang ngồi trên một mảng tường, đứng bật dậy. “Đó là một ý tưởng rất hay!” cậu ta nói.

“Đó là một ý tưởng *đáng trách!*” Bronwyn nói. “Các cậu không thể đánh cắp một chiếc xe cứu thương, những người bị thương cần nó!”

“*Chúng ta* là những người bị thương,” Horace rên rỉ. “Chúng ta cần nó!”

“Khó có thể coi hai chuyện này là một!”

“Thánh Bronwyn!” Enoch mĩa mai. “Chẳng lẽ cậu lo lắng cho sự an nguy của những người bình thường tới mức mạo hiểm tính mạng cô Peregrine để bảo vệ vài người trong số họ sao? Một nghìn người bọn họ không đáng bằng một mình cô ấy! Hay một người trong chúng ta, nếu muốn nói tới chuyện này!”

Bronwyn thẳng thốt há hốc miệng. “Lẽ nào có thể nói thế trước mặt...”

Sam hiên ngang bước về phía Enoch, trên khuôn mặt không hề có chút hài hước nào.

“Nhìn đây, cậu kia,” cô bé nói, “nếu cậu dám nói lần nữa tính mạng em gái tôi vô giá trị, tôi sẽ nện cậu như tử.”

“Bình tĩnh nào, tớ không định nói tới em gái cậu. Tớ chỉ có ý là...”

“Tôi biết chính xác ý cậu là gì. Và tôi sẽ nện cậu như tử nếu cậu lại dám nói thế.”

“Tớ xin lỗi nếu tớ đã đụng chạm đến sự nhạy cảm mong manh của cậu,” Enoch nói, cao giọng trong cơn bực bội, “nhưng cậu chưa bao giờ có một Chủ Vòng và chưa bao giờ sống trong một Vòng Thời Gian, và vì vậy cậu không thể hiểu nổi rằng hiện tại – ngay lúc này đây – không phải là thật, nếu nói cho chính xác. Đây là quá khứ. Cuộc sống của tất cả những người bình thường trong thành phố này đều đã được sống qua rồi. Số phận của họ đã được định đoạt từ trước rồi, cho dù chúng ta có đánh cắp bao nhiêu xe cứu thương đi chăng nữa! Vì thế việc này chẳng có chút quan trọng quái nào cả, cậu hiểu chưa.”

Trông có vẻ ít nhiều lúng túng, Sam không nói gì, nhưng tiếp tục nhìn Enoch hần học.

“Dù vậy đi nữa,” Bronwyn nói, “làm người khác phải chịu khổ sở không cần thiết là không đúng. Chúng ta *không được* lấy xe cứu thương!”

“Nghe thì đúng đắn và tử tế lắm, nhưng hãy nghĩ tới cô Peregrine nào!” Millard nói. “Cô ấy có lẽ không còn quá một ngày.”

Nhóm chúng tôi có vẻ bị chia thành hai nhóm tương đương, lấy cắp xe cứu thương hay tiếp tục đi bộ, vì thế chúng tôi quyết định biểu quyết. Bản thân tôi phản đối việc lấy xe, nhưng chủ yếu vì các con đường đã chi chít hố bom đến mức tôi không biết làm thế nào chúng tôi có thể lái chiếc xe đi được.

Emma là người đếm số biểu quyết. “Ai ủng hộ lấy xe cứu thương?” cô hỏi.

Vài cánh tay giơ lên.

“Còn phản đối?”

Đột nhiên có một tiếng bụp thật to vang lên từ phía xe cứu thương, tất cả chúng tôi đều quay lại nhìn thì thấy cô Peregrine đứng cạnh xe trong khi một trong các lốp sau xe đang xì hơi. Cô Peregrine đã biểu quyết bằng mỏ của bà, bằng cách dùng nó chọc thủng lốp xe cứu thương. Giờ thì không ai còn có thể sử dụng nó – dù là chúng tôi hay những người bị thương – và cũng chẳng còn lý do để tranh cãi hay trì hoãn thêm nữa.

“À, thế là mọi thứ đơn giản hẳn,” Millard nói. “Chúng ta đi bộ.”

“Cô Peregrine!” Bronwyn kêu lên. “Làm sao cô có thể?”

Tảng lờ sự bất bình của Bronwyn, cô Peregrine tập tễnh nhảy tới chỗ Melina, nhìn lên con bò câu trên vai cô, và kêu rít lên. Thông điệp đã rõ ràng: *Đi thôi!*

Chúng tôi có thể làm gì đây? Thời gian đang bị lãng phí.

“Hãy đi cùng chúng tớ,” Emma nói với Sam. “Nếu vẫn còn chút công lý trên thế giới, chúng ta sẽ được ở một nơi an toàn trước khi trời sáng.”

“Tớ nói với mọi người rồi, tớ sẽ không bỏ em gái tớ lại,” Sam trả lời. “Các cậu sắp tới một nơi con bé không vào được, phải không nào?”

“Tớ... tớ không biết,” Emma lúng túng. “Có thể...”

“Tớ không quan tâm là thế nào,” Sam lạnh lùng nói. “Và sau những gì vừa thấy, tớ không còn muốn gặp lại các cậu nữa.”

Emma lúi lại, trở nên hơi tái đi. Cô hạ giọng khẽ hỏi, “Vì sao?”

“Nếu thậm chí cả những người bị ruồng bỏ và chà đạp như các cậu còn không thể có được chút cảm thông cho người khác,” cô bé nói, “thì chẳng còn chút hy vọng nào cho thế giới này nữa.” Và cô bé quay đi, đưa Esme về phía xe cứu thương.

Emma phản ứng như thể cô vừa bị tát, đôi má cô đỏ bừng. Cô chạy cảm chạy theo Sam. “Không phải tất cả chúng tớ đều nghĩ như Enoch! Còn về cô Chủ Vòng của chúng tớ, tớ tin chắc cô không có ý làm điều cô đã làm!”

Sam quay ngoắt lại để đối diện với cô. “Đó không phải là vô tình! Tớ lấy làm mừng là em gái tớ không hề giống tất cả các cậu. Có Chúa chứng giám, ước gì tớ cũng không.”

Cô bé lại quay đi, và lần này Emma không đi theo. Với đôi mắt thương tâm, cô nhìn Sam bỏ đi, rồi thông vai đi theo những người khác. Vậy là cảnh ô liu hòa giải cô chia ra đã biến thành một con rắn và cắn cô.

Bronwyn cởi áo len của cô ra và để cái áo xuống đóng đồ nát. “Lần sau khi bom bắt đầu rơi xuống, hãy mặc cái này cho em gái cậu,” cô nói với Sam. “Cái áo sẽ giúp cô bé được an toàn hơn cái bông tằm.”

Sam không nói gì; thậm chí cũng chẳng nhìn. Cô bé đang cúi người xuống người lái xe cứu thương, lúc này đang ngồi dậy và lẩm bầm, “Tôi đã có giấc mơ lạ lùng nhất...”

“Làm thế thật ngu ngốc,” Enoch nói với Bronwyn. “Giờ cậu chẳng còn áo len nữa.”

“Cậu im mồm lại,” Bronwyn đáp. “nếu từng làm điều gì tốt đẹp cho người khác, có lẽ cậu sẽ hiểu.”

“Tớ từng làm một việc tử tế cho một người khác,” Enoch nói, “và việc đó thiếu chút nữa đã khiến chúng ta bị hồn rỗng ăn thịt!”

Chúng tôi lí nhí nói những lời tạm biệt không được đáp lại rồi lặng lẽ lặn vào bóng tối. Melina đỡ lấy con bồ câu trên vai rồi tung lên trời. Nó bay đi một quãng ngắn trước khi sợi dây cô gái buộc vào bàn chân nó bị kéo căng ra và con chim bay liệng lơ lửng, chững lại trong không trung như một con chó đang kéo căng dây dắt. “Cô Wren ở phía này,” Melina nói, hát hàm về hướng con chim đang kéo cô đi. Chúng tôi bèn đi theo cô gái cùng con bồ câu của cô vào ngõ hẻm.

Tôi sắp sửa vào vai trò cảnh giới hồn rỗng, vị trí lúc này của tôi đang ở gần phía đầu nhóm, thì có điều gì đó thôi thúc tôi liếc mắt trở lại phía hai chị em. Tôi quay lại vừa kịp lúc để thấy Sam bé Esme vào trong xe cứu thương, rồi cúi người xuống đặt một nụ hôn lên mỗi bên đầu gối trầy xước của cô bé. Tôi tự hỏi điều gì rồi sẽ xảy đến với họ. Sau này, Millard có nói với tôi thực tế là không ai trong số họ từng nghe nói tới Sam – và một người với năng lực đặc biệt độc nhất vô nhị như thế chắc hẳn phải được biết đến rộng rãi – cũng có nghĩa là nhiều khả năng cô bé đã không sống sót nổi qua chiến tranh.

Toàn bộ biến cố này đã thực sự tác động mạnh tới Emma. Tôi không biết vì sao với cô việc chứng tỏ với một người xa lạ rằng chúng tôi tử tế lại quan trọng đến thế, trong khi chúng tôi biết mình là vậy – song dường như cô bị bận tâm trước những lời nói cho rằng chúng tôi là gì đó thấp kém hơn các thiên thần đang sống trên thế gian, rằng bản thân của chúng tôi có nhiều cung bậc phức tạp hơn. “Họ không hiểu,” cô cứ nhắc đi nhắc lại mãi.

Áy thế nhưng, tôi thậm nghĩ, có thể họ hiểu đấy.

Chương 11

Vậy là tình hình như sau: mọi thứ phụ thuộc vào một con bồ câu. Qua đêm nay không biết chúng tôi sẽ được an toàn dưới sự chăm lo của một Chủ Vòng Thời Gian hay bị tiêu hóa dở dang trong bộ ruột tối om của một con hồn rỗng; không biết cô Peregrine có được cứu chữa không hay chúng tôi sẽ lang thang vô định trong cảnh địa ngục này cho tới khi thời gian của bà cạn kiệt; không biết tôi có được sống để thấy lại ngôi nhà hay bố mẹ mình hay không – tất cả đều phụ thuộc vào một con bồ câu hom hem đặc biệt.

Tôi bước đi dẫn đầu nhóm, cảm nhận xem có hồn rỗng hay không, song con bò câu mới là nhân vật thực sự dẫn đường cho chúng tôi, nó kéo mạnh sợi dây buộc như một con chó săn lần theo hơi môi. Chúng tôi rẽ trái khi con chim bay sang trái, và sang phải khi nó ngoặt sang phải, ngoan ngoãn như một bầy cừu, thậm chí cả khi làm thế đồng nghĩa với việc dò dẫm đi theo những con phó lỗ chỗ hố bom khiến chúng tôi trật mắt cá hay ngón ngang mảnh vỡ của những tòa nhà bị phá tan tành, những đầu mũi sắt nhọn lờm chờm của chúng hiện lên lờ mờ trong ánh lửa chập chờn lay động, chĩa về phía cổ họng chúng tôi.

Trải qua những biến cố kinh hoàng của tối hôm đó, tôi còn vượt quá cả cái ngưỡng kiệt sức. Đầu tôi ong ong thật lạ lùng. Đôi chân tôi kéo lê nhọc nhằn. Tiếng bom nổ rầm rầm đã lắng xuống, những chiếc còi cuối cùng cũng im hẳn, và tôi tự hỏi liệu có phải tất cả những âm thanh của ngày tận thế đó đã giúp tôi tỉnh táo. Giờ đây, trong không trung mù mịt khói đầy ắp những âm thanh nhẹ nhàng hơn: nước phun ra từ các đường ống vỡ, tiếng tru rên rĩ của một con chó bị mắc kẹt, những giọng nói khản đặc than vãn cầu cứu. Thịnh thoảng những người đồng hành lại hiện ra từ bóng tối, những thân hình trông như những hồn ma trốn thoát từ một thế giới nào đó ở sâu bên dưới, đôi mắt mắt rực lên đầy sợ hãi và ngờ vực, cặp chặt dưới cánh tay những món đồ vật khác nhau – máy thu thanh, đồ bạc khoáng được, một cái hộp mạ vàng, một bình tro cốt. Người chết bê người chết trên tay.

Chúng tôi tới chỗ một ngã ba đường thì dừng lại, con bò câu đang cân nhắc xem sang trái hay phải. Cô gái thì thào cổ vũ, “Thôi nào, Winnie. Cô bò câu ngoan. Chỉ đường cho chúng ta đi.”

Enoch chen vào thì thầm, “Nếu mày không tìm thấy cô Wren, tao sẽ tự tay xiên mày lên nướng.”

Con chim vụt lên không, nhao về bên trái.

Melina nhìn trừng trừng Enoch. “Cậu là đồ khốn,” cô nói.

“Quan trọng là kết quả,” cậu ta đáp.

Cuối cùng, chúng tôi tới một ga tàu điện ngầm. Con bò câu dẫn chúng tôi qua lối vào vòm cuốn tới một phòng vé, và tôi đang chực nói: *Chúng ta sẽ*

đi tàu điện ngầm, con chim khôn ngoan đấy, thì nhận ra phòng vé vắng tanh và quầy bán vé đóng cửa. Mặc dù không có vẻ gì sẽ sớm có chuyến tàu ghé qua nhà ga này, chúng tôi vẫn dần bước tiến tới qua một cái cổng không bị chằng xích khóa, đi theo một hành lang đầy những tờ thông báo đang bong dần ra và những viên gạch men trắng sứ mẻ, tới một cầu thang chạy sâu xuống, tại đây chúng tôi đi theo vòng xoáy tròn ốc xuống sâu mãi lòng đất được thấp sáng bằng điện đang rì rầm của thành phố.

Tại mỗi chiều nghỉ, chúng tôi đều phải bước vòng quanh những người đang ngủ, quán mình trong chãn: ban đầu là từng người riêng, rồi tới từng nhóm nằm như những que diêm bị rải ra, rồi sau nữa, khi chúng tôi xuống tới nơi sâu nhất, cả một biển người chật ních tràn ra khắp ke ga tàu điện ngầm – hàng trăm người chen chúc giữa một vách tường và các đường ray, nằm co ro trên sàn, nằm dài trên các băng ghế, lún người vào những chiếc ghế gấp. Những người nếu không phải đang ngủ thì cũng đu đưa ru những đứa trẻ trên tay, đọc những cuốn sách bìa mềm, chơi bài, cầu nguyện. Không phải họ đang đợi tàu; chẳng có chuyến tàu nào sắp đến. Họ đang tránh bom, và nơi này là hầm trú ẩn của họ.

Tôi cố dùng trực cảm tìm hồn rỗng, nhưng có quá nhiều khuôn mặt, quá nhiều hình dáng. May mắn, nếu như chúng tôi có còn lại ít nhiều may mắn, biết đâu sẽ giúp chúng tôi tồn tại thêm trong một thời gian.

Giờ thì sao đây?

Chúng tôi cần con bồ câu định hướng giúp, song nó có vẻ hơi bối rối – giống như tôi, nó có vẻ bị đám đông làm rối trí – vì thế chúng tôi đành đứng đợi, tiếng thở, tiếng ngáy, tiếng ú ớ lẩm bẩm của những người đang ngủ vang lên rì rầm thật kỳ lạ quanh chúng tôi.

Sau một phút, con bồ câu cứng người lại và bay về phía các đường ray, rồi làm căng dây buộc ra và nhào trở lại đậu trên bàn tay Melina như một con quay.

Chúng tôi rón rén đi vòng qua các thân người tới rìa ke ga, rồi nhảy xuống khe sâu nơi đặt các đường ray. Các tuyến ray mát hút vào trong các đường hầm ở hai đầu nhà ga. Tôi có cảm giác nặng nề là tương lai của chúng tôi nằm đâu đó ở một trong những cái miệng khổng lồ tối om đang há ngoác ra này.

“Ồ, tớ hy vọng chúng ta sẽ không phải mò mẫm vào trong kia,” Olive nói.

“Tất nhiên là phải,” Enoch nói. “Chúng ta phải dò dẫm mọi cống rãnh sẵn có thì mới gọi là một kỳ nghỉ đúng nghĩa chứ.”

Con bò câu nhao về phía bên phải. Chúng tôi bắt đầu lần đi theo đường ray.

Tôi nhảy tránh một vũng nước đọng váng dầu và một đoàn chuột cống rào rào chạy tránh khỏi hai bàn chân tôi, khiến Olive kêu thét lên nhào vào vòng tay Bronwyn. Đường hầm há hoác ra trước mặt chúng tôi, tối đen đầy đe dọa. Tôi cảm thấy sẽ rất bất lợi nếu chạm trán một con hồn rỗng ở nơi này. Ở đây chẳng có bức tường nào để leo lên, không có ngôi nhà nào để chui vào trú, không có nắp mộ nào để đẩy lại sau lưng chúng tôi. Đường hầm dài hun hút, thẳng tắp và chỉ được chiếu sáng bằng vài bóng đèn đỏ yếu ớt ở từng quãng cách xa nhau.

Tôi bước nhanh hơn.

Màn đêm khép lại quanh chúng tôi.

Khi còn bé, tôi hay chơi trốn tìm với bố. Tôi luôn là người đi trốn, còn ông đi tìm. Tôi thực sự giỏi trò đi trốn, chủ yếu vì không như phần lớn những đứa trẻ bốn năm tuổi, tôi có khả năng – mà hồi đó cũng kể là đặc biệt – giữ mình cực kỳ im lặng trong một khoảng thời gian dài, và cũng vì tôi không hề bị ám ảnh bởi bất cứ thứ gì giống như hội chứng sợ bị giam giữ: tôi có thể thu mình chui rúc vào khoảng không gian chật chội nhất trong buồng kho sau nhà và ở yên đó trong hai mươi hay ba mươi phút, không phát ra một âm thanh nào, tận hưởng một thời gian tuyệt vời chưa từng có.

Đó là lý do hẳn sẽ khiến bạn nghĩ tôi không có rắc rối nào với những không gian khép kín tối mò. Hoặc là lý do ít nhất cũng làm bạn nghĩ một đường hầm vốn dùng để chứa các đoàn tàu, đường ray và chẳng có gì khác sẽ giúp tôi dễ xoay xở hơn so với nơi về cơ bản là một nghĩa địa mở, mọi thứ mang âm hưởng Halloween tràn ngập khắp góc ngách. Ấy thế nhưng, càng đi sâu vào đường hầm, tôi càng bị đè nặng bởi cảm giác sợ hãi lạnh lạnh ướt át cứ từ từ dâng lên – một cảm giác khác hẳn thứ cảm giác tôi dùng

để phát hiện đám hồn rỗng; đây chỉ đơn giản là một *linh cảm xấu*. Và thế là tôi hồi hải dẫn cả đám đi nhanh hết mức mà người chậm nhất trong chúng tôi có thể bước đi, thúc giục Melina cho tới khi cô gắt tôi lùi lại, một dòng adrenaline đầy kích động đều đều tiết ra giúp kim chân cơn kiệt sức của tôi.

Sau một cuộc đi bộ dài và vài chỗ rẽ hình chữ Y trong đường hầm, con bò câu dẫn chúng tôi tới một đoạn đường ray không được sử dụng, gạch đã bung vỡ, những vũng nước tù đọng trải rộng trên sàn hầm. Áp lực của những đoàn tàu chạy qua các đường hầm ngoài xa đẩy vào không khí xung quanh như những hơi thở từ khí quản một sinh vật khổng lồ nào đó.

Thế rồi, từ xa phía trước chúng tôi, một chấm sáng nhỏ xíu chập chờn hiện ra, nhỏ xíu nhưng lớn lên rất nhanh. “Tàu!” Emma la lên, và chúng tôi tản ra tựa dán lưng vào các vách tường. Tôi bịt hai tai lại, cứ ngỡ phải nghe tiếng âm âm đìếc tai của động cơ tàu điện ngầm ở cự ly gần, nhưng âm thanh đó chẳng bao giờ vang lên – tất cả những gì tôi có thể nghe thấy là một tiếng rên rỉ khe khẽ, mà tôi khá chắc chắn đang vang lên từ trong đầu mình. Đúng lúc ánh sáng tràn ngập đường hầm, quầng sáng trắng lóa của nó bao trùm lấy chúng tôi, tôi đột nhiên cảm thấy áp lực trong tai mình và ánh sáng biến mất.

Chúng tôi loạng choạng ngơ ngẩn rời khỏi vách tường. Giờ đây đường ray và gạch lát dưới chân chúng tôi đều mới tinh, như thể vừa mới được lắp đặt. Đường hầm có vẻ ít đậm mùi nước tiểu hơn. Những bóng đèn lấp dọc đường đã trở nên sáng hơn, và thay vì cung cấp thứ ánh sáng ổn định, chúng chập chờn – vì đó không phải là các bóng đèn điện mà là những ngọn đèn ga.

“Chuyện gì vừa xảy ra vậy?” tôi hỏi

“Chúng ta đã vào một Vòng Thời Gian,” Emma nói. “Nhưng thứ ánh sáng kia là gì vậy? Tôi chưa bao giờ thấy cái gì tương tự.”

“Lối vào mọi Vòng Thời Gian đều có đặc trưng của chúng,” Millard nói.

“Có ai biết chúng ta đang ở đâu không?” tôi hỏi.

“Tôi đoán là nửa sau thế kỷ mười chín,” Millard nói. “Trước năm 1863, không hề có hệ thống đường tàu ngầm nào ở London cả.”

Thế rồi, từ đằng sau chúng tôi, một quầng sáng nữa xuất hiện – lần này cùng với một luồng gió nóng bỏng và tiếng gầm như sấm động. “Tàu kia!” Emma lại la lên, và lần này thì đúng thật. Chúng tôi tựa mình áp sát vào các vách tường trong khi đoàn tàu vùn vụt lao qua trong một cơn cuồng phong của tiếng ồn, ánh sáng và khói phụt ra mù mịt. Trông nó giống một đoàn tàu với đầu máy hơi nước thu nhỏ hơn là một đoàn tàu điện ngầm hiện đại. Thậm chí còn có cả một toa dành cho nhân viên ở cuối đoàn tàu, tại đó một người đàn ông có bộ râu đen rậm cầm một cây đèn lồng cháy leo lét trên tay há hốc miệng kinh ngạc nhìn chúng tôi trong khi đoàn tàu rầm rầm lao đi rồi biến mất sau khúc quanh kế tiếp.

Cái mũ lưỡi trai của Hugh đã bị thổi bay khỏi đầu cậu và bị xéo nát. Cậu tới nhặt cái mũ lên, phát hiện ra nó đã rách tan, cậu giận dữ ném nó xuống. “Tớ chả quan tâm đến cái Vòng này,” cậu ta nói. “Chúng ta mới chỉ ở đây có mười giây mà nó đã tìm cách giết chúng ta rồi. Hãy làm những gì chúng ta cần làm rồi xuống xéo khỏi đây thôi.”

“Tớ không thể tán thành hơn,” Enoch nói.

Con bò câu dẫn chúng tôi đi tiếp theo đường ray. Sau chừng mười phút, nó dừng lại, kéo dây hướng về một thứ trông như bức tường trơn. Chúng tôi không hiểu tại sao cho tới khi tôi nhìn lên và phát hiện thấy một cái cửa bị ngụy trang một phần nằm nơi vách tường tiếp giáp trần đường hầm, ở trên cao sáu mét. Vì dường như không còn cách nào khác để tới chỗ cái cửa, Olive liền tháo giày ra và bay lên để quan sát gần hơn. “Trên cửa có một cái khóa,” cô nói. “Một cái khóa mã số.”

Cũng có một cái lỗ vừa cỡ một con bò câu được khoét qua góc dưới tấm cửa, nhưng chẳng ích gì với chúng tôi – chúng tôi cần mã số.

“Có ý tưởng nào về mã số không?” Emma hỏi, hướng tới tất cả mọi người.

Cô được đáp lại bằng những cái nhún vai và những ánh mắt ngơ ngác.

“Không,” Millard nói.

“Chúng ta sẽ phải đoán,” Emma nói.

“Biết đâu lại là sinh nhật tớ,” Enoch nói. “Thử ba – một – hai – chín – hai xem.”

“Tại sao lại có ai đó biết sinh nhật cậu nhỉ?” Hugh lên tiếng.

Enoch cau mày. “Cứ thử đi.”

Olive quay vòng nhập số hết tới lại lui, rồi thử mở khóa. “Xin lỗi nhé, Enoch.”

“Thế còn ngày Vòng Thời Gian của chúng ta thì sao nhỉ?” Horace đề xuất. “Chín – ba – bốn – không.”

Cũng không phải.

“Sẽ không phải là một thứ dễ đoán như ngày tháng đâu,” Millard nói. “Nhu thế sẽ làm hỏng mục đích lắp khóa.”

Olive bắt đầu thử những cách phối hợp ngẫu nhiên. Chúng tôi đứng dưới quan sát, mỗi lần thử thất bại lại thêm lo lắng. Trong lúc đó, cô Peregrine lặng lẽ chui ra khỏi áo khoác của Bronwyn và nhảy tới chỗ con bò câu, vốn đang lạch bạch đi đi lại lại quanh đầu sợi dây buộc vào chân nó, mỗ mỗ xuống đất. Khi trông thấy cô Peregrine, con chim cố nhảy tránh đi, nhưng cô phụ trách bèn đuổi theo, cổ họng phát ra những tiếng gừ gừ mơ hồ đầy đe dọa.

Con bò câu đập cánh bay lên vai Melina, tránh khỏi tầm với của cô Peregrine. Cô Peregrine đứng dưới chân Melina, kêu quang quác về phía nó. Hành động này có vẻ làm con bò câu cực kỳ bất an.

“Cô P, cô định làm gì thế?” Emma nói.

“Tớ nghĩ bà ấy muốn biết gì đó từ con chim,” tôi nói với Melina.

“Nếu con bò câu biết đường,” Millard nói, “có lẽ nó cũng biết cả mã số nữa.”

Cô Peregrine quay sang cậu ta và kêu ré lên, sau đó lại nhìn con bò câu và kêu to hơn nữa. Con bò câu cố trốn sau gáy Melina.

“Có lẽ con bò câu biết mã số nhưng không biết cách nói cho chúng ta,” Bronwyn nói, “nhưng nó có thể nói với cô Peregrine, vì cả hai đều nói ngôn ngữ của chim, và sau đó cô Peregrine có thể cho chúng ta biết.”

“Hãy để con bồ câu của cậu nói chuyện với con chim của bọn tớ,” Enoch nói.

“Chẳng có gì phải sợ cả,” Emma nói. “Cô P sẽ không bao giờ làm hại một con chim khác. Điều đó vi phạm quy tắc của các Chủ Vòng.”

Đôi mắt Melina mở to, sau đó nheo lại. “Con chim đó là một Chủ Vòng sao?”

“Cô ấy là cô phụ trách của bọn tớ!” Bronwyn nói. “Alma LeFay Peregrine.”

“Đây rầy ngạc nhiên, phải không nào?” Melina nói, rồi phá lên cười với vẻ khó có thể nói là thân thiện. “Các cậu có Chủ Vòng của mình ở ngay đây, vậy còn cần tìm một người khác làm gì?”

“Đó là một câu chuyện dài,” Millard nói. “Tóm lại chỉ cần biết rằng Chủ Vòng của bọn tớ cần sự giúp đỡ mà chỉ một Chủ Vòng khác làm được.”

“Chỉ cần để con bồ câu đó xuống đất để cô P có thể nói chuyện với nó!” Enoch nói.

Cuối cùng, đầy miễn cưỡng, Melina đồng ý. “Thôi nào, Winnie, cô gái ngoan.” Cô nhắc con bồ câu khỏi vai và nhẹ nhàng đặt nó xuống dưới chân, rồi để dây buộc con chim xuống dưới giày và giẫm lên để nó không bay đi được.

Tất cả mọi người vây quanh để quan sát trong khi cô Peregrine tiến tới chỗ con bồ câu. Nó tìm cách bỏ chạy nhưng bị sợi dây giữ lại. Cô Peregrine sấn tới trước mặt nó, hết cùng cục lại quàng quạc. Cảnh tượng hết như quan sát một cuộc hỏi cung. Con bồ câu rúc đầu vào dưới cánh và bắt đầu run bần bật.

Sau đó, cô Peregrine mổ vào đầu nó.

“Này!” Melina nói. “Dừng lại!”

Con bồ câu vẫn rúc đầu như cũ và không trả lời, vật là cô Peregrine lại mổ nó, mạnh hơn.

“Đủ rồi!” Melina la lên, và vừa nhắc giày lên khỏi sợi dây, cô vừa cúi xuống con bồ câu. Song cô còn chưa kịp chạm tay vào con chim, cô

Peregrine đã nhanh chân chộp lấy sợi dây, kẹp chặt nó xuống trong khi lấy mỏ ngậm chặt một bên chân thanh mảnh của con bồ câu rồi nhảy đi, con bồ câu không ngớt kêu rít lên và vung vẩy.

Melina nổi cáu. “Quay lại đây!” cô tức giận la lên, định đuổi theo hai con chim thì bị Bronwyn giữ lại.

“Đợi đã!” Bronwyn nói. “Tớ tin chắc cô P biết mình đang làm gì...”

Cô Peregrine dừng lại xa hơn một quãng phía dưới đường ray, tránh xa tầm với của bất cứ ai. Con bồ câu vung vẩy trong mỏ bà, còn Melina vung vẩy trong tay Bronwyn, cả hai đều vô vọng. Cô Peregrine có vẻ đợi con bồ câu mệt mỏi và khuất phục, nhưng sau đó bà trở nên nóng nảy và bắt đầu ngậm lấy chân con bồ câu và vung nó quay tít trong không khí.

“Làm ơn, cô P!” Olive la lên. “Cô sẽ giết nó mất!”

Tôi định lao tới và tự gỡ chúng ra, nhưng hai con chim đã biến thành một đám mờ mờ chỉ thấy chân với mỏ, và không ai có thể lại đủ gần để tách riêng chúng ra. Chúng tôi kêu lên, nài nỉ cô Peregrine dừng lại.

Cuối cùng, bà cũng dừng. Con bồ câu rơi khỏi mỏ bà và lảo đảo đứng trên hai chân, quá choáng váng để có thể bay lên nổi. Cô Peregrine quàng quạc với nó hệt như lúc trước, và lần này con bồ câu chiêm chiếp trả lời. Sau đó, cô Peregrine lấy mỏ mổ xuống đất ba lần, rồi mười lần, rồi năm lần.

Ba – một – không – năm. Olive thử tổ hợp số. Cái khóa kêu tách rồi mở ra, cánh cửa mở vào trong, rồi một chiếc thang dây tuột xuống vách tường chạm tới tận sàn.

Cuộc hỏi cung của cô Peregrine đã có hiệu quả. Bà đã làm những gì cần làm để giúp tất cả chúng tôi, và vì thế, chúng tôi có thể bỏ qua cách hành xử của bà – nếu như không vì chuyện xảy ra tiếp theo. Bà lại xách chân con bò câu đang đờ đẫn lên, có vẻ nổi cáu, và quăng mạnh nó vào tường.

Tất cả chúng tôi đều thảng thốt kêu lên kinh hoàng. Tôi bị sốc đến nỗi không nói nên lời.

Melina vùng ra khỏi Bronwyn để chạy tới nhặt con bò câu lên. Con chim oạt xuống từ trên tay cô gái, cổ bị gãy.

“Ôi con chim của tôi, cô ấy đã giết nó!” Bronwyn kêu lên.

“Chúng ta đã phải trải qua từng ấy chuyện để bắt được nó,” Hugh nói, “và giờ nhìn xem.”

“Tôi sẽ vận cổ Chủ Vòng của các người!” Melina rít lên, phát cuồng vì phẫn nộ.

Bronwyn lại tóm lấy tay cô. “Không, cậu không được làm thế! Dừng lại!”

“Chủ Vòng của các người là đồ man rợ! Nếu bà ta cư xử kiểu đó, chẳng thà chúng ta sống cùng lũ xác sống còn hơn!”

“Thu lại câu cậu vừa nói ngay!” Hugh gắt lên.

“Không đời nào!” Melina nói.

Thêm nhiều lời lẽ gay gắt trao qua đổi lại. Thiếu chút nữa đã có một cuộc ẩu đả. Bronwyn giữ lấy Melina, Emma và tôi giữ Hugh, cho tới khi cơn hăng máu của họ dịu xuống, cho dù sự phẫn nộ thì chưa.

Không ai tin nổi điều cô Peregrine vừa làm.

“Có gì ghê gớm đâu nhỉ?” Enoch nói. “Đó chỉ là một con bò câu ngu ngốc.”

“Không, không phải,” Emma nói, thẳng thừng trách cứ cô Peregrine.

“Con chim đó là bạn của cô Wren. Nó đã hàng trăm tuổi rồi. Nó đã được nói tới trong *Những truyện kể*. Và giờ nó chết rồi.”

“Bị giết hại,” Melina nói, và cô nhỏ nước bọt xuống đất. “Người ta gọi như thế khi có kẻ giết ai đó mà không có lý do.”

Cô Peregrine thân nhiên nhặt một con ve dưới cánh, như thể bà không hề nghe thấy những lời vừa rồi.

“Có gì đó xấu xa đã xâm nhập vào cô ấy,” Olive nói. “Thế này không giống cô Peregrine chút nào.”

“Cô ấy đang thay đổi,” Hugh nói, “trở nên nhiều chất động vật hơn.”

“Hy vọng trong cô ấy vẫn còn chút nhân tính để mà cứu vớt,” Millard ảm đạm nói.

Tất cả chúng tôi cũng đều hy vọng như thế.

Chúng tôi leo lên khỏi đường hầm, mỗi người đều chìm trong những suy nghĩ đầy âu lo của riêng mình.

Đằng sau cánh cửa là một hành lang dẫn tới một dãy bậc thang đưa đến một hành lang khác và một cánh cửa khác, mở vào một căn phòng tràn ngập ánh sáng ban ngày và chất đầy quần áo: những chiếc giá, tủ tường, tủ đứng đầy ắp quần áo. Cũng có hai tấm bình phong gỗ để đứng sau thay đồ, vài tấm gương gắn trên giá đứng, và một bàn may với máy khâu và những xấp vải. Nơi này nửa như cửa hiệu, nửa như xưởng may – và là một thiên đường với Horace, cậu ta nhào lộn lại vào trong và reo lên, “Tôi ở trên thiên đường rồi!”

Melina lăm li đi sau cùng, không nói gì với ai.

“Nơi này là gì vậy?” tôi hỏi.

“Một phòng cải trang,” Millard trả lời, “được thiết kế để giúp các vị khách đặc biệt tới thăm hòa lẫn vào những người bình thường của Vòng này.” Cậu ta chỉ ra một tấm hình minh họa được đóng khung mô tả cách mặc trang phục của thời kỳ đó.

“Nhập gia tùy tục!” Horace nói, đồng thời hăm hở lao về phía một giá treo quần áo.

Emma yêu cầu tất cả thay quần áo. Ngoài việc giúp chúng tôi hòa lẫn vào thực tại, quần áo mới có thể đánh lạc hướng tất cả những gã xác sống đang săn lùng chúng tôi. “Nhưng giữ áo len của các cậu lại bên trong, đề phòng có thêm rắc rối tìm đến với chúng ta.”

Bronwyn và Olive thay sang những bộ váy giản dị ở sau một tấm bình phong. Tôi đổi cái quần bê bê tro và ướm sũng mồ hôi của mình cũng như cái áo khoác lấy một bộ đồ hơi cộc cạch nhưng tương đối sạch sẽ. Ngay lập tức cảm thấy không thoải mái, tôi tự hỏi làm thế nào suốt bao thế kỷ người ta có thể liên tục mặc những thứ quần áo cứng nhắc, bó buộc kiểu này được.

Millard mặc vào một bộ đồ nom khá bảnh bao và ngồi xuống trước một cái gương. “Trông tớ thế nào?” cậu ta hỏi.

“Như một anh chàng vô hình mặc quần áo,” Horace đáp.

Millard thở dài, nần nã lại trước gương thêm một chút, rồi cởi đồ ra và lại biến mất.

Cơn hào hứng ban đầu của Horace đã nguội xuống. “Bộ sưu tập ở đây thật kinh khủng,” cậu ta phàn nàn. “Nếu như quần áo không bị nhậy cảm thì cũng bị vá víu bằng những mảnh vải chẳng ăn nhập gì! Tớ chán *ngấy* cảnh trông như một đũa nhóc lang thang ngoài phố rồi.”

“Những đứa trẻ đường phố sẽ hòa lẫn vào quang cảnh xung quanh,” Emma nói từ sau màn chắn thay đồ của mình. “Những quý ông nhóc con đội mũ chóp cao thì không.” Emma trở ra đi một đôi giày bệt màu đỏ sáng bóng và một chiếc váy ngắn tay màu xanh lơ dài vừa quá gối.

“Cậu nghĩ thế nào?” cô nói, xoay người làm chiếc váy bay phồng lên.

Trông cô giống như Dorothy từ *Phù thủy xứ Oz*, chỉ có điều dễ thương hơn. Song tôi không biết phải nói với cô điều này thế nào trước mặt mọi người, nên thay vì thế tôi dành cho cô một nụ cười toe ngượng nghịu và giơ ngón tay cái lên.

Cô bật cười. “Cậu thích à? Chắc, thế thì quá tệ,” cô nói kèm theo một nụ cười bên lên. “Tớ sẽ chịu đựng nó như một cái ngón tay đau vậy.” Rồi một thoáng buồn bã lướt qua trên khuôn mặt cô, như thể cô cảm thấy có lỗi vì đã cười – vì đã có cho dù chỉ một khoảnh khắc vui vẻ sau những gì đã xảy ra

với chúng tôi và những gì còn phải giải quyết – và cô lại chui vào sau bình phong.

Tôi cũng cảm thấy thế: nỗi sợ hãi, sức nặng của những cảnh kinh hoàng chúng tôi đã thấy, những cảnh tượng cứ liên tục lặp đi lặp lại thành một vòng tròn bất tận khủng khiếp trong tâm trí tôi. Nhưng người ta không thể *từng giây từng phút* đều cảm thấy khổ sở, tôi muốn nói với cô như thế. Cười không làm những điều tồi tệ trở nên tệ hơn, và khóc cũng chẳng làm chúng bớt đi. Cười không có nghĩa là bạn không quan tâm hay bạn đã lãng quên. Nó chỉ có nghĩa bạn là con người. Nhưng tôi cũng không biết phải nói ra ý nghĩ này thế nào.

Khi quay ra, Emma mặc trên người một chiếc áo trông như bao tải, tay áo rách tươm và một cái váy dài chấm bàn chân. (Trông giống những đứa trẻ đường phố hơn nhiều.) Song cô vẫn giữ lại đôi giày đỏ. Emma sẽ không bao giờ cưỡng lại được sự cám dỗ của một chút lấp lánh, dù là rất nhỏ.

“Thế còn cái này?” Horace nói, vung vẩy một bộ tóc giả phòng màu cam cậu ta tìm thấy. “Nó thì giúp ai đó hòa lẫn vào những người bình thường kiểu gì được đây?”

“Vì có vẻ như chúng ta sẽ tới một lễ hội hóa trang,” Hugh nói, ngược mắt nhìn lên một bức áp phích trên tường quảng cáo cho một lễ hội.

“Đợi chút!” Horace nói, tới cạnh Hugh đứng dưới tấm áp phích. “Tớ đã nghe nói tới nơi này rồi! Một Vòng Du Lịch cũ!”

“Vòng Du Lịch là cái gì vậy?” tôi hỏi.

“Trước đây cậu có thể tìm chúng trong khắp thế giới người đặc biệt,” Millard giải thích, “chúng được đặt theo chiến lược tại những thời điểm, địa điểm quan trọng về mặt lịch sử. Chúng tạo thành một Chuyến Tham Quan Lớn, từng có thời được coi là một phần thiết yếu trong việc giáo dục bất cứ người đặc biệt được nuôi dạy tử tế nào. Tất nhiên, đó là chuyện của rất nhiều năm trước rồi, khi việc ra ngoài vẫn còn tương đối an toàn. Tớ không nghĩ là vẫn còn cái Vòng nào kiểu này sót lại.”

Thế rồi cậu ta im bặt, chìm trong ký ức về một thời tươi đẹp hơn.

Khi ai nấy đều đã thay đồ xong, chúng tôi để quần áo thế kỷ hai mươi của mình dồn lại thành một đống và đi theo Emma qua một cánh cửa khác,

ra ngoài một con hẻm đầy ắp rác và những cái thùng rỗng. Tôi nhận ra âm thanh của một lễ hội hóa trang ngoài xa: những tiếng hỗn độn chẳng thành giai điệu gì của đàn ống, tiếng reo hò âm ỉ của một đám đông. Ngay cả trong trạng thái căng thẳng và kiệt sức, tôi vẫn cảm thấy phấn khích. Từng có lúc đây là một nơi những người đặc biệt từ những nơi xa xôi trên khắp hành tinh tìm đến để chiêm ngưỡng. Bố mẹ tôi thậm chí còn chưa bao giờ đưa tôi tới công viên Disney.

Emma đưa ra yêu cầu quen thuộc: “Ồ sát nhau. Quan sát Jacob và tớ để nhận tín hiệu. Không nói gì với ai hết, và không nhìn vào mắt ai cả.”

“Làm thế nào chúng ta biết phải đi đâu?” Olive hỏi.

“Chúng ta sẽ phải nghĩ như các Chủ Vòng,” Emma nói. “Nếu cậu là cô Wren, cậu sẽ ẩn náu ở đâu?”

“Còn ở đâu nữa ngoài London?” Enoch nói.

“Giá như ai đó đứng có *giết hại* con bò câu,” Bronwyn nói, cay đắng nhìn chăm chăm vào cô Peregrine.

Cô phụ trách đứng trên các viên đá lát ngược nhìn lên chúng tôi, song không ai muốn chạm đến bà. Nhưng chúng tôi vẫn phải giữ cho bà khuất khỏi tầm mắt, vì thế Horace quay lại căn phòng cải trang và lấy một cái túi vải bạt. Cô Peregrine không mấy hào hứng với cách thu xếp này, nhưng khi đã nhận ra rõ ràng là không ai chịu nhắc bà lên – và Bronwyn, giờ đây dường như hoàn toàn ghê tởm bà, lại càng không – bà bèn chui vào trong và để Horace buộc túi lại bằng một sợi dây da.

Chúng tôi theo những âm thanh chéch choáng của lễ hội qua một mớ bong bong những đường hẻm chật chội, nơi những người bán hàng từ trên những chiếc xe gỗ thả xuống nào rau củ, nào những bao ngũ cốc bụi bặm và cả những con thỏ vừa giết thịt; những đứa trẻ và những con mèo gầy trơ xương lẫn lút rình mò với đôi mắt còn cào đói, và những người phụ nữ với khuôn mặt nhem nhuốc kiêu hãnh ngồi chồm hổm bên các rãnh nước gọt khoai tây, tạo ra từng núi vỏ giòn giòn. Dù chúng tôi đã cố hết sức lách qua mà không gây chú ý, tất cả họ dường như đều quay lại nhìn chăm chăm khi chúng tôi đi qua: những người bán hàng, lũ trẻ, những người phụ nữ, đám

mèo hoang, những con thỏ đã chết với đôi mắt trắng đã bị treo ngược đu đưa.

Thậm chí trong bộ quần áo mới phù hợp với thời đại của mình, tôi vẫn cảm thấy rõ ràng mình không ở đúng nơi đúng chỗ. Tôi chợt nhận ra rằng, muốn hòa lẫn vào một nơi nào đó, không những trang phục mà cả tác phong cư xử cũng phải ăn nhập, mà cả các bạn tôi lẫn tôi đều không có dáng vẻ buông thả vai và ánh mắt đảo lia lia như những người này. Trong tương lai, nếu muốn giấu mình hữu hiệu như đám xác sống, tôi sẽ phải trau dồi thêm kỹ năng diễn xuất của mình.

Chúng tôi càng đi xa, lễ hội càng trở nên âm ỉ hơn, và các thứ mùi cũng trở nên nặng hơn – thịt nấu quá lửa, hạt nướng, phân ngựa, phân người, và khói từ những cái bếp than, tất cả trộn lẫn vào nhau thành thứ mùi ngọt ngào một cách nôn mửa tới mức làm cả không khí đặc quánh lại. Cuối cùng, chúng tôi tới một quảng trường rộng, lễ hội đang diễn ra đúng cao trào rộn rã, đầy áp người và những căn lều màu sắc rực rỡ, nhiều hoạt động tới mức đôi mắt tôi khó có thể thu vào cùng một lúc. Toàn bộ khung cảnh ập vào các giác quan của tôi như một đợt công kích. Có những người làm trò nhào lộn, đi trên dây, các nghệ sĩ phóng dao, người diễn trò nuốt lửa cũng như các hình thức tạp kỹ đường phố đủ loại. Một tay lang băm rao bán các loại thuốc độc quyền từ sau một chiếc xe: “Một loại thuốc bổ quý hiếm để bảo vệ đường ruột chống lại các loại ký sinh, nấm mốc có hại và mùi khó ngửi đây!” Tranh giành sự chú ý trên một sân khấu đó là một nhà trình diễn to mồm mặc áo đuôi tôm và một con vật to tướng với bộ dạng thời tiền sử, làn da xám xịt của nó rũ xuống bên ngoài bộ xương thành từng nếp nhăn nheo. Trong lúc chúng tôi len lỏi thành một hàng trong đám đông đi ngang qua trước sân khấu, tôi phải mất đúng mười giây mới nhận ra đó là một con gấu. Nó đã bị cạo lông, trói vào một cái ghế và bắt mặc một cái váy phụ nữ, và trong khi đôi mắt con gấu lồi ra trên đầu, người đàn ông cười nhăn nhở và giả bộ phục vụ trà cho nó, đồng thời ngoạc mồm hét, “Thưa quý bà quý ông! Xin giới thiệu quý bà xinh đẹp nhất trên toàn xứ Wales!” – câu giới thiệu giúp ông ta giành được một tràng cười âm ỉ từ đám đông. Tôi có phần hy vọng con gấu sẽ bứt được xích ra và chén ông ta ngay tại đó, trước mặt bàn dân thiên hạ.

Để cự lại cái cảm giác chóng mặt do toàn bộ cơn điên loạn như trong mơ này gây ra, tôi thò tay vào túi để áp lên màn hình phẳng nhẵn của chiếc điện

thoại, nhắm mắt lại trong giây lát, rồi lẩm bẩm với chính mình, “Ta là một nhà du hành vượt thời gian. Đây là thực. Ta, Jacob Portman, đang du hành thời gian.”

Ngay thực tại này cũng đã đủ kinh ngạc. Có lẽ còn đáng kinh ngạc hơn nữa, việc du hành vượt thời gian đã không làm đầu óc tôi vỡ tung; và nhờ một phép màu nào đó tôi vẫn chưa biến thành một gã điên không ngừng huênh hoang lảm nhảm ở góc phố. Tâm lý con người linh hoạt hơn nhiều so với những gì tôi hình dung, có khả năng mở rộng để thu nhận đủ loại nghịch lý và cả những điều dường như bất khả thi. May thay cho tôi.

“Olive!” Bronwyn la lên. “Rời khỏi đó ngay!” Tôi ngược nhìn lên và thấy cô lồi Olive rời khỏi chỗ một anh hề đang cúi xuống nói chuyện với cô bé. “Tớ đã bảo cậu không biết bao nhiêu lần rồi, đừng bao giờ nói chuyện với người bình thường!”

Nhóm chúng tôi đủ đông để việc giữ mọi người bên nhau có thể trở thành một thách thức, nhất là tại một nơi như nơi này, đầy ắp những trò giải trí được bày ra rất đúng tử để mê hoặc trẻ con. Bronwyn vào vai bà mẹ nghiêm khắc, dồn chúng tôi lại bất cứ khi nào một ai đó trong chúng tôi tách ra để tới ngắm nhía kỹ hơn một dãy những chiếc chong chóng màu sắc sặc sỡ hay những chiếc kẹo vừa làm xong còn bốc hơi nghi ngút. Olive là người dễ bị phân tâm nhất, và thường xuyên có vẻ quên mất rằng chúng tôi đang trong cảnh nguy hiểm vô cùng. Chỉ có thể giữ nhiều đứa trẻ đến thế trong hàng vì họ thực sự không phải là những đứa trẻ - vì có một bản chất nào đó già dặn hơn bên trong họ, tranh đấu lại và giữ cân bằng với những thôi thúc trẻ con của họ. Với những đứa trẻ thực sự, tôi tin chắc việc duy trì kỷ luật hẳn đã là vô vọng.

Suốt một hồi chúng tôi lang thang vô định, tìm kiếm bất cứ ai trông giống như cô Wren, hay bất cứ nơi nào có vẻ là chỗ những người đặc biệt có thể dùng để ẩn náu. Nhưng *cái gì* ở đây cũng có vẻ đặc biệt – toàn bộ Vòng Thời Gian này, với tất cả sự lạ lùng hỗn loạn của nó, là màn nguy trang hoàn hảo cho những người đặc biệt. Ấy thế nhưng, ngay cả ở đây, người ta vẫn hướng sự chú ý vào chúng tôi, đầu họ thoáng quay theo khi chúng tôi đi ngang qua. Tôi bắt đầu bị hoang tưởng. Có bao nhiêu người trong đám đông quanh chúng tôi là gián điệp cho đám xác sống – hay chính là xác sống? Tôi đặc biệt cảnh giác anh hề, kẻ Bronwyn đã kéo Olive rời khỏi. Hẳn cứ liên tục xuất hiện trở lại. Chúng tôi chắc chắn phải gặp hẳn đến năm lần chỉ

trong từng ấy phút: tha thân ở đầu một con hẻm, nhìn chằm chằm xuống từ một ô cửa sổ, dõi theo chúng tôi từ một căn lều chụp ảnh, mái tóc rối bù và lớp hóa trang kinh khủng tương phản một cách lạ lùng với phong nền vẽ cảnh đồng quê yên bình. Có vẻ như hắn có mặt khắp nơi trong cùng lúc.

“Lang thang ngoài nơi trông trải thế này chẳng tốt chút nào,” tôi nói với Emma. “Chúng ta không thể cứ lòng vòng mãi. Mọi người đang để ý tới chúng ta. *Những tên hề.*”

“Hề ư?” cô hỏi lại. “Dù sao đi nữa, tớ đồng ý với cậu – nhưng thật khó biết phải bắt đầu từ đâu giữa cảnh điên rồ này.”

“Chúng ta nên bắt đầu tại nơi luôn là phân đặc biệt nhất của *bất cứ* lễ hội nào,” Enoch nói, chen vào giữa hai chúng tôi. “Màn biểu diễn phụ.” Cậu ta chỉ tay về phía một mặt phong cao trang trí lòe loẹt ở góc quảng trường. “Những màn biểu diễn phụ và những người đặc biệt đồng hành với nhau chẳng khác gì sữa và bánh giòn. Hay hồn rỗng và xác sống.”

“Họ hay làm vậy,” Emma nói, “những đám xác sống cũng biết thế. Tớ tin chắc cô Wren không giữ được tự do lâu đến thế bằng cách ẩn náu ở những nơi hiển nhiên như vậy.”

“Cậu có ý tưởng nào hay hơn chẳng?” Enoch nói.

Chúng tôi không có, và vì thế chúng tôi chuyển hướng về phía màn biểu diễn phụ. Tôi nhìn lại sau để tìm kiếm tên hề đáng ngờ, nhưng hắn đã khuất dạng vào đám đông.

Ở vị trí cuộc biểu diễn phụ, một tay hoạt náo viên lễ hội tóc đầy gàu đang gân cổ lên qua một cái loa, hứa hẹn hình ảnh “những sai lầm kinh khủng nhất của thiên nhiên mà luật pháp cho phép mang ra trình diễn” với giá tiền cực rẻ. Màn trình diễn được gọi là Đại Hội Những Điều Kỳ Dị Của Nhân Loại.

“Nghe như vài dạ tiệc tớ từng tham dự,” Horace nói.

“Một số trong những ‘điều kỳ dị’ này có thể là năng lực đặc biệt,” Millard nói, “trong trường hợp đó họ có thể biết ít nhiều về cô Wren. Theo tớ như thế cũng đáng tiền mua vé vào xem.”

“Chúng ta làm gì có tiền mua vé vào,” Horace nói, moi một đồng xu xây xước từ trong túi áo ra.

“Từ khi nào chúng ta phải trả tiền để vào xem một màn biểu diễn phụ nữ?” Enoch nói.

Chúng tôi đi theo Enoch vòng ta đằng sau nơi trình diễn màn biểu diễn phụ, tại đây mặt tiền trông như một bức tường đã nhường chỗ cho một cái lều to phòng phênh. Chúng tôi đang tìm một kẽ hở để chui qua thì một cánh cửa vải được kéo vào, một người đàn ông và một người phụ nữ mặc lịch sự lao ra, người đàn ông đỡ người phụ nữ, người phụ nữ đang quạt lầy quạt để.

“Tránh ra!” người đàn ông hét to. “Người phụ nữ này cần không khí!”

Trên cửa có một tấm biển ghi: CHỈ DÀNH CHO NGƯỜI BIỂU DIỄN.

Chúng tôi lách vào trong và lập tức dừng lại. Một cậu bé mặt mũi bình thường ngồi trên một cái ghế đầu mặt bọc múi phòng gần lối vào, có vẻ giữ vai trò chính thức nào đó. “Các cậu là người biểu diễn à?” cậu ta hỏi. “Không được phép vào trừ phi là người biểu diễn.”

Emma vờ làm ra vẻ phật ý nói, “*Tất nhiên* chúng tớ là người biểu diễn,” và để thể hiện, cô tạo ra một ngọn lửa nhỏ xíu trên đầu ngón tay mình rồi giú nó vào mắt để dập tắt.

Cậu nhóc nhún vai, không hề bị ấn tượng. “Vậy thì vào đi.”

Chúng tôi đi qua trước mặt cậu ta, chớp mắt, mắt chúng tôi chậm chạp thích nghi với bóng tối. Nơi diễn ra màn trình diễn phụ là một mê lộ trần thấp tạo thành từ những tấm vải bạt – một hành lang được thấp sáng bằng đuốc tạo thành hiệu ứng thật huyền ảo cứ sau hai mươi hay ba mươi bước chân lại rẽ ngoặt, để cứ sau mỗi góc rẽ chúng tôi lại đối diện với một “sự ghê rợn của tự nhiên” mới. Một dòng khán giả, một số phá lên cười, một số khác tái mét run lẩy bẩy, loạng choạng đi qua bên cạnh chúng tôi theo hướng ngược lại.

Vai trò dọa nạt đầu tiên đều là những màn trình diễn điển hình cho các cuộc trình diễn phụ ở hội chợ, và không có gì thực sự đặc biệt: một người “minh họa” cả người kín mít hình xăm; một phụ nữ có râu vượt bộ râu cằm dài của mình và cười khúc khích; một người đàn ông vào vai cái gối đâm kim, dùng những chiếc kim đâm xuyên vào mặt mình, rồi dùng một cái búa

đóng đinh vào hai cái lỗ mũi mình. Trong khi tôi nghĩ cảnh này thực sự ấn tượng, các bạn tôi, một số từng đi khắp châu Âu để biểu diễn cùng cô Peregrine, không kìm nổi ngáp vì chán.

Dưới tấm biển ghi NHỮNG NGƯỜI DIÊM KỶ DIỆU, một người đàn ông với hàng trăm hộp diêm dán trên bộ đồ đang mặc cọ người vào một người đàn ông khác dính đầy que diêm trên quần áo, làm lửa cháy bùng lên trên đám que diêm trước ngực ông này trong khi ông ta loạng choạng giả bộ kinh hoàng.

“Toàn nghiệp dư,” Emma lẩm bẩm trong lúc dẫn chúng tôi tới chỗ màn trình diễn tiếp theo.

Những sự kỳ lạ ngày càng trở nên lạ lùng hơn. Có một cô gái mặc chiếc váy dài có tua quần một con trăn khổng lồ quanh người, con trăn trườn đi và uốn mình múa theo lệnh cô gái. Emma thừa nhận rằng việc này ít nhất cũng gần đến mức đặc biệt, vì khả năng thôi miên rắn là một điều chỉ các *syndrigasti* mới có thể làm được. Nhưng khi Emma có nói về cô Wren với cô gái này, cô ta lờ mắt nhìn chúng tôi đầy thù địch và con trăn của cô ta phì nhe nanh ra, còn chúng tôi đành đi tiếp.

“Chuyện này chỉ phí thời gian,” Enoch nói. “Thời gian của cô Peregrine đang cạn kiệt mà chúng ta lại đang lượn lờ tại một lễ hội! Thế sao không mua ít kẹo rồi ăn cho thỏa thích luôn nhỉ?”

Song chỉ còn thêm một trò kinh dị nữa để xem, vì thế chúng tôi đi tiếp. Sân khấu cuối cùng gần như trống trơn, ngoại trừ một cái phong tron, một cái bàn nhỏ có bày hoa, và một tấm bảng đặt trên giá ghi: NGƯỜI GẤP NỔI TIẾNG THẾ GIỚI.

Một người phục vụ bước lên sân khấu, kéo theo một chiếc va li. Ông ta đặt va li xuống rồi rời đi.

Một đám đông tập trung lại. Cái va li nằm đó, giữa sân khấu. Khán giả bắt đầu la lối, “Bắt đầu diễn đi!” và “Mang trò kinh dị ra đây!”

Cái va li nhúc nhích. Rồi nó bắt đầu lắc lư, lắc tới lắc lui cho tới khi lật nghiêng sang một bên. Đám đông dồn lại gần sân khấu, dán mắt vào nó.

Các chốt khóa va li bật ra, và thật từ từ, chiếc va li bắt đầu mở. Một đôi mắt trắng dã hé lộ khuôn mặt – của một người đàn ông trưởng thành, với bộ

ria được xén tĩa gọn gàng và một đôi kính mắt tròn nhỏ, bằng cách nào đó ông đã gập mình vào trong một chiếc va li to không hơn thân mình tôi.

Đám đông vỗ tay hoan hô nhiệt liệt, tràng hoan hô mỗi lúc một to khi nhân vật kỳ dị kia lộ diện, từng chi một, và bước ra khỏi chiếc va li nhỏ tới mức khó tin. Ông ta rất cao và gầy nhom như một cây cọc trồng đậu – quả thực là gầy đến mức báo động, như thể xương ông ta sắp chọc qua da đến nơi. Ông ta quả là một dấu chấm than hình người, nhưng thể hiện phong cách đường hoàng tới mức tôi không thể cười ông ta được. Ông ta nghiêm nghị quan sát đám đông đang reo hò đoạn cú chào thật thấp.

Sau đó, người đàn ông dành một phút để cho thấy tứ chi của mình có thể uốn cong theo mọi cách kỳ lạ - đầu gối ông ta gập lại tới mức mũi bàn chân chạm tới tận môi, rồi hông ông ta gập lại để đầu gối chạm ngực – sau nhiều tràng hoan hô và nhiều cái cúi chào nữa, màn trình diễn kết thúc.

Chúng tôi nấn ná lại sau khi đám đông tản đi. Người Gấp đang xuống khỏi sân khấu thì Emma nói với ông ta, “Ông là người đặc biệt, phải không nào?”

Người đàn ông dừng lại. Ông ta từ tốn quay sang nhìn cô với vẻ khó chịu cao ngạo. “Cháu nói gì cơ?” ông ta nói với khẩu âm Nga đặc sệt.

“Xin lỗi phải làm phiền ông thế này, nhưng chúng tôi cần tìm cô Wren,” Emma nói. “Chúng tôi biết bà ấy ở đâu đó tại đây.”

“Hừ!” người đàn ông nói, gạt cô đi bằng một âm thanh nửa cười cợt nửa khạc nhổ.

“Đây là chuyện khẩn cấp!” Bronwyn năn nỉ.

Người Gấp khoanh tay lại thành một chữ X xương xẩu và nói, “Tôi hông hủ các cháu nói gì,” rồi rời khỏi sân khấu.

“Giờ thì sao đây?” Bronwyn hỏi.

“Chúng ta tiếp tục tìm,” Emma nói.

“Thế nhờ không tìm thấy cô Wren thì sao?” Enoch hỏi.

“Chúng ta *tiếp tục tìm*,” Emma nói qua hai hàm răng siết chặt. “Mọi người hiểu chứ?”

Mọi người đều hiểu quá rõ. Chúng tôi không còn lựa chọn nào khác. Nếu khả năng này không thành công – nếu cô Wren không ở đây hoặc chúng tôi không sớm tìm thấy bà – thì tất cả nỗ lực đã bỏ ra đều là công cốc, và chúng tôi sẽ đánh mất cô Peregrine, hết như thể chúng tôi chưa bao giờ tới London.

Chúng tôi ra khỏi khu biểu diễn phụ theo đường đã vào, ừ ừ, đi qua các sân khấu giờ đã trống không, qua trước cậu nhóc có khuôn mặt tẻ ngắt, rời khỏi cái lều để bước ra ánh sáng bên ngoài. Chúng tôi đang đứng bên ngoài lối ra, không biết nên làm gì tiếp theo, thì cậu nhóc có khuôn mặt tẻ ngắt lộ ra khỏi tấm cửa vải. “Gặp rắc rối à?” cậu ta hỏi. “Màn trình diễn không hợp khẩu vị sao?”

“Nó... rất được,” tôi nói để tổng khứ cậu ta đi.

“Không đủ đặc biệt với các cậu à?” cậu ta hỏi.

Câu hỏi thu hút được sự chú ý của chúng tôi. “Cậu nói sao?” Emma hỏi.

“Wakeling và Rookery,” cậu nhóc nói, chỉ tay ra đằng sau chúng tôi, về phía góc xa của quảng trường. “Đó là nơi diễn ra màn trình diễn thực sự.” Rồi cậu ta nháy mắt với chúng tôi và chui trở vào trong lều.

“Thật bí hiểm,” Hugh nói.

“Có phải cậu ta nói *đặc biệt* không?” Bronwyn hỏi.

“Wakeling và Rookery là gì vậy?” tôi hỏi.

“Một địa điểm,” Horace nói. “Nơi nào đó trong vòng này, có lẽ vậy.”

“Có thể là một ngã ba,” Emma nói, và cô nhắc tấm cửa lều lên để hỏi cậu nhóc xem ý cậu ta có phải vậy không – song cậu ta đã đi khỏi.

Thế là chúng tôi lên đường chen qua đám đông, hướng về phía góc quảng trường đằng xa cậu nhóc đã chỉ, chút hy vọng mong manh cuối cùng của chúng tôi bầu vùi cả vào hai cái tên phổ lạ lẫm thậm chí chúng tôi còn chẳng dám chắc có tồn tại hay không.

Có một nơi, nằm quá quảng trường vài khối nhà, tại đó tiếng ồn ào của đám đông lắng hẳn và được thay thế bằng tiếng loảng xoảng chan chát của xưởng thợ, và thứ mùi đặc quánh của thịt nướng và chất thải động vật được thay thế bằng một thứ mùi còn kinh khủng hơn nhiều và không định nổi tên. Băng qua một dòng chất thải đặc sệt có tường chắn, chúng tôi đi vào khu vực của các nhà máy và công xưởng, của các ống khói đang tống thứ vật chất đen ngòm lên bầu trời, và đây là nơi chúng tôi tìm thấy phố Wakeling. Chúng tôi đi bộ theo một chiều xuống phố Wakeling, để tìm Rookery cho tới khi phố này kết thúc tại một đường cống lộ thiên khổng lồ được Enoch cho hay là sông Fleet, rồi quay lại đi theo chiều ngược lại. Khi chúng tôi đi quá vị trí chúng tôi rẽ vào phố Wakeling ban đầu, con phố này bắt đầu uốn cong và chạy ngoằn ngoèo, các nhà máy, công xưởng thu dần lại thành các văn phòng chật chội và những tòa nhà khiêm nhường với mặt tiền vô hồn và không có biển hiệu gì, cứ như thể một khu vực được xây dựng có chủ ý để trở thành vô danh.

Cảm giác bất an tôi bị ám ảnh này giờ càng trở nên trầm trọng hơn. Sẽ thế nào nếu chúng tôi bị giăng bẫy – bị lừa tới khu vực khuất nẻo này của thành phố để bị phục kích mà không ai nhìn thấy?

Con phố uốn éo rồi chạy thẳng trở lại, thế rồi tôi đâm sầm vào Emma, cô vẫn đi ngay trước tôi song vừa đột ngột dừng lại.

“Có chuyện gì vậy?” tôi hỏi.

Thay vì trả lời, cô chỉ chỉ tay. Đằng trước, tại một ngã ba, có một đám đông. Cho dù ở chỗ lễ hội trời nóng đến phát ngót, rất nhiều người trong đám đông vẫn xúng xính trong áo khoác và khăn quàng. Họ đang tập trung lại quanh một tòa nhà, và đứng đó ngược nhìn lên tòa nhà trong tâm trạng ngỡ ngàng đến sững sờ - cũng hết như chúng tôi vào lúc này. Bản thân tòa nhà chẳng có gì đặc biệt – bốn tầng, ba tầng trên chỉ là những dãy cửa sổ tròn, hẹp, như một tòa nhà văn phòng cũ. Kỳ thực, tòa nhà này gần như giống hệt các tòa nhà gần nó, với một ngoại lệ: nó hoàn toàn chìm ngập trong băng. Băng bao bọc ngoài các cửa sổ và cửa ra vào. Những trụ băng rủ xuống như những chiếc răng nanh từ tất cả các khung cửa và gờ tường. Tuyệt trần ngập trên các bậc cửa, dồn thành từng đống lớn trên vỉa hè. Trông như thể một cơn bão tuyết đã giáng xuống tòa nhà – từ *bên trong*.

Tôi nhìn chăm chăm vào một tấm biển tên phố bị tuyết phủ lên: PH... R... KERY.

“Tớ biết nơi này,” Melina nói. “Đây là văn khố đặc biệt, nơi lưu trữ tất cả các hồ sơ chính thức của chúng ta.”

“Làm thế nào cậu biết được?” Emma hỏi.

“Cô Thrush đang chuẩn bị cho tớ trở thành trợ lý thứ hai của nữ thủ thư tại đây. Kỳ thi rất khó khăn. Tớ đã học trong suốt hai mươi một năm.”

“Và đây cũng là nơi Hội đồng Chủ Vòng Thời Gian được triệu tập để xem xét chi li các quy định hằng năm,” Millard nói.

“Hội đồng Chủ Vòng họp ở đây à?” Horace hỏi. “Thật xoàng xĩnh quá. Tớ cứ nghĩ phải là một lâu đài hay nơi nào tương tự cơ.”

“Nơi được chọn phải không nổi bật,” Melina nói. “Nó được chọn để cậu không thể phát hiện ra được.”

“Thế thì họ đã che giấu nó quá dở rồi,” Enoch nói.

“Như tớ nói rồi, nơi này không phải lúc nào cũng bị băng bao phủ.”

“Vậy theo cậu chuyện gì đã xảy ra ở đây?” tôi hỏi.

“Không gì tốt đẹp,” Millard nói. “Không gì tốt đẹp hết.”

Chắc chắn chúng tôi cần phải lại gần và khám phá, song như vậy không có nghĩa là chúng tôi cần hồi hã lao tới như một lũ ngốc. Chúng tôi nán lại quan sát từ ngoài xa. Người ta tới rồi đi. Một số thử cạy cửa nhưng nó đã đóng băng cứng ngắc. Đám đông thưa đi ít nhiều.

“Tích, tích, tích,” Enoch nói. “Chúng ta đang lãng phí thời gian đây.”

Chúng tôi len qua những người còn lại trong đám đông và đặt chân lên đoạn vỉa hè đóng băng. Tòa nhà phả ra hơi lạnh, chúng tôi rùng mình, dứt hết tay vào túi để chống lại cái lạnh này. Bronwyn dùng sức mạnh của cô để kéo mở cửa, và cánh cửa bị giật bung ra, bản lề bay tung – nhưng hành lang mở ra sau đó đã hoàn toàn bị băng che kín. Khối băng trải kín từ bức tường này đến bức tường kia, từ sàn tới trần, và ăn sâu vào trong tòa nhà thành một màu xanh mờ đục. Tình hình tương tự với các cửa sổ: tôi lau lớp sương đọng trên một khung kính rồi một khung kính khác, và qua cả hai khung

kính tôi cũng chỉ nhìn thấy băng. Cứ như thể một dòng sông băng đã hình thành đầu đó trong lòng nơi này, và những cái lưỡi băng giá của nó thè ra bất cứ chỗ nào có khoảng mở.

Chúng tôi thử đủ cách có thể nghĩ ra được để chui vào trong. Chúng tôi đi vòng quanh tòa nhà tìm xem có cửa ra vào hay cửa sổ nào không bị băng chặn, nhưng mọi lối vào tiềm tàng đều đầy ắp băng. Chúng tôi nhặt đá và gạch lên, cố đập vỡ băng, nhưng thứ băng này có độ cứng gần như siêu nhiên – thậm chí cả Bronwyn cũng không thể khoét sâu được vào nó hơn vài phân. Millard lục lọi trong cuốn *Những truyện kể* để tìm xem có thông tin nào về tòa nhà không, song chẳng có gì, chẳng thấy bí mật nào.

Cuối cùng, sau khi cân nhắc, chúng tôi quyết định chấp nhận một rủi ro. Chúng tôi đứng chụm thành nửa vòng tròn quanh Emma để che kín cô khỏi tầm mắt, và cô đốt nóng hai bàn tay mình, áp chúng lên bức tường băng che kín lối vào. Sau một phút, hai bàn tay bắt đầu ngập vào trong băng, nước tan ra chảy xuống thành vũng dưới chân chúng tôi. Nhưng quá trình này diễn ra chậm chạp kinh khủng, và sau năm phút, cô cũng chỉ tiến sâu vào được tới khuỷu tay.

“Với tốc độ này, sẽ phải mất hết tuần mới đi tới cuối hành lang được,” cô nói, rút hai cánh tay ra khỏi băng.

“Cậu có nghĩ cô Wren thực sự ở trong đó không?” Bronwyn hỏi.

“Chắc chắn *phải* vậy,” Emma kiên quyết nói.

“Tớ thấy con lây lan sự lạc quan này thực sự đáng kinh ngạc,” Enoch nói. “Nếu cô Wren ở trong kia, thì bà ấy hẳn là đông cứng rồi.”

Emma nổi xung lên với cậu ta. “Tận thế và u ám! Sụp đổ và tan hoang! Tớ nghĩ hẳn cậu sẽ thấy hạnh phúc nếu thế giới chấm dứt vào ngày mai, chỉ để cậu có thể nói *Tớ đã bảo mà ấy nhỉ!*”

Enoch chớp mắt nhìn cô, kinh ngạc, rồi nói rất bình thản, “Cậu có thể chọn sống trong một thế giới tưởng tượng nếu cậu thích, cô bạn thân mến, nhưng tớ là một người thực tế.”

“Nếu có lúc nào đó cậu từng đưa ra không chỉ là sự chỉ trích đơn thuần,” Emma nói, “nếu có lúc nào đó cậu từng đưa ra dù chỉ một đề xuất hữu ích

trong lúc khó khăn, thay vì chỉ nhún vai trước viễn cảnh thất bại và chết chóc, thì chắc tớ có thể chịu đựng được thái độ lúc nào cũng bi quan của cậu! Nhưng vì đã như thế...”

“Chúng ta đã thử mọi cách rồi!” Enoch chặn ngang. “Tớ còn có thể đề xuất gì đây?”

“Có một điều duy nhất chúng ta chưa thử,” Olive lên tiếng, xen vào từ phía sau nhóm của chúng tôi.

“Là gì?” Emma hỏi.

Olive quyết định làm thay vì nói với chúng tôi. Rời khỏi vĩa hè, cô bé đi vào giữa đám đông, quay mặt về phía tòa nhà, rồi lấy hết sức gọi to, “*Xin chào, cô Wren! Nếu bà ở trong đó, làm ơn hãy ra đi! Chúng cháu cần bà...*”

Không để cô bé kịp nói hết, Bronwyn đã ngăn lại, và phần cuối câu nói của Olive được hét vào cánh tay cô gái mạnh mẽ. “Cậu mất trí à?” Bronwyn nói, ôm Olive lôi trở lại chỗ chúng tôi.

“Cậu sắp làm tất cả chúng ta bị bại lộ đấy!”

Cô để Olive đứng xuống vĩa hè và định trừng phạt cô bé thêm nữa thì nước mắt bắt đầu ròn ròn chảy xuống trên khuôn mặt cô bé. “Chúng ta bị phát hiện thì đã làm sao?” Olive nói. “Nếu chúng ta không thể tìm được cô Wren và không thể cứu cô Peregrine, thì dù cả một đội quân xác sống ập tới chúng ta ngay bây giờ cũng có quan trọng gì?”

Một người phụ nữ bước ra khỏi đám đông và lại gần chúng tôi. Bà đã lớn tuổi, lưng còn vì tuổi tác, khuôn mặt bị che khuất một phần dưới chiếc mũ trùm của áo khoác. “Cô bé này không sao chứ?” bà hỏi.

“Em ấy không sao ạ, cảm ơn bà,” Emma đáp khá cộc cằn.

“Có đây!” Olive nói. “*Chẳng có gì ổn cả!* Tất cả những gì chúng cháu từng muốn là sống bình yên trên hòn đảo của mình, và rồi những kẻ xấu tới, làm hại cô phụ trách của chúng cháu. Giờ đây tất cả những gì chúng cháu muốn làm là giúp cô ấy, thế mà chúng cháu còn chẳng thể làm nổi việc đó!”

Olive cúi đầu xuống và bắt đầu khóc nức nở thật thương tâm.

“Được rồi,” người phụ nữ nói, “thật tốt là các cháu đã tới tìm ta.”

Olive ngược nhìn lên, sứt sứt và hỏi, “Tại sao lại thế ạ?”

Và rồi người phụ nữ biến mất.

Chỉ vậy thôi.

Bà biến mất khỏi bộ trang phục của mình, và áo khoác của bà, đột nhiên rỗng không, rơi xuống vỉa hè với một tiếng *vút* nhẹ nhàng. Tất cả chúng tôi đều quá sửng sò đến nỗi chẳng nói được gì – cho tới khi một con chim nhỏ nhảy ra từ dưới các nếp áo khoác.

Tôi cứng người lại, không chắc liệu tôi có nên tìm cách bắt nó hay không.

“Có ai biết đó là loại chim gì không?” Horace hỏi.

“Tớ tin rằng đó là một con hồng tước,” Millard nói.

Con chim vỗ vỗ cánh, lao lên không trung và bay đi, biến mất ra đằng sau hông tòa nhà.

“Đừng để mất dấu nó!” Emma la lên, và tất cả chúng tôi cùng chạy lao theo con chim, loạng choạng trượt ngã trên băng, vòng ra sau hông nhà vào con hẻm ngập tuyết nằm giữa tòa nhà bị đóng băng và ngôi nhà kế bên nó.

Con chim đã biến mất.

“Khỉ thật!” Emma nói. “Nó đâu rồi?”

Thế rồi một chuỗi âm thanh lạ lùng vang lên từ mặt đất dưới chân chúng tôi: tiếng kim loại va đập lạnh canh, những giọng nói, và một tiếng ồn như nước phun. Chúng tôi gạt tuyết ra và tìm thấy hai cánh cửa gỗ được gắn vào vách gạch, như lối vào một tầng hầm đựng than vậy.

Những cánh cửa này không có then cài. Chúng tôi kéo mở chúng ra. Bên trong có những bậc thang dẫn xuống bóng tối, các bậc thang đều phủ một lớp băng đang nhanh chóng tan ra, nước đang òng ọc chảy xuống một lỗ cống không thể trông thấy nào đó, phát ra âm thanh thật to.

Emma cúi khom người xuống và gọi vào bóng tối. “Xin chào? Có ai trong đó không?”

“Nếu các cháu đang tới,” một giọng nói vọng lại từ xa, “thì tới nhanh lên!”

Emma kinh ngạc đứng thẳng dậy. Rồi hỏi to, “Bà là ai?”

Chúng tôi đợi một câu trả lời. Không có.

“Chúng ta còn đợi gì nữa đây?” Olive lên tiếng. “Đó chính là cô Wren!”

“Chúng ta không rõ,” Millard nói. “Chúng ta đâu có biết chuyện gì đã xảy ra ở đây.”

“À, tớ sẽ đi tìm hiểu,” Olive nói, và chưa kịp ngăn cản, cô bé đã đi xuống cửa hầm, luồn qua, bồng bênh nhẹ nhàng hạ xuống đáy hầm. “Tớ vẫn còn sống!” giọng cô vọng lên chế giễu chúng tôi từ trong bóng tối.

Bị nổi xấu hổ thôi thúc, chúng tôi phải đi theo cô bé, bước xuống các bậc thang, và tìm thấy một hành lang chạy xuyên qua băng dày. Nước lạnh cóng nhỏ tong tỏng từ trên trần xuống, chạy dọc theo các vách tường thành một dòng liên tục. Và bên trong nói cho cùng cũng không hoàn toàn tối đen – ánh sáng mờ dịu hắt ra từ sau một chỗ rẽ của hành lang phía trước.

Chúng tôi nghe thấy tiếng bước chân đi lại gần. Một cái bóng xuất hiện trên vách tường phía trước chúng tôi. Rồi một thân hình mặc áo khoác xuất hiện từ sau chỗ rẽ, hiện lên trong quầng sáng.

“Xin chào, các bạn trẻ,” người này nói. “Ta là Balenciaga Wren, và ta rất vui là các cháu ở đây.”

Chương 12

Ta là Balenciaga Wren.

Nghe thấy những lời này cũng giống như mở nút một cái chai khí nén. Ban đầu là cảm giác nhẹ nhõm – những tiếng kêu thảng thốt, tiếng cười rúc rích – và sau đó là niềm vui tuôn trào: Emma và tôi nhảy lên ôm chầm lấy nhau; Horace quỳ gối xuống và giơ cao hai cánh tay như muốn thốt lên *Ôn Chúa!* không thành tiếng. Olive phấn khích tới mức bay vút lên không dù vẫn đi đôi giày trọng lực, lấp bắp, “Chúng... chúng... chúng cháu cứ tưởng sẽ không... không bao giờ được thấy một Chủ Vòng nữa... nữa!”

Cuối cùng thì cô Wren đây rồi. Mấy ngày trước, với chúng tôi bà chỉ là một Chủ Vòng không mấy tiếng tăm của một Vòng Thời Gian ít được biết đến, nhưng sau đó bà đã dần trở thành một huyền thoại: theo những gì chúng tôi biết, bà là Chủ Vòng cuối cùng còn sống và tự do, một biểu tượng sống của hy vọng, thứ tất cả chúng tôi đang khao khát. Và bà đây, ngay trước mặt chúng tôi, bằng xương bằng thịt và yếu ớt. Tôi nhận ra bà từ bức ảnh của Addison, chỉ có điều giờ đây không còn chút màu đen nào lưu lại trên mái tóc bạc trắng của bà, ôm lấy hai khóe miệng bà như những dấu ngoặc đơn, còn đôi vai bà còng xuống như thể bà không chỉ già, mà còn bị đè nén dưới một gánh nặng ghê gớm; sức nặng của tất cả niềm hy vọng khổ sở từ chúng tôi dồn hết lên bà.

Bà Chủ Vòng kéo mũ trùm áo khoác của mình lên trở lại và nói, “Ta cũng rất mừng khi được gặp các cháu, các cháu thân mến, nhưng các cháu cần vào trong ngay lập tức; ở ngoài này không an toàn.”

Bà quay người tập tễnh bước vào trong hành lang. Chúng tôi xếp thành hàng, lạch bạch bước đi sau lưng bà qua đường hầm xuyên trong băng như một bầy vịt con đi theo mẹ, chân trơn trượt, hai cánh tay dang ra vụng về giữ thẳng bằng để tránh trượt ngã. Đó chính là ảnh hưởng của một Chủ Vòng lên những đứa trẻ đặc biệt: chỉ nguyên sự hiện diện của một người – thậm chí là một người chúng tôi mới vừa gặp – cũng lập tức làm chúng tôi thấy an tâm.

Nền dưới chân dốc dần lên, dẫn chúng tôi đi qua những chiếc lò im ắng bám đầy sương giá, vào một căn phòng rộng, cả căn phòng, từ sàn tới trần, từ tường bên này qua tường bên kia, đều đóng băng cứng, ngoại trừ đường hầm chúng tôi đang đi, được mở qua chính giữa khối băng. Lớp băng dày nhưng trong suốt, và đôi chỗ tôi có thể nhìn sâu đến sáu hay chín mét vào trong lớp băng mà hình ảnh chỉ hơi bị méo đi một chút. Căn phòng có vẻ là một nơi tiếp đón, từng hàng ghế lưng thẳng kê đối diện với một cái bàn làm việc đồ sộ và vài chiếc tủ đựng hồ sơ, tất cả đều chìm trong hàng tấn băng. Ánh sáng ban ngày màu xanh được lọc qua băng chiếu vào qua một dãy ô cửa sổ không thể với tới, bên kia chúng là đường phố, một đám xám mờ nhòa nhòa.

Một trăm con hồn rỗng có thể bỏ ra cả tuần công phá lớp băng đó mà vẫn chưa thể với tới chúng tôi. Nếu không tính tới lối vào qua đường hầm, nơi

này có thể coi là một pháo đài hoàn hảo. Hoặc vậy, hoặc một nhà tù hoàn hảo.

Trên các bức tường treo hàng chục chiếc đồng hồ, những chiếc kim bất động của chúng chỉ đủ loại thời điểm khác nhau. (Có lẽ để theo dõi thời gian tại các Vòng khác nhau chăng?) Phía trên chúng, các biển chỉ đường hướng dẫn tới một số phòng làm việc:

■ PHÓ THƯ KÝ SỰ VỤ TẠM THỜI

■ PHÒNG LƯU TRỮ CÁC HỒ SƠ ĐỒ HỌA

■ CÁC VẤN ĐỀ KHẨN CẤP CHUNG

■ BAN LÀM HOANG MANG VÀ TRÌ HOÃN

Qua cánh cửa dẫn vào văn phòng Sự vụ Tạm thời, tôi thấy một người đàn ông bị kẹt trong băng. Ông ta bị đông cứng trong tư thế cúi rạp xuống, như thể đang cố gỡ chân ra khi băng bao trùm lên phần còn lại của người mình. Người đàn ông đã ở đó một thời gian dài. Tôi rung mình và nhìn đi chỗ khác.

Đường hầm kết thúc tại một cầu thang lạ lùng có lan can, không hề bị đóng băng nhưng phủ đầy những tờ giấy rời. Một cô gái đứng trên một trong các bậc thấp nhất, quan sát chúng tôi dò dẫm trơn trượt lại gần không chút hào hứng. Cô gái có mái tóc dài được rẽ ngôi giữa một cách nghiêm chỉnh và dài xuống tận hông, liên tục điều chỉnh đôi kính mắt tròn nhỏ, và đôi môi mỏng dính có vẻ như chưa bao giờ uốn cong lên thành nụ cười lấy một lần.

“Althea!” cô Wren nghiêm khắc nói. “Em không được phép lang thang ra ngoài thế này trong khi lối vào đang mở - bất cứ ai cũng có thể lọt vào tận đây!”

“Vâng, thưa cô phụ trách,” cô gái nói, sau đó hơi gật đầu.

“Họ là ai vậy, thưa cô?”

“Đây là những người do cô Peregrine quản lý. Ta đã kể với em về họ rồi đấy.”

“Họ có mang theo một chút thức ăn nào không ạ?” Hay là thuốc? Hay bất cứ thứ gì hữu dụng?” Cô gái nói thật chậm chạp như chì chiết, giọng nói của cô cũng nặng nề hết như vẻ mặt.

“Không thêm câu hỏi nào nữa cho tới khi em đã đóng lời vào lại,” cô Wren nói. “Giờ thì khăn trương lên!”

“Vâng, thưa cô,” cô gái nói, và không có vẻ gì là khăn trương, cô ta kiêu kỳ bước đi theo đường hầm, vừa đi vừa đưa hai bàn tay cà lên các vách tường bằng.

“Rất xin lỗi về chuyện đó,” cô Wren nói. “Althea không cố ý tỏ ra cứng đầu; chỉ đơn giản là nó sinh ra đã bướng bỉnh. Song cô bé khiến lũ sói phải dè chừng, và chúng ta rất cần cô bé. Chúng ta sẽ chờ ở đây cho tới khi cô bé quay lại.”

Cô Wren đứng ở bậc thang dưới cùng, và trong khi bà cúi người xuống, tôi gần như có thể nghe thấy những chiếc xương già nua của bà kêu răng rắc. Tôi không biết bà nói *khiến lũ sói phải dè chừng* là có ý gì, nhưng có quá nhiều câu cần hỏi, vì thế câu đó sẽ phải đợi.

“Cô Wren, làm thế nào bà biết được chúng cháu là ai?” Emma hỏi. “Chúng cháu chưa bao giờ nói ra mà.”

“Đó là việc một Chủ Vòng cần phải biết,” bà đáp. “Ta có những quan sát viên trên cây từ đây tới tận biển Ireland. Và bên cạnh đó, các cháu rất nổi tiếng! Chỉ có một vị Chủ Vòng duy nhất có các học viên an toàn lành lặn thoát được khỏi cuộc tập kích của những kẻ biến chất, đó là cô Peregrine. Nhưng ta không biết bằng cách nào các cháu đi xa được tới tận đây mà chưa bị bắt – và bằng cách nào các cháu tìm được ta trong lãnh địa đặc biệt này!”

“Có một cậu bé ở chỗ lễ hội chỉ đường cho bọn cháu tới đây,” Enoch nói. Cậu ta giơ một bàn tay lên ngang cằm mình. “Cao khoảng từng này thì phải? Và đội một cái mũ ngớ ngẩn ấy ạ?”

“Một trong những người canh giới của chúng ta,” cô Wren gật đầu nói. “Nhưng làm thế nào các cháu tìm được *cậu ấy*?”

“Chúng cháu bắt được một trong những con bò câu do thám của bà,” Emma nói đầy tự hào, và nó đã dẫn chúng cháu tới Vòng Thời Gian này.”

(Cô lò đi chuyện cô Peregrine đã giết nó.)

“Những con bồ câu của ta!” Cô Wren thốt lên. “Nhưng làm thế nào các cháu biết được về chúng? Lại còn bắt được một con nữa?”

Thế rồi Millard bước lên trước. Cậu ta đã mượn chiếc áo khoác ngoài Horace lấy từ phòng cải trang để khỏi bị lạnh cóng, và cho dù cô Wren không có vẻ gì ngạc nhiên khi thấy một cái áo khoác lơ lửng trong không khí, bà đã rất kinh ngạc khi cậu nhóc vô hình mặc nó nói, “Cháu suy đoán ra vị trí bầy chim từ *Những truyện kể về người đặc biệt*, nhưng lần đầu tiên chúng cháu nghe nói đến chúng là ở một trại động vật trên đỉnh núi của bà, từ một con chó rất tự phụ.”

“Nhưng đâu có ai biết vị trí trại động vật của ta!”

Lúc này cô Wren gần như đã quá kinh ngạc để có thể nói nên lời, và vì mỗi câu trả lời chúng tôi cung cấp cho bà chỉ làm nảy ra thêm nhiều câu hỏi, chúng tôi liền kể lại toàn bộ câu chuyện cho bà nghe nhanh hết mức có thể, từ lúc chúng tôi thoát khỏi hòn đảo trên những con thuyền không mui bé tẹo.

“Chúng cháu đã suýt chết đuối,” Olive nói.

“Và bị bắn, bị ném bom, bị hòn rỗng ăn thịt,” Bronwyn nói.

“Và bị một đoàn tàu chạy trong đường hầm cán qua,” Enoch nói.

“Và bị một cái tủ đè bẹp,” Horace nói, cau có nhìn cô gái có năng lực điều khiển từ xa.

“Chúng cháu đã phải đi một chuyến dài qua vùng đất nguy hiểm,” Emma nói, “tất cả để tìm người có thể giúp cô Peregrine. Chúng cháu rất hy vọng người đó có thể là bà, cô Wren.”

“Chúng cháu thực sự trông đợi điều đó,” Millard nói.

Cô Wren phải mất một lúc mới lấy lại được giọng nói, và ngay cả lúc đó, giọng bà vẫn lạc đi vì xúc động. “Các cháu thật can đảm, tuyệt vời. Các cháu chính là phép màu, mỗi người trong các cháu, và bất cứ Chủ Vòng nào cũng thật may mắn được gọi các cháu là học trò của mình.” Bà dùng tay áo khoác lau nước mắt. “Ta rất buồn khi phải nghe những gì đã xảy ra với cô Peregrine của các cháu. Ta không biết bà ấy rõ lắm, vì ta có thể coi như một

người đã nghỉ hưu, song ta hứa với các cháu điều này: chúng ta sẽ cứu bà ấy trở lại. Bà ấy và tất cả các chị em của chúng ta!”

Cứu bà ấy trở lại ư?

Đến lúc đó tôi mới nhớ cô Peregrine vẫn bị nhốt trong cái túi Horace đang cầm. Cô Wren vẫn chưa nhìn thấy bà!

Horace nói, “Sao chứ, bà ấy ở ngay đây mà!” và cậu ta để cái túi xuống, tháo dây buộc.

Một khoảnh khắc sau, cô Peregrine tập tễnh chui ra, choáng váng sau khi trải qua từng ấy thời gian trong bóng tối.

“Có tổ tiên chúng giám!” cô Wren thốt lên. “Nhưng... ta nghe nói bà ấy đã bị đám xác sống bắt đi rồi!”

“Cô ấy đã bị bắt,” Emma nói, “rồi sau đó chúng cháu đã giành lại được cô ấy.”

Cô Wren kích động tới mức bà bước tới mà không dùng gậy chống, và tôi đã phải đỡ lấy khuỷu tay bà để giữ bà khỏi bổ nhào. “Alma, có phải thực là cô đấy không?” Cô Wren nói không kịp thở, và khi thặng bằng trở lại, bà hồi hả bước tới nâng cô Peregrine lên. “Này, Alma? Có phải cô trong đó không?”

“Chính là cô ấy!” Emma nói. “Đó chính là cô Peregrine!”

Cô Wren giơ con chim ra xa một tầm cánh tay, xoay nó sang bên này rồi bên kia trong khi cô Peregrine kêu ré lên. “Hừm, hừm, hừm,” cô Wren vừa thở vừa nói, đôi mắt bà nheo lại, môi mím chặt căng thẳng. “Có gì đó không ổn với cô phụ trách của các cháu.”

“Cô ấy bị thương,” Olive nói. “Bị thương ở bên trong.”

“Cô ấy không thể trở lại hình người nữa,” Emma nói.

Cô Wren nghiêm nghị gật đầu, như thể bà đã hình dung ra việc này.

“Đã bao lâu rồi?”

“Ba ngày,” Emma nói. “Kể từ khi chúng cháu cứu cô ấy về từ tay đám xác sống.”

Tôi nói, “Con chó của bà nói với chúng cháu là nếu cô Peregrine không sớm trở lại là người, bà ấy sẽ không bao giờ còn có thể trở lại nữa.”

“Phải,” cô Wren nói. “Addison đã rất đúng về chuyện đó.”

“Con chó cũng nói chỉ một Chủ Vòng khác mới có thể giúp cô ấy,” Emma nói.

“Cái đó cũng đúng.”

“Cô ấy đã thay đổi,” Bronwyn nói. “Cô ấy không còn là chính mình nữa. Chúng cháu cần cô P trước đây trở lại!”

“Chúng ta không thể để chuyện này xảy ra với cô ấy!” Horace nói.

“Vậy thì sao?” Olive nói. “Bây giờ bà có thể làm ơn biến cô ấy thành người được không ạ?”

Chúng tôi đã vây quanh cô Wren và đang gây sức ép với bà, nỗi tuyệt vọng của chúng tôi hiện rõ.

Cô Wren giờ hai bàn tay lên ra hiệu im lặng. “Ta ước gì việc đó đơn giản đến vậy,” bà nói, “hay nhanh chóng đến vậy. Khi một Chủ Vòng ở trong lột chim quá lâu, bà ấy sẽ trở nên cứng lại, như một bó cơ nguội lạnh. Nếu chúng ta tìm cách cố uốn nắn bà ấy trở lại nguyên hình quá gấp gáp, bà ấy sẽ gãy. Bà ấy cần được nhẹ nhàng chỉnh lại về hình dạng thực của mình; từng chút một như nặn chỉnh đất sét vậy. Nếu ta điều trị cho bà ấy suốt đêm, có thể ta sẽ hoàn tất công việc vào sáng mai.”

“Nếu cô ấy còn nhiều thời gian đến thế,” Emma nói.

“Hãy cầu mong là vậy,” cô Wren nói.

Cô gái tóc dài quay trở lại, chậm rãi bước về phía chúng tôi, đưa hai bàn tay cọ dọc theo vách tường hầm băng. Bất cứ nơi nào hai bàn tay chạm vào, từng lớp băng mới chồng lên nhau lại hình thành. Đường hầm sau lưng cô gái đã hẹp dần lại chỉ còn rộng vài chục phân; chẳng mấy chốc nữa nó sẽ bị bịt lại hoàn toàn, và chúng tôi sẽ bị bung kín bên trong.

Cô Wren vẫy cô gái tới. “Althea! Chạy lên lầu trước chúng ta và báo y tá chuẩn bị một phòng khám. Ta sẽ cần tới tất cả các phương thuốc ta có!”

“Khi nói tới phương thuốc, ý cô là các dung dịch, nước sắc hay các hỗn dịch của cô à?”

“Tất cả!” cô Wren to tiếng. “Và nhanh lên, đây là trường hợp khẩn cấp!”

Thế rồi tôi thấy cô gái để ý tới cô Peregrine, và đôi mắt cô mở to ra một chút – phản ứng rõ rệt nhất tôi từng thấy từ cô gái này trước bất cứ cái gì – rồi cô bắt đầu bước lên cầu thang.

Lần này, cô gái chạy.

Tôi cầm lấy tay cô Wren, đỡ bà trong khi chúng tôi leo lên cầu thang. Tòa nhà có bốn tầng, và chúng tôi đang hướng lên tầng cao nhất. Ngoài giếng cầu thang, đây là phần duy nhất của tòa nhà còn có thể tiếp cận được; các tầng khác đều đã bị băng đóng kín, những bức tường băng bịt chặt những căn phòng và hành lang tại đó. Trên thực tế, chúng tôi đang leo lên trong phần lõi rỗng của một tầng băng khổng lồ.

Tôi liếc nhìn vào một vài căn phòng đóng băng trong khi chúng tôi hồi hả đi ngang qua chúng. Những trụ băng lớn đã làm các cánh cửa bật tung khỏi bản lề, và giữa những mảnh vỡ của chúng, tôi có thể thấy bằng chứng của một cuộc tấn công: đồ đạc bị hất đổ, ngăn kéo bị giật mở tung, từng đồng giấy trắng xóa như tuyết trên sàn. Một khẩu súng máy dựng vào một cái bàn làm việc, chủ nhân của nó bị đông cứng lại trong khi bay trên không. Một người đặc biệt ngồi sụp xuống trong góc, người lỗ chỗ lỗ đạn. Như những nạn nhân của Pompeii, bị cố định lại trong băng thay vì tro.

Thật khó tin nổi một cô gái lại là người gây ra tất cả việc này. Ngoại trừ các Chủ Vòng, Althea hẳn là một trong những người đặc biệt mạnh nhất tôi từng gặp qua. Tôi nhìn lên vừa đúng lúc thấy cô gái biến mất sau chiếu nghỉ phía trên chúng tôi, mái tóc dài lòa xòa sau lưng cô như một dư ảnh mơ hồ.

Tôi bẻ một trụ băng nhỏ khỏi tường. “Cô ấy thực sự đã làm tất cả chuyện này sao?” tôi vừa hỏi vừa xoay xoay nó trong bàn tay mình.

“Đúng thế đấy,” cô Wren vừa nói vừa thở hên hên bên cạnh tôi. “Cô bé là – đúng hơn, từng là – thực tập sinh của Trưởng Ban Gây Hoang mang Và Trì hoãn, khi bọn biến chất tấn công tòa nhà, cô bé đang ở đây thực hiện nhiệm vụ. Vào lúc ấy, cô bé chưa biết nhiều về năng lực của mình ngoài

việc hai bàn tay nó tỏa ra hơi lạnh khác thường. Cứ theo lời Althea kể, năng lực của cô bé là thứ trở nên hữu dụng vào những ngày mùa hè nóng bức, nhưng cô bé chưa bao giờ nghĩ về nó như một vũ khí phòng thủ cho tới khi hai con hồn rỗng bắt đầu ăn thịt người trưởng ban ngay trước mắt nó. Trong cơn hoảng sợ tột độ, cô bé đã vận ra một nguồn sức mạnh trước đó nó không hề biết, làm đông cứng căn phòng – và cả lũ hồn rỗng – rồi sau đó là cả tòa nhà, tất cả chỉ trong có vài phút.”

“Vài phút!” Emma nói. “Cháu không tin.”

“Ta ước gì lúc đó ta có mặt ở đây để chứng kiến việc đó,” cô Wren nói, “dù nếu có mặt, chắc ta cũng đã bị bắt cóc cùng các Chủ Vòng khác có mặt tại đây lúc đó – cô Nightjar, cô Finch và cô Crow.”

“Băng của cô ấy không ngăn được bọn xác sống sao?” tôi hỏi.

“Nó đã chặn được rất nhiều gã trong bọn chúng,” cô Wren nói. “Ta đoán là vài gã vẫn còn ở lại với chúng ta, bị đóng băng trong tòa nhà. Song bất chấp tổn thất, đám xác sống cuối cùng cũng đạt được điều chúng tới tìm kiếm. Trước khi toàn bộ tòa nhà đóng băng, chúng ta đưa được các Chủ Vòng ra ngoài theo mái nhà.” Cô Wren cay đắng lắc đầu. “Ta xin lấy tính mạng thề rằng sẽ có một ngày ta đích thân tống tiễn những kẻ đã làm thương tổn các chị em của ta xuống địa ngục.”

“Vậy là toàn bộ năng lực của cô ấy cũng chẳng ích gì,” Enoch nói.

“Althea đã không thể cứu được các Chủ Vòng,” cô Wren nói, “nhưng cô bé đã tạo ra nơi này, và thế là đáng cảm ơn lắm rồi. Không có nơi này, chúng ta đã chẳng còn chỗ nào trú ẩn nữa. Ta đã dùng tòa nhà làm căn cứ hoạt động của chúng ta trong mấy ngày vừa qua, mang về đây những người còn sống sót từ các Vòng bị tấn công mà ta tìm được. Đây là pháo đài của chúng ta, là nơi duy nhất an toàn cho những người đặc biệt trên toàn London.”

“Thế còn nỗ lực của bà thì thế nào ạ?” Millard hỏi. “Con chó nói bà tới đây để giúp các chị em của mình. Bà có gặp may không?”

“Không,” bà khẽ nói. “Những nỗ lực của ta đã không thành công.”

“Có lẽ Jacob có thể giúp được bà đấy, cô Wren,” Olive nói. “Cậu ấy rất đặc biệt.”

Cô Wren nhìn sang tôi. “Vậy ư? Và năng lực của cậu là gì nào, chàng trai?”

“Cháu có thể thấy lũ hồn rỗng,” tôi nói, hơi bối rối. “Và cảm nhận được chúng.”

“Và đôi khi *giết* chúng nữa,” Bronwyn nói thêm. “Nếu chúng cháu không tìm thấy bà, cô Wren, Jacob sẽ giúp chúng cháu vượt qua đám hồn rỗng canh giữ các Vòng Trùng Phạt để chúng cháu có thể giải cứu các Chủ Vòng bị giam tại đó. Thực ra, có khi cậu ấy có thể giúp *bà*...”

“Các cháu thật tốt quá,” cô Wren nói, “nhưng các chị em của ta không phải đang bị giam trong các Vòng Trùng Phạt, hay bất cứ nơi nào gần London, ta biết chắc vậy.”

“Không ư?” tôi hỏi.

“Không, và chưa bao giờ. Câu chuyện về các Vòng Trùng Phạt là một mảnh khoe được tung ta để giăng bẫy các Chủ Vòng mà lũ biến chất chưa bắt được trong cuộc tấn công của chúng. Như ta chẳng hạn. Và thiếu chút nữa nó đã thành công. Như một kẻ ngốc, ta lao thẳng vào bẫy của chúng – nói gì thì nói, các Vòng Trùng Phạt là các nhà tù! Thật may là ta đã thoát được, chỉ phải lĩnh vài vết sẹo.”

“Vậy các Chủ Vòng bị bắt đã bị đưa đi đâu ạ?” Emma hỏi.

“Cho dù biết ta cũng sẽ không nói cho các cháu, vì đó không phải là vấn đề của các cháu,” cô Wren nói. “Bồn phận của những đứa trẻ đặc biệt không phải là lo cho an nguy của các Chủ Vòng – chính chúng ta mới phải lo cho an nguy của các cháu.”

“Nhưng thưa cô Wren, như thế thật không công bằng,” Millard bắt đầu, nhưng bà đã cắt ngang cậu ta bằng một câu cụt lủn, “Ta không nghe cự nự gì về chuyện đó!” và tất cả kết thúc tại đây.

Tôi bị sốc trước lời từ chối đột ngột này, đặc biệt khi xem xét đến việc nếu lúc trước chúng tôi không lo lắng cho an nguy của cô Peregrine – và mạo hiểm tính mạng của chúng tôi để đưa bà tới đây! – hẳn bà đã bị kết án phải chịu giam hãm dưới hình hài một con chim suốt phần đời còn lại. Vì thế có vẻ như bồn phận của chúng tôi là phải lo lắng, vì các Chủ Vòng rõ

ràng đã không làm đủ tốt việc đảm bảo cho các Vòng Thời Gian của họ khỏi bị tấn công. Tôi không thích bị gạt sang bên như thế, và nếu đánh giá qua đôi lông mày đang nhíu lại của Emma, thì cả cô cũng không – nhưng nói ra thành lời như thế thì quả là thô lỗ đến mức không thể nghĩ tới, vì vậy leo cầu thang xong, chúng tôi rơi vào sự im lặng đầy lúng túng.

Chúng tôi lên tới cầu thang. Chỉ có vài cánh cửa trên tầng này bị đóng băng. Cô Wren đón cô Peregrine từ Horace và nói, “Lại đây nào, Alma, xem xem chúng ta có thể làm gì cho cô nào.”

Althea xuất hiện từ một khung cửa mở, khuôn mặt đỏ ửng, ngực phập phồng. “Phòng của cô đã sẵn sàng, thưa cô phụ trách. Đã có mọi thứ cô yêu cầu.”

“Tốt, tốt,” cô Wren nói.

“Nếu chúng cháu có thể làm bất cứ điều gì để giúp bà,” Bronwyn nói, “bất cứ điều gì...”

“Tất cả những gì ta cần là thời gian và tĩnh lặng,” cô Wren đáp. “Ta sẽ cứu cô phụ trách của các cháu, các cô cậu trẻ tuổi. Lấy tính mạng của ta đảm bảo, ta sẽ làm.” Rồi bà quay đi, mang theo cô Peregrine đi vào phòng với Althea.

Không biết phải làm gì khác, chúng tôi đi theo bà và xúm lại quanh cánh cửa vẫn hơi hé mở. Chúng tôi thay nhau ngó vào trong. Trong một căn phòng ấm cúng được thắp sáng lờ mờ bằng đèn dầu, cô Wren ngồi trong một chiếc ghế bập bênh, ôm cô Peregrine trong lòng. Althea đứng trộn các lọ đựng chất lỏng tại một bàn thí nghiệm. Cứ chốc chốc cô gái lại nhấc một lọ lên và lắc, rồi đi tới chỗ cô Peregrine và đưa cái lọ vào dưới mỏ bà – gần giống như đưa qua đưa lại lọ thuốc muối amoni dưới mũi một người ngất xỉu. Trong suốt thời gian đó, cô Wren đứng đưa ghế bập bênh và vuốt ve bộ lông cô Peregrine, hát cho bà một bài hát ru nhẹ nhàng, du dương:

“Eft kaa vangan soorken, eft ka vangan soorken, malaaya...”

“Đó là ngôn ngữ của người đặc biệt cổ xưa,” Millard thì thầm. “Về nhà, về nhà đi... hãy nhớ lấy bản ngã của mình... đại loại như vậy.”

Cô Wren nghe thấy tiếng cậu ta bèn nhìn lên, rồi phẩy tay xua chúng tôi đi. Althea đi tới đóng cửa lại.

“À, thế đấy,” Enoch nói. “Tớ có thể thấy chúng mình không được hoan nghênh tại đây.”

Sau ba ngày cô phụ trách phụ thuộc vào chúng tôi trong mọi việc, đột nhiên chúng tôi lại trở thành người thừa. Cho dù rất biết ơn cô Wren, bà vẫn làm chúng tôi ít nhiều cảm thấy như chúng tôi là những đứa bé con vừa bị bắt phải lên giường đi ngủ.

“Cô Wren biết phải làm gì,” một giọng nói đặc khêu âm Nga vang lên sau lưng chúng tôi. “Tốt hơn hãy để yên cho cô làm.”

Chúng tôi quay lại thì thấy Người Gấp như que củi ở chỗ lễ hội đang đứng đó, hai cánh tay xương xẩu khoanh lại.

“Là ông!” Emma nói.

“Chúng ta lại gặp nhau,” Người Gấp nói, giọng ông ta trầm trầm như vọng từ lòng đại dương. “Tên tôi là Sergei Andropov, và tôi là chỉ huy đội quân kháng chiến đặc biệt. Lại đây, tôi sẽ dẫn các cô cậu đi xem nơi này.”

“Tôi *biết ngay* ông ấy là người đặc biệt mà!” Olive nói.

“Không, cậu biết cái gì,” Enoch nói. “Cậu chỉ *nghĩ* ông ta đặc biệt thôi.”

“Tôi biết các cô cậu là những người đặc biệt ngay khi nhìn thấy các cô cậu,” Người Gấp nói. “Đáng lẽ các cô cậu phải bị bắt từ lâu rồi mới đứng, làm thế nào thoát được vậy?”

“Vì chúng cháu *khôn*,” Hugh nói.

“Ý cậu ấy là may mắn,” tôi nói.

“Nhưng chủ yếu là đói,” Enoch nói. “Ở đây có đồ ăn không ạ? Cháu có thể chén hết tất cả một con bán lừa cao cổ.”

Nghe nói tới thức ăn, dạ dày tôi sôi lên như một con thú hoang. Chưa ai trong chúng tôi được ăn gì từ sau chuyến tàu tới London, thời điểm đó có vẻ như hàng thiên niên kỷ trước rồi.

“Tất nhiên,” Người Gấp nói. “Lỗi này.”

Chúng tôi bước sau ông ta đi theo hành lang.

“VẬY HÃY CHO CHÁU BIẾT VỀ ĐỘI QUÂN ĐẶC BIỆT NÀY CỦA ÔNG NÀO,” Emma nói.

“Chúng ta sẽ nghiền nát đám xác sống và giành lại những gì thuộc về chúng ta. Trừng phạt chúng vì đã bắt cóc các Chủ Vòng của chúng ta.” Người đàn ông mở một cánh cửa ra ngoài hành lang, dẫn chúng tôi qua một phòng làm việc đồ nát, trong đó nhiều người nằm ngủ dưới sàn nhà và dưới gầm các bàn làm việc. Khi chúng tôi bước đi vòng quanh họ, tôi nhận ra vài khuôn mặt tại lễ hội: cậu bé có khuôn mặt bình thường, cô gái thôi miên trần có mái tóc uốn quăn.

“Họ đều là những người đặc biệt sao?” tôi hỏi.

Người Gấp gật đầu. “ĐƯỢC CỨU VỀ TỪ CÁC VÒNG KHÁC,” ông ta nói, giữ một cánh cửa mở ra để chúng tôi vào.

“Thế còn ông?” Millard hỏi. “Ông từ đâu tới?”

Người Gấp dẫn chúng tôi vào một phòng chờ, để chúng tôi có thể trò chuyện mà không quấy rầy những người đang ngủ, một căn phòng trong đó nổi bật hai cánh cửa gỗ đồ sộ khảm biểu tượng của hàng chục loài chim. “Ta đến từ vùng đất hoang đầy tuyết lạnh lẽo, còn xa hơn vùng Hoang Vu Băng Giá,” ông kể. “Mấy trăm năm trước, khi đám hồn rỗng đầu tiên ra đời, chúng tấn công nhà của ta trước nhất. Mọi thứ bị phá hủy. Tất cả mọi người trong làng bị giết. Bà già. Trẻ nhỏ. Tất cả.” Ông vung bàn tay chém không khí. “Ta trốn trong thùng đánh kem để làm bơ, thở qua một cọng rơm, trong khi em trai ta bị giết ngay trong nhà ta. Sau đó, ta tới London để trốn khỏi bọn hồn rỗng. Nhưng chúng lại tới.”

“Thật kinh khủng,” Bronwyn nói. “Cháu xin chia buồn với ông.”

“Rồi một ngày chúng ta sẽ báo thù,” người đàn ông nói, mặt tối sầm.

“Ông đã nói thế rồi,” Enoch lên tiếng. “VẬY ĐỘI QUÂN CỦA ÔNG CÓ BAO NHIÊU NGƯỜI?”

“NGAY LÚC NÀY LÀ SÁU,” người đàn ông nói, chỉ tay về phía căn phòng chúng tôi vừa rời khỏi.

“Sáu người ư?!” Emma nói. “Ý ông là... họ?”

Tôi không biết nên cười hay nên khóc nữa.

“Thêm các cháu nữa sẽ là mười bảy. Chúng ta lớn mạnh rất nhanh.”

“Ái chà, ái chà, ái chà,” tôi thốt lên. “Chúng cháu không tới đây để gia nhập bất cứ đội quân nào hết.”

Người Gấp dành cho tôi một cái nhìn có thể khiến địa ngục cũng phải đông cứng, rồi quay đi và mở hai cánh cửa ra.

Chúng tôi theo ông ta vào một căn phòng, trong đó chiếm vị trí nổi bật là một chiếc bàn đồ sộ hình bầu dục, mặt bàn bằng gỗ được đánh bóng như gương. “Đây là nơi họp Hội đồng Chủ Vòng Thời Gian,” Người Gấp nói.

Khắp quanh chúng tôi là chân dung những người đặc biệt nổi tiếng thời xưa, không phải là những bức tranh lòng khung mà được vẽ trực tiếp lên các bức tường bằng sơn dầu, than chì và chì sáp. Bức chân dung gần chỗ tôi đứng nhất là một khuôn mặt với đôi mắt mở to nhìn chăm chăm và cái miệng há to, bên trong là một vòi phun nước thực sự có thể hoạt động được. Quanh cái miệng là một câu đề từ viết bằng tiếng Hà Lan, Millard đang đứng cạnh tôi bèn dịch ra: “Từ miệng các tiền bối của chúng ta tuôn ra một nguồn trí tuệ.”

Gần đó là một câu đề từ khác, lần này bằng tiếng La Tinh. “*Ardet nec consomitur*,” Melina đọc. “Bị thiêu đốt nhưng không bị phá hủy.”

“Thật hợp làm sao,” Enoch nói.

“Tớ không thể tin nổi mình đang thực sự ở đây,” Melina nói. “Tớ đã nghiêng cứu và mơ về nơi này suốt bao nhiêu năm.”

“Nó chỉ là một căn phòng,” Enoch nói.

“Với cậu thì có thể. Với tôi, nó là trái tim của cả thế giới người đặc biệt.”

“Một trái tim đã bị móc ra ngoài,” ai đó mới xuất hiện lên tiếng, tôi bèn đưa mắt nhìn quanh thì thấy một anh hề đang sai bước về phía chúng tôi – cũng chính là người đã lên bám theo chúng tôi ở lễ hội. “Cô Jackdaw(*) đã đứng ở ngay chỗ của cậu khi bà bị bắt. Chúng tôi tìm thấy cả một nắm lông của bà trên sàn.” Ông ta có khẩu âm Mỹ. Ông ta dừng lại cách chúng tôi vài

bước chân và đứng đó, miệng nhai không ngừng, một bàn tay chống hông. “Là họ phải không?” anh hề hỏi Người Gấp, đồng thời giơ một cái chân gà tây chỉ về phía chúng tôi. “Chúng ta cần các chiến binh, không phải những đứa trẻ.”

() Qua gáy xám.*

“Tôi một trăm mười hai tuổi rồi,” Melina nói.

“Phải, phải, tôi đã nghe tất cả những lời này trước đây rồi,” người mặc đồ hề nói. “Mà nhân đây, tôi có thể nhận ra ngay các cô cậu là người đặc biệt ở chỗ lễ hội. Các cô cậu đúng là nhóm người đặc biệt nhất tôi từng trông thấy.”

“Tôi cũng đã nói điều tương tự với họ,” Người Gấp nói.

“Thật không hiểu nổi làm thế nào đám trẻ này đi được cả quãng đường từ xứ Wales tới đây mà không bị bắt,” người mặc đồ hề nói. “Thực ra, chuyện này thật đáng ngờ. Có chắc không ai trong số các cô cậu là xác sống không đấy?”

“Sao ông dám nói thế!” Emma nói.

“Chúng cháu *đã* bị bắt,” Hugh nói đầy tự hào, “nhưng mấy gã xác sống bắt chúng cháu không còn sống để kể về chuyện đó nữa đâu.”

“À phải, còn tôi là vua Bolivia đây,” người mặc đồ hề nói.

“*Đó là sự thật!*” Hugh gất lên, mặt đỏ phùng phùng.

Người mặc đồ hề giơ hai bàn tay lên. “Được rồi, được rồi, bình tĩnh lại, cậu bé! Tôi tin chắc Wren sẽ không để các cô cậu vào nếu các cô cậu không được phép. Thôi nào, chúng ta hãy làm bạn, ném thử một cái chân gà tây nào.”

Ông ta không phải mời hai lần. Chúng tôi đều đã quá đói để tự ái lâu.

Người mặc đồ hề dẫn chúng tôi tới một cái bàn bày đầy thức ăn – vẫn là những món hạt luộc và thịt nướng đã băm nhỏ chúng tôi ở chỗ lễ hội. Chúng tôi xúm lại quanh bàn và ăn ngấu nghiến không chút ngưng ngậm. Người Gấp ăn năm quả anh đào và một mẩu bánh mì nhỏ, rồi tuyên bố chưa bao

giờ no đến thế trong suốt cuộc đời mình. Bronwyn đi đi lại lại dọc theo bức tường, cắn cắn các ngón tay, quá lo lắng để có thể ăn được.

Khi chúng tôi ăn xong, cái bàn là một bãi bừa bộn đầy xương bị gặm trụi và các vết mỡ, người mặc đồ hề ngả lưng ra ghế và nói, “Rồi, hồi các bạn trẻ đặc biệt, câu chuyện của các cô cậu là sao nào? Tại sao các cô cậu lại đi cả chặng đường từ xứ Wales tới đây?”

Emma lau miệng và nói, “Đề giúp Chủ Vòng của chúng cháu.”

“Và khi bà ấy được giúp rồi thì sao?” người mặc đồ hề hỏi. “Đến lúc ấy thì sao?”

Tôi nãy giờ vẫn bận rộn quệt nốt nước xốt gà tây bằng mẫu bánh mì cuối cùng, nhưng lúc này tôi ngược nhìn lên. Câu hỏi thật thẳng thắn, đưa ra thật đơn giản – thật hiển nhiên – đến mức tôi không thể tin nổi chưa ai trong chúng tôi đặt ra trước đây.

“Đừng nói thế,” Horace nói. “Ông sẽ làm chúng cháu gặp đen đui đấy.”

“Wren là một người tạo ra phép màu,” người mặc đồ hề nói. “Không có gì phải lo lắng cả.”

“Cháu hy vọng ông nói đúng,” Emma nói.

“Tất nhiên là thế rồi. Vậy kế hoạch của các cô cậu là gì? Các cô cậu sẽ ở lại giúp chúng tôi chiến đấu, hiển nhiên rồi, nhưng các cô cậu sẽ ngủ ở đâu? Không phải với tôi, phòng tôi là phòng đơn. Hiếm khi có ngoại lệ lắm.” Ông nhìn Emma và nhướn một bên mày lên. “Hãy nhớ tôi nói là hiếm khi nhé.”

Đột nhiên, tất cả mọi người đều nhìn về phía các bức vẽ trên tường hay chính lại cổ áo – ngoại trừ Emma, mặt cô chuyển sang xanh như tàu lá. Có thể chúng tôi vốn bẩm sinh bi quan, và cơ hội thành công của chúng tôi có vẻ quá nhỏ nhoi tới mức chúng tôi chẳng bao giờ bận tâm tự hỏi sẽ làm gì nếu thực sự chữa lành được cho cô Peregrine – hay có lẽ những biến cố căng thẳng trong mấy ngày vừa qua đã quá liên tục và dồn dập tới mức chúng tôi chưa bao giờ có cơ hội để ngẫm nghĩ. Dù là thế nào đi nữa, câu hỏi của người mặc đồ hề đã làm chúng tôi ngỡ ngàng.

Sẽ thế nào nếu chúng tôi thực sự vượt qua được thử thách này? Chúng tôi sẽ làm gì nếu cô Peregrine bước vào phòng, ngay tức thì, trở lại là con người cũ?

Cuối cùng, Millard đưa ra một câu trả lời. “Cháu đoán là chúng cháu sẽ lại quay về phía Tây, trở lại nơi xuất phát. Cô Peregrine sẽ tạo ra một Vòng Thời Gian khác cho chúng cháu. Một nơi chúng cháu sẽ không bao giờ bị tìm ra.”

“Thế ư?” người mặc đồ hề nói. “Các cô cậu *định trốn*? Thế còn tất cả các Chủ Vòng khác thì sao – những người không được may mắn đến thế? Còn Chủ Vòng *của tôi* thì sao?”

“Cứu cả thế giới không phải là việc của chúng cháu,” Horace nói.

“Không phải chúng ta đang tìm cách cứu cả thế giới. Chỉ tất cả cộng đồng người đặc biệt thôi.”

“À, đó cũng không phải việc của chúng cháu.” Horace có vẻ yếu ớt và thủ thế, ngượng ngập vì bị dồn vào thế phải nói như vậy.

Người mặc đồ hề cúi ra trước trên ghế và nhìn chăm chăm vào chúng tôi. “Vậy đó là việc của ai đây?”

“Chắc chắn phải có ai khác,” Enoch nói. “Những người được trang bị tốt hơn, được rèn luyện cho những việc kiểu này...”

“Điều đầu tiên những kẻ biến chất thực hiện ba tuần trước là tấn công Nhà Bảo vệ Người Đặc biệt. Trong chưa tới một ngày, họ đã bị nện tan tành. Vì họ đã biến mất, và giờ đây cả các Chủ Vòng của chúng ta cũng thế, việc bảo vệ cộng đồng người đặc biệt sẽ được giao vào tay ai đây nhỉ? Những người như cậu và tôi, thế đấy.” Người mặc đồ hề ném cái chân gà tây của mình xuống. “Đám hèn nhát các người làm tôi phát tởm. Ăn mất cả ngon.”

“Họ đang mệt mỏi sau chuyến đi dài,” Người Gấp nói. “Đề họ nghỉ ngơi đã.”

Người mặc đồ hề phẩy tay trong không khí như một thầy giáo. “À ờ. Không ai chứa chấp miễn phí cả. Tôi không quan tâm các cô cậu ở đây một giờ hay một tháng, chừng nào các cô cậu ở đây, các cô cậu sẽ phải sẵn sàng

chiến đấu. Các cô cậu là một đám khăng khiu thảm hại, nhưng các cô cậu đều là người đặc biệt, vì thế tôi biết tất cả các cô cậu đều có tài năng ẩn giấu. Hãy cho tôi thấy các cô cậu có thể làm gì nào!”

Ông ta đứng dậy đi về phía Enoch, một cánh tay vươn ra như thể sắp lục soát các túi áo của Enoch để tìm năng lực đặc biệt của cậu ta. “Cậu kia,” ông ta nói. “Thể hiện năng lực của cậu đi!”

“Cháu sẽ cần một người chết để thể hiện,” Enoch nói.

“Kẻ đó có thể là cậu, nếu cậu dám chạm một ngón tay lên tôi.”

Người mặc đồ hề quay sang phía Emma. “Vậy còn cô thì thế nào, cô bé thân mến,” ông ta nói, vậy là Emma giơ một ngón tay lên và làm một ngọn lửa nhảy múa trên đầu ngón tay như một ngọn nến sinh nhật. Người mặc đồ hề bật cười và nói, “Khiếu hài hước! Tôi thích đấy,” và bước tới chỗ hai anh em mù.

“Họ có thần giao cách cảm,” Melina nói, đứng chắn giữa người mặc đồ hề và hai anh em kia. “Họ có thể nhìn được bằng đôi tai của mình, và luôn biết người kia nghĩ gì.”

Người mặc đồ hề vỗ tay. “Cuối cùng thì cũng có thứ gì đó hữu ích! Họ sẽ là người cảnh giới cho chúng ta – để một người ngoài lễ hội, giữ người còn lại ở đây. Nếu ngoài đó có gì không ổn, chúng ta sẽ biết ngay!”

Ông ta bước qua Melina. Hai anh em thu mình lại tránh xa ông ta.

“Ông không thể chia tách họ!” Melina nói. “Joel-và-Peter không thích bị tách rời.”

“Còn tôi không thích bị những con quái vật vô hình săn lùng,” người mặc đồ hề nói, và ông ta bắt đầu lôi cậu anh khỏi cậu em. Hai cậu bé lồng tay vào nhau và rên rỉ lớn tiếng, lưỡi khua lạch cạch, mắt đảo lia lịa cuống cuồng. Tôi sắp sửa can thiệp thì hai anh em họ tách rời nhau và bật ra hai tiếng hét đồng thời to và chói tai tới mức tôi sợ đầu mình sẽ vỡ tung ra. Đĩa trên bàn vỡ tan tành, tất cả mọi người phủ phục xuống, đưa hai tay lên bịt tai, và tôi nghĩ tôi có thể nghe thấy tiếng nứt vỡ răng rắc lan đi trong khối băng ở các tầng nhà bị đóng băng bên dưới.

Khi các tiếng vọng lặng xuống, Joel-và-Peter bám chặt lấy nhau trên sàn nhà, run bần bật.

“Thử nhìn xem ông đã làm gì!” Melina gắt lên với ông hề.

“Chúa lòng lành, thật ấn tượng!” ông hề nói.

Bằng một bàn tay, Bronwyn chộp cổ ông ta nhấc bổng lên.

“Nếu ông tiếp tục quấy rầy chúng tôi,” cô bình thản nói, “tôi sẽ ấn đầu ông xuyên qua tường.”

“Xin... lỗi... về... chuyện... đó,” ông hề thều thào qua khí quản bị bóp nghẹt.

“Thả... tôi... xuống... được... chứ?”

“Thôi nào, Wyn,” Olive nói. “Ông ấy nói xin lỗi rồi.”

Bronwyn miễn cưỡng buông ông ta xuống. Người đàn ông mặc đồ hề ho sặc và vuốt phẳng lại bộ đồ đang mặc. “Có vẻ tôi đã đánh giá nhầm về các cô cậu,” ông ta nói. “Các cô cậu sẽ là những thành viên bổ sung tuyệt vời cho đội quân của chúng tôi.”

“Tôi nói với ông rồi, chúng tôi không gia nhập đội quân ngớ ngẩn của các ông,” tôi nói.

“Mà dù sao đi nữa, mục đích chiến đấu là gì nào?” Emma nói. “Các ông thậm chí còn chẳng biết các Chủ Vòng đang ở đâu.”

Người Gấp đứng dậy khỏi ghế để vươn lên cao sừng sững phía trên chúng tôi.

“Mục đích là,” ông nói, “nếu những kẻ biến chất bắt được hết những Chủ Vòng còn lại, sẽ không thể chặn nổi chúng nữa.”

“Có vẻ như vốn đã không thể ngăn nổi chúng rồi,” tôi nói.

“Nếu cậu nghĩ như thế đã là không thể ngăn nổi, thì cậu vẫn chưa thấy gì đâu,” ông hề nói. “Và nếu cậu nghĩ chừng nào Chủ Vòng của các cô cậu còn tự do mà chúng lại thôi sẵn lòng các cô cậu, thì cậu còn ngu hơn về ngoài đây.”

Horace đứng dậy hăng giọng. “Ông vừa mới đưa ra kịch bản tồi tệ nhất,” cậu ta nói. “Gần đây, tôi đã nghe rất nhiều kịch bản về tình huống xấu nhất được đưa ra. Nhưng tôi chưa được nghe lấy một lập luận nào về kịch bản của tình huống khả quan nhất.”

“À, cái này hẳn là hay đây,” ông hề nói. “Tiếp tục đi, cậu nhóc mơ mộng, hãy để chúng ta cùng nghe nào.”

Horace hít một hơi thật sâu để lấy thêm can đảm. “Bọn xác sống muốn các Chủ Vòng, và giờ chúng đã có họ - hay ít nhất cũng là phần lớn họ. Giả sử như đó là tất cả những gì lũ xác sống cần, và bây giờ chúng có thể tiến hành tiếp các kế hoạch ma quỷ của chúng. Và chúng làm được: chúng trở thành các siêu xác sống, hay bán thân, hay bất cứ cái gì chúng đang vươn tới. Và sau đó chúng sẽ không còn cần đến các Chủ Vòng Thời Gian, đến những đứa trẻ đặc biệt, và không cần đến các Vòng Thời Gian nữa, thế nên chúng sẽ đi chỗ khác để trở thành các bán thân và để chúng ta yên. Và sau đó mọi chuyện không chỉ trở lại bình thường, mà còn *tốt hơn* trước đây, vì không còn ai tìm cách ăn thịt chúng ta hay bắt cóc các Chủ Vòng của chúng ta nữa. Và khi đó, rất có thể, thỉnh thoảng cứ lâu lâu chúng ta lại được phép đi du lịch nước ngoài như chúng ta từng làm, và ngắm nhìn thế giới một chút, rồi đặt chân lên mặt cát ở đâu đó không lạnh lẽo và có bầu trời xám xịt suốt ba trăm ngày mỗi năm. Trong trường hợp đó, ở đây và chiến đấu để làm gì? Chúng ta sẽ tự lao mình vào lưỡi kiếm của chúng trong khi mọi thứ rất có thể rồi sẽ ổn thỏa cả mà không cần đến sự can thiệp của chúng ta.”

Trong giây lát, không ai nói gì. Sau đó người đàn ông mặc đồ hề bắt đầu phá lên cười. Ông ta cười, cười mãi, những tiếng cười ngặt nghèo của ông ta vang vọng theo các bức tường, cho tới khi cuối cùng ông ta ngã lăn khỏi ghế.

Sau đó Enoch nói, “Tớ đơn giản là chẳng có lời nào để nói cả. Đợi đã... không... có đấy! Horace, đó là ý nghĩ mơ tưởng ngây ngô và hèn nhất khó tin nhất tớ từng nghe thấy.”

“Nhưng điều đó là *có thể*,” Horace khẳng khái.

“Phải. Và cũng có thể Mặt Trăng được làm bằng pho mát. Chỉ đơn giản là không thể thế được.”

“Tôi có thể chấm dứt tranh cãi ngay bây giờ,” Người Gấp nói. “Các cô cậu muốn biết lũ xác sống sẽ làm gì chúng ta khi chúng được tự do làm bất cứ điều gì phải không? Lại đây, tôi sẽ chỉ cho các cô cậu.”

“Chỉ dành cho những cái dạ dày mạnh mẽ thôi,” ông hề nói, liếc mắt nhìn Olive.

“Nếu họ có thể chịu đựng được, thì cháu cũng có thể,” cô nói.

“Cảnh báo rồi nhé,” ông hề nhún vai. “Đi theo chúng tôi.”

“Tôi sẽ không đi theo các ông, dù là rời một con tàu đắm,” Melina nói, cô vừa giúp hai anh em mù run lấy bẫy đứng dậy.

“Vậy thì ở lại,” ông hề nói. “Những ai không muốn chìm theo con tàu, mời đi theo chúng tôi.”

Người bị thương nằm trên những chiếc giường không đồng bộ trong một căn phòng bệnh tạm bợ, do một y tá với một con mắt bằng thủy tinh phòng lòi ra trông coi. Có ba bệnh nhân, nếu bạn có thể gọi họ như vậy – một người đàn ông và hai phụ nữ. Người đàn ông nằm nghiêng, bị căng trương lực cơ bán phần, thì thào và chảy nước dãi. Một trong hai phụ nữ nhìn chăm chăm vô thức lên trần, trong khi người còn lại quằn quại dưới tấm chăn, rên khe khẽ, bị giày vò trong một cơn ác mộng nào đó. Một số trong đám trẻ đứng ngoài cửa nhìn vào, giữ khoảng cách phòng trường hợp thứ những người này mắc phải có thể lây lan.

“Hôm nay họ thế nào?” Người Gấp hỏi y tá.

“Xấu đi,” người y tá nói, hồi hả đi từ giường này qua giường khác. “Bây giờ tôi giữ cho họ ngủ liên tục bằng thuốc an thần. Nếu không họ chỉ la lối ầm lên thôi.”

Họ không bị vết thương nào trông thấy được. Không có băng gạc thấm máu, chân tay không bị bó bột, không có những cái chậu đầy ắp thứ chất lỏng đỏ ngẫu. Căn phòng trông giống như một cơ sở phụ của một trại tâm thần hơn là của một bệnh viện.

“Họ bị sao vậy?” tôi hỏi. “Họ bị thương trong cuộc tấn công à?”

“Không, được cô Wren mang về đây,” người y tá trả lời. “Bà tìm thấy họ bị bỏ rơi trong bệnh viện, nơi đám xác sống đã biến thành một thứ phòng thí nghiệm y học. Những tạo vật đáng thương bị dùng làm vật thí nghiệm trong những thử nghiệm không thể mô tả bằng lời của chúng. Những gì các cô cậu thấy là kết quả.”

“Chúng tôi tìm thấy hồ sơ của họ,” ông hề nói. “Họ bị đám xác sống bắt cóc từ nhiều năm trước. Từ lâu bị coi là đã chết.”

Người y tá lấy một tấm bảng kẹp từ trên tường cạnh giường người đàn ông thì thào. “Người này, Benteret, được cho là thông thạo một trăm ngôn ngữ, nhưng bây giờ ông ấy chỉ nói mỗi một từ - nhắc đi nhắc lại mãi.”

Tôi rón rén lại gần hơn, quan sát môi ông ta. *Gọi, gọi, gọi*, ông ta đang mấp máy. *Gọi, gọi, gọi*.

Thật vô nghĩa. Ông ta đã mất trí.

“Người nằm kia,” người y tá vừa nói vừa chỉ tấm bảng kẹp về phía người phụ nữ đang rên rỉ. “Hồ sơ của cô ấy nói cô ấy có thể bay, nhưng tôi chưa bao giờ thấy cô ấy nhúc nhích dù chỉ một phân khỏi cái giường đó. Còn về cô gái còn lại, đáng lẽ cô ấy phải vô hình. Nhưng giờ thì hiện rõ mồn một như ban ngày.”

“Họ có bị tra tấn không?” Emma hỏi.

“Hiển nhiên rồi – họ bị tra tấn tới mất trí!” ông hề nói. “Bị tra tấn cho tới khi họ quên mất cách để trở thành người đặc biệt!”

“Ông có thể tra tấn tôi cả ngày,” Millard nói. “Tôi sẽ chẳng bao giờ quên cách trở thành vô hình cả.”

“Cho họ thấy các vết sẹo đi,” ông hề nói với bà y tá.

Bà y tá đi tới chỗ bệnh nhân nữ nằm bất động và kéo chăn xuống. Có những vết sẹo mảnh màu đỏ chạy dọc trên bụng cô gái, dọc theo bên cổ, dưới cằm cô, mỗi vết sẹo dài bằng khoảng một điều thuốc lá.

“Khó mà gọi đây là bằng chứng của tra tấn được,” Millard nói.

“Vậy thì cậu gọi nó là gì?” bà y tá phẫn nộ hỏi.

Tảng lờ câu hỏi của bà, Millard nói, “Còn có nhiều sẹo nữa không, hay đây là tất cả những gì cô ấy có?”

“Còn xa mới là vậy,” bà y tá nói, rồi vén tấm chăn lên để lộ đôi chân cô gái, chỉ ra những vết sẹo đặng sau đầu gối cô, ở mé trong đùi, và dưới gan bàn chân cô.

Millard cúi xem xét bàn chân. “Một vị trí thật lạ lùng, bà không thấy thế sao?”

“Cậu đang làm gì thế, Mill?” Emma hỏi.

“Hừm,” Enoch nói. “Để cậu ta đóng vai Sherlock nếu cậu ta muốn. Tôi lại thấy khoái trò này.”

“Tại sao chúng ta không cắt mười chỗ khác nhau trên người cậu ta nhỉ?” ông hề nói. “Sau đó chúng ta sẽ xem cậu ta có nghĩ đó là tra tấn hay không!”

Millard đi ngang qua phòng tới giường người đàn ông thì thào. “Tôi có thể xem xét ông ấy chứ?”

“Tôi chắc là ông ấy không phản đối đâu?” bà y tá nói.

Millard nhắc chăn của người đàn ông để lộ đôi chân ra. Dưới gan một bàn chân trần, người đàn ông này cũng bị một vết sẹo giống hệt cô gái bất động.

Bà y tá ra dấu về phía người phụ nữ đang quần quai. “Cô ấy cũng có một vết sẹo như thế, nếu đó là thứ cậu tìm kiếm.”

“Đủ rồi đấy,” Người Gáp nói. “Nếu đó không phải là tra tấn thì là cái gì hả?”

“Khám phá,” Millard nói. “Những vết cắt này rất chính xác và mang tính phẫu thuật. Không phải để gây đau đớn – thậm chí có thể còn được thực hiện trong điều kiện gây mê nữa. Lũ xác sống đang *tìm kiếm* thứ gì đó.”

“Và đó là cái gì?” Emma hỏi, cho dù có vẻ cô sợ cậu trả lời.

“Có một câu nói từ xa xưa về bàn chân một người đặc biệt,” Millard nói. “Có ai trong các cậu còn nhớ không?”

Horace dẫn ra. “Bàn chân một người đặc biệt là cánh cửa dẫn vào linh hồn người đó,” cậu ta nói. “Chỉ là một câu người ta nói với trẻ con để chúng đi giày khi ra ngoài chơi thôi.”

“Có thể là thế, mà cũng có thể là không,” Millard nói.

“Đừng có lố bịch thế! Cậu nghĩ chúng đang tìm kiếm...”

“Linh hồn họ. Và chúng đã tìm được.”

Ông hề phá lên cười to. “Thật là một chuyện vô lý. Chỉ vì họ mất đi năng lực mà cậu nghĩ linh hồn thứ hai của họ đã bị lấy đi sao?”

“Phần nào. Chúng ta biết lũ xác sống đã quan tâm tới linh hồn thứ hai từ nhiều năm nay rồi.”

Thế rồi tôi nhớ lại cuộc trò chuyện giữa Millard và tôi trên tàu hỏa, và tôi nói, “Nhưng chính cậu đã bảo tớ rằng linh hồn đặc biệt là thứ cho phép chúng ta đi vào các Vòng Thời Gian. Vậy nếu những người này không còn linh hồn của họ, làm cách nào họ ở đây được?”

“À, họ không thực sự ở đây, phải không nào?” Millard nói. “Ý tớ là tâm trí họ chắc chắn đang ở nơi khác.”

“Giờ thì cậu đang níu lấy một cọng rơm rồi,” Emma nói. “Tớ nghĩ cậu đã đi *đủ xa* rồi đấy, Millard.”

“Chịu đựng tớ chỉ thêm một lát nữa thôi,” Millard nói. Lúc này cậu ta đang đi đi lại lại, trở nên phấn khích. “Tớ không cho rằng các cậu đã nghe qua về thời một người bình thường đi hẳn vào trong một Vòng Thời Gian, đúng không nào?”

“Không, vì ai cũng biết điều đó là không thể,” Enoch nói.

“Gần như không thể,” Millard nói. “Việc này không dễ dàng và chẳng đẹp đẽ gì, nhưng nó đã được thực hiện – một lần. Một thí nghiệm trái phép do chính em trai cô Peregrine thực hiện, tớ tin là vậy, vào những năm trước khi ông ta hóa điên và thành lập ra nhóm ly khai mà sau này sẽ trở thành đám xác sống.”

“Vậy tại sao tớ chưa bao giờ nghe nói về chuyện này nhỉ?” Enoch hỏi.

“Vì nó rất gây tranh cãi và các kết quả ngay lập tức bị che giấu, để không ai có thể tìm cách lặp lại chúng. Dù sao đi nữa, hóa ra người ta *có thể* đưa một người bình thường vào trong Vòng Thời Gian, nhưng người đó cần phải được *đẩy* vào, và chỉ một người có sức mạnh của Chủ Vòng Thời Gian mới làm nổi chuyện đó. Nhưng vì những người bình thường không có linh hồn thứ hai, họ không thể thích nghi được với những nghịch lý nội tại của một Vòng Thời Gian, và bộ óc họ trở nên bị rối loạn. Họ trở thành những sinh thể sống thực vật chảy nước dãi rờn rờn, căng trương lực cơ ngay từ khoảnh khắc bước vào. Không khác mấy những con người khốn khổ trước mắt chúng ta.”

Một khoảnh khắc trôi qua trong im lặng trong khi những lời Millard nói được ghi nhận. Thế rồi Emma đưa hai bàn tay che lấy miệng, và khẽ nói, “Ôi, khi thật. Cậu ấy có lý.”

“À, thế đấy,” ông hề nói. “Trong trường hợp đó, tình hình còn xấu hơn chúng ta từng nghĩ.”

Tôi cảm thấy không khí đang biến hết ra khỏi căn phòng.

“Tớ không dám chắc mình theo kịp,” Horace nói.

“Cậu ấy nói lũ quái vật đã đánh cắp linh hồn của họ!” Olive hét lên, rồi cô bé khóc nức nở chạy lại chỗ Bronwyn, gục mặt vào áo khoác cô.

“Những người đặc biệt này không bị mất đi năng lực của họ,” Millard nói. “Năng lực của họ bị cướp đi – bị rút ra cùng với linh hồn của họ, rồi sau đó được truyền cho đám hồn rỗng. Điều này cho phép đám hồn rỗng đủ tiến hóa để xâm nhập vào các Vòng Thời Gian, một bước phát triển cho phép thực hiện những cuộc tấn công gần đây của chúng vào thế giới người đặc biệt – và thúc đẩy đám xác sống bắt cóc thêm nhiều người đặc biệt hơn nữa để rút linh hồn của họ ra, để rồi chúng sẽ cải tạo thêm nhiều hồn rỗng nữa, và cứ thế tiếp tục, thành một vòng quay tàn ác.”

“Thế thì chúng không chỉ muốn các Chủ Vòng,” Emma nói. “Mà cả chúng ta nữa – và linh hồn của chúng ta.”

Hugh đứng ở chân giường của người đàn ông luôn thì thào, con ong cuối cùng của cậu giận dữ bay vù vù quanh cậu. “Tất cả những đứa trẻ đặc biệt chúng đã bắt cóc trong những năm qua... chẳng lẽ đây là điều chúng đã làm với họ? Tớ cứ nghĩ họ chỉ đơn giản là trở thành thức ăn cho hồn rỗng. Nhưng chuyện này... chuyện này còn ghê tởm hơn nghìn lần.”

“Ai dám nói là chúng không định rút cả linh hồn của các Chủ Vòng nữa?” Enoch nói.

Những lời này làm chúng tôi lạnh gáy. Ông hề quay sang Horace và nói, “Giờ thì kịch bản trong trường hợp khả quan nhất của cậu là như thế nào rồi, chàng trai?”

“Đừng có giễu tôi,” Horace đáp. “Tôi cần đây.”

“Tất cả ra ngoài!” bà y tá ra lệnh. “Có linh hồn hay không, những người này cũng đang bệnh. Đây không phải chỗ để cãi nhau.”

Chúng tôi cau có bước theo hàng ra ngoài hành lang.

“Được rồi, ông đã cho chúng tôi thấy màn trình diễn rùng rợn,” Emma nói với ông hề và Người Gấp, “và chúng tôi cũng kinh hoàng như mong muốn rồi. Giờ hãy nói cho chúng tôi biết các ông muốn gì?”

“Đơn giản thôi,” Người Gấp nói. “Chúng tôi muốn các cô cậu ở lại và chiến đấu cùng chúng tôi.”

“Chúng tôi chỉ định cho các cô cậu thấy làm điều đó cũng phù hợp với lợi ích của các cô cậu đến mức nào,” ông hề nói. Ông ta vỗ lên lưng Millard. “Song người bạn của các cô cậu đây đã làm một việc còn tốt hơn những gì chúng tôi có thể.”

“Ở lại đây và chiến đấu vì cái gì?” Enoch nói. “Các Chủ Vòng thậm chí còn chẳng ở London – ít nhất cô Wren đã nói vậy.”

“Quên London đi! London đi tong rồi!” ông hề nói. “Trận chiến ở đây đã kết thúc. Chúng ta thua. Ngay khi cô Wren cứu được tất cả những người đặc biệt còn lại từ các Vòng Thời Gian bị hủy hoại này, chúng ta sẽ thu xếp hành lý và lên đường – tới những vùng đất khác, những Vòng Thời Gian khác. Chắc chắn ngoài kia vẫn còn nhiều người sống sót, những người đặc biệt giống như chúng ta, với tinh thần chiến đấu vẫn còn cháy rục bên trong.”

“Chúng ta sẽ xây dựng một đội quân,” Người Gấp nói. “Một đội quân thật sự.”

“Về việc tìm xem các Chủ Vòng ở đâu,” ông hề nói, “không có gì khó cả. Chúng ta sẽ bắt một gã xác sống và tra tấn buộc hắn khai ra. Bắt hắn chỉ cho chúng ta trên Bản đồ Các Ngày.”

“Ông có một Bản đồ Các Ngày sao?” Millard hỏi.

“Chúng tôi có hai bản. Cậu biết đấy, tàng thư đặc biệt nằm ở dưới nhà.”

“Quả là tin tốt đấy,” Millard nói, giọng đầy phấn khởi.

“Bắt một gã xác sống là chuyện nói dễ hơn làm,” Emma nói. “Và chúng nói dối, tất nhiên rồi. Dối trá là điều chúng giỏi nhất.”

“Vậy chúng ta sẽ phải bắt hai gã và so sánh những lời dối trá của chúng,” ông hề nói. “Chúng rất hay lảng vảng quanh đây, vì vậy lần tiếp theo chúng ta thấy một gã – a lê hấp! Chúng ta sẽ tóm hắn.”

“Không cần thiết phải đợi,” Enoch nói. “Chẳng phải cô Wren nói có những gã xác sống ngay trong tòa nhà này sao?”

“Hắn rồi,” ông hề nói, “nhưng chúng bị đóng băng rồi. Chết cứng như đinh đóng cửa vậy.”

“Như thế không có nghĩa là không thể thẩm vấn chúng,” Enoch nói, một nụ cười hết cỡ nở rộng trên khuôn mặt cậu ta.

Ông hề quay sang Người Gấp. “Tôi thực sự bắt đầu thích các cô cậu kỳ lạ này rồi đây.”

“Vậy các cô cậu ủng hộ chúng tôi chứ?” Người Gấp hỏi. “Các cô cậu ở lại và chiến đấu chứ?”

“Tôi đâu nói thế,” Emma nói. “Hãy cho chúng tôi một phút để bàn bạc.”

“Còn bàn bạc gì nữa?” ông hề nói.

“Tất nhiên rồi, cứ việc bàn bạc bao lâu cũng được,” Người Gấp nói, đoạn kéo ông hề đi theo xuống hành lang. “Lại đây nào, tôi sẽ pha cà phê.”

“Được thôi,” ông hề miễn cưỡng nói.

Chúng tôi xúm lại hội ý, chúng tôi đã làm thế quá nhiều lần kể từ khi những rắc rối của chúng tôi bắt đầu, chỉ có điều lần này thay vì to tiếng la lối với nhau, tuân tụt từng người lên tiếng. Tính chất nghiêm trọng của chuyện này đã làm tất cả chúng tôi trở nên nghiêm túc.

“Tớ nghĩ chúng ta cần chiến đấu,” Hugh nói. “Bây giờ, khi đã biết đám xác sống đang làm gì với chúng ta, tớ sẽ không thể sống yên được nếu chúng ta cứ quay về nhà như trước đây, và cố giả bộ như tất cả những chuyện này không hề xảy ra. Chiến đấu là cách danh dự duy nhất.”

“Trong sống sót cũng có danh dự,” Millard nói. “Người đặc biệt chúng ta đã sống sót qua thế kỷ hai mươi nhờ lẫn trốn chứ không phải chiến đấu – vì thế có lẽ tất cả những gì chúng ta cần là một cách ẩn mình tốt hơn.”

Sau đó, Bronwyn quay sang Emma và nói, “Tớ muốn biết cậu nghĩ thế nào?”

“Phải, tớ muốn biết những gì Emma nghĩ,” Olive nói.

“Tớ cũng vậy,” Enoch nói, khiến tôi ngạc nhiên.

Emma hít một hơi dài, rồi nói. Những gì xảy ra thật khủng khiếp cho các Chủ Vòng khác. Những gì xảy ra với họ là một tội ác, và tương lai của người đặc biệt chúng ta có thể phụ thuộc vào việc giải cứu họ. Nhưng khi đã cân nhắc tất cả, tớ không có ràng buộc về lòng trung thành với các Chủ Vòng khác, cũng như những đứa trẻ đặc biệt khác. Lòng trung thành đó chỉ thuộc về người phụ nữ tớ đã nợ mạng sống – cô Peregrine, và chỉ mình cô Peregrine thôi.” Cô ngừng lời và gật đầu – như thể kiểm tra và xác nhận lại sự đúng đắn của chính những lời mình nói – rồi tiếp tục, “Và, có các loài chim làm chứng, khi cô trở lại là mình như cũ, tớ sẽ làm bất cứ điều gì cô cần tớ làm. Nếu cô bảo chiến đấu, tớ sẽ chiến đấu. Nếu cô muốn giấu chúng ta tới một Vòng Thời Gian ở đâu đó, tớ cũng sẽ chấp nhận. Dù thế nào đi nữa, quan điểm của tớ không bao giờ thay đổi: cô Peregrine biết rõ nhất.”

Những người khác cùng ngẫm nghĩ những lời này. Cuối cùng Millard nói, “Nói rất sáng suốt, tiểu thư Bloom.”

“Cô Peregrine biết rõ nhất!” Olive reo lên.

“Cô Peregrine biết rõ nhất!” Hugh hòa theo.

“Tớ không quan tâm cô Peregrine nói gì,” Horace nói. “Tớ sẽ chiến đấu.”

Enoch cố nín cười. “Cậu ấy à?”

“Ai cũng nghĩ tớ là kẻ nhất gan. Đây là cơ hội để tớ chứng minh là họ nhầm.”

“Đừng có vứt tính mạng cậu đi vì vài trò đùa nhắm vào cậu,” Hugh nói. “Ai thèm bản khoăn chuyện người khác nghĩ sao chứ?”

“Không chỉ có vậy,” Horace nói. “Còn nhớ hình ảnh tớ mơ thấy hồi còn ở Cairnhoim chứ? Tớ đã thoáng thấy nơi các Chủ Vòng bị giam giữ. Tớ không thể chỉ cho các cậu thấy trên một tấm bản đồ, nhưng tớ tin chắc điều này – tớ sẽ biết ngay khi tớ trông thấy nơi ấy.” Cậu ta lấy ngón trỏ gõ lên trán.

“Những gì tớ có ở đây có thể sẽ giúp những người đó tránh khỏi nhiều rắc rối. Và cứu cả các Chủ Vòng khác nữa.”

“Nếu một vài người chiến đấu và một số ở lại đằng sau,” Bronwyn nói, “tớ sẽ bảo vệ những ai ở lại. Bảo vệ luôn là bổn phận của tớ.”

Rồi sau đó Hugh quay sang tôi và nói, “Thế còn cậu thì sao, Jacob?” và lập tức tôi cảm thấy miệng khô rang.

“À,” tôi nói, “tớ...”

“Chúng ta hãy đi dạo một chút,” Emma nói, luồn tay vòng lấy tay tôi. “Cậu và tớ cần nói chuyện.”

Chúng tôi chậm rãi bước xuống cầu thang, không nói gì với nhau cho tới khi xuống tới chân cầu thang và bức tường bằng uốn cong, tại đó Althea đã cho đông cứng lối ra khỏi đường hầm. Chúng tôi ngồi xuống cạnh nhau và nhìn vào khối băng hồi lâu, vào những hình dáng bị giam trong đó, mờ ảo, méo mó trong ánh sáng đang tối dần, bị treo lơ lửng như những quả trứng cổ đại trong khối hổ phách xanh lơ. Chúng tôi ngồi, và tôi có thể đoán từ sự im lặng tích tụ giữa hai chúng tôi rằng đây sẽ là một cuộc trò chuyện nặng nề - một cuộc trò chuyện không ai trong chúng tôi muốn mở lời trước.

Cuối cùng, Emma lên tiếng, “Thế nào?”

Tôi nói, “Tớ giống những người khác – tớ muốn biết cậu nghĩ gì.”

Cô bật cười, như người ta vẫn cười khi có chuyện gì đó không những không hài hước mà còn khó cư xử, rồi nói, “Tớ không hoàn toàn chắc vậy.”

Cô nói đúng, nhưng tôi vẫn thúc giục cô nói ra. “Thôi nào.”

Emma đặt một bàn tay lên đầu gối tôi, rồi lại thu về. Cô bồn chồn. Ngực tôi thất lại.

“Tớ nghĩ đã đến lúc cậu về nhà,” cuối cùng cô lên tiếng.

Tôi chớp mắt. Phải mất một khoảnh khắc để tôi thuyết phục bản thân là cô đã thực sự nói thế. “Tớ không hiểu,” tôi lúng túng.

“Chính cậu đã nói cậu được đưa tới đây vì lý do nào đó,” cô hỏi hả nói, mắt nhìn chằm chằm xuống lòng mình, “và đó là để giúp cô Peregrine. Bây giờ có vẻ cô sẽ được cứu. Nếu cậu có nợ cô ấy gì đó, thì món nợ đã được trả. Cậu đã giúp chúng tớ nhiều hơn những gì cậu có thể tưởng tượng. Và

bây giờ là lúc để cậu trở về nhà.” Những lời cô nói bất chợt ào tới, như thể đó là một niềm đau cô đã mang trong mình từ lâu, và cuối cùng thật nhẹ nhõm khi có thể rũ bỏ được chúng.

“Đây là nhà tớ,” tôi nói.

“Không, không phải,” cô khẳng định, lúc này quay sang nhìn tôi. “Thế giới người đặc biệt đang chết dần, Jacob. Đó là một giấc mơ đã lụi tàn. Và cho dù bằng cách nào đó, nhờ một phép màu nào đó, chúng ta có thể cầm vũ khí chống lại những kẻ biến chất kia và chiến thắng, chúng ta cũng sẽ chỉ còn là cái bóng của chính mình trước đây; một đồng hồ hỗn độn tan nát. Cậu có một ngôi nhà – một ngôi nhà không bị hủy hại – bố mẹ cậu còn sống, và ít hay nhiều, họ cũng yêu cậu.”

“Tớ đã nói với cậu rồi. Tớ không muốn những thứ đó. Tớ chọn *hiện tại này*.”

“Cậu đã hứa, và đã giữ lời. Và giờ chuyện đó đã kết thúc, và đã tới lúc cậu trở về nhà.”

“Đừng có nói vậy nữa!” tôi gất lên. “Tại sao cậu cứ xua đuổi tớ thế?”

“Vì cậu có một ngôi nhà thực sự, một gia đình thực sự, và nếu cậu nghĩ có bất cứ ai trong bọn tớ lại đi chọn thế giới này thay vì những điều đó – bất cứ ai lại không từ bỏ các Vòng Thời Gian, sự trường thọ và năng lực đặc biệt của bọn tớ từ lâu cho dù chỉ để ném trải qua những gì cậu có – thì cậu quả thực là sống trong mộng rồi. Tớ thấy thực sự phát ốm lên khi nghĩ cậu có thể vứt bỏ tất cả những thứ đó đi – mà vì cái gì kia chứ?”

“Vì cậu, đồ ngốc! Tớ yêu cậu!”

Tôi không tin nổi mình đã nói thế. Cả Emma cũng không – miệng cô há ra. “Không,” cô nói, lắc đầu như thể muốn xóa đi những lời tôi nói. “Không, như thế sẽ chẳng giúp gì cả.”

“Nhưng *đúng thế!*” tôi nói. “Cậu nghĩ tại sao tớ ở lại thay vì về nhà? Không phải vì ông nội tớ hay vì một cảm nhận ngu ngốc nào đó về trách nhiệm – không *hắn* vậy – hay vì tớ ghét bố mẹ hay không thích ngôi nhà của tớ và tất cả những thứ tiện nghi gia đình tớ có. Tớ ở lại vì cậu.”

Cô không nói gì trong giây lát, chỉ gạt đầu rồi nhìn đi chỗ khác, đưa hai bàn tay lùa lên mái tóc, để lộ một vệt bột bê tông trắng xóa lúc trước tôi đã không để ý thấy, làm cô đột nhiên có vẻ già đi. “Đó là lỗi của tôi,” cuối cùng cô lên tiếng. “Đáng lẽ tôi không nên hôn cậu. Có lẽ tôi đã làm cậu tin vào một điều không phải thật.”

Những lời nói này làm tôi đau nhói, và tôi vô thức lùi lại, như thể để tự vệ. “Đừng nói thế với tớ nếu cậu không có ý như vậy,” tôi nói. “Có thể tớ không có nhiều kinh nghiệm hẹn hò, nhưng đừng đối xử với tớ như một kẻ thua cuộc ngớ ngẩn hoàn toàn vô dụng trước mặt một cô gái đẹp. Không phải cậu *khiến* tớ ở lại. Tớ ở lại vì tớ muốn thế - và vì cảm xúc tớ có với cậu cũng thực như bất cứ điều gì khác tớ từng cảm thấy.” Tôi để những lời này lơ lửng giữa hai chúng tôi trong giây lát, cảm thấy sự thật trong đó. “Cậu cũng cảm thấy như vậy,” tôi nói. “Tớ biết thế.”

“Tớ xin lỗi,” cô nói. “Tớ xin lỗi, như thế thật tàn nhẫn, và đáng lẽ tớ không nên nói thế.” Đôi mắt cô uơu ước, và cô đưa bàn tay lên gạt nước mắt. Emma đã cố thể hiện mình thật cứng rắn, nhưng giờ tấm bình phong bên ngoài đang rơi xuống. “Cậu nói đúng,” cô nói. “Tớ quan tâm đến cậu rất nhiều. Đó là lý do vì sao tớ không thể nhìn cậu vứt bỏ tính mạng đi một cách vô ích.”

“Không đâu!”

“Chết tiệt, Jacob, có đấy!” cô nóng nảy tới mức vô thức làm bùng lên một ngọn lửa trên tay mình – và thật may là bàn tay đó đã rời khỏi đầu gối tôi. Cô vỗ hai bàn tay vào nhau, dập tắt ngọn lửa, rồi đứng dậy. Chỉ tay vào khối băng, Emma nói, “Cậu nhìn thấy chậu cây trên bàn làm việc đằng kia không?”

Tôi có thấy. Và gạt đầu.

“Lúc này nó xanh tươi, nhờ được băng bảo quản. Nhưng bên trong nó đã chết. Và ngay khi băng tan, nó sẽ úa nâu rồi mủn nát.” Cô nhìn thẳng vào mắt tôi. “Tớ cũng giống cái cây đó.”

“Không hề,” tôi nói. “Cậu... hoàn hảo.”

Khuôn mặt cô căng ra thành một vẻ kiên nhẫn gắng gượng, như thể đang giải thích điều gì đó với một đứa trẻ đầu đất. Cô lại ngồi xuống, cảm lấy

bàn tay tôi, đưa nó lên áp vào gò má mịn màng của mình. “Cái này ư?” cô nói. “Đó là một sự dối trá. Đây không thực là tóc. Nếu cậu có thể nhìn thấy tóc đúng như con người thực của tóc, cậu sẽ không còn yêu tóc nữa.”

“Tóc không quan tâm tới chuyện đó...”

“Tóc là một bà già!” cô nói. “Cậu nghĩ chúng ta giống nhau, nhưng không phải. Con người mà cậu nói cậu yêu này ư? Cô ta thực sự là một mụ phù thủy, một bà lão ẩn nấp trong thân hình một cô gái. Cậu là một thiếu niên – một cậu bé – một chú nhóc nếu so sánh với tóc. Cậu không bao giờ hiểu nổi thế là thế nào đâu, luôn kê cận cái chết vào mọi lúc. Và không nên hiểu. Tóc chưa bao giờ muốn cậu hiểu. Cậu vẫn còn cả cuộc đời để nhìn về phía trước, Jacob. Tóc đã sống hết cuộc đời của mình rồi. Và một ngày kia – có lẽ sẽ sớm thôi – tóc sẽ chết và trở về với cát bụi.”

Cô nói ra tất cả với sự quả quyết lạnh lùng tới mức tôi biết cô tin vào điều đó. Cô đau khổ khi phải nói ra những lời này, tôi đau khổ khi phải nghe chúng, nhưng tôi hiểu vì sao cô lại làm thế. Theo cách của mình, cô đang cố cứu tôi.

Dù sao cũng thật đau đớn – một phần vì tôi biết cô nói đúng. Nếu cô Peregrine bình phục, như vậy tôi coi như đã làm điều tôi định làm: tìm hiểu bí mật của ông nội tôi, trả món nợ của gia đình tôi với cô Peregrine; sống cuộc sống phi thường tôi vẫn hằng mơ – hay ít nhất là một phần của cuộc sống đó. Và vào thời điểm như vậy, ràng buộc duy nhất còn lại của tôi là với bố mẹ tôi. Còn về Emma, tôi chẳng hề bận tâm về chuyện cô lớn hơn tôi, hay khác tôi, nhưng cô đã quyết định là tôi nên bận tâm về điều đó, và có vẻ chẳng thể nào thuyết phục cô khác đi được.

“Có lẽ khi tất cả chuyện này kết thúc,” cô nói, “tóc sẽ gửi thư cho cậu, rồi cậu hồi âm. Và có lẽ một ngày nào đó cậu lại có thể tới gặp tóc.”

Một lá thư. Tôi nghĩ tới cái hộp bụi bặm tôi đã tìm thấy trong phòng cô, những lá thư ông nội viết. Vậy với cô tôi chỉ là vậy thôi sao? Một ông già bên kia đại dương? Một ký ức? Và tôi nhận ra tôi sắp sửa theo chân ông nội mình theo cách tôi chưa bao giờ nghĩ là có thể. Về nhiều khía cạnh, tôi đang sống cuộc sống của nội. Và rất có thể một ngày kia sự cảnh giới hồn rỗng của tôi sẽ trở nên quá chênh mảng, tôi sẽ già đi, đãng trí, và sẽ chết như ông nội. Và Emma sẽ tiếp tục sống mà không có tôi, không có ai trong hai ông cháu tôi, và đến một ngày có thể ai đó sẽ tìm thấy những lá thư của tôi trong

ngăn tủ tường của cô, trong một chiếc hộp bên cạnh những lá thư của ông nội tôi, và bản khoản tự hỏi chúng tôi là thế nào với cô.

“Thế nếu cậu cần tớ thì sao?” tôi nói. “Nếu lũ hồn rỗng quay lại thì sao?”

Nước mắt đầm đìa trên má cô. “Chúng tớ sẽ xoay xử được bằng cách nào đó,” cô nói. “Xem nào, tớ không thể nói thêm gì về chuyện này nữa. Thành thật mà nói, tớ không nghĩ trái tim tớ có thể chịu đựng nổi. Chúng mình có thể lên gác và nói với những người khác về quyết định của cậu không?”

Tôi nghiêng chặt quai hàm, đột nhiên bực bội về việc cô thúc ép tôi quá đáng. “Tớ chưa quyết định gì hết,” tôi nói. “Mà là cậu.”

“Jacob, tớ vừa nói với cậu...”

“Phải, cậu nói với tớ. Nhưng tớ chưa quyết định.”

Cô khoanh tay lại. “Thế thì tớ có thể đợi.”

“Không,” tôi nói và đứng dậy. “Tớ cần ở một mình một lát.”

Rồi tôi lên cầu thang mà không có cô đi cùng.

Chương 13

Tôi lặng lẽ bước qua các hành lang. Tôi đứng bên ngoài phòng họp của các Chủ Vòng một lúc, lắng nghe những giọng nói rì rầm vọng ra qua cánh cửa, song tôi không bước vào. Tôi ghé đầu nhìn vào phòng điều trị và thấy bà y tá đang ngủ gật trên một chiếc ghế đầu giữa mấy người đặc biệt chỉ còn một linh hồn. Tôi hé mở cánh cửa phòng cô Wren và thấy bà đang ngồi đu đưa ru cô Peregrine trong lòng, nhẹ nhàng đưa các ngón tay vuốt ve bộ lông con chim. Tôi không nói gì với bất cứ ai.

Lang thang qua những hành lang vắng tanh và những phòng làm việc bị phá tanh bành, tôi cố hình dung xem ở nhà sẽ thế nào, nếu tôi lựa chọn quay trở lại sau tất cả chuyện này. Tôi sẽ nói gì với bố mẹ. Nhiều khả năng là không gì hết. Dù thế nào họ cũng sẽ chẳng bao giờ tin tôi. Tôi chắc sẽ nói tôi đã hóa điên, viết cho bố một lá thư đầy ắp những chuyện điên rồ, rồi lên một chiếc thuyền vào bờ và bỏ chạy. Họ sẽ gọi đó là một phản ứng do stress. Rồi quy nó cho một chứng rối loạn tương tượng nào đó để rồi thay đổi tiến trình trị liệu của tôi theo đúng hướng này. Trách cứ bác sĩ Golan vì

đã đề xuất cho tôi đi tới Wales. Bác sĩ Golan, kể họ sẽ chẳng bao giờ nghe nói tới nữa. Bố mẹ tôi chắc sẽ nói hấn đã rời thị trấn, vì hấn là một kẻ dối trá, một gã lang băm đáng lẽ chúng tôi không bao giờ nên tin tưởng. Và tôi sẽ trở lại là thằng bé Jacob tôi nghiệp bị sang chấn tâm lý, một đứa trẻ con nhà giàu tâm thần không ổn định.

Nghe có vẻ giống một án tù. Dầu vậy, nếu lý do quan trọng nhất để tôi nán lại trong thế giới đặc biệt lại không còn muốn tôi nữa, thì tôi không thể hạ mình lẻo đẹo bám lấy cô được. Tôi có sự tự tôn của bản thân.

Tôi có thể ở lại Florida trong bao lâu, khi giờ tôi đã nếm qua mùi vị cuộc sống đặc biệt này? Tôi không còn bình thường như trước nữa – hay đúng hơn là giờ tôi đã biết tôi chưa bao giờ bình thường. Tôi đã thay đổi. Và ít nhất điều đó cũng cho tôi chút hy vọng: rằng ngay cả trong hoàn cảnh bình thường, tôi vẫn có thể tìm ra cách để sống một cuộc sống phi thường.

Phải, tốt nhất nên ra đi. Thực sự là thế. Nếu thế giới này đang chết dần và chẳng thể làm gì cho nó nữa, thế thì còn gì cho tôi ở đây nữa? Chạy và trốn cho tới khi không còn lại nơi nào an toàn để đi, không còn Vòng Thời Gian nào để duy trì tuổi trẻ nhân tạo của các bạn tôi. Chúng kiến họ chết. Đỡ lấy Emma khi cô gục xuống và vỡ nát trên tay tôi.

Điều đó sẽ giết tôi còn nhanh hơn bất cứ con hồn rỗng nào có thể.

Vậy thì được rồi, tôi sẽ đi. Cứu vãn những gì còn lại từ cuộc đời cũ của tôi. Tạm biệt, những người đặc biệt. Tạm biệt, thế giới đặc biệt.

Thế là tốt nhất.

Tôi lang thang cho đến khi tới một nơi các căn phòng chỉ đóng băng một nửa, khối băng đã dâng lên tới nửa chiều cao trần nhà như nước tràn vào một con tàu đắm rồi sau đó dừng lại, để các mặt bàn và chụp đèn nhô lên như những tay bơi đang ngập ngừng. Bên ngoài các khung cửa sổ đóng băng, mặt trời đang lặn xuống. Những cái bóng đồ dài theo các bức tường và nhân lên nhiều lần trong các giếng cầu thang, và khi ánh sáng tắt dần, chúng trở nên xanh hơn, nhuộm mọi thứ quanh tôi thành màu xanh đại dương sâu thẳm.

Tôi chợt nghĩ đây nhiều khả năng là buổi tối cuối cùng của tôi trong thế giới người đặc biệt. Buổi tối cuối cùng của tôi với những người bạn tốt nhất tôi từng có. Buổi tối cuối cùng của tôi với Emma.

Tại sao tôi lại trải qua nó một mình như thế này? Vì tôi buồn, và Emma đã làm tổn thương lòng kiêu hãnh của tôi, và tôi cần dần dần.

Đủ rồi.

Đúng lúc quay người để rời khỏi phòng, tôi cảm thấy nó: cảm giác quen thuộc trong bụng.

Một cơn hôn rỗng.

Tôi dừng lại, chờ đợi thêm một cơn đau nữa. Tôi cần thêm thông tin. Cường độ của cơn đau tương ứng với độ gần của cơn hôn rỗng, và tần suất những cơn đau xuất hiện tỷ lệ với sức mạnh của hấn. Khi hai cơn hôn rỗng mạnh mẽ truy đuổi chúng tôi, Cảm Giác là một cơn đau quặn quại không gián đoạn, nhưng lúc này phải một hồi lâu trôi qua tôi mới cảm thấy một cơn đau nữa – phải gần một phút – và khi nó xuất hiện, cảm giác đau thật mơ hồ, đến mức tôi thậm chí còn không chắc mình đã cảm thấy nó.

Tôi chậm chạp bò ra khỏi phòng, đi xuống hành lang. Khi đi qua khung cửa kế tiếp, tôi cảm thấy cơn đau thứ ba: lúc này mạnh hơn một chút, nhưng vẫn chỉ như một tiếng thì thầm.

Tôi thử mở cánh cửa ra thật thận trọng và khẽ, nhưng nó bị đóng băng chặt cứng. Tôi phải giật mạnh cánh cửa, sau đó rung lắc, rồi đá vào nó, cuối cùng cánh cửa cũng mở tung ra, để lộ khung cửa và một căn phòng đóng băng tới tận ngang ngực. Tôi thận trọng tới gần khỏi băng và nhìn qua, và thậm chí cả trong ánh sáng yếu ớt, tôi cũng thấy ngay một cơn hôn rỗng. Nó đang nằm phục dưới sàn, hai con mắt đen như mực bị bọc kín trong băng. Chỉ còn nửa trên cái đầu của nó nhô lên khỏi băng; phần còn lại của con quái vật, những phần nguy hiểm, cái miệng há ngoác và tất cả răng cũng như lưỡi của nó đều bị giữ lại dưới mặt băng.

Con quái vật chỉ còn sống thoi thóp, tim nó chậm lại tới mức gần như ngừng, đập chừng một lần mỗi phút. Với mỗi nhịp đập yếu ớt tôi lại cảm thấy một cơn đau nhói.

Tôi đứng ngoài cửa phòng và nhìn nó chăm chăm, kinh ngạc và ghê tởm. Nó bất tỉnh, bất động, hoàn toàn có thể tấn công. Thật dễ dàng leo lên mặt băng và đâm mũi một trụ băng vào đầu cơn hôn rỗng – và nếu ai đó khác biết nó ở đây, tôi tin chắc họ sẽ làm như thế. Nhưng có điều gì đó chặn tôi

lại. Sinh vật này giờ đây không còn là mối đe dọa cho bất cứ ai nữa. Tất cả các hồn rỗng tôi từng tiếp xúc đều để lại một dấu ấn trên tôi. Tôi nhìn thấy khuôn mặt thối rữa của chúng trong những giấc mơ của mình. Không mấy chốc nữa tôi sẽ về nhà, nơi tôi sẽ không còn là Jacob kẻ giết hồn rỗng nữa. Tôi không muốn mang theo cả gã này với mình. Đây không còn là chuyện của tôi nữa.

Tôi lùi ra khỏi phòng và đóng cửa lại.

Khi tôi quay trở lại phòng họp, trời đã gần tối mịt bên ngoài, và căn phòng tối om. Cô Wren không cho phép thắp những ngọn đèn khí ga lên vì sợ ánh đèn bị trông thấy từ dưới đường, tất cả mọi người bèn xúm lại quanh mấy cây nến tại chiếc bàn lớn hình bầu dục, một số ngồi trên ghế, số khác ngồi gác tréo chân ngay trên bàn, rì rầm trò chuyện khe khẽ và chăm chú nhìn xuống cái gì đó.

Khi các cánh cửa nặng nề kêu lên ken két, tất cả quay sang nhìn tôi.

“Cô Wren?” Bronwyn lên tiếng đầy hy vọng, thẳng người lên trên ghế và nheo mắt.

“Chỉ là Jacob thôi,” một bóng đen khác nói.

Sau một dàn đồng ca những tiếng thở dài thất vọng, Bronwyn nói, “À, chào Jacob,” rồi chuyển sự chú ý trở lại bàn.

Trong khi bước về phía họ, tôi trao đổi ánh mắt với Emma. Theo dõi ánh mắt cô, tôi thấy điều gì đó non nớt, lộ liễu – tôi hình dung rằng đó là nỗi sợ rằng quả thực tôi đã quyết định làm điều cô thúc giục tôi làm. Sau đó, ánh mắt cô đờ dại đi, và cô lại nhìn xuống.

Tôi phân nào hy vọng Emma đã thấy thương tôi và nói trước với những người khác rằng tôi chuẩn bị rời đi rồi. Nhưng hiển nhiên là cô đã không nói – tôi vẫn chưa nói gì với cô. Dẫu vậy, dường như cô biết, chỉ từ việc quan sát khuôn mặt tôi khi tôi đi vào phòng.

Rõ ràng những người khác không biết gì. Họ đã quá quen thuộc với sự hiện diện của tôi, thậm chí họ đã quên rằng điều đó đang bị xem xét. Tôi lấy hết can đảm và yêu cầu mọi người chú ý.

“Đợi một chút,” một giọng nói có khẩu âm nặng trĩu vang lên, trong ánh nến tôi nhìn thấy cô gái điều khiển trần và con trần của cô đang nhìn tôi. “Cậu này vừa nói rất nhiều điều vớ vẩn về nơi tôi từ đó tới.” Cô này quay sang chiếc ghế duy nhất cạnh bàn còn trống và nói, “Chúng tôi gọi nơi đó là *Simhaladvipa* – nhà của sư tử.”

Từ chiếc ghế trống, Millard đáp, “Tớ xin lỗi, nhưng trong đó viết rõ ràng trên giấy trắng mực đen: Vùng đất *Serendip*. Các chuyên gia vẽ bản đồ đặc biệt tạo ra thứ này không phải loại người đi bịa chuyện!”

Sau đó, tôi lại gần hơn thì thấy họ đang trao đổi về cái gì. Đó là một tấm Bản đồ Các Ngày, cho dù là một phiên bản lớn hơn nhiều so với tấm bản đồ chúng tôi đã mất ngoài biển. Tấm bản đồ này phủ kín cả chiều ngang mặt bàn và dày như một viên gạch để dựng đứng. “Tôi biết quê nhà của mình, và tên nơi đó là *Simhaladvipa!*” cô gái thoi miên trần khăng khăng, và con trần tháo mình ra khỏi cổ cô, lao vút đi qua bàn và đập mũi vào Bản đồ, chỉ vào một hòn đảo hình giọt nước ở ngoài khơi Ấn Độ. Tuy nhiên, trên tấm bản đồ này Ấn Độ được gọi là Malabar, và hòn đảo, mà tôi biết là Sri Lanka, được viết đề lên một dòng chữ đề *Vùng Đất Serendip*.

“Tranh luận chỉ vô ích,” Millard nói. “Có những nơi nhiều tên như thế lấy tên từng người dân để đặt cho nó vậy. Giờ hãy làm ơn bảo con trần của cậu lui ra, nếu không nó sẽ làm nhàu trang giấy mất.”

Cô gái thoi miên trần đằng hắng rồi lẩm bẫm gì đó, và con trần thu mình về trở lại quán quanh cổ cô. Từ đầu đến cuối, tôi không thể dừng nhìn chăm chăm vào cuốn sách. Tập sách chúng tôi để mất cũng đã rất ấn tượng, cho dù tôi mới thấy nó khi giờ ra có một lần vào ban đêm, trong ánh lửa màu cam nhảy múa khi ngôi nhà dành cho những đứa trẻ đặc biệt đang bốc cháy. Tập bản đồ này có kích cỡ khác hẳn. Không chỉ lớn hơn nhiều, tập sách này còn được trang trí cầu kỳ đến mức khiến tập sách kia trông chẳng khác gì một tập giấy vệ sinh bọc bì da. Những tấm bản đồ đầy màu sắc được vẽ trên các trang của tập sách, làm từ một thứ vật liệu nào đó bền hơn giấy, có lẽ là da dê, và rìa được thếp vàng. Những hình minh họa sinh động, các ghi chú và những cụm văn bản giải thích chen kín các rìa trang.

Millard để ý thấy tôi nhìn tập bản đồ đầy ngưỡng mộ liền nói, “Thật kinh ngạc phải không nào? Có lẽ ngoại trừ Lộ Luật Người Đặc Biệt, thì ấn bản này của Bản đồ là tập sách đẹp nhất trong cả thế giới đặc biệt. Cả một đội

các chuyên gia vẽ bản đồ, họa sĩ và thợ đóng sách đã dành ra cả cuộc đời để tạo nên nó, và người ta kể đích thân Perplexus Anomalous đã vẽ một số trong các bản đồ. Tớ vẫn muốn tận mắt nhìn thấy nó từ khi còn bé tẹo. Ồ, tớ vui lắm!”

“Đây quả là một kiệt tác,” tôi nói, và đúng là vậy.

Thay vì làm hỏng niềm vui của Millard với tuyên bố buồn của mình, tôi quyết định có thể đợi thêm chút nữa. Tôi sẽ không đi đâu hết ít nhất cho tới khi trời sáng, và tôi muốn tận hưởng thêm vài phút nữa bên các bạn tôi mà không bị những điều ám đạm hơn đè nặng. Tôi rón rén ngồi xuống cạnh Millard và đưa các ngón tay trượt dưới trang sách, có khổ lớn tới mức cần đến cả hai bàn tay tôi cũng như hai bàn tay của cậu ta để lật trang.

Chúng tôi cúi xuống Bản đồ. Tôi bị nó thu hút – nhất là những phần xa xôi và ít được biết đến. Tất nhiên, châu Âu và số lượng lớn Vòng Thời Gian ở đây được xác định chu đáo, nhưng càng cách xa, thông tin càng trở nên thưa thớt. Từng mảng lớn ở châu Phi chỉ đơn giản là trống trơn. *Vùng đất chưa được biết tới*. Tương tự là Siberia, cho dù bản đồ Các Ngày có tên riêng dành cho vùng Viễn Đông nước Nga: *Vùng Rộng Lớn Cô Độc Xa Xăm*.

“Có các Vòng Thời Gian ở những vùng này không?” Olive hỏi, chỉ tay vào một khoảng trống trải rộng trên phần lớn Trung Quốc. “Ở đó cũng có những người đặc biệt như chúng ta chứ?”

“Chắc chắn là có,” Millard nói. “Thuộc tính đặc biệt do gene quyết định chứ không phải địa lý. Nhưng chỉ có điều là phần lớn của thế giới đặc biệt còn chưa được khám phá.”

“Tại sao lại chưa?”

“Tớ đoán vì chúng ta quá bận rộn với việc sinh tồn.”

Tôi chợt nghĩ việc sống còn đã loại trừ rất nhiều thứ, trong đó khám phá và yêu không phải là ngoại lệ.

Chúng tôi lật thêm các trang, tìm kiếm những vùng trắng. Có rất nhiều, và tất cả đều có những cái tên lạ lùng. *Vương Quốc Than Khóc Của Cát*.

Vùng Đất Được Tạo Ra Trong Con Giận. Một Nơi Cao Đầy Sao. Tôi đọc thắm những cái tên này, đánh giá sự hợp lý của chúng.

Tại các vùng rìa lẫn khuất những nơi đáng sợ Bản đồ gọi là các vùng Hoang Vu. Cực Bắc Scandinavia là vùng *Hoang Vu Băng Giá*. Trung bộ Borneo: vùng *Hoang Vu Ngọt Ngạt*. Phần lớn bán đảo Ả Rập: vùng *Hoang Vu Tàn Nhẫn*. Có những nơi chẳng hề được thể hiện. New Zealand. Hawaii. Floria, chỉ đơn thuần là một cái bấu nhỏ xíu chưa nhô hẳn ra khỏi bàn chân nước Mỹ, gần như không thể nhìn thấy.

Nhìn vào Bản đồ Các Ngày, thậm chí cả những nơi nghe có vẻ cắm đặt chân đến cũng thối bùng lên trong tôi một mong ước lạ lùng. Nó làm tôi nhớ lại những buổi chiều cách đây đã lâu trải qua bên ông nội nghiên cứu những tấm bản đồ lịch sử trên tạp chí *Địa lý Quốc gia* – những tấm bản đồ được vẽ từ rất lâu trước khi xuất hiện máy bay và vệ tinh nhân tạo, khi các camera phân giải cao chưa thể nhìn tới tận từng góc ngách của thế giới. Khi hình dạng của những đường bờ biển ngày nay thật quen thuộc vẫn chỉ là phỏng đoán. Khi độ sâu và kích thước của những vùng biển băng giá và những khu rừng rậm rạp được tập hợp lại từ những lời đồn đại, các truyền thuyết và những chuyến lang thang nhón nhác của các đoàn thám hiểm đã mất đến nửa số thành viên trong quá trình khám phá chúng.

Trong khi Millard lang thang theo lịch sử của Bản đồ, tôi dùng ngón tay lần theo một sa mạc rộng mênh mông không đường đi ở châu Á. *Nơi Tạo Vật Có Cánh Không Kết Thúc Chuyến Bay Của Nó*. Tại đây còn cả một thế giới còn cần khám phá, và tôi mới chỉ bói qua loa trên bề mặt của nó. Ý nghĩ này làm tôi tràn đầy nuối tiếc – nhưng cũng có cả một cảm giác nhẹ nhõm đáng hồ thẹn. Nói cho cùng, tôi sẽ lại được thấy nhà mình, và bố mẹ mình. Và có thể sự thôi thúc khám phá chỉ vì để khám phá xưa kia đúng là thật trẻ con. Có sự lãng mạn trong cái chưa biết, nhưng một khi nơi nào đó đã được khám phá, ghi chép lại và đưa lên bản đồ, nó bị thu lại, chỉ còn là một hiện thực phủ bụi trong một cuốn sách, mất đi sự bí hiểm. Thế nên có lẽ tốt hơn nên để lại một số vùng trắng trên bản đồ. Hãy để thế giới giữ lại một phần phép màu của mình, thay vì ép buộc nó tiết lộ ra đến bí mật cuối cùng.

Có thể thỉnh thoảng phải băn khoăn tự hỏi lại tốt hơn.

Và tôi nói với họ. Đợi thêm nữa cũng chẳng ích gì. “Tớ sắp rời khỏi đây,” tôi nói. “Khi tất cả chuyện này kết thúc, tớ sẽ quay về nhà.”

Có một khoảnh khắc im lặng vì sốc. Cuối cùng Emma cũng bắt gặp ánh mắt tôi, và tôi có thể thấy đôi mắt cô ướt nhòa.

Rồi Bronwyn đứng dậy khỏi bàn và đưa hai cánh tay ôm chầm lấy tôi. “Người anh em,” cô nói. “Chúng tớ sẽ nhớ cậu lắm.”

“Tớ cũng sẽ nhớ các cậu,” tôi nói. “Nhiều hơn những gì tớ có thể nói.”

“Nhưng tại sao?” Olive nói, lơ lửng bay lên ngang tầm mắt tôi. “Có phải tớ khó chịu quá không?”

Tôi đưa bàn tay đặt lên đầu cô bé và đẩy cô xuống sàn trở lại. “Không, không, không có gì liên quan tới cậu cả,” tôi nói. “Cậu rất tuyệt, Olive.”

Emma bước tới. “Jacob tới đây để giúp chúng ta,” cô nói. “Nhưng cậu ấy phải quay trở lại cuộc sống cũ của mình, nó vẫn luôn ở đó chờ cậu ấy.”

Những đứa trẻ có vẻ hiểu. Không có sự tức giận. Phần lớn họ dường như thực sự mừng cho tôi.

Cô Wren ló đầu vào phòng để cập nhật nhanh tình hình cho chúng tôi – mọi thứ diễn ra rất tuyệt, bà nói. Cô Peregrine đang bình phục. Đến sáng bà sẽ sẵn sàng. Rồi cô Wren lại lui ra.

“Ôn Chúa,” Horace nói.

“Cảm ơn các loài chim,” Hugh nói.

“Cảm ơn Chúa và các loài chim,” Bronwyn nói. “Tất cả những con chim trên tất cả những cái cây trong tất cả các khu rừng.”

“Cảm ơn cả Jacob nữa,” Millard nói. “Chúng ta không bao giờ có thể làm được đến chừng này nếu không có cậu ấy.”

“Thậm chí chúng ta còn chẳng thể rời nổi khỏi hòn đảo,” Bronwyn nói. “Cậu đã làm rất nhiều cho chúng tớ, Jacob.”

Tất cả họ đều tới và ôm hôn tôi, tất cả, từng người một. Rồi họ rời đi, chỉ còn lại Emma, và cô ôm hôn tôi cuối cùng – một cái ôm hôn thật dài, vừa ngọt ngào vừa cay đắng thật giống với lời tạm biệt.

“Yêu cầu cậu rời đi là điều khó khăn nhất tớ từng phải làm,” cô nói. “Tớ rất vui vì cậu đã tới. Tớ không nghĩ tớ sẽ có đủ sức mạnh để yêu cầu thêm nữa.”

“Tớ ghét chuyện này,” tôi nói. “Tớ ước gì có một thế giới mà chúng ta có thể bình yên ở bên nhau.”

“Tớ biết,” cô nói. “Tớ biết, tớ biết.”

“Tớ ước...” tôi bắt đầu nói.

“Đừng nói nữa,” cô nói.

Nhưng tôi vẫn nói. “Tớ ước gì cậu có thể về nhà cùng tớ.”

Cô nhìn đi chỗ khác. “Cậu biết chuyện gì sẽ xảy ra với tớ nếu tớ làm điều đó mà.”

“Tớ biết.”

Emma không thích những cuộc chia tay kéo dài. Tôi có thể cảm thấy cô đang cố gồng mình lên, cố đè nén nỗi đau trong lòng. “Vậy nhé,” cô nói với giọng công việc. “Lên kế hoạch chút. Khi cô Peregrine trở lại hình người, cô sẽ dẫn cậu trở lại chỗ lễ hội, xuống đường hầm, và khi cậu đi qua phòng thay đồ, cậu sẽ trở lại hiện tại. Cậu nghĩ mình có thể xoay xở được từ đó chứ?”

“Tớ nghĩ là được,” tôi nói. “Tớ sẽ gọi cho bố mẹ tớ. Hoặc tới một đồn cảnh sát, hay làm gì đó. Tớ tin chắc đến giờ này hẳn đã có thông báo tìm kiếm dán ảnh của tớ tại tất cả các đồn cảnh sát Anh rồi, tớ hiểu bố tớ lắm.” Tôi cười khẽ, vì nếu không làm thế có khi tôi đã bắt đầu khóc.

“Thế thì ổn,” cô nói.

“Thế là ổn,” tôi nói.

Chúng tôi nhìn nhau, chưa hoàn toàn sẵn sàng chia tay, nhưng không biết chắc phải làm gì khác. Bản năng thôi thúc tôi hôn cô, nhưng tôi kìm mình. Chuyện này không còn được phép nữa.

“Cậu đi đi,” cô nói. “Nếu cậu không bao giờ nghe nói gì về bọn tớ nữa, thì một ngày nào đó cậu sẽ có thể kể lại câu chuyện của chúng ta. Cậu có

thể kể cho các con cậu về chúng ta. Hay các cháu cậu. Và chúng tớ sẽ không hoàn toàn bị quên lãng.”

Lúc ấy tôi biết rằng, từ giờ trở đi, mỗi lời trao đổi giữa chúng tôi sẽ gây đau khổ, sẽ thấm đẫm và mang dấu ấn nỗi đau của khoảnh khắc này, và tôi cần rút lui ngay bây giờ hoặc nó sẽ không bao giờ dừng lại. Vậy là tôi buồn bã gặt đầu, ôm hôn cô thêm lần nữa, rồi rút lui vào một góc để ngủ, vì tôi rất, rất mệt.

Sau một hồi, những người khác lôi đệm và chần vào trong phòng, xếp thành một chỗ ngủ quanh tôi, và chúng tôi xúm lại sát nhau để lấy hơi ấm chống lại cái lạnh đang ngấm dần. Nhưng trong khi những người khác bắt đầu nằm xuống, tôi nhận ra mình không tài nào ngủ được, dù đã rất kiệt quệ, và tôi đứng dậy đi đi lại lại trong phòng một hồi, quan sát những đứa trẻ từ ngoài xa.

Tôi cảm thấy rất nhiều điều từ khi cuộc hành trình của chúng tôi bắt đầu – vui, sợ, hy vọng, kinh hoàng – nhưng cho tới nay, tôi chưa bao giờ cảm thấy cô đơn. Bronwyn đã gọi tôi là người anh em, nhưng nghe cách gọi ấy không còn ổn nữa. Khá lắm tôi cũng chỉ là một người anh em họ đời thứ hai so với họ. Emma nói đúng: tôi không bao giờ có thể hiểu. Họ đã quá già, đã chứng kiến quá nhiều. Còn tôi tới từ một thế giới khác. Giờ đã đến lúc trở về.

Cuối cùng, tôi ngủ thiếp đi trong tiếng băng kêu rảng rặc, nứt lách cách ở các tầng nhà bên dưới chúng tôi và tầng áp mái phía trên. Ngôi nhà sống dậy trong những tiếng động này.

Đêm hôm đó, đêm của những giấc mơ lạ lùng, gập gáp.

Tôi lại về nhà, làm tất cả những điều tôi từng làm. Ăn ngấu nghiến một chiếc hamburger đồ ăn nhanh – to, nâu, béo ngậy. Ngồi cạnh lái xe trong chiếc Crown Vic của Ricky, chiếc radio lọc xọc mở thật to. Tại cửa hàng tạp hóa cùng bố mẹ tôi, lao xuống những dãy giá bày hàng dài chiếu sáng quá chói chang, và Emma ở đó, đang làm mát hai bàn tay trong nước đá ở quầy bán cá, nước tan ra chảy khắp nơi. Cô không nhận ra tôi.

Rồi tôi đang ở trung tâm trò chơi, nơi tôi tổ chức sinh nhật lần thứ mười hai, bắn một khẩu súng nhựa. Các thân người nổ tung, những quả bóng

đựng đầy máu.

Jacob cậu ở đâu.

Rồi đến trường. Thầy giáo đang viết trên bảng, nhưng các chữ cái chẳng tạo nên ý nghĩa nào. Rồi tất cả cùng đứng bật dậy, hỏi hả lao ra ngoài. Có gì đó không ổn. Một tiếng động chói tai vang lên rồi lắng xuống. Tất cả mọi người đứng im, đầu ngẩng lên trời.

Không kích.

Jacob Jacob cậu ở đâu.

Một bàn tay đặt lên vai tôi. Một ông già. Một người không có mắt. Tới để lấy cặp mắt của tôi. Không phải một người – một thứ - một con quái vật.

Giờ là chạy. Đuổi theo con chó già của tôi. Nhiều năm trước nó đã vùng khỏi tôi, chạy đi khi dây dắt vẫn buộc cổ và làm sợi dây quấn quanh một cành cây trong lúc cố đuổi theo một con sóc lên cây. Và tự làm mình chết ngạt. Chúng tôi mất hai tuần lang thang khắp khu vực lân cận gọi tên nó. Và tìm thấy con chó sau ba tuần. Snuffles già khốn khổ.

Lúc này tiếng còi vang lên điếc tai. Tôi chạy và một chiếc xe lao tới bên cạnh, đón tôi lên. Bố mẹ tôi ở trong xe, mặc đồ nghiêm chỉnh. Họ không nhìn tôi. Các cửa xe khóa lại. Chúng tôi lao đi và bên ngoài nóng đến ngột thở, nhưng máy sưởi lại được bật và các cửa xe đóng kín, radio thì mở to nhưng toàn chỉnh vào đoạn nhiễu giữa các đài phát.

Mẹ, chúng ta đi đâu đây.

Bà không trả lời.

Bố, sao chúng ta lại dừng ở đây.

Rồi chúng tôi ra ngoài, đi bộ, và tôi lại thở được. Một nơi đầy màu xanh. Có mùi cỏ mới cắt. Những người mặc đồ đen tụ tập lại quanh một cái hố trên mặt đất.

Một chiếc quan tài để mở trên một cái bệ. Tôi nhìn vào trong. Nó trống rỗng, chỉ có một vết ố nhợt như dầu chậm chậm lan rộng ra dưới đáy. Làm đen kịt nền xa tanh trắng. *Nhanh lên, đóng nắp lại!* Hắc ín đen ngòm sủi bọt

trào ra từ các đường rãnh và khe nứt rồi nhỏ giọt xuống cỏ và chìm vào trong đất.

Jacob con đâu rồi, nói gì đi chứ.

Trên bia ghi: ABRAHAM ERZA PORTMAN. Tôi vấp chân ngã nhào vào huyết mộ mở toang của ông, bóng tối cuộn lên nuốt chửng lấy tôi, và tôi cứ rơi mãi vào một nơi không đáy, và rồi tôi ở đâu đó dưới lòng đất, một mình, đang lang thang qua hàng nghìn đường hầm kết nối đan vào nhau, và tôi cứ lang thang, xung quanh thật lạnh, lạnh đến nỗi tôi sợ da mình sẽ đông cứng và xương tôi sẽ gãy rời, khắp nơi đều có những con mắt vàng khè quan sát tôi từ trong bóng tối.

Tôi đi theo giọng nói của ông. *Yakob, lại đây. Đừng sợ.*

Đường hầm dốc lên trên và ở phía cuối có ánh sáng, và một người đàn ông trẻ đang đứng trước miệng đường hầm, bình thần đọc sách. Trông anh ta cũng giống tôi, hay gần như giống tôi, và có thể anh ta chính là tôi, tôi thậm chí nghĩ, nhưng sau đó anh ta lên tiếng, và đó là giọng của ông nội tôi. *Ông có thứ này muốn chỉ cho cháu.*

Trong giây lát tôi bật dậy bừng tỉnh trong bóng tối và biết mình đang mơ, nhưng tôi không biết mình đang ở đâu, chỉ là tôi không còn ở trên giường nữa, cũng không ở trong phòng họp với những người khác. Tôi đã đi tới một nơi khác, và căn phòng tôi đang ở chỉ toàn một màu đen, phía dưới tôi là băng, và bụng tôi đau thắt lại...

Jacob lại đây cháu đâu rồi.

Một giọng nói từ bên ngoài, phía cuối hành lang – giọng người thật, không phải từ một giấc mơ.

Và rồi tôi lại ở trong mơ, ngay bên ngoài những dây chần của một võ đài quyền Anh, và trên võ đài, trong ánh sáng và khói mờ, ông nội tôi đang đối đầu với một con hồn rỗng.

Họ đi vòng quanh nhau. Ông nội tôi trẻ trung và nhanh nhẹn trên đôi chân mình, cởi trần, một bàn tay cầm dao. Con hồn rỗng còng xuống và vặn vẹo, những cái lưỡi của nó vung vẩy trong không khí, quai hàm há ra nhều những giọt đen sì xuống đệm võ đài. Nó vung một cái lưỡi ra và ông nội tôi nhanh nhẹn tránh khỏi.

Đừng chống lại con đau, đó là chìa khóa, ông nội tôi nói. Nó đang nói với cháu một điều. Hãy chào đón nó, để nó nói với cháu. Con đau nói: Xin chào, tôi chẳng là ai khác ngoài cậu; tôi thuộc về hồn rỗng, nhưng tôi cũng là cậu.

Con hồn rỗng lại vung lưỡi quất ông. Ông nội tôi đã tính trước, chuẩn bị để đón nhận cú đòn. Sau đó, con hồn rỗng tấn công lần thứ ba, và ông nội tôi lao tới với con dao của mình, thế là đoạn đầu cái lưỡi đen sì của con hồn rỗng rơi xuống thảm võ đài, bị cắt đứt lìa và quần quai vụn vẹo.

Chúng là những sinh vật ngu ngốc. Rất dễ không chế. Hãy nói với chúng, Yakob. Và ông nội tôi bắt đầu nói, nhưng không phải bằng tiếng Anh, cũng không phải tiếng Ba Lan hay bất cứ ngôn ngữ nào tôi từng nghe thấy ngoài những giấc mơ của mình. Nghe như tiếng ga xì xì từ yết hầu, những âm thanh được tạo thành từ cái gì đó khác chứ không phải cổ họng hay khuôn miệng.

Và con quái vật không đi lại nữa, chỉ lắc lư ở nơi nó đứng, có vẻ như bị thôi miên. Vẫn tiếp tục nói thứ tiếng vô nghĩa kinh khủng của mình, ông nội tôi hạ dao xuống và rón rén lại gần nó. Ông tới càng gần, con quái vật càng trở nên ngoan ngoãn hơn, cuối cùng nó quỳ phục xuống thảm. Tôi tưởng nó sắp sửa nhắm mắt lại và ngủ thiếp đi thì bất thành lình nó thoát khỏi phép thôi miên mà ông nội tôi đã áp lên nó, đoạn lao tới bằng tất cả những cái lưỡi của mình, đánh gục ông tôi. Thấy ông ngã xuống, tôi liền nhấc những sợi dây thừng chằng quanh võ đài lên và lao về phía ông, và con hồn rỗng tránh ra xa. Ông nội tôi đang nằm ngửa trên thảm, còn tôi quỳ gối xuống cạnh ông, bàn tay tôi đặt lên khuôn mặt ông, còn ông đang thì thầm gì đó với tôi, máu trào ra sủi bọt trên môi ông, tôi bèn cúi xuống sát hơn để nghe ông nói. *Cháu hơn ông, Yakob, ông nói. Cháu còn hơn ông ngày xưa.*

Tôi có thể cảm thấy tim ông đập chậm lại. Và bằng cách nào đó, lắng nghe nó cho tới khi trọn một giây trôi qua giữa các nhịp đập. Rồi mười giây. Rồi...

Jacob cậu ở đâu.

Tôi lại giật mình bừng tỉnh. Lần này có ánh sáng trong phòng. Sáng rồi, chỉ mới hừng đông. Tôi đang quỳ gối trên mặt băng của căn phòng bị băng

phủ kín một nửa, và bàn tay tôi không phải đang áp lên khuôn mặt ông nội mà đặt trên đỉnh đầu con hèn rỗng bị mắc kẹt, với bộ óc bò sát chậm chạp của nó. Đôi mắt nó mở to và nhìn tôi, tôi nhìn thẳng lại vào đôi mắt này. *Tao thấy mày.*

“Jacob! Cậu đang làm gì thế? Tớ đã tìm cậu khắp nơi!”

Đó là Emma, cô hồi hả gọi vào từ ngoài hành lang. “Cậu đang làm gì thế?” cô lại hỏi. Cô không thể thấy con hèn rỗng. Không hề biết nó ở trong này.

Tôi nhấc bàn tay lên khỏi đầu nó, trượt lùi ra xa. “Tớ không biết,” tôi nói. “Tớ nghĩ mình đang mộng du.”

“Không quan trọng,” cô nói. “Lại đây nhanh lên, cô Peregrine sắp biến hình!”

Chen chúc trong căn phòng nhỏ là tất cả những đứa trẻ và cả những nhân vật kinh dị trong màn trình diễn phụ, tất cả đều tái nhợt và hồi hộp, áp vào tường hay phủ phục dưới sàn nhà thành một vòng rộng bao quanh hai Chủ Vòng Thời Gian, hết như những kẻ tham dự một trận chơi gà bất hợp pháp. Emma và tôi lách vào giữa họ và thu mình vào một góc, dán mắt vào cảnh tượng sắp diễn ra. Căn phòng là một đống lộn xộn: chiếc ghế bập bênh cô Wren đã ngồi cả đêm cùng cô Peregrine giờ bị lật nghiêng sang một bên, cái bàn bày đầy những lọ và cốc có mỏ bị đẩy vào tường không chút khách khí. Althea đứng trên mặt bàn, cầm khư khư một cái lưới được buộc vào cây sào, sẵn sàng sử dụng nó.

Giữa sàn nhà là cô Wren và cô Peregrine. Cô Wren đang quỳ gối, giữ chặt cô Peregrine xuống ván sàn, hai bàn tay bà đều đi găng dày của người dạy chim ưng, người vãi mồ hôi, hát khê bằng Cổ Ngữ Đặc Biệt, trong khi cô Peregrine kêu quang quác và cố chồm lên. Nhưng cho dù cô Peregrine có vùng lên mạnh đến cỡ nào, cô Wren cũng không buông ra.

Đến một lúc nào đó trong đêm, thông điệp nhẹ nhàng của cô Wren đã trở nên giống như một màn vật biểu diễn giữa các loài khác nhau kết hợp với lễ trừ tà. Nửa chim của cô Peregrine đã chiếm ưu thế mạnh mẽ trong bản thể của bà tới mức nó từ chối bị đuổi đi trong hòa bình. Cả hai Chủ Vòng đều

đã phải chịu những vết thương nhẹ: lông của cô Peregrine rụng khắp nơi, còn cô Wren bị một vết cào chạy dọc xuống một bên mặt. Đó là một cảnh thật đáng ngại, và nhiều đứa trẻ đã há hốc miệng vì sốc khi chứng kiến. Với đôi mắt hoang dại và hung dữ, con chim cô Wren đang ấn chặt xuống sàn là một tạo vật chúng tôi gần như không nhận ra nổi. Có vẻ thật khó tin là chuyện khôi phục lại cô Peregrine trọn vẹn như trước đây lại có thể xuất phát từ màn trình diễn bạo lực này, nhưng Althea vẫn luôn mỉm cười nhìn chúng tôi, dành cho chúng tôi những cái gật đầu đồng viên như thể nói: *Gần được rồi, chỉ cần ghì chặt xuống sàn thêm một chút nữa thôi!*

Cho dù là một bà lão gầy gò, cô Wren đã không chế rất chắc cô Peregrine. Nhưng rồi con chim lầy mỗ mỗ vào cô Wren và nắm tay cô Wren tuột ra, và bằng một cách đập cánh thật mạnh, cô Peregrine thiếu chút nữa đã thoát khỏi hai bàn tay cô Wren. Đám trẻ phản ứng bằng những tiếng la hét và tiếng kêu thảng thốt. Song cô Wren rất nhanh, bà nhồm dầy kịp thời để tóm lấy chân cô Peregrine và kéo ấn xuống ván sàn như trước, làm lũ trẻ thảng thốt kêu lên còn to hơn. Chúng tôi không quen phải thấy Chủ Vòng của mình bị đối xử kiểu này, và Bronwyn quả thực đã phải ngăn Hugh không lao vào cuộc vật lộn để bảo vệ bà.

Cả hai Chủ Vòng lúc này có vẻ đều đã kiệt sức, nhưng cô Peregrine kiệt sức hơn; tôi có thể thấy sức lực của bà giảm dần. Phần người trong bà có vẻ đang thắng thế so với phần chim.

“Cố lên, cô Wren!” Bronwyn hô to.

“Bà làm được mà, cô Wren!” Horace gọi. “Mang cô ấy trở lại với chúng cháu đi!”

“Làm ơn!” Althea nói. “Chúng tôi yêu cầu im lặng tuyệt đối.”

Sau một hồi lại, cô Peregrine không chống cự nữa mà nằm xòe cánh dưới sàn, há mồm thở, lồng ngực phủ đầy lông vũ phập phồng. Cô Wren bỏ tay khỏi con chim và ngồi xổm xuống.

“Việc đó sắp diễn ra rồi,” bà nói, “và khi nó diễn ra, ta không muốn ai trong các cháu lao tới đây ôm lấy bà ấy. Chủ Vòng của các cháu nhiều khả năng sẽ rất bối rối, và ta muốn khuôn mặt đầu tiên bà ấy thấy, giọng nói đầu tiên bà ấy nghe là của ta. Ta cần giải thích cho bà ấy những gì đã xảy ra.”

Rồi bà đập hai bàn tay lên ngực và thì thầm, “Trở lại với chúng tôi, Alma. Hãy trở lại, người chị em. Hãy trở lại với chúng tôi.”

Althea từ trên bàn bước xuống và cầm một tấm chăn lên, giơ nó ra và giơ lên che trước cô Peregrine để chắn bà khỏi tầm mắt. Khi các Chủ Vòng từ hình dạng chim trở lại thành người, họ khóa thân; tấm chăn là để đảm bảo không ai nhìn thấy cảnh đó.

Chúng tôi đợi trong sự căng thẳng ngạt thở, trong khi một chuỗi những âm thanh lạ lùng kế tiếp nhau vang lên từ sau tấm chăn: một tiếng không khí xì ra, một âm thanh nghe như ai đó đang vỗ tay một cái, thật mạnh, rồi cô Wren đứng bật dậy loạng choạng lùi một bước.

Trông bà có vẻ kinh hoàng – miệng há hốc, và cả Althea cũng há hốc miệng. Rồi cô Wren nói, “Không, không thể là thế này,” và Althea loạng choạng ngất xỉu, để rơi tấm chăn xuống. Và tại đó, trên sàn nhà, chúng tôi thấy một cơ thể con người, nhưng không phải của một phụ nữ.

Người đàn ông này trần truồng, cuộn tròn lại, quay lưng về phía chúng tôi. Ông ta bắt đầu cựa quậy, đuổi người ra, rồi cuối cùng đứng dậy.

“Đó là cô Peregrine sao?” Olive hỏi. “Cô ấy trở lại trông kỳ quá.”

Rõ ràng là không phải. Người đứng trước mặt chúng tôi chẳng có chút tương đồng nào với cô Peregrine. Ông ta là một người đàn ông bé nhỏ còm cõi với hai đầu gối nổi cục, đầu hói và cái mũi như một cục tẩy dùng dở, và ông ta hoàn toàn trần trụi từ đầu đến chân với một lớp gel dính, trong mờ. Trong khi cô Wren há hốc miệng nhìn người đàn ông và quờ quạng với tìm thứ gì đó để bám vào, tất cả những người khác bắt đầu la lớn trong choáng váng và phẫn nộ, “Ông là ai? Ông là ai? Ông đã làm gì cô Peregrine?”

Chậm rãi, thật chậm rãi, người đàn ông đưa hai bàn tay lên mặt và lau mắt. Sau đó, ông ta mở mắt ra lần đầu tiên.

Cả hai tròng mắt đều trắng dã, vô hồn.

Tôi nghe thấy ai đó kêu thét lên.

Rồi thật bình thản, ông ta nói, “Tên ta là Caul. Và tất cả các người giờ là tù binh của ta.”

“Tù binh ư!” Người Gấp nói và bật cười. “Ý hấn là sao, chúng ta là tù binh à?”

Emma hét lên với cô Wren, “Cô Peregrine đâu rồi? Người đàn ông này là ai, và bà đã làm gì với cô Peregrine?”

Cô Wren dường như đã mất đi khả năng nói.

Trong lúc sự bối rối của chúng tôi biến thành choáng váng và phần nộ, chúng tôi ào ào trút câu hỏi về phía người đàn ông bé quắt. Hấn chịu đựng chúng với vẻ hơi chán ngán, đứng giữa phòng, hai bàn tay dè dặt khum vào che chỗ kín.

“Nếu các người thực sự để ta nói, ta sẽ giải thích tất cả,” hấn nói.

“Cô Peregrine đâu?” Emma lại hét lên, run người vì phần nộ.

“Đừng lo,” Caul nói, “bà ta đang an toàn tại nơi giam giữ của chúng ta. Chúng ta đã bắt cóc bà ta nhiều ngày trước, trên hòn đảo của các người.”

“Vậy con chim chúng tôi đã cứu lên từ tàu ngầm,” tôi nói, “đó là...”

“Đó là ta,” Caul nói.

“Không thể!” cô Wren thốt lên, cuối cùng cũng nói được trở lại. “Xác sống không thể biến thành chim được!”

“Về nguyên tắc chung thì đúng là thế. Nhưng Alma là chị gái ta, các người thấy đấy, và dù không đủ may mắn để được thừa kế chút tài năng khổng lồ thời gian nào như bà ta, ta cũng được chia sẻ hầu hết những năng lực vô dụng của chị mình – khả năng biến thành một con chim săn mồi bé nhỏ xấu xa. Ta đã làm khá tuyệt khi vào vai bà ta, các người không nghĩ thế sao?” Và hấn hơi cúi chào. “Bây giờ, ta có thể phiền các người tìm giúp một cái quần được không? Các người bắt gặp ta trong tình thế thật bất lợi cho ta.”

Lời yêu cầu của hấn bị lờ đi. Trong khi đó, đầu tôi quay cuồng. Tôi nhớ từng có lần cô Peregrine nói bà có hai em trai – thực ra tôi đã thấy ảnh của họ, khi cả ba chị em còn đang được cô Avocet nuôi dạy. Rồi tôi nhớ lại những ngày chúng tôi đã trải qua cùng con chim chúng tôi tin là cô Peregrine; tất cả những gì chúng tôi đã trải qua, mọi thứ chúng tôi đã thấy.

Cô Peregrine bị nhốt trong lồng mà Golan đã ném xuống đại dương – đó là người thật, trong khi con chim chúng tôi “cứu” lên lại là em trai bà. Giờ thì những điều tàn nhẫn cô Peregrine đã làm gần đây trở nên sáng tỏ - đó không phải là cô Peregrine – song tôi vẫn còn đến cả triệu câu hỏi.

“Suốt thời gian đó,” tôi nói. “Tại sao ông lại giữ nguyên hình chim? Chỉ để theo dõi chúng tôi sao?”

“Mặc dù quãng thời gian dài quan sát cuộc cãi vã trẻ con của chúng mà phải nói là đáng kinh ngạc một cách không thể chối cãi, ta đúng là còn hy vọng chúng mà có thể giúp ta một việc chưa hoàn tất. Khi chúng mà giết đám người của ta ở vùng nông thôn, ta rất ấn tượng. Chúng mà đã chứng tỏ bản thân khá biết xoay xở. Tất nhiên, thuộc hạ của ta đã có thể ập tới và bắt chúng mà vào bất cứ lúc nào sau đó, nhưng ta nghĩ tốt hơn hãy để chúng mà được tung tăng tự do một thời gian để xem biết đâu sự khôn ngoan của chúng mà lại dẫn bọn ta tới chỗ Chủ Vòng duy nhất liên tục thành công thoát khỏi tay bọn ta.” Nói tới đây, hấn quay sang cô Wren và cười hết cỡ. “Xin chào, Balenciaga. Thật vui lại được gặp bà.”

Cô Wren rên lên và đưa bàn tay phẩy phẩy quạt cho mình.

“Lũ ngọc, lũ đàn độn, lũ ngó ngẩn!” ông hề gất lên. “Các cô cậu đã dẫn chúng tới thẳng chỗ chúng tôi!”

“Và như một món phụ trội thú vị,” Caul nói, “bọn ta đã ghé thăm cả trại động vật của bà nữa! Người của ta tới đó không lâu sau khi ta và lũ nhóc rời đi; những cái đầu nhồi rơm của con bán lừa cao cổ và con chó boxer đó trông sẽ thật tuyệt vời trên nóc lò sưởi của ta.”

“Đồ quái vật!” cô Wren rít lên, và bà bật lùi tựa vào bàn, đôi chân không còn đứng vững nữa.

“Ôi, con chim của tôi!” Bronwyn kêu lên, mắt mở to. “Fiona và Claire!”

“Mày sẽ sớm gặp lại chúng thôi,” Caul nói. “Ta đã giam chúng cẩn thận.”

Tất cả bắt đầu sáng tỏ một cách khủng khiếp. Caul biết rằng hấn sẽ được chào đón tới trại động vật của cô Wren khi đóng giả cô Peregrine, và khi bà Chủ Vòng không có nhà để bị bắt, hấn thúc đẩy chúng tôi lần theo bà, tới London. Theo nhiều cách, chúng tôi đã bị thao túng ngay từ đầu – từ

khoảnh khắc chúng tôi lựa chọn rời hòn đảo và tôi lựa chọn đi cùng mọi người. Thậm chí cả câu chuyện hấn chọn để Bronwyn đọc trong suốt buổi tối đầu tiên trong rừng về người khổng lồ hóa đá cũng là một thủ đoạn thao túng. Hấn muốn chúng tôi tìm ra Vòng Thời Gian của cô Wren, trong khi chúng tôi cứ nghĩ chính mình đã giải mã ra bí mật về nó.

Những ai không choáng váng lùi lại vì kinh hoàng trong chúng tôi thì cũng sôi lên phẫn nộ. Một số người la lên cần giết Caul, và hỏi hấn tìm kiếm các đồ vật sắc nhọn để làm việc này, trong khi số ít còn giữ được bình tĩnh cố gắng ngăn họ lại. Trong suốt thời gian đó, Caul đứng bình thản, đợi cho cơn kích động lắng xuống.

“Ta nói được chứ?” hấn lên tiếng. “Ta không hoan nghênh bất cứ ý tưởng nào về chuyện giết ta. Các người có thể, tất nhiên; chẳng ai ngăn được các người. Nhưng sẽ dễ dàng cho các người hơn nhiều nếu ta không bị tổn thương khi thuộc hạ của ta tới.” Hấn làm bộ xem giờ từ một cái đồng hồ đeo tay không hề tồn tại trên cổ tay mình. “À phải,” hấn nói, “giờ thì chúng phải ở đây rồi – phải rồi, khoảng lúc này – bao vây tòa nhà, kiểm soát mọi lối ra có thể, kể cả mái nhà. Và ta muốn nói thêm là chúng có năm mươi sáu người, và tất cả đều được vũ trang đến tận răng. Quá cả răng nữa. Các người đã bao giờ thấy một khẩu pháo cỡ nhỏ có thể làm gì với một thân thể trẻ con chưa?” Hấn nhìn thẳng vào Olive và nói, “Nó sẽ biến mày thành thịt băm, bé yêu.”

“Ông đang nói khoác!” Enoch nói. “Chẳng có ai ngoài kia cả!”

“Ta cam đoan với các người là có đấy. Họ đã theo dõi ta sát sao kể từ khi chúng ta rời khỏi hòn đảo bé tẹo chán ngắt của chúng mày, và ta đã ra tín hiệu cho họ ngay thời điểm Balenciage lộ diện trước chúng ta. Lúc đó là cách đây mười hai giờ - quá đủ thời gian để tập hợp một lực lượng tấn công.”

“Cho phép tôi xác nhận chuyện này,” cô Wren nói, và bà rời khỏi phòng để tới chỗ phòng họp của các Chủ Vòng, các cửa sổ ở đó bị băng bịt kín chủ yếu từ bên ngoài, và vài ô cửa có những đường hầm như ống kính viễn vọng được đục chảy qua khối băng được gắn gương cho phép chúng tôi nhìn xuống đường phố bên dưới.

Trong lúc chờ đợi bà quay lại, ông hề và cô gái thôi miên trần tranh cãi cách tốt nhất để tra tấn Caul.

“Theo tôi chúng ta nên nhổ các móng chân hẳn ra trước tiên,” ông hề nói. “Sau đó gí que cời lò nung nóng vào mắt hẳn.”

“Ở nơi tôi đến,” cô gái thoi miên trần nói, “hình phạt cho kẻ phản bội là bôi mật ong lên kín người, trói vào một cái thuyền không mui, và thả xuống một ao nước tù. Lũ ruồi sẽ ăn sống nuốt tươi kẻ đó.”

Caul đứng bẻ cổ từ bên này qua bên kia và duỗi dài hai cánh tay với vẻ buồn chán. “Xin lỗi nhé,” hẳn nói. “Phải làm một con chim quá lâu thường làm cơ bắp bị gò bó.”

“Mày nghĩ bọn tao đang đùa chắc?” ông hề nói.

“Ta nghĩ các người là đồ nghiệp dư,” Caul nói. “Nếu các người tìm ra vài mầm mống, ta có thể chỉ cho các người thấy một thứ thực sự tồi tệ. Cho dù thứ băng này có vẻ thú vị, nhưng ta thực lòng đề xuất các người tránh khỏi nhiều phiền toái. Ta nói vậy là vì các người, vì chân thành quan tâm tới sự an lành của các người.”

“Phải rồi,” Emma nói. “Các ông quan tâm đến thứ gì đánh cắp linh hồn của những người đặc biệt đó?”

“À phải. Ba nhà tiên phong. Sự hy sinh của họ là cần thiết – tất cả vì sự tiến bộ, cô em thân mến ạ. Điều bọn ta đang cố gắng làm là giúp các giống loài đặc biệt tiến bộ, cô em thấy đấy.”

“Thật là trò đùa,” cô nói. “Các người chẳng là gì ngoài những kẻ thèm khát quyền lực bệnh hoạn!”

“Ta biết tất cả chúng mày đều quá được bao bọc và thiếu dạy dỗ,” Caul nói, “nhưng chẳng lẽ các Chủ Vòng của chúng mày không dạy chúng mày về lịch sử loài người sao? Những người đặc biệt chúng ta từng giống như các vị thần tung hoành trên trái đất! Những người không lò - các vị vua – những người cai trị chân chính của thế giới! Nhưng theo các thế kỷ và thiên niên kỷ, chúng ta phải chịu đựng sự suy thoái khủng khiếp. Chúng ta hòa lẫn với người bình thường tới mức độ mà dòng máu thuần đặc biệt của chúng ta đã bị pha loãng đi tới độ gần như chẳng còn gì. Và giờ hãy nhìn lại chúng ta xem, chúng ta đã trở nên suy thoái đến thế nào! Chúng ta ẩn trốn trong những xó xỉnh tạm bợ như thế này, sợ hãi chính lũ người chúng ta đáng lẽ cai trị, bị chững lại ở một trạng thái trẻ con vĩnh viễn bởi hội đồng

những kẻ bao biện này – những người đàn bà này! Chúng mày không thấy họ đã hạ thấp chúng ta thế nào sao? Chúng mày không thấy nhục nhã sao? Chúng mày liệu có ý thức được về quyền lực đáng lẽ phải thuộc về chúng ta không? Chẳng lẽ chúng mày không cảm thấy dòng máu của những người khổng lồ đang chảy trong huyết quản mình?” Lúc này hắn đã đánh mắt về đứng đưng, khuôn mặt trở nên đỏ lựng. “Bọn ta không phải đang tìm cách xóa sổ thế giới người đặc biệt – bọn ta đang tìm cách cứu nó!”

“Có đúng thế không?” ông hề nói, rồi bước tới trước Caul và nhô thẳng vào mặt hắn. “VẬY ĐÂY, chúng mày có một cách làm điều đó thật quái gở.”

Caul dùng mu bàn tay chùi bãi nhỏ. “Ta biết nói lý với các người sẽ chỉ vô ích. Đám Chủ Vòng đã nhồi nhét những lời dối trá và tuyên truyền cho các người trong suốt cả trăm năm qua. Ta nghĩ tốt hơn nên rút lấy linh hồn của các người và bắt đầu lại từ đầu.”

Cô Wren quay trở lại. “Hắn nói thật,” bà nói. “Chắc phải có tới năm mươi tên lính ngoài kia. Tất cả đều có vũ khí.”

“Ôi, ôi, ôi,” Bronwyn rên lên, “chúng ta làm gì đây?”

“Bỏ cuộc,” Caul nói. “Lặng lẽ rời đi.”

“Chúng có bao nhiêu gã ngoài kia cũng không quan trọng,” Althea nói. “Chúng sẽ không bao giờ vượt qua được khối băng của tôi.”

Khối băng! Tôi đã gần như quên băng mất. Chúng tôi đang ở trong một pháo đài băng!

“Đúng thế!” Caul hân hoan nói. “Cô bé hoàn toàn đúng, chúng không thể tiến vào. Vì thế sẽ có một cách nhanh chóng, không đau đớn để giải quyết chuyện này, đó là các người tự làm tan băng ngay bây giờ, hoặc là sẽ có một cách lâu dài, bướng bỉnh, chậm chạp, chán ngắt và buồn thảm, được gọi là một cuộc vây hãm, theo đó trong nhiều tuần, nhiều tháng, người của ta sẽ đứng canh bên ngoài trong khi chúng ta ở đây, lặng lẽ đói là dần đến chết. Có lẽ các người sẽ bỏ cuộc khi đã đủ tuyệt vọng và đói. Hoặc có thể các người sẽ bắt đầu ăn thịt lẫn nhau. Dù thế nào đi nữa, nếu người của ta phải đợi lâu đến thế, khi xông được vào, chúng sẽ tra tấn tất cả các người đến chết cho đến kẻ cuối cùng, điều đó thì kiểu gì chúng cũng sẽ làm được. Và nếu bọn ta buộc phải thực hiện theo cách chậm chạp, chán ngắt và buồn thảm, thì hãy làm ơn, vì lũ trẻ, mang tới cho ta một cái quần.”

“Althea, tìm một cái quần chết tiệt nào đó cho hần!” cô Wren nói. “Nhưng không được phép, trong bất cứ hoàn cảnh nào, làm chảy khối băng này!”

“Vâng, thưa cô,” Althea đáp, và cô đi ra ngoài.

“Bây giờ,” cô Wren quay sang Caul và nói. “Đây là những gì chúng ta sẽ làm. Người bảo thuộc hạ của mình để chúng ta an toàn rời khỏi đây, nếu không chúng ta sẽ giết người. Nếu chúng ta phải làm thế, ta cam đoan với người chúng ta sẽ làm, và chúng ta sẽ ném cái xác thối tha của người ra qua một cái hố đục qua băng, mỗi lần một miếng. Mặc dù ta tin chắc thuộc hạ của người sẽ không thích chuyện đó cho lắm, nhưng chúng ta sẽ có rất nhiều thời gian để cân nhắc bước hành động tiếp theo của mình.”

Caul nhún vai và nói, “Ồ, được thôi.”

“Thật sao?” cô Wren hỏi.

“Ta cứ nghĩ ta có thể dọa được bà,” hần nói, “nhưng bà nói đúng, ta thích không bị giết hơn. Vậy hãy đưa ta tới một trong những cái hố đục qua băng, và ta sẽ làm như bà đã yêu cầu, ra lệnh xuống cho người của ta.”

Althea quay lại cầm theo một cái quần và ném nó cho Caul, y liền mặc nó vào. Cô Wren chỉ định Bronwyn, ông hề và Người Gấp áp giải Caul, trang bị cho họ những trụ băng gãy làm vũ khí. Với các mũi nhọn của trụ băng chĩa vào lưng hần, chúng tôi tiến ra ngoài hành lang. Nhưng khi chúng tôi đang chen chúc dồn cục lại để đi qua phòng làm việc tối om dẫn sang phòng họp của các Chủ Vòng thì tai họa xảy ra. Ai đó vấp chân vào một tấm thảm trải sàn và ngã sụp xuống, rồi tôi nghe thấy tiếng xô đẩy vang lên trong bóng tối. Emma thấp một ngọn lửa lên vừa đúng lúc thấy Caul túm tóc lôi Althea rời xa khỏi chúng tôi. Cô gái vùng vẫy đấm đá trong khi Caul kê một trụ băng nhọn hoắt vào cổ cô và hét lên, “Lùi lại, nếu không tao sẽ đâm cái này xuyên qua cổ con nhóc!”

Chúng tôi đi theo Caul từ một khoảng cách an toàn. Hần lôi Althea đang không ngừng quấy đạp vào phòng họp, rồi lôi cô lên cái bàn bầu dục, tại đó hần ghì chặt lấy Althea, trụ băng bị kê sát sạt vào mắt cô gái và hét lên, “*Đây là những yêu cầu của tao!*”

Tuy nhiên, hắn chưa kịp đi xa hơn, Althea đã đánh bật trụ băng khỏi tay hắn. Trụ băng bay đi và cắm phập đầu nhọn xuống các trang của tập Bản đồ Các Ngày. Trong khi mồm hắn còn nguyên hình chữ O vì kinh ngạc, bàn tay Althea đã đập thẳng vào đằng trước quần của hắn, và chữ O há rộng ra nhăn nhó vì choáng váng.

“Xông lên!” Emma hét to, rồi cô cùng tôi và Bronwyn lao về phía họ, băng qua các cánh cửa gỗ. Nhưng khi chúng tôi chạy, khoảng cách phải băng qua trong căn phòng rộng đó dường như vươn dài ra, và chỉ trong vài giây cuộc đấu giữa Althea và Caul đã xoay sang một chiều hướng mới: Caul buông Althea ra và ngã vật xuống bàn, hai cánh tay hắn duỗi ra cố với lấy trụ băng. Althea ngã theo hắn ôm chặt lấy đùi hắn – và một lớp băng đang lan ra nhanh chóng trên nửa dưới người Caul, làm hắn tê liệt từ hông trở xuống, và làm hai bàn tay Althea đông cứng vào chân hắn. Hắn đã móc được một ngón tay quanh trụ băng, rồi cả bàn tay, và vừa rên lên vì nỗ lực và đau đớn, hắn vừa rút nó ra khỏi tập Bản đồ và xoay nửa trên người đi cho tới khi chĩa được mũi nhọn của trụ băng xuống trên lưng Althea. Hắn hét lên bảo cô bé dừng lại, buông hắn ra và làm tan băng, nếu không hắn sẽ đâm nó vào cô.

Lúc này chúng tôi chỉ còn cách họ vài mét, nhưng Bronwyn túm lấy Emma và tôi rồi giữ chúng tôi lại.

Caul gào lên, “Dừng lại! Dừng trò này lại!” trong khi khuôn mặt hắn méo mó vì đau đớn, lớp băng ào ào lan tới trên ngực hắn, trùm lên vai hắn. Chỉ trong vài giây nữa thôi, hai cánh tay và bàn tay hắn cũng sẽ bị đóng băng.

Althea đã không dừng lại.

Và rồi Caul ra tay – hắn đâm trụ băng vào lưng cô bé. Cô gái cứng người lại vì sốc, rồi thét lên. Cô Wren chạy tới chỗ họ, gọi to tên Althea trong khi lớp băng đã bao trùm phần lớn cơ thể Caul bắt đầu rút lại rất nhanh. Khi cô Wren tới chỗ họ, hắn gần như đã hoàn toàn thoát khỏi nó, Nhưng rồi băng ở khắp nơi cũng tan ra – co lại rồi biến mất cũng nhanh như tính mạng Althea – băng trên tầng áp mái tan ra chảy giọt xuống rồi trút như mưa qua trần nhà trong khi máu của chính Althea chảy xuống cơ thể cô. Lúc này cô bé đang nằm trong vòng tay cô Wren, yếu ớt, lả dần.

Bronwyn lao lên bàn, một bàn tay cô chộp lấy cổ Caul, món vũ khí của hắn bị bóp vụn thành tuyết trong bàn tay còn lại của cô. Chúng tôi có thể nghe thấy băng ở các tầng nhà bên dưới mình cũng đang chảy ra, sau đó băng biến mất khỏi các cửa sổ. Chúng tôi ủa tới nhìn ra ngoài, và có thể thấy nước ào ào tuôn từ các cửa sổ thấp hơn ra phố, ngoài đó, những tên lính mặc quân phục ngụy trang tác chiến đô thị màu xám đang bám vào các trụ đèn và trụ nước cứu hỏa để khỏi bị dòng nước lạnh buốt cuốn trôi.

Sau đó, chúng tôi nghe thấy tiếng ừng của chúng nện rầm rầm trên cầu thang bên dưới và lao xuống từ nóc nhà phía trên đầu, và chỉ lát sau chúng ủa vào với súng trên tay, quát tháo la hét. Một số trong đám lính mang kính nhìn đêm đeo trên đầu, và tất cả chúng đều có vũ khí đầy người – những khẩu súng máy gọn nhẹ, súng ngắn có tầm ngắm bán laser, dao găm cận chiến. Cần đến ba tên trong bọn chúng để lôi Bronwyn ra khỏi Caul, hắn khò khè phều phào qua cổ họng thiếu chút nữa bị bóp nát, “Lôi chúng đi, và không cần phải nhẹ tay!”

Cô Wren la lớn, cầu xin chúng tôi tuân lệnh – “Hãy làm như chúng nói nếu không chúng sẽ làm hại các cháu đấy!” – nhưng bà không chịu buông Althea ra, vậy là đám lính lấy bà làm gương; chúng giật Althea ra và đá cô Wren ngã lăn ra sàn, và một tên lính bắn khẩu súng ngắn liên thanh lên trần chỉ để dọa chúng tôi. Khi tôi thấy Emma sắp tạo ra một quả cầu lửa bằng hai bàn tay cô, tôi chộp lấy tay cô và khấn khoản bảo cô không nên làm vậy – “Đừng, làm ơn đừng, chúng sẽ giết cậu mất!” – rồi một báng súng nện vào ngực tôi, làm tôi ngã vật ra sàn, há hốc miệng hỏn hển. Một gã lính bẻ quặt hai bàn tay tôi ra sau lưng rồi trối lại.

Tôi nghe thấy chúng đếm, Caul đọc tên từng người trong chúng tôi, đảm bảo cả Millard cũng bị bắt – bởi vì tất nhiên vào lúc này, sau khi đã trải qua ba ngày vừa qua với chúng tôi, hắn đã biết tất cả chúng tôi, biết mọi thứ về chúng tôi.

Tôi bị lôi dậy, và tất cả chúng tôi bị đẩy qua các cánh cửa ra hành lang. Loạng choạng bước đi cạnh tôi là Emma, mái tóc dính máu, tôi bèn thì thầm, “Làm ơn hãy chỉ làm những gì chúng bảo,” và dù cô không thừa nhận, tôi biết cô nghe tôi. Về mặt cô đầy áp phần nộ, sợ hãi và choáng váng – và tôi nghĩ cả thương hại nữa, cho tất cả những gì tôi vừa để tuột mất khỏi tay mình.

Trong giếng cầu thang, các sàn nhà và bậc cầu thang phía dưới trở thành một dòng sông nước sủi bọt trắng, một dòng xoáy của những con sóng dồn đuổi nhau. Bên trên là lối ra duy nhất. Chúng tôi bị xô leo lên cầu thang, qua một cánh cửa và bước vào ánh sáng ban ngày chói chang, trên mái nhà. Tất cả đều ướt, lạnh cóng, bị nỗi kinh hoàng làm cho im bật.

Tất cả trừ Emma. “Các người đang đưa chúng tôi đi đâu?” cô hỏi.

Caul tới cạnh cô, nhăn nhó cười thẳng vào mặt cô trong khi một gã lính giữ lấy hai bàn tay cô đang bị còng ra sau lưng. “Một nơi rất đặc biệt,” Caul nói, “nơi sẽ không có một giọt linh hồn đặc biệt nào của các người bị lãng phí.”

Emma nao núng, hấn liền phá lên cười rồi quay đi, vươn hai cánh tay lên quá đầu và ngáp. Từ vai hấn nhô ra hai khối máu lồi, trông như gốc của những cái cánh bị cắt bỏ: dấu hiệu bên ngoài duy nhất cho hay kẻ xảo trá này có quan hệ với một Chủ Vòng Thời Gian.

Những tiếng hét vang lên từ một tòa nhà khác. Thêm nhiều gã lính nữa. Chúng đang bắc một cây cầu rút qua giữa các mái nhà.

“Thế còn con bé đã chết thì sao?” một gã lính hỏi.

“Thật tiếc, đúng là lãng phí,” Caul tặc lưỡi nói. “Ta những muốn ăn tối bằng linh hồn của nó. Bản thân món linh hồn đặc biệt cũng chẳng có vị gì,” hấn nói, hướng về chúng tôi. “Thành phần tự nhiên của nó quả thực hơi sền sệt và nhão nhoét, nhưng nếu đánh trộn lên với một chút xiu sốt remoulade rồi phết lên thịt trắng thì cũng khá ngon.”

Rồi hấn phá lên cười thật to một hồi lâu.

Trong lúc chúng giải chúng tôi đi, từng người một, qua cây cầu rút, tôi cảm thấy con quạ thật quen thuộc trong bụng – rất nhẹ nhưng đang mạnh dần lên, còn chậm nhưng đang nhanh dần lên – con hồn rỗng – lúc này đã thoát khỏi đóng băng, đang chậm rãi sống lại.

Mười gã lính lăm lăm súng giải chúng tôi ra khỏi Vòng Thời Gian, đi qua các căn lều lễ hội và khu trình diễn phụ cũng như những người đi dự lễ hội đang há hốc miệng ngạc nhiên, đi xuống các đường hẻm đầy những thỏ

với những gian hàng và người bán hàng, những đứa trẻ đầu đường xó chợ tròn mắt nhìn theo chúng tôi, vào phòng cải trang, đi qua đồng quần áo chúng tôi đã vứt bỏ lại, rồi xuống đường hầm tàu điện ngầm. Đám lính thúc chúng tôi đi, cúi gắt quát chúng tôi giữ im lặng (cho dù suốt nhiều phút chẳng ai hé lấy một lời), giữ đầu cúi xuống và đi theo hàng không thì sẽ bị nện bằng súng.

Caul không còn đi cùng chúng tôi – hắn đã ở lại sau cùng phần đông đám lính để “dọn dẹp”, theo tôi thì có nghĩa là lũng sục trong Vòng Thời Gian để tìm bắt những người đang lẩn trốn và lạc mất. Lần cuối cùng, chúng tôi thấy, hắn đang xỏ chân vào một đôi ủng kiểu dáng hiện đại và mặc trên người một chiếc áo khoác quân đội, hắn bảo đã chán ngấy khuôn mặt của chúng tôi nhưng sẽ gặp chúng tôi “ở phía bên kia”, cũng chẳng biết nghĩa là gì.

Chúng tôi đi ngang qua chỗ thời gian dịch chuyển, và lại tiến lên theo dòng thời gian – nhưng không phải tới chỗ nào đó kiểu như những đường hầm tôi đã quen. Các thanh ray và tà vẹt giờ đều bằng kim loại, và ánh sáng trong hầm cũng khác, không còn là bóng đèn sợi đốt đỏ quạch mà là những bóng đèn huỳnh quang nhấp nháy tỏa ra thứ ánh sáng xanh lục nhợt nhạt. Sau đó, chúng tôi chui ra khỏi đường hầm, tới ke ga, và tôi hiểu ra lý do: chúng tôi không còn ở thế kỷ mười chín, thậm chí không còn ở thế kỷ hai mươi. Đám đông người lánh nạn tìm nơi trú ẩn giờ đã biến mất; nhà ga gần như vắng tanh. Cầu thang xoáy tròn ốc chúng tôi từng dùng để đi xuống đã biến mất, được thay thế bằng một thang máy. Một màn hình LED có chữ điện tử chạy cuốn treo phía trên ke ga: THỜI GIAN TỚI CHUYỂN TIẾP THEO: 2 PHÚT. Trên tường là tấm áp phích giới thiệu một bộ phim tôi vừa xem mùa hè vừa rồi, ngay trước khi ông nội tôi qua đời.

Chúng tôi đã để năm 1940 ở lại sau lưng. Tôi đã trở lại hiện đại.

Vài đứa trẻ nhận ra điều này với vẻ mặt ngạc nhiên và sợ hãi, như thể sợ rằng họ sẽ già đi chỉ sau vài phút, nhưng với phần lớn trong số họ, tôi nghĩ cú sốc do bất ngờ bị bắt sẽ không giảm sút bởi một chuyến đi không trông đợi tới hiện tại; họ đang lo bị rút mất linh hồn chứ không phải sợ tóc bạc đi hay da có đốm đồi mồi.

“Đám lính dồn chúng tôi lại giữa ke ga để đợi tàu. Tiếng giày bước đi nặng nề vang lên hướng về phía chúng tôi. Tôi đánh liêu ngoái lại liếc nhìn

và thấy một cảnh sát đi tới. Đằng sau ông ta, vừa bước ra khỏi thang máy, còn có ba người nữa.

“Này!” Enoch la lên. “Cảnh sát, lại đây!”

Một gã lính đâm vào bụng Enoch, cậu ta gập móp người lại.

“Ở đây mọi thứ ổn chứ?” người cảnh sát ở gần nhất hỏi.

“Họ bắt chúng cháu!” Bronwyn nói. “Họ không phải là lính thật sự, họ là...”

Và rồi cô cũng bị nện vào bụng, dù cú đánh có vẻ không hề khiến cô đau. Điều khiến cô dừng lại không nói thêm nữa chính là gã cảnh sát gỡ cặp kính râm mắt to ra để lộ đôi mắt trắng dã vô hồn. Bronwyn co mình lại.

“Một chút lời khuyên đây,” gã cảnh sát nói. “Không ai tới giúp chúng mày đâu. Người của bọn ta ở khắp nơi. Chấp nhận điều đó đi, như vậy sẽ dễ dàng hơn cho tất cả mọi người.”

Những người bình thường bắt đầu vào ga đông dần. Đám lính kẹp chặt lấy chúng tôi từ mọi phía, giữ vũ khí của chúng giấu kín.

Một đoàn tàu xì xì lao vào ga, đông chật người. Những cánh cửa điện xích mở, và một dòng hành khách úa ra. Đám lính bắt đầu đẩy chúng tôi về phía toa tàu gần nhất, mấy gã cảnh sát đi trước xua mấy người hành khách còn lại trong toa ra. “Tìm toa khác đi!” chúng gắt gỏng. “Ra ngoài!” Mấy hành khách cần nấn nhưng bèn làm theo. Tuy nhiên vẫn còn nhiều người đằng sau chúng tôi trên ke ga đang cố gắng chui vào toa, và vài gã trong đám lính vốn vây kín quanh chúng tôi buộc phải tách ra để chặn họ lại. Và lúc đó vừa khéo có đủ sự hỗn loạn – người ta tìm cách đóng những cánh cửa lại nhưng mấy gã cảnh sát giữ chúng mở cho tới khi còi báo động bắt đầu reo; đám lính xô đẩy chúng tôi tới trước mạnh đến mức làm Enoch trượt chân, khiến những đứa trẻ khác vấp chân vào cậu ta như một phản ứng dây chuyền – thế là Người Gấp, với hai cổ tay quá gầy tới mức đã có thể tháo được còng ra, quyết định thoát khỏi nó và chạy đi.

Một phát súng vang lên, rồi phát súng thứ hai, và Người gấp loạng choạng đổ nhào xuống đất. Đám đông dạt ra trong cơn hoảng loạn, người ta la hét, giẫm đạp lên nhau để tránh khỏi đường đạn, và tình thế từ chỗ vốn chỉ lộn xộn đã trở thành một màn hỗn loạn cực độ.

Sau đó, chúng xô đẩy, đâm đá dòn chúng tôi lên tàu. Bên cạnh tôi, Emma đang chống cự, khiến gã lính đẩy cô lại gần. Thế rồi tôi thấy hai bàn tay bị còng của cô lóe sáng màu cam, và cô đưa tay ra sau chộp lấy hắn. Gã lính ngã lăn ra đất, gào thét, một cái lỗ hình bàn tay đã cháy thâu qua bộ đồ nguy trang của gã. Sau đó, gã lính đang đẩy tôi vung báng súng của hắn lên và đang chực nện nó xuống cổ Emma thì một bản năng trời dậy trong tôi, tôi liền huých vai vào lưng hắn.

Hắn loạng choạng.

Emma nung chảy còng của cô, nó rơi xuống khỏi tay cô như một đồng kim loại méo mó nóng đỏ. Gã lính giám sát tôi lúc này quay súng chĩa vào tôi, gầm lên tức tối, nhưng hắn chưa kịp bắn, Emma đã xông tới từ phía sau và chụp hai bàn tay vào hai bên mặt hắn, các ngón tay cô nóng tới mức chúng ngập vào hai má hắn như lướt qua bơ mềm. Gã lính buông rơi súng và đổ sập xuống, gào rú.

Tất cả chuyện này diễn ra rất nhanh, chỉ trong vòng vài giây.

Tiếp theo, thêm hai gã lính xông tới chúng tôi. Lúc này gần như tất cả những người khác đã ở trên tàu – ngoại trừ Bronwyn và hai anh em mù, vốn chưa lúc nào bị còng tay và lúc này chỉ đang đứng lồng tay vào nhau. Thấy chúng tôi sắp bị bắn chết, Bronwyn làm một điều tôi không bao giờ có thể hình dung nổi cô sẽ làm trong bất kỳ hoàn cảnh nào: cô tát mạnh vào mặt cậu anh, rồi tóm lấy cậu em và thô bạo lôi mạnh khỏi cậu anh.

Vào khoảnh khắc mối liên hệ giữa họ bị cắt đứt, hai anh em bật lên một tiếng thét dữ dội tới mức nó tạo thành một cơn cuồng phong. Cơn cuồng phong lao qua nhà ga đầy uy lực – thổi bạt Emma và tôi lại đằng sau, đánh vỡ kính của đám lính, âm thanh gần như vượt quá tần số đôi tai tôi nghe được, khiến cho tất cả những gì tôi nghe thấy chỉ là một tiếng rít chói tai *Eeeeeeee...*

Tôi nhìn thấy tất cả các ô cửa sổ của đoàn tàu vỡ tung, và các màn hình LED tan tành thành mảnh sắc như dao, còn những bóng đèn ống bằng thủy tinh chạy dọc nóc nổ tan tành, khiến chúng tôi chìm vào màn đêm tối đen như mực trong khoảnh khắc, sau đó những ánh đỏ nhấp nháy cuồng loạn của đèn báo khẩn cấp bật sáng.

Tôi đã bị ngã ngửa ra, không khí như bị ép hết ra khỏi phổi, đôi tai tôi ong ong. Có thứ gì đó đang nắm lấy cổ áo kéo tôi lùi lại, cách xa khỏi đoàn tàu, và tôi không còn biết làm thế nào nhúc nhích tay chân mình để cưỡng lại. Dưới tiếng ong ong trong tai, tôi có thể phân biệt được những giọng nói gấp gáp đang la lên. “*Đi, đi mau!*”

Tôi cảm thấy thứ gì đó lạnh lạnh ươn ướt áp vào sau gáy mình, rồi tôi bị lôi vào trong một buồng điện thoại. Emma cũng ở đó, khoanh tròn trong góc, nửa bất tỉnh.

“Co chân lên,” tôi nghe thấy một giọng nói quen thuộc nhắc mình, và một tạo vật lông lá lùn tịt với cái mõm tẹt và quai hàm bành bạnh từ đằng sau tôi lon ton chạy tới.

Là con chó. Addison.

Tôi thu chân vào trong buồng điện thoại, tôi đã đủ tỉnh táo trở lại để cử động, nhưng chưa nói được.

Điều cuối cùng tôi thấy trong ánh đèn đỏ quạch chập chờn ma quái là cô Wren bị đẩy lên toa tàu và những cánh cửa đóng sập lại, và tất cả các bạn tôi đang ở bên trong cùng với bà, co ro trước họng súng, bị đóng khung lại bởi những ô cửa sổ tàu đã vỡ hết kính, bị những kẻ có đôi mắt trắng dã vây quanh.

Rồi đoàn tàu rầm rầm chuyển bánh lao vào bóng tối, và mất hút.

Tôi giật mình tỉnh dậy vì một cái lưỡi đang liếm lên mặt mình.

Con chó.

Cửa buồng điện thoại đã bị đóng lại, và ba chúng tôi đang co quắp chen chúc dưới sàn ở bên trong.

“Cậu đã bị ngất,” con chó nói.

“Chúng đi rồi,” tôi nói.

“Phải, nhưng chúng ta không thể ở lại đây. Chúng sẽ quay lại tìm cậu. Chúng ta phải đi.”

“Tôi nghĩ tôi chưa đứng dậy được đâu.”

Con chó bị một vết rách trên mũi, và mất một miếng to ở một bên tai. Cho dù đã làm những gì để tới đây, nó hẳn cũng đã phải trải qua địa ngục.

Tôi cảm thấy cái gì đó rung rung cọ cọ vào chân, nhưng quá mệt để nhìn xem đó là gì. Đầu tôi đang nặng như đá tảng.

“Đừng có ngủ lại nữa,” con chó nói, rồi nó quay sang Emma và bắt đầu liếm mặt cô.

Lại cảm giác rung rung đó. Lần này tôi nhích người với tay lên tới chỗ nó.

Đó là chiếc điện thoại di động của tôi. Điện thoại của tôi đang rung. Tôi không thể tin nổi chuyện này. Tôi moi nó ra khỏi túi quần. Pin đã gần hết, tín hiệu gần như không có. Màn hình hiện dòng chữ: BỐ (177 CUỘC GỌI NHỠ).

Nếu không phải đang choáng váng đến thế, nhiều khả năng tôi đã không trả lời. Vào bất cứ lúc nào một gã đàn ông lăm lăm súng trong tay cũng có thể tới kết liễu chúng tôi. Không phải là thời điểm hay cho một cuộc trò chuyện với bố. Nhưng lúc này tôi suy nghĩ không được tỉnh táo, và mỗi lần điện thoại đổ chuông, phản xạ không điều kiện hình thành từ lâu của tôi là nhận máy.

Tôi bấm nút TRẢ LỜI. “A lô?”

Một tiếng khóc nấc nghẹn vang lên ở đầu bên kia. Sau đó: “Jacob? Có phải con đây không?”

“Là con đây.”

Nghe giọng tôi hẳn phải thảm hại lắm. Một tiếng khàn khàn yếu ớt.

“Ôi, Chúa ơi, ôi, Chúa ơi,” bố tôi nói. Ông đã không trông đợi tôi trả lời, có khi còn tưởng tôi chết rồi và lúc này ông chỉ gọi vì một phản ứng bản năng do đau khổ mà ông không thể từ bỏ được. “Bố không... con đã ở đâu... chuyện gì đã xảy ra... con đang ở đâu, con trai?”

“Con ổn cả,” tôi nói. “Con còn sống. Ở London.”

Tôi không biết vì sao tôi lại nói với ông câu cuối cùng. Tôi đoán vì tôi cảm thấy mình nợ ông một chút sự thật.

Thế rồi có vẻ như bố tôi quay đầu khỏi ông nghe để gọi to với ai đó: “Là Jacob! Nó ở London!” Rồi ông quay lại với tôi: “Bố mẹ còn tưởng con chết rồi.”

“Con biết. Ý con là con không thấy ngạc nhiên. Con xin lỗi vì đã bỏ đi như thế. Con hy vọng không làm bố mẹ quá sợ.”

“Con làm bố mẹ sợ *muốn chết*, Jacob.” Bố tôi thở hắt ra, một âm thanh kéo dài, run rẩy tổng hợp của sự nhẹ nhõm, không tin nổi và bức bối. “Bố mẹ cũng đang ở London. Sau khi cảnh sát không thể tìm thấy con trên đảo... dù sao thì cũng không quan trọng nữa, chỉ cần con nói cho bố mẹ biết con đang ở đâu, bố mẹ sẽ tới đón con!”

Emma bắt đầu cựa mình. Cô mở mắt ra và nhìn tôi, lờ đờ như thể đang mơ màng đầu đó sâu tít bên trong và dõi mắt nhìn về phía tôi qua hàng dăm não bộ và cơ thể. Addison nói, “Tốt, tốt lắm, giờ hãy ở lại cùng chúng tôi,” rồi bắt đầu quay sang liếm bàn tay cô.

Tôi nói vào điện thoại, “Bố, con không thể tới được. Con không thể kéo bố vào chuyện này.”

“Ôi Chúa ơi, bố biết mà. Con nghiện ma túy đúng không? Nghe này, cho dù con đang dính vào với ai, bố mẹ cũng có thể giúp. Chúng ta không nhất thiết phải lôi cảnh sát vào việc này. Bố mẹ chỉ muốn con trở về thôi.”

Thế rồi mọi thứ chợt tối om đi trong đầu tôi trong một giây, và khi tỉnh lại, tôi cảm thấy một cơn đau quặn thắt dữ dội trong bụng, tới mức tôi đánh rơi điện thoại xuống.

Addison ngẩng đầu lên nhìn tôi. “Có chuyện gì thế?”

Đúng lúc đó tôi thấy một cái lưỡi dài, đen ngòm áp vào bên ngoài lớp kính buồng điện thoại. Rồi cái lưỡi thứ hai, cái thứ ba nhanh chóng gia nhập cùng nó.

Con hôn rộng. Con hôn rộng đã thoát ra khỏi băng. Nó đã bám theo chúng tôi.

Con chó không thể nhìn thấy, song nó hiểu ngay qua vẻ mặt tôi. “Là một trong bọn chúng phải không?”

Tôi nói không thành lời, *Phải*. Addison liền co rúm vào một góc.

“Jacob?” giọng nói lí nhí của bố tôi vọng ra từ trong điện thoại. “Jacob, con có ở đó chứ?”

Những cái lưỡi bắt đầu quán quanh buồng điện thoại, vây lấy chúng tôi. Tôi không biết phải làm gì, chỉ biết mình phải làm gì *đó*, vậy là tôi cựa quậy đôi bàn chân, chống bàn tay lên tường, và gồng mình cố đứng dậy.

Thế rồi tôi mặt đối mặt với nó. Những cái lưỡi tủa ra như nan quạt từ cái miệng há ngoác đầy răng sắc như dao của nó. Đôi mắt nó đen sì, chảy ra nước còn đen hơn, và chúng đang nhìn chăm chăm vào tôi, chỉ cách mặt kính vài phân. Con hồn rỗng bật ra một tiếng gầm gừ trầm trầm từ sâu dưới cổ họng làm tôi nhũn cả người, và phần nào trong tôi ước gì con quái vật sẽ chỉ giết tôi và làm thật nhanh việc đó để tất cả con đau và nỗi kinh hoàng này chấm dứt.

Con chó sủa lên lên mặt Emma. “Dậy đi! Chúng tôi cần cô, cô gái! Đốt lửa lên!”

Nhưng Emma không thể nói hay đứng dậy, và chỉ có ba chúng tôi dưới ga tàu điện ngầm này, cộng thêm hai phụ nữ mặc áo mưa đang lúi lại, bịt mũi để tránh khỏi mùi hôi tanh của hồn rỗng.

Thế rồi buồng điện thoại, toàn bộ buồng điện thoại với tất cả chúng tôi trong đó, nghiêng ngả hết bên này lại sang bên kia, và tôi nghe thấy những cái chót gấn nó xuống sàn kêu răng rắc và bung ra. Dần dà, con hồn rỗng nhắc chúng tôi lên khỏi mặt đất – mười lăm phân, rồi ba mươi, rồi sáu mươi – để rồi lại đập mạnh chúng tôi xuống, làm các khung kính buồng điện thoại vỡ tan, khiến mảnh thủy tinh rơi rào rào như mưa lên chúng tôi.

Thế rồi chẳng còn gì ngăn cách giữa con hồn rỗng và tôi nữa. Không còn lấy một phân, một tấm kính nào. Những cái lưỡi của nó vụn vụn chui vào trong buồng, quán quanh cánh tay tôi, hông tôi, rồi quanh cổ tôi, siết chặt dần chặt dần cho tới khi tôi không thể thở nổi.

Đó là lúc tôi biết mình đã chết. Và vì tôi đã chết, tôi chẳng thể làm gì nữa, tôi ngừng tranh đấu. Tôi thả lỏng tất cả các cơ, nhắm mắt lại, và buông

xuôi theo cơn đau đang bùng lên trong bụng mình như một màn pháo hoa.

Thế rồi một chuyện lạ lùng xảy ra: cơn đau không còn đau nữa. Cảm giác đau biến đổi, trở thành một thứ khác. Tôi đắm mình vào trong nó, và nó bao bọc lấy tôi, và dưới bề mặt đục ngầu của nó, tôi khám phá ra một thứ lặng lẽ và dịu dàng.

Một lời thì thầm.

Tôi lại mở mắt. Con hồn rỗng lúc này có vẻ như bị đông cứng, nhìn tôi trừng trừng. Tôi trừng trừng nhìn lại, không sợ hãi. Tầm nhìn của tôi lăm lăm những điểm đen vì thiếu oxy, nhưng tôi không cảm thấy đau.

Vòng quẩn quanh cổ tôi của con hồn rỗng lỏng ra. Tôi hít thở lần đầu tiên sau nhiều phút, bình tĩnh và sâu. Rồi lời thì thầm tôi tìm thấy bên trong từ bụng tôi di chuyển lên, đi qua cổ tôi rồi qua đôi môi, tạo ra một âm thanh nghe không giống như một ngôn ngữ, nhưng ý nghĩa của nó thì dường như từ lúc sinh ra tôi đã hiểu.

Lùi.

Ra.

Con hồn rỗng thu những cái lưỡi lại. Rút tất cả vào trong cái miệng rộng hoác của nó và khép quai hàm lại. Rồi hơi cúi đầu xuống – một cử chỉ gần như quy phục.

Rồi nó ngồi xuống.

Emma và Addison từ dưới sàn ngược lên nhìn tôi, kinh ngạc trước sự yên ắng bất ngờ. “Chuyện gì vừa xảy ra vậy?” con chó hỏi.

“Không có gì phải sợ cả,” tôi nói.

“Nó đi rồi sao?”

“Chưa, nhưng giờ nó sẽ không làm hại chúng ta nữa.”

Con chó không hỏi làm sao tôi biết được; chỉ gật đầu, được giọng nói của tôi đảm bảo.

Tôi mở cửa buồng ra và giúp Emma đứng dậy. “Cậu đi được chứ?” tôi hỏi cô. Cô đưa một cánh tay ôm quanh hông tôi, tựa người vào tôi, và

chúng tôi cùng nhau nhấc một bước. “Tớ sẽ không rời khỏi cậu,” tôi nói. “Dù cậu có thích thế hay không.”

Cô thì thâm vào tai tôi. “Tớ yêu cậu, Jacob.”

“Tớ cũng yêu cậu,” tôi thì thâm lại.

Tôi cúi xuống cầm điện thoại lên. “Bố ạ?”

“Tiếng ồn đó là gì vậy? Con đang ở cùng ai thế?”

“Con ở đây. Con ồn cả.”

“Không, con không ồn. Cứ ở yên đó.”

“Bố, con phải đi. Con xin lỗi.”

“Không. Đừng ngắt máy,” bố tôi nói. “Con đang bối rối, Jake.”

“Không. Con giống ông nội. Con sở hữu thứ ông có.”

Đầu bên kia im lặng một lát. Rồi: “Làm ơn về nhà đi con.”

Tôi hít một hơi. Có quá nhiều điều cần nói mà lại không có thời gian để nói ra. Đành phải nói thế này: “Con hy vọng một ngày nào đó con sẽ có thể về nhà. Nhưng trước mắt có những việc con cần phải làm. Con chỉ muốn bố biết con yêu bố và mẹ, và con không hề làm những việc này để bố mẹ phải buồn.”

“Bố mẹ cũng yêu con, Jake, và nếu là ma túy, hay bất cứ cái gì khác, bố mẹ cũng không quan tâm. Bố mẹ sẽ giúp con vượt qua. Như bố đã nói, con đang bối rối thôi.”

Rồi tôi ngắt máy, và nói một thứ ngôn ngữ tôi không hề từng biết là mình biết, tôi ra lệnh cho con hồn rỗng đứng dậy.

Ngoan ngoãn như một cái bóng, nó làm theo.

VỀ CÁC BỨC ẢNH VÀ LỜI CẢM ƠN.

VỀ CÁC BỨC ẢNH

Giống như các bức ảnh trong tập đầu, *Trại trẻ đặc biệt của cô Peregrine*, tất cả ảnh trong *Thành phố hồn rỗng* đều là những bức ảnh cũ thực thụ được

tìm thấy, và trừ vài tấm có trải qua quá trình xử lý kỹ thuật số, tất cả đều là bản gốc. Chúng đã được tỉ mỉ sưu tầm qua nhiều năm: được tìm thấy tại các chợ trời, các triển lãm ảnh cũ, và nhiều nhất là kho lưu trữ của các nhà sưu tập ảnh tài năng hơn tôi, những người đã đủ hào phóng để chia tay một số trong những báu vật đặc biệt nhất của họ nhằm giúp tạo nên cuốn sách này.

Những bức ảnh dưới đây đã được chủ sở hữu của chúng vui lòng cho phép sử dụng:

TIÊU ĐỀ	TỪ BỘ SƯU TẬP CỦA
Hình bóng Jacob	Roselyn Leibowitz
Emma Bloom	Muriel Moutet
Enoch O'Connor	David Bass
Claire Densmore	David Bass
Fiona Frauenfeld	John Van Noate
Cô Avovet	Erin Waters
Cô bé lên tàu	John Van Noate
Đứa bé đang khóc	John Van Noate
Cặp anh em đặc biệt	John Van Noate
Sam	John Van Noate
Millard trong gương	John Van Noate
Người cảnh giới	John Van Noate

LỜI CẢM ƠN

Trong lời cảm ơn của *Trại trẻ đặc biệt của cô Peregrine*, tôi đã cảm ơn ban biên tập viên của mình, Jason Rekulak, vì sự kiên nhẫn “dường như vô tận” của ông. Giờ đây, sau tập hai đã mất nhiều thời gian gấp đôi để viết, tôi e rằng mình cần phải cảm ơn ông về sự kiên nhẫn đã thành huyền thoại, không, phải nói là đã đạt đến độ thần thánh, ông đúng là có sự kiên nhẫn

của Công Việc! Tôi hy vọng cuốn sách xứng đáng với sự chờ đợi, và tôi sẽ mãi mãi biết ơn ông vì đã giúp tôi tìm thấy đường đi.

Xin cảm ơn nhóm làm việc tại Quirk Books – Brett, David, Nicole, Moneka, Katherine, Doogie, Eric, John, Mary Ellen và Blair – vì vừa là những người tinh táo nhất, lại đồng thời là những người sáng tạo nhất trong ngành xuất bản. Cũng xin cảm ơn tới tất cả mọi người tại nhà xuất bản Random House, cũng như tới các nhà xuất bản của tôi ở nước ngoài vì đã bằng cách nào đó thành công trong việc dịch một cách thật uyển chuyển những từ ngữ hư cấu lập dị của tôi sang những ngôn ngữ khác (và thỉnh thoảng lại đón tiếp một tác giả người Mỹ cao lênh khênh, nhợt nhạt và hơi lúng túng tại đất nước các bạn; xin lỗi về sự lộn xộn tôi đã gây ra trong phòng khách của các bạn).

Xin cảm ơn người đại diện của tôi, Jodi Reamer, vì đã đọc qua rất nhiều bản thảo của cuốn sách này, vì luôn đưa ra những nhận xét giúp cuốn sách hay hơn, và vì (gần như) luôn sử dụng đai đen nhất đẳng của cô vào việc tốt chứ không phải việc xấu.

Xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới những bạn sưu tầm ảnh của tôi, những người đã giúp rất nhiều trong quá trình tạo nên cuốn sách này. Robert E. Jackson, Peter J. Cohen, Steve Bannos, Michael Fairley, Stacy Waldman, John Van Noate, David Bass, Yefim Tovbis, và Fabien Breuvert – tôi đã không thể hoàn thành cuốn sách nếu không có các bạn.

Xin cảm ơn các thầy cô đã thách thức và động viên tôi theo năm tháng: Donald Rogan, Perry Lentz, P. F. Kluge, Jonathan Tazewell, Kim McMullen, Linda Janoff, Philip Eisner, Wendy MacLeod, Doe Mayer, Jed Dannenbaum, Nina Foch, Lewis Hyde, và John Kinsella, cũng như nhiều người khác.

Và hơn hết, cảm ơn Tahereh, người đã thắp sáng cuộc đời tôi theo vô vàn cách khác nhau. Anh yêu em, *azizam*.

Vội vã tạm biệt hòn đảo từng là chốn nấu thân yên ấm, mùi đũa trẻ đặc biệt chạy trốn khỏi đám quái vật đang săn lùng mình. Chỉ có một người có thể giúp họ, cô phụ trách Peregrine, nhưng bà lại đang mắc kẹt trong hình dạng một con chim. Jacob Portman và bạn bè của cậu bắt đầu cuộc hành

trình đầy bất trắc khó lường, hy vọng có thể tìm được người giúp cô phụ trách yêu quý trở lại dạng người. Nhưng nơi mà họ tìm đến, London năm 1940, đã là một thành phố tan hoang dưới bom đạn, và những nguy hiểm chết người ẩn giấu mọi nơi, chưa kể thứ rùng rợn nhất: những xác sống, hồn rỗng. Với từng ấy thử thách, liệu đám trẻ có cứu được cô Peregrine?

Là tập thứ 2 trong xê ri Trại trẻ đặc biệt của cô Peregrine, Thành phố hồn rỗng tiếp nối một câu chuyện khiến độc giả mê hoặc. Như một nhà ảo thuật dày dạn, Ransom Riggs kết hợp văn phong hồi hộp với những bức ảnh minh họa kỳ lạ để củng cố bầu không khí ám ảnh của câu chuyện. Đáng sợ đến mức kinh ngạc nhưng cũng vô cùng cảm động, điểm đáng chỉ trích duy nhất của sách chính là nó buộc những độc giả cứ phải nôn nao khi kết thúc trang cuối – họ không muốn kìm lòng chờ đợi cuốn tiếp theo.

“Một thành quả tuyệt vời. Thành phố hồn rỗng còn giàu tưởng tượng hơn cả tập đầu.”

Boston Globe

“Căng thẳng, kịch tính và kỳ lạ... những con chữ và hình ảnh cùng tỏa sáng rực rỡ để tạo nên một câu chuyện khó quên.”

John Green, Nhà văn Mỹ.

HẾT TẬP